

Vũ Tài Lục

Vnthuquan.net, 2009.

Những quy luật chính trị trong sử Việt



TỰA

Không đọc sử không đủ tư cách nói chuyện chính trị

Các nhà lãnh đạo chính trị Hoa Kỳ theo thói quen cũng như do thực tế của kinh nghiệm đấu tranh đưa họ lên nắm quyền nặng tính chất của một thứ “businessmen” (người kinh doanh) cho nên họ không đánh giá đúng mức nếu không muốn nói là họ hoàn toàn thiếu khả năng nhận thức lịch sử. Họ coi quốc gia nào cũng là một hiện tượng chung, để đưa ra một giải pháp giống hệt nhau khi các quốc gia ấy gặp khó khăn. Các chính trị gia Hoa Kỳ chỉ chăm sóc đến vấn đề nào khi họ mang trách nhiệm với vấn đề ấy, họ khoanh chân họ trong phạm vi một cục bộ mà chẳng thèm biết đến toàn bộ, đồng thời họ lại hay nhìn vấn đề một cách hết sức đơn giản, ưa chú trọng bề ngoài qua vài lời nói, ít diễn từ chứ không tìm hiểu những điều kiện lịch sử. Tỉ dụ: thái độ của Hoa Kỳ đối với De Gaulle là trường hợp khá rõ ràng, nếu De Gaulle đã chống Mỹ thì Mỹ chẳng có chuyện gì nói hay bàn với De Gaulle. Tóm lại, Hoa Kỳ về việc dùng khoa học và kỹ

thuật có thể tạo ra những thành quả rất tốt nhưng khi phải đương đầu với vấn đề thuộc diễn tiến lịch sử thì lại rất bết bát. Bởi vậy, trong những năm sắp tới, vấn đề quan trọng nhất cho chính sách của Hoa Kỳ là tính chất triết của nó (Le problème le plus grave de la politique américaine sera philosophique).

Trên đây là lời nói của Henry Kissinger trong một bài viết phê bình chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Nó đã được phát biểu sau khi thấy có những dấu hiệu đầu tiên về sự vô hiệu quả của hành động can thiệp trực tiếp bằng quân sự ở ạt. Và nó được tán thưởng bởi đa số lực lượng chính trị nắm quyền ở Mỹ sau khi chính sách đã rõ rệt thất bại gây thành rối loạn nội bộ đến nỗi Tổng Thống Johnson, bằng nét mặt buồn thảm, phải tuyên bố không tái ứng cử.

Sự thất bại ấy không giống như thất bại một “áp phe” vì nó kéo theo khủng hoảng trên nhiều phương diện kinh tế, chính trị, xã hội, tinh thần và luôn cả lòng tin cậy cho quốc gia Hoa Kỳ.

Hầu hết phần tử trí thức Hoa Kỳ đều mong mỗi hoặc phần đấu để có thể có được cơ hội nghiên cứu, tìm hiểu biến cố quan trọng này. Tất cả đều đồng ý rằng các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đã thiếu hẳn một ý thức lịch sử đứng đắn. Bắt đầu kể từ lúc Tổng Thống Roosevelt chỉ có hiểu biết rất mơ hồ nghĩ Việt Nam là một quận huyện của Trung Quốc, vậy hãy trả nó về với sự cai quản của chính phủ Tưởng Giới Thạch. Do sai lầm căn bản đó mà đi thành một chuỗi cho tới ngày toàn bộ vấn đề buộc phải đặt lại. Đặt lại vấn đề cũng như Pháp quốc năm 1952, sau 6 năm chiến tranh Việt Pháp, đã tìm hiểu duyên do

thất bại trong cuốn sách: “Việt Nam Sociologie d’une guerre” của Paul Mus với câu kết luận trên chương chót “Que faire: La nation vietnamienne est pleinement formée et consciente d’elle même” (Nước Việt Nam đã là một quốc gia hoàn chỉnh và hoàn toàn ý thức được lịch sử của mình)... “Une conviction traditionnelle, inséparable de son patriotisme l’assure bien qu’il est le dernier, juge de son destin” (Người Việt với niềm tin truyền thống gắn chặt vào lòng yêu nước để nghĩ rằng chỉ có người Việt là kẻ quyết định cuối cùng vận mệnh nước Việt).

Niềm tin truyền thống ấy là niềm tin lịch sử, lòng yêu nước ấy là tinh thần sử được nung đúc qua bao ngàn năm đấu tranh.

Khởi tình yêu thiên cổ dòng kim cương
Ngày khai sinh nhưng chọn chốn quê hương
Hòn núi Trắng sông Xanh của nòi Việt
Cỏ hoa còn gìn giữ mặc tang thương
Tất cả bởi cháu con bền bỉ mãi
Nền kế khai đạo thống dải Viêm Phương[1]

Ông A. Pazzi, một người Ý từng ở Việt Nam hơn hai mươi năm, đã viết trong tác phẩm: “Người Việt cao quý” rằng: “Dân Việt là một dân tộc tự cường bất khuất đến một mức độ khá cao và tinh thần ấy giúp họ trở thành một kẻ bé nhỏ nhất mà lại mạnh nhất, bị chèn ép nhiều nhất nhưng lại quật khởi oai hùng bậc nhất. Người ta sẽ không bao giờ hiểu hết được sức mạnh ấy và sự cao lớn của tinh thần ấy nếu

không đi vào bề sâu lịch sử của nòi giống Việt, nếu chỉ quan sát hời hợt sinh hoạt bình thường. Với một nhận định theo lối hình thức Tây phương người ta không sao hiểu được giá trị đích thực của nó... Kẻ thù của dân tộc Việt chỉ bắt đầu thấy được sức mạnh ấy khi bọn họ đã thất bại và thật là quá muộn màng”.[2]

Chú thích:

[1] Trích thơ Thái Địch

[2] Theo bản dịch của Hồng Cúc

Những quy luật chính trị trong sử Việt

SỬ HỌC VÀ TINH THẦN SỬ VIỆT

*Hồn lịch sử sống trong dây nguyện ước
Vẫn chu lưu tồn tại há phong sương
Bừng tỉnh ngộ bằng đồ thư đất nước
Kín yên nguyên sâu thẳm đáy cửa trường*
Thái Địch

Phải biết dân tộc bằng đời sống lịch sử.

Sống về mồ về mã

Không ai sống về cả bát cơm

Chúng ta thường hiểu sai lầm phương ngôn trên nảy sinh từ khoa phong thủy để đất để cát. Nếu đem ghép liền với câu:

*Mồ cha không khóc khóc đồng mối
Mồ mẹ không khóc khóc bối bùng bong*

thì sẽ thấy rằng đó là căn bản ý thức lịch sử của người Việt. Trong cuộc đấu tranh để sống, không chỉ dành bát cơm manh áo cho sinh mệnh cá nhân mà còn điều quan trọng hơn là bảo vệ mồ mả. Mồ mả không có nghĩa là ba thước đất vùi chôn một xác người đã tận số trần gian. Mồ mả đây là anh linh tiên tổ hay anh linh lịch sử. Cho nên suốt dòng lịch sử Việt, cái thất bại chính trị lớn nhất bao giờ cũng là chuyện:

Rước voi về dày mồ

từng xảy ra cuối đời nhà Hồ, đời Lê mạt và đầu triều Nguyễn Gia Long.

Lịch sử là gì?

Tri thức của loài người tuy nói rằng còn ngàn vạn cửa môn môn không bến bờ nhưng nếu thu lại cũng chỉ còn hai loại:

- một thuộc tự nhiên, và
- một thuộc nhân văn

Mọi hiện tượng trên thế giới không đi ra ngoài hai loại đó. Tự nhiên là tất cả những gì thuộc nhân dĩ ngoại, nhân văn là tất cả những gì thuộc bản thân xã hội loài người. Đành rằng một người sinh vào cõi đời hoàn toàn là một chuyện thuộc tự nhiên, nhưng vì ta đứng trên lập trường người và xem trọng địa vị nhân sinh cho nên ta mới phân thế giới thành hai đại loại tự nhiên và nhân văn. Điều này chẳng có chi nghịch lý, vì có thể nói một cách rất thường thức rằng:

Tự nhiên từ buổi khai thủy chỉ thuần là vật chất, rồi do sự đào đã tự nhiên mà thành ra có sinh mệnh rồi lại do sự đào đã của sinh mệnh mà sản sinh tâm linh, từ tâm linh sản sinh thành lịch sử.

Lịch sử tức là nhân sinh, toàn bộ nhân sinh và toàn bộ kinh nghiệm nhân sinh. Bản thân lịch sử là tất cả những kinh nghiệm dĩ vãng.

Dùng văn tự ghi chép hoặc gìn giữ những kinh nghiệm dĩ vãng để cho người đời sau liễu giải tìm về nhận thức những việc đời trước gọi là sử học. Phải suy xét gốc ngọn, tìm tòi căn nguyên những việc đã qua để hiểu rõ những vận hội tri loạn của một nước, những trình độ tiến hóa của một dân tộc. Chủ đích là để làm cái gương chung kim cổ cho người cả nước được đời đời coi vào đấy mà biết sự sinh hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực như thế nào mới chiếm giữ được cái địa vị ở dưới bóng mặt trời này. (Trần Trọng Kim- Việt Nam sử

lược).

Nghiên cứu và liễu giải sử học như vậy không phải chỉ để bảo lưu kinh nghiệm nhân sinh mà còn để phát huy giá trị cùng ý nghĩa trọng đại của lịch sử truyền tới hậu thế, căn cứ vào đó mà chỉ đạo tương lai bởi vì lịch sử không phải là một thứ dĩ vãng chết mà là dĩ vãng đã đúc kết thành tinh thần kiên cố và những sức mạnh tối linh (Force obscures) vượt khỏi tầm với của lập luận “logique” tầm thường. Nếu không vượt khỏi tầm của lập luận “logique” tầm thường hỏi làm sao vua Quang Trung sau khi nghe bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm dâng lời chịu tội kể chuyện quân Tàu thế mạnh sợ đánh không nổi nên phải lui thì cười mà nói rằng:

“Chúng sang phen này là mua cái chết cả đó thôi. Ta chuyến này thân coi việc quân đánh giữ đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua mười ngày là xong việc”.

Vấn đề quan trọng chỉ ở chỗ có vận dụng hay không vận dụng được sức mạnh lịch sử. Vậy thôi. Cái “logique” tầm thường ấy đã từng được nhân dân Việt trả lời bằng thần thoại: Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương. Sách “Lĩnh Nam Chích Quái” kể:

“Về đời Hùng Vương thứ sáu thiên hạ thái bình, dân gian sống yên vui, vua không đem lễ vật triều cống nhà Ân bên Tàu. Bạo chúa nhà Ân thấy vậy, mượn cớ đi tuần thú nhưng ngầm mang quân sang cướp nước Nam.

Vua Hùng Vương lo sợ, vời quần thần vào hỏi kế đối phó, có người tâu: “Bệ hạ nên kêu khẩn với Long quân để ngài giúp mới xong”.

Vua nghe lời lập đàn cúng tế ba ngày đêm. Bỗng trời nổi cơn giông, sấm sét ầm ầm mưa như trút nước. Có một ông cụ già mặt mũi to lớn, đầu râu bạc trắng cao đến 9 thước ngồi ở ngã ba đường vừa cười vừa nói, ngâm hát múa may.

Ai trông thấy cũng cho làm lạ mới báo cho vua hay. Vua thân hành ra mời ông cụ ấy và dâng cơm rượu thết đãi. Ăn xong, ông cụ ấy chẳng nói câu gì. Vua mới hỏi:

- Sắp có giặc Bắc xâm phạm nước Nam, được thua thế nào xin cụ dạy bảo cho.

Ông cụ lâu mãi mới nói rằng:

- Sau ba năm nữa, giặc Bắc tất kéo đến đây. Nhà vua nên tìm khắp cả thiên hạ mà cầu lấy người kỳ tài phá được giặc. Nếu được người giỏi mà phá giặc thì không khó gì nữa.

Nói đoạn ông cụ bay vụt lên trời biến mất.

Vua hiểu ông cụ đó tức là Long quân giáng hiện.

Vừa đúng ba năm, quan quân trấn giữ biên ải cáo cấp về triều có

giặc Ân kéo tới. Vua liền cho người đi khắp nước tìm người dẹp giặc. Bây giờ ở làng Phù Đổng huyện Võ Ninh có một nhà hiếm hoi sinh độc một đứa con trai mà khôn nổi nó đã bốn tuổi mà chưa biết nói, không ngồi đứng được chỉ nằm ngửa. Khi sứ giả nhà vua đến làng ấy, người mẹ cười nói bỡm con rằng:

- Để được một mụn con trai chỉ biết ăn uống, ngồi đứng còn không được thì đánh thế nào được giặc mà lĩnh thưởng vua ban.

Thằng bé nghe vậy, bỗng nhiên bật nói thành tiếng bảo mẹ gọi sứ giả lại đây.

Mẹ nó lấy làm lạ, nói chuyện với chòm xóm. Ai ai cũng khuyên bà ta hãy làm theo lời thằng bé.

Sứ giả đến trông thấy nó bé bỏng hỏi:

- Tiểu nhi kia, mày còn nhỏ mới bập bẹ, gọi ta đến làm gì?

Thằng bé ngồi dậy bảo với sứ giả rằng:

- Mau về tâu với vua đúc cho ta một con ngựa sắt cao 18 trượng, một thanh kiếm dài bảy thước, một chiếc nón sắt đem lại đây cho ta. Giặc đến trông thấy ta tự nhiên phải sợ mà chạy, nhà vua chẳng cần phải nhọc công lo lắng.

Sứ giả mừng rỡ về tâu với vua. Vua vui sướng bảo đám quần thần:

- Đây là Long quân cứu ta đây.

Rồi hối hả sai thợ rèn đúc ngựa sắt, kiếm sắt sai người đem lại đưa cho thằng bé làng Phù Đổng.

Sứ giả sắp tới nơi, người mẹ ở nhà lo lắng, chỉ sợ con nói xằng bậy thì vạ lây đến cả nhà.

Thằng bé cười àm lên nói rằng:

- Mẹ cứ kiếm rượu thịt cho nhiều để con ăn uống còn việc đánh giặc mẹ khỏi phải lo.

Thằng bé từ đấy ăn mỗi ngày một lớn, cơm mẹ kiếm không đủ cho con, nên xóm giềng phải xúm vào kẻ đỡ tiền người cho thóc, người dâng rượu thịt, thế mà thằng bé ăn vẫn không đủ.

Khi giặc Ân kéo đến núi Châu Sơn thì sứ giả đem ngựa kiếm đến nhà giao cho thằng bé. Gặp sứ giả, nhận đủ đồ binh giáp, nó bỗng đứng lên vươn vai mạnh một cái, mình liền cao vọt hơn mười trượng, ngẩng mặt lên trời gầm vài mươi tiếng, rồi rút thanh trường kiếm khỏi vỏ, nhảy lên mình ngựa sắt, chân đạp vào mình ngựa, ngựa hét ra lửa mà phóng chạy như bay.

Phù Đổng trở gươm đi trước quan quân kéo theo sau, tiến sát đến trại giặc. Giặc bày trận dưới chân núi Châu Sơn, ngài xông vào trận đánh giết một hồi lâu, gãy mất cả kiếm, mới lấy tre mọc bên đường nhỏ cả tảng mà quật vào đám giặc. Quân giặc tan nát tựa hồ đất lở

ngói tan, tranh nhau lay phục xuống đất xin hàng”.

Thằng bé làng Phù Đổng chính là lực lượng tối linh nung luyện bởi kinh nghiệm dĩ vãng của lịch sử. Long quân là tri thức để vận dụng sức mạnh tối linh kia.

Bằng ấy thứ đánh bạt hẳn cái “logique” tầm thường cho rằng một nước nhỏ đánh với một nước quá lớn thì khác chi chuyện châu chấu đá voi. Nhờ đó, lịch sử Việt đã lập nên những đại công mà văn chương bình dân ca tụng với vẻ ngạo nghễ đầy tự tin:

Nực cười châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai ngờ xe nghiêng

Chim chích cắn cổ điều hâu

Gà con tha quạ biết đâu mà tìm

Có người hỏi quá khứ nhân sinh trên lịch sử làm sao diễn lại một lần nữa được? Quang Trung, Lê Lợi, Gia Long đã đi hẳn vào quá khứ không thể có Quang Trung, Lê Lợi, Gia Long nữa. Việc cũ xong, chúng ta nên hướng về phía trước mà tìm kiếm những điều mới. Lịch sử đã thành quá khứ làm sao chúng ta có thể dựa trên quá khứ để chỉ đạo tương lai?

Câu hỏi nêu lên một vấn đề trọng đại.

Thời gian trên lịch sử khác hẳn với thời gian thường nói hôm nay ngày mai. Thời gian của lịch sử qua đi, ta có thể bảo rằng nó chưa thật sự quá khứ, và vị lai lịch sử, ta có thể bảo rằng vị lai ấy đã từng đến rồi vậy. Thời gian của lịch sử mang tính chất miên diên (dắt dây kéo dài) trong chớp mắt của biến hóa lịch sử đã cô đọng thành một đặc thù tính (sự ngưng đọng này xây dựng nên tinh thần sử và dân tộc tính). Nói cho dễ hiểu hơn, tỉ dụ: giáo sư giảng bài, những lời giảng của giờ trước ảnh hưởng đến lời giảng của giờ sau. Nếu coi giờ giảng trước là hoàn toàn quá khứ thì ta sẽ chẳng hiểu những lời giảng sau.

Thành Lục Niên gai liếc kiếm rùa thần

Bóng ngàn u thiên nhận dần kinh luân

Vua Lê Lợi một bữa ngự thuyền rồng chơi trong hồ Tả Vọng, bỗng thấy một con rùa to lớn bơi trên mặt nước, ngài cầm thanh kiếm thần bắt được khi trước mà chỉ xuống, không ngờ bị con rùa ấy đớp lấy rồi lặn mất, vua Lê mới đổi hồ Tả Vọng bằng tên hồ Hoàn Kiếm nghĩa là trả kiếm trời.

Tích bắt được thanh gươm báu đến việc rùa thần đòi gươm báu lặn xuống hồ chính là một hình ảnh triết lý sử diễn tả sự liên hệ miên diên giữa quá khứ với vị lai trên thời gian của sử. Quá khứ vị lai là thanh thần kiếm, rùa thần là vận động lịch sử. Lê Lợi là anh hùng lịch

sử. Do rùa thần mà quá khứ với vị lai cùng anh hùng sử xanh quấn quít nhau thành:

Một vòng không đáy đáy sinh người

Ngoảnh lại trông đi mấy vết khơi

Thường vậy vô danh vắng vắng

Mà nay hữu thực bời bời

Lịch sử giảng dạy cho chúng ta kinh nghiệm và sự nghiệp nhân sinh.

Sự nghiệp bao giờ cũng bền bỉ lâu dài cho nên phạm đã thuộc sự kiện lịch sử thì tất phải là sự kiện có tính chất trì cửu nối liền quá khứ với hiện tại và vươn qua tương lai.

Nghiên cứu lịch sử tuyệt đối không chỉ nghiên cứu quá khứ của sự kiện mà thực là căn cứ vào quá khứ để hiểu hiện tại và tương lai đi theo một tinh thần lịch sử nhất quán.

Người nào đó đặt chân tại Cao Ly, quốc gia bị Nhật Bản đô hộ non trăm năm, những điều người ấy nhìn thấy không phải chỉ là Hàn Quốc ngày nay, còn cần nhìn thấy vết tích 100 năm đô hộ Nhật Bản nữa. Nếu không biết lịch sử 100 năm đô hộ kia tất sẽ không thể hiểu tường tận Hàn Quốc ngày nay. Mới non 100 năm đã ảnh hưởng đến thế hướng chi cả chuỗi dài lịch sử mấy ngàn năm.

Nói gì xa xôi, một người nào đó ở bệnh viện chùng ba năm không liên lạc tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Lúc ra, cầm tờ báo đọc mười việc thì có đến chín việc không hiểu. Chẳng phải vì đã quên mất văn tự, chính bởi tại đã cắt đứt với dòng lịch sử cho nên khi không rõ quá vắng ra sao đương nhiên cũng khó biết được hiện tại. Chứng tỏ rằng cái hiện tại bây giờ là một mặt của lịch sử, theo diễn biến của toàn bộ lịch sử triển khai tích lũy mà thành.

Lịch sử là sinh mệnh, sinh mệnh không thể nửa đường gián đoạn, nói sinh mệnh hôm nay chẳng dính dấp chi đến sinh mệnh hôm qua thì thật khó nghe. Sinh mệnh hôm nay chẳng qua chỉ là tầng bình diện của một đoạn thời gian được khai triển tích lũy từ một sinh mệnh quá vắng. Tỉ dụ đơn giản: giả thử không có biến động lịch sử 1954 chia đôi đất nước, chắc hẳn miền Nam không có bộ mặt như bây giờ, chắc hẳn còn cả triệu người chưa biết miền Nam là gì? Sinh mệnh dĩ vắng như vậy đã không hề qua đi, vì qua đi kể như là chết, nhưng sinh mệnh lại không thể chết, quá khứ, hiện tại tương lai sống mãi trong nó.

Tìm hiểu lịch sử xin hãy tìm hiểu qua ý nghĩa trên.

Sách “Trung Dung” của Khổng Khâu có câu:

“Sở quá giả hóa, sở tồn giả thần”

Tất cả qua đi đều được biến hoá để bảo lưu lại một cái “Thần”.

Quá khứ lịch sử đều đã hóa, hóa đi để tạo thành hiện tại, đem cái thần đó cho hiện tại rồi lịch sử hôm nay đều cũng sẽ phải hóa đi để tạo thành tương lai, đem cái thần đó cho tương lai.

Đáy dòng nước băng băng chảy mãi

Chớp bề mưa nguồn nào có ngại

Cái thần ấy là tinh thần lịch sử chảy như dòng nước còn mãi mãi như chớp bề mưa nguồn. Có tinh thần này thì mới hình thành lịch sử.

Nếu quá khứ buột đi không tồn lưu thần cho hiện tại tức là quá khứ vô sinh mệnh, không mang ý nghĩa lịch sử và giá trị lịch sử. Tôn Thất Thuyết bỏ vua lập vua, tranh quyền tranh lợi, những hành động ấy làm gì có ý nghĩa và giá trị lịch sử. Nhưng Tôn Thất Thuyết nửa đêm nổ súng đánh Tây thất bại chạy sang Tàu hóa điên, hằng đêm uống rượu mài gươm chém đá lại là hành động có ý nghĩa và giá trị lịch sử vì cái “thần” muốn tuyệt quốc sĩ.

Thẹn đất nước dưới chân giày uế sù

Người Lâm Thao Bến Ngự luống tâm cơ

Mà bướm hôn, xuân nửa não lòng thơ

Đề đàn nhận Cô Tô đài thoi thóp

Giả thử chỉ có ngày hôm nay mà không có ngày mai thì cũng chẳng có luôn giá trị luôn cả ý nghĩa lịch sử. Hôm nay phải có ngày mai thì hôm nay mới là hôm nay của lịch sử. Ý nghĩa nhân sinh ở đấy, giá trị nhân sinh cũng ở đấy.

Lịch sử là cái gì từ quá khứ thẩm thấu vào hiện tại rồi trực đạt đến tương lai. Như A. Pazzi viết : “Trên khuôn mặt người Việt Nam có cả vết hằn lịch sử của họ. Các vết hằn ấy ở khóe môi, ở vùng trán, ở trong ánh mắt nụ cười, ở trên màu da và trong tiếng nói”. Thời gian lịch sử khác hẳn với một giây một khắc qua đi là qua dứt của thời gian vật lý.

Phản sinh mệnh nói đây không phải là sinh mệnh tự nhiên mà là sinh mệnh lịch sử, không phải là sinh mệnh vật chất mà là sinh mệnh tinh thần. A. Pazzi viết: “Khuôn mặt người Việt Nam là do quá trình gian khổ của dân tộc họ làm thành và sức quật cường lớn lao của dân tộc họ tạo nên. Cặp mắt họ biết quắc mắt nhìn giận dữ mà không tàn bạo, đôi môi họ biết mím chặt cắn hờn mà không ác tâm”.

Một người cho dù có thọ lắm chẳng qua sống được 90 hay 100 tuổi. Đó chỉ là một sinh mệnh tự nhiên.

Nhưng một quốc gia, một dân tộc có thể có đời sống sử xanh cả nhiều ngàn năm. Đó mới là sinh mệnh văn hóa, sinh mệnh tinh thần hay sinh mệnh lịch sử.

Văn hóa tinh thần, lịch sử, dân tộc, ba danh từ cùng chung một thực

chất. Dân tộc không tồn tại tự nhiên vì tự nhiên chỉ có thể sinh dục loài người không thể sinh dục dân tộc. Người Việt Nam phải có một tâm linh Việt, một tinh thần Việt mới thành người Việt Nam được. Tâm linh và tinh thần ở đâu ra? Do văn hóa lịch sử dân tộc nung đúc thành, không thể tự nhiên mà có. Khả dĩ đưa ra một định nghĩa như sau: “Người tự nhiên dung hợp với văn hóa lịch sử mới xây dựng thành dân tộc. Vậy văn hóa, lịch sử, dân tộc tuy ba danh từ nhưng cùng chung một thực chất”.

*

“Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, sông phải cạn.
Đánh một trận sạch không kinh ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông

Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sục toang đê cũ.

Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi

Hoàng Phục tự trói để ra hàng.

Lạng Giang, Lạng Sơn thầy chát đầy đường

Xương Giang Bình Than máu trôi đỏ nước”.

Mấy câu trong bài “Ngô Ngô đại cáo” nhưng cũng là tinh thần Sử Việt ngàn đời. Lịch sử các dân tộc trên thế giới. từ hồng hoang đến nay, có 4 loại tinh thần nguyên hình (prototype)::

a) Tinh thần hòa đồng (harmonieux

b) Tinh thần tu ấn (ascétique)

c) Tinh thần anh hùng (héroïque)

d) Tinh thần cứu thế (messiaïque)

Tinh thần hòa đồng tìm thấy trong đạo Khổng, trong các nhân vật sử của Homère hay trong tâm hồn người theo thiên chúa giáo ở thời kỳ “gothique” quan niệm vũ trụ là một khối thái hòa, con người hãy tan biến vào khối thái hòa đó mà sống đừng cố gắng bắt vũ trụ chung quanh phải theo ý mình, cứu cánh là đi đến một thế giới thái hòa (harmonie du monde).

Tinh thần tu ấn tìm thấy trong Ấn Độ giáo, trong triết lý Hy Lạp phái tân Plato (néo-platonicien), trong đạo Tiên của Lão Trang, quan niệm cuộc đời là sự làm lạc, hãy tránh sự làm lạc đó mà đưa ta tới cõi thanh thản huyền vi, hãy xuất thế diệt dục với không một tham vọng chấn chỉnh sửa đổi, cứu cánh là chối bỏ thế gian (renoncement au monde).

Tinh thần cứu thế tìm thấy trong giáo lý của Thiên Chúa giáo ở thời kỳ phát đoạn, trong tư tưởng dân Slave (Nga quốc) và tinh hoa Hồi Giáo với cứu cánh muốn đem cho trái đất một trật tự siêu việt (ordre supérieur) hoặc phi phạm (divine).

Tinh thần anh hùng tìm thấy trong hình ảnh vị thần Prométhée của thần thoại Hy Lạp, kẻ ăn cắp lửa trời cho xuống nhân gian, trong thời La Mã đế quốc, trong đa số triết gia Đức hiện thời và cũng trong hai câu thơ của Lý Thường Kiệt:

Cớ sao giặc dám hoành hành
Rồi đây bay sẽ tan tành cho coi
(Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư)

quan niệm cõi đời là một cuộc trường kỳ đấu tranh, hãy đem sức ra để tồn tại.

Tinh thần sử Việt là tinh thần anh hùng đấu tranh bám chặt lấy đất nhưng không ngược nhìn lên trời như tinh thần cứu thế. Người Việt có thể tôn kính Khổng học nhưng nhất quyết không chấp nhận tinh thần hòa đồng với giống Hán, gọi người đàn bà Việt lấy Tàu là thằng Ngô con đĩ, người Việt có thể sùng bái và cúng tế Phật đạo, tôn trọng nhà tu hành nhưng luôn luôn bài bác cái chuyện đi ở chùa. Lý Công Uẩn ở chùa Ứng Tâm, hàng ngày đem oản lên cúng Phật, Uẩn thường khoét ruột ăn trước. Long thần thấy vậy báo mộng cho nhà sư trụ trì, nhà sư mắng Uẩn. Khi biết việc Long thần mách lẻo, Uẩn liền tới đánh vào cổ Long thần ba cẳng, viết trên lưng Long thần mấy chữ “Lưu đầy đi ba ngàn dặm”. Long thần phải khóc xin nhà sư vận động với Uẩn mới yên.

Tích Lý Công Uẩn cho thấy cái giá trị con người lãnh đạo thế tục cao gấp bội thần thánh và tu hành. Đến ngay như vị đại cao tăng đời Lý là Từ Đạo Hạnh tu thành chính quả mà vẫn trở lại kiếp đời là vua Thần Tôn.

A. Pazzi viết: “Nếu người ta quay trở lại khởi điểm để thấy người Việt từ lúc vùng dậy ban đầu với những vũ khí thô sơ, những gậy tầm vông và giáo mác thì người ta sẽ hiểu rõ hơn nữa sức tiềm tàng nơi họ phi thường như thế nào. Những kẻ thù vốn tự hào là hùng mạnh nhất của dân tộc Việt không thể nhìn thấy điều ấy. Làm sao mà nhìn thấy được khi cái ý chí bất khuất của dân tộc Việt bắt nguồn từ trong lịch sử ngàn xưa, thấm sâu ở trong xương tủy, chan hòa trong máu huyết, bàng bạc trong niềm kiêu hãnh vô biên của một giống nòi không chịu sống trong tủ nhục, luôn luôn có sự gắn bó mãnh liệt vào mảnh đất quê hương, vào di sản của dân tộc, di sản đau thương mà rất kiêu hùng”.

Kiêu hùng như tiếng thơ sang sảng của Trần Quang Khải ngất ngưỡng ngâm giữa bữa tiệc khao quân sau khi đã phá tan quân Mông Cổ:

Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm hồ Hàm Tử quan

Thái Bình nghi nỗ lực

Vạn cổ thử giang san

Văn hóa, lịch sử và dân tộc để được tồn tại đời đời phải đấu tranh trên hai mặt: vừa trì tục vừa biến hóa.

Nhất tại cầu kỳ biến

Nhất tại cầu kỳ cứu

Vừa nghe như có vẻ mâu thuẫn, đã biến hóa thì làm gì còn trì tục (tiếp nối gìn giữ) và ngược lại. Tự nhiên giới hơi đã biến thành nước tất thể hơi hoàn toàn tiêu diệt. Văn hóa sinh mệnh khác hẳn, trong trì tục có biến hóa, trong biến hóa có trì tục. Giảng lịch sử hay làm lịch sử phải nắm vững được quy luật “cầu biến cầu cứu” mới khỏi làm mất ý nghĩa lịch sử và tiêu diệt mệnh sử.

Năm 1921, phong trào vận động văn học, nhà sử học gọi bằng phong trào “Ngũ Tứ” (vì nó phát khởi nhằm ngày 4 tháng 5) do nhu cầu biến quá mạnh nên phong trào mới thành quá khích với những lời thống mạ lịch sử:

- Trung Quốc nhân hai ngàn năm nay toàn nô lệ tính.

- Đả đảo bọn Khổng học (Khổng gia điểm)

- Tội ác ở tên Khổng Tử

- Toàn ban Tây hóa (hãy Tây hóa suốt lượt)

(Sau này khi tình trạng bùng bột của huyết tính ngàn xuống, mọi người mới nhận thấy cái nộ khí ấy thật là điên, dấu hiệu của tuyệt vọng).

Việt Nam tuy cũng ở vào hoàn cảnh tương tự, hơn nữa Khổng học còn là thứ học vay mượn mà không có phong trào chối bỏ lịch sử điên đến như vậy. Người Việt không hề bị văn minh Tây phương nắm cổ mình dù rằng nó đã làm cho người Việt thất trận. Trước sau thằng Tây vẫn là giặc cướp nước sao lại Tây hóa làm gì? Học Tây có thể được nhưng Tây hóa tuyệt đối không. Cho nên tất cả phong trào do âm mưu của giặc muốn hóa nhất loạt đều bị xa lánh chửi rủa, ngoại trừ một số vong quốc nô hí hững hờ tham dự, rốt cuộc rồi cũng đi tới chỗ vui đầy bao nhiêu nhục bấy nhiêu.

Ngày Tây tưởng niệm hải quân đại tá Henri Rivière, bắt người Việt dự lễ, ngày ấy bài văn tế Rivière được sáng tác bí mật truyền tay nhau đọc:

“Hỡi ôi! Ông ở bên Tây. Ông qua bảo hộ. Cái tóc ông quăn. Cái mũi ông lõ. Đít ông cưỡi lừa. Miệng ông huýt chó. Lưng ông mang súng lục liên. Chân ông đi giày có mỏ. Ông đẹp cờ Đen. Để yêu con đỏ. Ai

ngờ. Nó bắt được ông. Nó chặt mắt sỏ. Cái đầu ông đâu? Cái đít ông đó. Khốn khổ thân ông. Đéo mẹ cha nó. Nay tôi có. Cau một buồng. Xôi một chỗ. Rượu một ve. Trúng một ổ. Vâng lời quan trên. Cúng ông một cỗ. Mời ông xơi cho. Ông ăn cho no. Ông nằm cho yên. Ô hô thượng hưởng”.

Tây là Tây, Việt là Việt. Tây tóc quăn, mũi lõ, miệng huyết chó, đi giày có mỏ. Việt vẫn giữ nếp cau một buồng, xôi một chỗ. Rivière chắc không dễ dàng gì ăn được những thứ đó. Phải ngăn cách để khỏi bị đồng hóa để hoàn thành mặt đấu tranh gìn giữ lâu bền (câu kỳ cựu). Tuy nhiên, không vì thế mà người Việt lãng quên mặt đấu tranh cầu biến. Đời sống Việt từ ngày mở nước là một thời gian dài tìm mọi cách hấp thụ cái hay, cái đẹp của người, tài trí hấp thụ tài tình đến độ thường hóa luôn của người làm của mình chứ không để mình hóa ra người. Chữ Hán là một điển hình thứ nhất, học Hán tự nhưng ta có lối đọc riêng và thường gọi là chữ Nho chứ không kêu bằng chữ Hán, rồi lại ghép chữ Hán để biến thành chữ Nôm. Thật là lý thú biết chừng nào khi một người Việt đọc bản “Chinh phụ ngâm” thấy bên trái là những dòng chữ Hán người Việt sáng tác:

Thiếp tâm tùy quân tự mình nguyệt

Quân tâm vạn lý thiên san tiến

Trích ly bôi hề vũ long tuyền

Hoành chinh sáo hề chỉ hổ huyết

lại thấy bên phải là những dòng chữ Nôm, viết giống như chữ Hán nhưng người Hán không đọc được, do người đàn bà Việt dịch:

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi

Chàng sàu sa tìm cõi thiên san

Múa gươm rượu tiễn chưa tàn

Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo

Điển hình thứ hai là tiếng nói Việt Nam đã được La Mã hóa và phát triển thật mau, vất bỏ chữ Nôm không thương tiếc vì tính cách thiếu thuận lợi, không hợp với thời đại.

Đọc “Tế Cấp bát điều” của Nguyễn Trường Tộ qua những đoạn:

“Nước ta thời ngoại thuộc và triều Tiền Lê về trước cũng ví như tuổi thành đồng; từ nhà Trần trở về trước, cũng như tuổi thiếu niên. Kịp đến ngày nay mới thật là lúc tuổi giàu sức mạnh, tức cái thời kỳ đại hành vi, đại hoạt động.

“ ... Đến ngày nay mà còn có nhiều người không lãnh hội được cái thế sự biến thiên qua đời xưa và đời nay, mà lại cực lực ngợi khen đời thượng cổ cho rằng đời sau không theo kịp họ, làm gì cũng muốn trở về xưa. Bọn Tống Nho làm cho nước nhà lầm đường và trở thành

ủy mị không thể chán hưng được, cũng vì thế... ”

Các nước Đông phương tuy là thủy tổ của bách nghệ nhưng họ có tính đăm mê an lạc, không thích canh cải. Vả ngày xưa họ cũng đã từng uy hành thiên hạ nên họ giàu lòng tự túc, nghĩ rằng thiên hạ không ai hơn mình. Một khi có ngoại địch thốt đến thì họ cho là nhân vật kỳ dị, trí xảo kỳ dị mà không biết rằng cơ xảo ngày nay của nó đều là những thừa thải của Đông phương chúng ta ngày trước. Chúa Tạo Vật đã đem cái đó cho chúng ta trước mà chúng ta chưa dùng được một cách tận thiện, thì lại do chúng ta, sự chúng ta gây vạ cho họ mà đem trao cái đó cho họ. Họ nhận được cái thừa của ta thì cho là rất quý, ngày ngày trau dồi cho thật tinh xảo rồi trở lại đem bán cho chúng ta để kiếm lợi to. Nhưng đại phạm một vật đã phát triển đến chỗ cùng tốt, thì phải trở. Cổ lai không có cái luật gì là bất khả phá. Không ngoài trăm năm nữa thì các nước Đông phương cũng sẽ dùng cái đó mà thắng họ... Người Tây phương là kẻ buôn trí xảo, nếu ta biết mua nó một cách khéo léo thì không lâu của họ sẽ chuyển thành của ta... Lấy trí lực của ta vốn có lại đem cái trí lực mua được nơi họ mà thêm vào. Trí xảo của họ sẽ cũ dần mà trí xảo của ta thì đổi mới. Đem hai trí địch một trí, lẽ nào không thắng?

Mới chỉ tiếp xúc với Tây phương một thời gian rất ngắn, Nguyễn Trường Tộ đã nhìn thấy nhu yếu cầu biến đổi tồn tại, ông đi trước cả Minh Trị, Duy Tân của Nhật Bản, trước cả đề nghị biến pháp của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu.

Sau Nguyễn Trường Tộ là ông Nguyễn Lộ Trạch viết tập “Thời Vụ Sách” (1877) gửi đến triều đình, xin trích một đoạn:

“Lấy ta so đo với chúng (Tây) thì thấy bên yếu bên mạnh rõ ràng như thế. Vả bàn đến việc đóng tàu thủy thì tốn tiền nhiều quá, bàn đến việc chế súng đạn thì nói việc làm khó quá, nên tìm một phép lạ gì để sáng chế ra thì hơn. Đó cũng giống như chuyện sọ bữa sớm bữa tối phải thổi nấu lôi thôi mà muốn dùng cây cỏ để ăn cho khỏi đói.

Nhưng nếu cây cỏ có thể ăn được no thì ruộng đất không bằng rừng hoang mà cày cấy cũng chẳng cần thiết nữa, tàu và súng nếu có thể dùng ảo thuật để chế tạo ra thì hình người gỗ có thể đâm chém, gươm Mạc Gia (?) cũng thành vô dụng. Vả thì tàu và súng đã không thể dùng phép lạ gì để chế tạo ra được, mà lại không chịu dụng tâm để tìm hiểu nguyên do vì sao mà người ta làm được bền được tốt, nếu sau này có lúc ra đối địch ở chiến trường có lẽ ta sẽ xin chịu nhận mình là thua kém hay sao? Hay là rồi cũng theo lẽ lối cũ của ta mà chịu để cho xe chạy quáng cờ lướt xuống hay sao? Vả chẳng cái mạnh của giặc là vì chúng nó nắm được phương pháp, cái yếu của

ta chứa sẵn từ lâu rồi, nếu biết sửa chữa cái nếp yếu hèn đã lâu, cố gắng lo tìm phương pháp vươn lên thì biết đâu không nhân lúc thua này mà làm nên việc?”.

Qua tác phẩm của Nguyễn Trường Tộ, của Nguyễn Lộ Trạch và của đa số những danh nhân học sĩ Việt Nam khác, người ta thấy chung một điểm tinh thần văn hóa anh hùng đi tìm học và nghĩ với mục tiêu đem về cho mình một quyền lực nhưng không coi tư tưởng và học thuật như một động cơ giải phóng của đời sống (Seul l'homme de culture héroïque envisage le science ou la pensée comme un facteur de puissance et non comme un facteur de libération).

Đây cũng là cái lý khá vững để giải thích tại sao nhà Trần lại cướp ngôi nhà Lý rồi phát động phong trào tư tưởng Nho để đánh dẹp tư tưởng Phật đang hồi cực thịnh. Nhà Lý đổ vỡ nhanh chóng vì tinh thần tu ần (ascétique) muốn tràn lán có thể làm tiêu mòn ý chí đấu tranh của dân tộc, tinh thần tu ần quá phổ biến đã xóa nhòa phong độ phá Tống bình Chiêm ngày trước.

Người Việt bao giờ cũng hãnh diện và hoài bão tinh thần truyền thống đấu tranh anh hùng.

Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Hưu hướng Như Lai hành xé hành
(Tài trai có chí xông trời thăm
Dẫm vết Như Lai ưỡng nhọc mình)
hơn là cái cảnh:

Chống gậy non cao rũ bụi đời
Nằm trong mộng huyện ngắm mây trôi
Quạnh quẽ am mây, ai gõ cửa
Chuông chùa xa vắng dạ khôn nguôi
Để thay thế cho tinh thần tu ần ảnh hưởng quá mạnh của đời Lý,
Nho phái mới cho đặt câu vè:
Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ Cha kính Mẹ mới là chân tu
Và câu ngạn ngữ: “Bụt trong nhà không thờ lại đi thờ Thích Ca ngoài
đường”.

*

Trong quan niệm người Việt Nam thì sức mạnh của đất quan trọng hơn sức mạnh của máu, vấn đề thuần túy giống nòi không bằng vấn đề giang sơn gấm vóc. Đôi bàn chân Giao Chỉ còn hay mất không đáng quan tâm bằng bờ cõi bị xâm phạm. Mã Viện dựng cột đồng ở chỗ phân địa giới khắc sáu chữ: “Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt”, người

Giao Chỉ đi qua chỗ ấy ai cũng bỏ vào chân cột đồng trụ một hòn đá, cho nên về sau chỗ ấy thành ra núi, đến bây giờ không biết cột ở chỗ nào? Cứ làm thế nào xua giặc ra khỏi bờ cõi đã, không bao giờ để cái đồng trụ phân địa giới đổ. Còn như vấn đề giòng giống máu huyết, trước cả Anh quốc từ mấy ngàn năm người Việt đã bằng lòng nhận làm dân Việt tất cả trẻ sinh trên đất Việt dù cha mẹ nó có thể vẫn giữ quốc tịch gốc, luật “jus soli” ưu tiên hơn luật “jus sanguinis”. Có những thời kỳ người Tàu tranh đấu chống lại luật trên nhưng cũng chỉ dành được quyền cho đứa trẻ đầu lòng mang quốc tịch bố, từ đứa thứ hai là của Việt. Vào thời kỳ Nam Tiến, luật này được áp dụng chặt chẽ đối với người Tàu theo nhà Minh chống giống Mãn chạy sang nước ta được triều đình cho tham gia chính sách Nam Tiến. Tuy nhiên, không phải vì luật “jus soli” được coi trọng hơn luật “jus sanguinis” mà ý thức luân lý bảo vệ nòi giống không được đặt nặng.

A. Pazzi có nhận xét sau đây:

“Bài học lịch sử của dân tộc Việt là chuyện cô gái My Châu lấy người ngoài nước tên là Trọng Thủy mà cơ nghiệp nhà vua sụp đổ tan tành, đất nước bị sự lệ thuộc lâu dài. Có lẽ do những phản ứng sâu xa, do những kinh nghiệm lịch sử, người Việt vẫn khinh ghét rất đậm đà tất cả những phụ nữ lấy chồng nước ngoài, nhất là khi nước ngoài ấy thuộc về các dân tộc đã làm phương hại đến quyền lợi vật chất hay tinh thần của họ. Trong ngôn ngữ ngày xưa có câu thành ngữ “Thằng Ngô con đĩ” để chỉ người Tàu và các bà vợ Việt mặc dầu họ vẫn tiếp đón niềm nở văn hóa Trung Quốc và quý trọng nền văn hóa ấy.

Đối với lớp người lấy Pháp, họ vẫn quen gọi bằng tiếng Me Tây và bất cứ người nước nào đến xứ sở của họ và có vợ con như Mỹ chẳng hạn thì các người vợ sẽ được gọi bằng Me Mỹ.

Tiếng Me của họ là tiếng gọi rất đặc biệt ngụ ý chỉ trích, khinh miệt hết sức. Tất nhiên chỉ có những người đàn bà gọi là hư hỏng ở trong xã hội Việt Nam mới lấy chồng ở ngoài nước. Cũng có một số con nhà gọi là khá giả, có học nhiều năm ở trường hay du học ở nước ngoài, lấy chồng ngoại quốc và cho đó là dấu hiệu văn minh, nhưng xét cho cùng lớp phụ nữ này vẫn bị đa số đồng bào của họ khinh miệt rõ rệt hoặc âm thầm vì họ xem như là mất gốc lạc nòi của một bọn người đã đứt cội rễ. Nếu ta đi sâu thêm một tí nữa thì ta có dịp thấy rõ rằng giữa những người đàn bà hạ lưu trụ lạc đi lấy chồng nước ngoài vẫn cảm thấy sự âm thầm tủi nhục, xót xa hơn là lớp phụ nữ có trình độ học vấn được sinh trưởng trong những gia đình gọi là

tử tế. Tại sao những lớp người đàn bà cùng khốn bị đẩy vào thế lấy chồng nước ngoài vì kế mưu sinh lại có ý thức dân tộc hơn là những lớp tự gọi là có học. Điều này chỉ giải thích được như sau: lớp gọi là có học này đã bị văn hóa nước ngoài đầu độc làm cho mất hết ý niệm quốc gia dân tộc của những người Việt yêu nước. Tất nhiên lớp người đàn bà này không nhiều ở trong xã hội Việt Nam và hình như thế nào về sau họ cũng cảm thấy chán chường, xấu hổ hoặc là âm thầm hối hận về sự đi lấy chồng ngoài nước vốn đã bị dân tộc của họ xem như là sự phản bội, là sự đe dọa nhân cách”.

Thế nhưng, trong trường hợp để đổi lấy cái lợi thực tiễn cho công cuộc mở mang bờ cõi thì vua Anh Tôn nhà Trần sẵn sàng gả con gái yêu của mình là Huyền Trân công chúa cho Chế Mân để lấy hai Châu Ô, Châu Rí.

Tản Viên sơn thần xưa có một quyển sách ước, trong sách hoàn toàn để trắng không có viết gì cả. Qua tích thần thoại Tản Viên, tổ tiên ta muốn dạy bảo con cháu đời sau rằng:

“Mỗi hành động hãy bắt đầu bằng sự nhận thức những điều căn bản, những điều kiện riêng biệt của chính trị đương thời. Muốn được như vậy cần phải có một tinh thần thực tiễn sáng suốt đầy tin tưởng vào nghị lực phấn đấu của lịch sử, đừng để bị giam hãm trong huyền hoặc hay tình tự nông nổi của quần chúng”.

(L'action doit-être commencée par l'acceptation des conditions fondamentales de toute politique, des conditions propres à l'époque donnée. Il faudrait être capable de lucidité et de foi: croire à une volonté historique sans croire ni aux mythes ni aux foules. - Raymond Aron)

Sách ước để trắng có nghĩa là: “Lịch sử hoàn toàn tự tại bởi vì lịch sử không bao giờ đã định đoạt từ trước”.

(L'histoire est libre parce qu'elle n'est pas écrite d'avance).

Lịch sử phải được xây dựng theo điều kiện của thực tiễn chính trị, thực tiễn đấu tranh, lấy tùy thời và thời trung làm nguyên tắc.

Người Việt thường nói: “Thời nào theo kỷ cương ấy”, một câu thông tục mà đầy đủ ý nghĩa của triết lý sử học.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

QUỐC PHÒNG

*Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để
cho ai lấy mất một phân núi, một tấc
sông của đất nước.*

Lê Thánh Tôn

*Nước Mê Linh trắng thu còn vàng vạc
Sóng Bạch Đằng sóng vỗ thuyền cắc cắc
Non Chi Lăng gió cuốn rừng cung đao
Đông Đông Đa xương người phơi man mác
Buổi Sát Thát chàm vai thề đầu mất
Ngày bình Ngô nổi cờ không khuất tất
Khi Cần Vương nhỏ mặt lũ gian hùng
Lúc Cứu quốc vòng bôn lao uất uất*
Thái Dịch

Bởi những điều kiện đặc thù của địa lý, của lịch sử, trọng tâm chính trị Việt là vấn đề quốc phòng, cho nên văn minh cổ đại của Việt tộc mới là văn minh trống đồng.

Trống đồng là dấu hiệu của sự kêu gọi nhân dân, điều động ba quân thúc quân thu quân, trống cầm canh, trống ngũ liên nhằm đưa sinh hoạt đoàn thể khuôn theo nhịp trống. Tiếng trống đồng vang lên như tiếng sấm rền rĩ rung chuyển trời đất.

Giáo sư Nguyễn Đăng Thục viết ngụ ý triết học của trống đồng rằng: “Vì trống đồng dùng làm trống trận, cụ thể hóa cái ý thức vật tổ thần bí tức là ý thức đoàn thể dân tộc cho nên tiếng trống đồng càng có hiệu lực, uy linh đại diện cho tiếng nói của đoàn thể mà sớm được thần hóa, phụng thờ như một vị thần linh, như là ý chí tối cao toàn năng của quốc gia vậy. Nhân dân đã dựng đền thờ hằng năm hương khói cúng tế. Đến khi dân tộc đã quật cường bằng xương máu của biết bao anh hùng liệt nữ thì ý thức tập thể quốc gia càng trở nên uy linh để bảo vệ đất nước, nhà vua với quần thần lãnh đạo quốc gia càng phải đồng tâm nhất trí, cho nên thần Đồng Cổ tức thần Trống đồng đã được gọi lên làm chứng cho lời thề trung thành với tổ quốc

của quần thần một triều đại, vì thần Trống đồng cũng như thần Sấm Sét biểu thị ý chí toàn dân có uy lực chu diệt kẻ phản quốc, phản dân tộc. Vì thế mà nhân dân đã chọn ngày 4 tháng 4 hàng năm để cho quần thần uống máu ăn thề, vì thần Trống đồng đã đồng nhất hoàn toàn với thần Sấm hằng năm chỉ bắt đầu lên tiếng vào giao tiết cuối Xuân sang Hạ báo hiệu nhân dân nông nghiệp có nước để cày cấy”. *Quốc phòng đối với người Việt đã thành ra một tôn giáo*. Tất cả những vị anh hùng cứu nước diệt giặc bất kể thuộc đẳng cấp nào, vua, quan hay dân giả đều được lập miếu, lập đền thờ cúng. Thờ cúng anh hùng (Culte des héros) mà Thomas Carlyle mãi đến 1922 mới đưa ra và được thế giới nồng nhiệt tán thưởng thì người Việt đã thực hành từ lúc mới bắt đầu lập quốc. Không phải chỉ lúc sống đánh nhau với giặc, ngay cả lúc ở ngôi vị thần thánh rồi vẫn còn tiếp tục nhiệm vụ quốc phòng.

Sách “Lĩnh Nam Chích Quái” kể:

Khi nước Nam nội thuộc nhà Đường, Cao Biền sang làm Đô Hộ, muốn trấn yểm các nơi linh tích, bắt đưa con gái 17, 18 tuổi chưa chồng cho ăn đồ hoa quả, mặc áo quần tề chỉnh, sang trọng đặt ngồi lên ngai rồi rình khi cất nhắc chân tay, thốt nhiên chém đi. Thường hay dùng thuật ấy để trấn áp bách thần. Khi Biền dùng mẹo ấy để trấn áp thần núi Tản thì thần cười ngửa trắng đứng trên đám mây mà đi.

Cao Biền than rằng: “Linh khí nước Nam còn thịnh vượng lắm, không tài nào mà trừ được”.

Thời vua Ý Tôn nhà Đường, Cao Biền được làm Tiết Đô Sứ bên nước Nam tự xưng là Cao Vương. Cao Biền thông hiểu thiên văn địa lý, cho xây một thành mới đặt tên là Đại La Thành. Mé bắc thành ấy có con sông tự sông Lự, chảy vào phía tây bắc rồi xuống phía nam, vòng quanh La thành rồi lại đổ vào Sông Cái. Mỗi năm đến tháng 6 mùa mưa nước sông tràn lên mông mênh. Có lần Cao Biền ngồi thuyền chơi trong sông bỗng thấy một cụ già đầu bạc phơ phơ, râu mày trắng xóa, hình dung kỳ dị đang bơi tắm trên sông cười nói vui vẻ. Biền lấy làm lạ, hỏi tên họ thì nói là họ Tô tên Lịch, hỏi chỗ ở thì nói ở trong sông. Nói đoạn vỗ tay cười ồm lên rồi tự nhiên trời đất tối sầm, ông cụ ấy biến mất. Cao Biền biết là thần, nhân thế gọi sông ấy là sông Tô Lịch.

Lại một buổi sớm, Cao Biền đứng ở cửa đông nam La thành trông ra sông Tô Lịch thấy trong sông nổi cơn gió to, sóng đánh cuộn cuộn, mây kéo mù mịt rồi có một người dị dạng mặc áo vàng, đầu đội mũ đỏ, tay cầm hốt vàng có bóng thấp thoáng như mây phủ, mãi đến lúc

mặt trời gần cao ba trượng mà chưa tan. Cao Biền lấy làm lạ, muốn dùng thuật trấn áp, bèn đem vàng bạc đồng sắt chọn huyết mà chôn xuống cùng với lá bùa yểm. Đêm ấy, mưa gió sấm sét âm âm, có tiếng quỷ thần hò hét quất tháo kinh thiên động địa. Một lát sau bùa yểm cùng vàng bạc đồng sắt đều bị sét đánh bật tung lên tan ra như gió rồi bay tản vào trong không mất cả.

Cao Biền sợ hãi than rằng: “Ở xứ này có thần thiêng như thế, ta nên về Tàu chớ ở đây lâu tất có ngày mang họa”.

*

Tục truyền sau khi Hùng Vương nhờ Phù Đổng Thiên Vương dẹp xong giặc Ân, nước nhà thái bình rồi, vua mới tính chuyện truyền ngôi cho con, bèn hội hai chục người con lại mà phán rằng: “Ta muốn truyền ngôi cho đứa con nào tìm được vật phẩm cúng tiên tổ quý báu nhất”.

Các công tử người nào cũng lo đi tìm sơn hảo hải vị bằng cách vào sâu trong rừng săn bắn hoặc mò dưới đáy biển khơi. Duy người con thứ chín tên là Lang Liêu ngày đêm thao thức ăn ngủ không yên vì chưa biết lấy gì dâng lên vua cha.

Gần đến kỳ hạn bồng có thần đến báo mộng cho Lang Liêu bảo rằng:

“Trong trời đất không có vật gì quý hơn gạo, vì gạo là của nuôi dân, ngày ngày con người ăn mãi mà không thấy chán. Nếu lấy gạo nếp nấu lên gói thành hình tròn tượng trưng cho vòm trời, đồng thời cũng gói thành hình vuông tượng trưng cho đất”.

Lang Liêu tỉnh dậy mừng rỡ làm theo lời thần dạy, đem lựa hạt gạo nếp nào trắng tinh vo đi cho sạch, dùng lá xanh gói thành hình vuông đặt vị ngon vào giữa đem nấu chín đặt tên là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp đồ xôi, giã cho nhuyễn nặn thành hình tròn gọi là bánh dày.

Tới kỳ hạn, các con tề tựu trình lên vua cha các loại báu vật, chỉ có Lang Liêu đem bánh tròn, bánh vuông lên dâng vua. Hùng Vương lấy làm lạ mới hỏi Lang Liêu tại sao lại coi hai loại bánh bằng gạo đó là báu vật?

Lang Liêu kể hết tự sự. Vua nếm bánh thấy ngon vô cùng, chấm cho Lang Liêu được giải nhất rồi truyền ngôi cho.

Truyện kỳ trên đây cho biết, sau khi định cương thổ (phá giặc Ân xâm lăng) thì kế hoạch xây dựng văn hóa, nông nghiệp và kinh tế nông nghiệp được áp dụng, vấn đề quốc phòng cũng phải dựa trên những nguyên tắc mới, tổ chức quốc phòng qua định cư làng xã canh tác chứ không còn ở tình trạng nửa du mục du lịch, nửa nông canh như trước kia nữa. Việc xây dựng văn hóa và kinh tế nông

nghiệp mãi đến đời Lý mới hoàn chỉnh, mới thành Nam quốc sơn hà. Paul Mus trong cuốn “Sociologie d’une guerre” viết:

“Nhờ sức mạnh bám chặt lấy đất, nhờ lối tổ chức làng xã mà gần một ngàn năm Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam chẳng những đã không bị tiêu mòn trái lại, còn lợi dụng được văn hóa Trung Hoa để sống mạnh hơn lên”.

Cũng theo lời Paul Mus:

“Cho tới ngày chế độ thực dân Pháp, quân đội Pháp cũng bị chính sức mạnh thần bí đó đánh bại”

Mỗi làng là một đơn vị chiến đấu có thể tự túc trên mọi mặt, kinh tế, vũ trang và văn hóa.

Đô hộ Tần và đô hộ Pháp xưa và nay đều đã chỉ đặt được uy quyền của họ trên một vài trung tâm tỉnh thị nhưng năng lực quốc phòng chủ yếu vẫn không hề bị tiêu diệt, vì nó tiềm ẩn vào trong tổ chức làng xã vây bọc bởi lũy tre xanh ngắt rả rác trong đồng ruộng mênh mênh, ngun ngút cả ngàn cây số khắp giang sơn đất nước, làng nọ tiếp làng kia, thôn xóm đan vào nhau ngoằn ngoèo chằng chịt những bờ ruộng, những con đường đắp. Một kẻ lạ nào đến đó là bị nhìn bằng con mắt nghi ngờ, nếu là một ngoại nhân chắc chắn không bao giờ được chứa chấp.

*

Gần như toàn bộ lịch sử Việt đúc kết vào vấn đề đối phó với phương bắc. Bởi vậy nói đến quốc phòng của nước ta tất phải đề cập Trung Quốc (mà người Việt gọi bằng danh từ nôm na miệt thị là nước Tàu) để nghiên cứu so sánh.

Từ rất sớm, dân tộc Trung Quốc đã dựng nước trên nông nghiệp và toàn thiện một nền văn hóa nông nghiệp. Nông nghiệp lên phía Bắc đến một ranh giới buộc phải ngừng lại vì quá nửa khí hậu rất lạnh, không có mưa, chỉ có sa mạc và những cánh đồng cỏ, chẳng cách gì phát triển được nông nghiệp thành thử toàn vùng cực bắc Trung Quốc tạo thành một biên cương giữa hai nền kinh tế du mục và nông nghiệp luôn luôn có sự cọ xát.

Đời Tần Thủy Hoàng đã phải cho xây Vạn Lý trường thành để làm phòng tuyến chống giữ. Vũ trang của dân tộc du mục lấy kỵ binh làm chủ, loài ngựa chịu rét ưa vùng khô, cứ cuối mùa thu đến, lông ngựa mọc dài, sức lực sung mãn. Còn kỵ binh dùng chất dẻo chế thành dây cung, trời trở lạnh chất dẻo cứng lại bắn tên rất xa. Cũng vào giữa lúc này thì lương thực dân tộc du mục đã cạn. Trong khi dân tộc nông nghiệp gặt hái vừa xong đem thóc về cất vào kho, chọn gạo tốt mà ủ men nấu rượu khiến cho dân tộc du mục thêm rở rãi, liền tập

trung quân đội chọn một khâu yếu nhất của phòng tuyến Vạn Lý trường thành mà ào ạt tấn công cướp lương thực và tàn phá, sức mạnh như một cơn cuồng phong. Đường xa xôi diệu vợi, đợi lúc viện binh tới nơi thì giặc đã cao chạy xa bay. Vạn Lý trường thành trở nên vô dụng. Trung Quốc phải chuyển đổi thể thủ sang thể công, huấn luyện một đạo quân viễn chinh cơ động tìm chủ lực đối phương mà đánh trước, gọi là chính sách quốc phòng “Nhất lao vĩnh dật” (Một lần khó nhọc để được yên ổn lâu dài). Chính sách này chỉ có hiệu lực một thời gian vì nó lại gặp khó khăn, thứ nhất đại quân viễn chinh, sự vận chuyển lương thực hết sức nan giải, dân du mục xuống miền nam chỉ cần người ngựa cung tên đi đâu cướp lương ăn đấy; đại quân viễn chinh không được hưởng lợi thế đó cho nên mỗi lần mở cửa quan xuất kích (khai tái xuất kích) là phải tính làm sau thắng mau; thứ hai dân tộc du mục liên tìm mọi cách để không cho đại quân viễn chinh thắng mau, họ rút vào vùng sa mạc hoang vu, bảo toàn chủ lực đợi khi đại quân Trung Quốc triệt thoái lại tràn xuống. Muốn nhất lao vĩnh dật không thể không tiến thêm một bước nữa là tuyệt mạng cùng truy (đuổi đến cùng tận của sa mạc) triệt để thực hành tiêu diệt chiến lược. Nhưng đâu phải dễ dàng, nhiều lần cả mấy vạn quân thọc sâu vào vùng thảo sục sạo mà không kiếm thấy một tên địch. Rút cuộc vẫn phải trở về kiện toàn chiến lược phòng thủ. Vấn đề phương bắc của Việt Nam ngược hẳn lại vấn đề phương bắc của Tàu. Tàu tràn xuống nước ta dễ thích ứng với phong thổ hơn cho nên luôn luôn dùng mưu toan đặt chính sách đô hộ lâu dài mà đồng hóa mở mang bờ cõi về phía nam.

Dân tộc Việt muốn tồn tại không thể áp dụng chính sách và chiến lược như các dân tộc du mục miền bắc Trung Quốc. Nước ta không có sa mạc, không có đồng cỏ, không có khí hậu rét cắt da để luyện tên nuôi ngựa. Tạo khó khăn cho xâm lược Tàu trí năng văn hóa cần hơn sức mạnh vũ lực. Trước hết là nhu yếu cầu biến, nhanh chóng chuyển từ tình trạng nửa du mục du lập, nửa nông nghiệp sang hẳn nông nghiệp với một nền tảng văn hóa nông nghiệp vững chắc, học cái hay của kẻ địch phương bắc để làm vũ khí mà chống lại nó, rồi lại dùng thứ vũ khí đó mà mở mang bờ cõi xuống phương nam. Kinh tế nông nghiệp làm kinh tế quốc phòng, tổ chức làng xã làm muôn vàn thành lũy, văn hóa nông nghiệp làm văn hóa dân tộc, quốc lực đời này qua đời khác là vùng nông thôn rộng lớn. Đền thờ quan thái thú Nhâm Diên, người đã đem văn hóa cùng kỹ thuật nông nghiệp sang truyền cho dân các quận Giao Chỉ, quận Cửu Chân và quận Nhật Nam là chứng tích của thời kỳ biến hóa dài của sử Việt mà sách vở

thường quen gọi là thời kỳ Bắc thuộc kéo từ năm 111 trước Tây lịch đến năm 931 sau Tây lịch chia làm ba thời kỳ cách nhau bởi nhiều cuộc nổi dậy của bà Trưng, bà Triệu và các ông Lý Nam Đế, Triệu Quang Phục, Bô Cai Đại Vương, cha con nhà Khúc, Ngô Quyền thầy đều là những vị anh hùng cứu quốc tiền phong của sử Việt. Nhưng, bấy giờ Việt Nam chưa hoàn toàn chinh bị một nền thống nhất chính trị nên sự nổi dậy lẻ tẻ dễ bị quan quân Tàu dẹp tan. Xem như vụ xảy ra ở đời Tiền Lý thì đủ rõ. Chỉ vì chia rẽ mà Lý Phật Tử đánh úp Triệu Việt Vương để rồi lại xin hàng Trung Quốc, mở vào thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba. Với binh lực lẻ tẻ nổi dậy từng địa phương tất nhiên không thể đương đầu bằng một cuộc chiến tranh qui mô với Tàu được. Tuy nhiên, những cuộc nổi dậy đã gạt hái khá nhiều kinh nghiệm chiến đấu cho hậu thế, đồng thời khởi sự xây dựng tinh thần yêu nước thành một tôn giáo anh hùng bằng đền thờ hai bà Trưng, đền thờ bà Triệu Âu, đền thờ vua Lý Nam Đế, đền thờ Dạ Trạch Vương v.v...

Phải đến đời Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn thập nhị sứ quân nước Việt mới thống nhất, có một binh lực khả dĩ tiến hành chiến tranh, tiến sang thời đại một quốc gia tự chủ.

Cờ bông lau dập dìu đầy non nước
Ánh huy hoàng rực rỡ khắp đồng tây
Đường vua Đinh đã bước
Nghịệp vua Đinh còn đây
Hang Luồn, giốc Sỏi mấy ghềnh Mây
Giặc Tống quân Hầu nép móng vây
Sông Hoàng Long dạt dào sóng vỗ
Động Hoa Lư rầm rập bào bay
Phục lại ngàn năm giờ phút ấy

Theo sử chép thì đánh dẹp xong loạn Thập Nhị Sứ Quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế đóng đô ở Hoa Lư, cho xây cung điện, chế triều nghi, định phẩm hàm các quan văn võ. Việc quan trọng nhất là kiến tạo binh lực, giao chức thống suất cho Lê Hoàn phong làm Thập đạo tướng quân.

Năm 981, binh lực đảm nhiệm sứ mạng quốc phòng lần đầu, đánh nhau với quân xâm lăng phương bắc dưới triều Tống trên hai mặt thủy bộ, thủy ở Bạch Đằng Giang, bộ ở Chi Lăng (Lạng Sơn). Tướng Tàu là Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng đại bại ở Chi Lăng bị quân ta chém chết. Mặt trận Bạch Đằng nghe tin thua quay đầu chạy. Từ đấy mà đi, cuộc chiến giữa ta với phương Bắc không còn mang tính cách nổi dậy vũ trang quận huyện mà là cuộc chiến giữa hai binh

lực của hai quốc gia.

Phương bắc như vậy, phương nam sự thắng lợi của ta cũng chẳng kém phần huy hoàng. Lê Hoàn phá xong quân Tống rồi liền đặt vấn đề bang giao với Chiêm Thành ở phương nam. Trước kia, Chiêm Thành thường đem quân sang cướp phá, giết hại dân ta nhiều lắm, ta căm giận mà không làm gì được bao giờ cũng phải nhờ quân Tàu đi đánh dẹp. Nay tình thế đã đổi khác. Lê Hoàn cho sứ giả là Từ Mục và Ngô Tử Cảnh qua bên Chiêm Thành. Vua quan Chiêm Thành khước từ quan hệ bang giao mới với Việt Nam, bắt giam hai sứ giả. Lê Hoàn mang binh đi đánh giết được tướng Chiêm Thành là Từ My Thuế, cướp nhiều châu báu, vàng bạc mang về cùng với 100 cung nữ Chiêm.

Binh lực dưới sự lãnh đạo của Thập Đạo tướng quân Lê Hoàn nay là vua Đại Hành mang lại thắng lợi rực rỡ. Phương bắc Lê Hoàn không chỉ áp dụng chính sách thủ, ông còn nhiều lần mưu toan tấn công ngược lên, đem chiến thuyền vào trấn Như Hồng đánh phá, thả dân ven biển tràn vào nội địa Trung Quốc khiến cho vua quan Trung Quốc nể sợ để tiến lên chính sách ngoại giao bình đẳng với Tàu, xóa bỏ hẳn vết tích của một ngàn năm Bắc thuộc. Mỗi lần tiếp sứ giả Tàu, ông Lê Hoàn thường ngồi trên mình ngựa mà thi lễ, rồi cùng dong cương với sứ giả mà tiến bước. Để uy hiếp tinh thần sứ giả Tàu, nhà vua ưa dặt hai con cọp đến châu cuộc đàm phán. Binh lực Việt phát triển mau lẹ đến nỗi vào đời Lý Thái Tôn, nhà Tống đã có lúc nhờ binh lực Việt đánh dẹp hộ giặc Nùng hay sang quấy nhiễu Quảng Đông, Quảng Tây.

Năm 1044, vua Thái Tôn nhà Lý ngự giá đi đánh Chiêm Thành về tội Chiêm Thành không chịu thông sứ và cứ quấy nhiễu ở vùng duyên hải. Đánh trận nào thắng trận ấy, tướng lãnh Chiêm Thành nổi loạn chém đầu quốc vương là Xạ Đầu để xin hàng. Lý Thái Tôn tiến binh vào quốc đô Chiêm Thành là Phật Thệ (thuộc huyện Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên bây giờ) bắt vương phi là nàng Mế Hệ và các cung nữ đem về.

Năm 1075, lúc Vương An Thạch ở chức tể tướng Tống triều, có quan Tàu tên Lưu Gi trấn nhiệm vùng biên cương Hoa Việt có ý muốn gây sự để tìm cơ xâm lăng nên hạ lệnh cấm dân không cho buôn bán với người Việt, lại còn bắt bớ nhiều thuyền bè hàng hóa của dân Giao Châu. Triều đình nhà Lý thấy sự tình như thế mới viết thư sang hỏi Tống triều thì Tống triều lờ đi. Vua Lý Nhân Tôn mới sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản đem 10 vạn binh chia ra hai đường thủy bộ sang đánh nhà Tống chiếm luôn một hơi ba châu lớn của Tàu là Châu

Ung, Châu Liêm, Châu Khâm, giết nhiều quân tướng nhà Tống. Triều đình Tống sai Quách Quỳ cử đại binh mật hội với Chiêm Thành hai mặt giáp công đánh chiếm nước Nam. Quân Tàu giáp chiến với quân Lý Thường Kiệt ở sông Như Nguyệt. Hai bên giằng co, trận đánh kéo dài sáu bảy tháng ròng, quân Tống chết quá nửa đành rút về.

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư

Bốn câu thơ của Lý Thường Kiệt được phổ biến trong dân chúng, có thể gọi đây là bản quốc ca đầu tiên của Việt Nam.

Nhà Tống và nhà Lý nối lại bang giao. Lý Nhân Tông đuổi người Tàu

về nước và cho thích vào trán, con trai từ 15 tuổi thì thích ba chữ

Thiên Tử binh, 20 tuổi thích ba chữ Đầu Nam Triều, con gái thích hai chữ Quan khách.

Đời nhà Trần, vùng bắc Trung Quốc bị đặt dưới thống trị Mông Cổ, đe dọa xâm lăng còn nặng hơn trước, nước Chiêm Thành đã chịu uy sang tiến cống nhưng vẫn chưa từ bỏ chính sách cướp phá nên việc kiện toàn binh lực càng cần thiết, nhân lực trong nước đều bị động viên để tham gia chiến đấu và học tập quân sự, thành thử khi chiến tranh với Mông Cổ, nước Việt Nam nhỏ bé đã có một binh lực to tát đến 20 vạn người.

Năm 1257, tướng Mông Cổ trấn giữ Vân Nam là Wouleanggotai (Ngột Lương Hợp Thai) cho người sang bảo vua Trần Thái Tông về thần phục. Thái Tông thấy tên Mông Cổ có thái độ hỗn láo cho bắt giam lại rồi cử Trần Quốc Tuấn đem binh lên phòng bị phía Bắc. Ngột Lương Hợp Thai ồ ạt từ Vân Nam kéo sang địa phận nước ta, đi theo đường sông Thao đánh thẳng vào Thăng Long. Ban đầu, để tránh nhuệ khí của giặc, Trần Quốc Tuấn lui về Sơn Tây đợi cho quân Mông Cổ mệt mỏi mới tiến binh đánh trận Đông Bộ Đầu, Mông Cổ thua chạy. Thấy việc chinh chiến ở đây chưa lợi nên Mông Cổ lui binh. Khi dứt nốt khu vực Nam Tống, mặc dầu Trần triều chịu đi sứ và triều cống nhưng Mông Cổ, phần muốn trả thù cũ, phần muốn phát triển đế quốc về phương Nam nên lại tìm cách gây sự, gửi lễ bộ thượng thư là Sài Thung qua nước ta để hạch hỏi vua Trần Nhân Tông lên ngôi mà không xin phép Nguyên triều và đòi đích thân vua Trần Nhân Tông phải sang bệ kiến Nguyên Thái Tổ.

Năm 1282, Nguyên Chủ xướng chiếu lập Tòa Tuyên Phủ đặt hệ thống liêu thuộc đưa sang đòi cai trị nước Nam. Tuyên Phủ Ti sang đến nơi bị Trần Nhân Tông không nhận lời đuổi về Tàu.

Năm 1284, chiến tranh Nguyên Việt bùng nổ chia làm hai đợt. Đợt thứ nhất do con trai Nguyên Chủ là Thoát Hoan cùng với các tướng Toa Đô, Ô Mã Nhi mang một lúc sang nửa triệu quân, thế lực lượng mạnh như chẻ tre, tiến binh như cuộn đất. Vua nhà Trần phải chạy vào mãi Thanh Hóa tiếp tục kháng chiến khắp nơi. Ba tháng sau, quân ta tổng phản công đại thắng tại Hàm Tử Quan rồi Chương Dương Độ, rồi Tây Kết, rồi Vạn Kiếp. Toa Đô tử trận. Ô Mã Nhi trốn về Tàu, Thoát Hoan không còn hồn vía nào nữa cũng bỏ chạy. Tính ra cuộc chiến kéo dài 6 tháng kể từ tháng chạp năm Giáp Thân (1284) đến tháng 6 năm Ất Dậu (1285). Quân dân nước Nam đuổi sạch 50 vạn hùng binh Mông Cổ ra khỏi bờ cõi. Thoát Hoan khi mới sang uy thế hùng dũng bao nhiêu lúc chạy về tan tác bấy nhiêu. Mùa xuân năm Đinh Hợi (1287), Nguyên Chủ lại cử Thoát Hoan làm Đại nguyên súy đem hơn 30 vạn quân thủy bộ rầm rộ kéo sang đánh nước Nam. Triều đình nước ta rời Thăng Long ẩn vào Thanh Hóa lần nữa. Đợi cho nhuệ khí của giặc sút giảm bấy giờ mới vây đánh khắp nơi. Tướng Trần Khánh Dư cắt đứt đường lương địch trong trận Vân Đồn khiến cho quân Nguyên ở Vạn Kiếp mất tinh thần chiến đấu, Thoát Hoan vốn là con chim một lần bị tên nên lo sợ muốn bỏ về cho rảnh. Trần Hưng Đạo đoán biết ý giặc, sai người lên thượng lưu sông Bạch Đằng dùng cây tre vót nhọn đóng cọc giữa dòng sông rồi sau ba bốn mặt tiến đánh, chiến thuyền của Ô Mã Nhi mắc cạn đắm vỡ mất cả, quân Nguyên chết như rạ, các tướng giặc là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị Trần Hưng Đạo bắt sạch. Thoát Hoan nghe tin thủy quân tan vỡ, hồn vía lên mây cố sức mở đường máu mà chạy.

Xa giá Thượng hoàng và Trần Nhân Tông trở lại kinh sư, khi đến Long Hưng, tiếp nhận lễ hiến phù của bọn Ô Mã Nhi quì dâng ấn ngọc.

Vua Trần Thánh Tông có làm hai câu thơ kỷ niệm:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu

A. Pazzi viết:

“Nếu người ta nghĩ đến giặc Mông Cổ và cái đế quốc mênh mông chừng nào, có lẽ người ta mới thấy được sức chiến đấu lạ lùng của người Việt Nam. Người ta có thể nhận định một cách rõ ràng và dứt khoát rằng chỉ mình dân tộc Việt Nam duy nhất trên địa cầu này đã đánh bại quân Mông Cổ. Đó là đoàn quân xâm lược lớn lao, đã đặt Trung Hoa dưới ách thống trị bạo tàn, đã chiếm Tây Hạ, Tây Bá Lợi Á, cai trị Trung Âu, uy hiếp Áo Đức... vậy mà đoàn quân bách thắng của họ khi vào Việt Nam đã bị đánh cho thảm bại tiếp liền ba lần”.

Ngày 20 tháng 8 năm Canh Tí (1300) Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn bệnh nặng sắp mất, vua Trần Anh Tông đến thăm, hỏi rằng:

- Thượng phụ một mai khuất núi, phòng có quân Bắc lại sang thì làm thế nào?

Hưng Đạo Vương tâu rằng:

- *“Nước ta thừa xưa Triệu Võ Vương dựng nghiệp, Hán đế đem binh đến đánh. Võ Vương sai dân đốt sạch đồng áng không để lương thảo cho giặc chiếm được rồi đem đại quân sang châu Khâm, châu Liêm dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh Lê, nhiều người hiên lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn khởi, mà bên Tàu đang lúc họ suy nhược cho nên ta đập thành Bình Lỗ phá được quân Tống, đó là một thời. Đến đời nhà Lý quân Tống sang xâm, Lý đế sai Lý Thường Kiệt đánh mặt Khâm Liêm dồn đến Mai Lĩnh, quân hùng tướng dũng đó là có thể đánh được. Kế đến bản triều giặc Nguyên kéo đến vây bọc bốn mặt, may được vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước đấu sức lại mà đánh mới bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế. Đại để, kẻ kia cậy có tròng trận mà ta thì cậy có đoản binh, lấy đoản chống nhau với tròng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến âm âm như gió, như lửa thứ ấy lại dễ chống. Nếu có dùng cách dần dà như tâm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy máu, việc thế ấy mới khó trị thì ta nên kén tướng giỏi liệu xem quyền biến ví như đánh cờ phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc, bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả”*. Giặc Nguyên ba lần thua trận không còn dám có ý dòm dỏ nước ta nữa. Bấy giờ là lúc thuận tiện để lo phát triển phương nam. Nhân một chuyến ngự giá thân chinh đi dẹp đám giặc cỏ Ai Lao, vua Nhân Tông có ghé sang Chiêm Thành xem phong cảnh. Nhìn thấy đất đai Chiêm Thành rõ ràng là một hậu cứ không thể thiếu cho nước Việt trong công cuộc chống lại giặc phương bắc. Mở đầu cho chính sách xây dựng hậu cứ đó, vua Nhân Tông dùng chiến lược hòa bình kết thân bằng việc ước gả Huyền Trân công chúa cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Đổi lại, Chế Mân dâng cho nước ta hai châu Ô và châu Rí làm lễ cưới. Hai châu này có một lợi thế chiến lược quan trọng cho cả hai mặt phòng thủ lẫn tấn công đối với các lân quốc phương nam. Năm 1306 (đời vua Anh Tông), công chúa về Chiêm Thành... Đầu năm 1307, vua Anh Tông thu nhận hai châu Ô, Rí và đổi tên là Thuận Châu và Hóa Châu rồi sai quan là Đoàn Như Hải vào kinh lý

sắp xếp việc cai trị.

Huyền Trân công chúa lấy Chế Mân chưa được một năm thì Chế Mân mất, Chế Chí lên làm vua Chiêm Thành, vốn là người tâm tính phản trắc thường không giữ những giao ước trước, cho nên năm Tân Hợi (1311) Anh Tôn mới cùng các võ tướng phân binh làm ba đạo sang đánh Chiêm Thành bắt được Chế Chí đem về và phong cho người em là Chế Đà A Bà làm vua Chiêm Thành.

Năm 1334, Trần Minh Tông đi đánh giặc Ai Lao xâm phạm bờ cõi, quấy nhiễu vùng Kiềm Châu (Nghệ An bây giờ), quân Ai Lao vừa nghe tin đại quân ta kéo tới liền bỏ chạy hết. Trần Minh Tông sai Nguyễn Trung Ngạn làm bia khắc tên trên núi để ghi công. Bài bia ấy chữ to bằng bàn tay, khắc vào đá thật sâu, đến nay vẫn còn.

Bài bia viết như sau:

“Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng Hoàng là vua thứ 6 đời nhà Trần, nước Hoàng Việt chịu mệnh trời, nhất thống cõi trung ba, trong đất ngoài bể đâu cũng thần phục. Nước Ai Lao nhỏ mọn kia dám ngạnh vương hóa, cuối mùa thu năm Ất Hợi, vua thân đem sáu quân đi tuần cõi tây. Thế tử nước Chiêm Thành, nước Chân Lạp, nước Xiêm La và tù trưởng các đạo mán là Quì, Cầm, Xa, Lạc, tù trưởng rợ Bồ Nam mới phục và các bộ mán Thanh Xa đều mang phương vật tranh nhau đến đón rước. Chỉ có tên nghịch Bồng cứ giữ mê tối sợ phải tội chưa lại chào ngay. Cuối mùa đông, vua đóng quân ở cánh đồng Cự thuộc châu Mật, sai các tướng và quân rợ mọi vào tận nước, nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu đem quân về. Lúc bấy giờ là ngày tháng chạp nhuận năm Ất Hợi, niên hiệu Khai Hữu thứ 7 khắc vào đá”. (Theo bản dịch nôm của Trần Trọng Kim).

Bài bia của Nguyễn Trung Ngạn là một văn kiện công khai nói lên đường lối chính trị quyền lực (politique de puissance) đối với phương nam. Người Chiêm Thành vì chịu ảnh hưởng trực tiếp với ý đồ Nguyễn Trung Ngạn nên đến đời vua Dụ Tôn (1367) chính sự nhà Trần bắt đầu suy yếu, Chế Bồng Nga một anh quân Chiêm Thành, ngày đêm ra sức tập trận luyện binh với mục đích đánh nước Nam rửa những thù trước.

Năm 1376, đời vua Dụ Tôn, quan trấn thủ Hóa Châu là Đỗ Tử Bình ăn cắp những đồ tiến cống của Chiêm Thành rồi dâng sớ nói dối rằng Chế Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, tự ý bãi bỏ việc tiến cống. Dụ Tôn liền cất binh đi hỏi tội, giao chiến với quân Chiêm Thành ở trận Đồ Bàn, ta thua to, Dụ Tôn tử trận. Chế Bồng Nga thừa thắng đánh tràn lên quốc đô Thăng Long tha hồ cướp phá rồi rút, qua mấy năm

sau cũng vậy, quân Chiêm Thành ra vào nước Nam ta như đi vào chỗ không người, ba lần vua và triều đình phải bỏ kinh thành mà chạy. Dân gian khổ sở vì giặc Chiêm Thành không biết thế nào mà kể. Mãi đến năm 1390, nhờ may mắn tướng Trần Khắc Chân bắn chết được Chế Bồng Nga trong một trận thủy chiến ở sông Luộc (tỉnh Hưng Yên bây giờ). Tự đấy nạn giặc Chiêm mới yên.

Phương nam yên ổn chưa được bao lâu thì mối lo phương bắc tái phát. Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, tự xưng làm vua thiết lập triều đại nhà Hồ. Cùng lúc ấy nhà Minh bên Tàu cũng đã chấn chỉnh xong các vấn đề nội bộ, có ý dòm dỏ nước Nam. Hồ Quý Ly biết lắm nên mỗi lần thiết triều ông thường hỏi các đại thần: “Ta làm thế nào cho có 100 vạn quân để đánh giặc Bắc?”.

Năm 1405, nhà Minh sai sứ mang chiếu sang đòi đất Lộ Châu. Để đánh đổi, Hồ Quý Ly đành phải cắt ra 59 thôn ở Cổ Lâu nhường cho Tàu. Làm sao cho vừa miệng cọp, nhà Minh vẫn cứ mượn cớ nhà Hồ về tội tiếm nghịch. Sứ nhà Hồ sang Tàu thì nhà Minh giữ lại không cho ai về. Hồ Quý Ly nhận thấy khó lòng qua khỏi chiến tranh với “giặc phương Bắc” bèn sai đắp thành Đa Bang (tỉnh Sơn Tây) bắt lấy gỗ đóng cọc ở sông Bạch Hạc, chia các vệ quân ở Đông Đô ra giữ mọi đường hiểm yếu.

Cuối năm 1406, nhà Minh phát động chiến tranh xâm lăng, cử Chu Năng làm đại tướng cùng với các tướng Trương Phụ, Mộc Thạch chia binh làm hai đạo mà tiến vào Nam quốc. Khi nhà Minh đến Long Châu thì đại tướng Chu Năng chết, Trương Phụ lên thay.

Tuy rằng nhà Hồ trước đã phòng bị nhưng Trương Phụ biết rằng nhà Hồ không được lòng dân, bèn làm hịch kể tội họ Hồ, viết hịch ấy vào những mảnh ván nhỏ bỏ xuống sông, trôi đến đâu quân sĩ ta bắt được, nhiều người chán nản không muốn đánh nhau nữa. Nhờ thế quân Trương Phụ tiến được mau hơn. Quân nhà Hồ phải lui về giữ thành Đa Bang. Đa Bang thất thủ, thêm trận Mộc Phàm Giang, rồi trận Hàm Tử Quan, Hồ Quý Ly chạy trốn vào Nghệ An và bị quân Minh bắt ở cửa Kỳ La (Hà Tĩnh). Nhà Minh chiếm giữ nước Nam đặt nền đô hộ hơn 20 năm.

Mùa xuân Mậu Tuất (1418), Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn dòng đã 10 năm chiến tranh cách mạng dân tộc, kết quả thắng lợi được ghi trong bài Bình Ngô đạo cáo đoạn sau đây

“Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng dậy. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan. Phương Chính, Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh Tây Kinh phá tan thế giặc, lấy Đông Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh kiều máu chảy

thành sông, bến Tụy Động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lường. Mã Anh không được cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt bó tay không biết tính sao, ta mưu phạt tâm công chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ hiểu lời lẽ tới lui, ngờ đâu còn kiêu kể tìm phương gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dở duốc. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên Đức (chỉ vua nhà Minh bên Tàu) nhằm võ không thôi, lại sai đồ nhút nhát như Thạnh Thăng đem dầu chữa cháy. Năm Đinh Mùi tháng 9, Liễu Thăng từ Khâu Ôn tiến sang, Mộc Thạnh từ Vân Nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc quân; ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương đạo. Mười tám Liễu Thăng thua ở Chi Lăng, hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên. Hai mươi lăm Lương Minh trận vong, hai mươi tám Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành hẹn đến rằm tháng mười diệt giặc. Sĩ tốt ra oai thì hổ, thần thú đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để hàng. Lạng Giang, Lạng Sơn thây chết đầy đường, Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước. Góm ghê thay, sắc phong vân cũng đổi, thảm đạm thay sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân Nam nghẽn ở Lê Hoa, sợ mà mất mật; quân Mộc Thạnh tan chưng Càn Trạm chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh Câu nước sông rền rĩ, thành xương Đan Xá cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cầm đầu trốn chạy; các thành cùng khẩu còi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội, thể lòng trời bắt sát ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính cấp cho năm trăm chiến thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực, Vương Thông Mã Anh phát cho vài ngàn cỗ ngựa về đến Tàu còn đổ mồ hôi...”.

Đánh đuổi xong quân Minh, bờ cõi phương bắc yên được nhiều năm, phần vì đường lối ngoại giao khéo léo của nước Nam, phần vì thế lực thống trị Minh triều đang đi sâu vào đường hủ bại, phần vì quan quân nhà Minh e dè vũ lực quân Nam.

Bây giờ là lúc thuận tiện để tính chuyện bờ cõi phương nam. Nhân vì vua nước Chiêm Thành là Bí Cai cứ hay xua quân sang cướp phá đất Hóa Châu nên năm 1446, vua Lê Nhân Tông sai bọn Lê Thu, Lê Khả đem binh sang đánh Chiêm Thành lấy được Đồ Bàn (kinh đô Chiêm) bắt được Bí Cai và cả phi tần đem về, rồi lập người cháu vua

Bồ Đề là Ma Khu Qui Lai lên làm vua.

Do trận đánh năm 1446, hai năm sau có một bộ tộc ở phía tây nam dâng thư xin nội thuộc nước ta, đó là bộ tộc Tồn Man mà biên cương giáp với các tỉnh Nghệ An, Quảng Bình và Hưng Hóa. Vua Nhân Tôn thu nhận đặt làm châu Qui Hợp.

Năm 1470, vua nước Chiêm Thành là Trà Toàn muốn gây dựng trở lại, đem quân sang đánh phá đất Hóa Châu rồi cho người sang cầu viện nhà Minh bên Tàu.

Vua Lê Thánh Tôn cho sứ sang Tàu cho biết việc Trà Toàn quấy nhiễu rồi ngài tự làm tướng cử đại binh hơn 20 vạn sang đánh Chiêm Thành, chiếm cửa Thi Nại (Bình Định) xong rồi tấn công Đồ Bàn, phá thành bắt được Trà Toàn.

Có tướng Chiêm Thành là Bô Trì Trì chạy về đất Phan Lung, sai sứ vào cống và xưng thần. Thánh Tôn có ý muốn làm nước Chiêm Thành yếu thế đi, mới chia đất ra làm ba nước phong cho ba vua, một nước gọi là Chiêm Thành, một nước gọi là Hóa Anh và một nước nữa là Nam Phan.

Còn đất Đồ Bàn, đất Đại Chiêm và đất Cổ Lũy thì vua Lê Thánh Tôn cho sát nhập vào nước ta mà lập đạo Quảng Nam gồm 3 phủ 9 huyện.

Trà Toại, em vua Trà Toàn trốn vào núi, sai người sang Tàu nhờ can thiệp. Nhà Minh có sai sứ sang cầu vua Lê phải trả đất Chiêm Thành. Thánh Tôn không chịu, bảo tướng Lê Niệm đi bắt Trà Toại đem về giam giữ ở kinh sư. Thấy nước Nam đương hồi cường thịnh, vua Minh cũng lờ luôn cái chuyện Chiêm Thành.

Kể từ đây thanh thế nước Nam lừng lẫy, nước Lào và các mường mán ở phía tây đều về triều cống. Năm 1611, nước Việt chia làm Nam Bắc triều, họ Trịnh làm chúa xứ Bắc, họ Nguyễn làm chúa phương Nam. Để mở mang khu vực mình, Nguyễn Hoàng đánh vào nước Chiêm Thành lấy đất lập ra phủ Phú Yên. Năm 1653, vua nước Chiêm Thành là Bá Thám sang khuấy phá đất Phú Yên, chúa Nguyễn Phúc Tần sang đánh, Bá Thám phải xin hàng. Chúa Nguyễn liền vạch ranh giới để từ sông Phan Lung trở vào cho vua Chiêm, còn từ Phan Lung trở ra sát nhập vào nước Việt lập ra phủ Diên Khánh (tức Khánh Hòa bây giờ).

Năm 1693, vua nước Chiêm Thành bỏ không tiến cống, chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu đem binh đi đánh bắt được vua Chiêm là Bà Tranh và bọn thần tử là Tả Trà Viên, Kế Bà Tử, Bà Ân đem về Phú Xuân. Lần này, chúa Nguyễn đổi luôn đất Chiêm Thành làm Thuận phủ cho Tả Trà Viên, Kế Bà Tử, Bà Ân làm đề đốc cai trị, lại

bắt phải đổi y phục theo như người Việt Nam.

Từ đó nước Chiêm Thành mất hẳn.

Vấn đề quốc phòng phương nam chuyển sang một giai đoạn khác với những điều kiện chính trị mới, nhiều tính chất chính trị hơn quân sự.

Nước Chiêm Thành bị xóa bỏ để sát nhập và đồng hóa với nước Việt nên bây giờ biên giới phía Nam của nước Việt tiếp giáp với nước Chân Lạp, tuy nhiên việc bang giao giữa Chân Lạp với chúa Nguyễn đã có từ lâu rồi. Năm 1620, chúa Sãi đã gả Ngọc Vạn công chúa cho vua Chân Lạp tên là Chei-Chetta, sau khi đã hai lần mang quân giúp Chân Lạp đánh đuổi giặc Tiêm La (Thái Lan ngày nay). Lấy vợ Việt, Chei-Chetta có ý muốn người nhờ người lân bang giúp đỡ khi quốc biến, Chetta từng sống trên đất Tiêm La nhưng lại ghét người Tiêm La và quý người Việt hơn. Nhân đó, chúa Nguyễn mới điều đình với vua Chân Lạp mở một khu đồn điền tại Bà Rịa cho dân vào khẩn hoang làm ruộng vì đất Chân Lạp bỏ trống nhiều quá. Trên danh nghĩa chính thức chỉ nói có một khu, thực tế nó kéo theo cả một cuộc di dân và một chính sách đồn điền vào đất hứa với đất đai phì nhiêu, rộng mênh mông, sông ngòi chằng chịt rất thuận lợi cho nông nghiệp. Tất nhiên, đi kèm chính sách di dân đồn điền phải có quyền lực hậu thuẫn đằng sau để giữ được êm ả tới 40 năm.

Tới năm 1658 thì tình hình chính trị Chân Lạp rối loạn triền miên, con cháu các dòng vua cùng một máu mủ gây nội chiến can qua không dứt, kẻ đi cầu viện Tiêm La, người nhờ chúa Nguyễn thành thử sinh mệnh chính trị Chân Lạp suy kiệt dần, lãnh thổ Chân Lạp biến ra vùng tranh chấp giữa chúa Nguyễn với Tiêm La. Cuối cùng, Tiêm La yếu thế hơn phải lùi bước chịu để gần nửa lãnh thổ Chân Lạp đặt dưới quyền bảo hộ của chúa Nguyễn rồi cũng bị đồng hóa cùng chung số phận của Chiêm Thành. Bang giao Chân Lạp với chúa Nguyễn tổng cộng được chừng 140 năm. Khi không còn là quan hệ bang giao nữa thì lãnh thổ nước Việt nói rộng xuống đến mũi Cà Mau. Do những tranh chấp nội bộ nhà Nguyễn, do cuộc xâm lăng của Pháp nên việc mở mang bờ cõi ở phương nam đang tốt đẹp bị dừng lại.

Trở lại phương bắc, mặc dầu nước ta phản đối tranh chấp Trịnh Nguyễn, ngoài bắc còn có thêm nội chiến Trịnh Mạc dòng dã cả trăm năm, nhưng bờ cõi được yên ổn là vì Minh triều bên Tàu cũng ở trong tình trạng nội loạn thường trực, cuối cùng giống Mãn Châu tràn vào xâm lược đô hộ lập thành Thanh triều. Cho mãi tới năm 1788, sau khi đặt nền thống trị vững vàng rồi, Thanh triều mới dòm ngó

phương nam, tính ra từ ngày Lê Lợi đánh dẹp giặc Minh đến đó khoảng cách thời gian là hơn 300 năm.

Cái cớ mà Thanh triều mượn để làm danh nghĩa xâm lăng là do lời yêu cầu của vua Lê Chiêu Thống, vị vua cuối cùng của nhà Lê.

Đại nguyên súy của đoàn quân viễn chinh Thanh triều là Tôn Sĩ Nghị với hai phó tướng Sầm Nghi Đống và Hứa Thế Hanh, kéo một hơi từ Lạng Sơn, Cao Bằng về thủ đô Thăng Long.

Tướng Ngô Văn Sở sợ thế yếu đánh không nổi bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ núi Tam Điệp, rồi cho người về Phú Xuân cáo cấp. Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ hay tin quân Thanh đã sang đóng ở Thăng Long liền tự mình dẫn thủy bộ đại binh ra đánh giặc. Đúng đêm trừ tịch khua trống, phát cờ kéo ra bắc. Nửa đêm mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), quân vua Quang Trung đến làng Hà Hồi âm thầm vây kín các đồn giặc, bố trí xong đâu đấy mới cho nổi trống rầm rầm như sấm sét, bắc loa gào thét như thiên binh trên trời rầm rầm kéo xuống. Vua Quang Trung quán chiếc khăn vàng ở cổ cưỡi voi đi đầu hô quân xung phong. Đoàn tượng binh cả trăm con xông xáo làm cho hàng ngũ địch tan vỡ ngay, chúng vội vã rút vào trong thành cố thủ.

Năm 1784, Nguyễn Ánh (Gia Long) cử bộ tướng Chu Văn Tiếp sang Tiêm La cầu viện về đánh Tây Sơn. Vua Tiêm La đem 300 chiến thuyền sang giúp đánh úp lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Sa Đéc. Quân Tiêm La thả cửa cướp bóc, hãm hiếp dân lành. Tướng Tây Sơn là Trương Văn Đa cáo cấp về Qui Nhơn. Nguyễn Huệ thân chinh đi diệt giặc Tiêm La, bày trận ở Rạch Gầm và Soài Mút, chỉ có một trận ấy thôi mà 10 vạn quân Tiêm La tan tác chết quá nửa, chạy về đến nước nhà còn lại vài ngàn. (Chỗ này chắc sắp chữ lằm) Địch cắm chông tua tủa, đạn tên bắn ra như mưa. Quân ta lấy ba mảnh ván gỗ ghép ba mảnh làm một, dùng rơm cỏ đắp nước quán bên ngoài, cứ mười người khênh ván đi trước lại hai mươi người dắt đoàn binh theo sau lăn xả vào quãng ván xuống đè lên chông ào ào như thác lũ. Hai bên đánh xáp lá cà, lớp này ngã, lớp kia xông tới. Muôn ngàn tiếng hò hét, tiếng loa, tiếng trống, mùi máu cùng mùi thuốc súng. Chém giết càng lúc càng thêm ác liệt, quân Thanh chịu không nổi cắm đầu cắm cổ chạy. Đoàn quân chiến thắng reo hò tiến thẳng ra Thăng Long.

Trận chiến còn ác liệt hơn, đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Triều Long, tả dực Thượng Duy Thắng và một số tướng Tàu khác bỏ mạng ngay tại mặt trận. Sầm Nghi Đống trốn lên một gò cao rồi thắt cổ tự vẫn trên cành đa (gò này gọi là Gò Đống Đa). Tôn Sĩ

Nghị mất tinh thần không kịp đóng yên ngựa dẫn vài đội quân vượt cầu phao sông Nhị Hà qua tỉnh Bắc Ninh. Quân đội cũng chạy theo chủ tướng, cầu đổ nát hất cả vạn người ngựa xuống sông. Tôn Sĩ Nghị vớt lại cả sắc thư lẫn ấn tín trên dọc đường. Vốn vẹn 7 ngày, hai mươi vạn quân Thanh bị đánh vỡ tan tành.

Trong thời gian nội chiến giữa Nguyễn Tây Sơn với Nguyễn Gia Long, nước Chân Lạp (Cao Miên) nay chỉ còn phần đất phía tây đặt dưới quyền bảo hộ của Tiêm La. Khi Gia Long dứt được Tây Sơn rồi, Nặc Ông Chân vua Chân Lạp lại bỏ Tiêm La mà xin thần phục vua Gia Long theo lệ tiến cống cứ ba năm một lần. Đời vua Minh Mệnh (1834) thừa dịp nước ta có loạn Lê Văn Khôi, vua Tiêm La sai quân thủy bộ chia ra làm 5 đạo sang đánh. Đạo thứ nhất là thủy quân với 100 chiến thuyền tấn công Hà Tiên, đạo thứ hai bộ quân sang đánh Nam Vang rồi tiến chiếm Châu Đốc, An Giang, đạo thứ ba đánh Cam Lộ, đạo thứ tư đánh Cam Cát, Cam Môn, đạo thứ năm đánh Trấn Ninh. Chia ra 5 đạo nhưng chủ ý Tiêm La là dòm ngó Chân Lạp và các tỉnh miền Nam nước Việt.

Tướng Trương Minh Giảng đánh tan quân Tiêm La ở Cổ Căng đuổi quân Tiêm La ra khỏi bờ cõi rồi lấy lại thành Nam Vang, trao trả quyền cho vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân. Các mặt trận khác, quân Tiêm La đều thất bại như trận Cổ Căng. Cuộc chiến kéo dài chừng 4 tháng.

Tháng 3 năm Nhâm Dần (1782), vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giờ đánh nhau với Nguyễn Vương ở Thất Kỳ Giang. Trận ấy quân Nguyễn Vương thua lớn, có một chiếc tàu Pháp mà thuyền trưởng tên Manuel bị quân Tây Sơn vây và đốt chìm. Đó là cuộc giáp chiến đầu tiên giữa Việt Nam với một kẻ xâm lăng mới, một thứ du mục thời đại theo định nghĩa của sử gia Oswald Spengler.

Hơn 50 năm sau (1847), đời vua Triệu Trị có hai chiến hạm Pháp vào Đà Nẵng bắn phá. Sau hai giờ tác chiến, tất cả các chiến thuyền, hàng trăm thuyền bè của ta chỉ còn là những mảnh vụn trôi lều bều. Kể từ sau đó, giặc Pháp nhờ có thuyền kiên pháo lợi tiến hành mưu mô xâm lược hết Nam Kỳ rồi ra Trung và Bắc. Hết đời vua Tự Đức thì mưu mô xâm lược cũng vừa hoàn tất, nước ta mất về tay người Pháp, sống dưới nền đô hộ mới gọi là thực dân địa. Khắp nơi chỉ còn có những cuộc kháng Pháp của nhân dân từng địa phương, vẫn còn vua còn quan, còn triều đình nhưng đây chỉ là hình ảnh của một đám vong quốc nô.

Ngai vàng nặng để ê chề non nước.

*

5000 năm sử Việt là 5000 đấu tranh sắt máu không dứt với nòi Hán để tồn chủng, với các giống khác để khỏi bị cướp lẩn, tàn phá triền miên trong hàng chuỗi chiến tranh chống xâm lược, chiến tranh cách mạng dân tộc và chiến tranh mở mang bờ cõi vì lẽ sống còn.

Chiến tranh đối với người Việt là cuộc đổ máu đầy ý nghĩa. Chiến tranh bắt thời đại đi vào những con đường mà thời đại ngại ngừng do dự mãi không dám tiến vào. Chiến tranh là thời cơ sống chết, ngàn năm một dịp của những ai bị đè nén và áp bách mong chờ. Nó để cho mình một thuận tiện: lấy vũ lực ra cứu nước, đem sắt lửa với máu ra tranh đòi lấy chủ quyền, cái chủ quyền của tự mình được tự do, dùng ý chí của mình đối với đất đai dân chúng, việc làm, đường đi và vận mệnh của tự mình. Không đổ máu tuyệt không mong xoay chuyển được thời đại, lịch sử. (Trích Huyết Hoa).

Lúc nào cũng sẵn sàng với tranh chiến như vậy nhưng người Việt lại càng sẵn sàng hơn với việc chấm dứt chiến tranh, lựa đúng lúc đổi vũ thành văn, đổi binh thành lễ, đem can qua mà biến thành lụa ngọc chứ không quá hăng như “dân Sparte bảo rằng nếu gươm anh quá ngắn thì hãy tiến lên một bước cho nó dài ra”. (Si ton épée est trop courte, allonges-la d’un pas!).

Đọc tinh thần bức thư của vua Quang Trung gửi cho vua nhà Thanh sau khi 20 vạn quân Tôn Sĩ Nghị đã không còn mảnh giáp chạy về: *“Trộm nghĩ binh đao vẫn là việc bất đắc dĩ của thánh nhân. Đại hoàng đế thâm nghiêm ngự nơi cửu trùng. Những truyện cương trường, Tôn Sĩ Nghị không hề tau rõ từng một việc một. Hấn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thể rối ren đến thế.*

“Châu cháu đá xe, tôi thật không dám, song cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc nhích gì thì liền bị kẻ khốn thân hiếp đáp không sao chịu nổi, nên hình tích mới dường như chống cự.

.....
“Vị bằng chút tình trước đây không được bày tỏ, Thiên triều không chịu khoan dung một chút nào cứ muốn động binh để tranh chiến thì bấy giờ Đại quốc có dạy bảo gì, tôi cũng chỉ xin theo ý thôi”.

Vẫn sẵn sàng đánh mà vẫn cầu hòa, cái tinh thần tự chế cao như ở đây chứng tỏ người Việt có một bản chất cực hiếu hòa. Thắng lớn nhưng không hề kiêu dũng. Tinh thần quốc phòng luôn luôn đặt ở điểm quân bình giữa thắng bại, thắng không vinh vác, trể biếng, bại không hèn hạ, tuyệt vọng, tuyệt đối thực tế không viên vông. Phạm

đã là người anh hùng cứu quốc thì dù thành công hay thất bại, dân chúng vẫn mãi mãi thờ phụng. *Thắng lợi thì lấy lý trí mà phê phán, thất bại thì đem tình cảm mà tôn kính*. Đền thờ vua Lê không lớn hơn đền thờ bà Triệu Ẩu hay đền thờ Triệu Quang Phục và lòng sùng kính của dân chúng chẳng đặt ai hơn ai. Hai mươi một Lê Lai, hai mươi hai Lê Lợi, người Việt đơn giản nhớ ngày giỗ của hai người với sự đối đãi hoàn toàn bình đẳng. Dù Gia Long làm đủ mọi cách để hạ nhục Quang Trung, thậm chí đến đem sọ của Nguyễn Huệ làm bô đi tiểu, nhưng càng làm nhục thì lòng dân càng thương xót sùng bái người anh hùng áo vải Tây Sơn.

*

Sử Trung Quốc, đời Xuân Thu chỉ có quý tộc binh, sang thời Chiến Quốc mới có việc mộ binh. Tần đại có trưng binh và tới đời Hán bắt đầu có chính sách binh dịch.

Sử Việt không hề nói tới quý tộc binh, sự tích đức Thánh Gióng được sứ giả vua đi tìm, cho thấy chính sách mộ binh và bình dân được đầy đủ quyền hành trọng vọng để tham dự việc binh của nước ta đã có từ lâu lắm.

Cuộc cách mạng dân tộc vũ trang do hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị lãnh đạo đưa ra phương châm để động viên toàn dân.

Về sau này, chế độ binh dịch của ta đặt trên tinh thần (chỗ này chắc sắp chữ lộn), tinh thần phương châm đó, cho nên không xảy ra những thảm kịch ác nghiệt như vụ nàng Mạnh Khương tìm chồng bị trưng binh lính thú ở Vạn Lý Trường Thành, như chuyện người con trai của Tái Ông bị ngã ngựa mà khỏi phải đi lính, hay những cảnh bắt lính gây ai oán tả trong các bài thơ của Đỗ Phủ.

Tất nhiên cũng có những chia ly buồn bã:

Thùng thùng trống đánh ngũ liên

Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa

và những cực nhọc khổ sở:

Chém tre dẫn gỗ trên ngàn

Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai

Phàn nàn cùng trúc cùng mai

nhưng không là nạn nhân của tội ác. Nếu phải chống giặc là tự nguyện khắc hai chữ “sát đát” vào cánh tay, khắc như vậy để chấp nhận thực sự sống chết với giặc.

Mỗi trận chiến tranh xảy ra trên đất Việt đều thấy có cảnh tượng toàn dân vi binh. Nếu lần nào không có tất là quân sự quốc phòng thất bại, tỉ dụ nhà Hồ chống quân Minh, quân chúa Trịnh vào miền nam đánh nhau với chúa Nguyễn.

Binh thì vậy, còn tướng thì sao?

Sách “Nam Hải Dị Nhân” của Phan Kế Bính chép:

“Một khi Phạm Ngũ Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt, sực có Hưng Đạo Vương từ trại Văn An vào kinh, quân quyền kéo đi rất đông. Quân quyền hô thấy Ngũ Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ Lão cứ ngồi nghiêm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ Lão vẫn cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng Đạo Vương đến nơi trông thấy thế lấy làm lạ, gọi đến hỏi thì bấy giờ mới biết là có quan quân đi qua và quân lính đâm vào đùi mình.

Hưng Đạo Vương hỏi:

“Nhà thầy ở đâu sao ta đi qua đây mà cứ ngồi lì làm vậy?”.

Lão đáp:

“Tôi đang mãi nghĩ một việc cho nên không biết ngài qua đây”.

“Hưng Đạo Vương lấy làm kỳ, hỏi đến sự học hành thì hỏi đâu nói đó, kinh truyện thao lược không thiếu một chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

“Hưng Đạo Vương mới sai đi lấy thuốc dịt vào chỗ giáo đâm rồi cho ngồi xe đem về kinh dâng lên vua Thánh Tôn. Sau Phạm Ngũ Lão theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Mông Cổ nên công trạng rất nhiều. Hưng Đạo Vương có lòng yêu mến mới gả con nuôi là Nguyên quận chúa cho.

“Đào Duy Từ khi ở ngôi trọng thần của chúa Nguyễn trong nam, một hôm nằm mộng thấy có con hổ đen chạy vào chọt lại mọc hai cánh mà bay lên được. Sực tỉnh dậy thì thấy Nguyễn Hữu Tiến mặc áo thâm, cầm quạt từ ngoài vào đứng hầu ở dưới thềm. Duy Từ trông trạng mạo phi thường của Tiến mới hỏi chuyện rồi lân la đàm đạo về các việc chính sự, quân sự, Tiến phân tích, lý luận rất hay. Duy Từ liền tán cử Nguyễn Hữu Tiến với chúa Nguyễn, sau Tiến trở nên một tướng giỏi thường được gọi là Nam triều hổ tướng”.

Tướng vị theo truyền thống nước ta đều lấy tài thao lược làm chuẩn và căn cứ trên công tích để lên cao không có vấn đề bè phái. Do đó, chiến trận thường rất gay gắt, thua được không bao giờ dễ dàng, nếu có thua thì cũng đã giáng vào đầu quân địch những tổn thất nặng. Một truyền thống khác là Nguyễn Xí, Nguyễn Trãi lặn lội đi tìm Lê Lợi coi chính trị việc chung, mỗi người đều có bổn phận đóng góp, khác hẳn tinh thần tự đề cao thân giá của Khổng Minh trong tích Tam Cốc thảo lư chờ Lưu Bị gọi mưa đáp tuyết cầu hiền.

Binh sự Việt đều đặt trên nền tảng “văn vũ hợp nhất”. TỐI CAO chỉ huy thường thường là một văn nhân, nếu không thì vị võ tướng cũng phải

có khả năng văn học hơn người. Bởi vì từ ngàn xưa dân Việt phải đương đầu với nòi Hán có nhiều kinh nghiệm về tính chất quan trọng của tư tưởng chiến tranh. Sự thắng bại của đôi bên trong một cuộc chiến tranh không ở nơi trận địa cục bộ. Một vị tướng lãnh theo tiêu chuẩn của lịch sử Việt là văn hóa rèn luyện, đạo đức tu dưỡng, hiểu biết nhiều mặt đầu não chính trị, ngoại giao phong độ phối hợp với nhau. Lý Thường Kiệt là điển hình.

*

Sách “Cảnh Phạm” viết:

“Từ xưa đến nay, định đứng ở phương nào, trước nhất phải xem xét kỹ càng đại thế thiên hạ, nếu không xem xét mà cứ xông bừa thì công lẫn thủ tuy khác nhau đấy nhưng bại vong vẫn là một, ý bảo rằng dựng nước thì phải có kế hoạch quốc phòng, kế hoạch ấy chỉ có thể hoạch định sau khi đã hiểu rất rõ hoàn cảnh địa lý.

“Quốc phòng tuyến nước ta sáng tạo từ đời Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh chan hòa khắp giang sơn đất nước, mỗi làng xã là một phòng tuyến chiến đấu linh động, uyển chuyển không chết đứng như Vạn Lý Trường Thành. Nay rước vua vào Thanh Hóa, mai đã thiết lập triều đình tại Hải Dương (thời kỳ đánh giặc Mông Cổ) không có thủ bằng thành lũy nào hết, làng xã vốn có khả năng tự cấp tự túc nên cũng không có trung tâm kinh tế nào lọt vào tay giặc mà tạo thành quyết định sinh tử cho cuộc chiến”.

Sách “Cảnh Phạm” viết:

“Hữu căn bản chi địa, hữu khởi sự chi địa, lập bản tất thẩm thiên hạ chi thế, nhi khởi sự giả bất trạch địa”. nghĩa là có đất làm nơi khởi sự, lập căn cứ phải xét thế của thiên hạ, có khởi sự không cần chọn chỗ đất nào”.

Rừng núi, nơi thẳm sâu của nội địa ta thường được dùng làm căn cứ địa, chỗ khởi sự đánh giặc thì ở bất cứ nơi nào. Hết mọi cuộc chiến tranh trên đất Việt, trận địa chiến bao giờ cũng xảy ra vào phút chót, phút sắp phân thắng bại. Nhiều lần những nút giao thông lọt cả vào tay giặc mà ta vẫn không rơi vào thế tuyệt vọng là nhờ ở căn cứ địa vững vàng, đúng thế, nhờ phạm vi khởi sự quá rộng, sự đối kháng vẫn không giảm sút. Vận động biện chứng giữa căn cứ địa với khởi sự luôn luôn đẩy quân xâm lược vào thế bao vây và phản bao vây nói theo từ ngữ mới. Sở dĩ nhà Tống bên Trung Quốc không chống nổi quân Mông Cổ là vì hồi ấy Tống có quá nhiều trung tâm kinh tế lớn lao quyết định sinh hoạt toàn bộ dân chúng, quân Mông Cổ chỉ việc chiếm các trung tâm ấy là lập tức sinh hoạt rã rời. Khi

sang ta, Mông Cổ áp dụng cùng một chiến lược gập phải quốc phòng tuyến Việt không đặt ở các trung tâm cho nên sự chiếm cứ thật mau các trung tâm đã chẳng mang lại cho Mông Cổ cùng một hiệu quả như đã xảy ra bên Trung Quốc. Nước ta vốn dĩ sống trong tình trạng giặc giã thường trực nên quốc phòng tuyến bắt buộc phải ghép liền với chiến tranh thường kỳ.

Quan trọng hơn hết là kinh tế quốc phòng. Sách “Cảnh Phạm” viết: “Tự cổ lai vị hữu bất sự dân sinh nhi khả dĩ lập quốc gia”, nghĩa là: “Từ xưa đến nay chưa thấy ai không hoàn tất việc dân sinh mà có thể lập quốc. Kinh tế mới thật là cơ sở quốc phòng”.

Anh ơi phải lính thì đi
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi
Tháng Chạp là tiết trồng khoai
Tháng Giêng trồng đậu, tháng Hai trồng cà
Tháng Ba cày bờ ruộng ra
Tháng Tư reo mạ thuận hòa mọi nơi
Tháng Năm gặt hái xong rồi
Trời đổ mưa xuống nước trôi đầy đồng
Anh ơi giữ lấy việc công
Để em cày cấy mặc lòng em đây

Câu ca dao bình dị nơi dân giả cho thấy sự khăng khít giữa quân sự và kinh tế trong chiến đấu. *Tối cao nguyên tắc của chiến tranh là sự nhất chí của điều kiện sinh hoạt với điều kiện chiến đấu.* Tỉ dụ: Cổ đại nông nghiệp dân tộc đã áp dụng phương trận nông điền để chống với du mục dân tộc, mỗi phương trận trở thành một tiểu đơn vị phòng thủ, đã áp dụng đồn điền để tràn lấn vào lãnh thổ các dân tộc du mục.

Nói chiến đấu nào tất nhiên phải có kế hoạch kinh tế thích hợp với lối chiến đấu ấy.

Điều kiện sinh hoạt mà nhất chí được với điều kiện chiến đấu thì mạnh, rời rã thì yếu, tương phản thì thua.

Một quân sự gia Trung Quốc trong thời kháng Nhật viết:

“Chiến lược du kích trường kỳ chỉ có thể thành công nếu công tác vận động sinh sản tự cấp tại nông thôn thực hiện tốt đẹp”.

Sức mạnh quốc phòng của nước ta tự lúc lập quốc đến nay đều ở trong sự kết hợp nhất chí giữa trí tuệ vũ lực chính quyền với một hệ thống làng xã đan kết chặt chẽ nơi đồng ruộng bao la. (Elle s'installe sous une forme végétative mais capable de durer dans la juxtaposition à perte de vue de ses villages en rizière - Paul Mus).

Với một lịch sử cả 5000 năm đấu tranh tích lũy kinh nghiệm đã tạo cho dân tộc Việt một cái trí tuệ quốc phòng thật hoàn bị. Thời kỳ mà cái trí tuệ đó không được đôn đốc, khai triển đều đưa ta đến vong quốc.

Như đời Tự Đức ngự duyệt cuộc thao diễn binh lực. Giữa lúc ông đang ngồi tại hành cung bỗng nghe ngoài khơi có tiếng súng nổ. Thì ra thuyền vận tải của ta bị hai chiếc tàu của Tàu Ô đánh cướp. Thuyền của ta tuy đông mà vẫn thua, thậm chí hai chiếc tàu của giặc có một chiếc dám cả gan xông vào bờ không thềm đếm xỉa đến vua quan ta đang tụ tập cả ở Cửa Thuận. Tức thì lực lượng thủy quân ta được lệnh ra tiếp cứu đoàn thuyền bị nạn, nhưng súng có bắn ra mà chẳng viên đạn nào trúng đích.

Thấy tận mắt võ lực triều đại mình, vua Tự Đức quá xúc động về làm một bài thơ nôm gửi sang bên võ quờ trách mà đoạn chót như sau:

Phen này mắt thấy tai nghe

Tham sinh úy tử một bè như nhau

(Chỗ này chắc sắp chữ thiếu)

Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi

Cũng xưng là đáng làm tôi

Cớ sao chẳng biết hổ người trong mình

“Trí tuệ quốc phòng Việt mở ra từ luật tắc biện chứng: “Xích hữu sở đoản, thốn hữu sở trường”. Thước mà ngắn tắc mà dài, cái lẽ ưu thế liệt thế mạnh yếu của tương quan lực lượng không đứng chết một chỗ, nó xoay chuyển không ngừng, cần phải nắm được giềng mối vận động biện chứng của nó. Đây là lý do tại sao “Thế giặc mạnh ta yếu mà ta địch nổi, quân giặc nhiều ta ít mà ta được luôn. Nhật nguyệt hối mà lại minh, càn khôn bí mà lại thái”.

“Dĩ chiến vi thủ, thủ tất cố, dĩ thủ vi chiến, chiến tất cường”, lời Đức Trần Hưng Đạo ghi trong “Vạn Kiếp bí truyền” nghĩa là : dùng chiến để thủ, thủ kiên cố, dùng thủ để chiến thì chiến phải cường, chính là biện chứng của chiến lược. Đối với phương Bắc, chiến lược thường nghiêng về dùng chiến để thủ, đối với phương Nam chiến lược thường nghiêng về dùng thủ để chiến, lán đến đâu dựng đồn điền phương trận đến đó. Tuy nhiên, nếu nói về toàn bộ diễn tiến của chiến tranh thì biện chứng thủ chiến càng hết sức linh hoạt, có nơi thủ chẳng bằng chiến, có nơi chiến chẳng bằng thủ”

Bao trùm lên hết tất cả là tinh thần quốc phòng. Sách “Cảnh Phạm” viết: “Công thủ vạn đoan, sảo chuyết di dụng, thần nhi minh chi diệc tồn hồ kỳ nhân nhi dĩ”, nghĩa là “tấn công hay phòng ngự trăm ngàn hình thái, giỏi hay vụng khác nhau ở nơi tinh thần con người mà

thôi”.

“Thiết hiểm dĩ đắc nhân vi bản, bảo hiểm dĩ trí kế vi tiên, nhân thắng hiểm vi thượng, hiểm thắng nhân vi hạ, nhân dữ hiểm quân, tài đắc trung sách”, nghĩa là: “Gây một hiểm địa điều gốc là phải được người phòng giữ hiểm địa trí và kế là cần nhất, thượng sách ở chỗ đắc nhân, chỉ dựa vào hiểm địa là hạ sách; người với hiểm địa ngang nhau là trung sách”.

“Địa lợi diệc hà thường chi hữu tai, Hàm Quan Kiếm Các, thiên hạ chi hiểm dã, Tấn dụng Hàm Quan khước lược quốc chi hữu dư, đại kỳ mặt dã, cự quần đạo nhi bất túc. Gia Cát Vũ Hầu xuất Kiếm Các chấn Tần Lũng, qui Tam Phụ; Lưu Thuyền hữu Kiếm Các nhi thành đô bất năng bảo. Cố kim thành, thang trì bất đắc kỳ nhân dĩ thủ chi tầng bất cập bồi lũy chi khâu, phiếm lãng chi thủy, đắc kỳ nhân tắc khô mộc hủ thù giai khả dĩ vi địch nạn”, nghĩa là: “Địa lợi trong thiên hạ chỗ nào mà chẳng có, cửa Hàm Quan, cửa Kiếm Các đều là hiểm địa của thiên hạ. Nhà Tần dùng Hàm Quan đã thừa sức thôn tính lược quốc, thế mà cuối đời Tần, Hàm Quan không còn đủ sức để ngăn kẻ trộm cướp. Gia Cát Khổng Minh ra cửa Kiếm Các chấn định Tần Lũng, qui phục Tam Phụ trong khi Lưu Thuyền cũng từng giữ Kiếm Các mà cung điện thành đô cũng không giữ nổi. Thành đồng, tường sắt mà làm gì nếu không có người để bảo vệ nó, giá trị của nó chẳng bằng mô đất bùn, vũng nước, cỏ mục cây khô, nếu có lòng người quyết tâm thì bùn nước, cỏ cây cũng dư sức để làm cho địch quân khốn khổ”.

Tinh thần quốc phòng tức là sự xác định chiến chí. Tại làng An Nhân ngoài Bắc, dân lập đền thờ ông Đoàn Thượng, đền thờ ấy là tượng trưng cho cái chiến chí hàng tại của nòi giống.

Thời Huệ Tôn nhà Lý, Đoàn Thượng phụng mệnh trấn thủ ở Hồng Châu. Khi Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho vua Trần Thái Tông, Đoàn Thượng chiếm giữ một châu không chịu theo nhà Trần. Thái sư nhà Trần là Trần Thủ Độ sai sứ đến dụ hàng. Thượng nhất định không nghe, chiêu tập binh mã có ý muốn khôi phục nhà Lý.

Trần Thủ Độ đem quân xuống đánh nhau luôn mấy năm không phá nổi. Cuối cùng là trận Văn Giang, quân nhà Trần hai mặt đánh dồn vào một, quân Đoàn Thượng vỡ chạy tán lạc mất cả. Đoàn Thượng bị một tướng nhà Trần chém trộm một nhát vào cổ gần đứt. Đoàn Thượng ngoảnh lại thì tướng kia sợ hãi chạy mất. Đoàn Thượng mới cởi dây lưng ra buộc vào cổ cho khỏi rơi đầu, rồi hằm hằm té ngựa chạy về phía Đông. Chạy đến đâu quân nhà Trần phải răn đường cho chạy chớ không dám đánh.

Khi chạy đến làng An Nhân, có một ông cụ già, áo mũ chững chạc, chấp tay đứng bên đường nói rằng:

- Tướng quân trung dũng lắm. Thượng Đế kén ngài làm thần xứ này rồi đây. Có một cái gò bên cạnh kia, đó là hương quả của tướng quân xin tướng quân lưu tâm cho.

Đoàn Thượng vâng một tiếng rồi đến chỗ gò ấy xuống ngựa gói đầu vào ngọn mác mà nằm, một lát thì mát, mới đùn lên lấp thành mồ.

Một khi chiến chí đã được xác định, người Việt nào cũng sẽ gan dạ chiến đấu như Đoàn Thượng.

Cái đáng quý nhất cho quốc phòng không có gì bằng tinh thần quốc phòng, tức cái chí quyết chiến. Có chiến chí ấy thì mới có dốc một lòng phụ tử vác cần câu mà đánh giặc. Có chiến chí ấy thì mới “thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc”. Có chiến chí mới có lời nói “Nếu bệ hạ muốn hàng xin hãy chặt đầu tôi trước đã”.

Năm Đinh Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 30, người Pháp hứa trả lại bốn tỉnh và nói lại hòa hiếu, triều đình vui mừng cho là đã được vô sự.

Cho nên trong khoa thi hội, đã lấy việc “Sứ nước Pháp vào châu, hòa hiếu hợp lễ” để ra đầu đề bài thi. Với cái tinh thần quốc phòng như thế nước mắt là điều đương nhiên.

Tinh thần quốc phòng Việt là kết tinh của bốn nhân tố:

- Lòng yêu với người thân, nhiều điều phủ lấy giá gương.
- Hai bàn tay với đất đai, nước mắt và mồ hôi xây dựng giang sơn.
- Trí tuệ sáng tạo như trăm ngàn hoa nở.
- Máu đào và tranh đấu với giặc, tổ tiên con cháu cùng nhuộm máu trên giải đất từng chứng kiến bao nhiêu trận oanh liệt còn ghi dấu anh hùng (Trích “Chu tri lục”).

Những quy luật chính trị trong sử Việt

CHÍNH TRỊ

Một lập trường cốt lõi, một cương lĩnh

siêu nhiên, một sách lược tất thắng

(Chu Tri Lục)

Vấn đề chính trị là một bộ môn trọng yếu nhất của văn hóa nhân loại. Nếu như chính trị có biện pháp thì mọi vấn đề khác sẽ theo nó mà có biện pháp, nếu như vấn đề chính trị không giải quyết thì xã hội không thể tồn tại.

Tiền Mục

Một người ngoại quốc đến Việt Nam có thể dễ dàng nhận thấy rằng từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau không hề có những kiến trúc vĩ đại chứng tỏ thời đại huy hoàng lịch sử như Vạn Lý trường thành, Angkor Vat v.v... Ngay cả ở những nơi đóng đô ngàn xưa và bây giờ: Phong Khê, Thăng Long, Hoa Lư, Phú Xuân v.v... cũng không thấy dấu tích đền đài, cung điện tráng lệ bao giờ.

Điều này chứng tỏ chính trị Việt trải mấy ngàn năm không có vấn đề ai thống trị ai. Với một bên là tập đoàn thống trị và một bên là quần chúng nhân dân mà triết lý chính trị phương Tây cho là vấn đề then chốt, bởi vì một hoàn cảnh lập quốc, cùng với vị thế địa dư đặc thù, chính trị Việt chỉ có cuộc đấu tranh gốc là hoàn chỉnh. Một quốc gia, một dân tộc trong cái hình ảnh Việt điều sào nam chi (chim Việt đậu cành Nam) đồng thời tìm mọi cách thoát khỏi vị thế địa dư cùm kẹp.

Đền đài, cung điện tráng lệ để làm gì khi luôn luôn sẵn sàng phải bỏ kinh đô dùng đồng ruộng núi rừng mệnh mông để bao vây kẻ xâm lược từ ba bốn phía thường xuyên đe dọa chiếm kinh đô. Chỉ một lần, vua An Dương Vương Thục Phán xây Loa Thành, hào sâu thành rộng nhưng đã bị Triệu Đà dùng kế cho con là Trọng Thủy sang lấy My Châu rồi ăn cắp nỏ thần và dò địa thế Loa Thành, rồi đem quân sang đánh mà mất nước. Lời Thần Kim Qui còn văng vẳng: “Giặc ngòi sau lưng nhà vua đấy”, đã khải phát cho tư tưởng chính trị Việt đời đời về sau chớ trông cậy vào nỏ thần, thành trì kiên cố, hãy tin tưởng nơi trí tuệ và tình ý của con người, đó mới thật là yếu tố quý báu nhất để giữ nước. Kẻ hại nước dù vì làm lỡ, dù là con gái ruột thịt cũng phải chết chém. Nợ nước tuyệt đối cao hơn tình nhà.

Đã không lâu đài tráng lệ, do bóc lột như A Phòng cung với 3000 cung nữ, như Cô Tô đài để tình tự cùng Tây Thi, lại không cả thành

cao hào sâu ngăn cách thì làm gì có sự thống trị và bị thống trị. Quan hệ giữa chính quyền với nhân dân thuần túy là quan hệ giữa lãnh đạo với bị lãnh đạo. Đào luyện bằng những kinh nghiệm đau thương của ngàn năm đô hộ, quan hệ lãnh đạo với bị lãnh đạo chẳng còn cơ sở nào khác hơn là phương châm của chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị: Nhiều điều phủ lấy giá gương, hình ảnh khăng khít của những người trong một nước. Trong lịch sử không phải không có những ông vua ác, hoặc hoang dâm vô độ như Lê Long Đĩnh tức Ngọa Triều hoàng đế nhưng đây chỉ là một cá nhân làm đường lạc lối lập tức bị chối bỏ ngay, cho nên trị vì được hai năm, Long Đĩnh mất, đình thần tôn Lý Công Uẩn làm vua chấm dứt hẳn sự nghiệp chính trị nhà tiền Lê. Câu vè:

*Con vua thì lại làm vua
Con nhà chùa thì lại quét lá đũa*

là nói về tính chất thế tập trung của chính trị quân chủ cha truyền con nối cốt để tránh những cuộc khủng hoảng lãnh đạo chứ không ngụ ý căm thù “tập đoàn thống trị” hay chống bọn quý tộc vì ở nước Việt đã không còn danh phận quý tộc kể từ ngày công chúa Tiên Dung, con vua Hùng Vương thứ 3 lấy anh chàng đánh dậm Sử Đồng Tử, rồi sau cả hai hóa thành tiên.

Căn bản quan hệ lãnh đạo với bị lãnh đạo của chính trị Việt từng được ghi rõ trong bài hịch của Trần Hưng Đạo bằng mấy câu:

“Lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười...”

Đẹp tan được giặc mà lập nên công danh, chẳng những là thái ấp của ta được vững bền mà các người cũng đều được hưởng bổng lộc; chẳng những gia quyến của ta được yên ổn, mà các người cũng đều được vui với vợ con, chẳng những tiên nhân của ta được về vang mà các người cũng được phụng thờ tổ phụ trăm năm vinh hiển, chẳng những là một mình ta được sung sướng mà các người cũng được lưu truyền sử sách thơm tho ngàn đời...”

Và biểu hiện qua lời nói của vua Lý Thái Tôn:

“Trẫm ở cung điện ăn mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, vả lại có người xét hỏi chưa xong, giam lâu ngày chưa rõ, nhớ rét quá mà chết thì thật là thương lắm.

“Lòng trẫm yên dân cũng như yêu con trẫm vậy hiểm vì những kẻ

bách tính ngu dại làm càn phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ nay về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi” nó được thể hiện bằng một hội nghị Diên Hồng. Vua Nhân Tôn cho triệu cả các bô lão dân gian hội tại Diên Hồng để bàn xem nên cầu hòa hay nên đánh Mông Cổ. Các bô lão đều đồng thanh xin đánh. Vua thấy dân gian một lòng như vậy cũng quyết ý phát động chiến tranh sống chết với giặc”.

Thật là khác hẳn với tình trạng: “Guerre aux chateaux, paix aux cabanes” (Để mặc bọn ở lâu đài chinh chiến, anh em nhà lá cứ sống hòa bình) của Tây phương.

Chẳng phải vì nòi giống Việt đã có một khả năng màu nhiệm nào đó để đi ra ngoài luật tắc chung của chính trị. Mà chính là do những điều kiện thực tế bắt buộc. Chính trị Việt luôn luôn cần sự đùm bọc, nếu không thế, nếu chỉ biết thống trị tất sẽ bị nô lệ hóa ngay trước các lân quốc luôn luôn sẵn sàng tiêu diệt dân tộc Việt.

Mạc Ngọc Liên dòng họ Mạc Đăng Dung, người cướp ngôi nhà Lê theo phò Mạc Kính Cung chiếm giữ châu Yên Bái ở Lạng Sơn để làm căn cứ địa. Chúa Trịnh sai tướng Hoàng Đình Ái đem binh lên đánh. Mạc Kính Cung và Mạc Ngọc Liên phải chạy sang Long Châu. Ít lâu sau, Mạc Ngọc Liên chết có thư để lại dặn Mạc Kính Cung rằng:

“Nay họ Lê lại dấy lên được, ấy là số trời đã định còn dân ta thì có tội gì mà ta nỡ để khổ sở mãi về việc chiến tranh. Vậy ta nên đành phận lánh mình ở nước ngoài, chớ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân mình”.

Ngọc Liên không đặt vấn đề thống trị của dòng họ Mạc làm trọng mà coi sự đùm bọc giữa những người Việt với nhau làm quyền lợi tối thượng. Khi quan niệm chính trị bằng thống trị thì mới cần chủ quyền vào tay mình nhưng khi đã quan niệm chính trị bằng lãnh đạo thì quyền lãnh đạo ấy dễ dàng nhường cho ai đưa nước đưa dân vào con đường quang minh, dễ dàng lùi bước để tránh một cuộc tương tàn máu mủ ruột thịt tai hại cho sinh mệnh dân tộc.

Để có quyền chính người phương Tây thường lý luận:

“Uy quyền chính trị không tự rơi vào tay ai xứng đáng, phải dành đoạt mà lấy. Kẻ quyết định là kẻ nhiều người sợ nhất hoặc lớn tiếng nhất”. (L’*autorité politique ne se mérite pas, elle s’obtient. Le dernier mot appartient à celui qui fait le plus peur on crie le plus fort*).

Machiavel nói: “Thành công tạo nên sự xứng đáng” (Le succès fait le

mérite). Cho nên khi chọn vị lãnh đạo, họ thường đi theo ai đã đoạt chính quyền hoặc bầu cho ai đã lớn tiếng. Trong lịch sử chính trị Việt, muốn lãnh đạo cần có công to với nước, phải đóng góp cho sự lớn lên của dân tộc. Trong ba điều: lập đức, lập ngôn, lập công thì lập công là hàng đầu. Khởi mở là vụ tể tướng Lữ Gia giết Cù Thị và Ai Vương vì Cù Thị thái hậu âm mưu với sứ thần giống Hán An Quốc Thiệu Quý định đem nước Nam về dâng cho nhà Hán, rồi cùng thái tử Kiến Đức lãnh đạo chống Bắc phương. Một nỗi dậy dù nhỏ nhoi như vụ Phùng Hưng đánh phá phủ Đô hộ cũng đủ cho dân lập đền tôn làm Bồ Cái đại vương kính thờ bằng cha mẹ. Từ đấy về sau, người lãnh đạo toàn là những anh hùng của những cuộc cách mạng dân tộc phản đế. Cái chuyện cướp chính quyền chỉ để mà thống trị không bao giờ được chấp nhận. Kiêu Công Tiễn cướp quyền của Dương Diên Nghệ bị Ngô Quyền vây đánh, Tiễn sang cầu cứu nhà Nam Hán đưa Hoàng Thao về cướp nước đã bị đánh bẹp chỉ với một trận Bạch Đằng. Âm mưu thoán đoạt kiểu Mạc Đăng Dung tất bị dân chán ghét. Theo sử chép:

“Khi vua Lê Chiêu Tôn chết, Mạc Đăng Dung bắt các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc. Cung Hoàng và bà Hoàng thái hậu bị giết tất cả. Bảy giờ triều thần phần lớn là người khoa bảng đều tỏ ý phản nộ, có ông nhổ vào mặt Mạc Đăng Dung, có ông lấy nghiên mực ném vào mặt hay chửi bới kẻ quyền thần bị Mạc Đăng Dung giết chết đi, có ông nhảy xuống sông mà chết, có ông quay đầu về Lam Sơn, nơi khởi nghĩa chống Minh của vua Lê Thái Tổ, lạy rồi rút kiếm tự đâm vào cổ”.

Hành động quay đầu về Lam Sơn nói lên bao nhiêu ý nghĩa: Cái công diệt giặc Minh mấy trăm năm sau vẫn còn đời đời ghi nhớ. Trước đấy, Hồ Quý Ly cũng bị hãm vào cảnh tương tự, dân sở dĩ không theo họ Hồ bởi vì cái công đánh giặc Mông Cổ chưa ai quên được.

Trở về trước xa nữa, khi Đinh chuyển vào tay Lê, sử chép như sau: “Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích ám sát. Đinh thần tìm bắt Đỗ Thích làm tội và tôn Đinh Tuệ lên làm vua. Đinh Tuệ mới có 6 tuổi, nhà Tống nghe tin Tiên Hoàng mất, trị quân còn đại, muốn thừa thế sang lấy nước ta mới hội đại binh ở biên giới. Bên ta được tin quân Tàu sắp sang, Thập Đạo tướng quân sai Phạm Cự Lượng đem binh đi chống giữ. Trước khi khởi hành, Phạm Cự Lượng họp cả quân sĩ lại ở trong điện rồi nói rằng: “Bây giờ giặc sắp vào cõi mà vua thì còn bé, lấy ai thường phạt cho chúng mình. Dẫu mình có hết sức lập công thì rồi có ai biết cho. Chi bằng nay ta tôn Thập Đạo tướng quân

lên làm vua rồi ra đánh thì hơn.

“Quân sĩ nghe nói đều hô vạn tuế. Thái hậu thấy quân sĩ thuận cả mới sai lấy áo long cổn mặc vào cho Lê Hoàn. Lê Hoàn lên làm vua giáng Đinh Tuệ xuống làm vệ vương, người đời gọi là phé đế”.

Nếu đem hành động triều thần nhà Lê nhỏ nước bọt vào mặt Mạc Đăng Dung đặt bên cạnh bà Thái hậu nhà Đinh đích thân lấy áo long cổn khoác lên vai Lê Hoàn và bằng lòng cho con mình trở thành phé đế thì thấy rõ ngay chính trị Việt không chìm ngập trong tham vọng thống trị như chính trị Tây phương “l’Etat c’est Moi” (Quốc gia là trẫm đây) qua lời vua Louis thập tứ.

Tìm chọn người lãnh đạo, dựa trên ba điểm căn bản:

a) Tôn hiền

b) Thượng công

c) Thân thân

Tôn hiền tức là đem khách quan hóa chính trị, hết sức tự kiềm chế cái tôi muốn rộng rãi của mình dành đoạt những quyền lợi vị kỷ hại cho việc chung, cho tập thể.

Tô Hiến Thành giúp vua Lý Cao Tông trị nước. Lúc tuổi già bị đau có quan tham trị chính sự là Vũ Tán Đường ngày đêm châu chực chăm nom. Sắp mất, bà Đỗ thái hậu sang thăm hỏi xem ngày sau ai thay được ông, Tô Hiến Thành tâu rằng có quan Gián Nghị đại phu Trần Trung Tá. Thái hậu ngạc nhiên nói: “Sao không cử Vũ Tán Đường?”. Ông đáp rằng: “Nếu bệ hạ hỏi người biết chăm nom săn sóc thì tôi xin cử Vũ Tán Đường, nhưng nếu hỏi người giúp nước thì tôi xin cử Trần Trung Tá”.

Thượng công (lấy công nghiệp làm cốt) tức là hiệu xuất hóa chính trị, ai có công nghiệp hữu ích là dân yêu dân theo. Công nghiệp diệt trọn 20 vạn quân Thanh của Bắc Bình vương Quang Trung chẳng những dân nhớ ân đức mà ngay cả Ngọc Hân công chúa, con gái vua Lê Chiêu Thống đã chống luôn phụ thân để đứng về phía chồng. Bài Ai Tư Văn chính là cái triết lý “thượng công” được diễn tả bằng tình cảm.

Nguyễn Hoàng chống nhau với họ Trịnh, tìm cách xin vào trấn Thuận Hóa mang trong đầu óc sách lược: “Đất Thuận Quảng bên Bắc thì có núi Hoành Sơn, sông Linh Giang, bên Nam thì có núi Hải Vân và núi Bi Sơn thật là một nơi trời cho người anh hùng dựng võ, hãy yêu thương nhân dân, luyện tập quân sĩ để mà gây dựng công nghiệp muôn đời”.

Công nghiệp muôn đời mà Nguyễn Hoàng mong muốn không cốt để trả thù họ Trịnh, công nghiệp ấy là mở mang bờ cõi về phương nam.

Thân thân tức là chính trị được tình vị hóa, đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Ông Lê Lợi vừa thái thịt vừa bỏ vào miệng ăn, đây là một thái độ thân thân, hòa đồng, không tự gán cho mình một thân giá cao. Nếu không có thái độ thân thân như vậy thì làm sao có được Lê Lai chịu chết thay cho chúa?

“Dĩ nhân thuận ngã, dĩ ngã đồng nhân” (Người thuận theo ta, ta hòa đồng với người). Bởi thế nên mới có hình ảnh thân thân đầy tình vị: “Có lẽ trời muốn trao gánh nặng bắt phải trải qua bách chiết thiên ma cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phấp phới, ngóng vãn nghe bốn cõi đan hồ. Mở tiệc rượu khao quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ tử”.

Tình vị ấy từng tràn dâng trong thơ của người tuổi trẻ cách mạng thời Pháp thuộc khi nhìn về cố quốc:

Cách dòng nước ta là người mất nước

Nước non ta ai ngăn trở ta về

Thấy người quê không tỏ được tình quê

Rõ trước mắt mà tìm đâu cho thấy

Thái Dịch

*

Kinh Dịch có câu: “Thiên địa táng nhi kỳ sự đồng dã, nam nữ táng nhi kỳ chí thông dã, vạn vật táng nhi kỳ sự loại dã”, nghĩa là: “Trời với đất khác nhau nhưng việc trời việc đất là một, nam nữ khác phái nhưng nhờ ở sự khác đó mà tình chí thông, vạn vật trăm ngàn dị biệt nhưng cùng có một quy luật sống”.

Triết lý chính trị Việt cho rằng: “Thiên hạ chi tạp, nhi bất khả ác, thiên hạ chi động nhi bất khả loạn”, cuộc sống phức tạp mâu thuẫn là lẽ tự nhiên, không thể dùng phương pháp ác độc để tiêu diệt mâu thuẫn và phức tạp, tuy nhiên, thiên hạ có thể động thì được chớ không thể loạn, nếu loạn là phải trừ khử.

Thập nhị sứ quân làm loạn nước cứ đem quân đánh lẫn nhau làm cho dân gian khổ sở. Vạn Thắng Vương Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp mãi mới xong cái loạn sứ quân, thu giang sơn về một mối. Khi lo liệu đến việc chính trị thì còn có nhiều người quen thói lúc loạn không chịu theo luật lệ. Vua phải dùng oai để trừng trị những bọn gian ác, đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hổ báo ở trong vườn rồi hạ lệnh rằng hễ ai phạm tội thì bỏ vạc dầu hay là cho hổ báo ăn thịt. Nhưng lại chính bắt đầu từ đời nhà Đinh, việc phát triển tự trị làng xã đã được củng cố vững chắc, phép vua còn thua lệ làng. Vạc dầu, hổ báo chỉ là những hình phạt đối với tội ác. Vạn Thắng theo Thái Dịch có nghĩa

là:

- Thắng hơn ngàn năm đô hộ và đồng hóa lập nên một nền tảng của độc lập và tồn chủng.

- Thắng tất cả mọi cuộc thất bại trên đấu tranh cũ lập nên xuất phát điểm của cuộc thắng lợi mai sau bảo vệ nòi giống.

- Thắng tất cả mọi chia rẽ và cát cứ bên trong, lập nên cuộc thống nhất.

- Thắng tất cả các tính ươn hèn và quỵ lụy của mặt tầng lập nên thói quen của tranh đấu.

- Thắng tất cả các sự phân hóa trong trận doanh tranh đấu.

Qua sang nhà Lý, đời vua Lý Thái Tôn, sau vụ tranh chấp nối ngôi và tướng Lê Phụng Hiểu định loạn, vua mới lập lệ hàng năm các quan phải đến đền Đòng Cổ làm lễ đọc lời thề rằng:

“Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung xin qui thần làm tội”.

Lời thề ở Đòng Cổ đòi hỏi từng người trong tập thể hãy tự xét mình mà hành động, dành tất cả cho đại sự chung. Dập tắt loạn chí nhưng không cần dùng đến sát khí.

Lệ làng vượt phép vua là biểu hiện của một trị thể dĩ đồng nhi dị, chấp thuận những tiểu dị trong trị thể thống nhất, chấp thuận đa luận trong nhất lý (Unity in Variety- Unity in Multiplicity).

*

“Thánh nhân chi đại bảo viết vị”.

Lãnh đạo tất nhiên phải ở ngôi tôn, quyền lực lãnh đạo từ ngôi tôn ấy mà có. Các quốc gia quân chủ Âu Châu, khi vua đăng quang lễ đặt vương miện do vị đại giáo chủ ý rằng quyền lực lãnh đạo do Thượng Đế ban cho. Các quốc gia dân chủ, khi nhiệm chức Tổng Thống tuyên thệ trước một pháp quan ý rằng quyền lực lãnh đạo do nhân dân trao cho. Đại giáo chủ là đại biểu của tín ngưỡng thần quyền. Pháp quan là đại biểu của hiến pháp.

Từ Thượng Đế cho đến nhân dân trao cho, quyền lực lãnh đạo chính trị của Tây phương vẫn mang cùng một tính chất, đem lãnh đạo hoặc hiến cấp Thượng Đế, hoặc hiến cấp hiến pháp nên sinh mệnh người lãnh đạo cũng không thể khách quan hóa. *Văn hóa Việt vốn là văn hóa nông nghiệp, bởi thế chính trị Việt đặt trên sự ứng theo tự nhiên.*

Lúa chiêm phơi phát đầu bờ

Hễ nghe sấm động phát cò lúa lên

Chính trị thuận theo yêu cầu tự nhiên của đạo người mà đến, chính trị thuận theo sự đồng nhất của nhân dân mà thành, như cây lúa

chiêm chờ sấm động. Quyền vị lãnh đạo là chiếc ghế bỏ trống, dành cho bất cứ ai có khả năng giải quyết nhu cầu của đạo người, dành cho bất cứ ai được lòng người theo về. Quyền lực lãnh đạo hiển phát từ nội tâm tự tính tình, nó cố hữu trong sự tu dưỡng tâm thành và đấu tranh, chứ không dựa vào Thượng Đế hay hiến pháp vốn là công cụ của một quyền lực thống trị.

“Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ, ngược bợn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn ngàn khốe, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn, nặng khao liếm vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống biển mò châu, nào hồ bầy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc, neoh nhóc thay quan quả diên liên. Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bầy no nê chưa chán. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay, trúc rừng không ghi hết tội, dơ bẩn thay, nước biển không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho ai bảo thần nhân chịu được.

Ta đây.

Núi Lam Sơn khởi nghĩa, chốn hoang dã nương mình. Ngắm non sông căm nổi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc là mười mấy nắng mưa, ném mật nằm gai há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược suy xét đã tinh, ngẫm trước đến nay lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trần trọc trong cơn mộng寐, chỉ bắn khoan một nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh...”

Bình Định Vương Lê Lợi nắm được quyền lãnh đạo vì đã ném mật nằm gai, đau lòng nhức óc, quên ăn vì giận, ngắm non sông căm nổi thế thù nên lòng người tin cậy; ông cũng nắm quyền lực lãnh đạo đạo người, quyết diệt những tội ác của giặc Minh.

Đi trước Bình Định Vương trong công cuộc đánh nhau với Minh là Giản Định Đế và Trần Quý Khoách. Nhưng vì phẩm chất của hai ông này thiếu, lòng người chán ghét nên chẳng tạo thành công nghiệp gì. “Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn”, ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn, điều cần là phải có phẩm chất và tâm thành đấu tranh, đáp ứng được nhu cầu tự nhiên của đạo người và dành được sự đồng nhất của nhân tâm.

Quyền lực lãnh đạo hiển phát tự nội tâm, tự tính tình, tự sự tu dưỡng tâm thành và tranh đấu nên vua quan Việt thường có một mức tự ngã hạn chế rất cao. Ông Thân Trọng Huề tả hình dáng vua Dục Tôn

(Tự Đức) như sau:

“Ngài hình dung như một người nhỏ sĩ, không cao không thấp, trạc người bậc trung không gầy không béo, có một phần hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lạnh.

“Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ và mặc áo vàng, khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng đi giày hài vàng của nội vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội cung đeo đồ nữ trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp. Tính ngài siêng năng, sáng chừnng 5 giờ đã thức dậy, chừnng 6 giờ ngài đã ra triều, cho nên các quan ở Kinh buổi ấy cũng phải dậy sớm mà đi chầu. Thường thấy các quan thấp đèn ăn cháo để vào triều cho sớm.

“Ngài thường làm việc ở chái Đông điện Cần Chánh, trong chái này lát ván đánh bóng. Gần cửa kính có mấy chiếc chiếu, trên giải một chiếc cạp bằng hàng vàng để một cái yêu với nghiên bút, một chiếc gối dựa chứ không bày bàn ghế chi cả. Cách một khoảng có để một cái đầu hồ với thẻ. Ngài làm việc mỗi thì đứng dậy đánh đầu hồ (?) hay là đi bách bộ. Ngài ngồi làm việc một mình, vài tên thị vệ đứng hầu mài son, thấp thuốc hay là truyền việc khác. Ngài vốn là người hiếu học, đêm nào cũng xem sách đến khuya”.

Vua còn đạm bạc như vậy hướng hồ chi là các quan. Thời Tam Quốc bên Tàu, Gia Cát Lượng lúc chết viết sớ kể rõ cảnh nghèo của mình, nói khi ở Long Trung, gia tư chừnng mươi mẫu ruộng, nay sau bao năm làm thừa tướng, gia tư cũng vẫn chỉ là mươi mẫu ruộng. Ở Việt Nam, cái nghèo gần như người bạn đeo đẳng các vị đại thần.

Nguyễn Trãi làm khai quốc công thần, khi về ẩn thường ăn cơm dưa muối và vài chén rượu nhạt thơ thẩn ngắm cảnh núi Côn Sơn.

Nguyễn Công Trứ nhiều lần được cai trị những vùng rộng lớn bờ sôỉ ruộng mật mà hể lúc nào bị biếm chức là sống trong sự túng bần, phe phẩy chiếc quạt lá, cưỡi xe bò đi thăm dân. Đọc sử Trung Quốc, sử Tây phương thường thấy các quyền thần giàu phú gia địch quốc, xa hoa lãng phí, sử Việt chưa xảy ra trường hợp nào tương tự.

Đọc sử Trung Quốc, sử Tây phương thường thấy những người đàn bà yêu quái làm điên đảo quốc gia như Bao Tự, Đát Kỷ, Tây Thi, Vũ Tắc Thiên, Tây Thái hậu, Agrippine, Marie Antoinette v.v... Sử Việt chưa từng có một. Trường hợp Đặng Thị Huệ không đáng kể.

Sử còn chép một câu chuyện lý thú là việc vua Lý Thánh Tôn thân chinh đi đánh Chiêm Thành. Đánh lần đầu không thành công đem quân trở về. Đi đến châu Cự Liên nghe thấy dân đồn đại khen bà Nguyễn Phi ở nhà giám quốc, trong nước được yên trị. Thánh Tôn

nghĩ bụng: “Người đàn bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm Thành không thành công, thế ra đàn ông hèn lắm à?”. Lại đem quân trở lại đánh bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ. Chế Củ xin dâng ba châu để chuộc tội. Lý Thánh Tôn thu lấy đất và tha cho Chế Củ về.

Tối cao lý tưởng của tính chất chính trị Việt là:

Thứ nhất, đại biểu cho thiện ý chứ không chỉ đại biểu cho thống trị.

Thấy dân đói rét nghĩ mà thương

Vậy phải lên ngôi gỡ mối dường

(Lê Thánh Tôn)

Thứ hai, đại biểu cho quang minh chứ không chỉ đại biểu cho sách lược.

Chiếc thuyền lơ lửng bên sông

Biết đem tâm sự ngỏ cùng ai hay

(Nguyễn Trãi)

Thứ ba, đại biểu cho chân lý, chứ không chỉ đại biểu cho quyền lực.

Có đàn thì mới có ta

Đàn là rất trọng ta là rất khinh

Dù khi sóng gió bất bình

Lợi đàn mà có thiệt mình cũng cam.

(Đông Kinh Nghĩa Thục)

Tây phương, qua Machiavel và Marx, cho sách lược là căn bản của chính trị, những tư tưởng thiên về đạo lý một chút, tỉ dụ: tư tưởng của Platon, của Saint Simon đều bị liệt vào loại không tưởng (Utopie). Tất cả mọi sách vở nào không bàn đến sách lược là đi ngược thời đại.

Tư tưởng chính trị Việt không đổ nghiêng về một phía như vậy. Đạo lý và sách lược là hai mặt của một thể, thể là đạo lý, dụng là sách lược. Không đem cắt rời sách lược ra khỏi đạo lý. Hồ Quý Ly bị quân Minh đánh bại rồi đưa Hồ Hán Thương và bọn liêu thuộc chạy ra bể rồi về Thanh Hóa, vào đến Lôi Giang gặp quân Minh đuổi đến, quân Hồ không đánh đã tan. Tướng nhà Hồ là Ngụy Thức bảo Quý Ly rằng:

“Nước đã mất, làm vua không để cho người ta bắt được, xin bệ hạ tự đốt mà chết đi còn hơn”.

Quý Ly giận lắm bắt Ngụy Thức chém rồi chạy vào Nghệ An. Rút cục chạy đến sông Kỳ La, giặc Minh chặn bắt được hết.

Quý Ly chỉ biết trông cậy vào thủ đoạn bắt cóc đạo lý thành thử cái cơ hội chót để Quý Ly thành con người có liêm sỉ cũng mất luôn.

Ông Nguyễn Phi Khanh bị nhà Minh đưa đi đầy, Nguyễn Trãi theo

cha khóc lóc đến cửa Nam Quan không chịu trở lại. Ông Phi Khanh quay lại bảo: “Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo ta khóc lóc mà làm gì?”.

Nguyễn Trãi quay về tìm vào giúp Bình Định Vương bày mưu định kế giết thù.

Cái đạo lý hiếu trung của Nguyễn Trãi sẽ chẳng đem kết quả nếu không có mưu kế đem thắng lợi cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Bất cứ đạo lý để thành loại chính trị chim mồi kiểu Ngô Tam Quế bên Tàu.

Hỡi chim mồi trong lồng
Tịch mịch có thương không
Tháng tháng ăn mấy đầu
Ngày ngày giả mấy công
Ví thung thăng ngoài nội
Đâu phản bội tổ tông
Gáy hót đau hoa lá
Xun xoe chạnh cánh lông
Đem thân người bú mớm
Làm gương lấm kẻ trông.

(Thái Dịch)

Vô trí tuệ sách lược là loại chính trị vô dụng như Phan Thanh Giản trong sạch, nhưng bất lực trước tình thế đi đến chỗ đầu hàng bọn xâm lăng.

Làm ơn vua đền nợ nước (chỗ này chắc sắp chữ thiếu)

Đành cam gánh nặng ruồi trường xa
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ
Vượt biển trèo non cám phận già
Cũng tưởng một lời an bốn cõi
Nào hay ba tỉnh lại châu ba

(Phan Thanh Giản)

Câu chót có nghĩa rằng đã mất ba tỉnh miền Đông rồi lại còn mất luôn ba tỉnh miền Tây nữa.

Đạo lý là gì?

Lý là Việt lý của lịch sử nhất thiết được qui định bởi hoàn cảnh đặc thù của dân tộc trên khắp mặt văn hóa, chính trị, kinh tế v.v...

Đạo là con đường phải đi hay một lộ tuyến, một phương pháp để hoàn thành tất cả những gì mà lý đã qui định.

Lý thì bất biến, nhưng đạo khả dĩ biến. Người xưa từng sử dụng đạo Nho, đạo Phật tùy theo điều kiện thực tế để củng cố Việt lý. *Con đường nào cũng tốt nếu nó cần thiết cho Việt lý, con đường nào cũng*

là xấu nếu nó gây họa hại cho Việt lý.

*

Tử Cống hỏi Khổng Tử về chính trị. Khổng Tử đáp:

- Đủ ăn, đủ binh và được dân tin cậy.

Tử Cống nói:

- Nếu phải bỏ đi một điều thì trong ba điều ấy điều nào có thể bỏ được?

Khổng Tử trả lời:

- Bỏ binh.

Tử Cống lại hỏi:

- Nếu còn phải bỏ đi điều nữa trong hai điều còn lại, điều nào có thể bỏ được?

Khổng Tử đáp:

- “Khứ thực, tự cổ nhân giai hữu tử, dân vô tín bất lập”, bỏ ăn, từ xưa ai cũng phải chết, nhưng nếu dân bất tín thì chính trị không đứng vững.

Cái thực tế của chính trị là no đủ (dụng túc). Túc thực, túc binh. Nói rằng có thể bỏ binh bỏ thực là phủ nhận thực tế sao? Cái nghĩa không phải vậy. Bỏ binh đây có nghĩa là chớ đem binh đội biến thành móng vuốt của thống trị. Ca dao ta có câu:

Bộ binh, bộ hộ, bộ hình

Ba bộ đồng đình bóp vú con tôi

Chính trị Việt thiên về văn tự, khi nói đến võ chỉ dùng hai chữ võ công. Võ để chống xâm lược, để thực thi quốc phòng chính sách, không để dùng làm qua nha. Đòì Lê, Trịnh vì binh đã biến thành móng vuốt cho chính trị nên loạn lạc triền miên.

Nhà Nguyễn Tây Sơn bắt đầu đi xuống kể từ lúc binh lực đã được dùng làm qua nha cho ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ chống lẫn nhau. Bỏ thực đây có nghĩa là đừng để nước giàu dân nghèo, cốt thừa sức mạnh mà thống trị. Cổ thư bàn rằng: “Lo cho dân no đủ trước đi, khi dân đã no đủ thì vua tất phải dư dự”. Dân no đủ, vua quan dư dự, giàu nghèo giữa quyền chính và dân chúng hoặc giữa những giai cấp không chênh lệch nhau quá xa thì chính trị sẽ không rơi vào tình trạng như Saint Just nói: “Dân chỉ có một kẻ thù nguy hiểm đó là chính phủ” (Le peuple n’a qu’un seul ennemi dangereux, c’est son gouvernement).

Trong bức thư trả lời cho Hoàng Cao Khải, ông Phan Đình Phùng viết:

“Nhưng tôi bình tâm nghĩ lại nước ta ngàn trăm năm đến nay, đất

không rộng, binh không mạnh, của không giàu, cái chỗ dựa để dựng nước chỉ ở nơi luân thường vua tôi, cha con, đồng bào ruột thịt mà thôi. Xem như mấy triều Hán, Đường, Nguyên, Minh đã bao phen muốn chiếm đất ta lập thành quận huyện mà rút cuộc không thể làm được...

“Gần mười năm nay, những người ứng nghĩa có thể bị trách phạt, có kẻ bị chém giết, thế mà trước sau vẫn không có ai nản lòng thoái chí vẫn xuất của xuất sức đi theo tôi ngày lại thêm nhiều, há phải nhân tình vui thích điều tai họa mà làm như thế đâu, chẳng qua chỉ vì họ có lòng tin tôi đó thôi”.

Ông Phùng đã nói rõ cái nghĩa của dân vô tín bất lập cùng trong bức thư trên, ông viết:

“Thử xem bọn họ (nòi Hán) với chúng ta đất thì liền nhau, sức hơn muôn lần, mà cuối cùng không lấy sức mạnh đè bẹp chúng ta được, điều đó không có gì lạ, chỉ vì sông núi nước Nam ta đã định phân rõ ràng và lại cái ơn giáo hóa của thi thư thật quả có thể làm chỗ dựa vững chắc cho chúng ta đó vậy”.

Nho đạo đã đem cho người Việt tinh thần: “Bĩ dĩ kỳ phú, ngã dĩ ngô nhân, bĩ dĩ kỳ tước, ngã dĩ ngô nghĩa, ngô hà úy tai” (Nó cậy giàu, ta dùng nhân, nó cậy quyền thế ta dùng nghĩa, ta đâu sợ gì nó).

Vũ, Tắc, Nhan Hồi đồng đạo, dịch địa tắc giai nhiên. Ông vua Vũ trị nạn hồng thủy, ông Hậu Tắc dậy giồng bách cốc đều là những công lớn đối với thiên hạ, còn ông Nhan Hồi chỉ có lãng cơm bầu nước. Giá trị ba người tuy khác nhau nhưng không có định ai lớn ai nhỏ, ai cao ai thấp, thất bại hay thành công, miễn là cùng mang cái nhân cách thánh hiền. Dân tin cậy nơi nhân cách thánh hiền đó, tin cậy nơi chính nghĩa chứ không tin cậy vào quyền thế, cho nên mới tôn thờ các vị anh hùng thất bại, cho nên thường ưa thích những chính trị gia bình dị cận dân.

*

Chính trị Việt đặt trên chủ nghĩa nhất chí:

a) Nhất chí của quan niệm với sinh mệnh

b) Nhất chí của thời đại với tính cách

c) Nhất chí của đa số với thiểu số, của cao với thấp, của lớn với nhỏ, của lời nói với việc làm.

Thế nào là nhất chí của quan niệm với sinh mệnh?

Trần Hưng Đạo vương bảo quân sĩ:

“Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước

mắt đằm đìa, chỉ cảm tức rằng chưa lột được da thịt của giặc, dầu thân này ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa thì cũng đành lòng”. Phải đem cả sinh mệnh của mình vào cuộc chiến như vậy thì mới mong bảo người khác hy sinh chống giặc. Nếu chỉ đưa ra một quan niệm kháng chiến cứu nước mà sinh mệnh thì lại đem thả lỏng cho an dật vượt ve, hỏi làm sao mà có thể hiệu triệu dân gian ứng nghĩa. Muốn lấy về cho giang sơn hai châu Ô, Rí tất phải không ngần ngại trước sự mất mát hồn máu yêu thương là công chú Huyền Trân. Đã biết đau lòng trước cảnh “non sông của ta mà hóa thành bờ cõi của họ” (lời Phan Đình Phùng) thì phải chấp nhận một cuộc sống “khói hương ngụa lạnh thân tích tan lìa” (cũng lời họ Phan).

Kinh luân chút nợ chữa yêu tuyền
Nên liệu ba sinh phải báo nguyên
Thiết huyết thiên thu nhiều loạn đảo
Bạch Vân tể tướng mới thần tiên
Như không gặp gỡ ngày Ngô, Thát
Thì đã nhàn du chốn phố viên
Một chiếc hồ lô mười hoàng quyền
Tiêu dao mây nội hạc chân huyền
(Thái Dịch)

Vì nợ kinh luân nên phải đem thân thế mà báo đáp, nguyện ý nhân sinh mệnh của chính mình vào sắt máu. Ngày Ngô, Thát (đuổi giặc Ngô và Sát Thát) không cho phép người Việt yêu nước được nhàn du phố viên dưới thuyền giữa dòng nước cùng bầu rượu và mười cuốn sách để tiêu dao nội hạc chân huyền.

- Thế nào là nhất chí của thời đại với tính cách?

Kinh Dịch có câu: “Thánh nhân dĩ thuận động, thiên địa dĩ thuận động”. Mỗi việc làm không đi ngược với thời đại. Tính cách ví như đất, thời đại ví như sấm sét. Lúc sấm động là lúc điện trời chuyển màu mỡ xuống cho đất, đất phải đón ngay lấy cơ hội mà thu hút, ý chỉ việc nắm thời cơ. “Khả dĩ tốc nhi tốc, khả dĩ cửu nhi cửu”, có thể nhanh được thì nhanh, cần phải chậm thì chậm, ý chỉ việc biết thời cơ. Tính cách vẫn y nguyên vững chắc, nhưng thời đại thì xoay chuyển đến vô cùng. Tính cách luôn luôn thích ứng với thời đại hay nói khác đi là phải thời đại hóa tính cách, bám rất chắc vào những điều kiện thực tế khách quan.

Ra đánh quân Thanh, vua Quang Trung lệnh cho quân sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước mấy ngày, chuyển quân chớp nhoáng từ Trung ra Bắc mấy ngày và tấn công thật mau nội trong một thời gian rất ngắn đại phá quân địch. Thanh bại rồi, vua Quang Trung sai Ngô Thời

Nhiệm thảo thư gửi sang Tàu xin hòa. Ông bảo với Nhiệm: “Nhờ ông dùng lời khéo léo cho khỏi sự đao binh và tranh thủ cho ta mười năm yên ổn, sau ta sẽ chuyện với chúng”.

Chính trị Việt bao giờ cũng tìm cách giữ cho thường đạo bền bỉ kinh cửu, củng cố thật vững chắc trước đã. Những hành động chớp nhoáng, tốc xuất chính trị đều được tính toán kỹ lưỡng chắc chắn mang lại thực hiện thì mới làm, tuyệt đối không ham tiêu lợi.

- Thế nào là nhất chí của cao với thấp, lớn với nhỏ, đa số với thiểu số, lời nói với việc làm?

Trong “Bình Ngô đại cáo”, câu mở đầu:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân!

Nhân nghĩa là cái lý cao minh siêu việt nhưng nếu nó không xuống để kết hợp với thấp là yên dân thì cao minh siêu việt trở nên vô dụng.

Ông Kim Định viết:

“Ở những nền văn minh Âu, Ấn triết học được sáng tạo, hoặc do những người quý tộc hoặc do hàng tư tế tăng lữ, là những giới không san sẻ cùng một đối tượng, cùng một mối bận tâm như bần dân. Người trí thức quý tộc Hy Lạp mãi đi tìm ý niệm trừu tượng. Giới tăng lữ Ấn Độ lo cầu đảo kinh sách, còn người dân đâu đâu cũng như nhau lo ăn, lo làm, lo tình ái, lo về những mối giao liên giữa người với người. Vậy mà trong xã hội Việt Nho lại không có trí thức quý tộc chủ trương sống bám trên lưng nô lệ, cũng như không có tư tế biệt lập khỏi dân, chỉ có đối tượng là dân”.

(Trích “Triết lý cái đĩnh”)

Quan niệm thì thật lớn rộng mà hành động thì rất tinh vi, lớn phải nhất chí với nhỏ.

Làm thế nào ngày 25 tháng chạp hãy còn xa địch hàng ngàn dặm mà ngày 5 tháng Giêng đã có thể giao chiến với giặc ở Thăng Long. Vua Quang Trung liền chấp nhận đề nghị của một nông dân dùng cách “ba bị chín quai mười hai con mắt”, quân sĩ thay phiên cáng lẫn nhau để đủ sức vượt đường xa ngày đêm ra Bắc. Giặc Mông Cổ mạnh nhường ấy nhưng đã thua mấy chiếc cọc tre ở sông Bạch Đằng.

Văn hào Đức Goethe nói: “Nghĩ dễ, hành động mới khó, hành động được theo ý nghĩ lại càng khó nữa” (Penser est facile, agir est difficile, agir suivant sa pensée est ce qu'il y a de plus difficile).

Nếu không có những hành động tinh vi thì chắc chắn không thể thực hiện được cái chí viễn đại.

Lê Thái Tổ vua ta thuở ấy

Ngoại mười năm cày cấy cùng nhau

Công trình khai thác bao lâu

Trên cùng với dưới một màu tương thân
Mấy dòng thơ trên là của Mai Lão Bạng, người cách mạng chống Pháp kêu gọi sự đồng tâm. Đó cũng là việc làm thường trực của chính trị Việt từ mấy ngàn năm trước cho sau này và mãi mãi, xóa bỏ đa số với thiểu số lập thành một trận tuyến nhất chí. Ngày nào mà vương nhiều đồ mờ mờ hoen nét rĩ chỉ có biết tranh chấp, không biết đồng tâm là ngày đó quân Minh vào, quân Thanh tới và quân Tây lại. Gộp cả ba sự nhất trí của cao với thấp, lớn với nhỏ, đa số với thiểu số tạo dựng một chủ nghĩa thực tiễn bền bỉ và linh động cao thấp, lớn nhỏ nhiều ít mỗi loại đều có một nhiệm vụ và đều có chỗ dùng không bỏ điều nào.

Văn với chất nhất chí cho nên chính trị không mị dân, văn hóa không thành tuyên truyền. Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần, hàng chữ viết bằng mỡ trên lá cho kiến đục, phải đi đôi với mười năm kháng chiến gian khổ, nếu không thì chỉ là chuyện nói láo.

*

Chính sách trị tài của chính trị Việt như thế nào?

Nhân tài chính trị có thể chia ra làm chín loại:

- 1) Người hiền, bác học và thanh cao như Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, La Sơn Phu Tử, Nguyễn Thiệp.
- 2) Pháp gia giỏi trị nước ổn định trật tự như Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành, Lữ Gia, Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo.
- 3) Thuyết gia nhiều sách lược mưu kế như Nguyễn Trãi, Đào Duy Từ, Trịnh Kiểm.
- 4) Tài cán, có đức trị nhân một địa phương như Nguyễn Công Trứ, Phạm Đình Trọng, Lương Đắc Bằng.
- 5) Mẫn cán thừa hành kỹ lưỡng như Lê Phụng Hiểu, Ngô Văn Sở, Ngô Thời Nhiệm.
- 6) Quyền trí nhưng kém lòng công chính như Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh.
- 7) Nho gia chỉ có tài truyền lưu sự nghiệp thánh nhân nhưng thiếu tài thi chính như Phùng Khắc Khoan, Lương Thế Vinh, Lê Quý Đôn.
- 8) Biện thuyết ngoại giao như Mạc Đĩnh Chi, Ngô Nho, Nguyễn Hiền.
- 9) Đồm lực và tài sức hơn người như Trần Quang Khải, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Văn Thành.

“Bình Ngô Đại Cáo” viết:

Tuấn kiệt như sao buổi sớm

Nhân tài như lá mùa thu

Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy ác hiểm người bàn bạc. Đôi phen vùng vẫy dăm dăm con mắt đục đờng, mấy thửa đọi chờ luống

đăng đẵng cỗ xe hư tả...”

Tìm hiểu hiền tài là vấn đề hàng đầu, tiếp theo sau là dụng, dục, giáo.

Cầu hiền tài không căn cứ vào lòng yêu ghét, dụng không do hỷ nộ, dục không bằng tư trí, giáo không bằng tư tâm. Tất cả đều hoàn toàn khách quan. Cầu hiền với tiêu chuẩn khách quan, dụng tài qua nhu yếu khách quan, giáo bằng đạo lý khách quan, dục bằng tinh thần khách quan. Mỗi thời đại nhân tài thường thịnh thường suy, sự thịnh suy đó lại cũng thường do nhân vật lãnh đạo mà ra. Gặp ông vua thích đá cầu thì tên Cao Cầu làm tể tướng. Gặp ông vua thích chơi dê thì tên họ Trần được làm quan đến bảy đời. Sách cổ có câu: “Vân tòng long, Phong tòng hổ”, mây theo rồng, gió theo hổ. Có rồng là có mây, có hổ là có gió. Có ông vua khai quốc thì mới có đại thần khai quốc. Có vua Lê Lợi mới có Nguyễn Trãi, nếu Lê Lợi không xuất hiện thì Nguyễn Trãi sẽ mãi mãi là một nhà nho nghèo.

Trong quan niệm Việt, nhân tài xuất hiện qua đấu tranh, anh hùng phát động đấu tranh rồi nhân tài xuất hiện.

Vào thời bình, nhân tài được tìm bằng chế độ khảo thí.

Khảo thí bắt đầu từ đời vua Lý Nhân Tôn, khoa trước nhất để lấy người văn học vào làm quan mở vào năm Ất Mão (1075), chọn được mười người, thủ khoa là ông Lê Văn Thịnh sau làm đến chức thái sư. Năm Bính Dần (1086) lại mở khoa thi chọn người văn học vào Hàn Lâm Viện có Mạc Hiến Tích đỗ đầu, được bổ làm Hàn Lâm học sĩ. Qua đời nhà Trần, việc thi cử được đẩy mạnh hơn, đặt ra tam khôi Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa rồi thi hương, thi hội, thi đình. Chính quyền khai phóng cho hết thầy mọi tầng lớp, hễ có học có thi là có thể tham gia quốc sự.

Nguyễn Hữu Cầu nổi loạn, vua sai Phạm Đình Trọng đi tiểu trừ. Hai bên dàn trận thế. Một hôm Nguyễn Hữu Cầu sai người cầm tờ giấy tới trại quân Phạm Đình Trọng bên trong có viết mấy chữ: “Ngọc Tàng nhất điểm xuất vi chúa nhập vi vương” nghĩa là chữ ngọc dấu đi một nét chấm, thò lên thì là chữ chúa, thụt xuống thành chữ vương, ý nói chí của mình muốn làm vua chúa.

Phạm Đình Trọng đáp luôn vào tờ giấy đó như sau: “Thỏ triệt bán hoành, thuận giả thượng nghịch giả hạ”, nghĩa là chữ thỏ cắt bỏ đi nửa nét ngang để nguyên thì thành chữ thượng, lộn ngược xuống ra chữ hạ, ý nói kẻ phản nghịch bao giờ cũng ở thế thấp.

Câu chuyện Nguyễn Hữu Cầu, Phạm Đình Trọng là điển hình cho cuộc tranh chấp chính quyền và kẻ chống đối chính quyền, hay nói một cách khác là cách mạng. Ngoại trừ những biến động do những

cuộc khởi nghĩa chống xâm lược là cách mạng giải phóng dân tộc, sử Việt còn xảy ra rất nhiều vụ nổi lên chống chính quyền tương tự vụ Nguyễn Hữu Cầu, nhưng tất cả đều đã không giống như một cuộc cách mạng từng xảy ra ở bên Trung Quốc, kiểu giặc khăn vàng đời Tam Quốc, Hoàng Sáo, An Lộc Sơn, Thái Bình Thiên Quốc, Lý Tự Thành v.v... ấy là chưa đem ví với những cuộc cách mạng lớn lao hơn như cách mạng Pháp, cách mạng Nga. Tại sao vậy? Tại vì ở sử Việt chính trị không nặng về thống trị nên chỉ có những phản kháng mà không có cách mạng. Thêm nữa, vấn đề quốc phòng bao giờ cũng đặt lên trên hết, cho nên cách mạng không được hưởng ứng vì lẽ rối loạn nội bộ bao giờ cũng là miếng mồi ngon nhử xâm lược tới. Hầu hết những biến động chính trị nội bộ đều do những cuộc đảo chính trong triều đình (Palace revolution). Tỉ dụ: Từ Lý sang Trần so Trần Thủ Độ lật Lý Huệ Tôn- từ Trần sang Hồ do Hồ Quý Ly giết vua Thuận Tôn- từ Lê sang Mạc do Mạc Đăng Dung đem quân giết vua Chiêu Tôn.

Những vụ phản kháng nổi dậy thường xảy đến khi nào vua quan đi ngược lại truyền thống chính trị, biến chính trị thành một tổ chức thống trị để hà hiếp và bóc lột hay dùng nó để thỏa mãn ác tính.

Tỉ dụ: Vua Uy Mục đời Lê thường làm điều bạo ngược đêm đêm cùng với cung nhân uống rượu đến khi say sai người mang giết đi. Sứ Tàu gọi Uy Mục là Quỷ vương. Các quan trong triều liên mưu với người tôn thất là Giản Tu Công giết vua Uy Mục.

Vua Tương Dực đời Lê tính hay chơi bời, sai người thợ tên Vũ Như Tô làm một cái điện một trăm nóc và xây Cửu trùng đài bắt quan dân làm cả mấy năm trời không xong, thật là hao tổn tiền của, chết hại nhiều người. Sứ Tàu gọi Tương Dực là Chư vương vì ông có tướng như con heo. Ít lâu sau quần thần lập kế giết chết Tương Dực. Cả hai đời vua Uy Mục và Tương Dực đều giặc giã như ong, tạo thành áp lực lật đổ hôn quân.

Dưới thời vua Tự Đức có nhà thơ Cao Chu Thần Bá Quát làm hai câu thơ:

Bình Dương Bồ Bản vô Nghiêu Thuấn

Mục Dã Minh Điều hữu Vũ Thang

Ý rằng: nếu ở Bình Dương Bồ Bản mà không có những vị vua anh minh như vua Nghiêu vua Thuấn thì nơi Mục Dã Minh Điều sẽ có vua Thang vua Vũ.

Hai câu ấy giặc Châu Chấu lấy làm khẩu hiệu dấy loạn. Kết quả giặc Châu Chấu đã đem lý tưởng cách mạng của Cao Chu Thần mà lưu khẩu hóa cho nên chẳng ai hưởng ứng cả, khiến Cao Chu Thần bị

bắt đưa lên đoạn đầu đài với tội danh làm giặc.

Người Việt không ghét ai vì nước là làm giặc bao giờ, có câu cách ngôn: “Được làm vua, thua làm giặc” chứng tỏ cách mạng thường nằm trong máu huyết người Việt. Nhưng do hoàn cảnh thực tế của chính trị nên cách mạng Việt phải mang một sắc thái riêng biệt đó thôi. Con người làm giặc như Nguyễn Hữu Cầu mang cái phong độ của một tay cách mạng thật đáng cho dân yêu mến.

*

Nền tự chủ của nước Việt gắn liền với công cuộc thống nhất. Không thống nhất không tự chủ. Mất thống nhất mất tự chủ.

Từ Hồng Bàng đến Trưng Vương là thời kỳ cự tuyệt nòi Hán.

Thời họ Khúc là thời kỳ dung hòa.

Thời phản tỉnh là đời Ngô Vương với chế độ tự trị vương và 12 sứ quân.

Thời thống nhất tự chủ là đời nhà Đinh.

Vào những năm 968-980 khi mà các nước phương Tây hãy còn ở trong tình trạng phân cắt rất vụn, thì Vạn Thắng Vương đã thiết lập xong một chính phủ trung ương với những cơ cấu hành chính thật vững chắc đi đôi với chính sách hương thôn tự trị.

Từ đó, vấn đề thống nhất trở nên cái gốc của tự chủ. Qua phân hay chia rẽ cũng nguy hiểm như bị xâm lược. Xâm lược tới sẽ tìm cách để qua phân chia rẽ; tự qua phân chia rẽ có nghĩa là kêu gọi xâm lược tới.

Thời vua Quang Trung Nguyễn Huệ là thời kỳ thống nhất Nam Bắc. Trải qua bao nhiêu năm Trịnh Nguyễn phân tranh chia đôi đất nước, may nhờ phương Bắc cùng thời bị bộ tộc Mãn Châu tràn xuống chiếm cứ nên ta không bị đô hộ. Lúc nhà Thanh khỏe rồi có ý dòm dò phương Nam thì anh em Tây Sơn đã đánh bại chính trị thối nát của Nguyễn Mạt và quyền thần Trương Thúc Loan, rồi đem quân ra Bắc diệt họ Trịnh đuổi xâm lược Thanh mà thu giang sơn về một mối. Nguyễn Gia Long được thừa kế công cuộc thống nhất này, hoàn chỉnh một sinh mệnh chính trị mới chạy suốt từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, đều là bờ cõi nước Việt bất khả phân ly.

Phan Thanh Giản để cho thực dân cát đất Nam Kỳ làm bàn đạp xâm lược Trung, Bắc biết tội mình lớn đến thế nào nên tự xử uống thuốc độc chết.

Nguyễn Văn Thinh, thủ tướng chính phủ Nam Kỳ tự trị khi hay tin người Pháp chấp nhận đòi hỏi thống nhất của Bảo Đại, hoang mang trước sự bỏ rơi tàn nhẫn của đế quốc, tủi hổ với hành động mãi quốc cầu vinh, bị dư luận lên án, nên đã bắn vào đầu tự tử.

Thẹn những đũa cân đai mang xống xả
Chí đội trời đạp đất đã bù nhìn
Chạy trước hươu, góm lữ chó săn nền
Chi trách được Cù tâm dạ Hán

*

Mấy ngàn năm truyền thống, trên chính trị người Việt có rất nhiều kinh nghiệm quý báu, những kinh nghiệm ấy đều có hai mặt lợi và hại, đại lược phê phán như dưới đây:

Thứ nhất: Chính trị luôn luôn xu hướng bình đẳng hóa khắp các giai tầng xã hội, với chính sách tiết chế tư bản, phế trừ đặc quyền, không kể những thời kỳ bị đô hộ, ngoại nhân dùng chính sách đặc quyền kể từ nhà Đinh mà đi, xã hội Việt thật là một xã hội bình đẳng, nếp sống không có sự chênh lệch nhau quá xa. Ai ai trên vấn đề ẩm thực cũng đặt trên căn bản: thịt cá là hương hoa, tương cà là gia bản. Rất hiếm chuyện họ hàng vua quan, hay thế lực môn đệ chẳng thấy xuất hiện hoành hành. Câu tục ngữ: “Một người làm quan cả họ được nhờ” có lẽ đã nảy sinh trong thời kỳ bị đô hộ.

Xã hội bình đẳng khiến xã hội thuần phác giản đơn, đẹp vui và sạch, tuy nhiên, cái hại của nó là khó gây lực lượng mỗi khi cần tạo biến động chính trị thành thử chính trị thiếu cách mạng tính, thiếu canh cải, tiến bộ. Tỉ dụ: triều Tự Đức, vua và triều đình tằm tối với chính trị bảo thủ đã không có một lực lượng nào đủ mạnh để phá vỡ sự tằm tối đó như dòng họ Đức xuyên bên Nhật ảnh hưởng đến phong trào duy tân dưới thời vua Minh Trị.

Với chế độ khảo thí, truyền thống chính trị cho những người đọc sách tiến bước vào quyền hành, người đọc sách qua cửa trường thi để làm quan. Làm quan có nghĩa là khởi gia, tuy vật chất không tuyệt đỉnh sung túc nhưng phẩm giá đã lên cao. Chính quyền khai phóng cho bất cứ ai, nên người thông minh tài trí đều chạy theo con đường làm quan mà lãng quên tất cả mọi con đường khác như công thương nghiệp. Nhiều người làm quan quá khiến chính trị mắc bệnh phù thũng.

Thứ hai: Tập vào thói quen trường trị cứu an, mỗi nhà thường thường nắm chính quyền cả thế kỷ, nhà Lý hơn một trăm năm, nhà Trần gần hai trăm năm, nhà Lê hơn hai trăm năm, nhà Nguyễn ngoài một trăm năm. Chính trị theo lẽ lối tập, cứ mãi mãi rập khuôn cũ, nên nhân tài và tư tưởng chính trị bị trói buộc đến nỗi không còn khả

năng ý thức được những việc làm mới mẻ như đã từng xảy ra dưới thời Hồ và Nguyễn Quang Trung.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

KINH TẾ

Cơm ba bát, áo ba manh, đói không xanh, rét không chết.

Tục ngữ Việt

Kinh tế là vấn đề cơ bản của nhân sinh, là một bộ phận cực trọng yếu của nhân sinh. Nếu vấn đề kinh tế không giải quyết tốt đẹp thì tất cả mọi vấn đề khác sẽ bị ảnh hưởng.

Có thực mới vực được đạo, ăn no mới vác được nặng. Tuy nhiên, không phải kinh tế bao trùm toàn bộ nhân sinh, cũng không phải kinh tế có thể giải quyết luôn được mọi vấn đề nhân sinh. Vì vậy kinh tế cần đủ không cần thừa, thiếu ăn thì thật nguy, nhưng kinh tế ở quá mức đủ, giá trị chẳng bao nhiêu mà lại dễ đưa đến xa hoa phù phiếm, băng hoại nếp sống thuần phác, nếp sống đấu tranh trường kỳ. *Ăn lầy chắc mặc lầy bền, đó là quan niệm kinh tế căn bản của nền kinh tế Việt.*

Ở đâu mà nên quan niệm đó?

A. Pazzi có viết một đoạn trong cuốn “Người Việt cao quý” sau đây: “Tôi nghĩ đến cái áo dài màu đen thích hợp với những sinh hoạt ruộng đồng cũng như không khí trang nghiêm của cái xã hội nông nghiệp phong kiến thừa xưa. Cái áo dài ấy thật là giản tiện một cách bị đát(?), che dấu một cách tài tình và chịu đựng khá oanh liệt bốn mùa mưa nắng phơi pha. Nó nói lên cái nhu cầu ăn mặc sao cho thích ứng với những điều kiện sinh hoạt khó khăn, nói một cách khác, ngay trong quần áo, người Việt cũng mang khá rõ lịch sử chiến đấu gian nan, oanh liệt của dân tộc mình”.

- Cơm không rau đậu không thuốc
- Ăn cơm với mắm thì ngấm về sau
- Ăn cơm với rau ngấm sau ngấm trước

Như vậy là ăn lầy chắc: ăn cho thật đơn giản mà lại có đủ chất bổ dưỡng nên phải chế tạo mắm, ăn dễ tìm dễ kiếm nên phải tận dụng

món rau.

Tại sao phải ăn lấy chắc mặc lấy bền?

Chương trên đã nói tới sự nhất chí của điều kiện sinh hoạt với điều kiện chiến đấu. Ăn chắc mặc bền là luật tắc kinh tế của dân tộc Việt vì phải chiến đấu thường trực và trường kỳ chiến đấu nên kỹ thuật ăn để mà đánh giặc đã được phát triển tới cao độ.

Ca dao có câu:

Ở đời Kiệt Trụ sướng sao

Có rường nem béo, có ao rượu đầy

Ở đời Nghiêu Thuấn khổ thay

Giếng đào mà uống ruộng cày mà ăn

Biết thế đấy nhưng người Việt vẫn chọn thứ kinh tế Nghiêu Thuấn đem mồ hôi đổi lấy bát cơm bình đẳng, phân tán và không bao giờ chạy theo thứ kinh tế Kiệt Trụ tập trung và thống trị dù nem béo rượu đầy. Vấn đề quốc phòng phía Bắc chống xâm lược thôn tính của nòi Hán, phía Tây và phía Nam chống xâm lược, cướp bóc của giống Chiêm đã ảnh hưởng lớn đến sự lựa chọn chính sách kinh tế này. Kể từ Tây Hán, Tàu đối với các lân quốc (mà họ gọi là man di) đã xác định rõ rệt một sách lược thôn tính:

- a) trước khi giao chiến
- b) trong khi giao chiến
- c) sau khi chinh phục

Trước chiến tranh, tìm cách phá hoại kinh tế- tiêu diệt chiến chí- tiêu mòn chiến thức. Phá hoại kinh tế là bản hóa chính sách. Tiêu diệt chiến trí là hủ hóa chính sách. Tiêu mòn trí thức là ngu hóa chính sách.

Trong chiến tranh, tìm cách hủy hoại kinh tế- viễn giao cận công phân hóa- dĩ di diệt di. Hủy hoại kinh tế là tàn phá mùa màng, rối loạn thương trường. Viễn giao cận công là cấu kết với Chiêm Thành, Ai Lao đồng thời tấn công ba bốn mặt. Phân hóa là qua phân lãnh thổ chia để trị. Dĩ di diệt di, dùng người “man di” giết người “man di”, dùng dân bản địa diệt người bản địa.

Chinh phục xong rồi thì dùng mọi thủ đoạn tàn nhẫn chia quận huyện ra mà cai trị, một mặt đồng hóa một mặt tuyệt chủng.

Lấy việc đô hộ nhà Minh làm điển hình. Chúng sang đây lập một chính phủ cai trị tam đầu chế tập trung quyền hành dưới đầu quân sự tức Đô chỉ huy sứ. Án sát sứ và Bố chính sứ chỉ huy quyền tư pháp và dân sự. Chế độ quân sự tập quyền ấy đem tất cả người, vật, đất, tiền, việc làm cõi Việt ta vống la lại thành một thể chế cực kỳ nghiêm mật: công nhân bị khống chế dưới các tạp tạo cục, nông dân bị

khống chế dưới các hương lẫm thu hết thóc gạo tập trung lại cũng ví như tạp tạo cục bóc lột hết sức và phẩm lao động cho quan nha sử dụng, nhà buôn bị khống chế dưới các thương vụ cục ở đây thuế má chiếm hết các lãi lời mà quyền đối ngoại mậu dịch bị bóc lột hết. Tầng giới bị khống chế dưới tầng khu, tầng kỹ và tầng cương. Đạo giới bị khống chế dưới đạo khu, đạo kỹ và đạo cương. Thầy bói bị khống chế dưới quyền một ty cục sở tại. Muối bị khống chế dưới diêm thuế cục. Ngoài các quân khu, tư pháp khu còn các hành chính, tất cả các cơ cấu ấy đan lát nhau lại thành những gọng kìm sắt nóng ép người Việt dưới cuộc thống trị lấy quân sự đem chủng tộc đi xâm lược. Những cơ cấu ấy đều thống nhất dưới một chính sách tối cao là tiêu diệt và đồng hóa nòi giống Việt, mà các thi chính thực tiễn đã chứng thực bằng lưỡi lê bắt ép người Việt mặc áo Tàu, nói tiếng Tàu, cắt tóc, để răng trắng, mặc áo khách (áo cộc là di sản đến ngày nay), bắt các nhân tài Việt (như Lê Tắc làm quyền “An nam chí lược”), Nguyễn Văn An xây thành Bắc Kinh đủ mọi mặt (nho văn, nghệ thuật, chính trị v.v...) giả vờ dụ các nhân tài lâm tuyền ra rồi giết đi, hiếp tróc đàn bà con gái, di dân và tù tội sang tranh cướp, bá chiếm tài sản người Việt, thu hết sách vở, văn hóa phẩm, nghệ thuật quý vật của người Việt về dùng hay hủy đi, tiêu diệt bằng dân tộc hết thảy dân tộc ý thức và tự tín tâm, hạn chế và cố ý giảm bớt sinh hoạt thủy chuẩn của người Việt bằng cách lao dịch sử dụng người Việt vào hết thảy các công việc khó nhọc và nguy hiểm (mò trai đáy bể, kéo gỗ trên rừng, săn tê giác trên núi) bằng giết và cưỡng bách nuôi trẻ con, hạn chế hết kinh tế năng lực và văn hóa thủy chuẩn của người Việt, giao thông hoàn toàn kiểm tra và trở cách v.v... tất cả một gia pháp của tụi đô hộ đồng hóa ngày xưa thêm vào chính sách cá nhân của tụi Thái thú và quan lại hiếp bách, không thể lấy gì mà tả cho hết cái tàn ác của văn minh trên tổ chức và kỹ thuật diệt chủng vong quốc người ta. (Trích Chu tri lục).

Chặt chẽ và tinh vi như vậy mà Bình Định Vương Lê Lợi vẫn đánh đổ được chế độ đô hộ của nhà Minh. Sự thành công ấy, theo luận giải thông thường, và có thể đúng cho bất cứ sự thành công nào với bốn điểm là:

- Có chủ nghĩa, đặt trên tư tưởng dân tộc cách mạng hiệu triệu đuổi Minh.
- Có nhân tài như Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí, Lê Lai, Lê Sát, v.v...
- Có dân chúng, sau khi khởi binh quân kỷ nghiêm minh, không vong

sát cướp bóc lại thêm lòng người oán ghét giặc thù gan.

- Có sách lược.

Có một điểm không ai nói tới vì nó từng có trước Lê Lợi cả ngàn năm đó là nền kinh tế bình đẳng tản mát vào một hệ thống thôn xã mệnh mông khắp lãnh thổ khiến cho toàn bộ kế hoạch tập trung để dễ bề kiểm soát của địch, không một lúc nào đạt được kết quả ngoài những hành động tàn ác khơi sâu căm thù oán ghét.

Đói thì thèm thịch thèm xôi

Hễ no cơm tẻ thì thôi mọi đường

Cũng thèm thịch thèm xôi nhưng quan trọng nhất vẫn chỉ là no cơm tẻ. Với nếp sống kinh tế tước giảm tới đa nhu cầu và chối bỏ hẳn mọi thèm muốn thừa đã phá tan âm mưu địch dùng kinh tế để tiêu diệt chiến chí, dùng đặc quyền kinh tế để hủ hóa và dĩ di diệt di. Người Việt có tự hào về tổ chức xã hội của mình đã dùng được ý chí dân tộc mà lãnh đạo và khống chế kinh tế và đã không để cho vấn đề kinh tế lãnh đạo và khống chế xã hội.

Trong cuốn “Hitlers zweites buck” viết: “C’est la lutte et non l’économie qui assure la vie!” (Chính sự chiến đấu chứ không phải kinh tế bảo tồn đời sống). Un peuple sain recherchera toujours la satisfaction de pouvoir vivre dans son propre pays et sur son propre sol (Một dân tộc lành mạnh luôn luôn tìm cách thỏa mãn nhu cầu sống ngay tại xứ sở và trong lòng đất của nước mình). - Le commerce mondial, l’économie mondiale les exportations etc...etc...sont, autant de moyens éphémères d’alimenter un peuple. Ils dépendent de facteurs qui sont indépendants des jugements et de la force propre d’un peuple. Le sol en tant que tel et la terre en tant que telle furent de tous temps les principes fondamentaux les plus certains, pour assurer l’existence d’un peuple. (Mậu dịch quốc tế, kinh tế thế giới, xuất cảng v.v... và v.v... hết thảy đều chỉ là những phương tiện tạm bợ để nuôi dân. Những phương tiện đó thường không tùy thuộc vào ý chí và sức mạnh của dân tộc. Vì thế chỉ có ruộng vườn mãi mãi là nguồn cung cấp bất tận cho sự sống của một dân tộc).

Điều Hitler nói trên đây, người Việt đã áp dụng nó từ ngày lập quốc.

Anh ôi cố chí canh nông

Mười phần ta cũng giữ trong chín phần

Kinh tế Việt là nền kinh tế nông nghiệp, cả văn hóa Việt cũng là nền văn hóa nông nghiệp. Canh nông là chín phần mười của sinh hoạt kinh tế. Sức mạnh của nước Việt đặt tất cả trên tinh thần nông dân của dân tộc:

a) Không sợ gian khổ:

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Gian khổ bao nhiêu cũng không sợ, cũng chịu đựng.

b) Biết rõ những nỗi lo:

Trông trời trông đất trông mây

Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm

Trông cho chân cứng đá mềm

Trời yên bể lặng mới yên tấm lòng

Quanh năm lúc nào cũng lo công lo việc, lo ứng phó với thời tiết nắng mưa, không một phút được thiếu cảnh giác, trễ biếng.

c) Không quan tâm đến sống chết:

Tre già măng mọc

Sống gửi thác về

Nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt lai tắc nhật vãng, bất tri lão chi tương chí. Mặt trăng lặn thì mặt trời mọc, mặt trời lặn đến mặt trăng lên, không để ý đến cái già đã tới.

Với tinh thần như thế, kinh tế Việt là một nền kinh tế bền bỉ, chăm chỉ, không nhiều thị dục càn rỡ và rất thiết thực.

A. Pazzi viết:

“Người Việt Nam không hề có óc viển vông và đó là cái thế quân bình làm nên sức mạnh của giống nòi họ. Nếu người ta biết rằng dân Chiêm Thành sống trên mảnh đất nghèo nàn hơn nhiều, lại có những ngôi nhà tháp cổ công phu ngày nay vẫn còn cố đứng rầu rĩ trên các sườn đồi miền Trung thì ta mới hiểu được tại sao người Việt lại là những kẻ chiến thắng. Tôi đã có dịp quan sát nhà cửa người Việt và tôi thấy những nơi trú ngụ của họ đều rất phù hợp với các điều kiện thực tế, ngoại trừ những ngôi nhà tranh ở một đôi nơi trong vùng Bình Định có một kiến trúc quy mô vững chãi ảnh hưởng sót lại của dân tộc Chăm. Chính sự vững chãi phi lý làm cho sinh lực mong manh nên ta có thể nói rằng người Chăm đã bị suy vong vì óc xa rời

thực tế của mình”.

Sách “Luận Ngữ” có chép câu chuyện Nam Cung Khoát hỏi ông Khổng Tử rằng: “Nghệ thiện xạ, Ngạc đặng châu câu bắt đắc kỳ tử, nhiên Vũ Tắc cung oanh nhi hữu thiên hạ” (Hậu Nghệ giỏi bắn cung, họ Ngạc giỏi bơi thuyền đều bắt đắc kỳ tử, ông Vũ Tắc chăm chỉ cày ruộng mà được thiên hạ).

Khổng Tử lặng thinh không đáp, Nam Cung Khoát đi khỏi, Khổng Tử mới khen: “Quân tử tai nhược nhân, thường đức tai nhược nhân” (Người ấy thật là quân tử, người ấy thật là người yêu đạo đức).

Rồi ngoảnh lại bảo học trò: “Quan ư hương nhi tri vương đạo chi dịch dịch” (Hãy nhìn vào làng xã để biết chính trị vương đạo uyển chuyển nhường nào).

Kinh tế nông nghiệp mới chính là kinh tế vững chãi vì nó xây dựng trên đất.

Tinh thần nông nghiệp rất uyển chuyển vì nó phải dựa theo thời bốn mùa mưa nắng.

Đời sống nông nghiệp tiếp nối đến vô tận vì nó sinh ra rồi lại nảy sinh nữa (thóc giống gieo xuống sinh ra cây lúa, cây lúa lại sinh hạt giống).

Đất tạo nên sự bình tĩnh và đơn thuần. Nước Việt bốn mặt thù địch nhưng vẫn bình tĩnh ứng phó, một mặt hấp thụ những cái hay cái tốt của văn hóa địch, một mặt cầm cự và mở mang bằng cách bám lấy đất, không vội vã ồ ạt. Chiến đấu trường kỳ đòi hỏi tính tình đơn thuần, một nếp sống kinh tế giản dị, thanh đạm ăn chắc mặc bền.

Giàu thì cũng chẳng có thềm (tham?)

Khó khăn ta liệu ta làm ta ăn

*

Nông nghiệp kinh tế chính sách gọi tắt là nông chính có mục đích là khai phát ruộng đất đồng thời khai phát tâm linh. Cho nên cày ruộng đi đôi với đọc sách, nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong nhất nông nhì sĩ.

*Nay mừng tứ hải đồng xuân
Tam dương khai thái muôn dân hòa bình
Sĩ thời chăm chỉ học hành
Một mai khoa bảng để dành công danh
Nay mừng cho kẻ nông phu
Cầu cho hòa cốc phong thu bình thời*

*Vốn xưa nông ở bực hai
Thuận hòa mưa gió ấy thời lên trên*

Kinh tế liên kết cùng giáo hóa. Khai phát ruộng đất với khai phát tâm trí ví như hai bánh xe của cỗ xe chuyển động đều đặn không ngừng, hai công tác song hành và vĩnh hằng chính giáo hợp nhất, chính dĩ đắc tài giáo dĩ đắc tâm.

Tác giả Trần Trọng Kim trong sách “Việt Nam Sử Lược” có chép một đạo dụ của vua Lê Thánh Tông như sau:

- 1) Cha mẹ dạy con phải có phép tắc, trai gái đều có nghề nghiệp, không được rượu chè cờ bạc, tập nghề hát xướng để hại phong tục.
- 2) Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ phép để cho cả nhà bắt chước; nếu con em làm càn thì người gia trưởng cũng gánh một phần lỗi.
- 3) Vợ chồng cần kiệm làm ăn, ân nghĩa trọn vẹn duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất xuất thì mới được bỏ, chứ không được thiên ái, cầu dung để làm hại tới phong hóa.
- 4) Làm đệ tử nên yêu mến anh em, hòa thuận với hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử nếu trái pháp thì người tôn trưởng trừng trị dạy bảo, có tội to thì phải đem nộp quan để làm tội.
- 5) Ở chốn hương đảng, tông tộc có việc hoạn nạn thì phải giúp đỡ lẫn nhau, nếu ai có tiếng là người hạnh nghĩa tốt, thì các quan phủ huyện sở tại phải bẩm lên tòa Thừa tòa Hiến để tâu vua mà tinh biểu cho.
- 6) Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trách mắng, nên phải sửa mình đổi lỗi không được tự tiện trốn đi làm hư mất nét đàn bà.
- 7) Người đàn bà góa không được chứa những đứa trẻ ở trong nhà nói dối là con nuôi để âm hành những việc gian dâm.
- 8) Người đàn bà góa chồng, đối với các con vợ cả, vợ lẽ, nàng hầu nên có lòng thương xót, không được mưu mô chiếm đoạt gia tài làm của riêng mình.
- 9) Đàn bà góa chồng, chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang lễ, không được chuyển vận của cải mang về nhà mình.
- 10) Làm đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mình phú quý mà khinh nhà chồng, nếu không như thế thì bắt tội đến cha mẹ.
- 11) Kẻ sĩ nên quý phẩm hạnh và giữ phép quan, nếu cư xử xu nịnh những kẻ quyền quý để cậy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa.
- 12) Kẻ thư lại chỉ việc giữ sổ sách giấy má để làm việc quan, nếu làm

những sự điên đảo án tù, thì quan trên sẽ xét ra trừng trị.

13) Quan dân đều phải hiếu đễ và chăm chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau, khi đi làm việc quan không được trễ biếng, trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương thiện thì các quan Phủ Huyện phải trình tòa Thừa tòa Hiến để tâu vua mà tinh biểu cho.

14) Kẻ thương mãi phải tùy thời giá mà buôn bán với nhau, không được thay đổi thương đấu và tụ tập đồ đảng để đi trộm cướp, nếu phạm điều ấy thì trị tội rất nặng.

15) Việc hôn giá tế tự phải giữ lễ phép không được làm càn.

16) Chỗ dân gian có mở trường du hí hoặc cúng tế, thì con trai, con gái đến xem không được đứng lẫn lộn để khỏi thói dâm.

17) Các hàng quán bên đường, có phụ nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà hiếp ô nhục người ta, việc phát giác ra, thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả.

18) Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở tại để cấm con trai con gái không được cùng tắm một bến, để cho có phân biệt.

19) Các xã thôn phải chọn một vài người già cả đạo đức làm trưởng. Những ngày thông thả đem dân ra đình tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt chước làm điều thiện thành ra mỹ tục.

20) Trong hạt phủ huyện có kẻ cường hào xâm chiếm điền thổ, ức hiếp cô độc và xúi giục người ta kiện tụng, thì cho xã thôn cáo giác lên quan để xử trị, nếu mà tuân ầu thì phải biếm bãi.

21) Các nhà vương, công, đại thần dung túng những đũa tiểu nhân, đưa người khấn lễ và để cho người nhà đi ức hiếp dân gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng trị.

22) Những người làm quan Phủ, Huyện mà biết khuyên bảo dân gian làm điều lễ nghĩa khiêm nhượng, có quan Thừa chính. Hiến sát xét thực thì cho vào hạng tốt; nếu ai không chăm dạy bảo dân thì cho là người không xứng chức.

23) Các huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường biết dạy bảo con em trong làng cho nên được phong tục tốt thì quan Phủ, Huyện phải bẩm tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua ban khen cho.

24) Các dân Mường Mán, ở ngoài bờ cõi, nên giữ lời di huấn không được trái đạo luân thường như cha anh, chú bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp, nếu mà trái phép sẽ trị tội rất nặng.

Để kiện toàn đạo dụ trên, về sau vua Lê Huyền Tôn thêm vào một khoản nữa:

- Dân làng phải tôn trọng lẫn nhau theo ngôi thứ, tuổi tác, chỉ bảo cho nhau để giữ lấy sự công bằng, chân thật và liêm sỉ. Người già phải

rộng lượng với người trẻ, đừng cậy tuổi tác tỏ vẻ khinh bỉ kẻ ít tuổi. Người trẻ phải kính trọng người già, đừng ỷ thế giàu có coi người có tuổi không ra gì. Trong những ngày hội, những buổi tiệc làng, người trẻ phải kính cẩn những (nhường?) người có địa vị và già cả lựa chọn khẩu phần, không nên vì ly rượu miếng thịt mà gây xích mích trái với tình tương thân tương ái giữa dân làng. Dân làng không được ỷ quyền cậy thế, dựa vào số anh em đông mà hạ uy tín của các xã trưởng, tự nhận quyền phát xét các việc tranh tụng, hà hiếp người cô quả. Nếu trong làng có những kẻ xấu ấy, xã thôn trưởng hãy bắt lên quan để trị tội.

Riêng các xã thôn trưởng, nếu trong làng có sự tranh tụng, phải vô tư phán xét và hòa giải, không được xui nguyên dục bị rồi lại tự nắm lấy việc phân xử. Cũng không được tự đặt ra những luật lệ riêng rồi dựa vào những luật lệ ấy mà chiếm đoạt tài sản khiến cho các nạn nhân phải bán nhà bán cửa cho đến khánh kiệt, cô lập họ không cho họ tham dự các buổi tập hợp, hội hè mà trái với phép nước.

Bầu cử xã trưởng dân làng phải chọn trong các hàng danh giá, học thức có khả năng, đủ niên kỷ được sự tín nhiệm và quý mến của mọi người. Không được vì tiền bạc hoặc tiệc tùng mà bầu lên những người không đủ tư cách hoặc tìm cách thành lập thôn hộ riêng gieo rắc sự hiểu lầm và chia rẽ. Ai phạm tới luật này sẽ bị phạt”.

Những đạo dụ đời Lê cho thấy rõ ràng hình tượng của thể chế hương thôn tự trị và sinh hoạt kinh tế nông thôn. Nó cũng là căn bản sinh hoạt kinh tế của cả nước vì lẽ vốn là một xã hội nông nghiệp, nông dân chiếm tới đa hộ khẩu, nông thôn là cơ tầng lớn nhất.

Hương thôn tự trị đặt trên nguyên tắc: “Dụng quan bất như dụng dân, dụng dân bất như dân tự dụng” (Dùng quan để trị dân không bằng để dân trị lấy dân, để dân trị lấy dân không bằng mỗi người dân trị dụng lấy mình).

Do đó, nhiệm vụ của nông chính có 6 điểm:

- a) Tập trung tín ngưỡng nhân dân, tạo thành một lý tưởng Việt mà không phải tập trung để thống trị, trói buộc.
- b) Tăng đại nhân khẩu để phát triển công cuộc khai phá đất ruộng.
- c) Lấy nông nghiệp làm căn bản phồn vinh cho các sự nghiệp khác.
- d) Hưng phát nhân tâm, người người hòa thuận tương kính tương ái.
- e) Gây dựng cái gốc tài chính của quốc gia, đồng thời làm xuất phát điểm cho kinh tế quốc dân giữ thế quân bình không cho tài chính quốc gia áp bách kinh tế quốc dân.
- f) Đôn hậu phong tục, thuần hóa nhân tâm, cố kết dân tộc, mở rộng văn hóa.

Mục tiêu của nông chính có 4 điểm:

1) Điền dã và đô thị tranh dân: phân tán đô thị tránh tình trạng nhân khẩu tập trung quá nhiều. Ngay cả các đô thị cũng có kế hoạch điền viên hóa, hãy lên Phong Khê, đến Hoa Lư rồi tìm hiểu phong cảnh Thăng Long cũ đem so với kinh đô Huế ngày nay sẽ thấy những vẻ duyên dáng của công cuộc điền viên hóa đô thị của người xưa. Ngược lại công nghiệp thường di thực vào nông thôn, có những người chuyên làm đồ đồng, chuyên làm đồ sắt, làm gạch và đồ sứ, đồ sành v.v...

2) Thăng bằng nhà nước, tài chính quốc gia phải đặt ở bên dưới kinh tế quốc dân, chính sách kinh tế là dân sinh trước tiên, gia đạo phong nghiêu để tạo thành quốc giàu thịnh, làng xã sung túc rồi mới đến nước phú cường.

Làng ta phong cảnh hữu tình

Dân cư giang khúc như hình con long

Nhờ trời hạ kế sang đông

Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi

Vụ năm cho đến vụ mùa

Trong làng trai, gái người trai (?) đua nghề

Trời ra gắng, trời lặn về

Ngày ngày tháng tháng nghiệp nghề cần chuyên

Dưới dân họ, trên quan viên

Công bình giữ mực cầm quyền cho hay

3) Vàng với gạo tranh quý, tác đất nảy sinh cây lúa hạt gạo là tác vàng. Công thương nghiệp phụ thuộc vào sinh sản nông nghiệp đầy mạnh sự khai thác thiên nhiên tới mức tối cao để có thể tự cấp tự túc từ nhà cho đến nước, người người đều tự vui, nhà nhà không thiếu thốn, công nghiệp sinh sản đầy đủ. Tác dụng của thị trường tập trung không còn là vấn đề cấp thiết đến độ có thể làm cho kinh tế sống hay chết, vàng so với gạo không thể tuyệt quý hơn gạo khiến cho lòng người bớt tham mà cùng quý vào điều nhân.

4) Lệ làng thi với phép vua, triều đình trị song hành cùng hương trị, quyền lực chính trị một khi đã phân tán vào làng mạc ruộng đất thì chính trị cực quyền không nảy sinh được nữa. Lực lượng chính trị nảy mầm bén rễ trong dân gian và hương thôn nhờ cái gốc rễ lớn như thế nên quyền lực tự chủ của dân tộc chẳng dễ dàng gì bật nó lên. Binh với nông hợp nhất thành thử binh lực chẳng vì một hai trận mà tiêu diệt. Lực lượng chính trị ví như dã thảo (cỏ đồng) dù cho bị đốt cháy nhưng mưa xuân đến thì cỏ lại đồng loạt mọc lên khắp cả. Giống Mông Cổ tự kiêu rằng họ đi đến đâu ngọn cỏ cũng bị tiêu diệt,

nhưng sang đến đây ngựa Mông Cổ đã bị cỏ Việt thiêu rụi mảnh giáp không còn.

*

Kinh tế nông nghiệp Việt là kinh tế gạo:

Lạy trời mưa xuống

Lấy nước tôi uống

Lấy ruộng tôi cày

Lấy đầy bát cơm

Lấy khúc cá to

Kinh thi đời nhà Chu có câu:

Vũ ngã công điền

Toại cập ngã tư

(Trời mưa ruộng công cho tôi no đủ)

Người nông dân cầu trời mưa, mưa thì phải mưa khắp dân gian thiên hạ, mưa vào công điền để mình ăn no, đó thật là một nguyện vọng kinh tế công tư toàn vẹn. Cho nên chính trị nông nghiệp là:

- *Hãy làm cho có gạo đi rồi dân sẽ theo.*

- *Túc (gạo) giả dã dân chi sở qui (Có gạo thì vấn đề dân sinh cả nước sẽ giải quyết trên căn bản)*

- *Hãy làm cho có nhiều gạo ắt tài chính phải dồi dào.*

Túc giả dã tài chi sở qui

Có nhiều gạo là nền tài chính quốc gia có một tài nguyên vững chắc nhất, công thương nghiệp để lấy tiền quốc ngoại về chỉ là nguồn tài chính bấp bênh.

- *Hãy lấy gạo để bảo vệ lãnh thổ*

Túc giả dã địa chi sở

dân no đủ mới có thể giải quyết vấn đề quốc phòng theo phương châm tam thời vụ nông nhất thời giảng võ.

*

Điểm khác biệt như hai màu đen trắng giữa nông chính phương Đông với trọng nông chủ nghĩa (physiocrats) phương Tây là phương Đông nói kinh tế tất liên hợp với giáo hóa, phương Tây nói kinh tế tất hợp liên với lợi lộc.

Điều tối trọng yếu của nông chính là lấy sĩ đãi nông, làm ruộng và đọc sách đi đôi với nhau.

Thiêu vi điền xá lang

Mộ đăng tể tướng đường

(Buổi sáng làm bác nông phu

Buổi chiều ngồi ở ngôi vị tể tướng)

Lê Lợi từ địa vị một nông dân lên ngôi đế vương anh hùng.

Nguyễn Huệ Quang Trung, một thôn dân áo vải thành bậc vua chúa thực hiện thống nhất.

Người đọc sách do nông dân xuất bản hoặc do khoa cử mà vào lang miếu, hoặc do tiến cử mà làm quân sự. Gặp thời tao loạn nhiều nhưng, người nông dân chiêu binh mãi mã mà khởi nghĩa trở thành anh hùng khai quốc. Sĩ tử, tướng tướng phần lớn là nông dân.

A. Pazzi viết:

“Một người V.N bảo với tôi rằng: “Ở trên đất nước chúng tôi nơi nào cũng có anh hùng. Hãy đi vào các xóm làng, hỏi các nắm mồ và các bụi cây, hốc đá quý ngài sẽ nghe kể kể biết bao nhiêu chuyện phi thường về giống nòi Việt”.

Điều đó là sự thực hết sức hiển nhiên đúng như lời nói của một con người quật cường khởi miền Nam- Ông Nguyễn Trung Trực- khi ông trả lời trước bọn đế quốc xâm lược, rằng đến bao giờ cỏ còn mọc trên đất Việt thì người dân Việt vẫn còn mãi mãi chống đối để tiêu diệt kẻ xâm lăng, và cái phi thường của họ đã thành một tác phong hết sức bình thường.

Hương thôn, đồng ruộng cũng còn là nơi để cho vương hầu tướng tướng đại quan quý nhân trở về vui thú điền viên.

Học nhân, văn nhân, sử sĩ, ẩn sĩ thường qui điền lý:

Chẳng nên cơm cháo gì đâu

Trở về đất bãi trồng dâu nuôi tằm

Ai ơi trời chẳng trao quyền

Túi thơ đủng đỉnh dạo miền thú quê

Lấy đạo đức và lao động lập quốc

Lấy văn hóa và sinh sản dựng nước.

Đó là hai niềm tin trong ý thức kinh tế Việt. Trong “Sử Lược” của Trần Trọng Kim có đoạn sau đây:

“Nhà cửa phần nhiều là nhà tranh vách đất, ít khi có nhà ngói nhà gạch. Kiểu làm nhà cũng phải theo kiểu thường mà làm chứ không được làm nhà lầu và kiểu chữ công hay chữ môn. Ai làm nhà cửa mà không theo đúng phép thì cho là lộng hành phải tội.

Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối. Người giàu sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng chứ không được mặc đồ gấm vóc và đi giày. Nhà vua cấm như thế là cũng có ý muốn cho dân không quen thói xa hoa lãng phí”.

Trên đây là hình ảnh sinh hoạt dưới thời vua Tự Đức, có lẽ cụ Trần Trọng Kim đã nhìn vào cái quá ư nghèo nàn dưới thời Tây để mà tả

thì đúng hơn. Tuy nhiên, về cái sự không cho thối xa hoa lãng phí thì vốn vẫn là tư tưởng truyền thống của kinh tế. Do tư tưởng truyền thống này nên kinh tế nước Việt không bao giờ hướng mục tiêu vào con đường đại phú cường. Chỉ cần làm sao không bị xâm lược, dân no đủ để chống giặc, yên vui làng xã, nhu cầu kinh tế không vượt ra ngoài những vấn đề sinh hoạt căn bản, mọi thừa thãi vô ích đều bị gạt bỏ. Nếu để kinh tế tập trung quá độ xa xỉ làm cho văn hóa băng hoại, quốc gia chìm ngập trong dâm và lợi tất sẽ chẳng khỏi nạn vong quốc. Bởi vậy mới đem gốc rễ kinh tế, văn hóa ký thác nơi hương thôn với nếp sống đơn giản, thuần hậu và tìm cách hạn chế công thương nghiệp tại các đô thị, đây chính là nhược điểm của nền kinh tế Việt, ảnh hưởng của nó làm cho không nhận thức được sự thực dụng của khoa học khi tiếp xúc văn hóa, văn minh công thương nghiệp Tây phương để đến nỗi sinh mệnh lịch sử bị luân hãm gần một thế kỷ.

*

“Người Việt có một giang sơn tuy chẳng so bì được cái bề rộng bề dài với các dân tộc khác, nhưng lại có đủ khả năng sinh sản dồi dào sức chứa tài nguyên. Nếu so với biết bao nhiêu lãnh thổ của biết bao nhiêu dân tộc trên địa cầu này, ta thấy đất nước Việt Nam đã khéo tự hoàn thành lấy và tự khắc phục được nhiều nhược điểm thiên nhiên. Với trên hai ngàn cây số biển đầy đủ hải sản, với núi rừng trùng điệp phong phú quặng mỏ, gỗ cây, với đồng ruộng mông mênh chất đất phì nhiêu và những thác nước dòng sông tràn trề sinh lực. Sở dĩ người Việt không ngừng tiến bước về Nam, bởi vì mảnh đất miền Nam có đủ khả năng để mà bổ túc cho sự thiếu sót của đất đai miền Bắc và cái sở trường ở miền Bắc được đem bồi dưỡng cho sở đoản của đất miền Nam. Sự gắn bó của hai miền đất phong phú ấy tạo nên cái thế quân bình quan trọng ở trọng năng lãnh thổ, bởi vì thiếu một trong hai miền ấy, đất nước Việt Nam không phồn thịnh lâu dài. Do đó, người Việt vẫn quen nhìn hai miền ấy như hai bó lúa mà giải đất miền Trung là chiếc đòn gánh lịch sử, một thứ xương sống mảnh liệt làm bằng một dây Trường Sơn tràn đầy lâm sản”. (Trích “Người Việt cao quý” của A. Pazzi).

Giữa lúc đang tiến hành công cuộc tổ chức và giáo hóa miền Nam thì thực dân Pháp tới làm ngăn trở, cắt ngang những gì còn bỏ dở.

Việc đô hộ của Pháp thi hành trên đất này là hủy diệt sự thống nhất ba miền Trung Nam Bắc bằng ba chế độ cai trị khác nhau, trên kinh tế xây dựng một giai cấp tư sản mại bản, trong các thành phố nhằm tách rời thành thị với hương thôn, tại nông thôn tìm cách kiến tạo giai

cấp điền chủ và tay sai cường hào ác bá. Nông dân phải chịu gánh nặng của đô hộ. Một nhà ái quốc viết về tình trạng đó như sau: “Là người Việt Nam họ bị áp bức, là người nông dân họ bị cướp đoạt. Chính họ là những người làm mọi việc lao dịch, chính họ là những người làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người đi khai hóa và những bọn khác nữa hưởng. Mà chính họ lại phải sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi, hễ mất mùa thì họ chết đói. Đó là vì họ bị ăn cắp khắp mọi phía bằng mọi cách do nhà nước thực dân, do bọn phong kiến tân thời v.v... Xưa kia theo thể chế V.N thì ruộng đất xếp thành nhiều hạng tốt, xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, tất cả những cái đó đều thay đổi. Khi cần kiếm tiền, các quan cai trị Pháp chỉ việc bắt thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất một cách giả tạo bằng cách rút ngắn đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên nơi thì một phần ba, nơi hai phần ba. Điều đó chưa đủ để thỏa mãn lòng tham không đáy của nhà nước bảo hộ, cứ mỗi năm lại tăng thuế mãi lên. Người V.N cứ chịu cho người ta dóc thịt như thế mãi và các quan lớn bảo hộ thì quen ăn bám mùi cứ tiếp tục giờ trò bóc lột.

Năm 1895, viên công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng họ hàng bao nhiêu mẫu ruộng đất để đem cấp cho một làng khác là một làng đi đạo. Những người mất ruộng khiếu nại thì người ta bắt bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ có như thế thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải nộp thuế mãi cho đến năm 1910 mặc dù ruộng đất của họ đã bị tước đoạt từ năm 1895.

Hết các quan cai trị ăn cắp, đến bọn chủ đồn điền ăn cắp. Người ta cáo những đồn điền còn bay thẳng cánh nhiều khi quá 20.000 mẫu cho những người Âu chỉ có cái bụng phệ và cái màu da trắng. Những đồn điền ấy phần nhiều được lập ra bằng lối ăn cắp hợp pháp hóa. Trong thời kỳ xâm lược, người dân cày Việt Nam đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi họ trở về thì ruộng đất của họ đã thành đồn điền mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt đi như thế và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn vua chúa phong kiến tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cơ khuyến khích việc khai khẩn thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho rất nhiều chủ đồn điền lớn.

Đã được không ruộng đất rồi, bọn chủ đồn điền lại còn được không hoặc gần như được không cả nhân công nữa. Bọn quan cai trị cung cấp cho họ một số tù khổ sai làm công không hoặc dùng uy quyền để mộ cho bọn chủ đồn điền những nhân công làm việc với một đồng lương chết đói. Nếu những người làm công đến không đủ số hoặc không bằng lòng thì người ta dùng võ lực. Bọn chủ đồn điền liền bắt bọn hương lý nện vào cổ họ, hành hạ họ cho đến khi những kẻ khốn khổ này chịu ký giấy cam đoan nộp đủ số nhân công cần thiết mới thôi.

Bên cạnh cái thế lực phần đời ấy, còn có những đáng cứu thế phần hồn, các đáng này trong khi truyền bá đức nghèo cho người V.N. cũng không quên làm giàu bằng mồ hôi và máu của người bản xứ. Một viên thanh tra hàm mở người Pháp tên Desrousseau, trong bản báo cáo mật gửi viên toàn quyền Pháp ở Đông Dương, viết:

“Có một sự thực không thể chối cãi và một tâm trạng không thể thay đổi được là bọn nhà quê chỉ chịu bỏ làng khi chúng sắp chết đói, cho nên phải đi tới một kết luận nguy biệch để chúng ta thoát được nỗi khó khăn hiện nay về tuyển mộ phu, nhân công thì phải làm sao cho dân quê nghèo mạt”.

L. Bonafaut, trong “Trente ans de Tonkin” viết:

“Cả tỉnh Vĩnh Yên chìm dưới nước. Sở công chánh đã đóng một cống cách đồn điền Phù Lỗ 8 cây số cho nên đã tạo thành một hồ nước mênh mông trên 10 cây số vuông, dìm cả vùng trong cảnh làm than đen tối. Ngày nào cũng có những đoàn đại diện nông dân đến Bắc Ninh, lên tận Hà Nội nữa để cúi xin chính phủ đừng giết họ, đừng dìm cả vùng bị ngập, đừng đóng cống. Song chính phủ vẫn làm ngơ và tàn nhẫn nhìn cảnh tượng cả tỉnh đang chết”.

Cùng thời gian này, tại miền Trung có một bài văn tế được lưu truyền, đầu đề là văn tế vụ xin sưu mà tác giả không biết ai để tả thảm trạng người nông dân lúc đó, xin trích một đoạn dưới đây:

Thương dân nay

Đầu cũng đội trời

Sinh không gặp hội

Đã chẳng may giặc Pháp cầm quyền

Lại cứ mực đã man quen thói

Tội tội tội đặt mâm xuống khoai chắt lẫn rau

Khổ khổ khổ rướn đũa lên cơm van không muối

Chồng cũng cày năm ba vạt ruộng, thuế ngày nộp mà làm chẳng thấy ăn

Vợ cũng chạy ba bốn cửa hàng, sưu tăng mãi lời không thấy ngại

(tiếng Trung là có được)

Thương một nỗi hôm nay chực đình, hôm mai canh điểm, mò cả đêm như vạc khắc canh

Thương một bề, buổi tay gánh đá, buổi tay đào sông, chạy cả ngày như chó phải lói (pháo tre)

Sưu chưa kịp liệu, phòng chánh đến phòng phó đến cả phòng cai đều buộc ngành thắt cổ, phút xui nên nọc nọc vồ vồ.

Thuế chưa có ra, bán gà đi, bán lợn đi lại bán bò đi, bán trốt lột xương may mới khỏi gông gông trói trói.

Cám cảnh nhẽ tiền không gạo hết, lấy gì nuôi con trẻ thơ ngây

Xót xa thay thịt nát xương mòn, lấy gì cấp mẹ cha yếu đuối

Trách vì ai không biết lo toan

Để cho nó phải nên nông nổi

Ôi dân ôi

Chết đã đến sau

Sống chi cho tội

Mọi việc thực dân Pháp làm chẳng có gì là mới mẻ, bởi vì hơn 500 năm trước nhà Minh đã từng áp dụng trong mấy chục năm đô hộ. Tất nhiên cũng như năm thế kỷ về trước nó rơi vào những thất bại tương tự. Họ đều đã vấp phải sự đối kháng mãnh liệt của đất, của văn hóa nông nghiệp mà Paul Mus gọi là “Politique d’un sol” của đạo Gạo (Religion du riz). Nông dân theo truyền thống lịch sử vẫn mãi mãi là chủ lực để giải phóng dân tộc dành lại tự chủ. Một khi nông dân là lực lượng chính trị chủ yếu thì đương nhiên nông dân cũng là lực lượng chủ yếu để kiến thiết nền kinh tế vững vàng cho xứ sở. Nông dân còn là tiền thân của công nhân tiến nhập vào các đô thị khi nào quốc gia cần xây dựng cơ sở công nghiệp lớn mạnh.

*

Từ ngày bị văn minh Tây phương đè ép, một số người Việt thường mắc vào căn bệnh có ý thức phủ nhận vết cũ nhưng vô ý thức tiếp thụ đường mới, thiên về tinh thần Tây phương mà quên mất tinh thần dân tộc, thiếu hẳn khả năng dung thông, đối với vấn đề kinh tế chỉ biết ngưỡng vọng sự hào nhoáng của thương nghiệp, sự ồn ã của công nghiệp.

Ta về ta tắm ao ta

Dù trong dù đục ao nhà đã quen

Cái ao ở đây có nghĩa là bài học kinh nghiệm lịch sử cùng mọi điều kiện chủ khách quan của xứ sở.

Cái ao ấy chôn dấu những khuôn vàng thước ngọc cho đời sau:

- Bất sinh túc chi quốc vong (Nước không có gạo nước mất)

Nếu nước Việt bị suy sụp cơ sở kinh tế nông nghiệp thì các vấn đề nhân khẩu, tài phú và quốc phòng chắc chắn vô biện pháp giải quyết.

- Túc sinh nhi tử giả bá (Có gạo mà vẫn chết là bá đạo)

Nông nghiệp hưng thịnh nhưng rút cục bị công thương nghiệp chèn ép, nông nghiệp bị hy sinh, bị phá hoại để cho công thương nghiệp phát triển. Chính sách này tuy có thể khiến cho quốc lực lớn mạnh nhưng chỉ là chính sách đưa đến nhất thời chí bá không lâu bền, vững chãi. Tỉ dụ: nước Nhật trước thế chiến và bây giờ.

- Túc sinh nhi bất tử giả vương (Gạo nhiều dân vui là vương đạo)

Công thương nghiệp phải phối hợp cùng nông nghiệp để kiến thiết, quan trọng hàng đầu là củng cố lâu dài bản thân nông nghiệp. Sự phát triển công thương nghiệp đặt trên nguyên tắc ăn chắc mặc bền, không để phục vụ những nhu cầu kỳ hình quái trạng, như kinh tế gia Walter Rostow thường vẫn khoe rằng kinh tế tiêu thụ là nền kinh tế tốt đẹp nhất, sung sướng nhất; kỳ thực nó chỉ là một thứ văn minh ăn không ngồi rồi (Civilisation des loisirs).

Vương đạo là gì? Yêu cầu thứ nhất của vương đạo là cầu cho dân giàu sung sướng mà gạo nhiều sống no là giàu, là sung sướng. Yêu cầu thứ hai của vương đạo là thịnh trị không có sự bóc lột, lừa đảo, dối trá. “Phú nhi trị vương chi đạo dã” (Giàu và thịnh trị chính là vương đạo vậy). Các hình ảnh của vương đạo đã được vẽ vào trong ca dao bình dân:

Trời thu vừa gặp tiết lành

Muôn dân yên khỏe thái bình âu ca

Muốn cho yên nước yên nhà

Một là đặc hiếu hai là đặc trung

Trong bốn nghiệp ra công gắng sức

Đường nghĩa phương ta phải khuyên con

Còn trời còn nước còn non

Còn cô bán rượu, ta còn say sưa

Những quy luật chính trị trong sử Việt

ĐẠO ĐỨC TÂM

Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc
Trần Bình Trọng
Ở đời muôn sự của chung
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi

Nguyễn Công Trứ

Cá nhân tự do chủ nghĩa của Hy Lạp.
Tổ chức đoàn thể tinh thần của La Mã.
Thế giới tôn giáo tín ngưỡng của giống Hebreu.
Cả ba do vận động lịch sử trộn lẫn với nhau mà tạo thành tâm hồn người Tây phương ngày nay.
Tâm hồn Việt trước sau nguyên vẹn là một tâm hồn đạo đức của đạo Nho.

Văn hóa lấy đạo đức làm trung tâm.

Lịch sử diễn tiến với đạo đức.

Nhân vật anh hùng và kẻ sĩ do đạo đức rèn luyện. Không kể riêng vấn đề nào từ chính trị, kinh tế, quân sự, giáo dục, các loại chế độ, các việc xảy ra đều hoàn toàn được đem ra giải thích và phân tích bằng tinh thần đạo đức, đều được phê phán qua lăng kính:

Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ

Trung hiếu, nhân nghĩa, liêm sỉ, tiết tháo

Khác hẳn với Tây phương chỉ nói:

Tự do, bình đẳng, độc lập.

Ai muốn làm cái gì, hành động phải đặt vào trong đạo đức quan niệm và đạo đức trách nhiệm.

Đời Xuân Thu, quan Thượng Khanh nước Lỗ tên là Thúc Tôn Báo sang sứ bên nước Tấn gặp quan Thượng Khanh nước Tấn là Phạm Tuyên Tử. Sau khi bàn việc xong xuôi, hai người đàm đạo sang vấn đề triết học.

Phạm Tuyên Tử hỏi Thúc Tôn Báo rằng:

- Làm thế nào để cuộc sống không mục nát (bất hủ) như cỏ cây?

Thúc Tôn Báo chưa trả lời ngay, hỏi lại:

- Theo ý ngài thì sao?

Phạm Tuyên Tử đáp:

- Nhà họ Phạm tôi từ đời Nghiêu Thuấn đến nay qua thêm ba đời Hạ, Thương, Chu tính ra hơn hai ngàn năm vẫn giữ mãi là một thế gia, kể cũng đáng gọi là bất hủ đấy chứ.

Thúc Tôn Báo nói:

- Theo tôi, đó mới là thế lộc không thể gọi là bất hủ. Nhân sinh chỉ có ba điều bất hủ: Lập đức- Lập công- Lập ngôn.

Lời Thúc Tôn Báo chứng tỏ mọi sự trên đời đều được xét đoán bằng lý luận đạo đức.

- *Tu đâu cho bằng tu nhà*

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu

- *Học là học đạo làm người*

Làm người phải giữ lễ trời dấm sai

- *Ai ơi mang bát cơm đầy*

Đẻo thơm một hột đắng cay muôn phần

- *Được mùa chớ phụ môn khoai*

Đến năm thân đậu chẳng ai bạn cùng

- *Làm trai quyết chí tang bồng*

Sao cho tỏ mặt anh hùng mới cam

- *Làm trai yêu nước quên nhà*

Nước kia có vện thì nhà mới xong

Hết thấy đều là những lời thường nói hàng ngày đem đạo đức chính trị hóa, xã hội hóa, thậm chí cả kinh tế hóa nữa hay nói chung là giáo hóa.

Đạo đức theo quan niệm Việt là sự nói rõ quan hệ giữa con người với con người, quan hệ giữa người với xã hội, mà hình thái cao nhất của xã hội là tổ chức chính trị, vậy điểm cao nhất của đạo đức cũng là đạo đức chính trị từ đây mà đi chum xuống dưới. Nếu ở một mình trên hoang đảo như Robinson Crusoe thì chẳng cần nói chuyện đạo đức gì cả.

Trái lại, đạo đức luân lý Tây phương không căn cứ vào xã hội hay chính trị mà lý luận và thường căn cứ vào huyền học, theo nhận thức với bản thể học để hoàn thành một thể hệ lý luận. Tỉ dụ: đạo Gia Tô bảo “Chúng ta sống trong tâm ý của Thượng Đế”, còn người Việt nói

“con người sống trong tâm ý của người khác, một người xấu cả bọn mang nhờ”.

Platon phải tưởng tượng ra một thiên quốc, một thế giới trên từng trời, đem cái mơ nhân gian trừu tượng hóa cùng lý niệm hóa đi. Khi đã lý niệm hóa nó rồi tức là cắt đoạn hẳn với hiện thực chính trị, thoát ly hẳn sự khiếm chế của hiện thực xã hội, đến lúc mang nó trở về nhân gian, nó trở thành một mệnh lệnh của Thượng Đế, đạo đức biến ra mệnh lệnh tuyệt đối và vô điều kiện. Do đó thời Trung Cổ mới có những thượng đế luật bắt buộc người ta phải tin theo tuyệt đối chẳng cần “nên hay không nên”, kẻ nào đi ngược lại chống đối tức thì kẻ đó là bọn “phù thủy” (sorcier) bắt đem hỏa thiêu.

Gia Tô giáo phân ranh chia cách chính trị và đạo đức, bên giữ phần đời, bên giữ phần hồn. Đọc những sách của Kant, của Hegel, của Locke, của Rousseau thấy rất rõ sự phân ranh do Gia Tô giáo ảnh hưởng lớn đến thế nào. Mãi tới thời kỳ tôn giáo cải cách, văn nghệ phục hưng thì luân lý đạo đức từ tay Thượng Đế mới được đem trả về cho nhân gian, trả về cùng chính trị. Tuy nhiên, nó cũng không vì vậy mà giống đạo đức Đông phương. Đông phương giảng đạo đức theo thuận tự: tu thân- tề gia- trị quốc- bình thiên hạ.

Tây phương thì lý luận đạo đức bằng cách tách rời cá nhân khỏi quốc gia- thiên hạ. Con người bây giờ không sống trong tâm ý của Thượng Đế nữa thì sống trong tâm ý của chính bản thân mình (cá nhân chủ nghĩa). Đạo đức thành tựu do tập tục chứ không vì lòng tin tưởng, con người thiện lương vì sợ xã hội trừng phạt, đạo đức không là tự nguyện mà là tâm lý e dè. Đạo đức được bảo vệ bởi một nghị ước và pháp luật. Cá nhân có quyền làm theo ý mình, nhưng quốc gia sẽ trừng phạt nếu hành động cá nhân phản lại xã hội. Như vậy xã hội giữ vai trò chủ yếu, đạo đức chỉ là thứ yếu.

*

*Người trồng cây cảnh người chơi, ta trồng cây đức để đời về sau.
Đạo đức Việt hoàn toàn là một sự lựa chọn nguyên ý cái đạo làm người, cái lẽ trời, trên căn bản “dĩ nghĩa vi lợi” và “chỉ ư chí thiện”.
Không phải cho đời này thôi mà còn cho đời sau nữa, không phải cho cá nhân mình thôi mà còn cho cả tập thể nữa.*

Tại huyện Nam Sang tỉnh Hà Nam, dân đều nhớ truyền thuyết về cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến như sau:

“Hồi còn trẻ, Nguyễn Khuyến cùng với đám đồng môn ra sông tắm gặp đoàn thuyền giấy trên có voi, ngựa và hình nhân của dân cư

cúng cô hồn và lễ quan ôn cầu mát, lễ xong bỏ sông trôi vào chỗ anh em tắm. Có người gạt ra thuyền giấy lại trôi vào. Nguyễn Khuyến liền nói đùa: “Thuyền bè lính tráng, voi ngựa oai hùng thế kia sao không vượt sông ra bể phù dân giúp nước trong lúc quốc gia hữu sự này, lại luẩn quẩn đây cầu ăn con gà nắm xôi”.

Nguyễn Khuyến vừa nói xong thì đoàn thuyền giấy đó dạt ngay sang phía sông bên kia, sau đó dân làng bị ốm đau như bị ma quỷ quấy nên người ta phái người sang cầu cứu cụ Nghè.

Cụ Nghè liền gọi Nguyễn Khuyến và bọn học trò tắm sông hôm đó hỏi đầu đuôi câu chuyện và bảo phải ra khẩn khứa cho đoàn thuyền trôi đi. Ông Nguyễn Khuyến liền tới bờ sông hô to yêu cầu đoàn thuyền trôi đi nơi khác. Sau đấy dân cư đều khỏi ốm đau và được bình an như thường”.

Xem thế đủ biết, con người chết đi vất vưởng mà thành lũ cô hồn còn biết liêm sỉ, cảm thấy đau khổ khi có người nói đến cái thân phận vô dụng của mình, huống nữa là con người lúc đang sống ở trong trời đất.

Phần người sống là Nguyễn Khuyến, sau khi đỗ đầu cả ba khoa thi Hương, Hội, Đình cụ được bổ nhiệm Đốc học rồi Bố chánh. Cụ là một văn quan có tiếng hay chữ, có tiếng liêm khiết lại mẫn cán và thao lược. Mẹ Nguyễn Khuyến càng khe khắt, nghiêm ngặt cùng ông về sự liêm khiết. Mỗi lần thấy ông dâng tặng một chút lễ mọn là bà cụ liền hỏi căn nguyên lễ vật ấy ở đâu mà có. Nếu không chứng minh được rõ ràng thì mặc dầu con có hiếu thảo dâng, bà cũng vẫn từ chối, còn trách mắng nữa là khác. Bà cụ thường bảo: “Con lấy lễ của dân mà tặng cho cha mẹ tức là lấy của cha mẹ mà tặng thì đâu còn lòng hiếu thảo nữa”.

Đức hạnh của ông đã cảm hóa được lòng người. Trong việc chấp đạo an dân, ông đã tỏ rõ một bậc khéo khuyên dân chúng cải tà qui chánh. Triều đình mấy lần cử ông vào những trọng trách lớn hơn, ông đều từ chối vì lúc đó ông nhận thấy có một số quan lại quá mục nát kéo bè kéo cánh làm càn. Can ngăn không được, dân tình than oán, ông liền dâng sớ về nghỉ nhưng vua Tự Đức không cho và bổ nhiệm ông làm Tổng Đốc ba tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang. Nhưng hồi này, ông thấy bọn thực dân Pháp càng ngày càng bành trướng, một số bọn triều thần bán nước đã a dua với ngoại nhân mưu đồ phú quý chẳng nghĩ gì đến dân đến nước. Nhiều bạn học của ông như các ông nghề Du Lâm, Nguyễn Kham, Nguyễn Xuân Ôn đều đã từ tiết không chịu theo giặc.

Hết sức buồn phiền, ông liền giả đau mắt từ quan rút lui về chốn điền

viên để giữ cho trọn vẹn danh tiết.

Sau này thực dân muốn dùng ông để lợi dụng thanh thế ông mà thu phục nhân tâm mới giao cho tên mãi quốc Hoàng Cao Khải tới mời. Ông nhất định chối từ. Biết không thể lấy mỗi phú quý lay chuyển được lòng son sắt, bọn thực dân liền bảo Hoàng Cao Khải kiểm soát gắt gao mọi hành động của ông bằng cách giam lỏng tại tư dinh của quan Kinh lược. (Theo tài liệu của ông Đạm Nguyên trong cuốn “Tam Nguyên Yên Đổ”).

*Châu chấu làm sao dám đá voi
Đứng xem ai chẳng bật lên cười
Xun xoe nhảy lại dương hai vế
Ngứa ngứa không hề động tí đuôi
Say tỉnh cuộc này ba chén rượu
Được thua chuyện ấy một trò chơi
Cả gan cũng sợ cho mình nhĩ
Theo đít còn hơn một lũ ruồi.*

Đó là bài thơ của ông Nguyễn Khuyến để vịnh cái việc ông nhất định không chịu ra làm quan với Pháp, nó chính là cái tinh thần đạo đức: tri kỳ bất khả vi nhi vi chi, biết rằng không thể chống nổi mà vẫn chống, thế chẳng hơn bọn ruồi nhặng theo đít voi sao? Tuy nhiên, thái độ Nguyễn Khuyến không phải là vô ích vì nhờ tinh thần ấy mà sau này đã xảy ra cảnh:

*Nực cười châu chấu đá voi
Châu chấu đá mãi voi lòi ruột ra*

Cụ Tam Nguyên Yên Đổ đã lập đức cũng như cụ Nguyễn Đình Chiểu trong Nam mặc dầu vừa mù vừa điếc vẫn làm thơ giết giặc, viết sách để truyền bá đạo đức. Trong lúc nghèo đói cùng cực, cụ Nguyễn Đình Chiểu vẫn một mực từ chối món tiền khá lớn do thực dân đem đến để mua chuộc. Đặc biệt hơn nữa là suốt quãng đời khổ sở khốn đốn của mình, cụ Chiểu chỉ giặt quần áo bằng thứ nước tro chứ không chịu dùng xà phòng mà cụ cho là một thứ sản phẩm của Tây. Cụ cũng không chịu đi trên con đường quốc lộ mà cụ cho là công trình xây đắp của bọn thực dân và phải băng đồng, lội ruộng hết sức vất vả mỗi khi xê dịch.

A. Pazzi viết:

“Đây là một câu chuyện thực nói lên ý thức luân lý cố chấp của một sĩ phu, nhưng xét cho cùng trong đó có cái căm thù những kẻ xâm lược hết sức sâu xa, hết sức cảm động và cũng hết sức lớn lao, trở thành một sự khuyến cáo khó lòng phai nhạt đối với bao nhiêu thế hệ

đến sau. Những thứ tinh thần cứng rắn như thế không thể đem ra bình phẩm hời hợt và xem là một bảo thủ lỗi thời. Thực ra phải đứng vào vị trí dân tộc cùng cái nhu yếu tự vệ khẩn thiết của dân tộc ấy mới nhận định đúng cái giá trị ấy. Đó là một thứ tinh thần kết tinh của nhiều thế hệ chống đối, một loại kim cương đọng lại từ lớp đá than sinh hoạt của bao nhiêu đời. Và các ảnh hưởng phá hoại từ bên ngoài đến dù có khả năng quyến rũ, lung lạc bao nhiêu đã thành vô dụng như cơn gió cuồng dội vào núi đá lớn hay nói theo thành ngữ V.N “nước đổ lá khoai”. Có thể nói rằng hầu hết các tác phẩm cổ điển V.N đều chan chứa những tinh thần đạo đức cương thường, và tuy xã hội đổi thay nó không hẳn còn phù hợp, nhưng tinh hoa ấy vẫn là nòng cốt tinh thần dân tộc, cái tinh hoa ấy là sống sao cho hợp lẽ phải, hợp với đạo lý làm người trong một xã hội, là sự hướng về điều thiện và những giá trị cao đẹp.

Đạo đức tâm chan hòa trong máu người Việt, nó đi vào chính trị bằng đòi hỏi để phẩm đức lãnh đạo, nhân vật trung tâm của chính trị trước hết phải là con người có phẩm đức đã, bởi vì chính trị đến từ yêu cầu tự nhiên thuận với nhân đạo, thuận với nhân tâm. “Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, giai dĩ tu thân vi bản”, từ vua cho đến dân đều phải lấy sự tu thân làm gốc. Không phải vua có quyền làm gì thì làm, vua cũng cần tu thân như dân. Lịch sử Việt chưa bao giờ xuất hiện những chính trị gia có cái phong cách múa may quay cuồng, hò hét, chứa chất nhiều ý lờn nạt như: Mussolini, Krouthchev, Hitler, Clémenceau, Soekarno v.v... Phần lớn, những người lãnh đạo chính trị đều có cái vẻ chân thật nhưng tinh anh, thân ái như trong gia đình với nhau, trông bề ngoài hết sức bình dị.

*

Đạo đức tâm đi vào kinh tế bằng đòi hỏi tính cần kiệm.

Làm người phải biết tiện tàn

Đồ ăn thức mặc có ngần ấy thôi

Những người đói rách rạc rời

Bởi phụ của trời làm chẳng nên ăn

Sách “Đại học” có câu: “Sinh tài hữu đại đạo, sinh chi giả chúng, thực thi giả quả, vi chi giả tật, dụng chi giả thụ”, nghĩa là : Phép sinh tài có con đường lớn; làm ra cho nhiều, ăn ít thôi, làm ra cho nhanh, tiêu chậm thôi.

Làm nhanh, làm nhiều là chăm chỉ, cần mẫn.

Ăn ít, tiêu ít là tần tiện, tiết kiệm.

Lấy chăm chỉ, cần mẫn mà đuổi kịp người trên mọi lãnh vực kinh tế những gì mình còn kém. Lấy kiệm, tần tiện để khỏi có một sinh hoạt kinh tế xoay sở, lọc lừa lường gạt, vay mượn. Dù cá nhân hay một quốc gia đều phải hiểu rằng: “Ngã tử sự tiểu, thất tiết sự đại” (chết đói là việc nhỏ, thất tiết mới là chuyện to). Một khi đã rơi vào cái thế cơ hàn sở bách (đói rét đe dọa) và phùng nhân tất hữu cầu (gặp ai cũng xin xỏ) là lập tức mọi sự hỏng.

Đạo đức đi vào tổ chức xã hội bằng sự gây dựng tình nghĩa cho quan hệ giữa người với người, như đời xưa có ngũ luân:

“Giáo nhân dĩ luân, phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín” (Dạy người nhân luân, cha con thâm tình, vua tôi có nghĩa, vợ chồng ai nấy làm tròn bổn phận, già trẻ thứ tự, bạn bè trung tín. - Lời Mạnh Tử)

Có sự đoàn kết nội bộ để chống với địch quốc:

- Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau

- Một giọt máu đào hơn ao nước lã

Trong các làng xã tôn trọng bậc cao niên tuổi tác chẳng kém gì người chức tước. Chức tước là quyền uy về thân phận, tuổi tác là quyền uy về niên linh. Thầy Mạnh Tử nói rằng:

“Thiên hạ hữu đạt tôn tam, tước nhất, sĩ nhất, đức nhất. Triều đình mạc như tước, hương đảng mạc như sĩ, phụ thế trưởng dân mạc như đức” (Có ba điều đáng tôn trọng thiên hạ: chức tước là một, tuổi tác là hai, đạo đức, đạo đức là ba. Nơi triều đình không gì quan trọng bằng chức tước, ở làng xã không gì quan trọng bằng tuổi tác, giúp đời chần dân không gì quan trọng bằng đạo đức).

*

Phi Khanh bảo Nguyễn Trãi: “Con phải trở về mà lo trả thù cho cha rửa nhục cho nước, chớ đi theo khóc lóc mà làm gì?”.

Lập công là một điều quan trọng của tinh thần đạo đức Việt. Người Việt thường nói: công đức và công ơn của ai, tỉ dụ: công ơn cha mẹ, công đức của tiền nhân. Theo triết lý hành động thì công là một hành động vào thực tế của đạo đức. Lòng yêu nước là đức, cảm sùng đánh giặc là công. Nếu cảm sùng đánh thuê cho giặc thì hành động ấy không thể lấy danh từ lập công cao đẹp kia mà định nghĩa. Triết lý hành động của Tây phương chú trọng vào phương pháp còn triết lý hành động của Đông phương ngoài phương pháp phải có cả đạo đức.

Tây phương nói: “Agir c'est transformer volontairement par des destes, le monde extéricur”.

Đông phương nói: “Lập công để lưu danh thiên cổ” trước khi hành động cần xem hành động có hợp với đạo đức không đã, một khi đã chấp nhận đó là điều “đạo đức” thì làm cho đến chết mới thôi mặc dù đứng trên phương pháp mà xét nó không hề có một khả năng thành công nào cả. Không thành công thì thành nhân của Nguyễn Thái Học là vậy.

Ở Pháp, nếu người nào chấp nhận chính phủ Vichy, họ mang cờ đi đón thống chế Pétain với cả tấm lòng chân thật, nhìn thống chế Pétain như vị anh hùng cứu nước Pháp.

Ở Việt Nam, dân chúng sống trong khu vực Pháp chiếm đóng khi đi đón vị “thủ tướng” Việt do Pháp đưa ra, đã ngấm ngầm bảo nhau căng bốn chữ “đại điểm công thần” trong cuộc lễ đón rước chính thức bằng hình thức ấn dấu, dân Việt đã chửi công khai vị thủ tướng kia bằng hai chữ đại điểm kết với nhau thành chữ “khuyển” ý bảo là tên chó săn của giặc, tuy hình thức bên ngoài nó mang nghĩa là “công to” cho đất nước.

Tây phương rất tán thưởng câu Machiavel nói: “Le succès fait le mérite” (Thành công sẽ làm thành người xứng đáng).

Việt Nam đòi thành công phải đi đôi với xứng đáng, nếu xứng đáng thì dù là kẻ thù người Việt cũng lập đền thờ, như đã thờ Sầm Nghi Đống bên gò Đống Đa vì hắn là người trung liệt với nước của hắn. Công lớn nhất là công thuộc về chính trị. Thấp hơn một tầng nữa là công về kinh tế, các làng xã thường thờ vị thành hoàng nào dạy dân một nghề để sinh sống, đa số hằng năm tế ông Thần Nông, sự thờ cúng tế tự này trên quan niệm ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn.

*

Trần Bình Trọng thấy quân nhà Nguyên đã đến bãi Đà Mạc (Hưng Yên) liền đem binh ra đánh nhưng chẳng may bị vây phải bắt. Quân Nguyên đưa Bình Trọng về nộp cho Thoát Hoan. Hoan biết Bình Trọng là tướng khỏe mạnh muốn khuyên dỗ về hàng, thết đãi cho ăn uống, nhưng Bình Trọng không ăn, dỗ dành hỏi dò việc nước, Bình Trọng cũng không nói. Sau Thoát Hoan hỏi rằng: “Có muốn làm vương đất Bắc không?”. Bình Trọng quát lên: “Ta thà làm quỷ nước Nam chớ không thèm làm vương đất Bắc. Tao đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì phải hỏi lời thôi”.

Thoát Hoan thấy dỗ không được, sai quân đem Trọng đi chém.

Lời nói của Trần Bình Trọng đã trở thành lời nói của dân tộc cho mãi mãi.

Một lời nói một đọi máu. Người Việt thường bảo như thế. Câu

phương ngôn trên không chỉ áp dụng vào phong tục ăn thề thôi đầu mà nó chính là một triết lý lập ngôn.

Nguyễn Hoàng vào hỏi kế, cụ Trạng Trình dạy rằng: “Hoành Sơn nhất đại vạn đại dung thân”. Nguyễn Hoàng làm theo Nguyễn Bình Khiêm đã tạo thành công nghiệp vĩ đại cho lịch sử, mở mang bờ cõi xuống phía Nam. Khi vua Trung Tôn mất không có con, Trịnh Kiểm muốn tự xưng làm vua nhưng lại lưỡng lự chưa quyết, mới sai người ra Hải Dương hỏi Trạng Trình. Cụ không nói gì cả, chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng: “Năm nay mất mùa thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ”. Nói rồi lại sai đầy tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa mà đốt hương để ông ra chơi chùa, rồi bảo chú tiểu rằng: “Giữ chùa thờ phật thì được ăn oản”.

Lịch sử chính trị Việt chịu ảnh hưởng rất lớn của hai lời nói trên. Chắc chắn không phải tin vào tài tiên tri của Nguyễn Bình Khiêm mà vì phục nhận thức chính trị sắc bén của cụ. Và cũng chắc chắn rằng Trạng Trình trước khi nói hai lời đó, cụ đã suy nghĩ kỹ về sự cần thiết của chính trị thời ấy.

Lập ngôn được chia ra làm hai loại:

Một là giáo dục tâm lý, nung đúc tinh thần,

Hai là huấn luyện tri thức.

Từ một câu hát dạy trẻ em hát chơi như:

Băm bầu, băm bí, băm chị thẳng Ngô

đến một câu về chế giễu như:

Em ơi anh dạy tiếng tàu

Tàu nhà ma nị đâm đầu lấy Ngô

hay Muốn coi lên núi mà coi

Kia kia chú khách mọc đuôi đằng đầu

đến một bài ru em ngủ như:

Chớ chơi, chớ có đi chơi

Dạy em em phải nghe lời

Đắp cao núi Thái, tát vơi sông Thù

Em em em, chị yêu em

Nằm nèm nem, nắm nem không thềm

Một nhà đầm thắm ợn trên

Khơi dòng hào kiệt, rặng nền tổ tông

đến một bài thi ca yêu nước như:

Hồn cố quốc biết đâu mà gọi

Thôi khóc than rồi lại xót xa

Trời Nam xanh ngắt bao la

Ngàn năm cơ nghiệp ông cha còn gì

Thôi đừng trách kẻ kia rằng tệ
Ngẫm mà xem thôi thế không oan
Dân ta là chủ nước non
Ta không biết giữ thôi còn trách ai.

.....
Người Việt lúc nào cũng tìm cơ hội để lập ngôn, nung đúc tinh thần và giáo dục tâm lý. Chỉ tiếc một điều, người ta thấy ít quá loại lập ngôn để huấn luyện tri thức như Vạn Kiếp Bí Truyền, Phương Đình Dư Địa Chí v.v... đến nỗi ông Lê Quý Đôn phải tuyệt vọng mà kêu: “Tôi đã từng đọc mấy tập “Nghệ Văn Chí” của các đời Hán, Tùy, Đường, Tống thấy tên sách vở ghi ở trong đó kể có hơn trăm vạn cuốn, giàu thịnh biết chừng nào. Những sách vở ấy, ở kho chứa sách của các vị vua chúa cất chứa cực kỳ tề chỉnh, rồi ở nhà các sĩ phu thâm lược, tàng trữ càng cẩn thận, sự truyền bá của nó cũng rất rộng rãi cho nên dù có trải qua mấy cơn binh lửa cũng không tan lạc bao nhiêu”.

Nước ta gọi là nước văn hiến, trên từ các bậc đế vương, dưới đến kẻ thần thú, phần nhiều đều có trữ thuật. Vậy mà gom góp cả lại chẳng qua độ hơn trăm pho, so với sách vở của Tàu chưa bằng một phần trăm.

*

Theo tín ngưỡng của Gia Tô thì thế giới loài người là căn bản tội ác vì tổ tiên loài người đã phạm tội khiến cho chúa Jésus phải xuống trần đại diện cho ý chí của Thượng Đế mà truyền giáo đem đạo đức đến cho nhân gian.

Đạo đức Việt không hàm chứa một ý chí của Thượng Đế bao giờ, tất cả vấn đề đạo đức chỉ là một mệnh lệnh của lương tâm, tức là cái năng lực thâm biện mọi hành vi tự kỷ có trong mỗi con người từ khi sinh ra đời, nó mừng vui với điều thiện và xấu hổ trước điều ác. Mọi người đều y cứ theo lương tâm để hành động, nếu làm trái mệnh lệnh của lương tâm thì lòng bất an khiến cho cuộc sống kém thoải mái.

Thời Pháp thuộc có một vị tổng đốc chí sĩ trở về quê dưỡng già, ông vốn là nhà nho xu thời theo Pháp, nhân ngày giỗ Henri Rivière, ông làm bài văn tế có câu khen nịnh: “Nhất nhật nhi hạ ngũ thành”. Ý nói Rivière là tướng tài trong một ngày hạ liền năm thành trì của An Nam. Nhờ bài văn tế đó, chức tước của ông lên rất mau, đổi lại ông cũng phải chịu miệng tiếng cười. Càng về già ông càng cảm thấy cái quá vãng nhục nhã của mình. Một hôm, vào buổi chiều ông đang đứng chơi mát ở cổng nhà, bỗng có thằng đánh dậm đuổi con mèo,

vừa chạy qua mặt ông vừa chửi: “Đ.M. mày, nhất nhất mày lại hạ ngũ ngư của ông à?”, (ý nói con mèo một ngày dám vồ của hấn năm con cá). Biết tên đánh dậm đó chửi xỏ mình, đau quá, đêm ấy vị tổng đốc chí sĩ về uống thuốc độc chết, làng nước khinh, lương tâm bất an, ông không còn thiết sống để ngày ngày phải hứng chịu mãi sự sỉ nhục.

Người đời hữu tử hữu sinh

Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm

Lương tâm chính là một lực lượng thiên phú sách động con người hướng thượng, nhờ lương tâm mà nhân thế hỗn loạn, hắc ám một ngày kia sẽ lại hồi phục quang minh.

Người Việt luôn luôn tin như vậy.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

TRÍ THỨC PHẦN TỬ

Trị loạn, cách mạng, hòa bình, chiến tranh

có nhiều nguyên nhân: địa dư, kinh tế,

văn hóa, chính trị v.v...

Nhưng quyết định đều ở nơi kết quả vận

chuyển của phần tử trí thức. Phần tử ưu tú

(élite) trong xã hội không bao giờ nằm im,

trái lại nó luôn luôn vận động, đấu tranh

nắm quyền bính để đưa vận mạng chính trị

vào con đường mới.

Vilfredo Pareto

Lịch sử có phải là một khoa học khả dĩ giảng được bằng một phép tắc? nghĩa là đoán trước những gì sẽ xảy ra hay lịch sử chỉ là một mớ hoang thoại? (lời Henri Ford)

Người Ấn Độ xưa, người Hy Lạp và Hebreu cổ thời nghĩ lịch sử biến hóa theo luật tắc luân hồi. Một vài giống người nói lịch sử giống như cái thang, leo từng nấc tức là từng giai đoạn sử. Cho đến cận đại, hai sử gia danh tiếng Spengler và Toynbee đưa ra thuyết lịch sử văn hóa biến hình theo phép tắc: sinh-trưởng-suy-vong. Trong lúc nhiều tôn giáo cho rằng lịch sử do Thượng Đế an bài, lại có những người khác lập luận lịch sử là một chuỗi liên tiếp những sáng tạo anh hùng, chứ

chẳng chịu phép tắc nhất định nào cả, chỉ có bọn nô lệ mới chịu làm bù nhìn trước lịch sử.

Lịch sử biến động, điều ấy ngày nay không còn ai dám chối cãi, nhưng vấn đề đặt ra là hoàn cảnh quyết định lịch sử hay ý chí con người quyết định? Người Việt không hỏi tách ra là hai như vậy vì cho rằng lịch sử là tác dụng tương hằng (interaction) giữa người với hoàn cảnh. Nhờ tác dụng đó mà sản sinh ra văn hóa. Ảnh hưởng vào tốc độ và phương hướng của văn hóa đến từ kết quả của tác dụng tương hằng giữa ý chí con người với hoàn cảnh. Chiếc gậy mang đầu sinh đầu tử trong tay thần Tản Viên, quay trở trong vòng càn khôn là hoàn cảnh.

Kể từ khi loài người rời bỏ tự nhiên sử đi vào nhân loại sử thì loài người trở thành một động vật văn hóa, dùng văn hóa để mở đầu lịch sử. Văn hóa đem cho loài người một năng lực mới chiến đấu với hoàn cảnh, văn hóa làm tăng trưởng nhân lực. Trong văn hóa, sự đối lập giữa tâm với vật đã mất hết ý nghĩa. Từ hòn đá mài dùng như một khí cụ đến quả bom nguyên tử chẳng có vật nào khả dĩ phân biệt đâu là tinh thần đâu là vật chất. Do hoàn cảnh khác biệt, văn hóa khác biệt. Những nền văn hóa ấy tiếp xúc với nhau mà thành ra hiện tượng văn hóa giao lưu. Lịch sử thông qua văn hóa mà biến động.

Vận hành lịch sử không đi theo một vệt thẳng và cũng không có giai đoạn nhất định. Chỉ những nhân tố lợi và những nhân tố bất lợi làm cho lịch sử tăng hay giảm, thừa hay trừ. Tình thế trước sau, hoàn cảnh trong ngoài có thể ảnh hưởng đến sự sáng sủa hay đen tối của lịch sử.

Nếu văn hóa tích súc, nội bộ đoàn kết tất quốc lực mạnh, xã hội tiến bộ. Nếu tự mãn cô lập tất quốc lực bạc nhược, xã hội trì trệ. Tính theo thế lớn thì lịch sử là kết quả tối hậu của quá trình tiêu diệt và lớn lên của các lực lượng, hiện lên qua một sự thế nhất định. Tuy nhiên, nhân lực hay ý chí một dân tộc kể cả một sức cá nhân chẳng phải vì vậy mà mất hết địa vị. Ngược lại là khác.

Lịch sử còn có một vấn đề nữa: cá nhân với xã hội ai trọng yếu hơn?
Anh hùng với thời thế ai làm chủ thế?

Đây là vấn đề quả trứng với con gà, đặt trong quá trình liên tỏa phản ứng. Một xã hội giả thử không có những kẻ sĩ biết sớm, biết rộng đương nhiên văn hóa sẽ không tiến bộ, tuy nhiên, kẻ sĩ ấy dù là người tiên phong chẳng nữa thì cũng không thể không là là con đẻ của một hoàn cảnh văn hóa nào đó, nếu kẻ sĩ ấy nổi lên, cô lập thiếu hậu viện sẽ bị bóp chết ngay (trường hợp Nguyễn Trường Tộ đời Tự Đức). Vậy muốn thành việc chuyển động lịch sử cần phải có cả một đội ngũ trí thức. Cho nên khả dĩ nói được rằng phần tử trí thức chính là động lực cho tiến bộ lịch sử. Phần tử trí thức là những người ngôn ngữ Việt xã hội cũ thường nhắc đến: thánh hiền, nhà nho, văn nhân học sĩ, cụ đồ nho, thầy khóa, ông cử ông tú, nói chung là những người đọc sách.

Vì văn hóa tăng trưởng sức mạnh nhân loại nên trí thức tức là quyền lực. Phần tử trí thức nắm quyền lực ấy. Người Việt quan niệm phần tử trí thức phải đảm nhiệm việc sáng tạo văn hóa, giáo dục nhân dân và duy trì đạo nghĩa. Ở vào đời suy vi, sa đọa thì tìm cách cổ vũ lương tâm, ở vào thời loạn vong thì tìm cách bảo vệ ngọn lửa văn hóa.

*Phong trần lặn lội xốt hoa hường
Tìm người đồng tình dạ vấn vương
Buồn theo gió đông gửi bốn phương
Lân ẩn trong nội
Phượng ẩn trong ngàn
Rồng ẩn trong ao
Lều gianh cỏ rậm vùi anh hào
Tìm người đồng chí dạ khát khao
Trông theo cánh buồm hỏi mây sao*

Mấy câu thơ trên là hình ảnh cô quạnh của người trí thức cách mạng Việt thời Pháp.

*

Theo những nghiên cứu của sử gia Arnorld Toynbee viết trong “A

study of History” và “Civilization on Trial” thì văn minh thế giới tự cổ đại tới giờ có chừng 19 tôn phái, nhưng đã nhiều tôn phái suy vong, nay chỉ còn sống được 5:

- a) Văn hóa Trung Quốc
- b) Văn hóa Ấn Độ
- c) Văn hóa Hồi Giáo
- d) Văn hóa Slave (Nga)
- e) Văn hóa tây phương

Đời sống văn hóa Việt chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc. Bởi vậy khi đề cập đến phần tử trí thức tất không thể không có một nghiên cứu đối chiếu Trung Quốc và Việt Nam. Phần tử trí thức Việt trải mấy ngàn năm lịch sử cũng có những đặc điểm chung với phần tử trí thức Trung Quốc nếu mang so sánh với phần tử trí thức của các quốc gia khác, những đặc điểm chung đó do Nho đạo mà ra.

Những đặc điểm ấy là:

- 1) Lấy tinh thần nhân văn làm hạch tâm lãnh đạo giải phóng khỏi kìm hãm tôn giáo rất sớm cho nên phần tử trí thức không là những giáo sĩ tu sĩ, kiểu Hồi giáo, Gia Tô giáo hay Rabbis của Do thái giáo hay Bà La Môn của Ấn Độ giáo.
- 2) Đối tượng trí thức tập trung vào hiện thực nhân sinh trên các mặt xã hội, chính trị, giáo dục, văn nghệ.
- 3) Thiếu hẳn khuynh hướng tìm biết về tự nhiên khoa học.
- 4) Không có cái say mê cuồng tín của tôn giáo tính.
- 5) Khác hẳn với phần tử trí thức Hy-La, đa số là nô lệ chủ, phần tử trí thức Nho là đại biểu của bình dân đem trí lực ra để chống với vũ lực và kim tiền lực.

Người trí thức đạo Nho tuân theo truyền thống xem chính trị là con đường duy nhất để cho mình phát triển lý tưởng và hoài bão đối với xã hội nhân sinh.

Vũ trụ chức phận nội

Đấng trượng phu một túi kinh luân

Thượng vi đức hạ vi dân

Nên nổi phải xuất thân mà gánh vác

Có sự nghiệp đứng cùng trời đất

Không công danh nát với cỏ cây

Trí tang bồng hồ thử dạ nào khuấy

Phải tùy thế mà ra tay kinh tế

Người đời thế trả nợ đời là thế

Của đồng lân thiên hạ của chung

Hơn nhau hai chữ anh hùng

(Nguyễn Công Trứ)

Khổng Tử chỉ về giảng học viết sách khi thấy mình đã về già, cũng như cụ Phan Bội Châu than thở: “lập thân tối hạ thị văn chương”. Tuy nhiên, không ai quên cho được chính trị. Vì say mê chính trị, vì chỉ chú trọng đến các vấn đề quốc gia bình trị, kinh tế mẫn túc và giáo hóa sương minh nên các loại trí thức khác như thiên văn, y họa, âm nhạc v.v... đều được coi làm một nghệ, một kỹ, thì giờ dư dả mới xem xét đến cho rộng đường kiến thức mà thôi, cho nên đa số trí thức đã không phát triển.

Toàn bộ trí thức Nho đạo “không quên được chính trị” như vậy, tại sao tư tưởng chính trị nho cũng không được đa hình đa dạng, không phồn vinh như tư tưởng chính trị Tây phương hiện đại?

Giáo sư Tiền Mục, một sử gia Trung Quốc viết: “Ấy là tại phần tử trí thức trong lý tưởng của họ không vì chính trị mà làm chính trị, không đem chính trị thoát ly khỏi trung tâm nhân văn”.

Giáo sư Hồ Thu Nguyên viết: “Ấy là tại phong độ nho và hiệp của phần tử trí thức đã tìm mọi cách gạt bỏ cái mặt ác của chính trị mà đẩy mạnh lý tưởng hóa chính trị. Nếu không làm được như thế thì chính trị cũng chỉ là nhất nghệ nhất kỹ mà thôi chứ chẳng hay đẹp gì nữa mà đáng trọng”.

Trong lịch sử đời Trần có vụ sau khi nhà Nguyên thất trận hai lần nên phải chịu hòa hiếu bang giao với nước ta. Vua Nhân Tôn liền sai quan đưa bốn tướng tá tù binh Mông Cổ về Tàu như Tích Lệ, Cơ Ngọc, Phan Tiếp. Riêng tướng Ô Mã Nhi là tên đã giết hại nhiều người Việt, để rửa hận cho nhân dân Việt nên vua mới dùng mưu của Trần Hưng Đạo đem ra giữa bể rồi sai người đánh đắm thuyền cho chết đuối. Về sau vua Dực Tôn xem hồ sơ vụ này có phê bốn chữ “Bất nhân phi nghĩa”. Giết kẻ thù tàn ác mà còn bị phê phán là bất nhân phi nghĩa trong khi tư tưởng Machiavelli bên Tây phương nổi bật bằng sự ca tụng các việc làm thật tàn nhẫn của César Borgia. Học trò ông Khổng Tử có lắm người tài giỏi: Tử Lộ giỏi dùng binh, Nhiêm Cầu giỏi tài chính, Công Tây Hoa giỏi ngoại giao, thế nhưng Khổng Tử lại chịu nhất Nhan Hối lãnh cơm bầu nước ôm ấp lý tưởng cứu đức: khoan nhi túc, như nhi lập, nguyện nhi cung, loạn nhi kính, nhiễu nhi nghị, trực nhi ôn, giản nhi liêm, cường nhi nghĩa.

Không vì chính trị mà làm chính trị, chính là vì dân, vì lý tưởng của toàn thể nhân văn mà làm chính trị cho nên trí thức chuyên tài không

được chuộng bao nhiêu. Cổ nhân nhất định không chịu để chính trị thoát ly toàn thể con người, đem chính trị độc lập hóa, như thế ý nghĩa nguyên hũu của chính trị sẽ mất đi.

Ở sách Luận Ngữ, Khổng Tử nói: “Hiếu hồ duy hiếu, hũu ư huynh đệ thi ư hũu chính, hề kỳ vi chính” nghĩa là: “Hành động hiếu nghĩa với cha mẹ, thân mật với anh em cũng kể là chính sự, cứ gì phải làm chính trị mới là chính trị?”. Ý bảo rằng sinh hoạt thường ngày trong gia đình chính là sinh hoạt chính trị vậy. Cổ nhân mang chính trị tan hòa với toàn thể đời sống con người. Nếu ai có chuyên ý để đưa mình thành một chính trị gia tức thì người ấy khó thành một chính trị gia theo lý tưởng nho đạo. Lý tưởng ấy nhằm đem thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ xâu vào một chuỗi. Hành động với phương châm nội thánh ngoại vương. Nội thánh là thánh ý, chính tâm, tu thân, ngoại vương là trị quốc bình thiên hạ. Thánh đây hoàn toàn chỉ là một nhân cách phổ thông ai cũng có thể thành thánh nhân nếu người ấy có:

- Trách nhiệm tâm tu thân để yên trăm họ (quân tử tu kỷ dĩ an bách tính)
- Tự tôn tâm không lo, không sợ và không làm lỡ (bất ưu, bất cụ, bất hoặc)
- Phong độ nho gia trang, cung, kiệm, nhượng nhưng rất uy nghiêm, cương nghị.

*

Phần tử trí thức quên không được chính trị nên chính trị sinh mệnh với trí thức phần tử gắn liền với nhau.

Nhìn vào lịch sử Việt, sự quan hệ giữa phần tử trí thức với chính quyền bình thường là hợp tác, nếu mâu thuẫn là biến thái.

Hợp tác tạo thành thịnh trị như đời Lý, đời Trần và đời Lê.

Mâu thuẫn gây thành suy đồi như đời Trịnh, đời Nguyễn (triều Tự Đức).

Khi phần tử trí thức phấn phát hoạt động thì chính trị chuyển động như đời Nguyễn Tây Sơn, Nguyễn Gia Long với Nguyễn Hữu Chỉnh, Ngô Thời Nhiệm, Đặng Trần Thường v.v...

Khi phần tử trí thức tuyệt vọng với thời đại thì chính trị bại vong như lúc phong trào Cần vương thất bại, đồ hộ thực dân được củng cố.

Cho đến lúc phần tử trí thức sau thời gian mai danh ẩn tích, sự nghiệp rèn luyện giáo hóa thành thì chính trị phục hưng.

Nếu phần tử trí thức hèn hạ từ bỏ tự tôn tâm trách nhiệm trở nên hư

nhược và tì ô thì chính trị nô lệ.

Ở chính trị Việt, sĩ khí với dân tâm quan trọng ngang nhau. Sĩ khí một khi đã trụy lạc thì tài trí cũng tiêu ma.

Muốn cho xã hội băng hoại không gì bằng tiêu tụt tôn tâm của phần tử trí thức, muốn cho quốc gia diệt vong thì hãy chinh phục văn hóa của quốc gia đó rồi thay vào đó một đội ngũ trí thức bán nước. Vào cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20, đế quốc luôn luôn áp dụng chính sách trên. Hình ảnh này đã được tác giả Nam Xương tả trong vở kịch “Ông Tây An Nam”.

Vở kịch kể chuyện: “Cửu ông cho con đi Pháp học, mới đỗ cử nhân trở về nước. Cửu ông bảo vợ đi đón. Cử Lân đã quên hết tiếng mẹ đẻ phải dùng thông ngôn, đã nhờ cảnh sát bỏ bớt mẹ vì cái con mụ đàn bà bản xứ bản thổ này cứ theo nó lẻo đẻo để ăn cắp. Hai ông bà rất khổ tâm về cái ngây ngô mất gốc của thằng con. Bị lạc lỏng, cử Lân đâm hối tiếc việc trở về An Nam của mình và nó nhất định về Pháp để làm cái luận án tiến sĩ về những thủ tục của dân An Nam thấp hèn, rồi sẽ ở hẳn bên đó”.

Xin trích dẫn một đoạn:

Cử Lân : C'est ici ma maison?

Cửu ông : Ấy kìa con, con đã về, con đã về!

Cử Lân : (cau mặt) Quel est ce vieux fou là?

Cửu ông : Thầy ra đón con không được, thật là bất đắc dĩ. Nhưng mẹ con đâu? Mẹ con ra đón con đó mà.

Cử Lân : Que signifie?

Cửu ông : Vậy con ngồi xuống, xuống đây.

Cử Lân : Veut-il par hasard me manger?

Khiếu (thông ngôn) : Me xừ lúy điếc papa me xừ.

Cử Lân : Mon père? Oh hơ hơ!

Khiếu : Có thật cụ là bố quan cử tôi không?

Cửu ông : Chao ôi, con quên thầy rồi hay sao? Hồi con đi Tây, thầy đưa con xuống tận Hải Phòng đấy mà. Tháng tháng thầy vẫn gửi tiền cho con ăn học đấy mà.

Cử Lân : (hơi nhận ra) Possible (rồi ôm lấy Cửu ông mà hôn)

Excuse-moi papa, je ne t'avais pas reconnu.

Khiếu : Quan tôi xin lỗi cụ vì trước không nhận ra.

Cửu ông : (cũng bá chặt lấy cổ Cử Lân và ấn xuống ghế bảo ngồi).

Con đi lâu về thường quên thật. Thôi thầy chả bắt lỗi con đâu.

Cử Lân : (sẽ đẩy ông Cửu ra). Oh pouf! Il m'étouffe avec son odeur indigène. Dis-lui de ne plus recommencer, je te prie (cầm mùi soa phe phẩy trước mũi).

Khiếu : Cự ạ, cự làm quan tôi suýt chết ngạt về cái mùi bản xứ của cự. Bận sau chớ thể nữa nhé.

Cửu ông : (ngạc nhiên) Con nói thể ấy ư con (rồi ngoảnh lại nhìn Khiếu). Hay là mày nói láo?

Khiếu : À cái nhà ông cự này cho tôi là ai?

Cửu Lân : Qu'est-ce?

Khiếu : Moa lúy điếc moa anh tê dết me xừ moa ba bồi lúy (ngoảnh lại Cửu ông nói) Tôi chẳng gì cũng là thông ngôn cho quan Cử.

Cửu ông : Thì mày cũng là đày tớ con tao chứ gì?

Khiếu : Đày tớ con cự chớ đày tớ cự à? San vi ơ.

Trí thức nô lệ kiểu “Ông Tây An Nam” qua kinh nghiệm sử Việt chỉ có thể xóa bỏ đi bằng một phong trào thư sinh hào kiệt khi loạn thế, đã tạo cơ hội cho anh hùng khai quốc, chỉ có thể ngăn chặn bằng đấu tranh thường trực của phần tử trí thức yêu nước chưa bị đế quốc tiêu diệt bằng vũ lực hay bằng dụ dỗ hay bằng văn hóa.

*

Theo truyền thống, phần tử trí thức Việt là đại biểu của quần chúng bình dân. Họ có nhiệm vụ phải đem lý trí tự giác của họ phổ biến hóa vào đại chúng. Công năng trí thức biểu hiện trên thân phần tử trí thức, nhưng mục tiêu tối hậu và đối tượng của trí thức là đại chúng.

Nhà Nho có câu: “Môn sắt đàm chính” nghĩa là vừa bắt rận vừa nói chuyện lớn trong thiên hạ. Xin chớ đứng trên quan điểm “vệ sinh” kiểu “Ông Tây An Nam” mà phê phán câu này vì nó thực là một hình ảnh đẹp của người trí thức đại chúng hóa chứ chẳng phải vấn đề sạch hay dơ, nó cũng là con đường cứu nước quen thuộc mỗi khi dân tộc ta rơi vào tay thống trị ngoại bang, con đường đi đến đồng ruộng ngun ngút với đồng đảo nông dân, nó cũng là nơi dựng võ của anh hùng mỗi lần quốc biến.

Em khôn em ở trong hồ

Chị dại chị ở kinh đô chị về

Kinh đô thì mặc kinh đô

Chị đi chỗ ấy thì đồ chị tan

Câu ca dao trên nói lên tình cảnh khôn dại của kinh đô với “trong hồ”

khi nước ta bị đặt dưới đô hộ nhà Minh, cuộc sống kinh đô phè phỡn thật đấy nhưng nhục nhã ê chề.

Trên phương pháp, đành rằng phần tử trí thức thường phải từ thượng tầng chính trị để ảnh hưởng xuống hạ tầng xã hội, có thể hiệu quả mới dồi dào. Nhưng có nhiều thời kỳ phần tử trí thức mong theo khoa cử tới với lợi lộc mà quên hẳn trách nhiệm đại chúng hóa. Những thời kỳ ấy thấy đều là những thời kỳ chính trị đen tối, như hồi Trịnh làm chúa ở xứ Bắc và triều đại Tự Đức gây thành xung đột đối kháng giữa phái khoa cử lợi lộc với phái đọc sách giảng học sống cùng đại chúng. Điển hình là vụ Cao Bá Quát chống nhóm thi xã của Tùng Thiện Vương - Tuy Lý Vương đẩy bọn giả sĩ sang một bên, tự mình trương cờ lập trận tuyến cho bọn chân sĩ. Ở những cuộc xung đột này, bọn giả sĩ lúc nào cũng dùng đủ mọi thủ đoạn để đoạt thắng lợi, còn nhóm chân sĩ chỉ có tấm lòng cao thượng gây dựng lực lượng tại hạ tầng xã hội.

Cao Bá Quát uất hận về sự hủ bại của triều đình và cảnh lầm than cơ khổ của dân chúng, ông liền cùng Lê Duy Cự mưu khởi nghĩa, khôi phục Lê triều đánh đổ một chế độ thối nát. Việc không thành, Cao Bá Quát bị bắt và bị kêu án tử hình.

Ngán cho cái mũi vô duyên

Câu thơ thi xã con thuyền Nghệ An

Mũi thối đây chẳng những là thối của văn chương mà còn là mũi thối của cả tập đoàn trí thức khoa cử lợi lộc nữa. Ông Cao Bá Quát đã từng nhiều lần đi thi nhưng vốn là một chân sĩ mong dùng chính tài để suy tẩn xã hội, khác hẳn bọn giả sĩ chuyên dựa vào chế độ khoa cử để lẫn vào chính trị mong kiếm tước vị. Vì vậy, Cao Bá Quát không lần nào thi đỗ cả. Ông cũng biết như vậy nên khi học trò tiễn đưa ông vào kinh thi hội, ông có nói mấy lời tạm biệt, những lời đó cho thấy người chân sĩ thời ấy cô đơn nhường nào:

Xa xa từ đất cũ

Thăm thăm lên đường dài

Ngoài thành trời lành lạnh

Lấm tẩm hạt mưa mai

Học trò tiễn ta đi

Bước theo không nở rời

Nam nhi mà thế ư

*Nước mắt đầm đìa rơi
Nhớ xưa ta đã từng
Đường xa rong ruổi hoài
Chuyến này lại lẻo đẹo
Nào đã chắc hơn ai
Vào đời có vấn chương
Thì đem mà góp chơi.*

Cổ nhân bảo nước ta là một nước văn hiến chi bang, câu nói thông thường của các nhà sử học là bốn ngàn năm văn hiến. Nếu chỉ chấp nhận ý nghĩa văn hiến để làm biện luận đầu lười thì văn hiến chi bang sẽ dễ trở nên khô hài trong cái đầu óc nông cạn của bọn tân học. Văn hiến mà cổ nhân nói đây không phân biệt tân cựu, tổ tiên chỉ muốn dạy con cháu rằng sinh mệnh đặt trong tay văn hóa học thuật. *Câu đó cũng cho chúng ta một quy luật chính trị lưu cửu cả bốn ngàn năm: sinh mệnh lực đất nước đặt trong tay phần tử trí thức, đặt trong trách nhiệm tâm và tự tôn tâm của phần tử trí thức. Đấu tranh của trí thức làm chính trị phục hưng, trí thức đi xuống làm chính trị trì trệ, suy vong.*

Giáo sư Hồ Thu Nguyên viết: “Cái tội lớn nhất, ác độc nhất của bọn thống trị là tìm cách phá hoại liêm sỉ của người đọc sách, nó còn ghê gớm gấp bội sự phá hoại văn hóa học thuật. Có người hỏi rằng đạo đức và trí thức là hai vấn đề khác hẳn, liêm sỉ với văn hóa đâu có liên quan gì với nhau. Kỳ thực đạo nghĩa là rễ của văn hóa bởi vì nguồn gốc tội ác do nơi vô tri. Người sở dĩ thành người chỉ ở điểm ngoài mình ra còn tưởng nghĩ đến tha nhân, ngoài ngày hôm nay còn biết nghĩ đến ngày mai. Từ đó mới gắng sức dùng trí lực giao cảm cùng nhân quần mà phát triển đức tính và tài trí để sáng tạo văn hóa.

Vô liêm sỉ tức là mất trách nhiệm tâm, mất tự tôn tâm chỉ biết dùng trí để kiếm ăn cho thân, thu trí hẹp vào trong bản năng sinh kế, mọi việc xã hội, giang sơn coi như việc lạ thì chuyện vong quốc làm sao tránh được? Bởi vậy mới nói rằng quốc vận luân lạc trước tiên lỗi ở bọn trí thức hèn hạ, sau đến lỗi ở bọn trí thức vô năng rồi mới đến lỗi ở các nguyên nhân khác”.

Khi quốc gia ở cửa ngõ của loạn vong mà nước không mất là nhờ ở phần tử trí thức đấu tranh chống xâm lược, cự tuyệt hợp tác với thói nát, bồi dưỡng, bảo trì và cổ động sinh cơ của dân tộc xã hội.

Nguyễn Cao, thủ khoa năm Đinh Mão (1867) làm tán lý quân vụ. Khi triều đình ký hòa ước với Pháp, ông bất mãn xin treo ấn từ quan. Năm 1885, vua Hàm Nghi xuất bôn xuống chiếu cần vương, Nguyễn Cao tìm đến khu Bãi Sậy phụ lực với Nguyễn Thiện Thuật chuyên giữ việc huấn luyện du kích thường đánh phá các đồn Pháp. Sau Pháp phải dùng đại binh hợp cùng quân Hoàng Cao Khải và Lê Hoan thắt chặt vòng vây Bãi Sậy. Nguyễn Thiện Thuật phải chạy lên Thái Nguyên vượt biên sang Trung Hoa. Nguyễn Cao về nương náu tại làng Kim Giăng mở trường dạy học. Vốn người đạo đức nên Nguyễn được khắp vùng kính nể. Ngày kia, một nhà nho đến xin đôi câu đối mừng một ông tiến sĩ đang làm quan to, Nguyễn Cao viết cho. Không dè khi ông tiến sĩ kia đọc câu đối, ngờ tác dụng mỉa mai mình bắt trung vì đã ra hợp tác với Tây, bèn ngầm báo cho quan trên cho bắt Nguyễn Cao. Khi giải Nguyễn đến trước mặt quan Tây và Nam trong số có Hoàng Cao Khải, Lê Hoan, chúng dụ dỗ Nguyễn Cao ra làm quan. Ông từ chối. Chúng dọa nạt tra tấn. Ông thản nhiên nói: “Tôi đâu có sợ chết, tôi sẽ có cách tự tử khỏi phiền đến ai”.

Nói xong, ông thò tay vào trong áo lấy mảnh sành đã giấu sẵn, mạnh tay khoét rón, rút ruột ra vút lên mặt Hoàng Cao Khải mà chửi rửa thậm tệ. Lát sau, miệng Nguyễn Cao trào máu ra, ông đã cắn lưỡi tự tận.

Phan Văn Trị, 20 tuổi đỗ cử nhân nhưng tính khí phóng khoáng không chịu ra làm quan, ở nhà dạy học hốt thuốc độ nhật. Lúc Pháp sang chiếm Gia Định, Phan Văn Trị là người hăng hái cổ động chống Pháp. Đồng thời với Phan Văn Trị có Tôn Thọ Tường hợp tác cùng Pháp muốn lôi cuốn bằng hữu vào một đường với mình, chẳng ngờ các bạn từ đó đều quay mặt đi, ai cũng mỉa là tên bán nước. Tôn bị cô lập lại bị mạt sát dữ dội, tự thấy hối hận và bởi trót mắc vào vòng rôi, mới làm 10 bài thơ chữa cho tội của mình và thanh minh với dư

luận. Mười bài thơ ấy khi đem phổ biến ra liền bị Phan Văn Trị họa lại gây thành một cuộc bút chiến sôi nổi.

Kế đấu tranh của phần tử trí thức thường biểu hiện trên bốn phương diện:

- *Tại trung ương chính quyền dùng cái chết tuần đạo để noi gương trung liệt.*

- *Rút lui về các địa phương làm công tác giáo hóa bảo vệ quốc gia chính khí.*

- *Vũ trang chống nhau với giặc.*

- *Tìm cách phục hưng chủ lực bằng tìm một phương hướng mới cho đấu tranh, trở về cùng dân gian xây dựng phong khí tiến bộ và ái quốc.*

*

Giữa triều Minh bên Tàu, có vị danh nho làm bài thơ chất phác sau đây để giáo hóa dân tộc:

*Mỗi nhật thanh thần nhất chú hương
Tạ thiên tạ địa tạ tam quang
Đản nguyện xứ xứ điền hòa thực
Hựu nguyện nhân nhân thọ mệnh trường
Quốc hữu hiền thần an xã tắc
Gia vô nghịch tử nảo già nương
Vạn phương bình tĩnh can qua tức
Ngã túng bản cùng dã bất phương
nghĩa là:*

*Mỗi buổi sáng sớm thắp một nén hương
Tạ ơn trời đất, tạ ơn tam quang
Cầu nguyện nơi nơi đầy đồng lúa chín
Lại cầu cho mọi người sống thọ trường
Giúp nước có hiền thần an xã tắc
Trong nhà không nghịch tử phiền mẹ cha*

*Bốn phương yên ổn, lửa chinh chiến tắt
Thì dù tôi nghèo tôi cũng chẳng buồn*

Bài thơ đó diễn tả tâm lý thiện lương của sĩ đại phu đương thời. Nhưng đồng thời nó cũng nói lên cái nọ tính của chính trị “nhân nghĩa”. Nọ tính của chính trị “nhân nghĩa” đã khiến cho phần tử trí thức thường ôm chặt lấy lý tưởng chính trị mà không tích cực thỏa hiệp với hiện thực chính trị. Đám sĩ phu Việt dưới triều Nguyễn đã chiêm nhiễm vào trong máu huyết cái nọ tính của chính trị “nhân nghĩa” này. Do đó, họ thiếu hẳn chuyên tài chính trị cần thiết. Hãy nhìn những hoạt động của Phan Thanh Giản và cả triều đình Tự Đức trong việc thương thuyết với Pháp thì thấy rõ.

“Sứ bộ Phan Thanh Giản gồm có Trần Tiễn Thành, Phan Huy Vịnh với hai thông ngôn Trương Vĩnh Ký và Nguyễn Văn Sang cùng 62 tùy viên đem sang cái kiệu lớn sơn son thếp vàng, 4 cái lọng làm tặng phẩm cho hoàng đế Napoléon III và nữ hoàng Isabelle. Vào thời gian này, Pháp đang theo đuổi chiến tranh với Mễ Tây Cơ, một cuộc chiến làm cho Pháp kiệt quệ, nội bộ phản đối lung tung. Phe phản đối chống chính quyền Pháp đã để bị lôi cuốn vào những cuộc chiến tranh tại những nơi quá xa chính quốc. Lẽ đương nhiên Napoléon III bấy giờ rất sợ chiến tranh An Nam bùng nổ. Vua Pháp chưa biết tìm cách gì trấn áp nội bộ thì vừa dịp sứ bộ Phan Thanh Giản tới đặt vấn đề bỏ tiền ra chuộc 3 tỉnh về. Napoléon III liền vin vào vụ chuộc này cho báo chí loan tin sẽ có 100 triệu đồng vàng để lấp lỗ hổng công quỹ này.

Khi đến gặp vua Pháp ở điện Tuileries, triều đình Pháp dựng lên cả một lễ nghi long trọng để đón tiếp. Ông Phan Thanh Giản dâng quốc thư lên. Pháp hoàng bước xuống một bước để tiếp nhận. Rồi Ông Phan Thanh Giản vẽ mặt ủ dột, nước mắt đầm đìa bày tỏ mục đích của sứ bộ ta.

Kết quả, Phan Thanh Giản chuộc được 3 tỉnh nhưng lại dâng cho Pháp quyền cai trị Sài Gòn, Chợ Lớn, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu, đảo

Côn Lôn. Phan Thanh Giản vừa dâng tiền vừa mất thêm đất. Cả chì lẫn chài đều tiêu ma.

Thuận thiên ứng dân (lời thánh hiền dạy) nay phải chạm trán một loại xâm lược mới của văn minh thương công nghiệp, của khoa học với thủ đoạn tàn nhẫn, vũ khí mới lạ, với phương pháp tổ chức, tương quan chính trị khác hẳn thì sự tai hại của nạn tính do chính trị “nhân nghĩa” hiện lên. Thuận thiên ứng dân không tuyệt đối hiệu lực như trước kia nữa vì bọn cướp nước có thuyền kiên pháo lợi, súng đạn nổ như sấm sét”.

Học thuật, văn hóa và phần tử trí thức dưới thời Tự Đức chúí mũi vào từ chương thi phú bỏ mặc hiện thực xã hội:

Nhai văn nhá chữ buồn ta

Con giun còn biết đâu là cao sâu

Giật mình khi ở xó nhà

Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.

(Cao Bá Quát)

Nay thấy người da trắng trong một ngày trời, bằng một số quân ít ỏi, đã hạ của ta năm thành thì hoảng hồn không hiểu ắt giáp gì nữa. Cụ Hoàng Giáp Tam Đẳng Phạm Văn Nghị có tả tình trạng hỗn loạn ấy trong bài “Phú kể lại giặc Pháp đánh Bắc Kỳ lần đầu”, xin trích một đoạn dưới đây:

“Vua sẵn tính cao

Tôi sum tài lạ

Văn thì ông cử, ông nghe, ông hoàng, ông bảng khoa trước khoa sau
Võ rông ông quản, ông lĩnh, ông thống, ông đề phẩm kia phẩm nọ.

Có mũ, có xiêm, có cờ, có biển rõ ràng khoa mục phong lưu

Nào phủ, nào việt, nào ủng, nào hia chính chệch triều đình danh giá

Gươm bạc tô đầu hổ, dàn trước mặt cũng oai linh

Lọng xanh kéo cổ gà, che trên đầu càng nghiêm nhẽ

Kẻ ở ngoài phiên ra sức chi gác Tôn Ngô

Người vào trong các bày mưu, mắt không Đồng Giả

Văn võ ấy mà giang sơn ấy, dẫu hùng binh Ô Mã có làm gì

Thành quách này lại giáp binh này, dẫu cường lỗ Hoàng Sào coi

chẳng sá

Quái nhĩ Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội thành vàng áo
nóng mấy lần
Kìa như tổng đốc, bố chánh, án sát, lãnh binh tiền bồng, gạo lương
bao tá
Sao thấy thẳng trọc đầu răng trắng, gối run như chũng kính phong
(chỉ bọn cò đen)
Sao thấy thẳng mũi lõ, tóc quăn, mặt xám như hình lôỉ đả?
Nghe cửa tiền rầm pháo nổ, ngọn cờ theo gió phát xuôi
Mở nẻo hậu cho quân lui, bỏ giáo rơi đường tơ tả...

*

Tiếng súng thần công của Tây đã đẩy phần tử trí thức từ trong đồng
giấy từ chương chui ra ngoài rồi hoảng nhiên bảo nhau: “Vì chúng ta
không có tân học thuật nên không có tân nhân tài mà thành ra không
ứng phó được với tân cục diện”. Loại bọn trí thức đem đầu “lạy Tây
mà chẳng hổ bằng vàng bia đá” ra bên ngoài không kể, còn lại phần
tử trí thức vẫn hoài bão kháng Tây thì một số lớn chủ trương bất hợp
tác để vẹn toàn danh tiết:

*Khắc khoải sầu đưa giọng lừng lơ
Ấy hồn Thục Đế chết bao giờ
Năm canh máu chảy đêm hè vắng
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ
Thâu đêm rờn rã kêu ai đó
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ
(Nguyễn Khuyến)*

*Mơ vẫn bảo vẫn Tây chẳng khó gì
Cho tiền đi học để chờ thi
Thôi thôi lạy mẹ “xanh cẳng” lạy
Mả tổ tôi không táng bút chì
Một số khác chủ trương tìm học văn minh phương Tây để đánh Tây:
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si
Nguyên trực trường phong Đông hải khứ
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi
(Phan Bội Châu)*

nghĩa là:

Non sông mất rồi chỉ là nhớ nhục

*Sách vở thánh hiền tẻ ngắt đọc chỉ mục người
Ta muốn đuổi theo gió đi qua biển Đông
Cùng bay nhảy với muôn ngàn sóng bạc.*

Ông Phan Châu Trinh làm bài phú “Danh sơn lương ngọc” có những câu:

*Nguyên nước ta từ khi dựng nước
Ở vào miền Đông Á một phương
Dưới đến Trần Lý
Trên tự Hồng Bàng
Lòng người thuần phúc
Khí dân quật cường
Đuổi Tô Định ở Lĩnh Biền
Bắt Mã Nhi ở Phú Lương
Vừa vẫy cờ mà Chiêm Thành đã mất nơi hiểm yếu
Mới rung kiếm mà Châu Lạp đã phải mở biên cương
Mạnh thay nước tổ
Để ai dám đương
Chỉ vì một phen thất sách
Nên để muôn đời tai ương
Tục chuộng văn chương
Người ham khoa mục
Vế lớn vế nhỏ, suốt tháng dùi mài
Ngũ ngôn thất ngôn, quanh năm lẫn lóc
Ngóng hơi thở của quan trường để làm văn sách
Chích có thể cho là phải, Thuần có thể cho là trái
Nhặt cặn bã của Trung Quốc để làm phú từ, biên thì nhất định phải
tứ, ngẫu thì nhất định phải lục
Nhâu nhâu phường danh lợi chợ Tề đánh cắp vàng
Lơ thơ kẻ hiền tài, sân Sở buồn dâng ngọc*

.....
*

Văn hóa là gì?

Hãy để ra ngoài những giá trị và ý nghĩa trừu tượng, giản đơn ta có thể trả lời như sau: “*Văn hóa là tổng hòa tất cả những sáng tạo trong trường kỳ lịch sử và sinh hoạt của một dân tộc. Giản đơn hơn nữa để mà giảng thì văn hóa là một thủ đoạn để tranh sống*”.

Bởi vậy cho nên ngày nào văn hóa không mãn túc nổi yêu cầu cần

bản là tranh sống thì văn hóa đó cần được cải biến nhằm thích ứng với hoàn cảnh mới.

Hãy đọc lại những ý của ông Phan Chu Trinh:

Trần Lý Hồng Bàng khí dân quật cường; đuổi Tô Định, bắt Mã Nhi, vẫy cờ chinh phục Chiêm Thành vùng kiếm mở cõi biên cương, nói lúc văn hóa Việt đang thời rạng rỡ. Rồi chỉ vì một phen thất sách nên để muôn đời tai ương, nói thời kỳ nọ tính tạo thành khuyết hãm của văn hóa Việt khi chạm trán với Tây phương.

Nguyên nhân của một cuộc thất sách là tục chuộng văn chương người ham khoa mục do chính sách thư lại từ đời Gia Long lưu lại. Vì khổ nhục với Quang Trung nhiều phen nên Nguyễn Gia Long rất thù ghét những bộ óc sáng tạo và chính sách khai phóng rạch rỡ của văn hóa đầy cách mạng dưới triều đại Nguyễn Tây Sơn để thay vào đấy một bộ máy thư lại chặt chẽ bảo thủ. Do đó, Nguyễn Gia Long tuy là người rất sớm có những liên hệ mật thiết với Tây phương nhưng lại là người không học hỏi được gì ở văn hóa của văn hóa Tây phương mặc dầu ông đã cho hoàng tử Cảnh sang Pháp, mặc dầu bên cạnh ông có những người Pháp giữ việc huấn luyện quân sự, làm tàu, đúc súng cho ông. Rút cục cái chuyện “nhờ Tây” của ông thành ra một đại tội với lịch sử cộng rấn cắn gà nhà sau này. Bọn Pháp mà đặt ông làm quan tại triều đã trở thành con ngựa thành Troie (Cheval de Troie nghĩa là tổ nội phản) của việc đánh chiếm nước Việt Nam.

Khi Gia Long chết đi, vua Minh Mệnh có một đôi lần nói với triều thần về chính sách văn hóa thư lại rằng: “Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trẫm nghĩ văn chương vốn không có qui củ nhất định mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hủ sáo khoe khoang lẫn nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa trảng lầy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày mỗi kém đi. Song tập tục đã quen rồi khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại”.

Nói bỏ đấy nhưng vì chính trị thư lại đã ăn sâu bén rễ chắc quá lắm rồi khó lòng nhổ bật lên được. Phải chờ đến lúc nước mất nhà tan mới phản tỉnh và trách nhiệm vận động cứu nước lại được trao vào tay phần tử trí thức.

*

Vấn đề dân tộc là vấn đề lịch sử và văn hóa.

Vấn đề lịch sử là vấn đề của dân tộc và văn hóa.
Vấn đề văn hóa là vấn đề của lịch sử và dân tộc.
Chỉ có lịch sử và dân tộc mới tạo thành văn hóa. Chỉ có dân tộc và văn hóa mới tạo thành lịch sử.
Cả ba không tách rời. Trong đó chính trị là bộ môn trọng yếu nhất của văn hóa, dân tộc và của lịch sử. Chính trị vấn đề không giải quyết, lịch sử văn hóa và dân tộc sẽ theo đó đi vào ngõ bí. Như trên đã nói: “Nọa tính của chính trị nhân nghĩa khiến cho phần tử trí thức thường ôm chặt lấy lý tưởng chính trị mà không tích cực thỏa hiệp với thực tiễn chính trị. Đến lúc phải đương đầu với thực tiễn chính trị đám sĩ phu như chim chích lạc vào rừng. Tỉ dụ: trường hợp cụ Phan Bội Châu mắc vào lưới đế quốc, qua Nhật bị Nhật bắt tay với Pháp đuổi đi, sang Tàu bị bọn Long Vân, Đường Kế Nghiêu nhận tiền của Pháp bắt giải về cho Pháp. Tỉ dụ: trường hợp Nguyễn Thái Học khởi nghĩa ở Yên Bái bằng những quả bom ném nổ nhưng không chết người mà sau này một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng khai trước tòa án Tây đó là những quả bom “nhân nghĩa”.

Trải qua nhiều thất bại, đám sĩ phu chết dần mòn hoặc đã già không còn sức tiếp tục đấu tranh nữa thì chủ trương học tập Tây để đánh Tây do phần tử trí thức “kinh đô” chuyển dần thành Tây hóa, từ cầu biến để thích ứng đổi sang phủ nhận văn hóa, chế giễu bọn nhà quê Lý Toét, Xã Xệ. Vì thiếu chuyên tài chính trị, nhóm vận động Tây hóa đã lọt bẫy đế quốc bằng việc cắt đoạn sinh mệnh xã hội Việt ra làm hai, tỉnh thị và nông thôn, cảnh tự lìa bỏ gốc để sống “tháp” vào sinh hoạt luân hãm. Người trong nước bị phân ra hai thế giới, hai hệ thống, hai tâm trạng cách nhau như hai hành tinh. (Les deux systèmes, les mentalités s'écartaient sur place d'une distance interplanétaire- Paul Mus).

Người nông dân dai dẳng chống Pháp để dành quyền làm dân Việt trong khi trí thức phần tử tranh đấu cố bắt chước sao cho giống Tây (Paul Mus).

Bọn thực dân không mong gì hơn, sau vụ nông dân nổi dậy chống thuế ở Trung Kỳ, chúng đã hiểu chúng không thể nào kiểm soát mãi cái lực lượng làng xã mệnh mông lũy tre xanh ngắt, khu vực tiềm ẩn

của quốc lực Việt.

Jean Chesneaux viết:

“Ce sont les paysans sur qui pèse le plus lourdement l’occupation qui vont prendre l’initiative d’un mouvement d’émancipation. Contre les garnisons chinoises, la résistance s’organise spontanément dans la vieille région de paysannerie pauvre d’où partiront par la suite bien d’autres mouvements”. (Chính nông dân là áp lực đè nặng lên chế độ chiếm đóng, nó cũng là lực lượng phát động phong trào giải phóng. Để chống quân đội chiếm đóng Tàu, cuộc kháng chiến được tổ chức ở các vùng đồng ruộng nghèo nàn cũ kỹ nơi khởi sự cho cả nhiều phong trào khác nữa).

A. Pazzi viết:

“Có một số trí thức vong bản không hề nhìn thấy giá trị đích thực của dân tộc họ, họ không nhìn thấy sức mạnh chứa đựng nơi vùng đồng ruộng Việt Nam. Nói về xứ sở của họ sẵn có những thành kiến nguy hại, thiên về chỉ trích để chứng tỏ biết nhiều về các nước ngoài, hoặc đã được các nước ngoài giáo dục. Dù nước ngoài ấy là kẻ muốn làm ô nhục nòi giống của họ, họ không có tấm lòng gắn bó thiết tha để nhìn thấy mảnh xương phơi trên núi, giọt mồ hôi tưới trên luống cày của bao nhiêu đời cay đắng gây dựng”.

Truyền thống đấu tranh của văn hóa Việt là văn hóa “hóa”, tìm học người đem hóa làm của mình, chứ không học người để phủ nhận tất cả những gì của mình. Tự chủ và nô tính nằm ở ranh giới đó. Chính trị nhân nghĩa gây ra nạn tính cần trừ khử nhưng dân tộc, tinh thần lại cần phải giữ. Nếu nhận thức chính trị sai, nếu học vẫn không được điều khiển bằng trí tuệ thì cuộc đấu tranh cho dân tộc, văn hóa lịch sử sẽ đi vào tử địa.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

GIÁO DỤC

Giáo dục là khởi điểm và chung điểm

của chính trị.

Thái Dịch Lý Đông A

Pour bâtir il faut savoir.

Mikhail Kalinine

La vraie politique de l'Ecole, c'est

l'histoire de la Patrie, du long effort

par lequel elle s'est constitué, c'est

l'intelligence de ses traditions de sa

culture, de son rôle dans le monde.

Gabriel Séailles

Chính trị, kinh tế, quốc phòng đương nhiên là ba vấn đề trọng yếu, nhưng giáo dục lại căn bản và trọng yếu hơn vì muốn xây dựng, muốn chiến đấu thì trước hết phải biết đã.

Nuôi con chẳng dạy chẳng răn

Thà nuôi lợn béo mà ăn bộ lòng

Người nông dân mộc mạc nơi điền dã mà còn đặt nặng vấn đề giáo dục đến thế huống hồ một quốc gia.

Trước hãy nói qua về tình hình giáo dục trong lịch sử Tây phương để chúng ta có một ý niệm khái quát mà so sánh.

Giáo dục Tây phương ở đây bắt đầu từ Hy Lạp, lúc ấy xã hội Hy Lạp có những người được gọi là triết nhân hoặc ngụ biện gia thường đi đây đi đó dạy cho đám thanh niên nhiều loại biện luận về các vấn đề gây thành một phong khí học vấn đầy tranh cãi sôi nổi, tư tưởng

không thể khơi thành một chính lưu. Về sau mới nổi bật lên hiền triết Socrate đánh bật tệ hại của các phái ngụ biện bằng lý luận chân lý cho cộng đồng nhân sinh. Tuy nhiên, ở Socrate, người ta vẫn còn thấy rất đậm sắc thái của phương thức ngụ biện dùng để dạy học. Người học trò giỏi của Socrate là Platon có viết một cuốn sách nhan đề: “Lý tưởng quốc”, bên trong có đoạn khá dài nói rõ về một chế độ giáo dục của cái lý tưởng quốc như sau:

“Đứa bé sinh ra đời phải được giao cho quốc gia và quốc gia sẽ nuôi nó trong một cơ quan chuyên giữ nhiệm vụ giáo dục. Đứa bé không cần phải biết cha mẹ nó là ai, nó chỉ biết nó là công dân của quốc gia mà thôi”.

Cũng theo chủ trương của Platon, con người được chia ra làm nhiều loại trong lý tưởng, như: triết học gia, quân nhân, thương nhân, nông dân. Chính phủ căn cứ vào thi cử trắc nghiệm rồi phân định rõ rệt đào tạo, tạo thành những nhân vật tuyệt đối khác hẳn nhau. Lãnh tụ trị quốc đặt vào tay triết học gia. Như vậy, quốc gia trở nên một hiện thực của lý tưởng triết học. Toàn bộ công tác giáo dục phải phối hợp chặt chẽ với lý tưởng triết học ấy. Sách lý tưởng của Platon còn một thiên nói về chế độ vợ chung và chủ nghĩa tài sản chung.

Thật là cuốn sách khá kỳ quặc, thế nhưng tư tưởng Platon rất có ảnh hưởng đối với Tây phương sau này.

Học trò Platon là Aristocrate khi đặt vấn đề giáo dục, ông đã loại bớt những ý tưởng quá khích của thầy và nhận rằng: giáo dục phải phối hợp với chính trị. Chính thể là trụ cột, giáo dục chỉ là công cụ của chính thể. Aristocrate nói: “Loài người là một động vật chính trị, người chỉ khác loài vật ở điểm người hiểu chính trị, tham gia chính trị, bởi thế giáo dục mới cần phải gắn liền với chính thể”.

Qua sách đời Trung Cổ, nền giáo dục Tây phương hoàn toàn ở trong tay giáo hội Cơ Đốc. Cơ Đốc là tôn giáo xuất thế nhìn nhân gian như một nơi chứa chất tội lỗi, tất cả nên nhìn về nước Chúa và Thượng Đế.

Cận đại quốc gia, trải qua thời gian khá dài của Trung Cổ, thời kỳ tranh đấu để thoát ly giáo dục giáo hội, gây dựng quốc dân giáo dục, chính phủ dành lại quyền giáo dục dân chúng từ tay giáo hội, đem giáo dục quay về lý thuyết của Platon và Aristocrate xưa kia.

Đại đế nước Phổ nói, trong buổi diễn thuyết về giáo dục: “Những điều mà đại tướng Molke cống hiến cho nước Phổ không bằng vị giáo sư tiểu học của chúng ta”.

Đúng thế, nước Đức lúc đó, giáo dục được phối hợp chặt chẽ với quốc sách của chính phủ. Từ bậc tiểu học đã có quân sự giáo dục.

Dân tộc chủ nghĩa được đặt làm mục tiêu tối cao của công tác giáo dục tinh thần.

Sau này, Hitler lên nắm chính quyền còn đẩy mạnh hơn nữa kế hoạch và phương châm giáo dục của Phổ trước đây. Ông nói với Herman Rauschning: “Chúng ta giáo dục một thế hệ thanh niên Đức sẽ làm đảo lộn thế giới, một thế hệ thanh niên tàn bạo, kiên quyết và lạnh lùng... Tôi muốn thanh niên phải là những con thú dữ hung hăng”. (Nous formerons une jeunesse qui fera trembler le monde: une jeunesse brutale, exigeante et cruelle... Je veux qu'elle soit pareille à de jeunes fauves).

Hitler đã thực hiện tất cả những gì mà Platon ước mơ trong lý tưởng quốc về phương diện giáo dục.

Ngoài giáo dục, giáo hội và quốc giáo dục, Tây phương còn có giáo dục tự do cá nhân và chủ nghĩa hưởng lạc (hédonisme), trí thức và chân lý qua kỹ thuật và chức nghiệp đều đuổi theo một mục tiêu tối hậu là cá nhân chủ nghĩa cùng hưởng lạc tại hiện thế.

Nói gọn lại giáo dục Tây phương ngày nay có ba đại loại:

- tôn giáo giáo dục
- quốc gia giáo dục
- cá nhân tự do giáo dục

Tuy trên lịch sử ba loại giáo dục này chống đối thay thế nhau nhưng trên thực tế, cả ba vẫn phối hợp với nhau tồn tại.

*

Nền giáo dục Việt chính thức có hệ thống hẳn hoi bắt đầu từ đời Đinh-Lý do Phật giáo nắm giữ. Phật giáo đại thừa sang Việt Nam qua ngã Trung Quốc.

Sách Lĩnh Nam trích Quái ghi: “Lý Công Uẩn tức Lý Thái Tổ sau này, khi tuổi mới lên tám học ông sư ở chùa Tiêu Sơn”.

Người Việt Nam làm quen với Phật giáo bằng những sách vở từ chữ Hán vào giữa lúc mà tôn giáo này đang phát triển mạnh tại Trung Quốc. Rồi tự đó có tác dụng ngược lại, Phật giáo sang Việt Nam làm cho Hán học ở đây rục rờ thêm lên.

Lý Công Uẩn gốc gác chùa chiền nay lên ngôi thiên tử, lẽ đương nhiên Phật giáo phải được chuộng, phải được giữ phần vụ lãnh đạo tư tưởng.

Ngay lúc mới lên ngôi vua, Thái Tổ đã ban áo mặc cho tăng lữ. Sang năm sau lại trích ra hai vạn quan tiền để cất lên tám ngôi chùa ở phủ Thiên Đức. Rồi ở trong và ngoài thành Thăng Long cũng dựng lên mấy chùa lớn như chùa Hưng Thiên, Vạn Tuế, Thăng Nghiêm, Thiên Vương, Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thọ, Thiên Quang v.v...

Sang năm thứ tám, Thái Tổ lại sai sứ thần sang Tàu xin kinh Tam Tạng. Khi được vua Tống ban cho ông lại bắt một người Thiên sư tên là Phi Trí đi đến tận Quảng Tây đón về. Cách hai năm sau, Thái Tổ lại độ hết bàn dân thiên hạ làm sư và phát vàng bạc đúc mấy quả chuông để đem treo ở các chùa Hương Thiên, Đại Giáo Thắng Nghiêm. Đến năm Thuận Thiên thứ 15, ngài lại xây chùa Chân Giáo ở trong thành và bắt các sư vào đó tụng kinh rồi ngài thân hành đến nghe.

Vua Thái Tôn nhà Lý trong năm Thiên Thành thứ tư xây dựng vừa chùa vừa quán tất cả chín trăm rưỡi sở. Đến năm Thiên Thụy thứ nhất lại đúc tượng Phật ở Đại Nguyên đặt ở thềm rồng. Sang năm Kiêu Phú thứ hai, vừa vẽ vừa tạo mỗi đàng hơn một ngàn pho tượng và may hơn vạn lá phướn để đem phân phát cho các chùa. Qua năm Sùng Hưng đại bảo thứ hai lại dựng lên chùa Diên Hựu và cho sư vào tụng kinh. Rồi năm Long Thụy thứ ba lại cất ngôi chùa ở phường Báo Thiên và xây lại một ngọn tháp 12 tầng cao vài chục trượng và phát hai vạn cân đồng đúc một quả chuông.

Đối với Phật giáo thì như thế, đối với Nho giáo nhà Lý chỉ có một lần xây Văn Miếu, đúc tượng Chu Công và vẽ tượng 72 học trò của Khổng Tử rồi bắt thờ cúng quanh năm và bắt Thái Tử tới đó mà học. Chủ ý của Lý triều là muốn mượn Phật giáo để tổ chức hóa, làm “xi măng” tư tưởng cho lực lượng chính trị. Khốn nỗi Phật giáo phương nam Trung Quốc bấy giờ vào đời nhà Tống đã suy vi, chỉ phát triển qua chủ nghĩa cá nhân dùng tôn giáo siêu thế để tránh hiện thực, đón nhận tôn giáo Phật trọn vẹn bằng không tịch tinh thần, khác hẳn với Phật giáo phương bắc Trung Quốc lấy đau khổ phấn đấu mà đón nhận. Thành thử Phật giáo đời Lý vì tiếp cận với tinh thần không tịch nên không đáp ứng được với chủ ý của Lý triều, quan trọng hơn nữa là không đáp ứng được lịch sử phấn đấu của dân tộc. Bởi vậy, tới lúc Phật học đời Lý thiên hẳn về tinh thần không tịch thì nhà Lý mất, nhà Trần lên thay cho phục hưng và phát huy Nho giáo. Kể từ đây, giáo dục Việt chuyển sang Nho phái lãnh đạo. Triết lý Phật trở thành một phần của sinh hoạt văn hóa khắp dân gian, còn thành phần tăng lữ thì không được trọng vọng như trước nữa.

*

Khổng Tử nói: “Đại chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sĩ. Đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sĩ thả cách”. (Lấy chính trị mà dẫn dắt, dùng hình phạt mà sai khiến, dân tuy sống trật tự nhưng lòng vô sĩ. Lấy đức mà dẫn dắt, dùng lễ mà tổ chức dân vừa sống khuôn phép lại biết liêm sỉ).

Nho gia nói chính trị chỉ có mục đích duy nhất là đề cao dân cách, chỉ có thủ đoạn duy nhất là giáo dục. Chính trị ở đâu giáo dục ở đó. Điều kiện căn bản cho một lãnh tụ nhân tài là học thức phải tương xứng với địa vị. Thực tế, chính trị đều phải được giải quyết với ý nghĩa và giá trị giáo dục “Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ”.

Khổng Tử đề ra chữ “Nhân” để trộn đạo đức vào chính trị mà nung luyện, tiến hành kế hoạch mà gắn liền cá nhân vào xã hội. Giáo dục truyền thống đặt trên ba cơ sở văn hóa:

a) Tôn tộc và gia tộc xã hội. Sống với quá khứ tổ tiên, sống với hiện tại gia đình họ hàng, làng xóm.

b) Dân tộc và sự thân thân giữa người trong một nước:

Nay ta hát một thiên ái quốc

Yêu gì hơn yêu nước nhà ta

Trang nghiêm bốn mặt sơn hà

Ông cha ta để cho ta chum vàng

Trải bao lớp tiền nhân dựng mở

Bốn ngàn năm dải gió dầm mưa

Làm trai đứng ở trên đời

Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta

Ghé vai gánh đỡ sơn hà

Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu

c) Kinh tế nông nghiệp:

Qui hồ nhiều lúa là tiên

Rõ ràng phú túc bình yên cả nhà

Giáo dục Nho có những đặc tính:

1) Tư tưởng luân lý

2) Tinh thần khoáng đạt

3) Trung dung chi đạo

4) Cần thực tế

5) Tôn sùng tình cảm

Triết gia Mỹ Dewey nhận định rằng Nho học dạy con người: biểu hiện thuần tự nhiên, tri túc, an phận, khoan dung, hòa bình, trọng thể lực đạo đức văn hóa, coi thường thể lực vật chất.

Luân lý tư tưởng là trung tâm vấn đề của triết học. Chính trị triết học, nhân sinh triết học, giáo dục triết học đều có một xuất phát điểm chung là luân lý.

Làm trai nét đủ trăm đường

Trước tiên điều hiếu đạo thường xưa nay

Sách “Hiếu Kinh” viết: “Phù hiếu thiên chi kinh dã địa chi nghĩa dã,

dân chi hạnh dã, đức chi bản dã giáo chi sở do sinh” (Hiếu là luật tắc

của trời đất, nét của người dân, gốc của đạo đức, nguồn của giáo dục).

“Dĩ hiếu sự quân tắc trung” (Lấy hiếu đạo mà thờ vua là trung).

Sách “Đại học” viết: “Hiếu giả sở dĩ sự quân dã, để giả sở dĩ sự trường dã, từ giả sở dĩ sử chúng dã”. (Hiếu để trung quân ái quốc, để để tin cậy nơi huynh trưởng, từ ái để lãnh đạo dân chúng).

Nho gia rất trọng chữ “Thứ”, trung rồi tiếp ngay đến thứ. Thứ là tinh thần rộng rãi khoáng đạt nhìn mọi sự, mọi vật trên đời như của công, “ông nhi phi tư”. Đem áp dụng chữ thứ vào chính trị thành ra chính sách “tuyển hiền dụng năng” và chế độ thi cử. Thứ cũng là thái độ dễ dung nạp ý kiến người khác, tuyệt đối không cố chấp, chủ trương tín ngưỡng tự do. Câu tục ngữ: “Của đời người thế nước non tiên” biểu thị cái tinh thần khoáng đạt đó.

Tâm hồn Việt là tâm hồn trung dung

“Đứng thẳng chớ phai, thoang thoang hoa nhài (lài) mà lại thom lâu”.

Chiến đấu dai dẳng bền bỉ đời này qua đời khác do tinh thần trung dung mà có.

Một mặt tri thiên mệnh, một mặt tin nhân định thắng thiên. Nghĩ rằng miếng ăn quá khẩu thành tàn nhưng cũng nghĩ luôn rằng có thực mới vực được đạo.

“Chấp kỳ lưỡng đoan dụng kỳ trung ư dân” (Nhìn hai cực đo lấy điểm giữa mà thi hành). Bởi vậy, chính trị cũng như đãi nhân tiếp vật, sử thế của người không bao giờ quá khích, không có những nhân vật bị quỷ ám như nhà văn Dostoievsky tả trong cuốn “Les Possédés”.

Học hành thì ích vào thân

Chức cao, quyền trọng dần dần theo sau

Lòng hiếu học chủ yếu là để mở rộng hiểu biết, chuyện chức cao quyền trọng là chuyện phụ. Đi học biết chữ là một ích lợi thiết thực.

Nghèo mà hay chữ thì hơn

Giàu mà hay chữ như sơn thép vàng

Giàu hay nghèo đều cần phải biết chữ. Những kẻ dốt nát bao giờ cũng bị khinh miệt bất kể kẻ đó giàu hay nghèo.

Dốc một lòng lấy chồng hay chữ

Để ra vào kinh sử mà nghe

*

“Hà tự hữu tình duyên sắc hữu, hà duyên tạo sắc vị tình sinh; như hoàn tình sắc thành thiên cổ, diệm diệm huỳnh huỳnh họa bất thành” (Thế gian vì có sắc nên có tình và có lẽ sắc sinh ra cũng vì tình, đã có tình sắc là cái vòng bất tận của thiên cổ mãi mãi sáng rỡ mà không thể vẽ nên hình).

Cảnh như vẽ, khéo ai bày. Hoa đào mím miệng liễu dương mày.
Bướm nhớn như bay, oanh vàng líu lo trong bụi, én đỏ ríu rít trên
cây. Buồng xuân diu dặt mỗi tình ngây (Xuân từ).
Trời đất nhiều phần nóng nẫu. Đầu cành rức giọng ve, bãi cỏ vang
tiếng châu, vò võ cuộc kêu sầu, eo éo oanh hót ngẫu. Đường bảo
nhau chúa xuân đi rồi thôi cũng hảo. Cảnh sắc đường kia, ngao ngán
cầm lòng khôn đậu. May đâu thần Chúc Dong gảy một khúc nam
huân, hương sen thoảng đáo một trận gió bay, sạch lòng phiền não
(Hạ từ).

Mặt nước trong veo non tựa ngọc, gió vàng hây hây khua khóm trúc.
Hoa lau muồn đậm trắng phau, cây cối vẽ hồng pha vẽ lục. Cung
Thiền sáng quắc ả Hằng ngũ, dạo bước thêm giao tình rạo rạc. Chi
bằng đến thẳng dưới giậu hoa cúc thơm thanh thời dạo đàn gảy một
khúc (Thu từ).

Khí đen mờ mịn tỏa non sông, hồng về nam xong, nhạt về nam xong.
Gió bắc. Gió bắc căm căm tuyết giá như đồng, ngồi chẳng yên lòng,
nằm chẳng yên lòng. Dậy xem phong cảnh lúc trời đông, hoa quên
lạnh lòng, người quên lạnh lòng (Đông từ).

Bốn bài từ của Liễu Hạnh công chúa mà dân Việt tôn thờ làm Thánh
Mẫu cho thấy *người Việt trong việc giáo dục nhìn nhận thế giới của
"tình" cũng quan trọng ngang với thế giới của pháp. Phải đem tình
vào thực tế thì cuộc sống mới có ý vị, mới thăng hoa. Tuy nhiên,
không để "tình" nặng quá kéo pháp xuống thành nhu nhược, cũng
không để pháp tung hoành quá diệt tình đi mà thành tàn nhẫn hung
bạo. Trong đấu tranh tình với pháp cùng nhau tiến bước. Nếu không
có "tình" làm sao nghe thấy những tiếng của đời xưa theo cái dòng
sóng người, ngược lại cái dòng sử ngược vang vọng lại hiện tại để
mà cảm lấy những tiếng vi nang đó ở trong mỗi động tác, mỗi cái tầm
thường, mỗi cái ngây ngốc si mê tức là hứng lấy Quốc hồn và Sử hồn
qua những tiếng ai oán, ước vọng, hần học, hò hét và thúc giục.*

*Dùng tình để bù đắp chỗ yếu của pháp, dùng pháp để thực hiện
những mơ ước của tình. Sự giáo dục đều đặn Tình và Pháp đã làm
cho dân tộc Việt thành một dân tộc vừa yêu hòa bình, chịu nhẫn nhục
lại vừa chiến đấu dũng mãnh và dai dẳng.*

Giáo dục Việt có những ưu điểm:

A) *Nhân cách cảm hóa.* - Rất trọng đức dục cho nên chính sách giáo
dục là thực hiện cảm hóa, hóa dân thành tục tất do ư học. Nhiệm vụ
của thầy là cảm hóa, nguyên tắc cho công tác cảm hóa là dĩ thân tác

tắc, lấy bản thân mình ra để làm gương. Không phải giảng mà vẫn dạy (bắt ngôn nhi giáo).

B) *Nhân văn chủ nghĩa được phát huy cao độ.* - Những điều răn dạy đều thuộc khoa học nhân văn. Thảo luận toàn là các vấn đề chính trị xã hội, luân lý, đạo đức.

*

Lịch sử giáo dục Việt có thể chia ra làm ba đại thời kỳ:

- **Đệ nhất thời kỳ** bao quát từ Văn Lang đến nhà Đinh. Chính trị từ bộ lạc tổ chức sang phong kiến tổ chức, rồi từ phong kiến tổ chức sang trung ương tập quyền thống nhất. Kinh tế do du mục chài lưới chuyển thành nông nghiệp. Giáo dục từ chính giáo hợp nhất sang quan biện giáo dục, chưa có thầy dạy, chỉ có người cai trị, giáo dục đi thẳng vào dân gian.

- **Đệ nhị thời kỳ** bao quát từ Lý, Trần đến Nguyễn Tự Đức. Tuy lịch sử có nhiều biến động chính trị lớn nhưng trên văn hóa, ngoại trừ sự rục rờ đời Lý, Trần càng về sau càng tĩnh chỉ không thấy những biến cách to tát, một thời gian rất ngắn vụt sáng lên là đời Quang Trung rồi tắt ngay. Tư tưởng Nho vẫn là trung tâm. Chế độ chính trị vẫn là xã hội của bản vị gia tộc. Kinh tế vẫn là kinh tế nông nghiệp. Về mặt giáo dục vẫn tiếp tục chính sách đào tạo sĩ quân tử, phong tục tập quán, tín ngưỡng vẫn theo xưa.

- **Đệ tam thời kỳ** bắt đầu từ lúc tiếp xúc với văn hóa Tây phương, chiến sự thảm bại, chịu sự áp bách của vũ lực, chính trị kinh tế đến mất nước. Xã hội bàng hoàng, dao động gây thành phong trào Tây học, tôn phục văn minh, đòi hỏi duy tân.

Đông Kinh Nghĩa Thục cho phổ biến một bài văn xuôi nghị luận bằng chữ Hán nhan đề “Văn minh tân học sách”. Bài này có thể xem là căn bản cương lĩnh hành động của Đông Kinh Nghĩa Thục. Đã được dịch ra như sau:

“Thiết nghĩ văn minh là một danh từ đẹp để không phải do sự hào nhoáng, màu mỡ mà làm nên. Các món học văn minh là những phúc tốt lành, không phải chuyện một sớm một chiều có thể lấy được.

Muốn làm nên và lấy được là nhờ có một chủ nghĩa lớn. Chủ nghĩa gì thế? Ấy là chủ nghĩa mở trí khôn cho nhân dân.

Kể các nước trên quả địa cầu này, nước này còn là dã man, nước kia đã bán khai, nước nọ thì văn minh. Ấy là tùy theo chỗ dân trí từng nước thông hay tắc, nhiều hay ít, chóng hay chậm mà khác nhau.

Câu nói của học giả phương Tây: Văn minh không phải là có thể mua được bằng giá trị mà thôi mà còn mua bằng đau khổ nữa. Giá trị là gì? Tức là tư tưởng. Đau khổ là gì? Là cạnh tranh. Càng tư tưởng thì

càng cạnh tranh, càng cạnh tranh thì càng tư tưởng. Rồi do đấy, hết thầy các khoa thanh học, quang học, trọng học, điện học, khoáng học, thủy học, khí học, địa dư, thiên văn, toán pháp và cơ khí, không môn học nào mà không phùng phực nảy ra. Lý do để đi tới chỗ cực điểm của văn minh là bởi thế đó.

Văn minh với dân trí hai đàng cũng làm nhân quả lẫn nhau. Nhưng muốn mở dân trí, trước hết phải tìm cho thấy bết tắc là ở chỗ nào và sự phát đạt bắt đầu từ đâu, bấy giờ mới có chỗ hạ thủ được. Bằng không thì chỉ có thể nhìn biển cả mênh mông rồi than thở mà thôi. Từng xét thánh nhân đời thượng cổ đã chế được đủ đồ vật để dùng, lập thành khí cụ cho thiên hạ tiện lợi. Khoa học, cách trí đã thấy tận mác ở bộ Chu Quan, các sách Quản Tử, Mặc Tử. Á châu vẫn là ngọn nguồn văn minh đấy. Nước Đại Nam ta vốn là một nước lớn văn minh. Nói về vị trí thì ở vào khoảng giữa miệt nhiệt đới và ôn đới. Đất tốt, khí hậu điều hòa, thóc lắm, tầm nhiều, các nguồn lợi miền núi, miền biển hơn cả thiên hạ. Dân trong nước làm ăn dễ dàng. Trải các triều đại vua thánh tôi hiền cùng nhau làm cho thịnh vượng, rạch rỡ thêm to tát ra. Trong Lao Sứ tinh tự, Phong Nhã thống biên có nói ta được các nước trong, nước ngoài đều khen là nước thanh danh văn vật. Cái đó đã đành rồi.

Nhưng nay thì sao? Cửa báu núi rừng, nguồn lợi đó ta không được hưởng. Trăm thứ hàng hóa, quyền lợi đó ta không được nắm. Cho đến các hàng vóc nhiều, nhung len, vải lụa, giày dép, khăn tay, mực kính, dù che, dầu hỏa, đồ sứ, đồ pha lê, đồng hồ, phong vũ biểu, hàn thử biểu, ống nói, kính hiển vi, kính ảnh, bút giấy, son tàu, mực tàu, kim chỉ, khuy cúc, phẩm nhuộm, xà bông, nước hoa, diêm, bánh sữa, kẹo mút, dược phẩm, thuốc lá, chè rượu v.v... không mua của Tàu thì mua của Tây cả. Thử lấy cái bảng kê số xuất khẩu, nhập khẩu trong một năm mà tính thì sẽ thấy rằng một khi gánh nặng vàng đi đổ ra ngoài rồi thì không sao mong châu về hiệp phố nữa. Của nước như thế thật đáng tiếc.

Nông học có hội, người ta đương cạnh tranh về nghề nông đấy. Còn ta thì vẫn như cũ. Hỏi ta có cày máy để giúp việc cày, điện khí để làm cho lúa tốt, các phương pháp mới để cứu hạn hán trị sâu keo không? Thương chính có sở, người ta đang tranh cạnh về nghề buôn đấy. Còn ta thì vẫn như cũ. Hỏi có hạm đội để hộ thương, thị trường để thông thương, công ty lớn do chính phủ và nhân dân góp cổ phần lại để lập nên không?

Công tác có xưởng, người ta đương tranh cạnh về công nghệ đấy. Còn ta thì vẫn như cũ. Hỏi trong công nghệ có ai trở khéo, phô tài

ngày một mới, tháng một lạ như bọn Watt và Edison không? Tài của nhân dân như thế, thật đáng hải hùng.

Kìa những kẻ ham mê đàn sáo, đầu hồ, bài lá, cờ tướng, đố thơ, đánh chữ số tướng địa lý, phù thủy ngày ngày dốc cả trí khôn vào những thứ vô dụng, sống say chết mộng thì chả kể làm gì. Những hạng cao hơn, đỗ đạt lên một tí, được cái tiếng quen đã vội khùng khỉnh ta đây là kẻ cả tự xưng là bực giữ gìn thế đạo, ngày ngày khoe câu văn hay, khư khư ngồi giữ những thuyết hủ lậu, khinh bỉ hết thầy học mới văn minh. Hạng kém hơn nữa thì chỉ nghe có vấn đề thăng quan lên mấy bực, cất nhắc mấy người, chứ không hề biết đến vấn đề nào khác. Có một ông nào đã nói với các bạn hậu tiến: “Các thầy muốn ra làm quan thì phải cẩn thận, đừng đọc sách mới, xem báo mới”. Ôi nếu không biết đến sách báo mới thì thôi chứ một khi đã biết đến mà lại bưng bít che lấp đi khiến cho không nghe, không thấy chuyện gì để tự mình lại củng cố một căn tính nô lệ, nhân cách như thế thiệt nên lấy làm đau đớn.

Nghĩ lại văn minh nước ta còn một đặc tính luôn luôn tĩnh như vậy, văn minh Âu Châu thì có tính luôn luôn động mãi như thế kia. Cái đó ai cũng biết. Nhưng vì sao lại như thế? Ấy là do cái ảnh hưởng tương phản và nguyên nhân khởi điểm đây. Nay xin lần lượt kể ra. Thế nào là ảnh hưởng tương phản? Xét ra các nước châu Âu, trên có nghị viện duy trì quốc thị, dưới có báo quán để đạo đạt hạ tình. Đại trước tác thì có Dân ước luận của Lư Thoa, Tiến hóa luận của Tư Tân Tắc, Dân quyền thiên của Mạnh Đức Tư Cư. Suy rộng ra nào diễn thuyết, nào thi ca đều cốt để phát huy cái chủ nghĩa yêu nước, yêu nòi giống? Nước ta có thể không? Làm văn cách thì chỉ sợ phạm húy, dâng thơ cho người trên thì chỉ e mang tiếng vượt phạm nói leo, chỉ chừng đó đã khác hẳn với các nước. Huống chi nào chuyện trích quái, nào chuyện truyền ký, thơ bao nhiêu quyển văn bao nhiêu tập, văn hoa lòe loẹt thì có, còn nói về mở mang trí khôn cho dân thì không hề có gì. Đó là điều ta trái với người về giới tư tưởng.

Người châu Âu đặt giáo dục chia ra làm bực: tiểu học, trung học và đại học cứ bốn năm một kỳ. Khi vào học lấy những môn văn tự nước nhà ngày nay, cổ văn La Mã, văn tự tiếng ngoại quốc, toán học, địa dư làm những môn học đầu tiên. Khi học đã mãn khóa, lần bực tiến lên thì cứ tùy theo năng khiếu của học sinh hợp cho môn học nào thì dạy cho môn học ấy, chia ra luật học, thiên văn học, võ bị học, y học, cách trí học v.v... Học thành tài rồi mới dùng, dùng làm có được việc thì sau mới thăng chức. Nước ta có thể không? Những môn ta học

và nhớ ấy chỉ là sách Tàu, những bài ta thi ấy chỉ là kinh nghĩa, thơ ngũ ngôn văn biền ngẫu tứ lục. Đó là điều trái với người về giới giáo dục.

Người Âu Châu họ tổ chức chính quyền trong nước có chính thể lập hiến, có chính thể quân dân cộng hòa. Cứ số bao nhiêu người đấy thì cử một người làm nghị viên. Hễ bàn đến một việc gì thì trước phải khai hội, kẻ bàn người nói, sớm sửa đi chiều sửa lại cốt làm cho đúng chân lý hợp với tình hình. Nước ta có thể không? Hành chánh thì cấm thay đổi, sửa sang, dùng người thì quá im lìm lạng lẽ, chiếu theo lệ cũ nhưng lệ không nhất định, luật cũng có thể ban bố đấy nhưng dân gian không được đọc luật. Đó là điều trái nhau về giới kinh tế.

Người Âu cho nước và dân là có quan hệ mật thiết với nhau, cho nên có chính thể cộng hòa mà quốc thể tức là gia thể; có tục thượng võ mà quốc hồn tức là gia hồn; có lệ hũ trái mà quốc mạch tức là gia mạch; có lối kiêm biện mà quốc sự tức là gia sự; có phái tự do mà quốc quyền tức là gia quyền. Nước ta có thể không? Ngoài văn chương không có gì là quý, ngoài áp chế không có gì là tôn chỉ, ngoài phục tòng không có gì là nghĩ xa. Đó là sự trái nhau về giới tình hình. Người Âu trọng du lịch, xem thường hiểm trở gian nan. Mà Tây (Moise) dời đi Già Nam có 40 năm. Kha Luân Bố băng hoàng ở Đại Tây Dương cũng có đến vài mươi năm. Lợi Mã Đâu (Mattéo Ricci) lặn lội ở Tàu cũng đến 19 năm. Ngoài ra đi thám hiểm Băng Dương, đi vòng quanh địa cầu đều là những việc thường thấy. Nước ta có thể không?

Môn học thực dân ta chưa hề nghĩ đến, thị trường hàng hóa chưa hề đi tìm. Lìa nhà mười dặm đã bụi ngùi những mưa gió hoa vàng. Nói gì đến Tiêm La, Diêm Điện, Nam Chưởng (Lào), Cao Man là đất nước hẻo lánh quê kệch không ai chịu đặt chân tới, nhưng đến ngay Trung Hoa đối với ta vẫn là chỗ cùng tộc loại, cùng đạo giáo, cùng lễ giáo, văn học cho đến phương diện giao tế cái gì cũng giống nhau, thế mà người Tàu thì ở nhan nhản khắp nơi kinh đô đô hội bên ta còn nước ta thì chưa một ai đến thành Ngũ Dương cả. Đó là sự trái ngược nhau về phong tục.

Thế nào gọi là nguyên nhân khởi điểm?

Một là khởi ở cái điểm nội hạ ngoại di, không thềm hỏi đến chính thuật và kỹ năng của nước khác. Hai là khởi ở cái điểm quý đạo vương khinh đạo bá, không thềm giảng đến cái học phú cường cơ xảo của nước ngoài. Ba là khởi ở cái điểm lấy xưa làm phải, nay là quấy, không chịu xét xem kiến thức và những suy nghĩ bàn luận của

người sau. Bốn là khởi ở cái điểm trọng quan mà khinh dân, nên không thèm kể đến tình hình hay dở ở chốn hương thôn. Bốn điểm này chính là mở đầu cho năm giới và năm giới ấy cũng tức là kết quả của bốn điểm. Thành thử mấy ngàn năm nay, văn minh tiến hóa của ta mới có cái tĩnh mãi mà không có cái tính động mãi. Thiệt cũng đáng ngậm ngùi buồn bã vậy!

Vậy thì sống ở đời mà muốn cầu cho văn minh không thể không lo mở mang dân trí. Nay dân mà có trí là cái công lệ thiên diễn. Người da vàng chúng ta có kém gì người da trắng đâu. Có điều là tai mắt chưa thấy qua thì chưa thể phát triển, hình thức có cái còn thiếu thì không biết bắt chước vào đâu, vốn liếng chưa dồi dào thì không thể làm nên được. Vậy nếu không nhờ người đại biểu để mở mang cho thì quyết là không thể được”.

Đông Kinh Nghĩa Thục cũng cho phổ biến nhiều bài ca, bài phú như: Cáo hủ lậu văn, Cần phải học đúng, Bài hát khuyên nhà nho, Hủ hồn thiếu niên, Dạy con, Khuyên con, Vợ khuyên chồng v.v... Tất cả đều đã hô hào duy tân giáo dục.

Nhất sự bất tri nho sở sĩ
Nông công hay mà thương sĩ cũng hay
Trên cõi đời nào ai dở ai hay
Vẫn biết có kẻ gây người béo
Nhà Nho hủ vẫn cậy mình khôn khéo
Đem văn chương mà vênh váo với đời
Năm ba câu hát cổ đồng dài
Trừ cử nghiệp, chuyện ngoài chi nỗ biết
Những văn phẩm của Đông Kinh Nghĩa Thục đưa ra 4 nhược điểm của giáo dục Việt:

A) *Tôn cổ quan niệm*. - Cổ đại học giả thiếu hẳn một quan niệm tiến hóa, đối với bất cứ sự vật nào cũng cứ cho cổ là tốt, lấy bất biến làm nguyên tắc. Giáo dục cũng thế. Chế độ khảo thí, chính phủ trước sau chỉ chú trọng việc bạt thủ nhân tài, nhưng không hề lưu tâm mấy đến vấn đề phải giáo dục nhân tài như thế nào? Về mặt khóa trình giảng học chỉ lấy kinh thư, tác văn, tập tự, chữ tốt văn hay làm trọng yếu. Quanh đi quẩn lại mấy cuốn kinh, sử, tử, thi từ là hết. Giáo tài không bao giờ thay đổi.

B) *Thiên trọng ký ức* (cứ nhớ là được) ưa bắt chước hơn là tư khảo độc lập, thiếu sáng tạo. Mục đích của giáo dục là làm sao cho người đời nay “theo kịp” người đời xưa, muốn thế phải nhớ lời nói và hành động của cổ nhân, hoặc cố tìm hiểu cổ nhân. Cổ thánh hiền, cổ học thuyết bao giờ cũng đúng bất khả phê bình, bất khả hoài nghi như

Hàn Dũ từng nói: “Tàng kinh thánh nhân thủ, nghị luận an cảm đáo” (đã từng qua tay thánh nhân thì còn bàn cãi thế nào được).

C) *Thiên trọng văn nghệ*, bỏ quên khoa học và thực dụng. Kể từ triều Nguyễn thống nhất, tinh thần người đi học hoàn toàn bị tiêu mòn vào văn từ học tập, ngoài mấy quyển sách ra chẳng còn giáo dục nào khác. Đọc sách với cầu học mục đích chỉ khoanh vào trong việc hiểu ý nghĩa và tìm cách vắt chước văn thể, cố làm văn cho hoa mỹ bất cần tri thức thực tế. Thụ sinh dần dần thành con người vô dụng dài lưng tốn vải.

D) *Không có tổ chức và kế hoạch giáo dục*. - Sĩ tử cứ học thế nào cho đủ bài, có khả năng làm văn trúng ý khảo quan là xong. Không có trường chính thức cho người theo học. Trường học do các bậc danh nho tự mở ra để dạy văn cũng như võ.

*

Đông Kinh Nghĩa Thục là phong trào yêu nước hô hào cầu học duy tân để tìm khả năng hiện đại hóa mà đánh Tây, bị thực dân chuyển thành phong trào theo Tây bằng cách một mặt phá vỡ tổ chức Đông Kinh Nghĩa Thục, dùng chính sách khủng bố bắt bớ, mặt khác đưa tay sai ra với chủ trương có đồng đảng mới bình đẳng để củng cố cho chính sách giáo dục bảo hộ, thuộc địa nhằm đào tạo một số nô tài và gây một tinh thần chủ bại cho người Việt, chia dân Việt ra thành ba loại:

a) loại mù chữ

b) loại biết đọc biết viết chữ Việt (Quốc ngữ), biết thêm chút ít tiếng Pháp để làm thông ngôn cạo giấy cho guồng máy cai trị.

c) và thiếu số có giáo dục về Pháp ngữ mà Pháp dùng làm tay sai thống trị.

Đồng thời, thực dân tìm đủ mọi cơ hội, đủ mọi phương thức để đào hố sâu ngăn cách ba loại trên. Về phương diện giáo tài, sách vở đều hướng về khuynh hướng phỉ báng văn hóa dân tộc và đề cao ngoại nhân xứng đáng làm thầy.

Giáo sư K. M. Panikkar, người Ấn, viết:

“Faire naître un défaitisme moral parmi le peuple semble avoir été un des buts de l'éducation coloniale” (Làm sinh sôi nảy nở chủ nghĩa chủ bại trong dân chúng là một trong những mục tiêu của giáo dục thực dân).

“Promouvoir une éducation incitant à l'agitation intellectuelle n'est pas l'intérêt d'un gouvernement étranger” (Đẩy mạnh một nền giáo dục để mở mang trí thức không bao giờ là điều quan tâm của chế độ ngoại nhân).

Kết quả học Tây để tìm đến dân chủ, khoa học đâu chẳng thấy, chỉ thấy thanh niên, học sinh đua nhau viết thiệp chúc tết, thiệp giáng sinh bằng tiếng Pháp: “Bonne Année- Parfait amour- A toi seul- A toi pour toujours”, hoặc thuộc lòng bài Hành Vân bằng tiếng Pháp:

Chers enfants

Vous êtes des jeunes gens

Travaillez

Et rappelez-vous...

(Là sẹ cái dưng phần,

Vu dẹt đờ jờ nớ jâng

Trờ ra mà ra vầy để

Ê ráp cái pờ lê vu...)

Thật đúng là một lũ điên dại cuồng chữ, học lếu láo.

Giáo dục sẽ hoàn toàn phá sản nếu nó không gắn liền với sinh mệnh dân tộc lịch sử.

Học vấn là để đấu tranh, giải quyết những vấn đề thực tiễn chứ không phải học vấn chỉ là đi học và cầu học.

Giáo dục phá sản và học vấn vô dụng đã hiện nguyên hình trông thật thê thảm qua thiên chuyện kể của nhà văn Nguyễn Vỹ trong cuốn “Tuấn chàng trai đất Việt”:

“Một buổi tối, Tuấn đến nhà thầy Đông Sĩ Bình, thầy ở một mình một căn nhà mướn trong một ngõ hẻm gần bờ sông. Thầy chỉ cho Tuấn bài thơ bằng chữ nho ký tên Phan Chu Trinh do tự tay thầy chép ra bằng nét chữ đậm và thật đẹp lồng trong khung kính treo trên tường. Tuấn không biết bài thơ này do thầy chép ở đâu nhưng Tuấn học thuộc lòng ngay:

Thế sự hồi đầu dĩ nhất không

Giang sơn hòa lụy khắp anh hùng

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ

Bát cổ văn chương túy mộng trung

Trường thử bách niên cam thóa mạ

Bất tri hà nhật xuất lao lung

Chư quân vị tất vô tâm huyết

Thỉnh bả tư văn khán nhất không

Tuấn đã được học chút ít chữ Hán nhưng lần đầu tiên nghe nhiều tiếng mới là: anh hùng nô lệ, cường quyền lao lung, tâm huyết nên chưa hiểu rõ nghĩa cho lắm. Thầy Bình ngâm từng câu, giảng từng ý rồi thầy ngâm đi ngâm lại nhiều lần. Thầy giảng rộng ra và nói:

- Nước An Nam đã mất, nhà An Nam đã tan, dân An Nam bị làm nô

lệ. Đồng bào như người ngủ mê chưa tỉnh ngộ để cho Tây nó đè đầu, đè cổ, nó áp chế. Một trăm năm nữa cũng đành chịu hay sao? Thầy nói bằng tiếng Tây rất hăng hái, rất say mê. Thầy đập tay xuống bàn, thầy dậm chân xuống đất, thầy hét lên:

- Trời ơi! Trời ơi! nước An Nam là con Rồng cháu Tiên mà dân An Nam ngày nay là tôi tớ, là mọi, là rợ bị xiềng xích, gông cùm, áp chế. Thế có tội nhục cho hồn thiêng đất nước này không?

Bỗng thầy òa ra khóc, thầy gục đầu xuống bàn. Tuấn bị quá cảm xúc, cũng rưng rưng nước mắt ngồi khóc ngây ngô. Tuấn nhìn bài thơ đóng khung treo trên tường, càng nhìn càng khóc. Mỗi câu thơ mà thầy Bình đọc đi đọc lại, kêu gào lên rồi khóc làm trò Tuấn có cảm tưởng như đấy là tiếng nói đau khổ, tiếng rên xiết bi thương của một hồn thiêng hiện về kêu gọi con cháu bằng giọng ai oán, lâm ly. Không khí bi thảm ấy kéo dài một lúc lâu. Rồi thầy Đông Sĩ Bình ngược đầu lên, mắt còn đẫm lệ, bảo trò Tuấn:

- Tuấn ơi, chúng ta là con cháu của Hùng Vương, của Lạc Long Quân ta phải làm thế nào chứ? Làm thế nào để phá tan cái xiềng xích nô lệ để đòi lấy độc lập, tự do chứ?

Tuấn chỉ biết cúi đầu nghe.

Thầy Đông Sĩ Bình đứng dậy, đôi mắt thầy đỏ ngầu, tay thầy run lên, thầy chỉ ngón tay lên bài thơ chữ nho của cụ Phan Chu Trinh và nói bằng tiếng Pháp có vẻ căm hờn, oán than nhấn mạnh từng câu:

- Notre grand patriote Phan Châu Trinh a dit: "Nous sommes des esclaves! Nous sommes des esclaves!"

Rồi thầy nói liên tiếp bằng tiếng Pháp, nói thao thao bất tuyệt, nói cho đến trào nước miếng hai bên mép, đỏ mồm hôi trên trán, trên má. Thầy hô hào: "Cách mạng! Phải làm cách mạng! Phải làm cách mạng! Il faut faire la Révolution. Il faut faire la Révolution".

Đúng thế, giáo dục dân chủ, khoa học thực nghiệp sẽ chẳng bao giờ có nếu nó không được mở đường bằng một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

*

Những chủ trương "Giáo dục phải thuần túy nhân loại"- "Giáo dục sự điều hòa phát triển của bộ óc, con tim và bàn tay"- "Giáo dục là đào dã phẩm tính" đều là những điều nói để mà nói. Vào thực tế, không làm gì có giáo dục thuần túy nhân loại bởi lẽ dân tộc bất đồng, quyền lợi bất đồng, đấu tranh thường trực thì nội dung phẩm tính, bộ óc, con tim làm sao có thể qui định thành một tiêu chuẩn phổ biến giữa người Việt với người Pháp, người Ấn Độ với người Anh, người Tàu với người Nhật?

Chủ trương giáo dục thuần túy nhân loại của Jean Jacques Rousseau chỉ là một chủ trương muốn thoát khỏi sự trói buộc của hiện thực, muốn biến thế giới hiện thực thành thế giới lý tưởng. Nó sẽ là một câu chuyện khôi hài trước thực tiễn tàn nhẫn. Cơ sở giáo dục không thể không kiến trúc trên một tổ chức xã hội nhất định, trên một cuộc đấu tranh nhất định. Nếu như giáo dục mà mất cơ sở xã hội dân tộc, mất cơ sở đấu tranh thì chẳng có gì đáng gọi là giáo dục nữa.

Đương nhiên ngoài dân tộc ra còn có những xã hội khác trong một hoàn cảnh nào đó đã thành những lực lượng chi phối dân tộc. Tỉ dụ như phục hưng văn nghệ (la renaissance) phát khởi bởi tinh thần Ý Đại Lợi rồi lan tràn ảnh hưởng ra toàn Âu Châu, như cải cách tôn giáo của Luther phát khởi bởi tinh thần Đức rồi lan tràn ảnh hưởng ra toàn Âu Châu. Tuy nhiên, mỗi nước ở Âu Châu đều đã tiếp thụ ảnh hưởng đó bằng quyền lợi và tinh thần dân tộc của mình trong công cuộc đấu tranh thời đại, tiêu diệt sinh hoạt tối tăm của đời Trung Cổ và chống sự cai trị thần quyền của trung tâm tôn giáo Roma.

Nhà triết học Kant nói: “Nhân loại do giáo dục mới thành nhân loại”. Một triết gia khác của Đức đã nói lại: “Giáo dục có thông qua quốc gia mới thành giáo dục, một dân tộc chỉ sau khi đã qua giáo dục quốc gia mới thành dân tộc đầy đủ sinh lực”.

Muốn hiểu thấy ý nghĩa của dân tộc tinh thần thì phải tìm về lịch sử.

Nội dung xã hội dân tộc có: ngôn ngữ, đạo đức, chính trị, kinh tế, nghệ thuật và niềm tin, tất cả thường được gọi chung là tài sản văn hóa truyền từ đời nọ sang đời kia và không ngừng phát triển.

Quá trình phát triển hay lịch sử đã đào tạo cho mỗi dân tộc một cộng đồng tri thức tinh tủy, ý chí, hành động truyền thống. Bởi thế, hoạt động giáo dục chỉ có giá trị chân thực khi nó được đặt vào cơ sở dân tộc xã hội.

Lịch sử là do sự đối lập giữa dân tộc này đối với dân tộc khác hoặc do sự xung đột gây nên bởi tình trạng bất bình hành giữa các thế lực nội bộ của dân tộc. Bởi thế, hoạt động giáo dục chỉ có giá trị thực tiễn khi nó được đặt vào một trong hai đấu tranh đó.

Nhớ những thuở cầm Hồ, đoạt sao

Nhạc Bình Ngô, ca Quỳnh uyển rập rình

Vàng chảy, bạc sinh, gió to mưa lúa

Cờ Vạn Thắng, công Thái Bình

Hội rồng mây cỏ hiền thánh

Cực vũ công, văn trị cảnh vinh quang

Há một ngày nên được nghiệp vương hoàng

Bao gan nát óc lầy, đan thành hàng huyết lệ
Thuở Hồng Bàng rẽ nước rạch hoang
Vận nhiều nhưong nằm gai nếm mật
Thái Tổ nhân như trời đất
Thánh Tông trị độ đời vàng
Dám khoe khoang công giá huy hoàng
Trước xã miếu hãy ưng đường tông tổ
Vạn ngôn thư
Thất trăm số
Chúc Hưng Đạo
Sử Lê Hưu
Khóc quỷ thần oanh liệt khi xung tiêu
Lòng sáng thủ ấy bao nhiêu lao khổ
Cành Nam chim đỗ

.....
Nếu giáo dục Việt mà quay lưng lại với những điều trên thì đâu còn là giáo dục Việt nữa mà chỉ là thứ giáo dục mất nước đầy thôi.

Văn hào Lâm Ngữ Đường (bên Trung Quốc) đã nói về nỗi tủi nhục đó vì hồi nhỏ ông chỉ được theo học giáo hội công giáo, sống tách biệt hẳn với các trẻ em khác, không được vô hí viện Trung Hoa, không được nghe hát Trung Hoa, không biết chút gì về lịch sử và truyền thuyết Trung Hoa mà lại thuộc lòng lời cầu nguyện của nữ thánh Maria, Chúa Ki Tô, Abraham, David.

Ông viết: “Chưa tới mười sáu tuổi tôi đã biết rằng kèn đồng của Josué đã làm sụp đổ tường ở Jéricho nhưng tới hồi tôi ba mươi tuổi mà vẫn chưa biết chuyện nàng Mạnh Khương, chồng chết vì xây Vạn Lý Trường Thành, nàng lặn lội tới nơi tìm được hài cốt của chồng khóc nức nở tới nỗi nước mắt làm trôi một khúc thành vĩ đại đó. Những người Trung Hoa dù vô học cũng không đốt sử như tôi hồi đó”.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

VĂN HÓA NÔNG NGHIỆP

*Họ là những người quê mùa non nước Việt
Sống cần lao bên ruộng lúa đồng khoai
Lúa xanh rờn nhờ họ đổ mồ hôi
Nước Việt sống vì mồ hôi họ đổ
Bàng Bá Lân*

*A la société vietnamienne- qu'on saisit
avec lui dans son fondement- il n'a cessé
de procurer au cours de l'histoire une
raison d'être, une structure stable et une
discipline pour ses travaux et ses célébrations
collectives: contracts avec ellémême, le sol et
le ciel.*

Paul Mus

Tìm trong non một thế kỷ luân hãm, chiến tranh và hỗn loạn, người ta vẫn thấy tất cả đều hàm chứa tinh thần văn học Việt trong chứng minh rằng tinh thần văn hóa Việt vẫn tiếp tục làm chủ tể con đường lịch sử của dân tộc, mọi âm mưu nhằm phủ nhận hoặc triệt để cải tạo nó đều thất bại.

Văn hóa Việt thế nào?

Nói đến văn hóa Việt tức là nói đến văn hóa nông nghiệp.

Trên thế giới, chỗ nào chẳng có nghề nông nhưng văn hóa nông nghiệp thực sự thành thế hệ vững chắc trên mọi phương diện kinh

tế, chính trị, văn học, giáo dục, quốc phòng, sinh hoạt, xã hội thì ngoài Trung Quốc ra, phải kể ngay đến Việt Nam.

Văn hóa nông nghiệp là văn hóa của sự kết hợp chân chính giữa người với đất, là văn hóa của sự khai phát đất ruộng đi cùng với sự khai phát tâm linh. Trong đó nông dân là lực lượng cốt cán và sĩ nhân là đầu não.

Kinh thánh của Gia Tô giáo chép chuyện Thượng Đế sáng tạo thế giới trong thời gian bảy ngày. Thần thoại Hy Lạp cũng chép chuyện thần nhân tạo ra thế giới. Nhưng ở Việt Nam cũng như Trung Quốc qua thần thoại Bàn Cổ khai thiên tị địa thì tin rằng thế giới này do chính bàn tay người khai phá, sáng tạo, và gìn giữ. Thần thoại Hy Lạp bảo sở dĩ thế giới có lửa là bởi Prométhée đã ăn trộm lửa của trời mang xuống. Trong khi dân gian Việt và dân gian Trung Quốc bảo là có lửa nhờ Toại Nhân khi cọ gỗ vào nhau mà lấy ra. Phục Hi thì dạy kết thừng làm lưới đánh cá. Ông Vũ Tắc chế cày bừa trồng thóc lúa. Bàn Cổ với hình ảnh vạm vỡ, tay cầm búa đá là sức mạnh lao động của nông dân. Toại Nhân, Phục Hi, ông Vũ Tắc với vẻ văn nhã là sức mạnh của tâm linh khai phát.

Nông nghiệp không chỉ đơn thuần là một trạng thái kinh tế mà còn là một đạo, nông nghiệp chi đạo. Đạo nông nghiệp đại biểu cho sự sống bao la, đại biểu cho đất ruộng vườn, rừng mênh mông cả đại biểu cho thời gian, khi tiết mưa thuận gió hòa hay giông tố bão táp lúc nào tốt, lúc nào xấu.

Công việc chủ yếu của nghề nông là trồng trọt, cày bừa, vun bón gặt hái thực vật (cây cỏ, hoa trái), đồng thời nuôi dưỡng động vật (gà, vịt, heo, trâu bò).

Kể việc làm ruộng mọi đường
Tôi xin kể được rõ ràng hử ai
Tháng Chạp là tiết trồng khoai
Tháng Giêng tưới đậu, tháng Hai cấy cà
Tháng Ba cày bừa ruộng ra
Tháng Tư bắc mạ thuận hòa vui thay
Tháng Năm cắt lúa vừa rồi
Tháng Sáu mưa xuống nước trôi đầy đồng
Tháng Bảy cày cấy đã xong
Tháng Tám thấy lúa tốt dòng vui thay
Tháng Chín tôi kể lại nay
Bắc mạ xem được mới hay trong lòng
Tháng Mười lúa chín đầy đồng
Cắt về đổ cót để phòng năm sau

Tháng Mười là tiết cấy sâu
Một năm kể cả từ đầu đến đuôi

Nhờ trời mưa thuận gió hòa
Nào cày nào cấy trẻ già khuyên nhau
Chim gà cá lợn canh cau
Mùa nào thức ấy giữ màu hương quê
Vừa tài bồi (vun tĩa), vừa dưỡng dục sự sống, vừa để nuôi mình sống. Hiện tượng “sống” có ba loại:

- Sinh liễu hựu sinh (sinh sôi nảy nở)
- Do chủng nhi sinh (bởi trồng cấy mà sinh)
- Do tính nhi sinh (do tình yêu mà sinh)

Vũ trụ là một dòng “sông” dài vạn cổ đời đời kiếp kiếp. Sông nọ tiếp nối sông kia là do cơ bản nguyên tắc của dịch lý, sinh sinh chi vi dịch. Một gong cỏ, một cành cây đâm chồi nảy lộc mà sinh ra cây cỏ khác. Sách có câu “Nhất dương sơ động xứ, vạn vật thủy sinh thời” (ánh dương vừa động, vạn vật sống dậy) cũng như ca dao ta có câu: “Lúa chiêm phơ phát đầu bờ, hễ nghe sấm động phát cò lúa lên. Một hạt giống gieo xuống đất qua sự điều hòa của trời đất, hạt giống tự tách ra nảy mầm thành một cơ thể mạnh sống và lớn lên. Cho nên mới nói: “Thiên hạ chi đại đức viết sinh” (Đức lớn trong thiên hạ là cho sự sống). Nông nghiệp thường thực hành động để thực hiện đức lớn đó. Hoa nhờ phấn đực mà kết thành trái, động vật do tinh trùng mà sinh đẻ đều là những điều tốt rất thường thấy trong nghề nông, nhưng nó lại hàm chứa một triết lý gốc “nhất âm nhất dương chi vi đạo”, hay “càn khôn chi đạo”. Âm dương tuy cực khác nhau mà rất tương ái tương thành. Cho nên nông nghiệp văn hóa mới là thứ văn hóa trong sự hòa hợp tự nhiên. Nhiệm vụ của càn hay dương là tự cường bất tức lúc nào cũng dũng mãnh chiến đấu. Nhiệm vụ của khôn hay âm là hậu đức đối vật bao giờ cũng trải tâm tình rộng rãi. Làm trai phải anh hùng, làm gái phải hiền thực, chăm chỉ và chịu đựng.

*

Đại biểu cho đất ruộng mệnh mệnh, cái đất đai yêu quý đã từng nuôi sống ta, từng để yên nghỉ ông cha và sinh sôi con cháu, cái đất đai mà đầu mày cuối mắt ta đều nhớ, đều quen, đều từng ghi nhớ mỗi cái khổ, cái vui, cái hy vọng, cuộc sống cuộc chết, cuộc bể dâu của đời đời nó đã nói ra bao ý nghĩa và gồm bao nhiêu giá trị. Trên tinh thần, văn hóa và đại biểu cho trạng thái vững chãi và bình tĩnh và quyết ý không dè dặt, lay chuyển.

Nông nghiệp là sự nghiệp kinh tế, đồng thời cũng là sự nghiệp đạo

đức, như Hiếu kinh viết: “Dụng thiên chi đạo, phân địa chi nghi, cận thân tiết dụng dĩ dưỡng phụ mẫu” (Dùng đạo trời, lựa nơi đất tốt, cần cù chăm chỉ, tiết kiệm mà nuôi cha mẹ).

Nông nghiệp là một sự nghiệp sinh sản nhưng đồng thời cũng là một sự nghiệp nghệ thuật như ca dao ta hát: “Cô kia tát nước bên đàng. Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi”. Như một thi sĩ Trung Quốc muốn tả hương thơm của cánh đồng, đã hạ bút viết: “Đạp hoa qui khứ mã đề hương” (Con ngựa trở về dẫm lên hoa mà bước khiến móng ngựa còn thơm). Chính cái tinh thần nông nghiệp bàng bạc khắp vườn tược, đồng rừng đã khiến cho văn nhân, thi sĩ làm thành thơ văn dạy cho người thích nghe giọt mưa lộp độp trên tàu lá chuối, dạy cho cảm thấy cái đẹp của ngọn khói từ mái nhà tranh tỏa lên lẫn với mây chiều ở lưng chừng ngọn đồi, dạy cho biết ngắm cái vẻ trắng nuột của hoa thỏ tí ở bên đường, nghe tiếng tu hú hót mà nhớ tới lời than thở của kẻ tha hương nhớ mẹ, mến yêu cảnh các cô thôn nữ hái trà, dạy cho biết hòa đồng với mọi vật núi sông hoa cỏ, xuân tới thì lòng dào dạt hương xuân, hè tới thì thiu thiu nghe tiếng ve sầu như gõ nhịp thời gian qua, thu tới thì băng khuâng nhìn lá vàng rơi rụng và đông tới thì ngâm thơ tuyết bay.

Nông nghiệp là một sự nghiệp lao động nhưng đồng thời còn là một sự nghiệp thờ phượng và tin tưởng. Khôn ngoan nhờ ám cha ông, làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ. Phương ngôn ta có câu: “Tháng Tám giỗ cha, tháng Ba giỗ mẹ”. Cha đây là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, người có công đánh giặc Nguyên giữ vững bờ cõi, mẹ đây là thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa, người đàn bà dung nhan tuyệt thế, thông minh dị thường, lúc chết hiển linh thường giáng bút bảo cho dân biết về quốc sự.

Lao động sự nghiệp không chỉ để kiếm bát cơm ăn mà còn để tạo dựng giang sơn đất nước. Bàn tay với đất đai, sức lao động và chí cần cù đem mồ hôi ra trộn với nước mắt của lòng yêu, tất cả để không dứt mở mang đất đai, xây đắp cõi sống, đem máu đào rỏ ra vì lòng yêu từ người thân với những con người mà máu chảy ruột mềm đã bén tới, máu đào đã rỏ ra để sống và thờ phụng cuộc đấu tranh với quân thù, cùng tầm nhuận với quân thù trong đồng ruộng của xứ sở qua các thời gian. Cho nên, nói đến kinh tế nông nghiệp thì phải nghĩ ngay đến một nền tảng kinh tế, đến chính sách kinh tế hàm chứa đạo đức, không lọc lừa tranh giành để thủ lợi như kinh tế thương nghiệp và tàn bạo đổ máu như kinh tế du mục. Nói đến sinh sản nông nghiệp với vẻ đẹp của khóm cúc bên dậu, của ao thu lạnh lẽo nước trong veo, một chiếc thuyền con bé tẻo teo. *Nói đến lao*

động nông nghiệp thì phải nhớ đến việc dồn sức vào sự nghiệp yêu nước.

Trải qua bao biến cố, sức đất vẫn bình tĩnh, vững chãi mà ứng phó, cả mấy ngàn năm tinh thần bình tĩnh vững chãi đó đã vượt hết các khó khăn, trở ngại để đẩy mạnh dòng sông chảy đời đời sinh sôi nảy nở. An thổ đồn hồ nhân, bám chắc lấy đất, dụng dụng tinh thần lạc quan chiến đấu. “Bất năng an thổ, tiện hội thắng không, tức bất trước địa, diệc bất trước thiên, chung ư hôn mê, chung ư nhuyển nhục, chung ư hoành bạo, chung ư đảo hạ” (nếu không bám chắc lấy đất tất không có đất chiến đấu lại thiếu cả thiên thời tất sẽ hôn mê, nhuyển nhục sinh ra làm rông rỡ mà sụp đổ).

*

Dịch hệ từ viết:

“Nhật vãng tắc nguyệt lai, nhật lai tắc nhật vãng, nhật nguyệt tương di nhi minh sinh yêu. Hàn lai tắc thụ vãng, thụ lai tắc hàn vãng, hàn thụ tương suy nhi thế thành yên” (Mặt trời lặn, mặt trăng lên, mặt trăng lặn mặt trời lên chuyển đổi nhau. Giữa hai vầng nhật nguyệt mà có ánh sáng. Lạnh hết đến nóng, nóng hết lại đến lạnh, lạnh nóng đuổi nhau mà thành bốn mùa năm tháng...)

Nông nghiệp gần với sinh vật, đất ruộng và cũng không lúc nào rời khí tượng tứ thời.

Tháng Giêng chân bước đi cày

Tháng Hai vãi lúa ngày ngày siêng năng

Thuận mưa lúa tốt đàng đàng

Tháng Mười gặt lúa ta ăn đầy nhà

Như vậy là cái lý “*dữ thời giai hành*” trong kinh Dịch.

Nông nghiệp không đi ngược với lẽ sống, không làm trái với ý muốn của đất và thứ nhất phải cho đúng thời không trái mùa. Quả nào, hoa nào kết thực khai hoa có thời gian nhất định, lúc nảy mầm, lúc sinh trưởng và lúc chín để gặt hái. Không thể cưỡng ép thời gian sớm hơn, cũng không thể trễ nải thời gian muộn hơn.

Do lý đó đem vào chính trị mà thành nguyên tắc “thời trung”, “quân tử thời trung”, linh hoạt thích ứng với bốn điểm: Thời-Vị- Trung-Chính.

Thời là thời gian lúc nào có thể và lúc nào không thể.

Vị là không gian hay vị thế chiến lược.

Trung là giao điểm của thời gian và không gian.

Chính là hành động cho thích đáng.

*

Nông nghiệp đối với sinh mệnh là thuận, không đi trái lý thiên nhiên:

nông nghiệp đối với quốc gia là gốc, là căn bản. Thuận cho nên cái học của nông nghiệp có tiết điệu tình tự như bài thơ. Gốc và căn bản cho nên cái học của nông nghiệp là thực học phác tố ít viển vông.

Bất thị nhất phiên bàn triết cốt

Tranh đắc mai hoa phác tị hương

là một câu dân dao rất đẹp của nông dân Trung Quốc ý nói: nếu không có cơn gió lạnh buốt tận xương thì làm sao có hương hoa mai thơm ngát cả bầu trời? Gió lạnh ai không sợ, nhất là nông dân sống dầm mưa dãi tuyết? Nhưng vì thuận theo thời tiết trời đất thì gió lạnh buốt tận xương vẫn là điều cần thiết vì nhờ có mai mới nở đem hương ướp đượm cả trời đông. Vậy chẳng có gì đáng buồn, đáng trách. *Cơn gió lạnh ví như một thời kỳ đánh đuổi giặc trăm ngàn gian khổ, đắng cay nhưng nhờ thế mới có ngày thanh bình, chiến thắng đẹp như mai nở.*

Ơn trời mưa nắng phải thì

Nơi thì bừa cạn nơi thì cày sâu

Công lênh chằng quản lâu lâu

Ngày nay nước bạc ngày sau cơm vàng

Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang

Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu

Thiên địa thuận nhi tứ thời đương, dân hữu đức nhi ngũ cốc sương (Trời đất thuận bốn mùa mưa nắng đúng cộng với sự chăm làm của người nên ngũ cốc nhiều). Nông nghiệp lấy thuận làm chủ lao động hòa nhịp với tứ thời để xây dựng một đời sống no ấm.

Dĩ nông lập quốc và quốc dĩ nông vi bản chuyển sang chính trị thành chính trị dĩ nhân di bản. Một thể chế chính trị xưa đặt dưới tay

Thương Ưởng áp dụng chính sách “trọng nông” thế mà dân đã đuổi

bắt và giết Thương Ưởng. Nhà Tần nhờ chính sách của Thương

Ưởng thôn tính được lục quốc rồi cũng vì chính sách ấy chịu diệt

vong. Tại sao? Tại Thương Ưởng chỉ biết cái gốc nông nhưng lại

không nhìn đến gốc dân, đã xem nông như một thủ đoạn, kết quả

nước giàu thịnh mà dân lại nghèo khổ, binh lực lớn mạnh mà dân lại

yếu cực, tạo thành tình trạng mâu thuẫn giữa dân sinh với quốc

phòng đưa đến sự đối lập của nhân dân với quân đội. Bởi vậy nông

dân đã nghiêng rằng thề không đội trời chung với bạo chính: *thời nhật yết táng dư dữ nhữ giai vong* (tao sẽ cùng chết với mày).

Pháp gia Thương Ưởng và chính sách trọng nông quá chuyên chú

vào lãnh vực kinh tế cốt để xây dựng một chính sách tài chính thuần

túy và một chính sách quân sự tuyệt đối đã không hướng tới sự bón

gốc nữa, ngược lại còn hy sinh nông dân và phá hoại nông nghiệp khiến cho gốc nước lung lay, chính quyền pháp gia phá sản đẩy đến việc nhà Tần vong. Nông nghiệp như thế là đi vào nghịch đạo trái với ý chí của văn hóa nông nghiệp vốn vẫn không ngừng đề cao chính trị dân bản và chống đối bạo chính thống trị.

Khai phát đất ruộng phải đi đôi với khai phát tâm linh, trên quốc sách thì dân sinh phải hợp nhất với quân đội, sinh hoạt phải hợp nhất với chiến đấu, văn hóa phải hợp nhất với kinh tế. Đó là căn bản của nông nghiệp chi đạo vậy.

Khai phát thổ địa đi đôi với khai phát tâm linh đã trở thành một khúc anh hùng ca tiến xuống miền Nam của dân tộc Việt.

Bài “Chuyến du khảo vào nông trại Thới Sơn” đăng trong tập san Sử Địa số 22, tác giả Nguyễn Văn Hầu đã cho độc giả một hình ảnh tuyệt đẹp của khúc anh hùng ca đấy. Tác giả viết:

“Xin hãy lùi về hơn trăm năm trước để tưởng lại cảnh vật của miền rừng núi bao la này. Xa xa một vài sóc thỏ, mỗi sóc thỏ thì đầu lồi năm bảy mái tranh, còn bao nhiêu là rừng. Cọp beo, rắn độc cùng những muỗi mòng, con ve, con vắt cùng nhau ngự trị như một giang sơn riêng. Vậy mà có người đã hướng dẫn quần chúng vào đây để khai hoang lập ấp. Người ấy là thầy Đoàn Minh Huyền tức đức Phật thầy Tây An. Chính Phật thầy đã thực hiện giáo lý tự tu, tự độ để gắng gổ độ tha cho nên mới hướng dẫn môn đệ khai hoang nhiều chỗ mà trước hết là ở đây giang sơn của ác thú. Thêm vào đó, một nỗi đe dọa khác nữa là phải sống bên cạnh người Mên đầy gồng ngải bùa thư, thù hằn và giận dữ.

Phật thầy đã làm cách nào để động viên nhân lực mà làm nổi việc phi thường này?

Với giáo lý Tứ Ân (Ân Tổ Tiên cha mẹ- Ân Đất Nước- Ân Tam Bảo- Ân Đồng Bào Nhân Loại), Phật thầy đã đưa vào lòng người một niềm tin vô biên. Qua huyền diệu của đức Phật và khả năng tu tĩnh của con người, tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương không còn biết sợ một thế lực tà mị nào khác. Do đó mà họ rất tích cực và nhờ vậy thầy Tây An đã thành công.

Có hai đệ tử của Phật thầy là Đình Tây tên thật là Bùi Văn Tây và cụ Tăng chủ Bùi Văn Thân đã góp tay đắc lực cho Phật thầy trong việc mở ruộng và lập làng ở vùng này. Hai cụ có đức lớn, đạo pháp uyên thâm, võ dũng cũng phi thường nên rất được nhân dân tôn phục. Những người dân lam lũ, chất phác cần phải được hướng dẫn chân chính, hai cụ Tăng chủ và Đình Tây là những người có đủ tác phong đạo đức để làm nên việc đó. Ban ngày người tín đồ đi khai hoang,

đêm về thì làm lễ niệm Phật, tham thiền và lĩnh hội những lời hay ý đẹp của các cụ. Những ngày sóc vọng, các cụ thuyết pháp giảng kinh.

Ngôi chùa của Bửu Sơn Kỳ Hương không có tượng Phật. Ngay đại điện cũng chỉ thờ một khung vải đỏ gọi là Trần Điều mà thôi. (Vuông vải màu điều này mang ý nghĩa nhiều điều phủ lấy giá gương, còn có thuyết nói Đức Phật thầy là dòng dõi Tây Sơn đổi tên, chạy ẩn vào Nam cho nên vuông vải điều đó mang ý nghĩa non tây áo vải cờ đào).

Đi thăm chùa chúng tôi (lời tác giả) được cụ trưởng ban Quản trị của nhà chùa tiếp đãi. Cụ giảng: Nơi này xưa kia là trại ruộng của đức Phật Thầy Tây An. Ngài di dân đến đây vào khoảng năm Tân Hợi để vừa mở cơ hoàng pháp vừa khai phá rừng hoang. Hồi đó, cạp beo dữ lắm mà đường sá không có. Cụ còn kể cho chúng ta nghe chuyện tăng chủ Bùi Văn Thân trị cạp như sau:

Một lần cạp về xóm vào chập tối, người ta rút lên trên gác đóng cửa kín mít, đánh mõ tre báo động vang trời. Ông Tăng một mình cầm mác treo xuống thang rượt cạp. Dưới ánh trăng mờ, cạp nhào tới phủ lên mình ông Tăng. Ông Tăng lẹ làng ngồi xuống, một tay dựng đứng cây mác lên, một tay thủ thế chờ cạp rơi xuống. Cạp hoảng hồn khi gặp tọa bộ của ông Tăng cùng ánh sáng lấp lánh của ngọn mác, liền né sang một bên. Trong lúc cạp mất thăng bằng chao mình trên lưng chừng thì ông Tăng đâm vào hông nó một quả đấm thôi sơn và thuận chân bồi thêm vào hạ bộ nó một cú đá nặng đòn. Cạp rống lên một tiếng vang rừng rồi ngã lăn bất tỉnh.

Ông Tăng không giết cạp, bước tới giật nó dậy miệng lẩm bẩm: “Tao tha cho mày, từ nay phải bỏ tánh ngang tàng đừng tới đây nữa mà mất mạng”.

Cạp gằm mặt xuống đất kéo la lét cái chân què vào rừng và từ đó không còn dám bén mảng đến xóm nữa.

Ông Tăng không muốn sát sanh mà chỉ muốn tâm phục lý thú dữ. Việc đánh cạp vừa nói không chỉ một lần mà cả năm ba lần nữa. Lần nào ông cũng tha cho chúng. Riết rồi con nào con ấy chạy mất lùì xa. Cụ Quản còn dẫn chúng ta đi một vòng nội điện rồi đưa ra ngoài đến một góc cổ thụ ở cạnh chùa, nơi một khoảng đất trống bằng phẳng, cụ trở tay nói: “Đây là di tích của ông Sấm ông Sét tức là đôi trâu của Phật thầy. Trâu có công lớn trong việc vận tải và khai phá vùng này. Hồi Đức Phật Thầy viên tịch, đôi trâu vẫn chưa già nhưng người ta quá ngưỡng mộ ngài và nhớ ơn trâu nên không bắt làm những việc nặng nề nữa. Cho đến khi trâu già người ta vẫn nuôi hoài rồi khi chết,

đem chôn cất cẩn thận tại đây và xưng gọi như thế để tỏ lòng ghi nhớ”.

*

Tinh thần nông dân của dân tộc Việt là:

a) *Biết sâu xa những ưu hoạn*

b) *Không sợ khó nhọc, gian khổ*

c) *Không có quan niệm về sự chết*

Tại sao lại phải lo lắng sâu xa?

Gần cận với thiên nhiên nên người nông dân hiểu rằng: Khi một đứa bé chào đời, mang tiếng khóc ôm đầu mà ra, nó cần biết bao nhiêu ngoại duyên để được sinh ra. Tục ngữ có câu mang nặng đẻ đau là thế. Khi một chú gà nhỏ bé thoát vỏ trứng, kêu chiêm chiêm đau đớn, nó phải cẩn thận biết bao để chui ra ngoài vỏ trứng.

Khi một hạt giống nảy mầm, cái mầm mềm yếu, nó phải cần vô số điều kiện mới nhô lên khỏi mặt đất.

Nhất nhất đều khó khăn, nhất nhất đều phải trải qua một quá trình ưu hoạn, nào mong sao cho được mưa thuận gió hòa, mong sao cho khỏi tật bệnh tử vong.

Người nông dân do tinh thần biết sâu những ưu hoạn tích lũy mà có một tâm hồn bình dị để nhìn mọi sự, mọi vật trong trời đất rồi chọn thái độ bình tĩnh lo toan bằng lý tính.

Người nông dân do tinh thần biết sâu những ưu hoạn tích lũy mà có một tâm hồn siêu việt để chuyển thành ý thức tôn giáo, nhưng là ý thức tôn giáo lý tính hóa không có tín điều giáo chỉ và hệ thống tăng lữ và giáo chủ.

Người nông dân tế trời, kính trời một cách thân mật chứ không sợ sệt như bị hàm hè đe dọa, đem đến cho tôn giáo tình vị và thi vị.

Trời mưa cho lúa chín vàng

Cho anh đi gặt cho nàng đem cơm

.....

Chàng ơi, đi trẩy kéo trưa

Cửa nhà cậy mẹ, nắng mưa nhờ trời

Em đi khấn Phật cầu trời

Biết than cùng trời biết thờ cùng ai?

Trời ơi trời ở chẳng công

Người ba bốn vợ người không vợ nào

.....

Lạy trời, lạy Phật, lạy vua

Cho tôi sức khỏe tôi xua con ruồi

Do biết sâu những ưu hoạn mà tinh thần nông dân mới không sợ khó nhọc gian khổ, với một tâm hồn kiên cường vô tì.

Cày sâu cuốc bẫm khai phá đất hoang tất phải khó nhọc, gian khổ, sự nghiệp của đất vốn là kết tinh của những nỗi tâm khổ. Sách có câu: “An thổ đôn hồ nhân cố năng ái” (Vỡ đất xây dựng điều nhân cho nên biết thương yêu). Trái tâm toan cay đắng nước mắt trộn mồ hôi mới thương người đồng cảnh. Nỗi khổ ấy giống như nỗi khổ trong bài “Thảo Từ” của Tân Giá Hiên:

Nhân gian bất thức tinh thành khổ

Tham khán thanh xuân vũ

(Nếu nhân gian chưa biết đến nỗi khổ của tấm lòng tinh thành xin hãy nhìn mưa xuân). Càng khổ bao nhiêu càng chân thành bấy nhiêu.

Khó khăn thay công việc nhà quê

Cùng năm khó nhọc dám hề khoan thai

Tháng Chạp thì mắc trồng khoai

Tháng Giêng trồng đậu tháng Hai trồng cà

Tháng Ba cày vỡ ruộng ra

Tháng Tư bắc mạ thuận hòa mọi nơi

Tháng Năm gặt hái xong rồi

Bước sang tháng Sáu nước trôi đầy đồng

Nhà nhà, vợ vợ, chồng chồng

Đi làm ngoài đồng sá kể sớm trưa

Tháng Sáu tháng Bảy khi vừa

Vun trồng giống lúa, bỏ chừa có gianh

Tháng Tám lúa rổ đã đành

Tháng Mười cắt hái cho nhanh kịp người

Khó khăn làm mấy tháng trời

Lại còn mưa nắng bất thời khổ trông

Cắt rồi nộp thuế nhà công

Từ rày mới được yên lòng ấm no.

Càng tâm khổ nên sự đối xử thập phần thân thiết, tìm mọi cách đùm bọc lẫn nhau, sự thân thiết đùm bọc chuyển thành luân thường. Lòng tinh thành đối với luân thường chuyển thành lý tưởng. Lý tưởng ấy là đạo đức và lo khai hoang trồng cấy.

Trong tinh thần không sợ tâm khổ, đạo đức luân thường dung hợp với lao động khai phá khẩn thực nên toàn dân chỉ là một người, đấu tranh thường trực tự cường bất tức.

Trong tinh thần không sợ tâm khổ, khai phá khẩn thực đi đôi với lý tưởng, người nông dân đã xây dựng cho mình một xã hội làng xã chi chít và bát ngát trên rừng, dưới biển, vừa đoàn kết chặt chẽ, vừa tự

do bình đẳng. Mỗi cá nhân đều có ruộng vườn, giang sơn và nhân cách riêng biệt. Chức vị chú mỡ làng thấp nhất nhưng vào hội hè đình đám, chú được trọng vọng ngồi ăn một mình một chiếu. Trong tinh thần không sợ tân khổ, đạo đức kết hợp với luân thường, người nông dân xây dựng cho mình một nếp sinh hoạt gia tộc vững chãi.

Bằng tinh thần không sợ tân khổ, người nông dân đã bằng hai bàn tay trắng chuyển rừng thành ruộng, biến núi thành vườn suốt từ ải Nam Quan đến mỏm Cà Mau.

Chỉ vì không sợ tân khổ, mỗi người nông dân chịu đói rét nhưng vẫn canh cánh bên lòng ý niệm: “Chớ để nhà tan, nước mất, chớ để lê dân đói rách”.

Với tinh thần không sợ tân khổ, người nông dân mặc áo tơi nón lá vẫn cảm thấy mình chẳng thua kém chi kẻ mặc áo lông cừu.

Với tinh thần không sợ tân khổ, người nông dân tuy chẳng biết một chữ nhưng vẫn đường đường là con người đầy đủ nhân cách. Nhất sĩ nhì nông hết gạo chạy rông nhất nông nhì sĩ.

Thiên địa có khai phá được hay không?

Đồng ruộng có được xanh tốt màu mỡ hay không?

Đất nước có được bảo vệ hay không?

đều tùy thuộc tinh thần không sợ tân khổ.

Một con người khả dĩ đường đường chính chính ấy cũng nhờ tinh thần không sợ tân khổ. Hình ảnh đi dép cỏ vào nói chuyện với thiên tử, áo rách hở hai khuỷu tay là hình ảnh nhà thơ nông dân Đỗ Phủ. Thật là khí khái đại biểu cho lớp người mang tinh thần không sợ tân khổ.

Chỉ vì tinh thần không sợ tân khổ nên mọi hành động cướp nước trên đất Việt thường thất bại.

Nếu không nhìn thấy sức mạnh của cái tinh thần “bất yểm tân khổ” của dân Việt, người ta sẽ không hiểu tại sao người Việt với những điều kiện chiến đấu cực kỳ thiếu thốn mà vẫn hăng hái, dai dẳng vô cùng.

Nông dân bằng một tinh thần thâm hậu và một sinh mệnh cực độ kiên cường, đứng trước tình thế trời xoay đất đảo, loạn lạc lưu ly nhưng vẫn tin rằng: thế giới này từ trạng thái hoang vu đã do hai bàn tay người sáng tạo, vậy thì tất cả mọi việc đều cũng có thể do hai bàn tay người giải quyết được hết, chắc chắn trời xanh chẳng phụ khổ tâm nhân. Đòi sau kế tiếp đòi trước. làm mãi phải xong. Người nông dân trông trời trông đất quanh năm ngày tháng, đem tự kỷ chi tâm hòa vào với thiên địa chi tâm. Vái trời khấn đất có nghĩa là thần thánh

hóa tự kỷ chi tâm, thần thánh hóa tinh thần chịu tân khổ chiến đấu. Vì đời sau tiếp đời trước nên phải lễ tổ kính tổ, không quên ông bà, cha mẹ, tổ tiên chuyển thành tổ quốc, thờ kính tổ tiên là thờ kính tổ quốc.

Một tác đất một tác vàng, tác đất được bàn tay lao động tân cần canh tác trở nên tác vàng, nguồn sống không bao giờ kiệt. Một mẫu ruộng tượng trưng của bao công lao “tân khổ” nhưng đồng thời cũng tượng trưng cho sự quang vinh của công lao tân khổ đó.

*

Tinh thần không sợ tân khổ khiến cho nông dân bước vào đấu tranh lịch sử bằng ý chí kiên cường. Không có quan niệm về sự chết khiến cho nông dân tin tuyệt đối vào sự bất hủ của tâm linh. Ngạn ngữ có câu “sống gửi thác về”. Quá trình của mỗi sinh mệnh, khởi đầu bằng sinh, trong sinh đã tiềm phục “tử”. Nó chẳng khác chi ngày với đêm, hoàn toàn là chuyện rất thường. Sống thì tận nhân lực lo toan ưu hoạn, không sợ khó nhọc, chết thì về cõi khác. Người phương Tây lúc chết, thân nhân để tang bằng khăn đen, linh sàng toàn một màu đen vì họ nghĩ chết là đen tối, tuyệt vọng bi ai. Người Việt lúc chết thân nhân để tang bằng khăn trắng, linh sàng bày biện màu sắc rực rỡ, màu trắng đại biểu cho quang minh, thuần khiết đem mọi nỗi thê thảm trong trắng hóa khiến cái chết không còn là một điều đen tối tuyệt vọng nữa.

Gậy thần của Tản Viên có một đầu sinh một đầu tử để sinh sinh hóa hóa, tử để hóa chứ không tiêu diệt. Các cụ già cứ đến tuổi 60 là bảo con cháu mua cái hòm để sẵn trong nhà làm cỗ hậu, ngày ngày các cụ sáng tối vừa uống trà vừa lau cho bóng cỗ hậu như luôn luôn sẵn sóc nhà mới mà mình sắp tới ở.

Vương Long Khê đời Tống viết trong sách “Long Khê ngữ” rằng: “Sinh tử như trú dạ, nhân sở bất miễn tứ thời chi tự thành công giả thoái, nhân sinh thiên địa gian, thử thân đồng ư đại hư, nhất nhật diệc khả bách niên diệc khả”, nghĩa là: Lễ sống chết ở đời như ngày với đêm, như bốn mùa thay đổi, hoàn thành nhiệm vụ rồi đi, con người sinh ra trong trời đất cái thân này đồng với đại hư không, một ngày cũng tốt mà trăm năm cũng xong. Câu nói ấy bắt nguồn từ triết lý nghề nông mà ra vì nông nghiệp vốn là sự nghiệp gắn chặt với chữ thời. Thiệu Nghiêu Phu (danh nho đời Tống) lúc sắp chết còn nói chuyện hài hước vui như pháo nổ.

Lục Tượng Sơn (danh nho đời Tống) biết mình sắp chết, ông đi tắm gội mặc quần áo tề chỉnh xong ngồi nghiêm trang chờ phút lâm chung. Chu Hối Âm (danh nho đời Tống) trước khi thở hơi cuối cùng

thấy bốn phương trời sáng rực. La Cận Khê (danh nho đời Tống) lúc chết bảo học trò: “Thần thông biến hóa là chuyện dị đoan, thầy đây chỉ bình bình một người thường và thầy thích như thế”. Cao Bá Quát vươn cổ cho đao phủ chém mà vẫn còn làm thơ rồi ngâm vang lên. Do tinh thần không có quan niệm về sự chết nên người nông dân Việt lập bàn thờ tổ tiên phụng dưỡng như lúc ông bà, cha mẹ còn sống và đời đời kiếp kiếp nối nghiệp tiên tổ. Nỗi đau khổ nhất của người sắp từ bỏ cõi trần là không thấy có ai nối dõi, chứ không đau khổ vì bản thân mình.

*

Nhà Nho nước ta thường áp dụng chính trị gốc ấy là liên kết và giáo hóa tinh thần nông dân của dân tộc để thực hiện 4 công tác:

- *Dĩ nông dân vi thiên địa chi tâm* (Lấy nông dân làm con tim của trời đất).

Lòng em có đất có trời

Có câu nhân nghĩa có lời hiếu trung

- *Dĩ nông dân vi đại địa chi tử* (Lấy nông dân làm con yêu của đất lớn).

Lạy trời mưa thuận gió đều

Cho đồng lúa tốt cho chiều lòng em

- *Dĩ nông dân vi tinh thần chi thực thể* (Lấy nông dân làm thực thể của tinh thần)

Nhác trông sao Đẩu về Đông

Chị em ra sức cho xong ruộng này

Lấm lem tay cặm chân cày

Hay trồng cây ngọc có ngày hữu thu

- *Dĩ nông dân vi an định chi lực lượng* (Lấy nông dân làm lực lượng nền móng)

Nông nghiệp là cái gốc của một nước.

Sách “Luận Ngữ” chép:

Ông Tử Lộ theo thầy học là Khổng Phu Tử, gặp một ông lão nhà quê đứng bên đường, mới hỏi: “Cụ có trông thấy Phu Tử không?”. Ông lão đáp: “Chân tay chẳng chịu làm việc, ngũ cốc chẳng biết phân biệt, có gì đáng gọi Phu Tử?”. Nói rồi chống gậy đi. Ông Tử Lộ chấp tay vái.

Ý “Luận Ngữ” muốn bảo người đọc sách không thoát ly sản xuất.

Nông dân Âu Châu từ xưa đã tập trung vào những nông trường lớn mà thời Trung Cổ gọi là lãnh thổ của quý tộc hay tăng lữ (manoir) để chịu cái kiếp nông nô. Nông nô nếu không được lãnh chúa cho phép thì không bao giờ có thể bỏ thái ấp này sang thái ấp khác. Nông nô

chỉ được làm những gì lãnh chúa ra lệnh. Tất cả tài sản của nông nô từ cái bàn, cái ghế, cái giường đến thúng thóc đều là của lãnh chúa. *Còn người nông dân Việt sống với mảnh đất, mảnh vườn nhỏ tự canh tác mà ăn, làm chủ mảnh đất mảnh vườn đó để đại biểu cho cái tâm của đất trời, làm con của đất ruộng cha ông đóng góp vào thực thể tinh thần dân tộc và đoàn kết, chung đức nên lực lượng an định cho đất nước, hàng triệu mảnh đất, mảnh vườn nhỏ này chính là một pháo lũy quốc phòng hàng hàng lớp lớp vững mạnh cả mấy ngàn năm.*

Giặc định phá hoại nông thôn?

Nông dân đã có quá nhiều kinh nghiệm với mọi nỗi ưu hoạn.

Giặc định khống chế sinh hoạt?

Nông dân vốn không bao giờ sợ tân khổ, sẽ chiến đấu dù hoàn cảnh ngặt nghèo đến mấy.

Giặc định đem cái chết ra dọa nạt bằng khủng bố, tàn sát tập thể?

Nông dân chẳng hề có mấy may quan niệm về sự chết thì đâu có sợ chết, đã không sợ chết thì đem cái chết ra đe dọa sao được.

Chống với mọi loại giặc, nông dân luôn luôn có thái độ thật lì:

Dù ai nói đông nói tây

Lòng ta vẫn vững như cây giữa rừng

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

Lòng ta đã quyết thì đánh

Đã dẫn phải dẫn cả cành lẫn cây

Pierre Gourou nhận xét:

“Hãy nhìn sự bành trướng mở mang của dân tộc Việt trong lịch sử, với ruộng lúa xanh ngắt, làng xã khắp nơi với những con người quen bám chặt lấy đất cùng nền văn hóa nông nghiệp kiên toàn. Giống như loài hà ngoài biển tới đâu là sinh sôi nảy nở gắn chặt lấy đó, xúm xít lại không cách gì làm cho nó rời ra. Rồi một lối sống được xây dựng chặt chẽ. Bởi vậy, dân tộc Việt, mặc dầu đã nhiều lần trong quá khứ bị giống Chàm thiện chiến, hung tợn đánh bại, nhưng kết cuộc dân tộc Việt đã tiêu diệt giống nòi Chàm. Đến nay, vết tích Chàm gần như mất hẳn, trong khi lối sống Việt đã tràn ngập, chỉ còn lại ít khác biệt còn có thể nhận thấy trên hình thù phần mộ, kiểu mái nhà ở và các loại cây mang tính chất địa phương mà thôi”.

Sức mạnh của nông dân vốn tiềm ẩn như sức mạnh của đất, trông ngoài có vẻ vô lực mà kỳ thực lại là địa lực, có vẻ yếu mà rất khỏe, có vẻ nhát mà rất gan, xưa nay chiến sĩ thường 80% thuộc thành

phần nông dân. Trong khi dân du mục tác chiến trông thật là cuồng phong bạo vũ nhưng chỉ được lúc đầu, không có sức chịu đựng bền bỉ. Lý tất thắng là thế, chỉ còn chờ thêm cái thế thắng nữa thôi.

*

Đạo nông nghiệp, văn hóa nông nghiệp nay đứng trước sự thách đố của văn minh Âu Mỹ và cái đạo công thương nghiệp với tinh thần cạnh tranh bất cố nhân nghĩa thì sao?

Vấn đề đặt ra là:

Đừng để đạo công thương nghiệp phá hoại nền móng văn hóa nông nghiệp và cái đạo nông nghiệp bằng sự phủ nhận hoàn toàn giá trị cũng như ý nghĩa. Nhưng ngược lại, không nên độc tôn văn hóa nông nghiệp mà bài xích mọi giá trị cũng như ý nghĩa cần thiết của công thương nghiệp. Hãy tận lực mà học cho kỹ phương pháp tính và tổ chức tính của văn hóa công thương nghiệp để có thể khai thác tối đa những khả năng vật chất cho sinh hoạt.

Đa số khi nói đến ruộng đất thường nghĩ ngay đến danh từ lạc hậu, khi nói đến nhà máy kỹ nghệ thường nghĩ đến danh từ tiến bộ. Sự thực lạc hậu hay tiến bộ không quá đơn sơ sức nổi như vậy. Ở văn minh công thương nghiệp tiến bộ, người ta tìm thấy nào khoa học, số học và “logique học” rồi đến vật lượng, lực lượng và tốc xuất. Nhưng quả tình là người ta không sao tìm thấy vẻ trang nghiêm trong “logique học”, âm tiết hòa trong số học và tính tình ôn hậu trong khoa học. Ở văn minh công thương nghiệp tiến bộ, sinh mệnh bị vật lượng, lực lượng và tốc xuất chèn ép đến nỗi ngột thở. Quay cuồng vào cơn lốc sản xuất thật nhiều, tiêu thụ thật nhiều, sản xuất thật nhanh, tiêu thụ thật nhanh. Lẽ ra vật lượng phải làm cho sinh mệnh sung túc thành thoi trái lại vật lượng quay cuồng vào cơn lốc kia lại làm cho sinh mệnh dễ lâm vào khủng hoảng và luôn luôn khẩn trương. Sau một thế kỷ say văn minh, các kinh tế gia, triết gia và trí giả bây giờ đang phản tỉnh để đặt lại toàn bộ mọi vấn đề, hết cả tin tưởng lạc quan như trước đây. Họ cảm thấy nỗi lo âu (angoisse), họ chán ngấy sự vội vã và mong mỗi được có những phút thành thoi, ninh tĩnh.

“Logique học” của văn hóa công thương nghiệp đang cần có cái lý “dị giản” của văn hóa nông nghiệp để cho nó được trang nghiêm, để nó tự giảm bớt sự quá chuyên chú vào việc theo đuổi vật chất mà quay về với việc di dưỡng và tác nhân.

Toán số học của văn hóa công thương nghiệp đang cần có con tim của đạo nhân, của văn hóa nông nghiệp để nó thành âm tiết (điều độ nhịp nhàng cho con người trở lại cùng tâm linh và tình cảm).

Khoa học của văn hóa công thương nghiệp đang cần cái đạo trung thứ của văn hóa nông nghiệp để cho đời sống có tính tình ôn hậu. Chính trị học của văn hóa công thương nghiệp đang cần triết lý được lòng người thì thắng, mất lòng người thì bại, không lấy người làm đối tượng thù hận để cho chính trị bớt tàn nhẫn.

Những danh từ “lạc hậu, chậm tiến” chỉ nhằm mục đích gây mặc cảm nhiều hơn là đánh giá thực trạng một cách tuyệt đối khách quan, rơi vào mặc cảm đó tức là rơi vào bẫy.

Theo sử gia Oswald Spengler: “Mỗi nền văn hóa đều có riêng văn minh của nó”. Vậy thì nếu phải cần một biến đổi nào thì chỉ là sự thích ứng với thời đại thôi.

Cuối thế kỷ 19, nước Việt thua Pháp trước sức hùng mạnh của máy móc, súng ống tối tân. Tuy nhiên, cái thua đó giống như thành Rome xưa kia đã bị đàn voi của Hannibal dày xéo. Rome thua chẳng phải vì voi là một sức mạnh không có gì chống lại được mà là tại người thành Rome đã không hề có một quan niệm rõ rệt nào để chống lại sự bất ngờ này. Chỉ có thể thôi.

Những quy luật chính trị trong sử Việt

LỊCH SỬ VÀ CHÍNH TRỊ

*Việc muôn năm trước lắm người đương
Việc muôn năm sau nhiều kẻ nối
Non sông không thiếu khách tri trượng
Vận mệnh phần tay ai giềng mối
Thái Địch*

Tư tưởng chính trị không thể hoàn toàn độc lập với thực tiễn cũng như không hoàn toàn là một tên nô lệ cho thực tiễn, vậy thì hành động chính trị phải gắn liền với thực tiễn nhưng tuyệt đối không chỉ là tay sai của thực tiễn.

Làm sao có thể cứ nhất định muốn xây dựng một chế độ mà chẳng thèm ngó ngàng đến những điều kiện khách quan của một vị thế, của một thời đại nói chung là toàn bộ một thực tiễn trước mắt. Tuy nhiên, nếu chịu bó tay qui hàng thực tiễn thì chính trị tất sẽ mất luôn sinh mệnh.

Hãy dấn thân vào trong cuộc và hãy chọn cái đạo trung dung, vừa “thời trung” là nhận thức chính xác thực tiễn lại vừa “doãn chấp quyết trung” là chấp nhận thừa tiễn để biến thực tiễn thành có lợi cho cuộc đấu tranh. (C'est dans la zone intermédiaire que se développe la pensée politique qui exprime à la fois le conditionnement et la liberté de la réflexion humaine- Raymond Aron).

Mỗi hoàn cảnh đều dành ra một khoảng trống cho sự chọn lựa và khoảng trống đó rất hạn chế. (Une situation laisse toujours une marge de choix et la marge n'est jamais illimitée). Hạn chế bởi những yếu tố khách quan.

Ngô Thời Nhiệm trả lời Đặng Trần Thường rằng: “Gặp thời thế thế thời phải thế”. Một câu ấy là đủ để nói rõ mối liên hệ giữa lịch sử và chính trị.

Lịch sử là một cuộc đối thoại bất tận giữa quá khứ và hiện tại, trong đó hiện tại là kẻ chủ động của cuộc khảo luận bằng những hành động chính trị đang có. Nhưng lịch sử đã qua mãi mãi mang nhiệm vụ giáo huấn. Những kẻ đang sống tìm trí thức trong quá vãng,

không phải chỉ để thoả mãn ý muốn hiểu biết, mà cốt là để làm giàu cho trí tuệ đấu tranh hiện tại, cốt là để rút tỉa nhiều bài học hữu ích. Lịch sử là chính trị đã qua, chính trị là lịch sử hiện tại. Hiện tại, chính trị còn gọi là thời thế đúng như cái nghĩa thời thế thế thời phải thế. Thời thế như Tibor Mende viết: “Ce monde n’était plus le même que celui où ils étaient nés, un autre avait pris sa place”. (Thế giới này không còn là thế giới của lúc họ mới sinh ra, một thế giới khác đã thay nó rồi). Thời thế chẳng những phải hiểu là hiện tại sự thực mà còn cần được nhìn vào vị lai biến hóa nữa.

Thời thế như kinh Hoa Nghiêm nói là “cái võng cảnh Đà La” trùng trùng điệp điệp mỗi loại sự vật trên thực tế có một cái thế, rồi tất cả hợp lại thành một đại thế.

Sách “Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa” mở đầu bằng câu: “Phù đại thế trong thiên hạ” ngụ ý chỉ trạng huống của thế giới thực tế trong một thời nào đó.

Thời Nghiêu Thuấn thì áp nhượng, chấp tay lại nhường ngôi cho nhau, nhưng thời Thang Vũ lại vũ trang chu diệt để lật đổ một triều chính.

Bởi vậy tư tưởng chính trị cần linh hoạt như Trình Minh Đạo nói:

Tâm thông thiên địa hữu hình ngoại

Tư nhập phong vân biến thái trung

Chính trị cũng như gió như mây thường trực biến thái, nếu tư tưởng mà không nhìn thấy những biến thái đó thì làm sao hành động cho đúng.

Dịch Kinh viết: “Dữ thời giai hành” (đi kịp với mọi biến chuyển của thời)

Vận mệnh phần tay ai giềng mối có nghĩa là nắm được giềng mối của vận động lịch sử. Muốn nắm được giềng mối ấy thì phải biết cái thế chính trị thời đại.

Triết lý về “thế” thật rất thâm ảo, bao la quán triệt. Người ta nói: “Thế nó phi như vậy”, lý cố nhiên là như thế, thế đấy, cái thế của tôi rất khó và còn rất nhiều câu có liên quan đến chữ thế nữa, thật khó lòng mà tìm thấy ngôn ngữ của dân tộc nào lại quan tâm đến vấn đề thế như dân tộc Việt.

Có lý cũng không bằng có thế, mặc dầu lý với thế vẫn phải đi đôi với nhau. Có lý rồi đấy nhưng sự vật trên thực tế chưa chắc đã có, phải đợi đến lúc có cả thế nữa rồi sự vật mới sản sinh. Tỉ dụ: cái lý của chiếc máy bay người ta đã nghĩ đến từ lâu rồi, tuy nhiên, cả bao năm phi cơ mới được thực hiện nhờ cái thế kết hợp bởi chất kim khí nhẹ

để làm thân phi cơ, nhờ nhiên liệu mới khám phá ra máy nổ v.v... Rồi khi đã hội đủ khí thế thì ngành hàng không phát triển thật mau chóng từ cánh quạt sang phản lực, từ bé nhỏ cỡ chừng vài trăm ký sang đến cả trăm tấn.

Tỉ dụ: Kháng chiến Algérie đánh Pháp trải nhiều lần thất bại phải chờ đến lúc Ai Cập có cách mạng và Pháp thất trận ở Đông Dương cộng với phong trào giải phóng thuộc địa trên thế giới, lại nhờ vào Đông Dương còn tiếp tục chìm ngập thêm một cuộc chiến tranh khác, nên Algérie từ giành độc lập chuyển rất nhanh sang một trung tâm hội nghị của các quốc gia chống đế quốc và không liên kết.

Hegel bảo: “Tất cả những gì tồn tại được đều phải hợp lý”. Câu này có thể nói thêm rằng: “Tất cả những gì tồn tại được không những phải hợp lý mà còn phải hợp thế, chỉ hợp lý mà không hợp thế thì khó lòng tồn tại”.

Trên thế gian này có biết bao nhiêu loại xã hội, mỗi xã hội đều mang cái lý của nó. Nếu nói phần lý không thôi thì lý bất quá chỉ là lý, trên thực tế nó chưa đủ những yếu tố cần thiết để tồn tại, nó còn cần được gắn liền hoặc liên quan đến một cái thế nữa mới xong. Chế độ của Fidel Castro chỉ có thể tồn tại cô đơn ở Châu Mỹ La Tinh nhờ cái thế sống chung hòa bình Nga-Mỹ. Ngày nào cái thế sống chung chấm dứt tất chế độ xã hội hiện tại của Cuba sẽ phải biến thành một chế độ xã hội khác cho hợp với thế mới. Chế độ Allendé tại Chí Lợi đã chuyển vào thế khác kể từ sau cuộc thử thách thành công của phe “Peronist” tại Á Căn Đình khi người ta không còn lo sợ những biến đổi ở Chí Lợi có thể làm tình hình ở Á Căn Đình ung thối luôn, khi người ta tin chắc chế độ Péron đã có khả năng giữ vững Á Căn Đình không để lợi thế rơi vào tay tả phái.

Lão Tử nói: “Vi giả bại chi, chấp giả thất chi”. Câu này nghĩa rộng của nó là: Một cái thế chưa đến chỉ dựa vào nguyện vọng của một số người để cầu thực hiện một sự vật tất bất năng thành công, tức là vi giả bại chi. Thế đã đi, thế đã mất, chỉ dựa vào nguyện vọng của một số người để mong ngăn không cho một sự vật tiêu diệt thì cách gì mà ngăn nổi, tức là chấp giả thất bại.

Việc làm của Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi cùng việc Cần Vương của đám văn thân khả dĩ gọi là “chấp” vì muốn xây dựng lại những gì mà cái thế đã hoàn toàn mất. Cũng như tài phiệt thực dân Đông Dương năm 1945 muốn Đông Dương lại trở về chế độ thuộc địa cũ.

Việc làm của Nguyễn Thái Học trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái và việc làm của Nguyễn An Ninh khả dĩ gọi là vi giả bại vì lẽ thế chưa đến.

Trước sau chỉ là một hành động yêu nước anh hùng, lý thì thừa mà thể không đủ.

Xã hội hảo hay hoại đều tồn tại bằng lý và bằng thể của nó. Nếu chưa thay đổi được cái thể thì dù trên lý và trên thực tế nó là hoại rồi đấy nhưng nó vẫn tồn tại. Ấy hể mà thể biến thì chỉ sớm chiều là thay.

Trang Tử nói: “Phù thủy hành mạc như dụng châu, nhi lục hành mạc như dụng xa, dĩ châu chi khả hành ư thủy dã, nhi cầu suy chi ư lục tắc một thể bất hành”, nghĩa là: Đi dưới nước không gì hơn thuyền, đi trên bộ không gì hơn xe, nay mang thuyền lên trên bộ mà kéo thì nó chẳng đi. Thế cũng ví như trên bộ hay dưới nước đối với thuyền hay xe vậy. Không có thể tất nhiên bất thành. Thế ở đâu mà tới? Ở hoạt động lịch sử đó.

Lịch sử là bộ phận chủ yếu để tạo thành thể. Trong lịch sử có nhiều sự việc, mỗi sự việc đều dựng nên một cái thể. Đành rằng sự việc lịch sử đã qua đi không hiện trở về nữa nhưng không tái hiện không có nghĩa là vô hữu, nó còn mang bất khả cải và mang sức ảnh hưởng lớn nữa.

Cuộc kháng chiến chống Pháp, từng chi tiết đều có dấu tích của quá vãng lịch sử kể từ Gia Long sai con là Hoàng tử Cảnh qua cầu cứu Pháp với cố Bá Đa Lộc.

Người xưa nói: “Phát tự cổ chi u tình” nghĩa là: Phát hiện những tình u ẩn của lịch sử.

Đất đỏ trời xanh, giữa một ta
Chung quanh vẫn của nước non nhà
Theo đường tiên mở đem chiêm xuống
Vạch lối rồng xây lấy ngọc ra
Tim óc xoay vần được tuế nguyệt
Tay chân tạo tác nổi sơn hà
Đấy ai suốt hết thần cơ nhỉ
Tảng đá đầu ghènh chốc nở hoa

Phát hiện những tình u ẩn của lịch sử để làm gì? Để hoàn thành sứ mạng: “Thừa bách đại chi lưu nhi hội hồ đương kim chi biến” (Thừa kế việc của trăm đời để mà đương đầu với cái biến trước mắt).

*

Lịch sử và cái thể chính trị hiện tại thế nào?

Chúng ta hãy mở lại những bản đồ của tổ tiên, của cận đại và của hiện đại để mà tìm câu trả lời.

Trước hết nó bắt đầu bằng cuộc cách mạng công nghiệp (révolution

industrielle) tại Âu Châu. Với cơ khí và phương pháp tổ chức các lực lượng sản xuất, người Tây Âu một giờ làm việc sản xuất gấp 20 lần một giờ làm việc của người Nga, người Ấn, người Trung Hoa. Nhờ thế, dân Tây Âu đã có đủ số thời gian nhàn rỗi để thực hiện ít nhiều tự do chính trị. Sức máy và sản xuất càng mạnh lên, Tây Âu phát triển thế lực ra bên ngoài, ban đầu là các quốc gia lân cận rồi lan đi khắp thế giới. Từ đời Louis 13 (1643) đến trận đánh Trafalgar (1803), dân số Âu Châu chỉ tăng thêm 60 triệu thêm vào 100 triệu đã có. Nhưng từ ngày Robert Fulton thí nghiệm máy hơi nước lần đầu tiên trên sông Seine đến khi anh em nhà Wright thử máy bay (1903) thì dân số Âu Châu được tăng vọt gấp ba lần hơn 400 triệu. Trong khi dân số Á Châu tuy vẫn nhiều gấp đôi dân số Âu Châu nhưng vì không có những phương tiện kỹ thuật để cải tiến kinh tế nên Á Châu trở thành mồi ngon nguyên liệu cho kỹ nghệ Âu Châu. Kỹ thuật mới lúc chiến tranh “Napoléon” chấm dứt chỉ mới phồn thịnh ở Anh Quốc, tiếp tới nó truyền vào lục địa thay đổi Đức Quốc, Bắc Âu lần lần tới biên giới Nga và qua Bắc Mỹ Châu, âm vang của nó còn khuấy động cả Nhật Bản nữa.

Nguyên liệu mỗi ngày mỗi thiếu, xâm lược và thực dân địa là những gì kỹ thuật mới đòi hỏi phải cung cấp cho nó. Thế là Phi Châu vụn vụn trong thời gian 20 năm của cuối thế kỷ 19 bị người da trắng chia nhau cắt từng miếng như chiếc bánh ngày sinh nhật. Sau đây là Á Châu, việc Nhật dễ dàng đánh bại Trung Hoa (1894) đã ngậy lên mùi xác chết lôi kéo lũ kên kên ào ào vào đây đòi quyền đoạt lợi, tác oai tác phúc. Người da trắng là vua của trái đất khi thế giới chuyển vào thế kỷ 20 (Le siècle approchait de son terme et l'homme blanc était roi - Tibor Mende). Họ bần bạc và chia chác với nhau cả trái đất. Anh Quốc cai trị đất đai rộng gấp 140 lần chính quốc. Bỉ Quốc cai trị vùng đất lớn gấp 80 lần nước Bỉ. Đế quốc Hòa Lan cai trị khu vực to gấp 60 lần nước Hòa Lan. Lá cờ Bồ Đào Nha cắm trên vùng đất rộng gấp 20 lần so với chính quốc. Tổng cộng cả Anh, Pháp, Nga của triều đại quân chủ Tsar chiếm hết quá nửa hoàn cầu. Dân bản xứ bị đập dẹp dưới gót giày đế quốc, nhất là Anh Quốc với thái độ cao ngạo khinh rẻ bậc nhất, đến nỗi chính báo chí Âu Châu còn phải lên lên:

“L’arrogance et la mauvaise foi des Anglais l’ont rendu intolérable à tous” (Trích “Liberté” ngày 3-11-1899).

Nhưng sự lạ kỳ về mức lớn mạnh do kỹ nghệ thúc đẩy phải dành cho Hợp Chúng Quốc. Trong vòng non một thế kỷ, dân số Hợp Chúng Quốc vọt lên từ 4 triệu đến 76 triệu vào đầu thế kỷ 20. Kỹ nghệ có sức mạnh như hơi nổ, ồ ạt một cách rất Mỹ. Thành thị mọc lên như

nắm làm mất hẳn bộ mặt chủ nghiệp trước đây lúc mới di dân khiến cho Hợp Chúng Quốc rất nhanh chóng bước lên hàng đầu thế giới về mặt kỹ nghệ và đứng vào hạng cường quốc bậc nhất bỏ lại đằng sau đế quốc to lớn Tây Ban Nha vốn là quốc gia khai thác châu Mỹ trước tiên. Tuy nhiên, Hợp Chúng Quốc vẫn chưa tranh được ngôi bá chủ của Âu Châu. Năm 1890, nông phẩm Mỹ mới có 3% và dụng cụ chế tạo Mỹ mới có 6% đem xuất cảng.

Ở Âu Châu, nội bộ đế quốc bắt đầu bất ổn. Nước Anh dầu vẫn mạnh nhất nhưng có nhiều nước khác trên đà phát triển đe dọa ngôi tôn ấy. Đức Quốc do chính sách sắt máu của Bismarck đã thống nhất, thêm với hệ thống đường sắt nối liền các quốc gia châu Âu thành ra mối lo ngại của Anh, Pháp. Xa hơn nữa về phía Đông, dưới sự điều khiển của nội các Witte, Nga Quốc khởi sự áp dụng kỹ thuật vào kinh tế, thứ kỹ thuật từng đưa Tây Âu nắm bá quyền thế giới. Báo chí Anh tỏ vẻ lo ngại sự bành trướng của Nga sang Á Châu. Tuy nhiên, Tây Âu vẫn còn là trọng tâm của sinh hoạt kinh tế và chính trị. Pháp quốc sản xuất 1,7 triệu tấn thép, Anh quốc sản xuất hơn 5 triệu tấn, Đức quốc riêng nhà máy Krupp sản xuất 7,3 triệu tấn. Cách ít lâu sau, Mỹ quốc sản xuất 13,4 triệu tấn. Rõ ràng trong tương lai, Mỹ sẽ là quốc gia khổng lồ có nhiều triển vọng nhất. Nhưng khả năng kỹ thuật, khả năng nắm quyền kiểm soát nhiên liệu và khả năng thương trường Anh- Pháp vẫn dẫn đầu. Năm 1900, tỷ lệ xuất cảng Anh cho mỗi đầu người là 7 đồng liu (livres), Pháp 4 đồng liu, Đức hơn 3 đồng liu, Mỹ chỉ mới 3 đồng liu thôi. Hàng Anh còn là hàng tốt nhất. Anh bán ra ngoài nước một số máy móc nhiều gấp hai lần rưỡi Pháp. Mỹ gần ngang với Anh về xuất cảng cơ khí nhưng về thương thuyền thì Anh lại vượt trội hơn tất cả bằng 10 triệu tấn trọng tải của thuyền bè được ghi nhận chính thức so với 2 triệu của Đức, 1 triệu của Pháp. Mỹ thì chưa có gì. Việc chuyên chở trên hoàn toàn cầu gần như ở trong tay Anh quốc bao thầu hết. Gia súc, lúa mạch Á Căn Đình, bông của Ai Cập, mía của Java đều theo tàu Anh sang Âu Châu. Tập đoàn tài chính Âu Châu nắm giữ mọi then chốt thương mại quốc tế. Họ muốn bóp chết khu vực nào tất khu vực ấy phải chết. Tất cả để phụng sự người da trắng, từng giải đất rộng mênh mông chịu đói, chịu khổ, chịu chết bệnh tật để cho Âu Châu phồn thịnh huy hoàng. Nơi nào nổi dậy chống cự, khối da trắng liền cấu kết với nhau dập tắt ngay. Tỉ dụ: vụ Nghĩa Hòa Đoàn bên Trung Hoa giết vài người Âu ở Bắc Kinh. Lập tức các nước Âu họp lại tiến hành tức khắc một cuộc hành quân trừng phạt mà báo Times của Anh thời đó đã viết như sau: “Trong những điều kiện hiện thời, đường lối của chúng ta phải thật rõ ràng.

Dĩ nhiên chúng ta không trừng trị bọn tiểu lại để cho chúng biết sự khùng bố của người Âu ghê gớm như thế nào mà hãy lôi mấy tên to đầu ra hỏi tội, in vết tích khùng bố lên đầu chúng để cho cả nước Trung Hoa biết từ nay chẳng có thứ quyền hành nào của nước họ có thể cứu họ khỏi bị trừng phạt một khi họ dám hỗn hào với người Âu Châu”.

Những việc làm tương tự được nhà văn Rudyard Kipling xưng tụng là: “Sứ mạng khó nhọc của người da trắng” (The white men’s burden). Phần người dân Anh, toàn thể đều mang niềm tự hào: “Thật là hạnh phúc cho chúng ta được sinh ra làm con dân Anh quốc” (Quel bonheur pour nous d’être nés sous l’égide de ce nom).

Tóm lại, lịch sử cận đại của nhân loại là lịch sử của Âu Châu phát triển làm cho thương nghiệp càng phồn thịnh. Âu Châu trở nên quá bé nhỏ với sự phồn thịnh ấy tất nhiên thế lực của nó phải tràn ra ngoài xâm chiếm các thị trường mới ở Phi Châu, Á Châu, Mỹ Châu kiến lập nên những thực dân địa ở khắp nơi trên thế giới. Âu Châu hoàn toàn làm chủ tế sinh hoạt thế giới được non một thế kỷ. Thời kỳ này được các nhà văn, nhà báo Pháp mệnh danh là “Thời Vàng Son”. Các cơ sở tài chính của Anh Pháp chỉ hơi rức đầu thôi cũng đủ làm cả thế giới hỗn loạn.

*

Thời vàng son không kéo dài bất tận. Thủ tướng Bulow của Đức điều trần trước Quốc Hội có nhắc đến một tình thế mới mẽ đang hiện lên: “Anh em trong gia đình Tây phương không còn thuận hòa được với nhau nữa” (Les membres de la famille occidentale commencait à plus s’entendre entre eux).

Đây là một lời cảnh cáo cho biết bão tố sắp nổi dậy. Sự bành trướng thế lực thuộc địa không còn thên thang nữa thì cuộc đấu tranh giành quyền ảnh hưởng bắt đầu xảy ra giữa các cường quốc Âu Châu, nó âm ỉ tự sắp xếp thành chiến tuyến. Chẳng những chỉ có xung đột giữa các nước mà còn có cả xung đột nội bộ.

Tháng 8 năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ tạo ra mấy biến động lớn:

- a) Chấm dứt độc quyền bá chủ của Âu Châu đưa Hoa Kỳ lên ngôi minh chủ.
- b) Cuộc cách mạng xã hội thành hình tại Nga năm 1917.
- c) Một đế quốc Á Châu xuất hiện: Nhật Bản.

Thế chiến thứ hai chấm dứt, Âu Châu chỉ còn là hình hài của một lão già trác táng ốm yếu. Mỹ quốc thừa kế hết vinh quang của Âu Châu

lúc trước. Nga Sô viết đứng vai trò lãnh đạo của đám quần chúng bất mãn trên toàn thế giới.

Ở kinh tế có một luật tắc áp dụng cho cả anh bán hàng xén lẫn quốc gia đó là nếu tiêu thụ nhiều, sản xuất ít, ăn quá số tiền kiếm ra ắt hẳn lụn bại.

Bằng hai trận chiến tổng cộng kéo dài hơn mười năm tổn phí, tàn hoại, các quốc gia Âu Châu cơ hồ kiệt quệ. Sau đệ nhị thế chiến, Âu Châu chi nhiều hơn thu, ngân quỹ đầy những lỗ hổng rất lớn. Trước kia oai hách bây giờ phải vượt Đại Tây Dương ăn mày đô la mong che lấp tình cảnh bệ rạc. Họ như kẻ tàn phế khắp khểnh chống vào đôi nạng viện trợ Mỹ. Trong khi kỹ nghệ Hợp Chúng Quốc phát triển thật sấm sét, khoảng năm 1950, theo thống kê, tỷ lệ cứ một người sống ở thôn quê thì phải có hai người sống ở thành thị. Chiến tranh đã làm lực lượng sản xuất kỹ nghệ và mức sống của Hoa Kỳ vọt lên như tên bắn, mức sống của dân Mỹ cao nhất thế giới. Với sức mạnh của Samson, Hoa Kỳ có thể dễ dàng gây khủng hoảng kinh tế cho toàn trái đất bất cứ lúc nào.

Tại hội nghị Yalta, Staline đã nói với tổng thống Hoa Kỳ Rooveselt: “Dù Hiệp Chúng Quốc có muốn hay không, họ bây giờ là một đại cường quốc của thế giới, họ phải chấp nhận trách nhiệm chính trị trên cái cờ thế giới của họ. Nếu không có họ can thiệp vào hai cuộc thế chiến thì có lẽ Đức không thua. Nói trắng ra, lịch sử trong vòng 30 năm trở lại đây, nước Mỹ đã vượt xa các nước khác để làm quen với thế cường quốc thế giới của mình”.

Câu nói ấy nay đã trở thành một sự thật hiển nhiên. Với 200 triệu so với gần 3 tỷ con người trên trái đất, dân số Mỹ chẳng đáng bao nhiêu. Nhưng Mỹ đã có một sức mạnh trên mọi lãnh vực, thứ nhất là kinh tế và quân sự. Đô la Mỹ là một thứ quyền lực tại bất cứ đâu. Quân đội Mỹ có mặt ở nhiều nơi, với không lực mạnh nhất. Hạm đội thứ 7 của Mỹ làm bá chủ toàn vùng biển Thái Bình Dương và hạm đội 6 vô địch ở Địa Trung Hải.

Chẳng khác chi một phép lạ, suốt cả thế kỷ 19 tư bản Âu Châu đổ vào đầu tư ở Bắc Mỹ để mở mang xứ này. Bước sang thế kỷ 20, với hai trận thế chiến, tình hình đảo ngược hẳn, thứ nhất là sau trận thế chiến thứ hai, vốn Mỹ tràn ngập khắp thế giới. Kinh tế của Mỹ ở hải ngoại kiểm soát gần hết những ngành kỹ nghệ quan trọng, chẳng thế mà tháng 10-1966 đại hội đảng Tự Do của Gia Nã Đại đã phải hô hào: “Chúng ta phải làm gì để ngăn cản sự kiểm soát của Hoa Kỳ?” Lúc ấy, một nửa kỹ nghệ và hơn nửa tài nguyên quặng mỏ Gia Nã Đại đang nằm trong tay người Mỹ.

Tháng 6 năm 1966, ông George C. Mc Ghee, đại sứ Mỹ ở Tây Đức phải làm bản nhận định chống lại những lời phản kháng của chính khách và phần tử trí thức Tây Đức cho rằng sự đầu tư của vốn Mỹ là một mối đe dọa cho nền độc lập kinh tế Đức. Rồi đến Bỉ, Pháp và Anh, đâu đâu cũng kêu ca lo sợ vì vốn Mỹ đầu tư, bằng cùng một luận điệu e ngại cho chủ quyền quốc gia hoặc cho rằng Mỹ chỉ biết thủ lợi không cần biết đến chính trị.

Tại nước Anh, rất nhiều nhà máy sản xuất xe hơi đã sát nhập vào những hãng Mỹ khiến cho công nhân phần nộ. Một người Thụy Sĩ giàu có với rất nhiều cổ phần trong các hãng Mỹ đã nói rằng: “Chỉ trong vòng mười năm mà nhóm áp phe Mỹ đã chiếm hết tài nguyên Âu Châu”.

Tác giả cuốn sách “L'Amérique impériale”, ông Armaury de Riencourt viết: “Le fait est que l'expansion de la puissance économique de l'Amérique a travers le monde est irrésistible”. (Sự thực là sự bành trướng thế lực kinh tế của Mỹ trên thế giới không có gì chống lại nổi).

Từ năm 1960, số vốn đầu tư Mỹ ra ngoài chừng 30 tỷ đô la, đến năm 1965 số tiền ấy tăng lên 106 tỷ, ấy mới chỉ là con số có ghi chính thức còn những con số đi đường ngang ngõ tắt chưa kể loại và sau này cũng nhiều khủng khiếp. Mọi trung tâm quyết định kinh tế của thế giới tự do bằng cửa này hay cửa khác, đều chuyển về Hoa Kỳ. Một nửa số xe hơi sản xuất ở Âu Châu do vốn Mỹ, phần ba kỹ nghệ dầu hỏa Anh quốc và thị trường chung Âu Châu nằm trong tay Hoa Kỳ. Hàng chục ngành khác như vỏ ruột xe, dao cạo, máy khâu, hóa chất v.v... do tư bản Mỹ điều khiển.

Dù tức giận vì tự ái quốc gia bị thương tổn nhưng các tay tư bản Âu Châu vẫn phải luôn luôn xin Mỹ tiếp tay, kinh tế vẫn theo quy luật khách quan mà!

Ngày 17 tháng 1 năm 1967, bộ trưởng bộ thực nghiệp Anh Anthony Wedgood Benn báo cho Hạ viện biết rằng vấn đề hãng Rootes Motors (sản xuất xe hơi) lâm vào tình trạng bế tắc không giải quyết được và sự bế tắc này do lỗi chương trình khắc khổ của chính phủ Anh. Ông cũng cho hay chính phủ bảo thủ trước đây đã trói tay chính phủ lao động kế tiếp bằng việc đã để cho hãng Chrysler của Mỹ bỏ vốn một phần vào hãng Rootes. Việc ấy đưa đến chỗ cả hai hãng phải tổ hợp với nhau trên những lãnh vực quan trọng: quản trị thị trường và làm cho hãng Rootes không thể tổ hợp với các công ty khác của Anh.

Các dân biểu đưa ý kiến: Chính phủ Anh sẽ mua lại những gì mà

Chrysler đã mua của Rootes.

Bộ trưởng Benn đáp: “Nay đã muộn quá rồi, các kế hoạch của Rootes phát triển hiện giờ hoàn toàn tùy thuộc vào thỏa hiệp năm 1965 về trao đổi thực nghiệp với hãng Chrysler. Chrysler tuy chỉ có một phần hùn nhỏ nhưng họ đã nắm trọn quyền tài chính to tát. Chính phủ Anh không thể ngăn cản sự thắng lợi đã quá rõ rệt của Chrysler”.

Cuối năm ấy, báo Sunday Telegraph, khi viết về hãng Rootes đã kết luận: “Hãng Rootes trở lại hoạt động mạnh sau khi qua sự giải phẫu của Mỹ”.

Bá quyền kinh tế Mỹ làm cho Hoa Kỳ phải can thiệp vào nội chính của nhiều quốc gia. Chỉ có lục trong hồ sơ ngoại giao mới khả dĩ kể hết được những vụ can thiệp ấy, sách vở hay báo chí mới chỉ ghi được phần nào thôi.

Đế quốc Mỹ là đế quốc lớn nhất lịch sử từ ngàn xưa đến nay, nó bao la không ranh giới, khác hẳn với đế quốc Anh, Pháp trước thế lực rất hạn chế với từng khu vực, từng lãnh thổ. Còn đế quốc Mỹ, thế lực lan tràn suốt Tây Âu, Phi Châu, Á Châu, Trung Đông và Nam Mỹ Châu, Úc Châu. Đi bên cạnh đế quốc, kinh tế, chính trị là một đế quốc quân sự (empire militaire) đã khiến cho Mỹ mạnh hơn bao giờ hết so với tất cả các đế quốc đã có trong lịch sử. Một quốc gia có thể cho đến phút này hạn chế được sự xâm nhập của đế quốc kinh tế Mỹ nhưng vẫn không thể thoát được chuyện phụ thuộc vào kho vũ khí của đế quốc quân sự Mỹ. Bởi vậy, khi nói đến Mỹ, người ta không thể quên mặt đế quốc quân sự của nó.

Ngót 1/4 thế kỷ, Mỹ quốc đã hoàn thành một đế quốc quân sự và kinh tế, và đang có tham vọng tiến đến một đế quốc văn hóa (empire culturel). Ngày xưa khi tổng thống Monroe lên diễn đàn nói câu lịch sử: “Xin đừng đụng đến nước Mỹ” (Ne touchez plus l’Amérique) để thiết lập chủ nghĩa cô lập thì ngày nay lời nói bất hủ ấy lại mang ý nghĩa khác “Chớ có đụng đến nước Mỹ” để chứng tỏ sức mạnh đế quốc.

*

Liên bang Xô viết Nga bằng một hệ thống kinh tế và xã hội riêng biệt, đã lần từng bước để leo lên hàng lãnh đạo những nước sinh sau để muộn vào thế giới kỹ nghệ.

Cuối thế kỷ 19, đế quốc Nga hãy còn xác xơ chẳng hơn Ấn Độ bao nhiêu về mặt kỹ nghệ. Vài hàm mỏ để tìm các loại kim quý như vàng ngọc hay mặt đá chử chưa phải để lấy nguyên liệu cho kỹ nghệ. Chuyên chở còn cổ lỗ, mức sống rất thấp.

Năm 1903, sức mạnh máy móc Nga chỉ bằng 1/8 của Đức, 1/15 của Anh hay Mỹ. Trái lại, Nga đứng đầu nhiều nước về xuất cảng ngũ cốc với sức cồng đáng một phần ba hay hơn nữa tổng số nhập cảng thực phẩm của Tây Âu. Nga phải nhập cảng tất cả các sản phẩm kỹ nghệ. Một vài kỹ nghệ tiêu thụ nhẹ như dệt vải đã được thiết lập nhưng đều do vốn ngoại quốc cai quản. Trước năm 1914, Anh, Pháp, Đức nắm giữ quá nửa số ngân hàng mở tại Nga.

Bốn mươi năm sau, Nga nhảy lên địa vị cường quốc kỹ nghệ lớn bậc nhì. Số sản xuất thép ngang của Anh Đức cộng lại. Tuy nhiên, vẫn chỉ bằng một phần ba của Mỹ. Số sản xuất than nhiều hơn Anh Pháp Bỉ cộng lại, tuy nhiên vẫn chỉ bằng một nửa của Mỹ. Số sản xuất điện lực vượt xa của Anh Pháp cộng lại, tuy nhiên vẫn chỉ bằng một phần tư của Mỹ.

Cùng một lúc với phát triển kinh tế, Nga cho gấp rút xây dựng một nền kỹ nghệ chiến tranh vĩ đại. Với thời gian 30 năm Nga đã có thể cung ứng đầy đủ cho một trong những bộ máy chiến tranh lớn nhất hoàn vũ và xây dựng một hạm đội tiềm thủy đình lớn gấp mười lần của Đức trước đây.

Nhà văn Fénelon, trong bức thư gửi cho Louis 14, có nói: “Bất cứ quốc gia nào lớn lên quá độ đều có một chính sách xâm chiếm các lân bang”. Nga cũng không đi ra khỏi thông lệ này, mặc dầu văn hào Dostoievski viết:

“Cái ý nghĩa của người Nga rõ ràng là vừa Âu Châu lại vừa toàn thế giới. Là một người Nga thật sự, là một người Nga đầy đủ thì phải thấy mình là người cha của tất cả mọi người. Nêu ra chủ nghĩa Nga Tư lạp phu (Slavophilisme) để phân biệt với chủ nghĩa Tây phương (Occidentalisme) chỉ là một sự hiểu lầm giữa chúng ta cần thiết cho giai đoạn lịch sử. Với một người Nga chân thực thì Âu Châu cũng số phận của chủng tộc “Aryen” cũng quý báu như dân tộc Nga vậy. Bởi vì số mạng chúng ta là số mạng chung của nhân loại, chúng ta sẽ không thu gom bằng gươm giáo mà bằng tình huynh đệ toàn thể loài người vào làm một”.

Nước Nga đã bành trướng thế lực của mình bằng tất cả các phương thức tàn bạo của một đế quốc và giải thích chính sách của mình bằng quyền lực luận (Power interpretations).

Staline trong bàn hội nghị tay ba ở Yalta, đã tuyên bố một cách nóng nảy khi hội nghị đề cập đến vấn đề quyền bình đẳng của mọi quốc gia trong Liên Hiệp Quốc, ông nói: “Cái nước Albania nhỏ bé ấy quyền chi mà ngang với đại cường Nga sô. Con đại bàng phải cho bọn chim nhỏ hót nhưng nó không cần phải lo ngại về việc chúng hót

cái gì?”.

Ít lâu sau, ngoại trưởng Vichinsky đập bàn quát lên với chính phủ Roumanie: “Yalta hả, Yalta là tôi” và quốc gia Roumanie từ đây rơi vào khu vực chư hầu Nga sô cùng với một số nước khác của vùng Đông Âu như Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung Gia Lợi.

Nhìn bao quát thì đế quốc Sô viết cũng lớn lao ghê gớm, nó bao trùm một đại lục chạy liền 25% đất đai hoàn cầu, kiểm soát 38% dân số và nguyên liệu và 1/3 sản lượng kỹ nghệ của thế giới.

Để kiểm soát cho được chặt chẽ ngay từ lúc đầu, Nga đã ngăn chặn khuynh hướng quốc gia bằng cách làm cho các nước chư hầu trong khối Sô viết không liên kết được với nhau, do đó, Nga khôn ngoan áp dụng phương pháp ký tay đôi khiến cho bất cứ chuyện gì của quốc gia chỉ có thể nói riêng với Nga thôi, nếu Nga không chịu là kẻ như hết bàn cãi.

Sở dĩ minh ước Bắc Đại Tây Dương hoàn thành năm 1949 mà mãi đến tháng Năm 1955 Nga mới hoàn thành minh ước Varsovie cũng chỉ vì Nga không muốn vội vã kiến tạo một phòng tuyến chính trị, quân sự khiến cho các nước chư hầu có thể mượn cớ mà đòi thêm quyền hạn, ảnh hưởng tới chính sách đối ngoại của Nga. Cho nên, tất cả những hội nghị của minh ước Varsovie chỉ là chiếu lệ chứ không tích cực cho lắm. Trên thực tế, Nga vận dụng lẽ lối trực tiếp song phương trên hàng lãnh đạo chính trị, quân sự của hai nước, như thế Nga bao giờ cũng giữ ưu thế và vẫn nắm trọn quyền chi phối hệ thống đồng minh.

Quân đội Nga đóng trên lãnh thổ các nước thuộc khối Nga được hưởng những đặc quyền có thể đem so sánh với quân đội chiếm đóng. Về mặt kinh tế chính phủ Nga cũng được hưởng những đặc lợi đối với các nước không kém gì mẫu quốc đối với các thực dân địa.

*

Hai nước Nga, Nỹ nắm trọn quyền bá chủ làm cho thế giới chính trị trở thành lưỡng cực hóa (bipolarisation) và quyền lực chính trị quốc tế đi vào khuynh hướng tập trung.

Thủ đoạn để thực hiện bá quyền ấy mang những đặc điểm sau đây:

- a) Ngụy trang và gian tạo
- b) Ấn nấp hành động xâm lược dưới hình thức tự vệ
- c) Ấn nấp hành động xâm lược dưới những lý do bất vụ lợi
- d) Dùng những hiệp ước thân thiện cốt để ru ngủ đối phương
- e) Khu vực hóa xung đột và chiến tranh
- f) Khai thác mâu thuẫn nội bộ đối phương
- g) Khai thác những mâu thuẫn quyền lợi và mâu thuẫn chủng tộc

h) Ngầm xúi giục phe bên kia nổi dậy chống bá quyền

i) Đe dọa và khủng bố

j) Bảo vệ các nước yếu để lấy cớ thực hiện chính sách xâm lược

Một mặt thỏa thuận chia nhau khu vực ảnh hưởng nhưng một mặt Nga Mỹ vẫn dùng đủ mọi cách để bành trướng thế lực tại những nơi mà sự thỏa thuận hãy còn lơ mờ hay trên những lãnh vực còn mới mẻ.

Tác giả nhiều sách chính trị nổi tiếng, ông James Burnham, đã nói về mấy nguyên tắc cơ bản của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ như sau:

1) Hòa bình không phải và không thể là mục tiêu của chính sách đối ngoại

2) Hoàn toàn hủy bỏ cái chính sách mệnh danh là chính sách bất can thiệp vào nội bộ các nước vì chính sách đó là một chính sách rỗng tuếch. Đối phó với những vấn đề chính trị của thế giới phải áp dụng lẽ lối can thiệp nhanh, mạnh, đủ.

3) Hoa Kỳ phải dùng sức mạnh, sức mạnh quân sự.

Quốc tế chính trị đã lấy chiến tranh làm trung tâm thì mọi hoạt động ngoại giao phải chịu chi phối của chiến lược. Chiến lược là biểu thị quân sự cho một đường lối chính trị nào đó. Dĩ nhiên do ảnh hưởng này mà tất cả những khu vực nào đó có liên hệ đến chiến lược quân sự quốc tế là những nơi bị nhiều tranh chấp chiến lược nhất (trường hợp điển hình Việt Nam). Đôi khi, những hoạt động ngoại giao, hòa bình hoặc ký kết đồng minh ở những khu vực này chỉ còn là tính cách thủ tục thôi, vì nhu cầu chiến lược các nước lớn có thể làm đại bất chấp dư luận cũng như bất chấp pháp lý quốc tế. Nhà ngoại giao có thêm một nhiệm vụ quan trọng khác là dẫn những ông tướng và bộ đội của nước nhà đến đóng ở một quốc gia khác với sự tiếp đón vui vẻ. Nếu không thì đã có những biện pháp bạo lực như kiểu Santo Domingo hay như số phận thủ tướng Lumumba ở Congo, vụ Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc.

*

Quan hệ chính trị lưỡng cực kéo dài gần hai chục năm, thế giới chịu sự chi phối của hai nước siêu cường Nga Mỹ.

Sau đệ nhị chiến, mở đầu là ngũ cường sắp xếp công việc. Rồi Pháp, Trung Hoa (Dân Quốc) và Anh bị gạt ra ngoài. Chính trị quốc tế lưỡng cực hóa. Mỹ đứng đầu một khối, Nga đứng đầu một khối, mỗi khối bao gồm các nước nhỏ yếu hơn, ở cùng một đường lối chính trị. Bên ngoài của nó chỉ là sự thành lập đồng minh chẳng khác chi những hiện tượng đồng minh đã từng có trong lịch sử như liên

minh chống Napoléon, hiệp ước Anti-Komintern v.v... để nhằm mục đích làm cân bằng lực lượng (diplomatie d'équilibre). Nhưng có điểm khác là liên minh với đồng minh xưa kia thường chỉ là những cam kết giúp đỡ về quân sự khi xung đột xảy ra và chỉ lúc nào chiến tranh đã thực sự bùng nổ thì những lời cam kết đó mới thi hành. Còn khối liên minh liên kết bây giờ là nhảy luôn vào cuộc tranh chấp bất kể hòa bình hay chiến tranh. Một khi hiệp ước đã ký kết là tức khắc tất cả mọi hoạt động quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội phải áp dụng theo đường lối chung của khối đồng thời tiêu diệt hết thảy những ảnh hưởng của khối kia.

Nhưng kể từ 1962 trở đi, quan hệ chính trị lưỡng cực bị đánh phá dữ dội, một là do tranh chấp Nga Mỹ phải luôn luôn muốn lấn vòng ảnh hưởng của thế lực bên này qua phía bên kia, hai là nội bộ từng khối đã có nhiều quốc gia lớn mạnh lên và muốn tránh khỏi sự lệ thuộc. Về phía Mỹ, các đồng minh Âu Châu tìm mọi cách chống lại những quyết định của Mỹ về tiền tệ cũng như về chính trị, gay gắt đến độ tổng thống De Gaulle đã buộc trụ sở minh ước Bắc Đại Tây Dương do Mỹ làm minh chủ phải rời khỏi nước Pháp.

Ông Henry A. Kissinger đã viết như sau:

“Vào năm 1949, các quốc gia Âu Châu có hai mối lo sợ: a) Nga tấn công - b) Quân Mỹ rút đi”.

Nhưng đến những năm 60 thì ám ảnh về một cuộc tấn công của Nga đã giảm thiểu rõ rệt, ngay cả đối với vụ Nga mang quân vào Tiệp cũng không khơi lại nỗi lo sợ đó nữa. Mặt khác với 20 năm đóng quân bên Âu Châu và tham dự vào mọi kế hoạch của minh ước Bắc Đại Tây Dương, Âu Châu không còn lo Mỹ bỏ rơi Âu Châu nữa vì quyền lợi Mỹ đã mắc míu khá nhiều. Khi mới bắt đầu thành lập minh ước Bắc Đại Tây Dương, mối đe dọa chủ yếu cho hòa bình thế giới khởi từ cuộc xâm lăng của Nga qua Âu Châu. Nhưng bây giờ chính Hoa Kỳ đã chứng minh cho thấy mối đe dọa ấy có thể xảy đến tại bất cứ đâu chẳng riêng gì Âu Châu. Cho nên, quan niệm Âu Châu đối với vấn đề cũng thay đổi, họ không thấy liên quan gì đến họ nếu mối đe dọa không trực tiếp ảnh hưởng đến an ninh và độc lập của xứ sở họ. Trước kia, trong những năm 50, dân Âu Châu kêu gọi sự ủng hộ của Mỹ giải quyết những vấn đề Á Châu và Trung Đông để bảo vệ những quyền lợi tối thượng của Tự Do. Mỹ đã giúp họ, đồng thời cũng cho họ biết là những quyền lợi tối thượng ấy đòi hỏi họ hãy rút ra khỏi các vùng đó. Bây giờ thì tình trạng ngược hẳn lại, Âu Châu hoàn toàn làm ngơ trước lời kêu gọi của Hoa Kỳ cho một hành động chung. Người Âu Châu thấy chẳng dính dáng gì đến họ đối với các

việc mà Hoa Kỳ bị khó khăn ở bên ngoài Âu Châu.

Âu Châu ngày nay đã lấy lại khá nhiều sức mạnh kinh tế, Âu Châu ngày nay tự tin vào sức mạnh khác hẳn những năm 50. Dĩ nhiên vấn đề thay đổi cơ cấu trong quan hệ quốc tế phải được đặt ra. Khi Âu Châu còn phải nhờ Hoa Kỳ bảo vệ kinh tế cũng như trên quân sự thì Âu Châu không thể không để Hoa Kỳ giữ địa vị bá chủ. Quan hệ của Âu Châu với Hoa Kỳ lúc đó là quan hệ của kẻ cầu cạnh hơn là quan hệ ngoại giao. Nhà ngoại giao Âu Châu phải gây được cảm tình cá nhân cho mình hơn là trông cậy vào thế lực quốc gia. Nay thì khác hẳn, Âu Châu đã phục hồi lại sức mạnh kinh tế thì chính trị phải biến đổi...

Về phía Nga, tất cả mọi hy vọng khối cộng sản là đồng nhất (monolithique) nay đã vỡ nát. Chuyện Tito ly khai từ năm 1948 chỉ là dấu báo hiệu hầy còn xa. Nay thì Albanie cũng lớn tiếng chửi Nga là lũ phản bội chủ nghĩa ấy mới thật là rối loạn. Việc tối quan trọng là quan hệ anh em Nga Hoa bị cắt đứt. Nó khởi sự kể từ ngày Krouthchev kế vị Staline và đề ra đường lối mới đấu tranh bảo vệ hòa bình. Đường lối này là kết quả của bức thư mà thống chế Boulganine gửi cho tổng thống Eisenhower cùng lúc với các nguyên thủ Tây phương đề nghị họp hội nghị thượng đỉnh. Trung Quốc phản kháng ra mặt đường lối mới của Krouthchev.

Tháng 9-1959, Krouthchev từ Mỹ về ghé viếng thăm Bắc Kinh. Trung Quốc nhìn ông bằng con mắt lạnh nhạt và nghi ngờ. Trung Quốc đã thất vọng với người anh em Nga sô. Hội đàm giữa Mao-Krouthchev rất gay gắt. Hai bên dùng những lời lẽ không mấy đẹp để nói chuyện với nhau đến nỗi chẳng bao giờ bắt tay nhau lần nào khác nữa.

Đến Đại hội cộng sản Bucarest thì tranh chấp bước vào giai đoạn quyết liệt. Ba tuần sau đại hội, chính phủ Nga báo cho Trung Quốc biết quyết định rút các chuyên viên Nga ở Tàu về nước, thời hạn rút rất nhanh. Đồng thời 343 giao kèo, 257 kế hoạch hợp tác khoa học, kỹ thuật Trung- Nga bị hủy bỏ. Nga chấm dứt cung cấp các vật dụng quan trọng để trang bị kỹ nghệ cho Trung Quốc. Vụ này cả Nga lẫn Tàu đều giữ kín bưng. Trung Cộng căm rắng chịu Nga muốn áp dụng chính sách mà Staline trước đây trừng phạt Nam Tư để buộc Trung Cộng phải khuất phục đi theo đường lối Nga. Thật là một đòn nặng cho Trung Cộng về mặt kinh tế cũng như về mặt tìm tòi khoa học. Thứ trưởng Bạc Nhất Ba trả lời ký giả Anne Louis Strong về câu hỏi liên quan đến vụ trên với giọng buồn bã:

“Chúng tôi đang tiến hành hơn 300 kế hoạch đã mấy năm trời. Bây giờ trong một tháng tất cả đều ngưng, các chuyên viên Nga về nước

mang theo họa đói, dụng cụ không được gửi đến nữa. Tình trạng không khác gì người ta đã lấy hết đĩa bát trên bàn ăn”.

Ký giả Robert Guillain qua thăm Trung Cộng (1964) tả lại cảnh thê lương đó:

“Nhiều cơ xưởng chết, trông rõ rệt vết hoang phế từ lâu, phòng ăn công nhân trống huếch trống hoác. Nhiều nhà máy hoạt động cầm chừng nên vắng vẻ, tám phần mười ống khói lò không thấy khói bay lên, những xây cất bỏ dở nửa chừng không có cửa sổ, không mái che, không sự sống”.

Các nhà lãnh đạo đỏ của Trung Quốc quyết định thà kỹ nghệ hóa chậm còn hơn van nài. Không những thế, họ còn gửi sang Nga nhiều văn thư đòi xét lại tất cả mọi thỏa ước đã ký kết giữa hai nước về việc hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật và hủy bỏ luôn quan hệ mậu dịch Nga- Hoa.

Quyết định này là một đòn trả miếng khá đau cho Nga vì nó ảnh hưởng lớn đến kinh tế Tiệp Khắc và Đông Đức.

Tiến xa hơn nữa, Trung Cộng tìm mọi cách làm giảm uy thế của Nga ngay trong các nước cộng sản, thứ nhất là các nước Á Phi để mong thay thế Nga lãnh đạo hay nói khác đi là Trung Quốc cũng muốn tự mình trở thành một đế quốc nữa. Nếu đọc bài thơ mà Mao Trạch Đông làm trước khi đánh trận Trường Sa thì thấy rõ tham vọng đế quốc hiện lên rõ ràng:

Hỡi dãy núi trùng trùng điệp điệp
Cao vòi vọi và trên đỉnh đầy tuyết phủ
Ta vung kiếm lên, đứng giữa trời bao la
Chặt người ra làm ba khúc
Một khúc ta cho Âu Châu
Một khúc dành cho Mỹ
Ta giữ lại một cho Trung Quốc
Thế giới sẽ sống yên bình
Và trái đất điều hòa nơi mưa nắng

*

Cho đến 1914, phần lớn các nước ở Á Châu và Phi Châu đều trực tiếp hoặc gián tiếp dưới sự kiểm soát của Âu Châu. Sau đệ nhị thế chiến thì tất cả đã phá vỡ xiềng xích thuộc địa (domination coloniale). Lực lượng nào là chủ chốt cho phong trào giải phóng đó?

Năm 1950, một trong những vị lãnh tụ, ông Jawahrlal Nerhu nói:

“Những nét chính của bộ mặt Á Châu ngày nay là sự phản kháng chế độ thuộc địa, sự phục sinh chủ nghĩa ái quốc, niềm hy vọng một cuộc cải cách ruộng đất, lòng nhiệt thành muốn kinh tế tiến bộ và say

mê tự do. Đấu tranh giải phóng của các nước Á Phi tất nhiên là qua nhiều gian khổ vì giải phóng khỏi chế độ thuộc địa Âu Châu là một chuyện và đương đầu với những đế quốc mới là một chuyện khác. Tỉ dụ: lúc cuộc chiến Thái Bình Dương vừa bước vào giai đoạn khốc liệt, tướng Mc Arthur đã tuyên bố:

“Âu Châu bây giờ là một hệ thống chết. Nó sẽ tàn lụi rồi rơi vào quyền thống trị kinh tế và kỹ nghệ Sô viết. Những đất đai vùng Thái Bình Dương và hàng tỷ người sẽ là yếu tố quyết định lịch sử trong tương lai cả ngàn năm”. (Europe is a dying system. It is worm out and run down and will become an economic and industrial hegemony of Soviet Russia. The lands touching the Pacific with their billions of inhabitants will determine the course of history in the next ten thousand years).

Nga cũng quan tâm tới Á Châu chẳng kém, vì Lénine, ngay từ khi mới ngồi vào chính quyền đã bảo các đồng chí của ông rằng: “Con đường đi tới Paris vòng qua ngã Bắc Kinh”.

Không phải chỉ có Nga và Mỹ có tham vọng tại khu vực Á Phi, ngày nay còn có thêm cả Trung Cộng và tàn dư của thế lực đế quốc Âu Châu trước đây.

Đại sứ Joseph Grew (Mỹ) thật đã rất sai lầm với nhận định: “Sau khi phá hủy được lực lượng xâm lăng Nhật, chúng ta không còn địch thủ nào ở Thái Bình Dương nữa. Nhật Bản là kẻ thù duy nhất của các dân tộc hiền hòa vùng Thái Bình Dương”.

Vì 24 năm sau, bộ trưởng Mc Namara đã nhận định trái ngược hẳn: “Mục tiêu dài hạn của cộng sản Trung Quốc là tìm cách ảnh hưởng vào các nước Á Phi và Châu Mỹ La Tinh để phá hoại hết thảy mọi thể thức tiến hóa hòa bình của các quốc gia trên con đường mở mang”.

Bây giờ thế giới cần phải phân biệt giữa sự bành trướng của cộng sản với bành trướng của Trung Quốc (expansion chinoise). Trung Quốc cũng như Nga sơ 20 năm trước, đầy tham vọng và đe dọa với chính sách đòi tiêu hủy nguyên trạng để thiết lập một trật tự quốc tế mới.

Hiện tại, Mao Trạch Đông đang sửa soạn thực hiện tất cả những gì viết trong cuốn “Minh Di Đài Phỏng” của Hoàng Lê Chân (cuốn sách cổ nói về chính sách đế quốc Trung Hoa).

Năm 1958, bình luận quốc gia chính trị tiếng tăm, ông Tibor Mende viết:

- Những điều kiện cho một nước để trở thành cường quốc hiện đại gồm có:

Thứ nhất: phải có chủ quyền trên một lãnh thổ hết sức rộng lớn.

Thứ hai: phải có những tài nguyên thật lớn lao về nguyên liệu và những tay thợ lành nghề.

Thứ ba: phải có khả năng chế tạo được những vũ khí đắt tiền ghê gớm và có khả năng cung cấp những sản phẩm tiêu thụ, máy móc để tranh thủ các quốc gia nhỏ yếu hơn đứng về phe mình.

Tóm lại, một siêu cường quốc ngày nay là một nước có đủ khả năng tổng hợp sức mạnh sản xuất để giúp đỡ và gây ảnh hưởng đến thái độ của nhiều nước khác. Hiện tại chỉ có Nga và Mỹ là hội đủ những điều kiện ấy thôi.

Nhưng trong tương lai không xa, sẽ còn có nhiều nước khác có thể trở nên cường quốc với đủ những điều kiện trên (Trích “Entre la peur et l’espoir”).

Mười năm sau, lời tiên đoán của Tibor Mende đã thành sự thật.

Trước tình thế mới, vị cố vấn của tòa Bạch Cung, ông Kissinger (hiện là ngoại trưởng Mỹ) đưa ra chủ trương phải chấp nhận một quan hệ đa cực cho chính trị quốc tế (multipolarité politique). Ông viết:

“La multipolarité politique nous interdit de songer à implanter partout le modèle américain. Nous devons avoir pour tâche essentielle d’éveiller la créativité d’un univers pluraliste et de fonder l’ordre international sur la multipolarité existante même si les deux super-puissances gardent leur supériorité écrasante en matière de force militaire” (Đa cực chính trị không cho phép chúng ta cứ giữ mãi cái chính sách đi trồng cấy chế độ chính trị theo kiểu Mỹ ở khắp nơi.

Chúng ta hãy khơi dậy tính chất phong phú của sinh hoạt chính trị đa diện và xây dựng trật tự quốc tế trên nền tảng đa cực chính trị dù rằng hai siêu cường vẫn còn nắm ưu thế tuyệt đối về mặt quân sự).

Như vậy, theo Kissinger thì quan hệ quốc tế hiện thời đặt trên cái thế lưỡng cực quân sự (bipolarité militaire) và đa cực chính trị (multipolarité politique) nghĩa là về quân sự, thế giới vẫn chỉ có hai nước khỏe nhất Nga-Mỹ, về chính trị đã có thêm nhiều nước hoặc khối mạnh.

Ronald Steel, trong cuốn “Pax Americana” cũng công kích chính sách lỗi thời của những năm 1950-60 qua trường hợp tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á viết tắt theo tiếng Anh là O.T.A.S.E.

“Nó chẳng phải là một tổ chức đồng minh có cùng chung một kẻ thù, nó cũng không cùng một lý tưởng. Có thể gọi là một loại đồng minh đã lỗi thời, trong đó các hội viên lại ký kết với nhau thỏa thuận cứu đỡ nhau trong trường hợp bị tấn công. Ai tấn công? Vấn đề hết sức mơ hồ và mỗi nước giải thích theo tình thế riêng của nước đó. Theo

Mỹ thì kẻ tấn công đích thị là cộng sản điều khiển bởi Mạc Tư Khoa hoặc Bắc Kinh. Nhưng với Phi Luật Tân thì kẻ thù là Indonesia. Với Thái Lan thì kẻ thù là Cao Miên. Với Hồi Quốc kẻ thù địch là Ấn Độ. Thử hỏi ngày nào Ấn với Hồi vác quân đánh nhau, Mỹ sẽ vận động tổ chức O.T.A.S.E để cứu ai?

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, tất cả các quốc gia đều có chính sách đối ngoại trong một xã hội quốc tế. Trước kia, mỗi lục địa biệt lập với các lục địa khác và hoạt động ngoại giao thu vào từng khu vực. Sang thế kỷ 18, 19 và đầu thế kỷ 20, những quyết định quan trọng lại tập trung vào mấy thủ đô lớn của mấy cường quốc. Kissinger kể đại lược ra 3 vấn đề về cơ cấu của quan hệ quốc tế ngày nay như dưới đây:

- a) Số nước tham dự vào trật tự quốc tế nhiều lên và tính chất hoàn toàn thay đổi
- b) Bối phát triển của kỹ thuật nên ảnh hưởng ràng buộc cũng như chống đối giữa các nước tăng gia đáng sợ.
- c) Phạm vi hoạt động cho những mục tiêu quốc gia mở rộng (cả về mâu thuẫn lẫn hợp tác).

“Tình trạng ngược nhau về cơ cấu nội trị đủ mở ra một hố sâu ngăn cách không cho các quốc gia có thể thỏa thuận ngay từ đầu về những mục tiêu và phương pháp hợp lý” (L’incompatibilité des structures internes suffit à ouvrir l’abime du fait qu’il est difficile au départ de s’accorder sur les buts et les methodes raisonnables). Cái hố sâu ấy càng trở nên nguy hiểm nếu một vài quốc gia lớn muốn mở rộng thể thức nội trị của mình, nghĩa là tìm cách bắt các nước khác áp dụng khuôn mẫu thể chế (chính trị, kinh tế) giống mình. Sự kiện này chẳng những không làm ổn định tình thế mà chính nó lại là đầu mối tranh chấp gay gắt.

Vào thời đại cách mạng 1789 ở Pháp, người bênh vực cho thể chế vương quyền là Edmond Burke đã nói về tình thế lúc bấy giờ như sau:

“Tôi không thể nào nghĩ rằng chúng tôi khả dĩ hòa bình với họ, với hệ thống chính trị của họ, bởi lẽ chúng tôi không chiến tranh, không thù nghịch nhau trên một mục tiêu nào mà cả chúng tôi lẫn họ muốn tranh đoạt, chúng tôi chỉ chống nhau vì tính chất hai hệ thống, hai thể chế chính đôi bên hoàn toàn khác biệt”.

Lời của Burke nếu đem đối chiếu với tình thế bây giờ thì chuyện lịch sử tái diễn chẳng phải là câu nói viễn vông.

Nội trị là nền tảng của ngoại giao. Chiến tranh giữa các vua chúa phong kiến dù khốc liệt đến đâu chẳng nữa cũng có thể giải quyết

trong một sớm một chiều. Nhưng chiến tranh giữa hai hệ thống, thể chế vương quyền và dân chủ tư sản thì phải một mất một còn. Ngoại giao ảnh hưởng dội lại nội trị. Không xã hội nào không ít nhiều chịu ảnh hưởng của những sinh hoạt chung quanh. Nếu để cách mạng Pháp lan rộng, đương nhiên vương quyền các quốc gia ở bên cạnh Pháp phải sụp đổ.

Tuy nhiên, lời nói của Burke chỉ đúng đối với hoàn cảnh lịch sử cùng thời đại mà Burke đang sống, thời ấy quan hệ quốc tế chỉ thu hẹp vào trong phạm vi Châu Âu và ngày ấy chưa có thứ vũ khí giết cả trăm ngàn người trong vài ba phút.

Còn bây giờ, khuôn khổ quan hệ giữa các nước mở ra khắp trái đất kể cả vùng Nam và Bắc cực, lại thêm các loại vũ khí hạt nhân, thì thái độ cũng như nhận định để đặt thành chính sách đòi hỏi phải tế nhị, mềm dẻo hơn với nghiên cứu kỹ càng những yếu tố truyền thống lịch sử, giá trị xã hội, sinh hoạt và hệ thống kinh tế, hoàn cảnh chính trị để có thể tiến hành đấu tranh cho thật khôn khéo.

*

Gặp thời thế thế thời phải thế.

Vận động lịch sử Việt trong gần một thế kỷ qua tiến hành trong diễn biến của những cái “thế” vừa kể trên, đòi hỏi chúng ta lăn vào thực tiễn trước mắt, đồng thời cũng không bỏ quên biến hóa trong tương lai.

Tất cả mọi cái “thế” quốc tế đều phải được coi là những cần thiết để hoàn thành cuộc đấu tranh dân tộc.

Tân u hoài dăm rắp tiếng thề xưa

Dội ngàn trùng muôn sóng gọi hò đưa

Chuyển giang sơn hình thế lại cho vừa

Chuyển giang sơn hình thế lại cho vừa tất phải trở lại tiếng thề xưa tức là tìm về sức mạnh dân tộc, có vậy mới có sức nắm vững vận động của tất cả mọi cái “thế” quốc tế để biến nó thành những cần thiết cho cuộc đấu tranh dân tộc, nếu không thì tất cả mọi cái thế quốc tế chỉ là những tai họa trút lên đầu.

Biến hóa trong tương lai là tiếp tục theo con đường mà cách đây một thế kỷ đã bị người Pháp cắt ngang, ấy là việc mở rộng hậu phương quốc phòng, phá bỏ sự trói buộc trên vị trí địa dư, đồng thời đi tìm một sự quân bình lực lượng để đối phó phương Bắc, ấy là bắt tay một cường quốc đại dương mà chống với đe dọa từ đại lục.

HẾT

Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 27/03/2009 12:27:52 SA

Những quy luật chính trị trong sử Việt

SÁCH THAM KHẢO

- Regards sur L'hisroire de demain *Tibor Mende*
- Entre la peur et l'espoir *Tibor Mende*
L'homme devant le jugement de l'histoire *Reinhold Schneider*
L'Europe et l'âme de l'Orient *Walter Schubart*
Dimensions de la conscience historique *Raymond Aron*
Nationalisme et internationalisme *Ramsay Muir*
Problèmes des Etats nouveaux *K.M. Panikkar*
- Sociologie d'une guerre *Paul Mus*
- Bandoung tournant de l'histoire *Arthur Conte*
- Pour une nouvelle politique étrangère américaine *Henry A. Kissinger*
L'Amérique impérial *Amanry de Riencourt*
Chine – U.R.S.S. *Francois Fejto*
- Nuclear weapon and foreign policy *Henry A. Kissinger*
Pax Americana *Ronal Steel*
International Politics *Holsti*
The war business *George Thayer*
- Asia awakes *Dick Wilson*
Polémiques *Raymond Aron*
- ***
- Trung Quốc Thái Bình Yếu Nghĩa *Trình Triệu Hùng*
Trung Quốc Văn Hóa Đại Nghĩa *Trình Triệu Hùng*
Tây Trào *Tưởng Mộng Lân*
- Đông Tây Văn Hóa Đạo Luận *Tiền Mục*

Trung Quốc Tư Tưởng Nghiên Cứu Pháp *Sái Thương Lưu*

Tân Thế Huân *Phùng Hữu Lan*
Luân Lý Vân Đề *Mao Dĩ Hạnh*

Dân Tộc Tự Cứu Vận Động *Lương Nộn Minh*
Việt Nam Sử Lược *Trần Trọng Kim*
Quân Sử *Lê Văn Dương*
Huyết Hoa *Thái Dịch Lý Đông A*
Thiết Giáo *Thái Dịch Lý Đông A*

Đạo Trường Ngâm (thơ) *Thái Dịch Lý Đông A*

Tư Tưởng Việt Nam *Nguyễn Đăng Thục*
Cơ Cấu Việt Nho *Kim Định*

Căn Bản Triết Lý Trong Văn Hóa Việt Nam *Kim Định*

Người Việt Cao Quý *A. Pazzi*

(bản dịch : Hồng Cúc)
Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam *Nguyễn Văn Trung*

Tục Ngữ- Phong Dao *Nguyễn Văn Ngọc*

Nam Hải Di Nhân *Phan Kế Bính*
Đại Việt Sử Ký *Ngô Sĩ Liên*

Hàng Lê Nhất Thống Chí *Ngô Thời Sĩ*

Lịch Triều Hiến Chương *Phan Huy Chú*
Phương Đình Địa Dư Chí *Nguyễn Siêu*

Tuấn, Chàng Trai Nước Việt *Nguyễn Vỹ*

Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 27/03/2009 12:29:34 SA

Vũ Tài Lục

Thân phận trí thức

Thân phận trí thức- Phần tử trí thức dưới nhãn quan chính trị

Dẫn

Thảm kịch của ngày hôm nay là do chính trị

NAPOLÉON

Trước những việc xảy ra trong cuộc vận động tuyển cử ở Mỹ năm 1968, giáo sư Lewis S. Feuer nhận định:

Đây là lần đầu tiên phần tử trí thức đã làm đủ mọi cách để cho trí thức thành một lực lượng ảnh hưởng đến sự quyết định các chính sách của chính phủ.

Thật vậy, dân chúng Hoa kỳ và hết thảy những người theo dõi thời cục trên thế giới đều thấy rằng, người trí thức Mỹ đã nổi dậy, họ không muốn giữ cái vai trò chính trị lỗi thời như là viết những bài diễn văn cho các ông lớn bà lớn, hoặc như là một nhân sỹ để được mời vào "brain trust" hay ủy ban tư vấn. Bây giờ rõ rệt họ đòi hỏi và tự coi họ như một đoàn thể, một tổ chức, và một lực lượng chính trị.

Chính bởi hàng loạt vụ nổi loạn của trí thức trên khắp nước Mỹ mà Tổng thống Johnson đã đành phải rút lui không ra ứng cử thêm một lần nữa. Trong buổi họp của đảng Dân chủ, các bạn thân nhất của ông Lyndon Johnson đã nói với ông:

Anh có thể dễ dàng mở cuộc phản công, tuy nhiên anh chớ nên coi thường bọn trí thức đó. Bọn chúng hiện tại tuy chẳng có quyền lực gì cả, nhưng hình như dư luận số đông đã nghe theo chúng.

Giờ đây không ai không nhận rằng: Chẳng còn phải là một hiện tượng nhất thời nữa, việc phân tử trí thức trở thành một lực lượng chính trị là một sự thực, một khuynh hướng đang tiến rất mau, rất mạnh. Mọi người đã biết tường tận những hành động nhằm ngăn chặn của ông Johnson và của toàn thể chính trị gia bảo thủ Hoa kỳ đối với cuộc dấy lên của giới trí thức, kết quả ông Johnson cùng tập đoàn của ông phải chịu thất bại.

Nếu mở lại trang sử cũ thì đã từ lâu lắm rồi người trí thức Mỹ bực bội vì ảnh hưởng của họ vào chính trị chẳng được bao nhiêu, các điều họ nghĩ, các điều họ nói, xã hội chẳng thèm lưu ý. Sau thế chiến I, trí thức Mỹ là những chàng trẻ tuổi buồn tủi (sad young men), họ xô nhau sang Âu Châu vì ở đây trí thức được tôn trọng. Đứng bên trời Âu, họ quay về nhìn đất Mỹ của hai vị Tổng Thống Harding và Coolidge bằng thái độ chế riễu. Giữa lúc ấy thì nhạc Jazz thịnh hành, nhịp điệu Jazz như sui đẩy họ vào với tư tưởng và hành vi phóng túng cho cái sống cá nhân, nhà văn Scott Fitzgerald nhận xét tâm trạng văn hóa Hoa kỳ trong thời này như sau: "Thời đại của nhạc Jazz, chính trị hết là điều đáng chú ý." Kể đi khỏi quê cũng như

người còn ở lại, tất cả đi chung vào một lối nổi loạn bằng vui thú cá nhân đặt trên triết lý vứt bỏ trách nhiệm.

Năm 1930, trí thức Hoa kỳ trải qua thời gian sống với cuộc khủng hoảng đen tối nhất lịch sử nên có phong trào trở lại với trách nhiệm. Nhiều nhà văn hội họp nhau tổ chức ủy ban, những buổi thuyết trình, những đám biểu tình và ra tuyên ngôn. Năm 1932-1933 nhiều nhà văn danh tiếng ký vào bản nhận định cuộc khủng hoảng với văn hóa (Culture and the crisis). Bản nhận định này nổi bật với chủ trương thiên tả, mục đích là để hoạt động tranh cử cho hai ứng cử viên cộng sản William Foster và James Ford. Nó đã không đạt được mục đích. Tuy thế trong thời gian mà dân chúng Mỹ hãy còn chưa quên cơn ác mộng 1929, trong thời gian mà chính sách New Deal của Tổng Thống Roosevelt mới bắt đầu chuyển bánh thì ảnh hưởng tả phái vẫn được mền chuộng. Dần dần Hoa kỳ hàn gắn vết thương cũ rồi mạnh bạo phát triển sang con đường tư bản mới, tinh thần New Deal nguội bót đến chỉ là cái bóng mờ mỗi khi nhắc lại cốt làm cái việc mị dân mà thôi, tả phái Hoa kỳ bị bóp chết.

Giữa lúc giới trí thức một lần nữa bị chính trị cho thụt soáy hơi (trou d'air) thì vụ cách mạng và nội chiến Espagne bùng nổ (1936) lôi cuốn trí thức Âu châu cũng như Mỹ quốc làm thành một phong trào dấn thân với Espagne để biểu đạt ý hướng mình. Phong trào này nhà báo Benson mệnh danh là phong trào các nhà văn cầm súng (writers in arms). Bức tranh đẹp nhất của phong trào này đã được văn hào Hemingway viết thành cuốn tiểu thuyết dài rất nổi tiếng là "For whom the Bell Toll!

Sôi nổi chưa được bao lâu thì phong trào bị một biến cố trọng đại hơn nuốt mất: Hitler, Mussolini làm dữ tạo ra nguy cơ chiến tranh thế giới lần nữa. Lý tưởng hy vọng của phần tử trí thức đối với nội chiến Espagne là chống chủ nghĩa Phát xít. Nguy cơ chiến tranh làm cho trí thức bị lôi cuốn về đối phó với họa xâm lược của Đức quốc. Cái lý tưởng chống Phát xít ở một xứ ngoài trở nên mơ hồ không cấp thiết nên nó bị gạt ra khỏi bộ máy tuyên truyền chánh thức của mỗi chánh phủ các nước Âu châu, nhân danh Tổ quốc chống xâm lược. Mặc dầu gót giày Đức quốc xã không thể nào đặt lên lãnh thổ Hiệp chủng quốc, nhưng một khi trí thức Âu châu đã bị hẫng thì hoạt động riêng lẻ của trí thức Hoa kỳ cũng chẳng còn lý do gì tồn tại trong vụ Espagne. Và lại nhờ giúp đỡ của Đức quốc xã, Phát xít Espagne đã thắng cách mạng thiên tả rõ rệt. Thêm nữa giáo hội Công giáo quyết định không đứng về phe cách mạng đồng thời thỏa thuận với Hitler trên vụ Espagne thì cuộc cách mạng Espagne kể như hoàn toàn tiêu hủy.

Tham dự thế chiến lần thứ hai, Hoa kỳ nghiêm nhiên là quốc gia quan trọng bậc nhất cho chính trị quốc tế. Để hoạt động hiệu quả, nhu cầu trí thức của quốc gia tăng lên vùn vụt, phần tử trí thức rất cần vào các công việc nghiên cứu, thông tin tuyên truyền, gián điệp vân vân... Chiến tranh nóng chấm dứt, chiến tranh lạnh mở màn thì nhu cầu kia càng lớn lên gấp bội. Từ 1950-1953 trí thức ở vào vị thế ưu việt của xã hội Hoa kỳ.

Nếu đà này kéo dài thêm, Hoa kỳ chắc chẳng tránh khỏi một cuộc cách mạng, nên phe bảo thủ đi đôi với phe phản động khởi sự phản

công, theo họ thì mục đích là làm cho Hoa kỳ không rơi vào tay cộng sản.

Người được đưa lên lãnh đạo cuộc phản công là nghị sĩ Mac Carthy (McCarthy?). Mac Carthy cùng tập đoàn của ông đã dựng hẳn lên ở nước Mỹ một triều đại gọi là triều đại Mac Carthy với chủ trương và chiến lược chống trí thức (anti-intellectualism).

Mac Carthy cùng tập đoàn buộc trí thức phải phục tùng phục vụ hệ thống tư bản, hệ thống áp phe. Dưới danh nghĩa bài cộng, chính phủ đã phải theo Mac Carthy để thanh trừng mọi người mà nghị sĩ Mac Carthy gọi là cần phải trừ khử (les indésirables). Phe Carthy có hai thứ vũ khí đáng sợ :

a) *chụp mũ gián điệp.*

b) *tẩy chay.*

Với cái chụp mũ bị cáo làm gián điệp nên biết bao phần tử trí thức bị theo dõi đe dọa, đời sống ngọt ngọt không kém thân phận người Do thái trong lưới Gestapo. Carthy lên án tới 1456 người. Với lối tẩy chay này mà một nhà văn tiến bộ viết sách không ai dám xuất bản, dạy học không ai dám thuê, xuất ngoại không được phép, cuối cùng phải tự tử chết.

Bằng quyền lực của ngôi vị chủ tịch Ủy ban điều tra. Mac Carthy hét ra lửa, làm mưa làm gió trên chính trường vượt quyền Tổng thống. Có lần Mac Carthy cùng cánh cực hữu đòi đuổi cả Oppenheimer nhà vật lý học nguyên tử cột trụ, đòi chống lại việc cử Charles Bohlen nhà ngoại giao tên tuổi vì ông Bohlen có tội làm cố vấn cho Roosevelt ký hiệp ước Yalta mà Carthy cho rằng hiệp ước Yalta làm Mỹ thua thiệt.

Quá lộng hành, Mac Carthy phạm mấy lỗi làm to lớn đáng kể nhất là vụ ông đòi đốt sách. Trong số sách bị đốt có cả tên tác giả Foster Rhee Dulles bộ trưởng ngoại giao. Đến mức này, Tổng thống Eisenhower không nhịn được nữa, Eisenhower đến Darmouth nói ở trường đại học:

"Anh em đừng a dua với bọn đốt sách. Chớ tưởng chúng ta có thể dấu các làm lỗi của chúng ta bằng cách đốt hết mọi chứng cứ. Làm sao chúng ta thắng được cộng sản nếu ta không hiểu ý hướng cộng sản cùng sức quyến rũ của chủ nghĩa đó!"

Qua lời trên , người ta nhận ra ngay Eisenhower chưa dám chửi thẳng Mac Carthy, thế lực Carthy còn mạnh lắm. Nhưng Carthy vẫn tiếp tục đi quá trớn, ông đụng chạm giáo hội, quân đội, luật sư đoàn, Carthy gây thù khắp nơi. Dư luận chán ghét ông lan rộng. Ngón đòn chí mạng đầu tiên đánh thẳng xuống đầu Carthy là vụ án chàng tri thức trẻ tuổi Fisher, bị cáo là hội viên của một tổ chức khả nghi. Luật sư Welch bênh vực cho bị cáo đã chỉ vào nghị sĩ Mac Carthy mà nói : Chúng ta không nên ám sát người trẻ tuổi này, thừa thượng nghị sĩ ngài đã đi quá trớn rồi, ngài không còn chút lương tâm nào nữa sao ?

Khắp nước hài lòng câu nói của luật sư Welch, với cái hăng say rất trí thức, luật sư Welch đã đem dưỡng khí vào trong cơn tức giận của dân chúng bấy lâu dồn nén bùng cháy. Đâu đâu cũng rục rịch biểu lộ sự khó chịu với Carthy. Tháng 12 năm 1954 với 67 phiếu thuận với 22 phiếu chống, Mac Carthy bị Thượng viện cắt hết quyền. Như bị gáo nước lạnh dội bất thần Carthy áp úng trước Thượng viện : Tôi

đã làm gì nên nổi! Mấy năm sau Carthy chết vì rượu.

John F. Kennedy làm Tổng Thống Hoa kỳ, vận động trí thức bước vào trang sử mới. Kennedy là người được giải thưởng Pulitzer, ông là một phần tử trí thức. Ngày Kennedy tuyên thệ nhiệm chức cũng là ngày giới trí thức tràn ngập hy vọng. Các nhà văn như John Steinbeck, Arthur Miller, W. H. Auden, v.v... được mời dự buổi tiếp tân đầu tiên của Kennedy tại tòa Bạch Ốc và người được dành nhiều danh dự nhất là thi sĩ 80 tuổi Robert Frost. Ngay nhà văn khinh bạc nổi loạn Norman Mailer cũng ngả theo thái độ trí thức quyền dũ của Kennedy, Mailer tuyên bố :

Trí thức Hoa kỳ đang bước tới một biên cương mới, từ lâu chúng tôi bị lịch sử cấm đoán, từ lâu chúng tôi đã bỏ mặc chính trị vào tay bọn người đã không làm lịch sử lại còn kéo lịch sử đi trật đường rầy.

Hướng về Kennedy, trí thức đổ xô tới Hoa Thịnh Đốn. Họ gia nhập đoàn quân Hòa bình, họ làm việc cho bộ quốc phòng cùng những sự vụ ngoại giao.

Ở thời Kennedy phần tử trí thức ra sao? Carey Mc Williams nhận định như sau :

Họ vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn ước nguyện, bây giờ họ thành những chuyên viên chống nổi dậy, chuyên viên nghiên cứu về Kremlin, chuyên viên nghiên cứu các vụ khủng hoảng hoặc quá quắt hơn là kẻ cấp cạp cho mấy ông mi-li-te (military flunkies).

Williams muốn nói là người trí thức ít nhiều đành phải từ bỏ những gì tốt đẹp của sứ mạng trí thức để lột xác thành một thứ quan liêu

(bureaucrate) hay giai tầng chuyên viên (technocrate). Nhưng đổi lại trí thức thu hoạch cái lợi không nhỏ là học tập kinh nghiệm chính quyền, thứ kinh nghiệm hết sức mới mẻ rất hữu ích cho cuộc đấu tranh sau này.

Nếu như Kennedy còn nắm giữ quyền điều khiển quốc gia, trí thức tuy chưa mười phần mãn nguyện nhưng vẫn còn gửi nhiều tin tưởng vào tương lai.

Vụ Dallas xảy đến, vị Tổng thống trí thức nhất Mỹ quốc ngã gục bởi mấy viên đạn bắn ra với kỹ thuật tinh vi với tổ chức bí mật chu đáo, biên cương mới của trí thức bị phe phản động đánh phá .

Trước cơn bão tố, phải chọn giữa Goldwater và Lyndon Johnson, giới trí thức ào ạt ủng hộ Johnson, họ nghĩ: Johnson dù sao cũng còn mang chút di tích chút âm hưởng Kennedy. Do đó Johnson thắng lợi vẻ vang tại khắp nơi vận động tuyển cử.

Tuần trăng mật của Kennedy với trí thức Hoa kỳ không kéo dài được bao lâu đã gặp biến cố gây nên lung củng. Johnson quyết liệt leo thang chiến tranh V. N. Trí thức nhất loạt phản đối, nhiều người tên tuổi rời bỏ chính quyền Johnson. Thâm tâm Johnson rất hài lòng coi việc trí thức bỏ ông như một sự thoát nợ, ông là tay chính trị nhà nghề ít hợp với tâm tưởng trí thức, ông chọn phe bên kia hẳn nhiên nhiều quyền lực hơn. Hoa-kỳ phân thành hai chiến tuyến, trí thức Hoa-kỳ sau thời gian ở chính quyền đã nhìn thấy nhược điểm chính quyền nên họ dùng kinh nghiệm đó vào cuộc đấu tranh tạo ra nhiều kết quả khiến cho Johnson khó lòng ăn ngủ ngon lành. Trái với ý ông nghĩ Johnson bây giờ mới thấy sức công phá của trí thức cũng

chẳng yếu ớt gì.

Giả sử vấn đề V.N. hanh thông không xa lầy chắc Johnson không ngại cho lắm. Đằng này vấn đề V N. lại là nước chiếu bí nên chính quyền Johnson mắc kẹt. Để đối phó với mặt trận trí thức Johnson mời bác sỹ Eric Goldman vào Bạch cung với chức vụ cố vấn đặc trách các vấn đề liên hệ đến phần tử trí thức. Ông Goldman được quyền bổ nhiệm ba phụ tá. Nhưng Goldman hoàn toàn thất bại, trước hết ông thất bại, ngay trong nội bộ, ba phụ tá bất đồng ý kiến với ông nên xin từ chức, từ chức xong họ đứng về bên kia. Đối ngoại chẳng những không làm chống đối giảm bớt mà hớ sâu chia cách chính quyền Johnson với trí thức bị đào sâu hơn. Thất bại nặng nhất xảy ra trong đại hội nghệ thuật tại Bạch cung, giữa đại hội trí thức âm ỉ công kích chính sách ngoại giao của Johnson. Lẽ ra mục tiêu của đại hội này là để làm một cuộc dàn hòa thì lại biến thành cơ hội gắng thêm. Bác sỹ Goldman từ chức với lời trách móc cả hai bên đã ngoan cố cứ đi đến thảm trạng xa lánh nhau (a tragic strangement). Bực tức Johnson ra thông cáo cách chức Goldman vì có ông này chẳng làm được việc gì đúng lúc cả. Vừa lúc phó Tổng thống Humphrey giới thiệu giáo sư John P. Roche đến thay thế Goldman. Lúc thi hành sứ mạng, thay vì đấu dịu, Roche đổ thêm dầu vào lửa bằng những lời công kích gần như nhục mạ :

"Bọn trí thức riêng rẽ ấy là bọn nào vậy? Phần lớn họ ở Nữu Ước làm cái nghề Nghệ thuật. Họ tụ tập nhau chẳng được bao nhiêu ở Cape Cod để nhảy múa reo hò trước sự hoan hô của đám quần chúng dốt nát".

(Lưu ý Cape Cod là nơi giới thượng lưu nghỉ ngơi. Văn gia John O hara có viết một tập truyện ngắn về những thảm kịch đã xảy ra ở đây. Truyện mang tên là: The Cape Cod lighter).

Tại hội nghị báo chí Liên Hiệp Quốc nói về đề tài Trí thức và vấn đề Việt Nam, Roche miêu tả người Trí thức Hoa-kỳ như hình ảnh trí thức Nga thuộc thế kỷ 19 nghĩa là bọn người tự thị, tự cao, tự tô vẽ cho mình nâng lên địa vị ưu tú về văn hóa và có bản phận bảo vệ xã hội giải quyết mọi vấn đề gay gắt. Chính bọn trí thức đó đã rùm beng chống chiến tranh, họ quan trọng hóa quá cỡ cuộc chiến, thực ra cuộc chiến đó không hơn không kém chỉ là cuộc đụng độ biên cương như nước Anh từng gặp phải ở Ấn-độ hay Nhật ở Mãn-châu".

Roche làm thế do tự ý hay Johnson muốn rửa hận? Dù thế nào chẳng nữa, những lời tuyên bố của Roche được dư luận coi như lời thách thức khai chiến của chính quyền Johnson với trí thức. Mặc dầu trên một mặt khác ông Johnson vẫn tiếp tục thi hành chính sách ve vãn bằng những mồi mọc ân cần phần tử trí thức vào Bạch Cung đàm đạo. Nhưng bất cứ gặp gỡ nói chuyện nào cũng thế, chỉ thấy một mình ông Johnson độc thoại, cuối cùng khi ông đặt câu hỏi : Tại sao trí thức chống ông? Ông đã làm rất nhiều cho trí thức mà? Các thực khách không trả lời thẳng câu hỏi ấy, họ cười, hoan hô bữa ăn ngon rồi im lặng Cứ vậy kéo dài, đến ngày Tổng thống Johnson đọc diễn văn cho toàn quốc biết ông không định tái ứng cử tổng thống lần nữa.

Bây giờ chính quyền Mỹ đã đổi tay, cuộc chiến giữa lực lượng trí thức và lực lượng chính quyền vẫn tiếp tục mà chiến trường chủ yếu

vẫn còn là vấn đề Việt Nam, vì vấn đề này là nhược điểm của chính quyền Hoa-kỳ.

oOo

Không phải chỉ ở Hoa kỳ mà thôi, vận động trí thức còn bùng nổ tại nhiều nơi khác trên thế giới như Prague, Warsaw, Rome, Mexico City, Belgrade, Tây Berlin. Với nhiều hiện tượng khác lạ khiến cho các nhà xã hội học nghiên cứu vấn đề phải đem xét lại nhiều định luật cũ họ đã đưa ra. Trước đây bác sĩ Keller khoa trưởng đại học đường Columbia viết :

"Marx và Lénine sẽ cười vào mũi kẻ nào nghĩ rằng cách mạng xã hội có thể khởi sự bằng lực lượng trường ốc, một nơi ẩn dật bọc ngà không súng đạn, không quyền lực, không tiền bạc."

"Nay thì cái ý nghĩ đó không đáng ngạc nhiên chút nào hết. Bộ trưởng Edgard Pisani trong chính phủ Pompidou đã nói với quốc hội như thế." Lịch sử dạy chúng ta các cuộc nổi dậy lớn lao luôn luôn dấy lên từ các giai cấp rõ rệt, đủ lực lượng quyết định như ngày xưa là nông dân, 1789 là giai cấp tư sản, thế kỷ 19 là thợ thuyền nhưng bây giờ là ở các tổ trí thức, cán bộ và sinh viên.

Pisani không nói quá đáng, cuộc nổi dậy tháng 5 bên Pháp làm cho chế độ De Gaulle lung lay rồi De Gaulle thất bại trong cuộc trưng cầu dân ý, khởi lên từ các trường đại học Nanterre, Sorbonne. Tả phái chỉ dựa vào đấy để đình công để ăn theo lợi thế sẵn có. Vận động trí thức ồ ạt lan tràn đưa vào sinh hoạt chính trị thời đại một lực lượng chính trị rõ ràng hội đủ điều kiện một giai cấp hẳn hoi. Không thành lực lượng sao được khi mà một quốc gia có tới 2000 học viện, 6 triệu

sinh viên và 4 trăm ngàn giáo sư? Không thành lực lượng sao được khi con số trí thức phục vụ mọi cơ sở quốc gia nay đông gấp hơn trăm lần thế kỷ trước. Không thành lực lượng sao được khi ngân sách quốc gia tăng đến 17 tỷ Mỹ kim năm 1969 riêng cho công cuộc tìm kiếm khoa học so với gần 100 triệu mỹ kim năm 1940.

oOo

Vấn đề trí thức là vấn đề vẫn có từ ngàn xưa, nhưng nó luôn luôn đổi mới và gắn liền với lịch sử. Có thể nói lịch sử là một đại cơ kim của trí thức và trí tuệ chúng ta. Trước đây vẫn lưu hành quan niệm diễn biến lịch sử phải theo một mô thức cố định tỉ dụ người Ấn, Ba Tư, Hy Lạp cổ cho biến hóa lịch sử là luân hồi. Thiên chúa giáo cho lịch sử xoay chuyển theo ý muốn của Thượng đế.

Quan niệm mô thức cố định bị thực tế lịch sử đánh bật dần cho đến lúc những tư tưởng lịch sử của Spengler và Toynbee ra đời người ta hẳn nhiên chấp nhận quy luật biến hình sinh-trưởng-suy-vong của lịch sử. Cộng thêm vào đó là những tư tưởng Hegel, Marx cho rằng chính con người có thể cải tạo lịch sử, chỉ có bọn nô lệ mới chịu làm bù nhìn trước lịch sử.

Biến động lịch sử tuân theo hoàn cảnh hay ý chí con người? Hỏi như thế cũng là hỏi :

Tồn tại quyết định ý thức hay ý thức quyết định tồn tại? Tư tưởng quyết định sinh hoạt hay sinh hoạt quyết định tư tưởng. Nhiều thế kỷ qua, triết học đã đáp câu hỏi này một cách ngược hẳn nhau mỗi bên đứng về một điểm cực.

Hiện tại thực tiễn đã chứng minh lịch sử biến động do tác dụng tương hằng (interaction) giữa người với hoàn cảnh. Do tác dụng tương hằng ấy sản sinh ra văn hóa. Phương hướng và tốc độ văn hóa là kết quả của các loại nhân duyên nội ngoại của tác dụng tương hằng kia. Tổ tiên chúng ta càng về xa xưa càng chịu sự chi phối của hoàn cảnh, nhưng càng về sau con người đối với hoàn cảnh một mặt tìm cách(?) một mặt càng ra công chống lại, tiến xa hơn còn tìm cách cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh nữa. Văn hóa là gì? Là sự tích lũy, gọt dũa từ đời này qua đời khác những hiểu biết để hoàn thành công việc chống đối, cải tạo và lợi dụng hoàn cảnh vậy.

Ai trực tiếp đảm nhiệm công việc sáng tạo, tìm tòi, xây đắp văn hóa?
Phần tử trí thức!

oOo

Vận hành lịch sử không đi theo con đường bằng phẳng và thẳng tuột, cũng như không có những giai đoạn nhất định (như kiểu Marx chủ trương). Các nhân tố hữu lợi, bất lợi luôn luôn can thiệp làm cho cuộc vận hành tăng, giảm, thừa, trừ.

Nói riêng mặt chủ quan, khi nào văn hóa tích súc, nội bộ hòa hài thì mới sản sinh ra quốc lực hùng mạnh tấn bộ tốt đẹp. Khi nào tự mãn, cô lập, lười biếng, đòi trụ tất nhiên lịch sử đi vào suy vong. Theo với tăng giảm thừa trừ của vận hành lịch sử là những vận động của phần tử trí thức.

Như thế nói lịch sử mà không nói đến vận động trí thức, nói chính trị mà không đề cập đến cuộc đấu tranh của phần tử trí thức thì thật là

một thiếu sót lớn.

Hoặc tìm xét quan hệ giữa phần tử trí thức với lịch sử với chính trị chỉ bằng ánh sáng của lý luận thời thế với anh hùng hay bằng thành kiến tú tài tạo phản tam niên bất thành thì vẫn chưa thật đầy đủ.

Ta có thể khẳng định, một cuộc cách mạng xã hội có nghĩa là một thay đổi tương đối nhanh chóng trong sự kết hợp thành phần và cơ cấu phần tử trí thức cùng mối quan hệ của phần tử này với quảng đại quần chúng vậy.

Thân phận trí thức

Chương 1: Phẩm đức Phần Một: Thân phận

PHẨM ĐỨC

*Phần tử trí thức?
Là người đem lại giá trị
cho những gì mà tự chúng không có.
(PAUL VALÉRY)*

*Phần tử trí thức?
Tôi muốn nói đến những người
suy tư, không phải bọn lộng chữ,
lợi dụng, bịp bợm và ăn bám...
(HENRI BARBUSSE)*

NGUỒN GỐC CỦA DANH TỪ

Phần tử trí thức là trực nghĩa dịch từ chữ Intellectuel của Pháp. Tra tự điển để tìm lời giải của chữ đó thì chỉ thấy ghi vắn tắt : phần tử trí thức là người hoặc vì thị hiếu hoặc vì nghề nghiệp quan tâm đến những công việc tinh thần. (Personne qui s occupe par goût ou par profession des choses de l esprit). Theo Hồ Thu Nguyên viết trong tập Trung Quốc Cổ Đại Trí Thức thì phần tử trí thức là những người hiểu trước biết trước (tiên tri tiên giác) rồi đem sự hiểu biết học hỏi

của mình cống hiến cho tiến bộ nhân loại, xã hội dân tộc. Nói chung người sáng tạo tư tưởng kỹ thuật, tri thức gọi là phần tử trí thức. Cổ xưa Hy Lạp dùng danh từ trí giả (sophist) hay ái trí giả (philosopher). Người La Mã dùng danh từ văn sĩ (idéologue). Ở Trung Quốc có nhiều danh từ khác nhau để chỉ phần tử trí thức: Nho, Sĩ, Thánh, Hiền, Văn Nhân, Học sĩ rồi gộp chung lại dưới danh từ người đọc sách (độc thư nhân).

Người trí thức rất khó có một hình dạng rõ rệt, nếu bảo những người có bằng cấp là trí thức thì những người tự học (autodidacte) thì sao? Và lại các bậc Thầy của nhiều thuyết lớn xưa nay đa số chẳng có bằng cấp chi hết. Cũng không thể bảo nhất định một ông giáo sư đại học trí thức hơn ông giáo sư trung học v.v...

Hình dạng người trí thức lại càng không rõ rệt khi người ta muốn tìm nó thuộc giai cấp nào? Mức sống ra sao? Thường làm nghề nghiệp gì? Bên Pháp chẳng hạn đa số chấp nhận phần tử trí thức quy tụ vào hai loại hình (type)

a_ *Trí thức giáo dục (intellectuel enseignant)*

b_ *Trí thức viết văn (intellectuel écrivain)*

Nhưng có một số người không chịu, và cho rằng những bác sĩ, kỹ sư làm nghề chuyên môn của mình vẫn có thể là một phần tử trí thức chớ. Tại các nước chậm tiến tùy theo trình độ có nơi với sức học bổ túc đã được kính trọng tôn xưng là phần tử trí thức rồi

Câu hỏi ai được kể làm phần tử trí thức là câu hỏi khá phức tạp đã làm rức đầu các sử gia và các nhà xã hội học không ít, rút cục đến bây giờ họ vẫn phân vân chưa tìm được một thực thể cho trí thức (substantifier).

Nhưng về đời sống của người trí thức thì rõ rệt nó liên quan rất nhiều đến chính trị. Tại Âu Châu nó ra đời bởi một vụ chính trị sôi nổi. Các nhà văn Emile Zola, Anatole France, Halévy, Buinot, Léon Blum v.v... ký chung bản kháng nghị đối với vụ sử oan đại úy Dreyfuss. Thủ Tướng Clemenceau đã gọi kháng nghị này là Tuyên Ngôn Của Trí Thức (Manifeste Des Intellectuels). Từ đó chữ intellectuel được mọi người thường thức, nó được kể như một danh từ mới mẻ vì danh từ này không hề thấy ghi trong tự điển Larousse in năm 1866-1878 hay cuốn Đại Bách Khoa in năm 1885-1902, người ta chỉ thấy chữ intellectuatisme ghi trong cuốn Vocabulaire Philosophique của Lalande mà thôi. Như vậy là chữ phần tử trí thức khai sinh bằng một thái độ chính trị. Edgar Morin đã nghĩ rất đúng khi viết câu này:

"Nhà văn viết cuốn tiểu thuyết là nhà văn, nhưng khi ông ta nói về những tra tấn đau khổ ở Algérie thì ông ta là một người trí thức."

(L'écritain qui écrit un roman est écrivain, mais si il parle de la torture en Algérie, il est intellectuel).

Phương Tây như thế, phương Đông cũng vậy, theo tâm lý cổ truyền của người Trung Quốc thì những danh từ có chứa chất tính cách về trí thức thường dành cho những người có sự nghiệp tốt. Tỉ dụ gọi vua Nghiêu, vua Thuấn là Thánh Vương, gọi các Tể Tướng Quán Trọng, Lưu Bá Ôn, Ngụy Trưng v.v... là Hiền.

Tất nhiên Nghiêu, Thuấn, Quán Trọng, Lưu Bá Ôn, Ngụy Trưng là những người học vấn cả thì không nói làm chi. Đến như Triệu Phổ suốt đời chưa đọc hết quyển sách rươi cũng được gọi là hiền trong khi Trần Hậu Chủ, Thạch Kính Đường, Tần Cối đều là các tay học vấn cự phách mà người đời sau chỉ nhắc đến với ý niệm ghét bỏ hôn quân, gian thần Hán gian. Còn các bậc vạn thế sư như Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Tử, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Đào Uyên Minh v.v... thì trên dưới một lòng yêu kính.

Từ lâu người phương Đông yêu kính phần tử trí thức ở sứ mạng kỹ sư tâm hồn, kiến trúc sự lịch sử và giồng cấy văn hóa nghĩa là những phần tử trí thức có liên quan đến chính trị.

KHỞI ĐIỂM

"Weber là một khoa học gia, ông chưa hề làm chính trị hay đã là một chính khách, chỉ đôi ba lần viết báo chính trị thôi. Thế nhưng suốt cả đời ông, ông rất say mê lo lắng tới vấn đề của quần chúng, không lúc nào ông nguôi nổi nhớ nhung chính trị."

Trên đây là tâm sự Max Weber do Raymond Aron nhận xét: tâm sự đó cũng là tâm sự chung của hết thầy phần tử trí thức dưới vòm trời này. Thực vậy trí thức thường là những người không quên được chính trị. Họ luôn luôn có mặt ở tầng lãnh đạo (tầng lãnh đạo thống trị cũng như tầng lãnh đạo cách mạng) mà đã ở tầng lãnh đạo thì điều phải nghĩ trước hết hẳn là chính trị. Đối tượng của trí thức là hiện tượng nhân sinh, chính trị, xã hội, giáo dục, văn nghệ.

Trong tất cả, chính trị được chú ý bật nhất, gần như có thể nói rằng sự nhảy vào tham gia chính trị là con đường hiệu lực nhất cho hoài bão lý tưởng đối với xã hội nhân sinh. Bởi lẽ ấy ông Khổng Tử không bao giờ ngồi nóng chiếu, ông đi khắp nơi để mong dùng thuyết của ông nắm chính quyền. Ông Mặc Tử, Mạnh Tử bôn tẩu liệt quốc. Việc giảng học viết sách của các vị này bất quá chỉ là công tác làm sau khi không được thi triển ý của mình bằng chính quyền, và giảng học trước thư cũng vẫn là sự tiếp nối nghiệp chính trị và đã đào tạo biết bao chính khách sau này. Ngay đến Lão Đam, Trang Chu nổi tiếng

với triết thuyết vô vi ẩn dật cũng không quên được chính trị bằng những lời công kích tiêu cực đối với chính trị. Ông Trần Trọng Tử ẩn tích mai danh nơi hoang dã nhất định không ngó ngang đến chính trị, nhưng chính ông cũng phải thừa nhận nếu không nhảy lên vũ đài chính trị thì khó lòng mà thực hiện nổi hoài bão lớn đối với xã hội nhân sinh. Ông Nguyễn Trãi theo cha lên biên ải, cha quay lại nói: "Nếu con muốn trả thù nhà thì hãy tìm cách trả nợ nước."

Trí thức là vũ khí để loài người chống lại hoàn cảnh. Trí thức tức là quyền lực. Khi đã gọi là quyền lực thì phải làm sao sử dụng quyền lực đến mức tối đa. Trong cuộc sống xã hội, chính trị bao trùm lên tất cả các sinh hoạt khác, chính trị là công việc toàn chỉnh (la politique est une affaire de tous), chính trị là hoạt động tinh hoa của con người, chính trị là sự sống của xã hội. Cho nên khi người trí thức không lưu tâm đến chính trị là lúc ấy họ đã tự khước bỏ phần lớn đời sống trí thức. Joseph Shumpeter viết : Người trí thức ở khắp mọi nơi, họ nhận nhau qua một thái độ nào đó, chứ họ chẳng hề có chung một quy chế, tinh thần của họ tạo thành mỗi ràng buộc.

Thái độ ở đây là thái độ đối với chính trị vì chỉ có chính trị mới mang khuôn khổ rộng lớn thôi. Quái gở tới mức nào đây, nếu một người trí thức không mang một thái độ chính trị gì hết.

PHẨM ĐỨC, GIÁ TRỊ VÀ THÂN PHẬN

Đứng trên chính trị mà nhìn nhận trí thức phần tử người ta phải nhìn tách biệt ba mặt :

a/ Phẩm đức.

b/ Giá trị.

c/ Thân phận.

Phẩm đức của trí thức là gì? Hãy nghe, nhóm ông Đoàn Phú Tứ định nghĩa :

Trí thức tức là sáng suốt, tức tự do toàn vẹn của tinh thần, tức biệt lập của tinh thần, tức biệt lập cái biệt lập của áng danh sơn, tức thanh cao cái thanh cao không đời đời của kẻ sĩ, cái thanh cao không vụ ích lợi của ngọc châu.

Trí thức là sáng tạo. Cuộc sáng tạo đầu tiên của trí thức là tự tạo. Tự trong một đợt tình trắc tuyệt khi hồn tan trên một nét anh đào.

Tự tạo trong một thế hệ nhập thiên, trong một đường thánh giá.

Tự tạo trong một ngọn gió đùa, trong một cành hoa nắng dớn.

Trí thức là tinh thần tiên phong. Cốt cách tài tử.

Cá tính độc lập. Phong độ trượng phu.

Không hề trưởng giả nhưng vương giả,

Không lo thành đạt, nhưng bao giờ cũng thông đạt.

Không làm thượng nhân, nhưng làm tao nhân.

Phẩm đức của phần tử trí thức nói theo lý tưởng thực là viên ngọc không tì vết. Tuy nhiên không phải cứ có phẩm đức là có luôn giá trị. Trên chính trị, phẩm đức, giá trị và thân phận là ba vấn đề tách biệt nhau. Đó là cái lý do tại sao đôi lúc người ta phải nhận rằng người trí thức không bằng cục cứt là đúng.

Phẩm đức là lương tâm người trí thức không vào con đường phản chính nghĩa, phản động, không làm tay sai cho ác thế lực.

Giá trị là khả năng người trí thức, phải có cái biết có thể biến thành quyền lực, bởi vì khi dấn thân vào thực tế tàn nhẫn, khả năng là điều kiện không thể thiếu được.

Thân phận trí thức sẽ tùy sự lựa chọn với thực tế, tùy sự yếu kém, phẩm đức hay giá trị, tùy theo sự mâu thuẫn giữa phẩm đức và giá trị mà biến đổi.

QUÊN KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH TRỊ

Một khi đã say mê chính trị và nhận chính trị như người tình không thể thiếu được thì lúc tuyệt vọng với chính trị người trí thức như mất hết lẽ sống. Cái chết của Khuất Nguyên là điển hình khai mở cho thân phận trí thức với chính trị.

Kể trong các nhà thơ lớn của Trung Quốc thì :

Đỗ Tử Mỹ, người đời xưng tụng là thi thánh,

Lý Thái Bạch là thi tiên,

Vương Ma Cật là thi Phật,

Lý Trường Cát là thi quý.

Đỗ Tử Mỹ thuộc phái tả thực,

Lý Thái Bạch thuộc phái lãng mạn,

Vương Ma Cật thuộc phái tự nhiên,

Lý Trường Cát thuộc phái duy mỹ.

Tất cả các phái trên đều có chung một nguồn là Kinh Thi và tập thơ Ly Tao của Khuất Linh Quân tức Khuất Nguyên. Ly Tao có một ngôi vị cao nhất trên thi đàn Trung Quốc, tập thơ ấy được coi như vị vua hay bài ca trong các bài ca, hay nhã ca là cái đẹp tuyệt độ không thể đẹp hơn nữa.

Ly Tao là gì? Là nỗi buồn ly biệt. Nỗi buồn ly biệt với chính trị. Khuất Nguyên sáng tác tập thơ này khi bị Sở Vương đuổi lần thứ hai. Lần ông về Giang Nam, nơi có rất nhiều cảnh sắc riêng biệt của nước Sở, những cánh đồng cỏ bao la xanh ngắt, chim oanh bay từng đàn. Giang sơn Sở càng đẹp càng làm cho Khuất Nguyên lo lắng, ông biết cường Tần thế nào cũng xâm lược Giang Nam, cái đẹp kia sẽ ra sao nếu gót giày xâm lược dẫm lên, bao nhiêu vui ca rồi đây sẽ thành

hoang phế điều tàn. Nhưng làm thế nào gọi tỉnh được người Sở đang ở trong cơn mê muội. Trong triều toàn một bọn nịnh thần, nơi điền dã chưa ai biết nổi thống khổ mất nước. Còn phận mình chỉ là một kẻ vong thân, cô lập, bị lưu đày. Ông tự nghĩ tâm linh trung kiên khả dĩ tiến đến chân lý, tuy vậy chân lý của một người thì làm sao chống lại với cái hư ngụy của số đông? Chân lý với gian tà, tinh khiết và sù uế lẫn lộn làm rối loạn cõi trần thế. Bỏ trần thế mà đi bỏ không đành, vất chân lý ra khỏi tâm hồn, vất không nổi. Khuất Nguyên vùng vẫy trong tuyệt vọng giống như con thiên lý mã bị sa vào cát lầy.

Có lần ông hỏi Trịnh Thiềm Doãn :

"Thưa Thái Phó, trung với tà, thiện với ác, chân lý với hư ngụy, trinh khiết với sù uế có thật là không thể sống chung với nhau chăng? Tôi rất yêu nhân gian mà tôi cũng rất thù hận nhân gian, tôi phải chọn điều nào đây? Tôi nên giữ tấm lòng trinh khiết để tự cô lập bằng thái độ cao thượng hay tôi nên hoà mình với số đông tùy tục phù trầm theo thời thế?"

Trịnh Thiềm Doãn nói :

"Thưa Đại Phu, xin ngài hãy làm theo tâm ý của chính ngài, tôi làm sao hỏi đáp được vấn đề quá to tát như vậy."

Ít năm sau, binh Tần mang quân công hãm Sở quốc, Sở mất nước, nhân dân Sở làm than. Khuất Nguyên nhìn nước non gấm vóc, đâu đâu cũng chỉ thấy hoang loạn, đâu đâu cũng đầy vết tích diệt vong. Đau nhức, Khuất Nguyên thả chiếc thuyền nhỏ trên Động Đình Hồ mặc sóng gió giận dữ. Ông thầm nghĩ : ta phải chết, ta phải có một cái chết lỗi lạc. Chết không để giải thoát mà chết để phản kháng, Phản kháng tà ác gian nịnh trên thế gian này. Hỡi người nước Sở thân yêu, người nước Sở đáng thương, tại sao các người không tiếp nhận tấm lòng thành của ta? Tại sao không chịu hiểu nổi kiên trinh âm thầm của ta?

Nước non ọi, những bài ca u hoài của nhân dân nước Sở, người có biết sự hung bạo của vó ngựa xâm lăng bạo Tần không? Trời xanh hỡi quả thật có chính nghĩa không? Tại sao không lưu lại cho nhân gian nhất điểm chính nghĩa? Các thần linh của Sở quốc! Các người nhẫn tâm để cho dân Sở bị dày xéo, bị diệt vong ư? Không thể thế được, nhân dân Sở không thể tiêu diệt, giang sơn Sở không thể bị nô lệ. Cái lỗi của Khuất Nguyên là đã để mọi người say mà riêng mình tỉnh.

Qua Động Đình Hồ, Khuất Nguyên cho thuyền rẽ vào sông Mịch La, nước mắt tràn trụa, ông lặng yên nhìn mây trời mông mênh hồi lâu rồi lao mình xuống sông. Ông đi tìm cái chết vì sinh mệnh của ông từ

lâu đã mất rồi. Sinh mệnh ấy là sinh mệnh chính trị.

PHẨM VỊ CỦA PHẦN TỬ TRÍ THỨC

Sinh mệnh của một quốc gia ở văn hóa học thuật của quốc gia đó. Sinh mệnh lực của một quốc gia đại bộ phận do phần tử trí thức nắm giữ. Sự sinh tồn và tiến bộ của đất nước do nơi tôn trọng học vấn, do nơi phần tử trí thức trong xã hội có trách nhiệm tâm và tự tôn tâm hay không.

"Hiếu học cận hồ trí". Chuộng sự học vấn, tôn trọng người đọc sách là căn bản xây dựng đất nước. Trường học bao giờ cũng là cơ sở của chính trị. Nước văn hiến là nước tôn trọng học vấn, yêu chuộng trí thức, nước văn hiến là nơi thường có hiện tượng "cường đạo không xâm phạm người đọc sách" như giặc Hoàng Cân không đốt phá quê hương ông Trịnh Huyền. Hoàng Sào không giết các nho sinh.

Tôn trọng người có học và trí thức có lòng tự tôn không phải là tâm lý tự cao tự đại của phần tử trí thức. Ở nước ta xưa nay sĩ đứng đầu hàng tứ dân nên có câu "sĩ nông công thương" và "ngư tiều canh độc". Học vấn là nền móng của tất cả mọi nghề nghiệp. Tôn trọng người đọc sách tuyệt nhiên không phải là bảo trì địa vị hay giai cấp đặc thù mà là tôn trọng học vấn và trí thức, nghĩa là tôn trọng hai thứ vũ khí hiệu lực nhất để cải tạo sinh hoạt, cải tạo xã hội và cải tạo quốc vận.

"Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao"

Cao đây là cao phẩm giá không phải cao quyền thế hay cao tiền bạc.

"An đắc quảng hạ thiên vạn gian

Đại tì thiên hạ hàn sĩ tậ hoan nhan"

(Nghĩa là:

Mong mỗi sao cho có căn nhà lớn hàng trăm ngàn gian,

Để che chở cho kẻ hàn sĩ trong thiên hạ ai ai cũng mang về mặt hân hoan.)

Câu thơ của Đỗ Công Bộ nói rõ lên cảnh nghèo của kẻ sĩ. Cụ

Nguyễn Khuyến cũng có bài phú để tả tình trạng thầy đồ:

"Vài khoa thi hồng sót ruột tiền cơm, mấy tháng công non bầm gan thóc nợ.

Vách ông Khổng còn hòm khoa đầu mở một vài con, ngõ thầy Nhan treo túi đan biểu bảo dẫm ba đũa.

Nón sơn úp ngực đi liễu đi liễu, bút thùì cài tai sơn sơ sơn sở.

Nghĩ sênh nhà ra thất nghiệp, cũng bật như cười e nằm mát ăn bát đầy ai nuôi không hở. "

Nhan Hồi được tôn lên hàng nhân vật điển hình của chủ trương an

bần lạc đạo do Nho gia đề xướng. Ngụ nơi ngõ hẹp, một lãng cơm, một bầu nước, người đời lo còn Hối thì lúc nào cũng vui. Người trí thức thường nghèo, tuy vậy không phải cứ nghèo mới là tốt. Khổng Tử có lần nói: "Nếu cái giàu mà có thể *cầu được thì dù làm một kẻ cầm roi ngựa ta cũng làm*". Rồi ông nói: "Cái phú quý bất nghĩa đối với ta chẳng khác gì mây nổi, người quân tử *kiên trì với cảnh nghèo, kẻ tiểu nhân hễ nghèo là tìm cách làm bậy*".

Thực tế hơn, Mạnh Tử cho rằng: "Nghèo khổ đến với kẻ sĩ là bởi trời muốn thử thách, dùng nghèo để động tâm nhẫn tính, dùng khổ để tăng thêm tài năng."

Nói chung, chữ trí thức trong tâm tưởng mọi người hình như nó mang một thứ phép nhiệm màu làm cao giá người được nó nhận, ai ai cũng muốn nó đến với mình ngay. Lúc người ta mang gán nó cho kẻ khác với chủ ý chế riễu hay công kích mà sâu kín trong lòng lại thấy tủi hổ nếu nó từ chối mình. Nghĩ đến trí thức, mọi người đều cảm nhận ở nó một cái gì gọi là tao nhã và cao quý. Chính vì thế nên xưa kia Tể Tướng Cao Lược Sĩ mới phải mài mực cho Lý Thái Bạch viết vào bài thơ của họ Lý, bài thơ ca tụng cái đẹp của Dương Quý Phi, cao hứng rồi giả say Lý Thái Bạch dơ chân đạp cho Cao Lược Sĩ ngã lẩn. Đời sau nghe chuyện chẳng người nào không thích thú, thích thú như một người được hã cơn giận.

Nếu tham vọng chính yếu của phần tử trí thức là tham vọng trị quốc bình thiên hạ thì ngược lại tham vọng chính yếu của các chính khách là tham vọng muốn tỏ ra mình là trí thức. Raymond Aron rất có lý khi viết câu này:

"Tham vọng chính trị của các nhà văn thành công đã đụng đầu với những tham vọng văn chương của các chính khách. Người thì mơ viết một cuốn tiểu thuyết tuyệt tác, người thì mơ làm bộ trưởng".

(Les ambitions politiques des romanciers à succès se heurtent aux ambitions littéraires des hommes d'Etat. rz ci rêvent d'écrire et ceux là de devenir ministres)

ÍT NHIỀU KHÁC BIỆT GIỮA ĐÔNG TÂY

Trí thức Đông và Tây đều không quên được chính trị.

Trí thức Đông và Tây đều vào chính trị bằng con đường yêu nước và cách mạng.

Ở lòng yêu nước họ gặp nhau, nhưng ở cách mạng họ có điểm khác biệt. Khác biệt bởi hai nền văn hoá.

Trở về với thần thoại, Prométhée sau một trận giặc nhất định không đứng về phe người trời Olympien nữa, Prométhée muốn ngã về phe

người trần. Để cho loài người mạnh lên, Prométhée thấy lửa sấm sét của Jupiter là thứ vũ khí lợi hại nên quyết lấy cắp lửa mang xuống cho loài người. Từ đây nhờ Prométhée mà loài người có lửa dùng. Jupiter biết giận lắm cho gọi thần thợ rèn Vulcain đến bắt Prométhée và cùm ở chân núi Caucase. Chưa nguôi Jupiter còn thả chim ưng hằng ngày đến moi ruột rửa gan Prométhée. Hết năm này qua tháng khác, đau đớn Prométhée kêu gào vang động.

Đời vua Nghiêu, có tới mười mặt trời thiêu đốt nhân gian khiến mùa màng khô héo, sông nước cạn. Vua cho rao khắp thiên hạ cần người hiền tài đến giúp. Có Hậu Nghệ bắn cung cực giỏi. Hậu Nghệ lên một đỉnh núi cao chót vót dựng cung bắn chín lần chín mặt trời rơi xuống đất. Từ đây ở trần gian sông hồ lại đầy nước, cây cỏ tốt tươi. Ngay thời kỳ thần thoại, Đông phương đã kiến thiết rất vững chắc tinh thần nhân văn. Prométhée mới chỉ phạm tội ăn cắp chút lửa trời mang xuống nhân gian mà đã phải chịu một hình phạt nặng đó. Trái lại Hậu Nghệ đã nhân danh loài người đánh bật những ác độc của thượng đế.

Sau này Tây Phương một thời gian khá dài bị úp chụp trong vòng kiểm tỏa của tôn giáo. Điều này tạo nên điểm khác biệt cho vận động trí thức của Tây Phương với Đông Phương (khu vực văn minh Trung Quốc).

Với quan niệm đại tự nhiên của chủ nghĩa nhân văn mọi cuộc đấu tranh lịch sử đều là quy luật đại tự nhiên hết Xuân sang Hạ hết Thu sang Đông thuận lẽ trời. Lẽ thuận tự sẽ thực hiện trong xã hội nhân loại khi nào đa số đồng ý gọi là hợp lòng người. Cho nên những biến động lịch sử thường mang tiêu đề : diệt kẻ vô đạo mà không bao giờ có tiêu đề dành Tự Do.

Trái lại ở phương Tây mỗi biến động lịch sử đều chịu ảnh hưởng của hai thế lực Thế quyền và Thần quyền. Kẻ thống trị phải có sự thỏa thuận của Giáo Hội. Hết thấy quyền phán xét bất cứ mặt nào của sinh hoạt của sự sống đều phải dành cho giáo quyền. Những cấm điều do Giáo Hội đưa ra làm thành chuỗi xích nặng nó trói buộc con người. Muốn lật đổ chính quyền phải đủ khả năng lật đổ thống trị tâm lý tinh thần của giáo quyền nếu không thì biến động chỉ loanh quanh trong cái vòng luẩn quẩn giữa những âm mưu của các lực lượng khác nhau trong chính quyền và giáo quyền nghĩa là quý tộc phong kiến và tập đoàn tăng lữ. Vận động trí thức vì lẽ trên phải trải qua giai đoạn đấu tranh giải phóng tư tưởng chống thần quyền mà Tự Do là tiêu đề. Tự Do mang một ý nghĩa thiêng liêng trong tâm khảm của người Tây Phương.

Tinh thần người trí thức của chủ nghĩa nhân văn Nho đạo là : giáo hóa quốc dân đoàn kết quốc dân, bảo vệ giang sơn mang trách nhiệm tâm cực lớn phấn đấu cho lợi ích bình dân, có một tấm lòng tự tôn mãnh liệt để phấn đấu cho địa vị của phần tử trí thức. Đề cao địa vị trí thức không phải là đề cao lợi ích vật chất và quyền hành bản thân mà là dùng trí lực để áp đảo vũ lực cùng kim lực của quý tộc, đề cao địa vị bình dân là đem học vấn ra làm công cụ xây dựng hạnh phúc cho bình dân.

Phong độ người trí thức của chủ nghĩa nhân văn Nho đạo là : Nho và Hiệp.

Ông Cao Dao đưa ra chín nguyên tắc cho việc tu thân :

Khoan thứ mà không để thành hỗn loạn.

Mềm dẻo mà vẫn vững lập trường.

Căm giận nhưng không mất vẻ khiêm cung.

Hòa đồng nhưng vẫn nghiêm nghị.

Thẳng băng mà vẫn ôn nhu.

Giản dị và liêm khiết.

Cứng rắn mà vẫn khéo léo.

Mạnh bạo nhưng không bất nghĩa.

Khổng Tử nói nho sĩ phải là người có đủ ba tầng nhân cách :

1) Trách nhiệm tâm : (người quân tử tu thân mình để bảo vệ trăm họ.

2) Tự tôn tâm: (*không lo, không sợ, không làm lẫn*)

3) Dũng cảm.

(Trong thiên Nho hạnh của sách Lễ Ký, Khổng Tử luận phong độ nhà Nho như sau: thân có thể *nguy mà chí không thể đoạt, chịu chết chứ không chịu nhục*)

Ngoài ra phải kể thêm cả trạng thái tiêu cực của cả Nho lẫn Hiệp là Ẫn. Mỗi lúc thấy thời thế hỗn loạn nhiều nhưng chưa thể làm gì cứu đời giúp nước thì ở Ẫn.

THƯỢNG KHUYNH TÍNH

Tính thượng khuynh là một biến tướng của tinh thần và phong độ nói trên.

Có hai nguyên nhân:

Thứ nhất: do chế độ thi cử khai khoa thủ sĩ, học giỏi ra làm quan.

Thứ hai: quan niệm trị quốc bình thiên hạ cần ở ngôi vị cao, ảnh hưởng chính trị từ thượng tầng xã hội đi xuống mạnh hơn ảnh hưởng từ hạ tầng xã hội đi lên.

Thượng khuynh tính là gì?

Là chỉ chăm chú tranh dành tước vị .

Vì chăm chú tranh dành tước vị cho nên phần tử trí thức thường phải

dựa dẫn vào bọn đạt quan quý nhân để làm bước thang tiến thân. Văn hay chữ tốt nhưng chỉ là công cụ của bọn hào quý. Nhan Chi Suy viết gia huấn lưu lại cho con cháu đã hết sức thông mạ tính thượng khuynh qua nhân vật Trần Lâm. Ông nói người quân tử tuyệt giao không khi nào gây tiếng ác một ngày kia quỳ gối thờ người thật là một điều sỉ nhục. Trần Lâm ở với Viên Thiệu thì mắng Tào Tháo là lang sói, sang với Tào Tháo thì lại chửi Viên Thiệu là cua cáy. Tình cảnh ấy thật đáng lo cho văn nhân vậy. Do tâm chất thượng khuynh quá mạnh nên phần tử trí thức đành cam chịu cảnh:

Tung hoành chính hữu lãng vân bút.

Thủ ngưỡng tùy nhân diệc khả lân.

(Bút pháp tung hoành át cả mây trời.

Thế mà phải cúi đầu theo người thật đáng thương.)

Tính thượng khuynh vào cách mạng đã tạo nên người cách mạng kiểu Nguyễn Hữu Cầu chứ không tạo nên mẫu người như Robespierre, nghĩa là cách mạng để đoạt ngôi vị không có cách mạng theo đuổi một lý tưởng, một ý hệ, một chủ nghĩa cách mạng, để thay đổi hoàn cảnh cá nhân không phải cách mạng cho một quan niệm sống.

Tư tưởng cách mạng của Nguyễn Hữu Cầu là làm loạn đã nảy sinh từ lúc ông còn đang đi học qua những lời đối đáp với thầy học:

Nếu Trần Bình làm tế tướng,

Ai cấm Hàn Tín xưng vương.

Nằm thì bốn phương yên gối chiếu.

Dậy thì thiên hạ sướt thịt da.

Nguyễn Hữu Cầu có người bạn học ngang tài mình là Phạm Đình Trọng. Bước ra đời Trọng vì là danh gia tử đệ nên bước vào chính quyền rất dễ dàng. Cầu với gốc tích dân dã chài lưới đương nhiên Cầu phải đi vào chính quyền bằng ngã khác. Khi nghe tin Tuyển Cử nổi lên ở Chí linh, Cầu liền theo giúp. Thanh thế Cầu về sau mỗi ngày thêm lừng lẫy tự xưng là Đông Đạo Tổng Đốc Bảo Dân Đại Tướng. Cho đến lúc hoàn toàn thất bại, suốt quá trình khởi loạn của Cầu chỉ theo đuổi mục đích:

Ngọc tàng nhất điểm, xuất vi chúa nhập vi vương.

(Chữ ngọc dấu đi nét chấm, thò lên thì là Chủ thật xuống là chữ Vương)

Thua trận bị bắt nhốt trong cũi Cầu có mấy câu thơ sau đây:

Bay thẳng cánh muôn trùng Tiêu Hán.

Phá vòng vây bạn với kim ô.

Giang sơn khách diệc tri hồ .

Những câu thơ ấy ngụ ý mong mỗi thoát thân hơn là ngụ ý mong một lý tưởng tự do .

Trái lại Robespierre chịu ảnh hưởng tư tưởng Rousseau lúc nào cũng say sưa với hoài bão thực hiện tư tưởng Rousseau kể cả lúc ông ở địa vị cao nhất. Chính vì quá khích với tự do Robespierre đã trở thành nhà độc tài của Tự Do, rồi hoài bão ấy cũng đưa ông lên máy chém.

Bởi tính chất thượng khuynh quá mạnh nên Thi Nại Am đã không thành công về sự miêu tả nhân vật Ngô Dụng một phần tử trí thức trên Lương Sơn Bạc .

Chế độ thi cử với phương châm học nhi ưu tắc sĩ (học giỏi ra làm quan). Triều đình căn cứ vào thi phú mà tuyển người nên ai nấy sống chết với văn thơ.

Thiên tử trọng anh hào.

Văn chương giáo nhi tào.

Biết nhân hoài bảo kiếm.

Ngã hữu bút như đao.

(Nghĩa là:

Vua quý trọng kẻ anh hào. Văn chương ta đem dạy các người. Thầy kẻ người kia mang bảo kiếm. Ta có cây bút sắc kém chi đao.)

Với quan niệm ấy, phần tử trí thức dần dần không coi tinh thần hiệp là yếu tố căn bản của phẩm đức nữa. Cái tâm hùng vạn phu của Lý Bạch chẳng còn, chỉ thấy cái mặt trắng của thư sinh trói gà không chặt, dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN ĐẠI TỰ NHIÊN VÀ CHỦ NGHĨA NHÂN VĂN TỰ DO

Nền tảng văn hóa và văn minh của Trung Quốc là nền tảng văn hóa văn minh nông nghiệp nên lý luận cơ sở nó là lý luận đại tự nhiên. Phần tử trí thức trải nhiều ngàn năm tuy có chuyển hình nhưng cũng vẫn ở trong cái vòng đại tự nhiên ấy thôi.

Trong thi ca của Đào Uyên Minh người ta tìm thấy khá đầy đủ lý luận đại tự nhiên này.

Vũ trụ quan của ông như sau:

- Trời đất không bao giờ diệt, sông núi chẳng bao giờ rời đổi.
- Vũ trụ vô tự, vạn vật tự lý (vũ trụ không biết thiên tư muôn ngàn hiện tượng đều tự xếp đặt lấy).
- Bốn mùa thứ tự đổi thay, phó cho tự nhiên.

Về xã hội quan ông nghĩ:

- Mấy mẫu ruộng với gian nhà cỏ, một rặng liễu rủ, một lũy tre xanh, vài khóm hoa nở, làn khói lam mờ, tiếng gà gáy sáng, ít người nông

dân hiền lành.

- Hòa với thiên nhiên khai khẩn lao tác tìm cái sống.

- Sinh hoạt cốt sao cho thích ý hãy vui cho hết ngày hôm nay, ngày mai chưa cần gì vội.

Về nhân sinh quan ông nhận định :

- Vui với thiên nhiên.

- Thuận với thiên nhiên.

Đại tự nhiên là chân lý đã sẵn có trước mắt.

Tại Tây phương không như vậy, trong một thời gian khá lâu, tôn giáo Ki Tô giam buộc con người theo đuổi mục đích phượng thờ thượng đế. Không có gì thành tựu ngay trên trần tục này hết, sinh mệnh con người sẽ hoàn thành sau khi chết lên thiên đàng hay xuống địa ngục. Bởi thế phần tử trí thức phải đấu tranh giải phóng khỏi sự giam buộc đó bằng cách tìm tòi chân lý và đòi tự do.

Chủ nghĩa nhân văn phương Tây kiến lập trên hai hoạt động này cho nên phẩm đức trí thức là phẩm đức của một chiến sĩ tha thiết với tự do. Họ không bao giờ chịu thuận với thiên nhiên hay vui với thiên nhiên. Họ không vui khi được sống họ muốn suy tư và phê phán sự có mặt của họ trên cõi đời này. (*Ils ne se contentent pas de vivre, ils veulent penser leur existence _ Raymond Aron*).

Để chứng minh vũ trụ không phải do Thượng đế làm ra trong bảy ngày mà vũ trụ tạo dựng với quy luật vật lý, Copernic đưa ra lập luận trái đất quay chung quanh mặt trời Giáo hội liền bắt giam. Bruno tiếp tục công việc của Copernic bị Giáo hội kết tội phù thủy đưa lên giàn thiêu. Galillée không sợ uy lực ngang nhiên theo gót Bruno.

Những thảm kịch của Corneille đều là thảm kịch của Tự Do (drame de la Liberté). Con người không lúc nào ngừng tìm đến Tự Do. Trong cái tuyệt đối của Tự Do ý chí người ta tìm thấy vẻ đẹp và tính cao cả của con người. Cuốn Emile vừa ra đời nó bị hội nghị Paris lên án và đòi bỏ tù tác giả. Jean Jacques Rousseau phải trốn chạy sang Thụy Sĩ, chưa được bốn ngày, Hội Đồng Genève cũng lên tiếng kết tội cuốn sách với bản án y hệt rồi lần lượt nhiều nơi khác nữa. Hồi tưởng giờ phút bôn ba Rousseau viết: *Cả Âu Châu đang kêu gào nguyện rửa tội với bộ mặt muốn ăn sống nuốt tươi chưa bao giờ có.* Giữa lúc ở Paris Giám mục Beaumont trong một bản tuyên giáo đưa ra từng điểm để bảo rằng cuốn Emile là cuốn sách hung dữ nhằm phá hoại đời sống và giáo lý công giáo.

Trả lời Beaumont, Rousseau viết:

"Tôi chỉ có một tín ngưỡng là lẽ phải và ngòi bút, tôi từ chối quyền quý của bất cứ người nào, tôi không khuất phục công thức của ai nếu

tôi chưa nhận đó là chân lý".

Phần tử trí thức sản phẩm của cuộc đấu tranh chống thế quyền và thần quyền, chống tập đoàn tăng lữ và vua chúa quý tộc phong kiến hay nói khác đi là phần tử trí thức của chủ nghĩa nhân văn.

Tây phương thoát thai từ cuộc đấu tranh này có hai hình thái :

a) Khoa học, đi vào vật chất để tìm chân lý,

b) Tự do, đi vào sinh hoạt xã hội và đời sống để tìm chân lý.

(Tự do khi thể chế hóa vào chính trị là thể chế dân chủ)

Các khoa học gia mãi mê đi vào cái thế giới tân kỳ này nên ít trực tiếp làm chính trị, trong khi những phát minh khoa học lại ảnh hưởng cực lớn đến chính trị, nhưng chính trị tốt theo họ là thứ chính trị có thể đem đến cho họ một phòng thí nghiệm đầy đủ nhất. Nhưng số lượng khoa học gia ngày một tăng thêm tuy người phát minh không tăng mạnh lắm, nhưng người điều khiển và kiện toàn những phát minh khoa học thì đã gấp cả ngàn lần hơn cho nên Tây phương hiện đại có hiện tượng chính trị mới là hiện tượng thư lại chuyên viên (technocrate), thư lại chuyên viên đã trực tiếp giữ vai trò quan trọng trong các cuộc vận động chính trị của phần tử trí thức mới đây . (Sẽ nói kỹ hơn ở chương sau)

BIẾN TƯỚNG

Cũng như quan niệm thượng tầng xã hội đi xuống mạnh hơn ảnh hưởng hạ tầng xã hội đi lên đã có biến tướng là thượng khuynh tính, thì quan niệm tất cả cho Tự Do cũng có biến tướng của nó.

Ngay từ lúc đầu của cuộc đấu tranh đã xuất hiện Sade hầu tước, mà danh từ văn học mệnh danh là lý thuyết gia của nổi loạn tuyệt đối (révolue absolue). Chẳng những chối bỏ Thượng Đế, Sade còn nhìn Thượng Đế như một kẻ giết người. Tác phẩm lớn của Sade là cuốn tiểu thuyết Justine. Trong ấy Sade kể: Justine chạy dưới trời đông tố và tên tội phạm Norceuil ngửa mặt lên Thượng Đế mà thề sẽ trở lại đạo nếu Justine không bị hành phạt, nhưng một tiếng sét đã đánh chết Justine.

Norceuil kết tội Thượng Đế là tên sát nhân, như vậy tất cả những điều lệ của Thượng Đế đặt ra từ trước đến giờ đều vô giá trị, như vậy chỉ có lòng ham muốn của chính ta là đáng kể. Sade đi đến chỗ điên cuồng gào thét giết người để thực hiện tự do. Để chống với tín điều trinh bạch (chasteté) của Ki Tô Giáo, Sade cổ vũ sự cuồng phóng lòng dục. Ảnh hưởng của Sade ngày nay rất lớn đối với phong trào Hippies hay người hoa (flower people) đang bành trướng .

Hippies ngày nay không chống Thượng Đế nữa mà chống cái ngột thở của xã hội hậu công nghiệp vì hệ thống tổ chức quá chặt.

oOo

Dostoievsky hô lên: Tout est permis (Tha hồ hành động) bởi vì Thượng Đế và bất diệt là ảo nên bây giờ con người chính là Thượng Đế.

Tha hồ hành động mở đầu cho trang sử của chủ nghĩa hư vô cận đại (nihilisme contemporaine).

Chủ nghĩa hư vô chẽ làm hai ngã:

- a) Con người làm Thượng Đế bằng "logique".
- b) Con người làm Thượng Đế bằng ý lực siêu nhân.

Ngã siêu nhân đã sản xuất ra chế độ Quốc Xã.

Trước hết hãy nói về cố gắng siêu nhân.

Năm 1884 Frederic Nietzsche ra đời. Ông trở thành triết gia danh tiếng với thuyết ý chí quyền lực và siêu nhân. Theo Nietzsche : *"Tất cả mọi đam mê đều đưa con người đến một cái gì. Đam mê có thể tàn phá những kẻ yếu hèn nhưng đam mê lại thêm sức mạnh cho người dũng cảm. Tội lỗi đức hạnh không tạo ra quyền uy hay sa đọa mà chính quyền uy hay sa đọa tạo ra đức hạnh hay tội lỗi. Thượng Đế chết rồi trên trái đất chỉ còn lại những siêu nhân. Nếu được làm siêu nhân dù trong giây phút thôi tôi cũng cam chịu tất cả"*. Những điều Nietzsche nói trong tác phẩm ảnh hưởng ghê gớm vào đầu óc thanh niên Đức. Ảnh hưởng ấy đã biến thành quyền lực vật chất xây dựng thành chế độ Quốc Xã. Lúc chế độ này thua trận, Hitler và Goebbels đều tự tử chết cùng với gia đình. Họ đã thực hiện cái chết đúng như lời Nietzsche nói :

"Ta gửi các người cái chết của ta, cái chết tự nguyện, nó đến với ta bởi ta muốn thế".

Thân phận trí thức

Chương Thứ Hai GIÁ TRỊ

Vào cõi Phật dễ, vào cõi ma khó

NHẤT HƯU THIÊN SƯ

Marx nói: " các triết gia từ trước đến nay chỉ mới suy nghĩ và diễn dịch cuộc sống qua nhiều lối khác nhau, nhưng điều quang trọng chính là

phải làm thay đổi".

Người ta thấy rất ít người đi tới cùng công việc này

CĂN BẢN CỦA VẤN ĐỀ GIÁ TRỊ

Trí thức là quyền lực.

Với chính trị tính chất quyền lực càng nặng hơn.

Trong chính trị, trí thức chỉ có giá trị khi nào nó có thể biến thành quyền lực vật chất. Giá trị của phần tử trí thức trong chính trị cũng chỉ được thừa nhận theo tiêu chuẩn này.

Chính trị là một sự nghiệp thực tại tàn nhẫn và cam go, vận dụng trí thức để giải quyết bế tắc sinh hoạt xã hội, dọn quang chướng ngại trên đường đi của lịch sử.

Căn bản giá trị của trí thức ở thực tiễn mà đến.

Căn bản giá trị của phần tử trí thức ở đấu tranh mà ra.

VAI TRÒ TRÍ THỨC PHẦN TỬ TRONG CÁC BIẾN CỐ LỚN CỦA LỊCH SỬ

Biến cố chính trị thường là kết quả của sự tranh chấp giữa tập đoàn đang nắm chính quyền và những người bên ngoài chính quyền. Tập đoàn tại quyền có hai thành trì bảo vệ:

a- Chính thống gồm những tổ chức và sức mạnh cai trị.

b- Đạo thống gồm những tổ chức chấn áp tư tưởng dùng tư tưởng đạo thống để bênh vực quyền cai trị hiện hữu.

Tập đoàn bên ngoài chính quyền thì khởi sự bằng phản kháng chống đạo thống rồi vận dụng tư tưởng tổ chức đối kháng với bộ máy thống trị nghĩa là đem trí thức biến thành quyền lực. Như vậy dẫn đầu các biến cố lớn hầu hết là một cuộc nổi loạn siêu hình (révolue métaphysique) nói theo kiểu Camus.

Để đánh đổ phần tử trí thức không thể không dựa vào một phần tử trí thức khác. Cuộc nổi loạn này có hai trận tuyến:

1- Tình cảm.

2- Lý trí.

Cả hai đều nhằm mục tiêu hủy diệt uy quyền chính trị của đối phương.

Ở đây phần tử trí thức là những người của từ ngữ (men of words), đi cao hơn bậc nữa họ là những người xây dựng lý thuyết (theoricien).

Để gây phong trào quần chúng phần nộ không thể không có những nhà thơ, nhà văn như:

Pouchkine, Ryleev, Tchelov, Gorki, Maiakovski. Những hùng biện gia

như:

Fichte, Kakhovsky, Netcheev, Trozsky, Vanden Bruch.

Để chống lại lý thuyết vương quyền thần thụ của Bossuet, Cách Mạng Pháp không thể không có cuốn Xã Hội Khế Ước của Rousseau và Vạn Pháp Tinh Lý của Montesquieu.

Trước Cách Mạng Pháp, đa số dân chúng Âu Châu đều tin tưởng lời Bossuet nói:

- "Thiếu bàn tay Thượng Đế thì thế giới này sẽ rơi xuống vực thẳm, thiếu vương quyền thì xã hội này sẽ chìm vào hỗn loạn".

(Que Dieu retire sa main, le monde retombera dans le néant, que l'autorité cesse dans le Royaume tout sera en confusion).

- Phải nhìn cho rõ để thấy bàn tay Thượng Đế trong lịch sử nhân loại ở bất cứ nơi nào, tất cả những biến chuyển lớn lao của lịch sử đều tuân thủ các nguyên tắc thần học bao la khắp mọi nơi.

(Il fallait donc faire voir dans les différentes époques de l'histoire humaine dans la main de Dieu, il fallait que les grands faits de l'histoire se plissent à une interpretation universelle et théologique).

Muốn làm mờ Bossuet, Cách Mạng Pháp cần có cái tri thức lớn lao của Montesquieu. Do hiểu biết bao la của ông, ông đã chứng minh cho mọi người thấy rõ lý luận thần học của Bossuet lỗi thời rồi. Trong cái thế giới chính trị ngày càng thêm phức tạp, biết bao nhân vật, biết bao xung đột, biết bao quyền lợi riêng tư đối chọi nhau, làm sao tìm thấy bàn tay Thượng Đế. Nhịp điệu thế giới biến chuyển theo với thủ đoạn, với mưu cơ của thực tế chính trị. Hàng trăm ngàn đầu dây mối rợ khó lòng mà nhìn nhận ra một nguyên tắc chỉ đạo như một mẫu số chung thì đương nhiên không thể đem chính trị thu hẹp vào nguyên tắc tề liệt của thần học. Chân trời lịch sử mở rộng, thế giới không còn là của Rome hay Jerusalem nữa. Á Châu, Phi Châu, Mỹ Châu đang đòi địa vị lịch sử của họ và dĩ nhiên không thể buộc họ vào sứ mạng Ki Tô. Vũ trụ không còn thu hẹp trong lối suy diễn thần học, nó đang tràn ngập và phá vỡ con đê lý thuyết Bossuet.

INTELLIGENTZIA

Tiền phong của cách mạng 1917 là những hoạt động trí thức. Từ những phong trào này sản sinh ra danh từ Intelligentzia (khoảng cuối thế kỷ 19)

Theo Nicolas Berdiaev thì người Tây phương đã nhận xét làm Intelligentzia coi giống hệt Intellectuel. Thực ra nó rất khác biệt. Đây không hẳn là một tổ chức nhưng nó cũng không buông thả ai muốn làm gì thì làm như trí thức Âu Châu. Intelligentzia ở Nga sống gần

như một tôn giáo nhỏ với giáo điều tập quán phong tục và hình dáng bề ngoài riêng biệt và có cùng một quan niệm vũ trụ nhân sinh. Đó là một tập thể sống theo lý tưởng không phân biệt nghề nghiệp giàu nghèo. Mới đầu họ là tầng lớp học thức rồi lan đến các công tử quý tộc, sau xuống đến các tiểu công chức, tiểu thương đôi lúc còn thấy cả nông dân nữa. Sơ khai vì không thể trực tiếp hoạt động chính trị, họ gởi chính trị vào hoạt động văn học. Lâu dần các buổi hội đều là sự tụ tập để phê phán chính trị. Tinh thần của họ là tinh thần Raskol (tên tắt nhân vật tiểu thuyết của Dostoievky, một sinh viên cấp tiến đã giết mẹ cầm đồ cay nghiệt tượng trưng cho thể chế bất công bấy giờ). Tinh thần Raskol là tinh thần cuồng tín.

Thái độ táo bạo đầu tiên của Intelligentsia là tước bỏ hết các quyền tôn giáo đối với họ. Raditchev đưa ra phương châm : Tâm hồn tôi bây giờ hướng cả về đau khổ của con người. Radichev tìm mọi cách để truyền bá tư tưởng Rousseau, Diderot, Voltaire. Tư tưởng của Cách Mạng Pháp vào Nga phá vỡ đức tin cổ truyền. Pestel viết cuốn Vérité Russe, một trong những đà móng của chủ nghĩa xã hội tại Nga.

Tinh thần Raskol cuồng nhiệt hơn sau việc chính quyền treo cổ những người cầm đầu vụ tháng 12 (les décembriste) là vụ nổi loạn mưu sát Nicolas 1er. Trong số người bị treo cổ có hai thi sĩ danh tiếng : Ryleev và Pestel.

Các phần tử trí thức Intelligentsia thề nguyện một mắt một còn với chính quyền thống trị đương thời, họ chân thành nghe theo tiếng gọi của thi sĩ Releev:

Không thể có thỏa hiệp nào

Giữa bầy nô lệ với bạo chúa

Chúng ta hãy viết ngay những trang sử máu và vung gươm tiên bực.

Khắp dân gian những bản viết tay, in thạch lời cuối cùng của Kakhovsky người cầm đầu vụ Tháng 12, được truyền cho nhau đọc: *" Số tôi đã định đoạt. Tôi không than van, thản nhiên nhận bản cáo trạng. Sống hay chết với tôi gần như chẳng có gì đáng kể. Tôi không muốn nói đến tôi nhưng tôi muốn nói đến tổ quốc của tôi, nếu ngày nào tìm tôi còn đập thì tổ quốc mãi mãi là điều linh thiêng nhất. Tổ chức hội kín của chúng ta đã bị khám phá. Chúng tôi chống lại Ngài (chỉ Nicolas) với mục đích duy nhất là tiêu diệt bằng được cái gia đình đang ngự trị dù phải tắm trong máu để xây dựng một chính quyền nhân dân. Tôi say sưa trong tình yêu Tổ quốc, trong tình yêu Tự Do. Với tôi không có gì gọi là tội lỗi khi đấu tranh".*

Và hình ảnh những bộ mặt thần nhiên bước lên dàn treo cổ đã thành những hình ảnh đẹp nhất. Trên ngôn ngữ hàng ngày, trên các sáng tác văn học, chính quyền được mệnh danh là chúng nó đối lại với chúng ta là Intelligentzia. Cái gì chúng nó tin thì chúng ta phải phủ nhận, cái gì chúng nó cho là giá trị thì chúng ta khinh rẻ. Tất cả đều tập trung vào sự giải phóng con người trên thế gian, giải phóng thợ thuyền tạo điều kiện sinh hoạt mới, tiêu hủy hết thầy thành kiến, mộ đạo, mê tín, lệ luật trói buộc và thứ nhất là thứ tư tưởng "trên trời", thứ tư tưởng làm cho nô lệ, thứ tư tưởng đánh cắp hạnh phúc nhân loại.

Đà cuồng tín lên cao, để cung ứng cho cuồng tín có một đường hướng khởi rơi vào vực sâu yếu thế(?) lãng mạn Netchaev sáng tác cuốn : Kinh Bản Cách Mạng (Catechisme Révolutionnaire) ấn định một tinh thần mới :

" Chỉ biết cách mạng, cách mạng thay thế Thượng Đế. Lấy luật lệ cách mạng làm nguyên tắc sống, lấy sức mạnh sắt thép hoạt động. Người cách mạng không còn tình cảm, quyền lợi, công việc, liên hệ riêng tư nữa. "

" Cái xã hội khốn nạn này phải phân chia ra làm nhiều loại: loại thứ nhất là bọn phải đem hành hình ngay, trước hết là những kẻ nguy hại trực tiếp cho tổ chức cách mạng. Bằng lối giết chóc tàn nhẫn luôn luôn rình rập chúng ta có thể làm lung lay chánh quyền thống trị bằng cách tiêu hủy những tay sai khôn giỏi của nó ".

Hưởng ứng lời khuyên của Netchaev là hàng loạt vụ khủng bố khắp nơi, nhiều nhân vật cao cấp chính quyền và tay sai từ thành thị đến thôn quê bị giết (ngược lại tổ chức cách mạng cũng bị chính quyền sát hại khá đông).

Khủng bố biến chất trở nên bừa bãi, thường vì lý do cá nhân thù hận khiến cho mọi người mất tin tưởng và chán ghét. Khủng bố làm cho cách mạng gần thành người mất trí. Nhìn thấy nguy cơ này, A. D. Mikhailov viết một số bài luận về ý nghĩa của tổ chức và kỹ thuật hoạt động bí mật. Theo Mikhailov thì:

"Làm việc vô tổ chức là lãng phí sức mạnh"

"Kỷ luật, phương pháp tự chế, làm việc đều đặn, chu đáo đúng giờ giấc đó là những đức tính mới rất cần cho người cách mạng trong giai đoạn hiện thời".

"Tất cả mưu đồ chính trị đều phải loại bỏ được mọi bất ngờ may rủi mới có thể thành tựu. Phải tổ chức, tất cả bí quyết thành công ở đây".

Tư tưởng Mikhailov tạo nên nhiều vụ làm chấn động tâm lý toàn

quốc, nhất là vụ theo đuổi giết vua Alexandre Đệ Nhị. Bị nhiều lần chết hụt, Alexandre phải trốn chạy, tăng cường canh gác xa lánh xung quanh, nghi ngờ đồ ăn thức uống. Dân gian thích thú truyền khẩu nhau: Alexandre ra lệnh như một vị bạo chúa nhưng run rẩy như một tên nô lệ. Tư tưởng Mikhailov có ảnh hưởng lớn, nhưng không đi ra ngoài phương pháp và hoạt động khủng bố. Cách mạng vẫn nguyên vẹn là những âm mưu tụ tập ít người nhỏ hẹp cho đến khi một chuyện quan trọng xảy tới. Ngày 9 tháng 1 năm 1905 dưới sự lãnh đạo của cha Gapone, chừng hơn trăm ngàn thợ thuyền từ Saint Petersburg biểu tình tiến về lâu đài Mùa Đông. Họ không mang khí giới, họ nắm tay nhau hát bài : Xin Thượng Đế phù hộ cho Tsar. Cha Gapone đưa lời thỉnh cầu lên Tsar Hoàng:

"Chúng tôi không đòi hỏi chi nhiều. Chúng tôi chỉ xin được làm việc 8 giờ một ngày, xin tăng tiền công hàng ngày lên một đồng rúp. Xin hãy cứu dân chúng và hãy phá bỏ hàng rào ngăn cách giữa dân chúng với Ngài."

Tsar Hoàng rời bỏ Saint Petersburg, quyền hành trao trọn vào ít tướng lãnh, giám đốc công an và Quận Công Vladimir. Quân đội hạ lệnh bắn, đám người biểu tình ngã xuống như sung rụng. Tổng kết có 500 người chết, 3000 người bị thương, đàn bà con trẻ la liệt trên đất, máu đổ nhuộm hồng màu tuyết.

Tại Genève trong căn gác tối, Lenine nhận được tin và nhìn qua biển cổ này ông nhìn thấy một trời ánh sáng hy vọng cách mạng đã tràn vào quảng đại quần chúng. Ông nghĩ lòng hăng say và căm hận đã nổi dậy trên khắp nước, nếu còn thiếu gì chỉ là thiếu lý luận đấu tranh, kỹ thuật đấu tranh. Lenine tự cho mình có bổn phận cung ứng những thứ đó. Thế là hàng loạt văn phẩm do Lenine viết thành hình, chúng đã giúp cho cuộc đấu tranh rất nhiều. Cùng lúc ấy một bộ óc khác cần thiết cho Cách Mạng Tháng Mười và đã đóng góp nhiều công lao là bộ óc của Léon Bronstein tức Trosky cũng hoạt động dữ dội.

Malaparte khi nhận định về Lenine có viết câu này:

"Lenine était survenu pour donner une logique au peuple Russe"

(Lenine hiện ra, đem cho dân tộc Nga cách luận lý.)

Câu ấy thật không có chi quá đáng.

VŨ KHÍ SẮC BÉN CỦA TRÍ THỨC PHẢN TỬ.

Bất cứ vận động chính trị nào, bất cứ phong trào quần chúng nào cũng đều khởi sự bằng một thiểu số quyết tâm chiến đấu và bất cứ cuộc khởi sự nào cũng bắt đầu bằng các hoạt động phá hoại uy tín

đối phương, kẻ thống trị sẽ bị mất lòng tin tưởng (l'ordre existant est tombé en discret). Ngược lại nếu chính quyền không quét sạch sức mạnh kẻ phản kháng để buộc phải vâng lệnh mình cứ để tình trạng phá hoại uy tín lan rộng là thua.

Sự mất uy tín hay uy quyền chính trị không hẳn do ở những hành động sai lầm hoặc những quá lạm của kẻ cầm quyền mà bởi sự phê phán sắc nhọn của đối phương, của những người có khả năng hiệu triệu đặt vấn đề quá lạm và sai lầm ấy để vạch vôi ra hình ảnh thối rữa và bất lực. Nếu không có những phê phán nguy hiểm ấy thì kẻ thống trị dù quá lạm gấp đôi, sai lầm gấp đôi cũng không bao giờ tự nó sụp đổ cả. Bởi lẽ ấy Tào Tháo mới nhìn thấy cái nguy hiểm của Dương Tu, Tháo giết Dương Tu là nhận ra cái tài phê phán tinh tường của Dương Tu. Chỉ có Tu là biết đến lòng đến ruột của ông, giết Dương Tu là giết mầm mống ác hại.

"Công việc tiên phong để đánh phá những thể chế thống trị, để quần chúng muốn đổi thay, để quần chúng chấp nhận một tin tưởng mới là công việc của những nhà văn, những nhà hùng biện tài giỏi, có danh tiếng".

(Le travail préliminaire tendant à saper les institutions existantes, à familiariser les masses avec l'idée du changement et à créer en faveur de la nouvelle Foi un état de réceptivité, ne peut, être accompli que par les hommes qui sont d'abord et avant tout, des orateurs ou des écrivains et qui sont reconnus comme cela par tout le monde).

Eric Hoffer viết tiếp :

"Và những người cuồng tín (người hành động) chỉ nhảy vào cuộc chiếm giữ chính quyền khi nào trật tự, uy quyền cũ đã bị bất tín nhiệm, đã không được quần chúng nghe theo nữa."

(Les fanatiques ne peuvent entrer en scène et prendre le pouvoir que si l'ordre existant est tombé en dés crédit et a perdu l'audience des masses).

Do tính chất nguy hiểm của phê phán mà trên chính trị có vấn đề tự tưởng và không chế tự tưởng. Vấn đề này bao giờ cũng trái ngược như trắng với đen, giữa thực tế và ước mong. Ai cũng ước mong tự do tự tưởng nhưng khi ngồi vào thực tế chính quyền là thi hành không chế tự tưởng. Thậm chí ngay cả trên tự tưởng cũng mang nặng chủ trương không chế tự tưởng nữa.

Khổng Tử nói:

" Nếu đạo của ta không được thực hành ta sẽ chèo thuyền dạo chơi ngoài biển, có Tử Lộ cùng đi với ta".

Thật là một phong độ phóng khoáng vĩ đại, nhưng đồng thời nó cũng

chỉ là một phong độ mong ước lý tưởng thôi. Thật thế, ngay các đồ đệ trực tiếp thụ huấn Khổng Tử như Tử Hạ, Tử Trương đã nghĩ khác rồi.

Tử Hạ nói : "Có thể thì ta chơi với, không thể thì ta cự tuyệt" .

Tử Trương : " Khác với ta, ta lấy thái độ quân tử dung chúng. Không dung người thì không phải kẻ hiền. Người cứ việc cự lại ta, ta có gì mà phải chống với người đâu " .

Đến như ông Mạnh Tử thì cái chuyện khổng chế tư tưởng tăng lên cao nhiều lắm. Ông mắng Trần Trọng Tử là con dun, sỉ vả Hứa Hành là cái lưởi con vẹt miền Nam, công kích phái Dương, Mặc là súc sinh.

Lénine và tập đoàn của ông đã mang sinh mạng mình vào cuộc đấu tranh cho giai cấp vô sản thoát ách độc đoán của chế độ Tsar Hoàng, nhưng khi nắm được chính quyền rồi ông dồn tất cả tâm lực vào việc xây dựng chế độ vô sản chuyên chính (dictature du prolétariat).

Lénine và tập đoàn của ông cũng đã từng rất say sưa với những bài thơ trong sáng Tự Do của Pouchkine và Ryleev nhưng khi thực sự bước vào cách mạng mỗi lần đề cập đến hai chữ Tự Do ông thường nói : "Ở chỗ nào có Tự Do thì chỗ ấy không thể có nhà nước".

Lúc chế độ Cộng Sản đã thiết lập ở Nga, một nhà báo Ý sang Nga hỏi Lounatcharsky Ủy Viên Giáo Dục rằng : Những người Bôn-Sê-Vích sẽ đối đãi ra sao với loại người như nhân vật Candide của Voltaire hay loại người thối nát tư tưởng Niezstche?

Lounatcharsky thản nhiên đáp:

"Chúng tôi sẽ không để bọn đó sinh sôi nảy nở."

Câu trả lời đó cho thấy Lounatcharsky thực thụ là một "léniniste".

Mấy chục năm trước Cách Mạng Tháng 10, Pouchkine, Gogol, Ogarinoff, Bielinski v.v... cùng chung sức xây kiến thiết cho nước Nga một tinh thần tự do. Gió Cách Mạng Pháp thổi tới. Tinh thần Tự Do nảy nở trong lòng mỗi người để trở thành quan niệm tôn thờ Tự Do cá nhân. Lénine nhận thấy với tinh thần ấy cuộc cách mạng C.S. Nga không thể nào thành tựu được. Lénine cho rằng : những ảo tưởng nhân đạo, lý tưởng dân chủ, chủ nghĩa ái quốc lãng mạn, những ước vọng tự do của người "décembriste" không đủ khả năng chống trả với tổ chức đàn áp cách mạng, cho nên ông chối bỏ, ông xây dựng một quan niệm cách mạng khác. Lénine không hứa với dân chúng Nga hai chữ Tự Do mà kêu gọi trả thù và hòa bình. Với đám nông dân Lénine không hứa Tự Do mà sui dục rửa hận và ruộng đất. Với thợ thuyền ông không hứa Tự Do mà gào thét báo oán năm

chính quyền. Ông nhìn rõ chân tướng tình cảm lê thê và lý trí rụt rè của phần tử trí thức lúc đó. Đã có lần Lênine nói với Kamenev :
" Đồng chí tin người ta có thể làm cách mạng mà không xử bắn ai hết sao?"

Để biện hộ cho việc ông đã nghĩ đúng điều cần thiết cho lịch sử, một lần ông thổ lộ với nhà văn Maxime Gorki:

" Sự độc ác tàn nhẫn của tôi sau này mọi người sẽ hiểu và tha thứ."

BA MẶT CỦA PHÊ PHÁN.

Phê phán một thể chế thống trị có ba mặt :

- Phê phán tinh thần, đạo đức. (critique morale)
- Phê phán chuyên môn, kỹ thuật (critique technique)
- Phê phán ý hệ hay phê phán lịch sử (critique historique ou idéologique)

Phê phán tinh thần đạo đức là chống lại những bất công, những sa đọa, những bế tắc trong quan hệ người với người như nhà viết kịch vĩ đại Ibsen ngụ ý trong các vở kịch của ông. Ông nhìn xã hội Norvège bấy giờ như một xã hội gồm toàn con người "nhân thân thú diện" (kịch "When the dead awaken"), trai ăn cắp gái làm đĩ. Gia đình người Norvège đầy bệnh hoạn, tự tử, tự lợi, ỷ lại, nô lệ, giả đạo đức (kịch "La maison des poupée"). Ở các vở kịch khác ông mở cuộc tổng công kích vào ba thế lực lớn nhất là pháp luật, tôn giáo, đạo đức. Với pháp luật ông vạch vòi sự gian lận của nó, tình cảm chết cứng độc ác bất cố nhân tình của nó, pháp luật là sự lừa đảo những người cô thế. Với tôn giáo, Ibsen chế riếu nó qua nhân vật Rosmersholm, vị linh mục bỏ đạo chạy theo thế lực vật chất. Mất hết lòng tin Chúa, linh mục gia nhập đảng Tự Do nhưng đảng Tự Do lại buộc linh mục không được từ bỏ chức vụ tôn giáo, công tác của ông là hấy lợi dụng tôn giáo lôi kéo mê hoặc giáo dân làm lợi cho đảng. Với đạo đức, Ibsen chua sớt đưa vào vở kịch "L ennemi du peuple" một người bị cả xã hội xua đuổi nhân danh đạo đức, dân chúng vì áp lực và gian tạo của cường quyền mà sôi nổi phỉ báng kẻ vì mình mà tranh đấu. Bằng vở kịch "Wild duck" ông nhìn nhận rằng những phần tử anh hùng của xã hội không còn nữa, chúng bây giờ đã được nuôi béo vỗ về nên bằng lòng cái kiếp chim lồng cá chậu, mà quên hẳn sông hồ mây trời.

Thời kỳ Tưởng Giới Thạch cai quản Trung Quốc có rất nhiều vở kịch được nhiệt liệt hưởng ứng chĩa mũi dùi phê phán cuộc sống khốn khổ dưới chế độ Tưởng đáng kể như:

- Lôi Vũ của Tào Ngu phơi bày tội ác của gia đình phong kiến, tình

trạng ngọt ngào khó thở của cái sinh hoại áp bức lừa dối.

- Nhật Xuất của Tào Ngu nói lên hy vọng của một ngày mai đẹp đẽ sau cái chết âm thầm của cô gái nhảy đáng thương Bạch Lộ.
- Hồng Thủy của Điền Hán lấy cảnh lụt mà diễn tả nỗi ai oán của một gia đình nông dân. Đói khổ ông lão đã lừa lúc con dâu và cháu ngủ để tự trảm dành phần cơm manh áo cho cháu.
- Văn Yến của Viên Mục Chi kêu gọi nổi dậy đấu tranh nếu không thì chỉ là tắm tối, ngục tù, chết chóc.

Phê phán lịch sử hay ý hệ là xét lại toàn bộ xã hội hiện đại để đặt định một xã hội tương lai, phong kiến, trung cổ giáo quyền được thay thế bằng dân chủ tam quyền phân lập, tự do bình đẳng v. v...

Những tác phẩm lớn thuộc loại phê phán này có thể lược kể như sau;

- Quân Vương (Le Prince) của Machiavel.
- Sáu tập luận về nền cộng hòa của Jean Bodin.
- Leviathan của Thomas Hobbes.
- Triết học chính trị rút tĩa từ Thánh Thư của Bossue.
- Khảo Luận Về Chính Quyền Dân Sự của John Locke.
- Vạn Pháp Tinh Lý của Montesquieu.
- Xã Hội Công Ước của Jean Jacques Rousseau.
- Lực Lượng Bình Dân của Sieyès.
- Diễn Văn Tập Về Quốc Gia Đức của Fichte.
- Nền Dân Chủ Tại Mỹ của Roqueville.
- Tuyên Ngôn Của Đảng Cộng Sản của Karl Marx.
- Điều Tra Chế Độ Dân Chủ của Charles Maurras.
- Cảm Nghĩ Về Bạo Lực của Georges Sorel.
- Nhà Nước Và Cách Mạng của Lénine.
- Mein Kampf của Adolf Hitler.

oOo

Phê phán kỹ thuật là chỉ trích những chính sách, những biện pháp của chế độ vì bất lực, vì không thích nghi nên tạo ra sự lộn xộn, hỗn độn, tổn phí nguy hiểm.

Phê phán thuộc loại này thường thấy trên báo chí, trong các cuộc hội họp, hoặc ghi lên bảng qua hình thức biểu ngữ v.v... Giá trị của phê phán chỉ có thể tạo nên sức mạnh khi nó thu thập được sự hưởng ứng và đồng tình, mỗi ý kiến mỗi tư tưởng nêu ra là đều có những "môn sinh" quy tụ, hay làm xúc động tâm lý số đông. Tào Ngu lúc nào cũng chú trọng vào pháp bảo " phải làm cho khán giả phổ thông bị hấp dẫn". Quàn chúng chính trị chẳng có gì khác quàn chúng kịch trường, người viết kịch cũng như người phê phán chính trị đều phải

nhìn nhận quần chúng là sinh mệnh của chính trị cũng như quần chúng là sinh mệnh của kịch trường.

SÁNG TẠO VÀ GIÁO DỤC.

Không phải chỉ có sáng tạo là quan trọng.

Giáo dục cũng quan trọng không kém.

Phần tử trí thức được phân công hai nhiệm vụ đó. Alfred Sauvy viết :
" Có hai loại tài năng, một gieo giống một để cho sinh nở".

(Il y a deux sortes de génies l'un qui avant tout engendrer et veut engendrer, l'autre qui aime à se laisser féconder et qui enfante.)

Giáo dục là sự môi giới giữa quần chúng với lịch sử, giữa quần chúng với tiến bộ, giữa quần chúng với trật tự. Thất bại trên giáo dục tức là thất bại toàn bộ. Chính với giáo không tách rời nhau cũng như cách mạng và huấn luyện phải gắn liền.

Nếu ta đặt câu hỏi : Lịch sử xây dựng bởi trí thức phần tử?

Trong phạm vi cục bộ thì lịch sử xây dựng bởi anh hùng hào kiệt, nhưng trên toàn chính thì lịch sử được xây dựng bởi phần tử trí thức. Sinh hoạt là kế tục thích ứng muốn thích ứng với hoàn cảnh mới tất phải điều chỉnh nội bộ và ngoại bộ, nhiệm vụ điều chỉnh nằm trong tay giáo dục nghĩa là nằm trong tay phần tử trí thức. Lãnh đạo quyền là gì? Là chỉ sự nắm vững nguyên lý giáo dục. Hỗn loạn và lạc hậu bao giờ cũng là miếng đất tốt cho ác thế lực và hèn yếu nảy nở. Kẻ vô sĩ làm quan to không đáng sợ bằng kẻ vô sĩ đi giảng dạy học vấn. Thời kỳ tối tăm nhất lịch sử thấy đều là thời kỳ giáo dục phá sản, lịch sử chỉ lại sáng sửa khi giáo dục khởi sắc. Cái cảnh tung bưng phấn khởi, dưới những gốc đa, những tàn muồm, ở làng Quang, làng Mọc, làng Bưởi, các ông già bà cả, các thanh niên trai gái chăm chú nghe lời giảng của các vị sáng lập ra Đông Kinh Nghĩa Thục chính là dấu hiệu cho hy vọng quật khởi vậy.

Thân phận trí thức

Chương Thứ Ba THÂN PHẬN

*Chính bởi cái bản chất nhã
quí mà phần tử trí thức khi*

*dấn thân vào thực tế tàn nhẫn
thường bị gạt ra ngoài để mang
cái hình hài thất bại. Hình hài
của Phan Đình Phùng trước bộ
mặt vô sỉ của Hoàng Cao Khải,
hình hài của Antonio Mella trước
vẻ đắc thắng của tên độc tài
Machado (Cuba), hình hài của
Maiakovsky trước tiếng cười
ngạo nghễ của loại Prissypkine,
hình hài bản hàn trước thái độ
huyênh hoang của bọn bạo lợi.*

HAI CHIỀU THÂN PHẬN

Nói đến thân phận phần tử trí thức cần xét trên hai chiều của thân phận.

- 1) Thân phận cái tôi riêng lẻ.
- 2) Thân phận liên quan đến giai cấp.

oOo

*Thân vô thái phượng song phi dực,
Tâm hữu linh tê nhất điểm thông.*

Thân phận cái tôi riêng lẻ của phần tử trí thức bắt đầu bằng con người lý tưởng, vì con người lý tưởng đó mà phần tử trí thức thường bất lực trong cuộc đấu tranh thực tế, tâm chất linh thông nhưng lại không có đôi cánh của con phượng hoàng đầy chính là bi kịch của thân phận trí thức.

Tối cao lý tưởng chính trị phương Đông về vấn đề trị bình thiên hạ là làm sao cho mỗi người đều thành thánh nhân. Thánh nhân chỉ là một điển hình một phạm trù chung cho mọi người. Chính trị không thiên lệch về phía ủng hộ với hiện thực, mà chính trị là công cụ lý tưởng để hoàn thành văn hóa nhân sinh. Nếu đem chính trị thoát ly toàn thể con người, đem chính trị vì tâm chất lý tưởng quá hoả biến thành không tưởng, phần tử trí thức không mang vào chính trị cái lạc thú chính trị mà chỉ mang vào cái lạc thú nhân sinh, cho nên phần tử trí thức đối với chính trị vẫn hằng có cái lằm của Đường Tam Tạng. Đường Tam Tạng phải dục vào Tôn Hành Giả cũng như nhân loại cần phải được chính trị bảo vệ. Tôn Hành Giả quay quắt có 72 phép biến hình. Nhờ Tôn Hành Giả nên Đường Tăng mới qua khỏi nhiều nguy nan mang kinh về. Chính trị biến hóa vô lường có thần thông quảng đại mới đối chọi với bọn Ngưu Ma Vương ở Hỏa Viêm Sơn,

cự địch với quạt ba tiêu của Thiệt Phiến Công Chúa. Đường Tăng chẳng lúc nào không cần thiết có Tôn Hành Giả, cũng như nhân loại không thể thiếu chính trị dù phút chốc. Đường Tăng cũng biết vậy, nhưng do lý tưởng thúc đẩy Đường Tăng đã có lần đuổi Tôn Hành Giả đi. Lần ấy là lần Tôn Hành Giả dùng phép quạt chết Bạch Cốt Phu Nhân, Đường Tăng chỉ trông bề ngoài tốt đẹp của Bạch Cốt Phu Nhân mà không biết là con tinh quái lốt nên cho rằng Tôn Hành Giả làm một công việc táng thiên hại lý nên nhất định vất bỏ Tôn Hành Giả. Đến khi Đường Tăng đi vào khu rừng tùm đên bị quái Hoàng Bào vây hãm không làm sao ra thoát, vô kế Đường Tăng phải cho mời Tôn Hành Giả.

Tâm chất lý tưởng và không tưởng khiến cho phần tử trí thức dễ tuyệt vọng với hiện thực chính trị. Cái chết của thi sĩ Vladimir Maiakovsky là một điển hình. Maiakovsky thuộc thế hệ tiên phong của Cách Mạng Tháng 10.

Vì cảm đầu vụ bãi công, Maiakovsky bị đuổi ra khỏi trường Cao Đẳng Mỹ Thuật rồi bị tù. Được gọi rửa bởi nhà giam, thơ Maiakovsky sáng lên với giọng điệu công phá chế độ đưa chàng trở thành nhà thơ cách mạng.

Cách mạng thành công, trong dân chúng lưu truyền rộng rãi câu thơ :

Với tất cả sức lực của thơ,

Ta xin hiến dâng

Cho giai cấp nổi lên mà reo hò tấn công

Nhưng cũng chính Maiakovsky là người đầu tiên tuyệt vọng với chế độ mới. Bởi Maiakovsky trong sạch quá nên chàng không thể chịu đựng nổi sự đau lòng khi trông thấy các chiến sĩ Cộng Sản đang tìm cách tư sản hóa, sự ngộp thở của bộ máy quan liêu đồ. Chế độ mới không chấp nhận thiên tài dù cho thiên tài ấy đã từng là kẻ dẫn đầu xây dựng chế độ.

Ngày 14 tháng 4 năm 1930, Maiakovsky vừa tròn 36 tuổi lấy súng tự bắn vào đầu, trước đấy ba năm là nhà văn Essinine chết tương tự. Tại sao các chiến sĩ xã hội, chiến sĩ Cộng Sản cùng lúc lại là bọn côn đồ bóc lột, thích tư hữu. Càng nặng với chủ nghĩa xã hội bao nhiêu lại càng ham vợ vét bấy nhiêu. Tại sao thế?

Đó là câu hỏi mà Dostoievsky nêu ra, bây giờ nó như nhát búa đập suốt ngày đêm trong đầu óc nhà thơ trẻ tuổi. Đâu đâu Maiakovsky nhìn thấy bộ mặt tên Prissipkine (nhân vật kịch đại biểu cho người cán bộ Cộng Sản ham giàu sang trong vở "*Lũ Rệp*" của Maiakovsky). Bây giờ chàng mới hiểu : Chủ nghĩa, lý thuyết, lý tưởng Cộng Sản là một chuyện nhưng đảng Cộng Sản với cái guồng máy quan liêu nặng

áp bức lại là chuyện khác. Người ta chỉ có thể là Cộng Sản thuần túy và từ giã đảng để rồi rơi vào tình trạng cô đơn bất lực.

Maiakovsky buồn nản nhận xét nông dân thợ thuyền vẫn rách rưới trong khi các chiến sĩ Cộng Sản đầy quyền uy đi trong xe hơi lồng lẩy, ở tại các lâu đài của Tsar Hoàng.

Cái chết của Maiakovsky là một thảm kịch chính trị. Mặc dầu nhà đương cục tung tin Maiakovsky tự sát vì bị khủng hoảng tinh thần, ông sợ mình đã cạn nguồn sáng tạo, chẳng ai tin.

Không được, Staline phải lên tiếng:

"Maiakovsky mãi mãi là nhà thơ vĩ đại tài ba của kỷ nguyên Xô Viết chúng ta".

Tâm chất lý tưởng và không tưởng biến người trí thức thành Abélard bị thực tế hay thực quyền hoạn thien.

Abélard giáo sư đầu tiên có những tư tưởng cấp tiến của thời Trung Cổ Pháp, ông dạy thần học ở nhà thờ Đức Mẹ Paris và ở đây ông sáng lập chủ nghĩa Duy Danh (Nominalisme), ông được nhiều thanh niên Âu Châu tán thưởng. Lúc ấy (1116) quyền tu viện còn mạnh lắm, Giáo Hội không mấy ưa tư tưởng của Abélard.

Héloise vừa mười chín tuổi, nàng mới tốt nghiệp trường nhà dòng và ở với chú là Fulbert quý tộc phong kiến. Héloise đẹp lắm lại nổi tiếng trí thức.

Abélard vận động đến dạy Héloise về môn triết. Hai người yêu nhau. Xã hội thế lực phản đối cuộc tình này. Abélard và Héloise bất chấp, họ cùng nhau bỏ trốn sự nghiệp bỏ trốn gia đình. Họ muốn tìm tự do trong tình yêu. Họ muốn chứng minh tình yêu không phải là kết quả của trái cấm của quỹ cấm dõ. Một đêm kia, Abélard đang nằm ngủ, bỗng số đông người ập tới đè cứng Abélard mà thien. Đau khổ Héloise xin vào tu viện còn Abélard bị kẻ thù săn đuổi cho đến phút cuối cùng. Thượng Đế nhất quyết trừng tội cả hai.

Tâm chất lý tưởng và không tưởng đẩy phần tử trí thức vào tình trạng một kẻ lưu đầy, họ lạc lõng trong cuộc đời thực tế bao vây bởi ngàn vạn phi lý như các nhân vật của Albert Camus (L'exil et son Royaume, L'Étranger) họ là những con thuyền say giữa cuộc đời. Hình dáng người trí thức đã được các nhà văn lớn miêu tả như Trofimov trong vở kịch Vườn Anh Đào (Le cerisaie - Antoine Tchekov), mảnh khảnh, đôi mắt buồn rười rượi, mắc bệnh lao nên không kể nóng rét lúc nào cũng có chiếc khăn quàng quấn cổ, thể xác yếu ớt nhưng tinh thần lại tràn đầy sức sống.

- Như Pierre trong tiểu thuyết Chiến Tranh và Hòa Bình (la guerre et la paix - Leon Tolstoi) đại lượng, suy tư tha thiết không thể gần gũi

với xã hội quý tộc thối nát.

- Như Mychkine trong tiểu thuyết "Kẻ Đần Ngu" (L idiot - Dostoievsky) trong sạch và ngờ ngác trước những bản thù của đời.

Đôi khi những "con thuyền say đó" trở thành cuồng sĩ thầy đồ nông, hoặc họ tự nhận chìm mình trong thú vui ma túy.

NGŨ ĐỘC THƯ

Nếu ai đã từng nghiên cứu về khoa tượng số đều phải biết câu này:

Nhất mệnh

Nhị vận

Tam phong thủy

Tứ âm công

Ngũ độc thư

Người đọc sách hay là phần tử trí thức đã rớt xuống hàng thứ năm không phải là hàng thứ nhất như các nhà trí thức vẫn lầm tưởng đâu. Người đọc sách rớt xuống hàng thứ năm nghĩa là đọc sách có giỏi vẫn thua thằng số tốt, vận tốt, mồ mả tốt và âm đức tốt.

Trên thực tế điều này rất đúng nhưng theo khoa học xã hội người ta có thể giải thích hiện tượng ấy mà không cần cứ vào số tốt, mồ mả tốt, và âm đức tốt. Từ trước tới nay đa số thường nhận lầm phần tử ưu tú (élite) với phần tử trí thức (intellectuel) là một. Dĩ nhiên phần tử trí thức là phần tử ưu tú mà phần tử ưu tú không hề là phần tử trí thức. Nên không quan niệm được rõ rệt sự khác biệt giữa ưu tú và trí thức rất khó lòng nhận biết tường tận thân phận trí thức.

Danh từ ưu tú để dịch chữ élite ở đây không được chính cho lắm nên cần phải nói thêm rộng cho rõ nghĩa hơn. Ưu tú trong quan niệm của chúng ta qua thói quen thường kiêm nhiệm cả cái nghĩa phẩm hạnh nữa, còn ưu tú ở đây xin hiểu bằng sự loại bỏ phẩm hạnh rồi thu nó vào nghĩa tài giỏi trên mặt nào đó. Đọc chuyện Đông Chu Liệt Quốc hồi Mạnh Thường Quân trốn ra khỏi cửa ải Hàm Cốc, lúc đó trời chưa sáng mà quân thù nghịch thì đã đuổi đến nơi. Mạnh Thường Quân lo lắng nhìn các mưu sĩ xung quanh mình xem có kế gì thoát khỏi chăng? Các vị trí thức mưu thần ngờ ngác hỏi nhau, rút cuộc ai cũng chịu bó tay. Bỗng có hai người tiến lên nói mỗi người có một sở trường đặc biệt khả dĩ cứu cơn nguy nan này, một người biết bắt chước tiếng gà gáy và một người biết chui dậu rất giỏi. Mạnh Thường Quân y kế cho hai người chui ra ngoài cửa ải cất tiếng gà gáy, gà các nơi thi nhau gáy theo, quân sĩ canh gác tưởng đã sáng rồi mở các cửa ải, Mạnh Thường Quân thoát. Đời sau gọi chuyện ấy

là chuyện "Kê minh cầu đậu" ý chỉ những người tài vật.

Sự so sánh tuy không chải chuốt lắm vì nó hãy còn quá thiếu sót, nhưng nó cũng giúp ít nhiều hình tượng để nhận thức danh từ ưu tú (élite) ở đây. Sau đây là những định lý mà một nhà xã hội học Ý đưa ra để làm tiêu chuẩn phân biệt đối với phần tử ưu tú, Paréto tuy có luận điệu khinh bạc nhưng rất đúng sự thật. Ông viết: Bây giờ hãy đưa ra một giả thuyết là phê điểm về khả năng của mỗi cá nhân trong từng ngành hoạt động xã hội như ta phê điểm bài vở học sinh.

Tỉ dụ : một luật sư nổi tiếng đông thân chủ phê 10 điểm, con số "không " thì dành cho kẻ hoàn toàn ngu (les idiots).

- Người kiếm nhiều tiền bạc (lương thiện hay bất lương không thành vấn đề) phê 10 điểm. Người kiếm chừng vài trăm ngàn phê 6 điểm và người chỉ kiếm đủ hai tay vầy lỗ miệng cực nhọc phê một điểm, số không dành cho kẻ ăn xin.

(Nếu Paréto mà sống ở Saigon ngày nay, ông sẽ nhìn thấy phần tử tinh hoa trong giới ăn xin, lưng vốn chừng mười vạn bạc cho vay lấy lời).

- Tên lưu manh chuyên sống nghề lừa đảo mà chưa lần nào mắc kẹt bị bỏ tù, phê 8 hoặc 9 điểm, tùy theo con mồi nó đã săn được và số tiền kiếm được. Tên ăn cướp vặt dăm bảy trăm rồi rơi vào tay cảnh sát phê 1 điểm.

- Một nhà thơ được xưng tụng như Musset phê 8 hay 9 điểm và phê cho kẻ làm thơ con cóc 1 điểm.

- Các "bà lớn" kiểu Aspasia de Peridès, Maintenon (de Louis 14), Pompadour (de Louis 15) đã từng dùng tình nhân quyền thế để tạo địa vị làm mưa làm gió cho mình phê 8 hay 9 điểm. Còn các bà được Vua yêu, chúa dẫu một thời rồi bỏ rơi chẳng được hưởng chút tăm tiếng lợi lộc phê 0 điểm.

Muốn diễn nôm na định lý Paréto, có thể đưa ra một hình ảnh của xã hội mà chúng ta đang sống hiện tại. Mỹ ào ạt đổ sang V.N., Mỹ cần tài xế lái xe cho các cơ sở tiếp vận, các phần tử ưu tú của ngành hoạt động này tổ chức nhảy dù hàng Mỹ kiếm cả chục triệu bạc, trong khi các tài xế khác vẫn lương ba cọc ba đồng. Đem anh chàng tài xế thành công kia đặt cạnh một phần tử trí thức nào đó, trên bình diện tư tưởng trí thức, người tài xế thua sút hẳn, nhưng trên một mặt khác, phần tử trí thức phải chịu kém vế, và trong trường hợp phần tử trí thức lại nghèo nữa thì càng hiện lên cái cảnh bần hàn trí thức bên cạnh huênh hoang của ưu tú bạo lợi.

Hai vị bác sĩ, một vị giỏi xoay hành nghề bơm mông bơm vú kiếm gấp mười lần vị bác sĩ lọc cọc cho đơn thuốc hàng ngày. Anh chàng bác sĩ bơm vú bơm mông là loại ưu tú của giới bác sĩ.

Những người mà Paréto phê nhiều điểm nhất đa số thuộc hai loại :

a) Quý quyết (chuyên rình rập cơ hội đoạt quyền đoạt lợi bất cần gia đình tổ quốc, tôn giáo nhưng lại rất giỏi về môn lợi dụng các lý tưởng đó. Bọn này sống quay quắt không sợ thay đổi, hỗn loạn vì họ luôn luôn đủ sức phụ họa với thời thế mới).

b) Táo bạo (chuyên xông xáo, phiêu lưu làm đã rồi mới nghĩ tỉ dụ kẻ đi tìm vàng tìm mỏ dầu ở miền Tây Hoa Kỳ, bọn lính đánh thuê tại Katanga.)

Trong mọi cuộc đấu tranh, phần tử trí thức và phần tử ưu tú cùng đứng hàng tiền phong, nhưng rồi dần dần phần tử trí thức bị đẩy lui để mang cái hình hài thất bại.

Phần tử trí thức mãi mê với chân thiên mỹ nên đã trở thành kẻ lưu đầy trong cuộc sống, họ thiếu những gì cần thiết để sống trong xứ ma.

Phần tử trí thức đa số là loại người thiên hướng về lý tưởng, mặc dầu họ không phải không nhìn thấy thực tế, nhưng nhìn để mà chối bỏ, để mong bắt nó vào lý tưởng cho nên họ rất yếu khi đối diện với sự phũ phàng của thực tế.

Đó cũng là một điều giải thích cái thói quen nếu phải nhận giữa Hitler và Thomas Mann ai là trí thức thì người ta nghĩ ngay Mann, giữa Kroutchev và Pasternak thì Pasternak, giữa Henry Ford và Scott Fritzerald thì Frizerald mặc dầu chẳng ai nghĩ rằng Ford, Hitler và Kroutchev là bọn vô trí thức. Trotzky nhổ bọt vào tay Staline khi Staline chìa tay ra chào đó là lý tưởng muốn biểu lộ sự khinh khi cái tàn nhẫn của thực tế. Trotzky bị Staline đánh bại bỏ nước ra đi đó là điều chứng minh thất bại của mẫu người trí thức khi đối trọi với mẫu người hành động.

THAY BẠC ĐÔI NGÔI

Mỗi biến động xã hội, biến động lịch sử đều có sự lưu hành của các phần tử ưu tú (circulation des élites). Ca dao nước ta có câu:

Trời làm một trận lãng nhãng,

Ông xuống làm thẳng, thẳng lại lên ông.

Hai kẻ tiền phong ưu tú và trí thức mỗi kẻ đóng vai trò quan trọng ngang nhau, kẻ nói người làm, người nghĩ kẻ thực hiện họ sát vai

bên nhau chiến đấu chống kẻ thù chung.
Đình Trường Lưu Bang và tập đoàn giang hồ Phong Bái đứng bên trí thức Trương Lương, Tiêu Hà, Tào Tham.
Bảo tiêu Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi liên kết với Khổng Minh, Phụng Sồ, Từ Thử.
Con người lão luyện Tào Tháo kết tập với Quách Gia, Giả Hủ, Tuân Úc.
Hồng Tú Toàn có Tiền Giang làm phò tá.
Trên Lương Sơn Bạc có ông tú Ngô Dụng.
Lưu Bang mà không có Trương Lương, Tiêu Hà chắc chắn khó lập thành cơ nghiệp Hán. Trương Lương, Tiêu Hà không phò Lưu Bang chắc chắn suốt đời chỉ là thư sinh bất mãn.
Khổng Minh không có Lưu Bị tất quanh năm nằm co thôn dã, Lưu Bị thiếu Khổng Minh thì chẳng bao giờ làm vua đất Thục.
Sát cánh như thế, nhưng khi sắp lại ngôi thứ quyền bính, phần tử trí thức bao giờ cũng đứng thật xuống. Lưu Bị tuy ba lần gọi tuyết đạp mưa châu chực nơi ngôi nhà lá của Gia Cát Lượng, gặp lúc Gia Cát đang ngủ phải chấp tay đứng chờ, rốt cuộc khi cùng nhau lo việc nước thì Lưu Bị là vua còn Khổng Minh là bày tôi.
Trí thức đứng thật xuống là vì là vì trí thức hay so đo cho nên kém dũng khí, theo Từ Lượng Chi thì đấy cũng là cái lý do tại sao ở lịch sử Trung Quốc phần tử trí thức chỉ làm đến tể tướng thôi mà lưu manh nhiều lúc lên ngôi hoàng đế.
Trường hợp trí thức kết hợp với hành động trên một con người như Lenine, Mao Trạch Đông, Mustapha Kemal, Tào Tháo rất hiếm và lại dù có thể thì cái địa vị tột đỉnh của họ vẫn do con người hành động mà ra. Trong quá trình diễn biến từ trí thức sang quyền lực để thực hiện kẻ làm đã hơn thưng người nghĩ.
Goethe nói : "Nghĩ thì dễ, làm mới khó, làm được những điều mình nghĩ lại càng khó hơn". Phần tử trí thức có một nhược điểm lớn là muốn tính trước tất cả nhưng rồi không tính trước được tất cả nên trù trù không dám hành động. Nhược điểm này tạo thành ngôi vị thứ năm của người đọc sách vậy.

BỊ NGƯỢC ĐÃI VÀ BỊ ĐỔ SÁT

Tô Đông Pha nhiều lần bị giáng chức và bị lưu đày vì chống không lại với tập đoàn chính trị Vương An Thạch, ông chán chường với thân phận trí thức bằng bài thơ sau đây:

Nhân gia dưỡng tử yêu thông minh.

Ngã bi thông minh ngộ nhất sinh.

Đản nguyện sinh nhi ngu thả lỗ.

Vô tai vô nạn đáo công khanh.

Nghĩa là:

Người ta nuôi con, mong con thông minh, như ta đây thì thông minh chính là một điều làm to cho đời ta. Ta chỉ mong sinh ra đứa con vừa ngu vừa lỗ mãng. Như vậy nó vẫn có thể làm quan to mà không bị tai nạn khốn khổ.

Sứ mạng của trí thức là đi tìm chân lý và phê phán. (L'intellectuel a mission de chercher la vérité et de juger). Chính vì phải thực hiện sứ mạng này mà phần tử trí thức bị bực đãi và bị đồ sát.

Chính vì mang sứ mạng này mà phần tử trí thức đã bắt với một loại thói quen là thường xuyên đối lập.

Phê phán tất đụng chạm, kể ngồi tại quyền dù ở lãnh vực nào cũng thế rất không hài lòng và với chỉ trích và phê phán bao giờ. Họ sẵn sàng nếu có cơ hội hoặc sẽ cố tạo ra cơ hội để tiêu diệt phê phán. Kể ở tại quyền thù hận phê phán phần tử trí thức như thế nào? Hãy đọc những lời của Barrès:

"Không có gì đáng ghét bằng lũ trí thức nửa mùa tự nhận làm những tay quý tộc tự tưởng, tự cho ta khác xa với đám quần chúng tanh hôi... Bọn ấy đúng là rom rác mà xã hội đang cố gắng tạo thành tinh hoa. Những thiên tài thiếu thán, những tâm hồn bị đầu độc đáng cho ta thương như lũ heo, người ta đưa về viện Pasteur để thử thuốc điên rồ. Đương nhiên người ta phải hạ chúng không thì cũng giam nhốt chúng."

Trung Quốc có danh từ "văn tự ngục" để chỉ sự việc vì văn chương mà bị giam cầm. Văn tự ngục là thân phận trí thức thời phong kiến, văn nhân tham dự hoạt động chính trị, các chính trị gia đã tâm một mặt triệt để lợi dụng họ, mặt khác lại triệt để ghét bỏ họ. Tần Thủy Hoàng định thiên hạ xong, liền thi hành chính sách đốt sách chôn nho. Lấy cớ là bọn nho sĩ thường đem cái xưa cũ ra để chống chế bài bác cái mới mẻ. Lưu Bang bĩ thị phần tử trí thức, ông thường nói: "Trẫm được thiên hạ trên lưng ngựa việc gì trẫm phải quý trọng bọn đọc sách làm thơ." Minh Thái Tổ còn ghét phần tử trí thức hơn nữa, ông lo ngại văn nhân dùng văn chương lưu truyền những vụ phản bội của ông, cùng gốc gác hòa thượng của ông. Chỉ một chút nghi ngờ thôi, ông đem bỏ ngục liền.

Phê phán của phần tử trí thức nguy hiểm và khó chịu như nọc độc của con bọ cạp. Lấy một tỉ dụ kể sau đây: Nước Tống có một người tên Tào Thương, vua phái y đến nước Tần, y đi với vẻ mặt muôn

phần đặc ý. Tào Thương giỏi nịnh hót lắm cho nên đến nước Tần, Tần Vương cấp cho ba bốn cỗ xe. Tào Thương vênh váo gặp ai cũng khoe, có lần y đến chơi ông Trang Tử nói bốt gười "mới năm trước đây tôi sống hết sức cơ cực dệt dếp cỗ *sinh nhai, mặt võ vàng tiều tụy, ở nơi ngõ hẹp mà bây giờ khác hẳn, trong phút chốc được vua một nước lớn thưởng thức cho hàng trăm cỗ xe, thiết tưởng con người đặc ý chỉ đến thế là cùng*".

Trang Tử cười nói:

Tôi nghe vua Tần có bệnh trĩ, mời thầy đến chữa thầy nào chữa khá thì cho cỗ xe, nếu tận tâm hơn lấy lưới mà liếm chỗ trĩ thì cho đến năm cỗ lặn, như tiên sinh vua Tần ban tới trăm cỗ xe chắc cũng đã liếm trĩ nhiều lần lắm nhỉ.

Tào Thương xấu hổ mặt đỏ như. Trang Tử nói nhỏ : "*Thôi tiên sinh, tôi xin tiên sinh khoác lác ít chữ.*" Thứ nọc độc phê phán ấy gây thành thù hận giữa phần tử trí thức với kẻ đương quyền. Thù hận mặc, phê phán vẫn cứ phê phán, người trí thức thà chịu đả sát ngược đãi chứ không chịu thiên hạ ngó lơ mình. Chân hành tẩu đã làm Cao Bá Quát bực dọc, ông tự coi như bị thờ ơ lãnh đạm nên bằng hai câu phê phán thi đàn của Tụ Đức:

Ngán thay cái mũi vô duyên.

Câu thơ Thi Xã con thuyền Nghệ An.

để buộc thiên hạ chú ý đến mình. Cũng từ đó cái họa chu diệt nhà họ Cao nảy mầm.

Người trí thức thà chịu ngược đãi chứ không chịu không nói lên sự thật. Milovan Djilas dù đã ở ngôi vị phó chủ tịch nhà nước (Nam Tư) ông vẫn viết cuốn Giai Cấp Mới để vào ngòi trong tù.

Đối với kẻ cầm quyền Djilas và Cao Bá Quát đáng hận ngang nhau.

SÁT LONG CHI BỐI

Sách Trang Tử chép:

Có người tên là Chu Bình Man chí lớn lắm muốn học điều gì khác thiên hạ, tìm kiếm mấy năm mới tìm ra ông thầy tên là Chi Ly Ích rất giỏi về khoa giết rồng. Chu Bình Man mừng quá, đến bái tôn làm tôn sư.

Chi Ly Ích đem tất cả bí quyết giết rồng dạy Chu Bình Man. Người họ Chu cũng cực chăm chỉ học, ông bán hết gia nghiệp quyết thành tài chẳng ngại tốn phí.

Thành tài rồi, gặp ai họ Chu cũng nói về cách giết rồng, mổ rồng, cắt tiết, móc mắt lọc xương rồng thế nào. Khốn nỗi chưa ai trông thấy rồng bao giờ nên mọi người chỉ cười. Chu Bình Man vẫn hứa hẹn sẽ có một ngày giết rồng cho bà con xem để mà khâm phục tuyệt kỹ duy

nhất trên đời. Nhưng ngày đó chẳng bao giờ tới với người họ Chu. Đa số phần tử trí thức cũng chịu thân phận giết ròng của Chu Bình Man mà ôm tài năng lạc lõng bơ vơ giữa cuộc đời, cuối cùng đem theo nó vào hòm chôn xuống đất. Là phần tử trí thức với nhiệm vụ hiểu trước biết trước, họ phải đi ra ngoài những tầm thường để tự đứng vào cái thế thiểu số (je suis de ces intellectuels pour qui le rôle est d'être dans la minorité _ Drieu La Rochelle). Karl Marl là một người giết ròng vĩ đại, cuốn Tuyên Ngôn Của Chủ Nghĩa C.S. thời đó thực là một kỹ thuật giết ròng tuyệt diệu. Lạc lõng bơ vơ, người trí thức đau khổ vì bất lực không thay đổi được thực tại, nhưng thực ra ảnh hưởng của nó rất lớn. Nhiều chính khách đã từng là học trò của các vị giáo sư, đã chịu ảnh hưởng của các văn phẩm. J.F. Kennedy luôn luôn nhắc đến Harold Laski. Rất nhiều điều giảng dạy ở đại học đã được đem áp dụng vào hành chính. Chủ nghĩa kinh tế "Keynessienne" từng bị chôn bỏ năm 1935 nhưng đến năm 1955 nó lại là kinh điển cho tư bản mới, là khuôn vàng thước ngọc của các nhà lãnh đạo Tây phương. Rong không mấy khi hiện ra cho con người có thuật giết nó được tỏ tài năng.

THÂN PHẬN GIAI CẤP

Trí thức phần tử thuộc giai cấp tiểu tư sản đó là một sự thật. Hồ Thu Nguyên viết: đại đa số phần tử trí thức có thể nói là ở giai cấp tiểu tư sản vì lẽ kẻ phú quý không đọc sách, người nghèo khổ không có phương tiện đọc sách, cho nên người đọc sách hầu hết xuất thân từ những gia đình "tiểu khang".

Jean Kanapa viết: Nguồn gốc xã hội của phần tử trí thức bây giờ một phần là tư sản nhưng đại đa số thuộc về giai cấp trung sản, tất cả những phân tích về trí thức phải khởi từ điểm này.

Sự thật ấy đưa lên chính trị, Cộng Sản nhận định trí thức tiểu tư sản như là một trọng tội vì tâm lý hay giao động, dễ phản bội và không vững lập trường giai cấp. Trong khi phát xít và chủ nghĩa Mac Carthisme đối đãi với phần tử trí thức bằng chủ trương : Hoặc người phải làm tay sai cho ta, hoặc ta cho người vào tù, ta đốt hết sách của người. (Ou vous serez mes agents ou je vous jette en prison et brule vos livres).

Phần tử trí thức trên phương diện giai cấp đã có một đời sống đầy mâu thuẫn thù nghịch từ mọi phía. Còn sự thật nữa mà không ai có thể phủ nhận là chính đáng: những phần tử thuộc giai cấp tiểu tư sản ấy đã là tiên phong của Cách Mạng Tháng Mười, ai dám nói Lenine, Trotzky không phải là trí thức tiểu tư sản? Cũng lại chính những phần tử tiểu tư sản ấy đã là những rường cột bảo vệ cho thống trị tư

sản, ai dám chối bỏ thân phận trí thức tiểu tư sản của Hitler của Mussolini?

Phần tử trí thức thuộc giai cấp tiểu tư sản đó là một sự thật, nhưng thù nghịch đối với phần tử trí thức lại bắt nguồn từ một sự thật khác : đó là mâu thuẫn thường xuyên giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị, người tại quyền người tại dã, kẻ ở trong chính quyền và kẻ ở ngoài chính quyền; ở đây trí thức lúc nào cũng là quyền lực đáng sợ nếu nó lãnh đạo được phía bị trị nổi lên. Đổ lỗi lên đầu phần tử trí thức mục đích tạo nên tâm lý tự ti và ý thức phạm tội để biến họ làm công cụ cho quyền thống trị. Nếu đem so sánh chủ trương của Phát Xít : "Hoặc nhà người làm tay sai cho ta, hoặc ta cho người vào tù." Với chủ trương của Lénine:

"Văn học phải là văn học của Đảng. Đả đảo bọn văn học vô đảng, đả đảo đả những siêu nhân của văn học".

(La littérature doit devenir une littérature de parti. À bas les littératures sans parti, à bas les surhommes de la littérature).

Người ta thấy nó chẳng khác nhau bao nhiêu.

Cả hai đều làm công việc cần thiết lúc nào cũng thấy trên chính trị đó là hoạt động "định ư nhất" (uniformity) bằng cách khống chế tư tưởng, bằng cách đào tạo một đội ngũ trí thức mới.

Quan hệ của phần tử trí thức và chính quyền trong chính trị

Có hai loại:

a/ Quan hệ bình thường là hợp tác,

b/ Quan hệ biến thái là mâu thuẫn.

Chính quyền với phần tử trí thức hợp tác tất quốc gia hưng thịnh, ổn định.

Chính quyền với phần tử trí thức mâu thuẫn tất quốc gia suy vong, bạc nhược (nhu yếu một cuộc cách mạng)

Khi người đọc sách tuyệt vọng với tình thế là lúc đất nước khởi sự phục hưng.

Trên đại thể lịch sử, phần tử trí thức bao giờ cũng là đại biểu của quảng đại quần chúng với nhiệm vụ kháng độc, bảo vệ an định.

Những quan kiện lớn lao của chính trị quá nửa do phần tử trí thức gánh vác.

Nếu người đọc sách còn giữ được hoạt lực và trí tuệ thì gốc nước không lay chuyển.

Nếu người đọc sách lãnh đạo điều hòa giải hiện thực thì quốc thể cường thịnh.

Nếu người đọc sách còn tự tin đoàn kết nhất chí thì dù cho văn hóa có suy kiệt vẫn hy vọng cứu vãn.

Có bốn tình hình nguy hiểm như sau:

- a) Chính quyền nhục bách trí thức, giam cầm trí thức làm cho lực lượng trí thức còi cọp.
- b) Chính quyền hủ bại khiến cho chính bản thân trí thức cũng hủ bại hay phân hóa chân giả.
- c) Đội ngũ trí thức cũ tan rã, trí thức mới chưa thành đội ngũ.
- d) Chính quyền hoàn toàn không được phần tử trí thức hợp tác.

WITHDRAW AND RETURN

Là một quy luật lịch sử do nhà sử học Toynbee xướng xuất, nghĩa là thoái ẩn và trùng lai. Lịch sử như nước thủy triều dâng rồi rút xuống. Rút xuống do thoái lạc của chính quyền hủ bại, dâng lên do lực lượng mới nổi dậy kết quả phấn đấu của phần tử trí thức.

Cuộc phấn đấu nổi dậy (trùng lai) này hiện trên ba mặt vận động:

- 1) Ngay tại trung ương có những vị trung liệt, tuấn đạo.
- 2) Tại dân gian giáo dân hóa tục gìn giữ sinh mệnh văn hóa quốc gia.
- 3) Tổ chức chủ lực phục hưng đề xướng phương hướng mới, học vấn mới, tinh thần mới.

Thân phận trí thức

Chương Bốn - CHUYỀN HÌNH KỲ

Phần Hai - VẬN ĐỘNG

Sự cường thịnh phồn vinh của quốc gia không phải chỉ đạt tới bằng quân hùng tướng mạnh, sự suy lạc của quốc gia không phải là suy lạc của vũ lực.

Nguyên nhân tạo ra hưng suy có nhiều mặt, văn hóa, chính trị, kinh tế, quân sự kết tụ với nhau như dây xích, một mắt xích lỏng lẻo là khiến tất cả rã rời

Chuyện hình kỳ là gì?

Lịch sử có những chuyển hình kỳ. Thế giới đầu thế kỷ 19 là một chuyển hình kỳ. Do công nghiệp phát triển ở Âu Châu ảnh hưởng đến đông phương làm cho lịch sử đông phương chuyển theo tạo thành chuyển hình kỳ. Nước ta cuối đời Tự Đức quốc thể chuyển suy là một chuyển hình kỳ. Pháp lên thống trị là một chuyển hình kỳ. Tháng tám 1945 là một chuyển hình kỳ. Tháng sáu 1954 đất nước phân chia là một chuyển hình kỳ v.v... Lịch sử chuyển hình dẫn các mặt sinh hoạt khác chuyển hình. Quan hệ phần tử trí thức với lịch sử rất hệ trọng, chuyển hình kỳ của trí thức phần tử mang nhiều quyết định cho vận mạng lịch sử. Chính bởi lẽ đó nên giáo sư Fichte mới nói: Cuộc cải tạo nước Đức, là Luther (la réforme allemande, c est Luther).

Sinh mệnh lực của quốc gia là phần tử trí thức, nói thế không có nghĩa là đặt vấn đề tâm vật. Vấn đề ấy ngày nay đã quá lỗi thời rồi. Bây giờ không còn phải là lúc đưa ra hai thái cực một là tư tưởng Tự Do, bình đẳng, hai là sưu cao thuế nặng bóc lột để giải thích cho cách mạng Pháp theo hai chiều nữa, cũng như không ai còn cần cái vô ích để biết gasoline hay tia lửa làm cho ô tô chạy. Và tất cả đã đồng ý nếu không có cả gasoline và tia lửa thì chẳng ô tô nào chạy cả, cũng như không có tư tưởng và sinh hoạt thực tế thì cũng chẳng làm gì có lịch sử. Và lại ở trên đã nói, nay xin nhắc lại, trong chính trị, trí thức chỉ có giá trị khi nào nó có thể biến thành quyền lực vật chất. Giá trị của phần tử trí thức trong chính trị cũng chỉ được thừa nhận qua tiêu chuẩn này.

oOo

Louis Bodin viết : Trí thức sinh xuất bởi Đại học. Các trường đại học là nguồn gốc phân phát cho tinh thần nhân loại một mô thức giáo huấn, truyền đạt và bày tỏ. Nếu chỉ dùng đại học như Bodin thì quá hạn chế, vậy phải nói thay bằng phần tử trí thức được sản xuất từ các nơi giảng học. Một tủ sách cũng có thể là nơi giảng học nếu người đọc sách thấu hiểu và tự giảng cho mình. Một tiểu tổ nghiên cứu cũng là một nơi giảng học. Tuy nhiên khi ngành ấn loát chưa phát triển, khi những phương tiện học tập và truyền bá còn quá thiếu, thì vai trò đại học (université) quả là rất hệ trọng.

Thời kỳ Trung cổ Tây phương, những trường dòng và trường đạo nắm độc quyền mọi nghiên cứu, tư tưởng mới được viết tay chùng

vài chục cuốn được đóng kỹ lưỡng và chừng vài trăm người được quyền tham khảo.

Thời kỳ này được gọi là thời kỳ quan học và tăng học. Giai cấp giáo sĩ, giai cấp quý tộc thống trị nắm trọn quyền học vấn.

Không giữa thế kỷ 13 các trường đại học Âu châu gặp gỡ nhau và trao cho nhau những tư tưởng mới lạ. Xung đột giữa trí thức già trẻ gây thành phong trào phản y qui (anticonformisme) hay phản truyền thống (antitraditionalisme). Phái trẻ nổi lên chế giễu xã hội tôn giáo, ca tụng phong tục tự do. Người ta đọc thấy tư tưởng này trong những thi phẩm của Rutebeuf hay tiểu thuyết Roman de la Rose của Jean de Meung(Meun?)

Thế kỷ thứ 14 và 15, có sự biến chuyển lớn của phần tử trí thức. Khắp Âu châu ngoài văn hóa đại học còn phát triển văn hóa đại chúng. Ở cấp đại học, chủ nghĩa tự nhiên (naturalisme) lan tràn mạnh, tất cả khao khát tìm tòi mới mẻ và tất cả ngờ vực những uy quyền bí hiểm của thần thánh.

Kỹ thuật ấn loát phát minh làm đảo lộn sinh hoạt văn hóa. Sách thay thế cho bản viết tay làm cho số người đọc tăng mau. Người trước tác không phải sống bám các thế lực quyền quý nữa. Họ có thể độc lập sáng tác, trí thức phần tử có thể sống bằng nghề sáng tạo hay truyền bá tư tưởng.

Thời kỳ này lịch sử mệnh danh là thời kỳ Phục hưng về mặt tôn giáo còn gọi là thời kỳ cải tạo (Réforme). Rabelais, Montaigne, Ronsard, Luther, Calvin là những ngôi sao sáng lúc ấy.

Âm mưu chính trị của Richelieu trong việc thành lập Hàn lâm viện là muốn công chức hóa trí thức phần tử, cho trí thức một ngôi cao để biến họ thành công cụ chính quyền. Nhưng phần tử trí thức mỗi ngày mỗi đông và nhu cầu khai sáng mỗi lúc càng mạnh. Hiểu biết lan đến đâu, dân chúng đòi giải phóng đến đó. Diderot viết bài về con người (Homme) trong cuốn Bách khoa, treo lá cờ tuyên chiến đầu tiên với thần quyền, vũ trụ không ở tay thượng đế mà ở trong tay con người. Nhà triết học Kant đưa ra khẩu hiệu Sapere aude (Hãy bạo dạn phê phán).

Thế kỷ 18, chủ nghĩa Voltairisme, tư tưởng Rousseau ngự trị, các nguồn học vấn đều đổ về xây dựng chủ nghĩa nhân văn. Cho đến nay chủ nghĩa nhân văn ấy đã trải qua những thời kỳ lãng mạn, phóng nhiệm, tự nhiên, xã hội. Hết thấy các chủ nghĩa trên đều đắm mình trong không khí tái tạo nhân loại bằng chính con người (La régénération de l'homme par l'homme).

Chuyển hình kỳ của phần tử trí thức Trung Quốc

Hãy bắt đầu lịch sử vận động của phần tử trí thức Trung Quốc bắt đầu từ thời đại Xuân Thu và Chiến Quốc bởi lẽ giai cấp sĩ chỉ thực sự thành hình và học vấn thực sự phổ cập vào thời đại này, bởi lẽ kể từ nhà Chu thiên sang Đông, Trung Quốc đã trải qua một đại biến hóa trên chính trị, văn hóa, kinh tế.

Chiến tranh và thương nghiệp kinh tế là những lực lượng hữu hình đẩy cho băng hoại xã hội phong kiến. Đồng thời hai lực lượng ấy lại sản sinh ra lực lượng vô hình văn hóa mới. Khi lực lượng vô hình này biểu lộ tức là sự xuất hiện giai cấp sĩ và sự phổ cập của học vấn. Từ Tây Chu đến Xuân Thu, chính trị hoàn toàn là công việc riêng của quý tộc, công việc của các vương công đại nhân, cha truyền con nối kế tiếp nhau cai quản. Nhưng từ Xuân Thu đến Chiến quốc thì chính trị luôn luôn xảy ra các vụ dưới đoạt trên. Ban đầu chư hầu không nhận vương thất, rồi đại phu không nhận chư hầu, rồi gia thân (thần?) không thừa nhận đại phu. Tôn pháp mất dần uy quyền. Hơi một chút là đòi đánh nhau. Muốn tranh thắng phải nhiều vũ sĩ cho nên mới có câu "đắc sĩ giả xưng thất sĩ giả vong". Sĩ như vậy khởi sơ vốn là con nhà võ. Tuy nhiên vũ lực không phải là vạn năng, vũ lực phải được lãnh đạo bởi học thuật, đâu đâu cũng khát vọng chân tài học vấn. Quý tộc không đủ cố gắng hiến loại nhân tài học vấn đó, đương nhiên muốn giang sơn tồn tại tất phải phá luật lệ về việc dùng người nghĩa là không hạn chế trong phạm vi quý tộc nữa. Bách lý Hề, Tôn Thúc Ngao, Quản Trọng thấy đều xuất thân từ đám bình dân.

Do phỉnh nịnh của ngôi vị, quý tộc bỏ học vấn cho bình dân thừa kế. Do thói nát của quyền thế, quý tộc sa đọa thất đức, lễ nghĩa phép tắc tàn rụi, bình dân phải đứng lên tiếp nối sinh mạng quốc gia bằng nền tảng đạo đức mới để cứu đời. Liệt quốc cạnh tranh nên bình dân thông qua trí thức mà tham dự chính trị, cướp chính trị từ tay quý tộc,

từ nay chính trị hết còn là việc của các vương công đại nhân.

Tần thống nhất, đốt sách chôn nho.

Đời sau chỉ biết việc Tần Thủy Hoàng tiêu diệt trí thức nhưng không biết trước đấy hai mươi năm nước Tần là trung tâm hoạt động của phần tử trí thức mà chính nhờ trung tâm đó Tần mới mạnh để tiêu diệt lục quốc thống nhất sơn hà.

Lý do hai mươi năm sau Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách chôn nho là phần tử trí thức chủ trương một nước dân chủ đại đồng, chính quyền không chịu nhất định dùng vũ lực khống chế tư tưởng. Biện pháp dùng vũ lực phân chia phần tử trí thức ra làm hai giới tuyến và xóa bỏ thái độ khoan hòa hào hiệp khinh thị chức quyền của thời kỳ chiến quốc xa xưa. Giờ đây chỉ còn lại kẻ a dua xu phụ bạo chính với người chống đối bạo chính. Phe chống đối phần đông là những phần tử lý tưởng tiến nuôi thời oanh liệt "đi dép cỏ đội nón lá nghênh ngang vào gặp chư hầu". Phe xu phụ toàn thị những người chủ trương đặt lại trật tự kỷ cương cho thời thế mới. Phe chống đối chê phe xu phụ là tự tiêu diệt cái chí khí của phần tử trí thức để đánh bóng cái uy phong của đế vương, đã đi vào âm mưu "dùng sĩ chế sĩ" của bạo quyền. Phe xu phụ chê phe chống đối là khuấy loạn và vô dụng không biết đến nhu yếu mới của thời thế. Trong khi đó thì Tần Thủy Hoàng cùng dòng họ ông lại nghĩ khác, ông cho rằng chỉ cần lấy uy, lợi danh mà câu nử là có thể muốn làm cái gì cũng xong. Vì nghĩ thế nên Tần Thủy Hoàng càng ngày càng bạo ngược, ông giết luôn cả những phần tử trí thức theo ông thành lập trật tự mới, theo ông vì muốn thực hiện một chính sách. Phần tử trí thức nhất loạt phản kháng, họ bỏ về các nơi thôn dã, rừng sâu tụ tập, giảng dạy rồi vũ trang đấu tranh. Kết quả Tần triều sụp đổ. Lưu Bang tranh thiên hạ thắng Hạng Võ lập nên nhà Hán.

Phần tử trí thức thời Tây Hán.

Học giả đời Tây Hán, trên truyền thống tinh thần không mấy khác Chiến Quốc, nhưng vì hình thế xã hội thay đổi nên ảnh hưởng tới tính cách và ý thức phần tử trí thức rất lớn. Chiến quốc là lúc liệt quốc phân tranh, phần tử trí thức tham gia chính trị không phải chịu sự trói buộc của một pháp chế nhất định nào. Đi dép cỏ đội nón lá gặp vương hầu thuyết phục xong là nắm tướng ấn. Lúc ấy chẳng cứ quốc

vương trọng hiền lễ sĩ, ngay các đại gia quý tộc nghe danh cũng ngưỡng mộ. Kể sĩ thời Chiến Quốc được ưu đãi khi tác khách ở nhà các vương công đại nhân, họ mặc áo đẹp, đi xe tốt đeo bảo kiếm nhân du. Bởi thế phần tử trí thức Chiến Quốc trên sinh hoạt thật là phóng túng, lãng mạn khoáng đạt không bị câu thúc, sáng Tàn tối Sở tung hoành.

Chính phủ đại nhất thống của Tần của Hán thành lập, phong kiến quý tộc lần lần bị tiêu diệt. Muốn nhảy vào chính trị, phần tử trí thức chỉ còn một con đường duy nhất là ra làm quan mà con đường này lại có pháp định và thuận tự chặt chẽ không ai có thể phứt chốc vi phạm. Bây giờ kể từ tấm bé vác sách đi học, lớn lên từ Huyện học thăng tới quốc lập đại học. Tốt nghiệp quay về quê hương bản quán vui đầu làm việc với địa vị tiểu chức của hành chính địa phương. Lập thành tích rồi mới được đề bạt lên dần. Với thời gian đằng đẳng ấy nên xuất thân của học giả Tây Hán đa số là nông dân thuần phác. Do đó phong khí chính trị Tây Hán là phong khí đôn đốc, ần trọng khiêm thoái bình thực. Do phong khí ấy tâm lý tự hào "nhân nhân khả dĩ vi thánh nhân" của Chiến Quốc cũng tan mất. Chỉ có Khổng Tử mới đáng là thánh mà thôi, Khổng Tử lập tức được thần thánh hóa và được suy tôn làm giáo chủ. Bên cạnh chính thống nay đã có thêm đạo thống, việc nhất thống thêm một vũ khí mới. Hào khí Chiến Quốc có một lần chỗi dậy, vào giữa đời Hán, uy tín hoàng thất suy lạc, phần tử trí thức ủng hộ Vương Mãng buộc Hán triều nhường ngôi. Vương Mãng là một học giả danh tiếng đương thời. Nhưng Vương Mãng thất bại vì không được thế lực thương nhân ủng hộ, lại không giải quyết nổi khó khăn trên nông nghiệp. Sau vụ Vương Mãng, phần tử trí thức bị nghi kỵ rơi vào cảnh u tối kìm kẹp.

Đông Hán.

Vua Quang Vũ xây dựng lại cơ đồ nhà Hán gọi là Đông Hán. Cũng như Vương Mãng, Quang Vũ xuất thân từ Thái học sinh. Gốc gác vị vua mới làm phẫn khởi phần tử trí thức, họ đã không thất vọng với lòng mong mỏi, Quang Vũ ngay khi nắm chính quyền liền chấn chỉnh học phong của thời Hán còn thịnh. Khắp nơi giảng đường được mở ra, một ông thầy tụ tập từ 500 đến 1000 học trò là chuyện rất thường. Thái học sinh cuối đời Đông Hán lên tới số 30.000 môn đệ. Nhưng phần tử trí thức Đông Hán lại mang sắc thái khác hẳn "cao thượng bất sĩ" (làm cao sĩ mà không làm quan). Lý do : Bản thân Thái học

sinh đã thành một xã hội lớn luôn luôn ở bên cạnh chính phủ trung ương, thế lực rất mạnh. Người đến học đa số vào tuổi trung niên, con những thương gia giàu có, họ không cần tốt nghiệp sớm để mưu xuất lộ. Họ ở trường Thái học sinh cả mười năm ngao du dùng trường làm nơi phát biểu ý kiến rồi từ đây tỏa ra lãnh đạo dư luận toàn quốc, ảnh hưởng đến chính trị. Giá trị Thái học sinh càng lên cao, thì phần tử trí thức Thái học càng đem học vấn vào hoa mỹ, đến nỗi họ biến hẳn Thái học thành ra điểm tập trung của hân thường cao cấp. Học phong Đông Hán chuyển từ ý thức tôn giáo (Khổng Tử làm giáo chủ) sang thú vị nghệ thuật. Mỗi sinh hoạt tư nhân đều là một nghệ thuật phẩm. Phần tử trí thức Đông Hán mang hình hài mới: thư sinh quý tộc không giống về kiếm bạt nỗ trương của chiến quốc cũng chẳng còn dáng thuần phác của Tây Hán. Họ trọng danh vọng xã hội hơn tước vị chánh phủ, trọng bằng hữu hơn quân thần. Toàn bộ sinh hoạt của họ là một mỹ thuật phẩm cho nên họ không chịu được gian khổ chiến đấu, khiến cho chính trị dễ và chóng hủy hoại. Khi xung đột xã hội bùng nổ khắp nơi thì Đông Hán là thời kỳ có nhiều danh sĩ tuấn tiết nhất. Với thử thách của loạn ly bạo tàn, sang đời Tam quốc thư sinh quý tộc đã lột xác thành ra hào kiệt, Tam quốc với cục thế chính trị gay go có thể gọi là một tiểu Xuân Thu; Tào Tháo, Gia Cát Lượng, Lỗ Túc, Chu Du, Bàng Thống, Tư Mã Đức Tháo v.v... đều là những thư sinh trong cơn loạn lạc nhẩy lên vũ đài chính trị. Cho nên tuy ở các địa vị thừa tướng, nguyên soái, đại sứ ngoại giao mà không mất phong cách nho nhã phong lưu.

Bắc triều thời đại.

Tiền Mục viết :

Bắc triều ở hoàn cảnh khó khăn vì muốn bảo toàn môn đệ nên một mặt phải tiếp cận với hạ tầng dân chúng để khoáng đại lực lượng, một mặt trên chính trị phải nỗ lực phấn đấu để tranh thủ an toàn. Còn phương Nam hoàn cảnh tương đối dễ dàng hơn nên môn đệ chỉ việc giữ chặt lấy tính bảo thủ. Tiến thủ ở phương Bắc cũng như bảo thủ ở phương Nam tuy tính chất trái ngược nhưng cùng một kết quả là duy hộ được di sản truyền thống nhân văn của lịch sử trong cơn đại loạn.

Từ thời Chiến quốc các học giả đối với lý tưởng nhân văn đã chia ra làm hai dòng. Nho mặc thiên về thượng khuynh tính, Trang Lão thiên về hạ khuynh tính. Trang Lão phái chủ trương "quy chân phản phác" muốn lôi kéo phần tử trí thức kết tập tại thành thị về nông thôn, muốn

lôi cuốn trào lưu lịch sử quay lại chất phác thời cổ. Chủ trương của Trang Lão ăn rễ sâu vào tư tưởng thời Tây Hán, cho nên phần tử trí thức Tây Hán tuy ngoài mặt nho gia hóa mà nội tâm rất nhiều ý vị đạo gia. Đông Hán là chuyển lệ điểm gây ra những phản ứng khác nhau của hai hệ tư tưởng Nho Mặc và Lão Trang. Tuy thiên hướng hạ khuynh tính nhưng tiết tháo phong độ của phần tử trí thức lại trở thành cá nhân chủ nghĩa chứ không chú tâm vào quần chúng lớn nữa. Sĩ Đại phu đời Tam Quốc trọng bằng hữu hơn quần(quân?) thần, họ chia ba đi theo Tào Tháo, Tôn Quyền, Lưu Bị không vì danh phận vua tôi mà vì tình bằng hữu. Khổng Minh cúc cung tận tụy với Lưu Bị chẳng phải vì quan điểm chính trị phò Hán mà chính là vì ba lần đến gian nhà cỏ của Lưu Bị. Giả thử không có tam cố thảo lự chắc Khổng Minh sẽ mãi mãi ngày xuân đẩy giắc trong am cỏ cầu toàn tính mệnh trước đời loạn, chẳng màng danh tiếng với thiên hạ, đó thực là thái độ của một đạo gia, không phải là thái độ của một nho gia. Đời Tam Quốc trí thức vẫn mang tâm chất của Tây Hán và Đông Hán, Nho là mặt Đạo là lòng. Sang Lương Tấn (tức Nam Bắc Triều) tư thái ấy càng rõ rệt hơn. Từ chủ nghĩa cá nhân mở cửa thì bẻ bạn đóng cửa thì gia tộc, tư tưởng đạo gia đời Tây Hán còn tương cờ Hoàng Lão nghĩa là còn nhiều chính trị tính, đến Ngụy Tấn thì hoàn toàn đi vào con đường cá nhân Trang Lão. Cá nhân chủ nghĩa không quay về ý hướng thái cổ thuần phác mà chỉ lẩn tránh để truy cầu cho sự viên mãn cá nhân, bên ngoài nghệ thuật chẳng còn gì khác nữa.

Trái lại, tuy thiên hướng thượng khuynh tính nhưng Nho Mặc vốn say mê với chính trị nên lúc này không thể không lăn vào đại chúng phát cờ chiến đấu. Nho Mặc chống lại quan niệm nghệ thuật hóa nhân sinh đang bành trướng, mảnh trăng treo khó lòng đẹp trước sóng bể gào thét, bông hoa xinh khó lòng chăm bón giữa bụi gai cũng như sự an lạc gia đình khó có thể tồn tại trong cơn loạn lạc. Hoàn cảnh phương Bắc không có đất cho nghệ thuật nhân sinh, chỉ có đất cho chính trị nhân sinh. Bởi vậy đạo Trang lão mới di chuyển về phương Nam, còn phương Bắc quay về với Khổng Tử, thu tập lực lượng tranh thủ chính trị, dựa vào chính trị tranh thủ xã hội. Tâm tư họ hết chỗ cho cá nhân cho gia đình trừ phi xã hội đã tái tạo một chánh phủ hợp lý. Giữa lúc ấy thì Phật giáo du nhập Trung Quốc, dù không hện nhưng phần tử trí thức cả Nam lẫn Bắc đều cùng nhau nhìn nhận tôn giáo mới. Chủ nghĩa cá nhân hy vọng ở tôn giáo siêu thế một phương tiện để trốn hiện thực, ký thác tinh thần. Tập đoàn chủ nghĩa thì hy vọng tôn giáo làm chất keo khô chực lực lượng Phương Nam

tiếp thụ Phật giáo bằng tinh thần bi khổ (thiếu dòng?) Tuy vậy Phật giáo đi vào Trung Quốc vẫn không khởi đi vào cái thể thượng khuynh thắng hạ khuynh. Phật giáo nhanh chóng phát triển và cũng mau chóng bị trí thức hóa, lý luận hoá, triết học hóa, cho nên Tiểu thừa không đặc thể còn đại thừa như sóng dâng. Phật giáo ở đây đã không trực tiếp reo mammals giống nơi hạ tầng dân chúng rồi dần qua tay phần tử trí thức Phật giáo hoàn toàn Trung Quốc hóa. Do là một công hiến của trí thức phần tử Trung Quốc cho văn hóa nước này.

Tùy Đường thời đại.

Đời Tùy đời Đường phần tử trí thức ngoài môn đệ ra còn có cao tăng ở tự miếu. Hán và Đường trên chính trị đều là thời đại tốt đẹp của thống nhất, nhưng khí phách và ý cảnh của phần tử trí thức đời Đường khác hẳn đời Tây Hán. Phần tử trí thức Tây Hán đa số xuất thân nông thôn còn môn đệ Đường thường mang khí phận quý tộc, gốc gác gia tộc cha truyền con nối kể tới sáu bảy chục một trăm năm, nhà nào gia sử cũng ghi lăm thời kỳ vàng son. Thêm nữa địa vị của họ do tích lũy lâu đời bành trướng thế lực mà có, không phải dựa vào đặc quyền do chính phủ ban phát cho. Bởi vậy họ tự cao ngạo vô cùng. Nhà họ Lý vốn cũng chỉ là một môn phiệt khởi nghiệp xây dựng nhà Đường tất nhiên không có cái thể của Lưu Bang từ bình dân quật khởi làm hoàng đế cho nên đối với môn phiệt Đường triều chỉ có thể dùng thủ đoạn điều chỉnh chứ không thể dùng quyền lực chấn áp. Ngược lại các môn đệ cũng vì địa vị mình lẫn lưng ủng hộ chính phủ, thiên hạ thái bình thì môn đệ mới mong hưởng thú vui an thái. Dưới nguyên tắc cầu hiền cộng trị, chính quyền và trí thức cùng nhau kiến thiết chính trị làm cho Đường thịnh trị thi hành được nhiều chính sách lớn. Nhờ thái độ tích cực đối với chính trị nên phần tử trí thức đời Đường rất đa năng, đa tài. Những kế hoạch to tát, những nghị luận khôi vĩ nảy sinh mọi nơi. Đời sau mới có câu: Hán nhân hậu Đường nhân đại là thế. Phần tử trí thức đời Đường không chỉ có những cống hiến lớn lao trên chính trị mà còn trên văn hóa và tôn giáo nữa. Các môn đệ theo Phật giáo đã hoàn tất ba phái:

Thiền đài

Thiền

Hoa Nghiêm

Họ đã dùng truyền thống văn hóa bản quốc chế biến Phật giáo thành tôn giáo mới. Họ đã điều chế được tâm lý say mê của tôn giáo với cái sáng suốt của lý trí. Câu nói "Nếu tôi gặp Như lai tôi sẽ cho một búa chết tốt rồi vứt xác cho chó ăn" của Lục tổ Huệ Năng thật đáng tiêu biểu cho sự can đảm và sáng suốt của lý trí.

Từ giữa đến cuối đời Đường ngoài môn đệ và thiền tự có thêm một lực lượng trí thức khác là các tân sĩ đặc thế. Đây là kết quả của chế độ khảo thí, chính quyền khai phóng tân sĩ thông qua khảo thí gia nhập chính trị thì môn đệ thế lực cũng dần dần thoái nhượng. Trí thức tân sĩ không xuất thân môn đệ nên rất non kém với vấn đề chính quyền, thêm nữa chế độ khảo thí đương thời thuần chú trọng đến thi phú phù hoa càng khiến cho thế lực trí thức mới lúng túng trước chính trị. Chế độ khảo thí bày đặt nhiều thủ tục khắt khe như trình lý lịch, tra khám thân phận, chờ nghe điểm danh, vác lều chiếu ống quyển, chuẩn bị dầu đèn thực phẩm v.v... đã làm cho lòng tự tôn thương tổn. Thi không đỗ thì chịu thiệt thòi về những lúc nha môn khinh miệt mắng nhiếc. Một sớm bảng vàng có tên thì bước đường phú quý trải ra trước mặt, muốn chóng muốn vững tất phải bôn tẩu luôn lọt. Để trả thù những phút khổ sở ấy nên vừa hiển đạt là lập tức mở yến tiệc gọi đĩ xướng ca, ăn chơi thỏa thích cho bỏ lúc sớm hôm đèn sách sáng tối châu chực. Người đặc thế thì vậy, người yếu thế thì tỏ thái độ khinh bạc cười lừa qua cầu dưới mưa rơi tuyết lạnh tìm vãn thơ. Phần tử trí thức cuối đời Đường tiến mãi vào cái hố trụy lạc.

Đời Tống.

Bắc Tống khai thủy, môn đệ không còn, cao tăng cũng hết, nhân tài cạn hiếm. Đa số theo học các thiền tự, quay về đời tục. Tân sĩ khinh bạc không đảm đương nổi đại sự thiên hạ. Trong tình hình này, phải đợi phần tử trí thức mới nổi dậy, sự nổi dậy đó lịch sử mệnh danh là trí thức đời Bắc Tống.

Trí thức Bắc Tống mang tinh thần tôn giáo Thiền chính thức chuyển đi vào xã hội hiện thực, đem quan niệm thanh tịnh tịch diệt, cứu cánh Niết bàn chính thức chuyển biến thành lý tưởng nhân văn truyền thống tu thân, trị quốc, bình thiên hạ.

Việc thứ hai là cổ xúy giáo dục tự do thay thế cho chế độ giáo dục

môn đệ, một mặt đốc thúc chính phủ xây dựng học hiệu công lập, mặt khác hô hào tư nhân giảng học, đồng thời thành lập thư viện, tạo thành vận động giáo dục vĩ đại.

Phần tử trí thức đã gặp nhiều khó khăn vì giáo dục tự do tức là không chịu sự khiển chế của chính quyền, không chịu quan liêu hóa nên chính quyền quý tộc đều không ưa. Thoát hóa tôn giáo khiến cho lực lượng tăng lữ tự miếu ghét bỏ. Tống nho tám hướng thụ địch, nhưng nhờ tinh thần lo trước cái lo của thiên hạ và vui sau cái vui của thiên hạ, nên họ đã vượt nhiều trở ngại mà tạo được sinh mệnh mới phong khí mới. Nhưng thắng lợi huy hoàng chẳng được bao lâu vì Tống Nho đi quá trớn, đặt danh giáo cao hơn quan tước triều đình, họ yêu cầu cả Hoàng Đế cũng phải học đạo tu đức, phải cúi đầu tôn sư trọng đạo. Họ không thuần phác như Tây Hán, không thanh cao như Đông Hán, không khoáng đạt như đời Đường, Tống Nho quá nghiêm túc đến độ ngoan cố. Ở thái độ ngoan cố họ thành ra bất cận nhân tình, phân ly chính trị nên trước sức tấn công ào ạt như cuồng phong của Mông Cổ, phần tử trí thức Bắc Tống thu rút lại chỉ còn là bọn khoa môi múa mép thanh đàm cao luận.

Dưới thống trị Mông Cổ, nho sinh bị coi ngang loại "ăn mày" kém hòa thượng một bậc. Nhà nho tìm mọi cách mai danh ẩn tích không trực tiếp nhúng vào chính trị cho nên mất hết tất cả mọi địa vị lãnh đạo. Họ chuyên chú vào việc sáng tạo văn học, do đó Nguyên đại có nhiều tác phẩm về kịch từ, thơ, họa, y khoa, toán số, cơ giới rất quý báu. Họ cũng mai danh ẩn tích để xoay vào thương mại tiểu công nghệ và đã gây nhiều thành quả tốt đẹp.

Đời Minh.

Chính quyền Mông Cổ băng hoại, cách mạng dân tộc bùng lên kêu gọi nhân dân Trung Quốc hướng về thời oanh liệt Hán Đường xưa.

Lý học gia đời Minh cũng cùng một cách điệu với Tống, nhưng lại khác Tống ở điểm xa cách giữa giàu với nghèo, gia đình thư sinh đời Minh so với đời Tống giàu có hơn nhiều, tại Giang Nam có nhà đầy tớ người hầu dư cả trăm. Chế độ khoa cử cũng khác xưa, một khi trúng tân sĩ là thành quan to ngay không phải giữ tiểu chức nữa, vì vậy phần tử trí thức đời Minh có khí độ hào kiệt. Các trường do phái Vương Đường (Dương?) Minh và Long Khê được hoan nghênh nhiệt

liệt, giảng đài thường đông nghẹt người nghe. Người đến nghe giảng có hai lớp, lớp học thức và lớp bình dân. Lớp bình dân gồm nam phụ lão ấu, phu khuân vác và mã phu, thương cố cứ đúng kỳ hội tập. Học vấn đời Minh không đi theo thượng khuynh tính để giảng dạy trị quốc bình thiên hạ mà đi theo hạ khuynh tính vào lộ tuyến xã hội tìm đến chính tâm thành ý. Học thuyết lương tri của Vương đường Minh do những buổi diễn giảng đã thành ra một thứ triết học đại chúng, đại chúng cũng nhờ thế mà mở mang kiến thức rất nhiều.

Huy hoàng được một thời gian thì phát lộ ra nhược điểm: đại chúng thấm nhuần học vấn nhưng thượng tàng bỏ ngỏ. Để bổ khuyết phái Thiên Tông chỗi dậy phát cờ văn (văn?) học, bổ giáo dục xã hội thành lập chính diện văn chương, nhưng vì cố lên cao lại nhiều mùi vị tôn giáo nên văn chương đâm ra cuồng quái như kiểu trường phái của Lý Trác Ngô gây nhiều ảnh hưởng phá hoại.

Giữa đời Minh về sau, chế độ khoa cử lâm vào cái bệnh "bát cổ" tức là đường chết của học vấn mở đường cho Mãn Thanh xâm lăng.

Đời Thanh.

Xu thế học phong đời Thanh tập trung vào phái bác học, các học giả chú ý khai phá cổ học để tìm thực học nhưng lại bỏ quên sinh hoạt hiện thực trước mắt. Chính quyền Thanh triều luôn luôn dòm dỏ áp bức khiến cho tinh thần giảng học khó phục hưng. Nội tâm phần tử trí thức nung nấu chí khí phản chính phủ, nhưng họ đã đi tìm học vấn qua một phương pháp không chính xác là đào bới quá khứ lịch sử để chẩn bệnh hiện tại mong phát hiện phương thuốc chờ thời hưng vương phục quốc. Khốn nỗi điều họ chờ lại xuất hiện quá chậm trễ khiến cho hy vọng mỗi lúc thêm ảm đạm mờ hồ. Quay về nghiên cứu kinh điển cũ, tìm hiểu cái hay cái đẹp của người xưa mà sao lãng cái thực tế trước mắt là quay về chông sách một để làm con một sách. Bệnh nặng nhất của phần tử trí thức đời Thanh là: coi nhẹ chính trị tính, xã hội tính, lịch sử tính để chui vào cái cũ "thuần học" vị học thuật nhi học thuật. Họ không cao vọng làm thầy lãnh đạo tương chỉ huy, họ không tha thiết với nhân quần tập thể, họ không chú ý đến sinh hoạt hiện thực, bao nhiêu hứng thú họ đem đổ dồn vào mấy quyển cổ thư. Trái hẳn với Hán nho đem thánh nhân thần hóa, Thanh nhân đem thánh nhân thư bản hóa. Vùi đầu vào cổ thư để kiếm (kiếm?) thảo là phản ứng tiêu cực của phần tử trí thức thống hận

Thanh triều cướp nước, thái độ tiêu cực này không phải là thái độ chính thường của nho gia vì nho gia đối với chính trị bao giờ cũng tích cực. Trên chính trị thì nước mất, trên văn hóa thì bị cắt đoạn không tiếp nối vươn lên, đó là lỗi lầm to tát của phần tử trí thức vậy.

(Những kỳ chuyển hình của phần tử trí thức T.Q. ở chương này viết dựa theo ý kiến của các học giả Tiền Mục, Mạnh Vũ, Hồ Thu Nguyên.)

Nguồn: huytran

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 29/12/2006 4:05:01 CH

Vũ Tài Lục

Thủ đoạn chính trị

HUYỀN THỌAI TRƯƠNG LƯƠNG

Cách đây hai ngàn một trăm tám mươi năm, vua nhà Tần là Doanh Chính thống nhất Trung Quốc, tự hiệu là Tần Thủy Hoàng, ngụ ý muốn bảo cho người đời hay rằng giòng họ nhà ông sẽ đời đời cai trị Trung Quốc. Nhưng chưa trọn mười lăm năm và truyền nhau chưa hết hai đời thì nhà Tần đã bị lật đổ. Huyền thoại Trương Lương ra đời trong khung cảnh lịch sử này.

Trương Lương là con cháu dòng dõi của nước Hàn (một trong sáu nước bị nhà Tần thôn tính.) Cha ông của Trương Lương đã năm đời làm tể tướng nước Hàn. Khi Hàn bị Tần diệt, Trương Lương liền đem hết sản nghiệp của mình đi tìm một thích khách để ám sát Tần Vương. Đến nước Triệu Tiên làm Lương hải Quân, Trương Lương gặp một dũng sỹ với sức muôn người không địch, có thể múa đôi chùy nặng chừng năm trăm cân nhẹ như người thường cầm hai chiếc quạt.

Trương Lương cùng người dũng sỹ liền về Bác Lăng Sa, đón Tần Thủy Hoàng đi săn ở đây mà giết. Kết quả quả chùy ngàn cân đã đập nát chiếc xe giá không có Tần Thủy Hoàng ngồi trong. Chết hụt, Tần Thủy Hoàng ra lệnh tằm nã Trương Lương. Khắp nơi mật vụ bủa

lưới. Việc làm kinh thiên động địa kia khiến cho nhân dân khắp nơi tán tụng. Trương Lương còn trẻ lại làm việc động trời nên chỉ trong ít ngày Trương Lương đã trở thành một vị thiếu niên anh hùng, người của thần thoại trong đầu óc nhân dân.

Nhưng trước mắt nhà chính trị, trước mắt những con người lão luyện giang hồ thì công việc ném chùy ở Bác Lăng Sa của Trương Lương chẳng qua chỉ là một hành vi vung kiếm vượn người lên mà quyết đấu của kẻ thất phu, chỉ là một thứ anh hùng chủ nghĩa cá nhân thoát ly quần chúng không có tổ chức. Với hành vi đó thật khó lòng mà lật đổ cả một bộ máy bạo ngược của nhà Tần, khó lòng đương nổi với cuộc cách mạng có trăm đầu ngàn mối.

Tuy nhiên, họ cũng nhận là cái phẩm chất thanh niên của Trương Lương thật là đáng quý. Tấm lòng yêu chính nghĩa nhiệt thành, lương tâm sáng rọi muốn cứu đời, cứu người là những chất liệu nếu đem rèn đúc với sự hiểu biết nữa thì phải thành thứ vũ khí đập đổ bạo Tần.

Trong số những nhà chính trị lão luyện ấy có một người tên là Hoàng Thạch Công. Hoàng Thạch Công nhận biết mình ở vào cái thế "thế thời bất ngã dĩ, lực bất tòng tâm", khả năng mình chỉ là khả năng ẩn dật một nơi để chỉ đạo cách mạng, nhưng không thể trực tiếp tham gia cách mạng. Khát vọng của Hoàng Thạch Công là tìm được một anh tài trong thiên hạ để mà truyền thụ, để mà giáo dục. Khát vọng ấy cũng chẳng khác gì lúc Trương Lương mong tìm thấy người dưng sỹ.

Lại nói về Trương Lương từ khi có lệnh tầm nã, chàng phải trốn tránh ngày đêm, mai danh ẩn tích, thay tên đổi họ để đi tuốt mãi xuống phía Nam.

Tài lẩn tránh của Trương Lương thần diệu thật, nhưng tài ấy mới chỉ che nổi mắt đám mật vụ và nhất định không thoát nổi con mắt tinh đời của Hoàng Thạch Công. Từ lúc chàng đến Hạ Bì, mỗi lần có việc đi ngang qua chiếc cầu bên con sông nhà ở Hạ Bì, thì nơi đây có một ông lão ngồi câu cá, vuốt chòm râu bạc ngắm con người tài hoa công tử Trương Lương. Ông lão gặt gù thiết lập kế hoạch đầu tiên đối với Trương Lương là bẻ gãy tâm lý kiêu ngạo của chàng, có hết kiêu ngạo mà ân cần học hỏi thì Trương Lương mới trở nên hữu dụng. Sẩm tối hôm đó, sương chiều mù trời, dưới sông nước cạn chảy trong veo. Trương Lương nét mặt trầm tư tản bộ ngắm cảnh, chàng chợt nhìn thấy ông lão vẫn ngồi câu cá đánh rơi chiếc dép xuống nước. Cũng vừa lúc ông lão cất tiếng gọi: này chú nhỏ nhặt cho ta chiếc dép kia. Nghe tiếng gọi xách mé Trương Lương giận vô cùng nhưng nghĩ lại ông già gân cốt chẳng được là bao nhiêu, hơn nữa sở dĩ ông ta thô lỗ chắc vì kém kiến thức, nên chàng trầm tĩnh bước xuống chân cầu nhặt dép. Đưa dép đến nơi chàng nghe thêm tiếng nữa chói tai: xô vào chân ta!

Câu nói vô lễ lần này không làm cho Trương Lương ngạc nhiên nữa mà làm nổi dậy trong lòng chàng tính hiếu kỳ. Chàng ngoan ngoãn vâng lời. Công việc xong ông ta đứng phất dậy đi thẳng không thèm buông nửa lời cảm tạ.

Mấy ngày sau Trương Lương lại gặp ông lão ngồi câu ở đó, chưa kịp tỏ thái độ gì thì ông lão đã trở vào mặt chàng nói: Này chú, năm ngày nữa, đúng sáng sớm chú đến đây gặp ta. Y hẹn Trương Lương tới thật sớm, đã thấy ông lão có mặt ở đấy rồi. Vừa thấy mặt chàng ông lão đã quát mắng: Hẹn với lão sao nhà ngươi đến chậm như vậy? Nói xong ông quay ngoắt rảo bước và vói lại một câu: Hẹn năm ngày

nửa cũng buổi sớm.

Ngày hẹn tới Trương Lương dậy từ canh hai để sửa soạn, đến nơi gà vừa gáy tiếng đầu tiên nhưng vẫn không kịp vì ông lão đã có mặt tự bao giờ rồi. Bị mắng thêm lần nữa. Lần thứ ba Trương Lương quyết chí đến sớm hơn bằng cách chèo đến chờ ở nơi hẹn từ chập tối, ông lão mới hài lòng. Ông rút ở trong người ra một cuốn giấy cũ kỹ mà bảo với Trương Lương rằng: Con hãy về đọc kỹ cuốn sách này, đây là cuốn sách dạy làm thầy vua. Con cần nỗ lực trong mười năm, mười ba năm nữa ta sẽ gặp lại con nơi chân núi Cốc Thành miền Sơn Đông.

Mười ba năm trôi qua, Trương Lương theo phò Lưu Bang tranh thiên hạ, có việc khẩn phải đi qua núi Cốc Thành, nhớ lời ước hẹn năm nào, Trương Lương có ý trông đợi ông lão, nhưng đợi đã nhiều ngày chẳng thấy ông lão đâu, chỉ thấy tảng đá vàng hình thù rất đẹp, Trương Lương chờ tảng đá đem về lập miếu thờ.

Mở chính sử Trung Quốc ra coi thì cái tên Hoàng Thạch Công không hề thấy ghi chép trong bất cứ cuốn sách nào. Ông xuất thân thế nào, tên thật và quê quán đều vắng lạng. Hoàng Thạch Công hoàn toàn là một huyền thoại, Hoàng Thạch Công chính là bản thân lịch sử hiện hiện thành người đã sử để tô điểm thêm cho cái tài an bang tế thế tột bậc của Trương Lương.

Cuộc đời và sự nghiệp của Trương phải có Hoàng Thạch Công thì mới thành tựu được. Mười ba năm sau vụ ám sát Tần Thủy Hoàng là mười ba năm Trương Lương theo học thầy Hoàng Thạch Công, nhưng ông thầy đó lại không có thực. Vậy thì lời dạy trong mười ba năm ấy đúng ra là lời dạy của lịch sử, của thực tiễn đấu tranh.

Thắng trận Cai Hạ, giết Hạng Võ thu giang san về một mối xong,

Trương Lương đã bỏ cuộc đời phú quý để vào rừng đi hái thuốc. Điều này nói rõ tâm chất Trương Lương vốn dĩ là con người lãng mạn không tưởng, tâm chất đương nhiên của một đệ tử thế gia. Cho nên lúc Tần diệt Hàn cái tâm chất lãng mạn không tưởng kia tất nhiên phải nhảy vào hành động chính trị bằng thái độ vô chính phủ (anarchiste), khủng bố (terrorisme). Lề lối tác loạn vô chính phủ và khủng bố không đủ khả năng để tiêu diệt guồng máy thống trị bạo Tần. Trương Lương thất vọng trốn xuống Nam rồi ở đây chàng gặp những đầu óc lão luyện giang hồ. Thử nghiệm bản thân và học hỏi những tư tưởng mới mẻ đầy thực tế, Trương Lương đã phát hiện thấy phương pháp diệt Tần. Lúc Trương Lương cúi xuống nhặt dép cho ông lão rồi quỳ xuống bỏ dép vào chân người lạ, chính là lúc mà Trương Lương đã từ bỏ hẳn cái học vô ích của mình từ trước đến nay, dứt khoát hẳn với cái thân phận danh gia tử đệ ra mặt đứng vào cái thế chính trị mới để lao vào cuộc đấu tranh thời đại của thân phận áo vải làm Hoàng Đế sau này là Lưu Bang. Cảnh ấy cũng tựa như cảnh Trifimo trong vở kịch Ciseraiie (Tchekov) đánh chiếc xe troika dời bỏ khu rừng cũ để vào cuộc đời mới, cuộc đời mới của Trương Lương là trở nên một tay chính trị nhà nghề, thoát bỏ hẳn cái xác chính trị dững dĩnh trước kia.

Thủ đoạn chính trị

Lời mở

Tổng thống J.F. Kennedy bị bắn chết ở Dallas. Robert Kennedy, em ruột vị Tổng thống quá cố, nhận cả một băng đạn vào đầu sau khi nghe tin thắng cử. Toàn thể dân chúng Mỹ tiếc thương anh em Kennedy, những chính trị gia lỗi lạc của Hoa Kỳ.

Ủy ban Warren được thành lập để đặc biệt điều tra về cái chết của vị Tổng thống khả ái. Qua nhiều tháng làm việc, Ủy ban đã hoàn thành một bản báo cáo dày cộm nhưng hết sức nhạt nhẽo, và bản Warren report bị công kích dữ dội là cố ý che đậy. Cuối cùng việc cũng êm xuôi.

Ché Guevara phơi xác trong khu rừng rậm rạp. Cả thế giới vô sản Nam Mỹ xót xa vị anh hùng đáng kính của họ. Nhưng ở trong bóng tối đã hiện ra một tập hồ sơ C.S. trong đó có ghi việc cần thiết của Đảng là phải làm sao cho phe tư bản thủ tiêu Ché.

Lịch sử xưa nay có cả trăm ngàn câu chuyện tương tự.

Trên lý tưởng thì chính trị hiện ra với những bộ mặt thiện ý, quang minh và chân lý.

Còn thực tế chính trị lại trái hẳn: thống trị thay cho thiện ý, sách lược thay cho quang minh và quyền lực thay chân lý. Rõ rệt đến nỗi người ta có thể nói rằng thống trị, sách lược và quyền lực là mặt phải, còn thiện ý, quang minh và chân lý là mặt trái mà thôi.

20 tháng 7 năm 1968

Thủ đoạn chính trị

CHƯƠNG 1

*Chiều hôm ấy, khi chỉ còn mình
Don Camillo với Chúa, từ trên
bàn thờ, Chúa thú thật với Don
Camillo rằng:*

*"Về mặt chính trị quả tình
con giỏi hơn ta."*

*(Le petit monde de Don
Camillo của Giovanni
Guareschi).*

Ý nghĩa của chính trị

Ai muốn nói sao thì nói, chính trị chỉ có một sự thật và mỗi hiện tượng chính trị đều phải quy hết vào sự thực đó hoặc từ đó mà nảy sinh ra.

Sự thực là:

- Chính trị là hết thảy những hành động nhằm duy trì mở rộng và tranh đoạt quyền lực.
- Chính trị hoàn toàn chịu chi phối bởi quy luật khách quan của xã hội, sự cần thiết của lịch sử. Nó không phải là đạo đức hay lý tưởng.
- Đấu tranh chính trị là đấu tranh giữa kẻ thống trị và kẻ bị trị, giữa kẻ có địa vị và kẻ mất quyền lợi. Hết thảy danh nghĩa tốt đẹp chỉ là sự cần thiết từng giai đoạn hoặc là những hình thức ngụy trang.
- Phương tiện dùng cho đấu tranh chính trị là bạo lực và mưu mẹo.
- Kẻ nào có quyền, kẻ ấy cai trị, kẻ nào cai trị, kẻ ấy có lý do chính đáng. (He who has authority, governs; he who governs, is right).

Mê hồn trận

Duy trì mở rộng và tranh đoạt quyền lực là một mê hồn trận, đặt người ta trước bộ mặt của Janus (nhân vật thần thoại có hai mặt) với những vấn đề bất trắc, trái ngược nhau. Mê hồn trận ấy theo rồi người chính trị ở khắp nơi và bất cứ lúc nào.

Vua Louis XV đã nói một câu rất chân thật nhưng chứa chất nhiều ý nghĩa:

"Không đốt pháo bông thì dân không có gì vui thú, mà đốt pháo bông thì tài sản của dân thành tro bụi".

Đốt pháo hay không đốt pháo? Câu hỏi ấy cũng khó trả lời như khi người chính trị tự hỏi: nhân nghĩa đạo đức hay không nhân nghĩa đạo đức? Trong nhân nghĩa đạo đức có những điều thật bất nhân bất nghĩa. Trong bất nhân bất nghĩa có những điều thật nhân thật nghĩa. Ở lịch sử có người trả lời chệch câu này mà tan tành nghiệp lớn: Lưu bị trước lời khuyên của Khổng Minh nên cướp Kinh Châu từ tay Lưu Kỳ.

Phải để lặng lẽ bình yên hay phải khuấy động không ngừng dằng co giữa trật tự và tiến bộ. Trị rất cần thiết nhưng loạn không phải là tuyệt đối vô ích. Dân Sparte xưa kia hùng cường một thời rồi tiêu diệt. Lý do hùng cường là lệ luật và truyền thống sắt thép, nhưng lý do tiêu diệt cũng là lệ luật truyền thống sắt thép ấy bóp nghẹt dân Sparte không tiến bộ được.

Phải giải quyết êm đẹp cả quyền lợi công lẫn quyền lợi tư. Làm việc thiên hạ tất theo lẽ công, nhưng nếu không giải quyết được lẽ tư cũng thất bại.

Lịch TỰ CƠ khuyên Hán Cao Tổ theo công đạo trả thiên hạ lại cho các chư hầu để làm sáng tỏ đức lớn. Lưu Bang sắp nghe. Trương Lương hay tin lật đật chạy vào can rằng: Hào kiệt sở dĩ theo người là vì muốn được hưởng quyền quý, nay Bệ hạ lại đem trả cho những người không cùng gian lao với Bệ hạ, tất thế phải loạn. Quay sang Lịch TỰ CƠ, Trương Lương nói: cái công đạo của ông là công đạo chỉ biết một mà không biết hai.

Phải chọn chiến tranh anh dũng đau thương tang tóc hay hòa bình nhục nhã ê chề?

Lénine ký hiệp ước hòa bình với Đức ở Brest Litovks bị các đồng chí công kích là phản cách mạng, phản quốc, nhưng sau này hiệp ước đó trở thành bài học lớn cho những đảng viên Cộng sản.

Làm sao ra khỏi mê hồn trận?

Cửa sinh của nó là thủ đoạn.

Thủ đoạn có phải là điều khó nghe chăng?

Chỉ có hai loại người tỏ ra khó nghe đối với danh từ thủ đoạn.

Loại thứ nhất: bọn bất lực.

Loại thứ hai: bọn giả đạo đức kiểu Frederich II mà Voltaire đã châm biếm bằng câu: "Il crache au plait pour dégoûter les autres" (Hắn nhổ bọt vào đĩa đồ ăn để hòng ăn một mình).

Tri vi thủ

Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống. Trạng Nguyễn Bình Khiêm khi nói câu này có dụng ý muốn cứu vớt người Việt ra khỏi bi kịch thiên niên vạn đại của nhân loại, bi kịch làm trong sự không biết, phải làm trước khi biết mà các triết gia phương Tây gọi là L homo faber precede homo sapiens. TỰ CỐ XƯA học thuật phương Đông đã đặt nặng vấn đề biết: "Tri vi tam đạt đức chi thủ" (sự biết đứng đầu cả ba đạt đức). Chỉ có nắm được vững vàng sự biết thì mới dành được cái thế độc vãng độc lai (dịch hệ từ) có nghĩa là làm mưa làm gió. Trang Tử bảo: "Tri xuất hồ tranh". Bởi đấu tranh nên cần phải biết, có biết mới thắng. Tri kỹ tri bỉ bách chiến bách thắng. Chính trị theo nghĩa của chữ policy của giống Anglo Saxons là quan niệm và chương trình hành động của một cá nhân, một đoàn thể hay một chính trị thì sự biết kia lại càng là vấn đề sinh tử.

Thợ nào được thì ăn cơm vua

Đơn giản như câu hát vui của bầy trẻ nhỏ chơi trò kéo cưa lừa xẻ.

"Thợ nào được thì ăn cơm vua.

Thợ nào thua thì về bú tí..."

Đơn giản như bài thơ ngụ ngôn La Fontaine nói về phần con sư tử. Chính trị là một luật tắc duy nhất hiệu quả (efficacité) không phải kẻ tốt là kẻ thắng mà là kẻ khỏe, kẻ giỏi, kẻ khôn khéo mới là kẻ thắng. Những người loại trên không bao giờ được tha thứ, họ sẽ bị đưa vào tòa án Nuremberg để nghe bản án treo cổ, họ sẽ như Tô Tần về nhà, vợ dọn cho bát cơm nguội với quả cà thiu. Cái cười của chàng Chiêu Lý Phạm Thái với lời nói ngạo nghễ: "Ha ha chí lớn trong thiên hạ không chứa đầy hai mắt mỹ nhân," chỉ là cái cười tiểu thuyết. Hiệu quả của chính trị là đoạt được quyền lực, duy trì và mở rộng quyền lực.

Người ta không thể nói: Tất cả sự thành công của chính trị đều tốt lành. Nhưng người ta có thể nói: tất cả những chính trị muốn tốt lành thì phải đưa dẫn đến thành công. Đành rằng thành công không tuyệt đối thánh thiện hóa được hết thảy tuy nhiên thất bại lúc nào cũng như lúc nào là tội ác xấu xa.

Chính trị hoàn toàn là câu chuyện đả thiên hạ tố hoàng đế, nghĩa là dành đoạt quyền lực. Cuộc tranh đoạt ấy được diễn tiến trên ba chiến trường:

- 1- Giữa những kẻ đã có quyền lực trong tay và kẻ chưa có quyền lực. Kẻ có tìm cách giữ, kẻ không tìm cách đoạt.
- 2- Giữa những người cùng có quyền lực, nhưng muốn quyền lực mình lớn hơn lần áp người khác.
- 3- Giữa các tập đoàn lớn như các quốc gia các dân tộc.

Quyền lực

Lịch sử và những biến động lịch sử dĩ nhiên do nhiều động cơ kết hợp lại. Tuy vậy cái trục để cho động cơ kia xoay chung quanh vẫn là một sự thực: thiểu số có tổ chức có cùng ý hướng cai trị đa số vô tổ chức, kém ý chí và kém khả năng. Vận động hay biến động chính trị đều chuyển vào trọng tâm của tham vọng quyền lực. Hay nói khác đi, biến chuyển lịch sử đều chỉ là vận động của quyền lực.

Vì quyền lực mang tác dụng tuyệt đối nên tính chất của quyền lực là chuyên đoán và bài tha.

Con người sống trong xã hội thường xuyên tìm cách lấn át nhau mà tranh đoạt phần hơn phần tốt. Tình trạng lấn át và chống lại lấn át đó gọi là xung đột. Giải quyết cuối cùng cho những mối xung đột này là: hoặc Giáp phải cướp được bộ phận hay toàn bộ phần hơn phần tốt từ tay Ất hay Bính, Đinh, v.v. Nếu Giáp chỉ mới cướp được ít thôi, cơ hội khác đến Giáp sẽ cướp thêm. Ở xã hội văn minh, người ta đã cố sức lập luận biện minh và tìm cách trong sạch hóa, thánh thiện hóa

những sự giải quyết xung đột nhưng chúng vẫn không hề thoát ra khỏi hình thái kể trên.

Muốn giải quyết xung đột thì phải có quyền lực, chính trị là cuộc đấu tranh giành quyền lực, đấu tranh không có đất cho thỏa hiệp bình đẳng, kết quả của đấu tranh nhất định phải hơn thua, hoặc chuyển đổi từ tay người này sang tay người kia, từ tập thể này qua tập thể khác. Nếu có thỏa hiệp nào thì đấy là sách lược. Nếu mới tranh đoạt được một phần mà đã ngừng thì đấy là giai đoạn hoãn xung.

Hành động tranh đoạt thường thường quyết định do bạo lực. Ngay như các vấn đề tôn giáo, bản thân tôn giáo vốn răn dạy chống bạo lực, thế mà đến khi tranh đoạt quyền lực tín ngưỡng thì máu cũng vẫn chảy. Trong sử sách đã từng có bao nhiêu cuộc thánh chiến tàn sát.

Bạo lực có hai loại:

a) - Bạo lực tâm lý.

b) - Bạo lực vật lý.

Bạo lực tâm lý gồm những hoạt động thuyết giáo tuyên truyền, lý luận, v.v...

Bạo lực vật lý gồm những vũ khí chiến tranh, tiền bạc, tổ chức mật vụ, bộ máy chính quyền v.v...

Cả hai đều có chung một tác dụng chấn áp đối phương. Bạo lực tâm lý cần sự yểm trợ của bạo lực vật lý mới gây hiệu quả mạnh mẽ, ngược lại bạo lực tâm lý cũng khiến cho bạo lực vật lý đạt mục tiêu dễ dàng hơn.

Nói thêm một lần nữa về vấn đề quyền lực

Con người trong xã hội vì muốn lấn át nhau, mà thành xung đột.

Muốn thắng lợi phải có quyền lực. Như vậy quyền lực đã bước qua hai giai đoạn, khởi đầu nó chỉ là thủ đoạn để giải quyết xung đột, rồi nó trở thành mục đích của mọi mối xung đột và rốt cuộc nó biến ra vai chủ giốc của tất cả mọi cuộc đấu tranh chính trị. Bây giờ nói đến chính trị là phải nói ngay đến chính quyền.

Đào sâu để tìm hiểu vai trò của nó. Từ đơn giản đến phức tạp quá trình phát triển của quyền lực có những công thức sau đây:

Xung đột xã hội đòi hỏi một giải pháp.

Vậy là X (xung đột) → G (giải pháp)

Muốn giải quyết xung đột thì phải thông qua quyền lực.

Vậy là X → Q (Quyền lực) → G.

Nhìn công thức thứ hai thì quyền lực chỉ là một thủ đoạn để giải quyết xung đột xã hội. Nhưng do sự lớn lên không ngừng và giá trị vạn năng của nó, nên quyền lực được mục đích hóa. Nắm được

quyền là được tất cả phương tiện để giành sự thắng lợi trong việc tranh đoạt. Khi quyền lực được mục đích hóa thì nó trở thành đầu mối của mọi xung đột. Hãy giành lấy quyền lực đã, rồi thì xung đột sẽ được giải quyết.

Vậy là: $Q \rightarrow X \rightarrow R \rightarrow Q$

Quyền lực khởi sơ vốn là thủ đoạn để giải quyết xung đột xã hội, nhưng khi nó biến ra mục đích thì nó lại là đầu mối của xung đột, xung đột giành giá trị xã hội lui về địa vị thứ yếu. Xung đột hoàn toàn là xung đột quyền lực.

Vậy là: $Q \rightarrow x \rightarrow Q \rightarrow X \rightarrow Q$

Đại thể và tiểu thể

Có hai mức để phân tích và biện biệt chính trị:

Đại thể chính trị (macropolitique) và tiểu thể chính trị (micropolitique). Hai thể có quan hệ mật thiết và ảnh hưởng lẫn nhau. Nhà Tống phải đối phó với xâm lăng của giặc Kim đó là vấn đề của đại thể chính trị. Tần Cối chống Nhạc Phi đó là vấn đề của tiểu thể chính trị. Đến khi tập đoàn Tần Cối thắng tập đoàn Nhạc Phi, thì nhà Tống không còn chống được xâm lăng của Kim binh nữa. Chính trị đối với vấn đề Bắc của Tây Sơn là đại thể. Liên lạc giữa Nguyễn Huệ và Nguyễn Hữu Chỉnh là tiểu thể chính trị. Nhưng nếu thiếu Cống Chỉnh chính sách đối với phương Bắc chưa chắc đã trôi chảy êm đẹp. Tuy nhiên phải nhận một điều: Giữa Chỉnh và Nguyễn Huệ thì chỉ có Nguyễn Huệ làm chính trị đại thể còn Chỉnh luôn luôn loanh quanh với cái chính trị tiểu thể.

Trị và loạn

Đoạn cuối bài Bình Ngô có câu:

"Vẫy vùng một mảnh nhưng y nên công đại định, phẳng lặng bốn bề thái vũ mở hội vĩnh thanh."

Đoạn đầu cuốn sách Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô Thời Chí viết:

"Chính trị trong nước, kỷ cương trong triều hết thầy đều đổi mới một lượt, bao nhiêu tướng giặc, đảng đại nghịch cũng đánh tan. Bốn phương yên lặng, kho đụn sung túc. Như vậy gọi là thời đại trị."

Trị với loạn chia ra làm nhiều trình độ đại trị, tiểu trị, đại loạn, tiểu loạn.

Đại trị là sự thăng bằng ổn định trên sáu mặt trị bình.

- Thứ nhất : Trị đạo.
- Thứ hai : Trị thể.
- Thứ ba : Trị học.
- Thứ bốn : Trị tài.
- Thứ năm : Trị thuật.

- Thứ sáu : Trị phong.

Sáu mặt trị bình nói trên có hai mặt căn bản là trị đạo và trị thuật. Và căn cứ vào chứng nghiệm lịch sử cổ nhân rút ra định lý sau đây:

- Được cả đạo lẫn thuật tất đại trị.

(đắc kỳ đạo hựu đắc kỳ thuật tất đại trị).

- Được thuật nhưng sơ hở về đạo có thể tạm yên.

(đắc kỳ thuật nhi lược kỳ đạo tất tiểu khương).

- Nếu mất cả thuật lẫn đạo thì đại loạn.

(Duy thất kỳ thuật hựu thất kỳ đạo tất đại loạn).

Định lý trên chỉ nói đến thuật đứng một mình mà không nói đến đạo đứng một mình. Như thế thuật có khả năng đơn độc giải quyết chính trị, còn đạo không có khả năng đơn độc giải quyết. Đạo thiếu thuật sẽ thành ra một loại không tưởng.

Nói về trị đạo

Nước khoẻ đánh nhau bằng binh đao, nước ở ngôi bá đánh nhau bằng trí óc, nước ở ngôi vương đánh nhau bằng nhân nghĩa (trích thiên Văn Dịch của Vân Trung Tử).

Đánh bằng nhân nghĩa, ý người xưa muốn nói đến chiến tranh tư tưởng, chiến tranh ý thức hệ, bởi vì trong cổ sử mỗi khi khởi nghĩa thường dùng danh từ đánh kẻ vô đạo. Như vua Kiệt nhà Hạ vô đạo nên Thành Thang lấy đạo nhân mà đánh vua Kiệt. Vô đạo và vô nhân nghĩa theo thói quen lâu đời vẫn thường được nhìn dưới lăng kính thuần túy luân lý (éthique). Trong khi nghĩa đen của chữ đạo lại là con đường nghĩa này rất đúng hợp khi áp dụng vào chính trị. Dùng nghĩa là con đường mới có thể thấy chữ đạo rộng lớn hơn. Nắm được đạo là tìm thấy chủ lưu của tình tự, chủ lưu của tâm lý là chủ lưu của hình thể chính trị. Nắm được đạo thì khả năng hiệu triệu mới đạt tới mức tối đa, sức mạnh tăng gấp bội do ảnh hưởng của bài hịch khuyến tướng sỹ đánh giặc của Trần Hưng Đạo.

Xuống một tầng nữa đạo là một lý thuyết nhận thức (théorie de connaissance) và lý thuyết hành động (théorie d action). Tỷ dụ chủ nghĩa Marxisme với duy vật biện chứng pháp.

Giở sử ra để lấy ít việc điển hình như sự thành lập nhà Minh bên Trung Hoa, rồi đặt câu hỏi:

Cuối đời Nguyên, người Trung Hoa nổi lên đánh quân Nguyên rất đông, tại sao chỉ một mình Chu Nguyên Chương thành công?

Sau khi khảo sát, câu đáp sẽ là: lý do khiến cho Chu Nguyên

Chương thành công gồm bốn điểm:

a) - Có chủ nghĩa (đạo) lãnh đạo tư tưởng cách mạng giải phóng dân tộc, nắm vững tình tự căm thù của dân tộc.

b) - Có nhân tài. Chu Nguyên Chương được nhiều anh tài phò giúp, mưu thần có Phùng Quốc Dũng, Lưu Cơ, Lý Thiên Trường, võ tướng có Thường Ngộ Xuân, Từ Đạt, v.v...

c) - Có dân chúng.

d) - Có sách lược.

Đạo phải được coi như là một chương trình hành động để nó luôn luôn đừng quên gắn liền với quyền lực, giành giật quyền lực mà thực hiện, không thế đạo sẽ trở thành tiên tri tay không (les prophètes sans armes). Những nhà tiên tri tay không thường chịu cảnh ngộ như: chúa Jesus bị đóng đinh đội mũ gai, Khổng Tử lang thang nước này nước nọ, Karl Marx khổ cực trên căn gác tồi tàn. Đạo Christ phải đợi quân La Mã phát triển, Khổng Tử phải đợi nhà Hán áp dụng mới được tôn thờ, Mác-xít phải đợi đảng Bôn-sê-vích cướp chính quyền mới lan tràn mạnh.

Nói về trị thể

Tư tưởng, chủ nghĩa không thể cứ lơ đãng bay trên mây nó phải thành hình thể nghĩa là thành một bộ máy, một tổ chức hay chế độ. Karl Marx đưa ra trị thể của chủ nghĩa Mác-xít bằng nền vô sản chuyên chính. Trị thể của chủ nghĩa tự do sau đại cách mạng Pháp là thể chế dân chủ với tam quyền phân lập, với hiến pháp, với tuyển cử. Cũng như xưa trị thể của nhà Đinh sau loạn thập nhị sứ quân là vương quyền tập trung. Trị thể của nhà Hán là lại trị thay cho quý tộc, thống nhất thay cho lãnh chúa. Trị thể của đạo Thiên Chúa là hệ thống giáo đường các hàng giáo phẩm do ông Thánh Pierre khởi thủy.

Ở mỗi trị thể lại có một bộ máy hoạt động. Cộng sản gọi là cán bộ, tôn giáo gọi là tăng lữ, vua chúa gọi là triều thần. Thu gọn lại, trị thể mang sứ mệnh giải quyết vấn đề tổ chức, tổ chức bộ máy đấu tranh, tổ chức chính quyền.

Nói về trị học

... Học là vấn đề lúc nào cũng cần thiết. Đời sống vạn phần phức tạp, thứ nhất là chính trị cách mạng thì lại càng biến hóa bất trắc. Phải học để tiến bộ, có nắm vững sự học tập thì mới có khả năng lãnh đạo công việc đến thắng lợi vượt khỏi hoàn cảnh phức tạp khó khăn trăm ngàn biến hóa.

Trần Vân nói: "Giỏi lý luận cách mạng mới tìm thấy đầu mối của tình thế gay go, tìm thấy phương hướng trong đường vận động luôn luôn chuyển đổi. Cho nên con người cách mạng không lúc nào được xao lãng học tập, thường xuyên nỗ lực nâng cao khả năng chính trị, khả năng văn hóa, tăng tấn trí thức cách mạng, bồi dưỡng khả năng

trông xa thấy rộng trên chính trị".

Muốn dựng nước phải học: Nhiều quốc gia sau thế giới đại chiến thứ hai đã xô nhau áp dụng chế độ dân chủ nhưng vì thiếu cái học dân chủ nên đa số quốc gia thất bại. Kinh nghiệm chua chát này Panikkar, một chính khách người Ấn đã trình bày khá rõ ràng trong cuốn sách: "Những vấn đề của các nước mới". Do đó khi Cộng sản nắm chính quyền thì lập tức vấn đề phấn đấu xây dựng đội ngũ trí thức vô sản được tiến hành gấp rút.

Họ quan niệm:

Khi một giai cấp đã nắm được công cụ sản xuất vật chất, tất phải nắm luôn cả công cụ sản xuất tinh thần. Mỗi người của giai cấp thống trị phải xây đắp cho ý thức hệ mà họ đang thao túng để dẫn đạo một thời kỳ nào đó của lịch sử, nghĩa là tất cả phải hoặc là sản xuất tư tưởng hoặc là phân phối chúng để đạt tới sự chế ngự trên lãnh vực tinh thần của cả một thời đại.

Nói về trị tài

Thắng lợi chính trị nhờ ở cán bộ giỏi kể cả lúc cướp chính quyền. Lưu Bang có Trương Lương làm mưu thần, Tiêu Hà coi binh lương quản lý nội vụ bộ mà vẫn chưa thắng bởi vì Lưu Bang còn thiếu một vị tướng sủng? Trương Lương biết Hàn Tín có tài nên mới đi bán kiếm để chiêu dụ Hàn Tín về cho Lưu Bang.

Lưu Bị nghe tiếng Gia Cát Lượng đã phải ba lần lặn lội gió mưa để đến mái nhà tranh của Gia Cát.

Đường Thái Tổ, Lý Thế Dân mở khoa thi kén chọn người tài, đứng trước thành quả, vuốt râu cười nói: Thế là dân tài thiên hạ đã vào lới của ta.

Quang Trung Nguyễn Huệ thường đến vấn kế La-sơn Phu-tử Nguyễn Thiệp.

Chính trị cổ nhân đối với vấn đề nhân tài thường có quan niệm: Nhất nhân định quốc. Quan niệm này nhằm mục đích đơn giản hóa, tạo nên một điển hình, một mẫu kiểu cho một định hướng. Tuy nhiên không phải vì vậy mà nhân tài cổ xưa không có muôn màu muôn vẻ.

Sách Luận Ngữ có nói:

"Phản Trì hỏi về điều nhân, Khổng Tử đáp: Yêu người và biết mình."

Chính trị nông nghiệp Trung Quốc coi việc yêu người là một sự tình lớn nhất, coi việc biết người là bản lãnh lớn nhất. Mọi tâm tư đều hướng về việc yêu người, mọi trí tuệ phải hướng vào việc biết người. Có thể mới biết yêu tiếc và đề bạt nhân tài.

Ngày nay vấn đề nhân tài đã trở thành một học khoa. Các nhà xã hội khởi đầu bằng Vilfredo Pareto đã tìm thấy các quy luật biến động xã

hội căn bản là sự lưu chuyển của các phần tử ưu tú (Circulation des elites), lưu chuyển của nhân tài.

Theo Paréto thì xã hội nào cũng được điều khiển bằng những phần tử ưu tú. Khối phần tử ưu tú đó không bao giờ tĩnh chỉ (Statique). Cơ cấu thành phần cùng những mối liên hệ của nó với xã hội thay đổi không ngừng. Xã hội đổi mới đòi hỏi những mẫu người mới. Thời chưa phát minh ra súng ống thì người võ sỹ đạo với thanh kiếm sáng là anh tài, đến khi kỹ nghệ phát triển thì người kỹ sư mới là hàng lãnh đạo. Khi khối người ở chính quyền kém hèn, phần ưu tú bên ngoài lật chính quyền để giành đoạt quyền lãnh đạo xã hội. Hãy đọc trong lịch sử cách mạng Pháp và lịch sử cách mạng Nga để tìm thấy tầm mức quan trọng của phần tử trí thức. Người ta cũng có thể nói hai cuộc cách mạng đó là do sức mạnh của cả quảng đại quần chúng, nhưng dưới nhãn quang xã hội học thì quần chúng chỉ có thể dấy lên và thành công nếu quần chúng có những người lãnh đạo giỏi. Nếu nhìn thẳng vào cuộc cách mạng đó, điều trông thấy rõ ràng trước nhất là một giai cấp lãnh đạo mới còn quần chúng lại vẫn là quần chúng. (Xin đọc Nói chuyện Tam Quốc).

Nói về trị phong

Trị bình đến tuyệt đỉnh là gây dựng được phong khí chính trị. Thực dân khi sang xâm chiếm nước ta đã tạo ra cái phong khí thụ lại (thông ngôn, tham biện, quan đốc, quan trạng ở thành thị; hào lý phủ huyện ở nông thôn) để cho dân chúng quên giang sơn tổ quốc vui đấu tranh vào sự giành chức tước phẩm hàm. Nhà Thanh vào cai trị Trung Hoa đã tạo ra tục lệ róc tóc bím hòng làm cho dân Trung Hoa quên mất nòi giống của mình.

Cái trị phong độc ác đó của kẻ xâm lược, Trang Tử đã dẫn ra một chuyện sau đây: "Có con heo sắp bị chọc tiết tế thần, nó sợ kêu la ầm ĩ. Viên quan coi về việc tế lễ mới đến gần bên nó mà dụ ngon dụ ngọt heo rằng: Heo ơi, can chi mà mày phải lo lắng thế, tao đưa mày về đây để cung dưỡng mày ba tháng cơm thật no, mày tha hồ tự do muốn ăn thì ăn muốn ngủ thì ngủ. Trước khi tao đem mày về cúng tế thần linh tao sẽ tắm rửa cho mày sạch sẽ, vỗ về chăm sóc cho mày... Con heo nghe lời dụ sung sướng khoan khoái.

Quan phụ tế lại dụ thêm rằng:

... Heo ơi sau khi mày chết rồi tao sẽ mặc cho mày thứ áo màu sắc sỡ, cắm lên tai mày hai bông hoa, đặt mày lên bàn sơn thiếp vàng rồi sai bốn người kính cẩn khiêng đi.

Heo càng khoái lớn, ve vẩy đuôi vào máng cám ăn no nê rồi quay ra ngủ không kêu rên gì nữa cả.

Panikkar cũng viết: Tất cả nỗi khó khăn hàng đầu cho một nước mới độc lập là chống lại cái phong khí ươn hèn, ích kỷ của chế độ thực dân để lại. Muốn chính trị chuyển động, việc làm trước hết là phá hoại cái phong khí chính trị khó thở cũ để mà thổi một luồng gió mới vào xã hội.

Với những trình diễn vĩ đại ở Nuremberg, đảng Quốc Xã đã thôi miên dân tộc Đức bằng ước mơ một nước Đức vĩ đại khác hẳn với tình trạng đối khổ hèn yếu sau hiệp ước Versailles: với những hành khúc hùng tráng Wagnerien, với những triết thuyết của Fichte và Nietzsche, đảng Quốc Xã đã xô dân Đức vào luồng sóng cuồng nhiệt cho một ước vọng quật khởi oai hùng.

... Hội nghị Diên Hồng và hai chữ Sát Đát thích vào cánh tay một phong khí chính trị quyết chiến đến toàn dân.

Một đảng, một chế độ đều cần phải có phong khí cần thiết cho cuộc đấu tranh. Chế độ mà không có phong khí của chế độ sẽ không thành chế độ. Đảng không có phong khí của đảng thì đảng chẳng ra hình thù gì cả.

Ngày 1 tháng Hai năm 1942, Mao Trạch Đông có viết một văn kiện quan trọng. Đó là bản chỉnh đốn tác phong đảng. Mao viết:

"Tổng lộ tuyến của đảng chính xác không có vấn đề, công tác đang đạt nhiều thành tích ai cũng biết không phải hoài nghi gì nữa. Nhưng chúng ta vẫn còn thiếu sót và điều thiếu sót lại là điều khá quan trọng. Đó là vấn đề tác phong đảng... Nếu chúng ta muốn hoàn thành công cuộc đánh bại kẻ thù thì chúng ta phải hoàn thành nhiệm vụ chỉnh đốn tác phong đảng".

Nói về trị thuật

Hết thấy mọi sự thành công trên đời này đều do thuật mà đến. Kể cả sáu mặt trị bình, thì chỗ nào cũng có mặt của thuật.

Thuật là gì?

Giả Nghị trả lời:

Thuật là xét động tĩnh của công việc để chế ngự công việc, nó ứng biến vô cùng. Thuật là mưu trung chi biến. Mạnh Tử đã giảng nghĩa minh bạch về chữ thuật qua tử luận tài bắn của Dưỡng Do Cơ. Ông nói: "Chí nhĩ lực dã, trúng phi nhĩ lực dã (mũi tên đến là do sức mạnh của Dưỡng Do Cơ, mũi tên trúng đích là do cái thuật bắn tài tình của Dưỡng Do Cơ).

Thuật theo hiện đại ngữ gọi là sách lược chính trị. Machiavel nói con người chính trị có hai hình thái chính: Con sư tử và con cáo. Sư tử tượng trưng cho sức mạnh, con cáo tượng trưng cho thuật.

Kantiliya và kinh Artha- Çastra của Ấn Độ khi nói về thuật trong chính

trị có đưa ra sáu điểm chủ yếu:

1. Chiến tranh 2. Hòa bình 3. Chờ thời 4. Tấn công 5. Cầu viện, mượn sức 6. Hai mặt

Và giảng nghĩa như sau:

Nếu thấy yếu hơn thì phải hòa bình, nếu thấy khỏe hơn thì đánh ngay, nếu lực lượng tương đương thì chờ đợi, nếu thấy hơn thưng thì lấn át, nếu thấy kém thì mượn sức, nếu mượn sức thì phải có kế hoạch hai mặt.

Ông Lã Vọng ngồi câu ở sông Vị, khái quát thuật trí vào ba mươi sáu kế như sau: Đã thảo kinh xà, vô trung sinh hữu, tá thi hoàn hồn, ám độ Trần Sương, kim thuyền thoát xác, thiết thụ khai hoa, xuất khách vi chủ v.v...

Quản Trọng đưa ra 7 pháp như: Tắc, tướng, pháp, hóa, quyết tắc, thâm thuật, kế số.

Nói tóm lại, thuật là tất cả những gì thuộc về việc vận dụng mưu lược. Toàn bộ cuốn sách thủ đoạn trong tay độc giả đây chuyên chú tất cả công việc đối đãi với chữ thuật. Tức là chủ nghĩa Duy Trí.

Chủ nghĩa Duy Trí của chính trị khả dĩ khái quát vào câu: Bất cứ quyền sách nào được đem ra áp dụng đều phải ràng buộc với sự an toàn của một thể chính trị (Quốc gia, Đảng... ngoài sự đó ra đều là giả vấn đề).

Thủ đoạn chính trị

CHƯƠNG 2

Người ta làm chính trị bằng đầu óc

*Căm giận và tâm lý tranh hùng
đưa con người vào chính trị nhưng
con người làm chính trị phải chế
ngự tất cả những đam mê đó để
chỉ biết chính trị mà thôi*

Người ta làm chính trị bằng đầu óc

Nguyễn Phi Khanh bị quân Tàu bắt mang đi, Nguyễn Trãi theo cha khóc lóc, đến quan ải Phi Khanh quay lại bảo con rằng:

"Con hãy đi về tìm kế trả thù cứ lẽ đẽo khóc lóc mà làm nên chuyện gì?"

Tào Mạnh Đức ngồi họp với các quan triều thần, các quan ôm nhau

thở ngán than dài về hành động tàn ác lộng quyền của Đổng Trác, Mạnh Đức cười lớn mà rằng: các ngài thật là lũ ăn hại, cứ than vãn suông thì Đổng Trác có thua chẳng?

Trên đây là hai trạng huống thường bày ra trước mặt nhà chính trị. Người chính trị dần thân trước hết do nguyên nhân căm giận và muốn tranh hùng. Mỗi căm giận cũng như tâm lý tranh hùng đều là hai đam mê (passion). Nếu chỉ căm giận mà không dám tranh hùng thì chỉ có hành động than vãn khóc lóc. Nếu chỉ hăng tranh hùng mà không căm giận thì không có điểm tựa.

Vì vậy người xưa mới nói, thánh nhân nhất nộ nhi an thiên hạ. Phải giận, phải căm, nhưng phải làm gì để dẹp tan mỗi căm hờn đó.

Từ căm giận, từ tranh hùng bước sang an thiên hạ, người chính trị lại tiến đến một vấn đề khác: chế ngự đam mê để hoàn thành công việc bằng đôi mắt lạnh lùng. Ở đây Marx Weber viết: "On fait la politique avec la tête et non avec les autres parties du corps ou de l'âme" (người ta làm chính trị bằng đầu óc, không bằng những bộ phận khác của cơ thể hay bằng huyết khí).

Đôi mắt lạnh lùng của người chính trị mang ý nghĩa: Tri tân thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính (biết tiến thoái còn mất mà không sai lệch đường lối). Đôi mắt ấy được coi như phẩm hạnh cao nhất của người chính trị, vì chúng là kết quả của cuộc đấu tranh giữa kích thích dẫn vật khô cạn với hành động tươi thắm và sáng tạo. Căm giận và tâm lý tranh hùng đưa người vào chính trị, nhưng người chính trị phải chế ngự những đam mê đó để chỉ biết đến chính trị mà thôi. Netchaev một nhân vật tiểu thuyết của Dostoiesky đòi hỏi: Tính chất của một nhà cách mạng chân chính là đuổi hết chủ nghĩa lãng mạn, tâm hồn nhạy cảm, không thù hận nữa, không yêu ghét nữa. Còn lại trong hần chỉ là thói quen tính toán lạnh hơn băng tuyết.

Nguyễn Trãi căm thù giặc quyết chí trả thù cha, vào Lam Sơn theo phò Lê Lợi với mười năm đánh đông dẹp bắc, cả thắng quân Minh. Nhưng cũng chính Nguyễn Trãi là người cực lực bênh vực chủ trương mềm dẻo với nhà Minh để tranh thủ hòa bình giành thời gian kiến thiết.

Bài Bình Ngô Đại Cáo viết: "Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lạn trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan, Phương Chính, Lý An tìm đường chốn lủi. Đánh Tây Kinh phá tan thế giặc, lấy Đông Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh Kiều máu chảy thành sông, bên Tụy Động xác đầy ngòi nội khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt Tâm Công chẳng đánh mà người chịu

khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu nó tới lui, ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương gây mầm tội nghiệp. Cây mình là phải chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời chẳng bỏ bày trò dơ giuốc. Đến nỗi đũa trẻ ranh như Tuyên Đức, nhằm võ không thôi, lại sai đồ nhút nhát như Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy. Năm Đinh mùi tháng chín, Liễu Thăng tự Khâu Ôn tiến sang Mộc Thạnh từ Vân Nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc quân; ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương đạo. Mười tám Liễu Thăng thua ở Chi Lăng; hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên? Hai mươi lăm Lương Minh trận vong, hai mươi tám Lý Khanh tự vẫn. Lưỡi đao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hện đến ngày rằm tháng mười diệt giặc. Sĩ tốt ra oai tỳ hổ, thần thú đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn, đánh một trận, sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê vỡ. Thôi Tụ đã phải quỳ mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lăng Giang, Lạng Sơn thầy chết đầy đường."

.....

.....

.....

Hai mặt cứu binh căm đầu trốn chạy, các thành cũng khẩu cời giáp xuống đầu. Bất tướng giặc mang về, nó vấy đuôi phục tội; lời lẽ Bình Ngô oai hùng như vậy, nhưng lời lẽ trong bài biểu mà Bình Định Vương sai Trần Cao sang sứ đưa vua Tàu khác hẳn như: "Ngờ đâu quân dân xa xôi mới đến thấy voi sợ hãi tức khắc tan vỡ. Việc đã xảy ra như vậy, dầu bởi sự bất đắc dĩ của người trong nước cũng là lỗi của tôi.

Giai đoạn căm hận qua rồi thì chính trị phải được đặt lên cao hơn hết. Nộ khí của người chính trị không như nộ khí của dũng sỹ Dự Nhượng. Dự Nhượng trước khi chết chỉ xin đánh vào áo bào kẻ mà mình không giết nổi. Đả long bào dưới con mắt chính trị là một việc hoàn toàn vô ích. Bởi vì chính trị chỉ có quy luật duy nhất là quy luật của hiệu quả. Ngoài hiệu quả ra không còn gì đáng kể nữa, diệt thân mạng kẻ thù chứ không cần đánh vào áo kẻ thù...

Moïse và mười điều răn

Moïse đứng trên ngọn núi Sinai truyền phán mười điều răn (décalogue) ông hô lớn: Tu ne tueras point. Đến lúc bọn người Hebreu thần dân của Moïse tín ngưỡng thờ bò vàng thì Moïse tức giận ném tượng bò vàng vào lửa dùng gươm chém những kẻ đã dám dự vào lễ thờ thần tượng ngoại giáo.

Người ta tôn sùng Moïse về mười điều răn, nhưng Moïse đã thắng lợi nhờ bạo lực. Bị tát má bên phải hãy giơ má bên trái, đó là công việc của thầy tu. Thầy tu khả dĩ nói chớ nên chống trả tội ác bằng bạo lực nếu không anh sẽ chịu trách nhiệm về sự thắng lợi của nó. Tuy nhiên khi Thượng Đế bênh vực Moïse liền cho mưa to gió lớn rồi lại làm nắng hạn khiến cho đất cát nứt nẻ để đẩy người Hebreu lang thang đói khát trong vùng sa mạc bao la, chưa nguôi giận Thượng Đế còn thả rắn độc xuống cho thả cửa cắn giết thì chính Moïse lại quỳ xuống xin Thượng Đế khoan dung và chỉ làm cho rắn bằng thép để cho lũ người Hebreu trông thấy sợ hãi mà thôi.

Hành động dùng kiếm chém người Hebreu là nguyên tắc mà Marx Weber nói: *Le moyen décisif en politique est la violence* (phương tiện quyết định chính trị là bạo lực). Hành động làm con rắn giả bằng thép và xin Thượng Đế khoan dung là vận dụng nguyên tắc. Theo Machiavel thì phải đem tâm linh của con cáo để dùng cái lực của sư tử.

Việc làm của Moïse có vấn đề được đặt ra:

Người làm chính trị cần được yêu hay được sợ? đảng nào hơn?

Machiavel trả lời: Với vị quân vương dĩ nhiên điều cần thiết rõ ràng nhất là được nổi danh về đức nhân từ, dung thứ, nhưng phải luôn luôn thận trọng về cái đức ấy. Dù sao thì điều chắc chắn vẫn là được thiên hạ sợ hơn là thiên hạ yêu.

(Un prince doit évidemment désirer la réputation de clémence, mais il doit prendre garde à l'usage qu'il fait. Qu'il est plus sûr d'être craint que d'être aimé).

Được yêu do ân mà tới, được sợ do uy mà tới, ân phải tạo bằng thời gian dài, nhưng uy có thể khắc phục khó khăn trong khoảng khắc.

Theo ý Machiavel thì do những biến chuyển mau chóng của chính trị mà thường thường uy đi trước ân.

Một trường hợp điển hình về uy trong lịch sử Pháp kể dưới đây:

Năm 1815 khi Napoléon vượt ngục trở về Pháp, tờ báo *Moniteur* đã báo cho dân chúng biết tin ấy lần lượt từng ngày như sau:

- 9 Mars Tên quái vật đã vượt ngục
- 10 Mars Tên hung bạo đến mồm Juan
- 11 Mars Con hổ đã xuất hiện ở Gap. Quan quân đang bao vây để lùng bắt nó và nó đã trốn chạy vào vùng rừng rậm.
- 12 Mars Bạo chúa hiện thời đang ở Lyon. Hải hùng đã hiện ra khắp nơi nào mà ông ta có mặt.
- 14 Mars Người tiếm ngôi chỉ còn cách thủ đô sáu mươi giờ đi.
- 15 Mars Bonaparte cố tiến, nhưng rất khó lòng đến được Paris.

- 20 Mars Napoléon ngày mai sẽ tới chân thành Paris.
- 21 Mars Đại Đế Napoléon hiện đang ở Fontainebleau.
- 22 Mars Ngày hôm qua đức Hoàng thượng Ngài đã vào điện Tuileries. Không gì ngăn được nỗi vui mừng của dân chúng.

Làm cho sợ không phải là hành động tàn ác bất nghĩa
Tôn Vũ Tử thuyết phục vua về phép dùng binh, vua muốn đùa nên sai đám cung nữ cho Tôn Vũ Tử luyện tập. Vào sân cô nào cô nấy cười lả lướt, hàng lối chệnh lệch, Tôn Vũ Tử liền ra lệnh ai không nghiêm thì chém. Đám cung nữ vẫn giữ nguyên thái độ đùa cợt. Tôn Vũ Tử thét lôi hai người ra chém. Tất cả đều sợ hãi và tuân lệnh răm rắp, hàng lối chỉnh tề đầu đuôi.

Giết người như vậy, Machiavel gọi là hành động tàn nhẫn đáng được ban phước lành (cruautés bénises).

Vua Long Đĩnh tức Ngọa Triều thù ghét bọn tăng ni nên lòng bất sự rồi sai người lấy mía dựa lên đầu mà róc, thỉnh thoảng dao lại bập vào đầu làm chảy máu đầm đìa, để nhìn rồi cười thích.

Hành động này Machiavel gọi là hành động tàn ác thuần túy.

Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung nhân vì chính quyền thối nát, thái giám chuyên chính đặc vụ hoành hành, lo bên trong, lo bên ngoài, lại gặp lúc mất mùa, nông dân phá sản nên tụ tập một số người nổi lên. Xuất thân là trẻ chăn trâu và đồ tể nên hai gã nghĩ rằng làm cách mạng là loạn đả loạn sát. Khi gây được thế to rồi, hai gã cho dựng tấm bia mệnh danh là thất sát bi và đặt ra bài hát có bảy chữ giết. Quân Lý, Trương đi đến đâu cướp của giết người đến đó. Dân chúng thấy vậy bỏ không theo chúng nữa, cuối cùng cả hai bị giết trong binh loạn.

Machiavel gọi là tàn ác vụng dại (cruautés mal-practiquées).

Nghĩa giả sự chi nghĩa dã, làm nghĩa là làm cho đúng vậy, các học gia Tây phương chấp nhận chủ nghĩa của Đông phương theo nghĩa này nên họ dịch là pertinence. Trong chính trị cần giết để lập uy nhưng giết mà bất nghĩa là đào hố tự chôn mình.

Những lúc nào thì nên dùng thủ đoạn mạnh đó?

Úy Liêu Tử trả lời: Phạm tru diệt là để làm sáng uy vũ. Nếu giết một người mà khiến cho ba quân nghiêm minh thì nên giết lắm; nếu giết một người mà vạn người vui thì ngàn ngại gì mà không giết.

Phạm Tăng bảo với Hạng Vũ: Chúa công phải dùng Hàn Tín, nếu không phải giết Hàn Tín đi, chớ để tài của Hàn Tín lọt vào tay người khác.

Thế hòa với Đức Quốc xã không thể tiến được nữa, Staline liền cho người sang Mexique giết chết Trotsky.

Nghĩa "sát" ở đây là một nhu yếu chính trị để bóp chết hậu họa đang lớn lên có phương hại đến sự nghiệp đang tiến hành.

Machiavel gọi là tàn ác khôn ngoan (*cruautés bien-practiquées*).

Cái nghĩa của bạo lực

Đây nói về bạo lực vật lý.

Bạn đọc một đoạn trong cuốn tiểu thuyết *Les possédés* của văn hào Dostoevsky có đoạn đối thoại giữa Verkhovensky và Kirilov:

- Không có Thượng Đế, vậy Thượng Đế là tôi đây.

- Tao không hiểu mày nói gì, tại sao mày lại là Thượng Đế?

- Nếu có Thượng Đế thì tất cả lại do ý muốn của ông ta, và dĩ nhiên nếu là ý muốn của ông ta thì tao không thể chạy thoát được. Nếu không, thì tất cả là ý muốn của chính tao, bằng cứ là tao hoàn toàn có quyền tự giết ngay chính tao.

- Nếu tao nghĩ như mày thì tao giết những người khác để chứng tỏ cái quyền đó.

Những cuốn sách *Les possédés*, *Crime et châiment*, (Dostoevsky), *Seven hanged men* (Andrev), *Family Vitriol* (Zoschenko) chú trọng vào vấn đề dùng bạo lực đã ảnh hưởng rất lớn đối với phong trào khủng bố hồi tiền cách mạng Nga. Khắp nơi phe khủng bố đều chỉ có hoạt động duy nhất là làm đổ máu kẻ thù nhiều chừng nào hay chừng ấy. Ngược lại cơ quan Okhrana đặc vụ của Nga Hoàng cũng tìm cách tiêu diệt mạng sống của những người trong phong trào mới, gây thành không khí chết chóc thê lương. Lâu dần với cái đà khủng bố hỗn loạn, khiến cách mạng thoái trào. Lénine mới viết cuốn *Que Faire?* để cứu vãn nguy cơ thoái trào ấy. Lénine kêu gọi hãy tổ chức lại toàn bộ cuộc đấu tranh. Ông đề ra những nguyên tắc mới cho hoạt động bạo lực.

Bạo lực không phải là cứu cánh mà chỉ là phương tiện, bạo lực phải có mục tiêu rõ ràng và nhất định không lãng phí bạo lực. Bạo lực phải được hệ thống hóa không gặp đâu hay đấy. Bạo lực không được phát nguyên từ sự thù hận cá nhân. Trotsky cũng nói:

"Khủng bố mưu sát thành công có làm cho bọn thống trị khốn đốn hay không? Cái đó còn tùy thuộc vào những trường hợp cụ thể. Tuy nhiên trong bất cứ trường hợp nào sự khốn đốn cũng chỉ rất ngắn; nhà nước tư bản không chỉ dựa vào mấy ông Bộ trưởng chính phủ và lẽ đương nhiên nó không chết theo mấy ông ấy. Chết người này, bộ máy tư bản sẵn sàng thừa người thay thế để tiếp tục công việc... Nếu chỉ cần vũ trang vài khẩu súng sáu để tiến tới mục đích thì sao lại có sự gắng sức của cả một công trình đấu tranh giai cấp. Nếu có thể làm cho những tên trùm thống trị sợ hãi bằng vài tiếng nổ, thì sao

lại cần phải có đảng?"

Độc sử Việt, Đặng Trần Thường khi bắt được Ngô Thời Nhiệm mới ra câu đối cho Nhiệm rằng: "Ai công hầu, ai khanh tướng, trên trần ai ai đã biết ai." Câu đó tỏ ý muốn trả thù Nhiệm đã khinh rẻ mình khi trước, rồi giết Nhiệm.

Nguyễn Hữu Chỉnh phật ý vì Đỗ Thế Long, nên khi Long vừa đi khỏi nhà liền bảo tay chân: Long là rỗng, thời buổi này không nên để rỗng ở trên cạn, nó sẽ quấy phá, phải cho nó xuống nước. Lũ tay chân của Chỉnh liền đuổi theo Long bắt chìm xuống sông Nhị Hà.

Việc làm của Thường và Chỉnh là việc làm tàn bạo do thù cá nhân, không hề vì nhu yếu chính trị. Giết kẻ thù để mua lấy tiếng cười chê là điều cấm kỵ của con người chính trị.

Cũng những sự biến chính trị tương tự nhưng kết quả khác hẳn nhau. Đó là hai vụ: Triệu Quang Nghĩa giết Triệu Khuông Dẫn và Lý Hậu Chủ, Đường Thế Dân giết những người thân thuộc ở Huyền Vũ Môn. Nhưng Triệu Quang Nghĩa bị người đời gọi là kẻ vô đạo còn Lý Thế Dân được mệnh danh là minh quân.

Tại sao? Bởi tại Lý Thế Dân hành động với nhu cầu chính trị còn Triệu Quang Nghĩa giết Triệu Khuông Dẫn để cướp ngôi và giết Lý Hậu Chủ để chiếm vợ người. Lý Thế Dân không vậy.

Cái nghĩa của bạo lực chính là đáp số của bài toán mà đề toán là làm thế nào có lợi cho chính trị.

Làm đến cùng

Chính trị với Trần Hưng Đạo Vương là có thể rút về Vạn Kiếp, nhưng không thể ngưng chiến. Nếu quyền lực chưa đủ để mở lớn thì ẩn nhẫn và gắng sức không cho quyền lực khác lấn át. Ở chính trị, phút nào từ bỏ quyền lực là lúc ấy ta rơi vào nô lệ.

Nhà thơ Voloshin viết:

"Hãy cho đi, hãy chịu nhường tất cả đi rồi bạn sẽ dành được tủ nhục, nghèo đói và làm tên nô lệ khốn khổ nhất."

Đấu tranh là tìm mọi cách để tránh không để bị quy xuống và mặt khác cũng là tìm cách đánh cho địch quy hẳn. Tất cả những nói tay vô ý thức là nuôi hậu họa về sau. Bàng Quyên định giết Tôn Tẫn, nhưng Tôn Tẫn giả điên dại khiến cho Bàng Quyên sơ hở, Tôn Tẫn mới thừa cơ trốn đi. Rút cuộc chính Bàng Quyên chết bởi chính tay Tôn Tẫn. Ngô Vương Phù Sai tự cấy cho mình cái họa diệt vong từ lúc chỉ bắt Câu Tiễn làm mã phu mà không giết. Tào Sảng bị cái kế giả ốm của Tư Mã Ý mà mất nước. Hết thầy là cái lỗi không làm đến cùng.

... Nhưng điểm cùng của chính trị ở đâu?

Phải nhận cho rõ.

Khổng Minh bảy lần bắt, bảy lần tha Mạnh Hoạch tại sao ông nhiều sự như vậy. Chẳng phải Khổng Minh nhiều sự chỉ vì điểm cùng của công việc chính trị bình man là thu phục nhân tâm chứ không phải giết Mạnh Hoạch. Giết Mạnh Hoạch còn gây ra nhiều rắc rối khó khăn hơn, thu phục Mạnh Hoạch làm tay sai cho mình mới là thượng sách. Điểm cùng của chính trị cho toàn bộ sự nghiệp khác, cho từng giai đoạn khác. Mao Chu vận động tha cho Tưởng ở Tây An, mặc dầu điểm cùng của chính trị Mao Chu là làm thế nào tiêu diệt được họ Tưởng. Tuy nhiên cái điểm cùng ấy không thể đi thẳng tới một mạch mà phải quanh co. Nếu Tưởng Giới Thạch chết trong vụ Tây An thì chỉ Nhật có lợi, toàn thể Trung Hoa trong đó có cả Trung Cộng sẽ bị họa hại bởi chia rẽ. Cho nên Mao Chu đã chọn điểm cùng cho sách lược lúc đó là mượn vụ Tây An cướp lấy danh nghĩa kháng Nhật: mượn vụ Tây An để đòi hỏi Tưởng Giới Thạch nhượng bộ ít điểm chính trị.

Trong đời sống, thứ nhất là trong các vận động lịch sử, điểm cùng thường đổi chỗ luôn luôn một cách rất biến chứng.

Tỷ dụ các nhà quân sự thường nói: Tấn công là một cách phòng ngự tuyệt hảo và phòng ngự cũng là một cách tấn công rất tốt. Tư Mã Ý cố thủ trong thành nhất định không chịu ra nghênh chiến khiến chiến dịch Kỳ Sơn của Gia Cát phá sản. Tào Tháo phải liều tấn công Ô Sào để gỡ thế thua trong phòng ngự.

Thế nào là một nhu yếu chính trị

Chúa Trịnh khi đã mạnh lắm việc lật nhà Lê dễ như trở bàn tay. Ý muốn diệt Lê trước khi được đem ra thi hành, Chúa sai người vào hỏi Trạng Bạch Vân. Trạng Bạch Vân không nói gì chỉ quay ra bảo người nhà: "Người chịu khó quét dọn bàn thờ Phật cho sạch sẽ, thờ Phật thì được ăn oản. Câu nói ấy được về báo cáo với Chúa Trịnh. Chúa Trịnh bèn bỏ luôn ý định kia đi.

Trần Thủ Độ cướp ngôi nhà Lý. Vua Lý Huệ Tông tuy đã chịu xuất gia đi ở chùa rồi, nhưng Thủ Độ vẫn định bụng giết đi cho khỏi sợ lo về sau. Một hôm Huệ Tông ngồi nhõ cỏ ở sân chùa Chân Giáo. Thủ Độ thấy mới nói: "Nhõ cỏ thì phải nhõ cả rễ nó đi". Huệ Tông nghe thấy, phủi tay đứng dậy nói rằng: "Nhà ngươi nói ta hiểu rồi." Được mấy hôm Thủ Độ cho người đến mời Huệ Tông, Huệ Tông biết ý vào nhà sau thất cổ tự tử. Thủ Độ đã hại Huệ Tông rồi lại muốn trừ nốt các tôn thất nhà Lý. Đến năm Nhâm Thìn, nhân làm lễ tế tiên hậu nhà Lý ở thôn Thái Đường, Thủ Độ sai đào hầm làm nhà lá ở trên, để đến khi các tôn thất nhà Lý vào đấy tế lễ, thì sụp cả xuống hố, rồi

đổ đất chôn sống cả.

Staline không giết Trotsky ngay mà chỉ lưu đày mãi đến khi Đức phát động chiến tranh vào đất Nga thì việc giết Trotsky, Staline cho thi hành gấp. Khoảng thời gian cách nhau chừng mười mấy năm.

Không tiêu diệt trái lại còn tôn phụng.

Tiêu diệt và tiêu diệt tận gốc rễ.

Không tiêu diệt lúc này, nhưng tiêu diệt lúc khác.

Đó là lãnh đạo sự việc chuyển biến tùy theo nhu yếu.

... Nhu yếu chính trị đòi hỏi phải có sự xoay chuyển thật mau lẹ để ứng phó kịp với tình thế. Nhưng không phải quay cuồng như chong chóng để chạy theo những thay đổi chính trị nhỏ nhoi mà quên đi những nét lớn của đường lối để mà hy sinh quyền lợi căn bản cho quyền lợi tạm bợ nhất thời. Nói nhu yếu chính trị là nói nhu yếu của một cái thế lớn. Sự xem xét lại sách lược rất cần thiết bởi vì tình thế cơ trong chính trị biến hóa bất trắc, cần xoay trở để tranh thắng nhưng tranh thắng cho cái thế lớn kia chứ không phải tranh thắng cho những tiểu cục trước mắt.

Đọc Tam Quốc Chí diễn nghĩa kể cảnh thất cơ lỡ vận của Lưu Bị nhảy qua Đền Khê. Đọc Hoàng Lê Nhất thống chí nói về lúc Nguyễn Hữu Chỉnh bôn ba lận đận bỏ đất Bắc vào Nghệ an. Cống Chính chẳng gây được sự nghiệp gì còn Lưu Bị thì làm vua đất Thục. Chính thất bại vì Chính không có chủ trương chính trị nào nhất định, bởi thế nên Chính không có cái thế chính trị, đã không có thế chính trị thì làm gì có nhu yếu chính trị mà chỉ có nhu yếu cá nhân. Còn Lưu Bị lúc nào cũng lo lắng đi tìm cho mình một thế chính trị, kể cả lúc hãy còn là gia nhân của Công Tôn Toản.

Chỉ làm vì nhu yếu

Dostoievsky trong cuốn tiểu thuyết A raw youth viết:

"Trên đời có những kẻ bản tính nó đã như thế, nhưng cũng kẻ bắt buộc phải hành động như thế. Mấy chữ bắt buộc phải hành động như thế đã làm tôi suy nghĩ rất nhiều, vẫn thường thường ám ảnh tôi."

Người chính trị ai cũng có nỗi ám ảnh trên đây để làm cho thuần những hành động của mình. Nghĩa là không làm đại, không làm bừa. Tất cả mọi hành động mang tính chất phóng nhiệm, không do ép buộc của hoàn cảnh và điều kiện khách quan, không do một nhu yếu chính trị quan hệ đến vận mạng của sự nghiệp chính trị đều là những hành động vô chính trị. Kiệt Trụ dùng cột đồng nung nóng để bắt người trói vào cột, nấu vạc dầu sôi ném người vào. Ít lâu sau Kiệt Trụ bị Chu diệt.

Vua Đinh Tiên Hoàng để chảo vạc dầu trước sân, ném người vào. Nuôi hổ báo trong cũi sắt cho xé xác người. Ít lâu sau nước định. Hai việc làm giống nhau, nhưng hai kết quả khác nhau chính là tại một đảng thì làm theo ý rộng rãi điên cuồng. Và một đảng thì làm theo sự cần thiết của tình thế.

Không có thực sự thỏa hiệp

Sự giành giật quyền lực không bao giờ có thực sự thỏa hiệp. Mọi thỏa hiệp đều chỉ là kết quả của những nhu yếu trong một thời gian nào đó thôi.

- Đánh bại nước Ngô rồi, thì tranh chấp nội bộ nước Việt bùng nổ. Phạm Lãi nhanh chân chạy thoát, còn Văn Chủng không chạy kịp bị Việt Vương Câu Tiễn bức tử.

- Thống nhất quốc gia xong, Lưu Bang chặt cổ Hàn Tín. Giúp Thái Tổ thu lại bờ cõi, Nguyễn Trãi về ẩn dật ở Côn sơn, nhưng cũng không yên thân, xảy ra vụ án Thị Lộ đầu độc vua, kẻ thù xúm vào tấn công khiến cho dòng họ Nguyễn Trãi bị giết đến ba họ.

- De Gaulle đi với Salan để lật đổ nền đệ tứ Cộng hòa Pháp. Rồi De Gaulle lại bắt giam Salan để củng cố nền đệ ngũ Cộng hòa.

- Robespierre ngập ngừng không quyết liệt hạ Fouché, vì thế Fouché mới có đủ thời gian vận dụng kế đưa Robespierre lên máy chém. Tranh chấp chính trị là thường xuyên cho nên thỏa hiệp chính trị không thể vĩnh cửu được bất kể là tranh chấp nào giữa dân chúng với chính quyền, giữa nội bộ chính quyền hay giữa các quốc gia v.v... Tranh chấp chính trị chỉ có hai thế khả dĩ coi làm vững vàng nhất là: Chết hay toàn thắng. Những câu hỏi lúc nào cũng được nêu ra:

- Ai tiêu diệt ai?

- Ai thắng ai?

Người chính trị đối với chính trị luôn luôn tự hỏi như thế để tự thức tỉnh, để cảnh giác phấn đấu, để đừng bị ru ngủ bởi cái lặng lẽ bên ngoài mà bên trong đang có sẵn những âm mưu lẩn đọt. Người chính trị không bao giờ chấp nhận một tình thế hoàn toàn trống rỗng và phải sợ sự yên lặng thiếu tranh đấu như một thứ không khí nguy hiểm, vì đấu tranh không bao giờ ngừng, cuộc đấu tranh này kết thúc bằng sự chết hay đầu hàng của một bên, nhưng liền ngay đấy cuộc đấu tranh khác lại bắt đầu. Chiến tranh nóng chấm dứt thì chiến tranh lạnh khởi sự. Tiếng súng ngừng nổ thì đấu tranh hoà bình mở màn. Bất luận tính chất cuộc đấu tranh thế nào bằng súng bằng máu hay bằng lý luận bằng mưu, hai kẻ thù chính trị cũng tiến hành hoạt động vào mục tiêu:

a) Ngăn chặn sức bành trướng của phe đối nghịch.

b) Đẩy lui lực lượng phe kia.

c) Tiêu diệt toàn bộ sức lực phía thù địch.

Ở đấu tranh chính trị không thể có tình trạng mà các học gia phương Tây thường mệnh danh là thỏa hiệp thực sự (real agreement). Người ta có thể nhìn thấy về điều này qua những hiệp ước quốc tế hiện tại như hiệp ước Nga-Đức, hiệp ước tứ cường về nước Đức, hiệp ước Nga-Hoa, hiệp ước Genève về Việt Nam v.v...

Không có thỏa hiệp thực sự, nhưng chẳng phải vì thế mà đấu tranh chuyển ra ác liệt sát máu ngay. Ai tiêu diệt ai, ai thắng ai lúc nào cũng được đặt ra, nhưng chính trị đã trở thành một nghệ thuật cao nhất trong đời sống xã hội bằng những thỏa hiệp giả, thỏa hiệp tạm để rồi lại từ cái thỏa hiệp giả, thỏa hiệp tạm ấy mà tiếp tục đặt vấn đề ai tiêu diệt ai, ai thắng ai trên một cục thế khác.

Chúng ta đã từng được ném mùi cay đắng với cái Modus vivendi ký giữa Marius Moutet và Hồ Chí Minh với cái tạm ước phân đôi nước Việt. Chúng ta đã được sống trong sự thay bậc đổi ngôi giữa Diệm với Bảo Đại khoảng 1954-1955.

Bất cứ cuộc đấu tranh nào xảy đến cũng đều là kết quả của sự đổ vỡ của những thỏa hiệp tạm nói trên. Ngay cả đến cuộc đấu tranh nội bộ cũng thế.

Trong lịch sử:

Lưu Bang ban đầu chỉ là một chư hầu của Hạng Võ. Staline và Trotzky đã từng sát cánh nhau làm việc trong những ngày gay cấn nhất của cách mạng tháng mười.

Mao Trạch Đông và Lưu Thiếu Kỳ đã từng chia xẻ ngọt bùi với nhau suốt ba mươi năm trường.

Nhờ Rohm, Hitler mới gầy được thế lực, nhưng ngay khi nắm được chính quyền Hitler cho lệnh thủ tiêu Rohm (các nhà báo đặt tên vụ này là: nuit des longs couteaux) vì Rohm bị phe quân nhân Đức chống kịch liệt, họ chỉ bằng lòng nhận đảng Quốc xã với điều kiện không có mặt Rohm mà Hitler thì đang cần phe quân sự để ngồi vững ở chính quyền.

Tại sao không thể có thỏa hiệp thực sự

Khi dùng danh từ thỏa hiệp tức là nói hai đường lối chính trị dừng lại ở một điểm nào đó để bắt tay nhau.

Khi bước sang điểm khác thì cái bắt tay kia không còn giá trị nữa. Nó đòi hỏi một bên phải tan biến vào bên kia để chỉ còn đường lối duy nhất. Mao Trạch Đông nêu ra phương châm: Một mặt kết hợp một mặt đấu tranh để cho cán bộ học tập chính sách của thời kỳ thỏa hiệp quốc cộng kháng Nhật. Nếu chỉ nói liên hiệp mà không nói đấu

tranh thì có nghĩa C.S. đã thua và tự tan biến vào phe Quốc dân đảng. Phải đấu tranh thì mới tỏ rõ rằng đây chỉ là chính sách thỏa hiệp kháng Nhật. Nhưng không từ bỏ đường lối CỘNG SẢN, nhiệm vụ cán bộ Cộng sản trong thời kỳ này là nhận lệnh của Tưởng Giới Thạch để đánh Nhật, nhưng tất cả việc làm nào cũng không được quên đóng góp xây dựng sự bành trướng của chính trị Cộng sản. Cho đến ngày Cộng sản đủ vây cánh, đủ uy tín rồi, thì lập tức phải tiêu diệt chế độ Tưởng.

Từ ngàn xưa cổ nhân có nói: Nước không thể có hai vua. Chính trị lúc nào cũng đòi hỏi quyết liệt cái thế định ư nhất. Giai đoạn thỏa hiệp là tạm bợ. Ngay ở những nước dân chủ đa đảng hay lưỡng đảng cũng vẫn luôn luôn tiến hành chính trị trên nhu cầu định ư nhất như thường. Nước Mỹ chẳng hạn, đảng Cộng hòa hay đảng Dân chủ đều phải phục vụ chung một chính sách tư bản Mỹ. Chế độ đa đảng ở Pháp, có đảng Cộng sản lớn bậc nhất nhì Âu châu, tuy nhiên nước Pháp từ trước đến nay vẫn hành động với thái độ của nước tư bản, cho đến lúc tình thế gay gắt nhất, chế độ đa đảng đệ tứ Cộng hòa đành phải nhường bước cho đệ ngũ Cộng hòa, trong đó tính chất định ư nhất nặng hơn.

Trong "Cổ học Trung Quốc" có câu:

"Sự việc nếu một thì toàn vẹn, hai là phân chia, nhiều thì tán ly. Một thì trị, hai tất tranh giành, nhiều là loạn. Cho nên phải biến phân tán thành tụ tập, diệt chia rẽ để thành hoàn chỉnh, như thế gọi là nhất." (Phàm vật nhất tắc toàn, nhị tắc phân, đa tắc tán. Nhất tắc trị, nhị tắc tranh, đa tắc loạn. Cố nhất giả, ước tán quy tập, tụ phân quy chỉnh). Do nhu yếu định như nhất, do nhu yếu của quyền lực cần phát triển nên thỏa hiệp nào cũng chỉ là thỏa hiệp tạm, không thể là thỏa hiệp thực sự (real agreement).

Tính quy luật trong chính trị

Mở đầu cuốn Đông Chu Liệt Quốc có kể đoạn vua U Vương nhà Chu muốn làm đẹp lòng Bao Tự nên dỡ hết trò xé lụa, lại đến đốt lửa cấp cứu để quân chư hầu lục tục kéo đến. Việc U Vương chẳng có một quy luật chính trị gì hết, nhưng việc các chư hầu căm giận U Vương và việc nhà Chu mất về những hành động bậy bạ ấy là những quy luật chính trị.

Lịch sử không có sự việc nào xảy ra lại không do một cần thiết. U Vương chiều Bao Tự đối với lịch sử thật hoàn toàn vô ích, nhưng hành động lại là điều chứng minh cái sa đọa và bất lực của nhà Chu. Và sự nổi loạn chống cái điên rồ của U Vương lại là một cần thiết lịch sử đáng kể.

Lá cờ vạn thắng của Đinh Bộ Lĩnh là kết quả của bao năm trời đất nước lầm than trong loạn Sứ Quân.

Nguyễn Hữu Chỉnh bị Nguyễn Huệ ghét và lưu ý từ ban đầu, bởi vì Chỉnh là người tâm phúc giỏi của Nguyễn Nhạc. Khi xung đột nội bộ giữa anh em Tây Sơn nổ ra đương nhiên Chỉnh ở vào cái thế cần bị trừ khử.

Kháng chiến bùng nổ, dân chúng thành thị tản cư về đồng ruộng tạo ra hiện tượng văn hóa về nông thôn.

Quân Nhật đánh vào phía Bắc nước Trung Hoa trí thức và dân Trung Hoa miền Bắc chạy xuống miền Nam làm thành hiện tượng văn hóa Nam Di.

Cầu không vận Bá linh là kết quả của phân chia Bá linh theo hiệp ước Postdam.

Hết thầy đều nằm trong tính quy luật, chính trị không có chuyện ngẫu nhiên.

Nếu làm chính trị tùy theo hứng và phó mặc cho ngẫu nhiên, con người chính trị chẳng chóng thì chày sẽ bị đẩy đến thất bại, giống như Hạng Vũ sau khi thất trận rồi ngửa mặt lên trời mà than: Trời hại ta.

Còn một điều cần biết là tính quy luật trong chính trị sẽ xếp lớp tuân tự tiến đến khác với quy luật vật lý mà các khoa học gia gọi là định luật. Sở dĩ nó khác với định luật vật lý, bởi vì nó đến hàng hàng lớp lớp theo với sáng tạo của con người.

Merleau Ponty viết:

"La politique est une action qui s'invente".

A đánh cờ với B, nước cờ của A đi buộc B phải đi một nước cờ chịu ảnh hưởng của A và cứ thế những nước cờ của B chống trả, buộc A phải đi nước cờ chịu ảnh hưởng của B và cứ thế những nước cờ của hai bên không ngừng chi phối lẫn nhau.

... Nhìn và nghiên cứu quy luật tính là để hành động cho chính xác, thu xếp công việc bằng kế hoạch hẳn hoi chống lại tính may rủi.

Tôn Tấn giết Bàn Quyên ở Lăng Đạo. Tôn Tấn đã dựng nên một kế hoạch chính xác đến nỗi ông có thể viết vào thân cây mấy chữ: Bàn Quyên phải chết dưới gốc cây này. Quả nhiên Bàn Quyên thua chạy đến đây thấy quân lính bảo rằng ở thân cây có mấy hàng chữ, Bàn Quyên tự mình cầm đuốc soi xem chữ gì. Trong khi Tôn Tấn cho phục sẵn đội cung thủ ở đây dặn hễ lúc nào trông thấy đốt đuốc ở gốc cây là cứ việc bắn xả vào đó.

Khổng Minh khốn Tào Tháo ở tiểu lộ Hoa Dung, đặt địa lôi ở hang Thượng Phương khiến cho Tư Mã Ý mất vía thấy đều là nắm được

tính quy luật. Đến chuyện sang cầu hôn bên Giang Đông thì kế hoạch của Khổng Minh mới càng tuyệt diệu. Với ba cấm nang ông giải quyết được mọi sự dễ dàng chẳng phải tốn hao hơi sức. Kể từ việc nhỏ nhất là ngay hôm đến Giang Đông đã cho người phao tin âm ỹ lên để cho Ngô Quốc Thái biết mà chặn hành động càn rỡ của Tôn Quyền, rồi đến việc nhìn rõ tâm lý Lưu Bị mãi vui nên dặn dò Triệu Tử Long vào nhắc nhở v.v... Cấm nang đâu phải là chuyện huyền bí, chẳng qua là vì ông nắm được vững vàng tính giữ luật của sự việc mà thôi.

Trong truyện nhan đề An Official business nhà văn Tchekow đã tả nỗi lòng đau đớn của nhân vật Lyzhim: Bấy giờ hắn mới nhận thấy rằng đời hắn chẳng đáng một cuộc đời, chỉ là những mảnh vụn chấp nối với hết những ngẫu nhiên này đến những ngẫu nhiên khác không đưa hắn đến đâu cả."

Những phạm trù của tính quy luật

Bắt tay vào việc, trước hết là chữ thời, đúng lúc, nắm cơ hội. Rèn sắt khi miếng sắt còn đỏ. Lão Tử nói rằng: "Thời hò! Thời hò! Vấn bất cập mưu, ứng thời chi cực gián bất dung tức." (Làm cho đúng lúc, không để lỡ một phút một giây.)

Thứ hai là phân biệt khó dễ. Nhận định khó dễ gồm có bốn điểm chính:

- a) Làm sao làm ít mà nhiều lợi.
- b) Làm sao giải quyết cho mau chóng.
- c) Làm sao giảm chướng ngại, khó khăn nguy hiểm đến mức tối đa.
- d) Làm sao không đưa dẫn sự can thiệp của những thế lực khác.

Thứ ba là chuẩn bị chu đáo.

Trước một sự kiện chính trị, quy luật tính thường được phát hiện trên sáu mặt:

- 1) Bản chất và hiện tượng
- 2) Nội dung và hình thức
- 3) Nguyên nhân và kết quả
- 4) Căn cứ và điều kiện
- 5) Khả năng và hiện thực
- 6) Ngẫu nhiên và tất nhiên.

Thủ đoạn chính trị

Chương 3

Thủ đoạn là gì?

*Hành động không có nguyên tắc
là múa rối.
Thỏa hiệp không có nguyên tắc
là đầu cơ.
Nhượng bộ không có nguyên tắc
là đầu hàng.
Thủ đoạn không có nguyên tắc
là phá phách*

Thủ đoạn là gì?

- Hán Cao Tổ bắn thư vào Bái thành, dân trong thành nổi lên giết Huyện lệnh, rồi mở cổng thành đón Hán Cao Tổ.
- Lục Tồn gửi thư cho Quan Vân Trường lời lẽ khiêm tốn sợ sệt để che mắt về cái tài dùng binh của mình.
- Trần Hưng Đạo lừa quân Nguyên tại sông Bạch Đằng.
- Khổng Minh du thuyết Đông Ngô, dựa Đông Ngô gây vốn chính trị.
- Tử Cống du thuyết nước Tề để yên nước Lỗ.
- Tô Tần dùng lời nói mà tạo thành thế hợp tung. Trương Nghi cũng dùng lời nói mà dựng chánh sách liên hoành.
- Khổng Minh khích Chu Du bằng hai câu: "Chu lang diệu kế an thiên hạ, bồi liễu phu nhân triết liễu binh."
- Trương Lương dùng tiếng ca buồn thảm lấy mất chí khí chiến đấu của quân Sở.
- Kinh Kha ca bên bờ sông Dịch làm cho chí phấn trong lòng mọi người dâng lên.
- Sái Thiệu bị giặc bao vây, tên bắn như mưa. Thiệu liền bày tiệc gầy đàn cho hai cung nữ múa hát, giặc lấy làm lạ, thừa lúc bất ý, Thiệu sai quân đánh tập sau lưng giặc giải thoát vòng vây.
- Phạm Lãi hiến Tây Thi và dâng tám gái đẹp cho Thái Tử Bĩ mở đầu cho chính sách tiêu diệt nước Ngô.
- Cao Dương gả vợ cho quân sỹ bằng cách mối manh với các góa phụ.
- Tào Tháo đãi Quan Công cứ năm ngày một đại yến ba ngày một tiểu yến, nên Quan Công phải trả nợ bằng hai cái đầu Nhan Lương Văn Xú và hai cái đầu ấy cũng súyt gây ra việc Viên Thiệu giết Lưu Bị.
- Tôn Tẫn dùng phép bót bếp để dụ Bàn Quyên. Khổng Minh dùng lời thêm bếp để dọa Tư Mã Ý.

- Ngụy Khê đánh nước Yên dàn trận cờ sí rợ trời khiến quân Yên sợ hãi.
- Oswald bắn Kennedy, Rugby bắn Oswald và Rugby bị hạ, báo cáo Warren để trấn an dư luận, thủ phạm chính của vụ Kennedy có lẽ không bao giờ còn tìm thấy.
- Béria được mời vào phòng họp cao cấp rồi bị hạ sát.
- Nga xô thao diễn quân đội mời các đại biểu Tây phương đến dự (1952), Nga cho trình bày loại oanh tạc cơ khổng lồ Bisons lúc đó Nga mới có 9 chiếc nhưng làm giả tới 50 chiếc và dùng gián điệp cho tin là sang 1954 Nga sẽ có tới 500 chiếc. Mỹ hoảng, quốc hội bàn cãi đã kích chính phủ, chính phủ vội cho cấp tốc sản xuất loại oanh tạc cơ khổng lồ đặt tên là B52 ngày nay. Biết Mỹ mắc đòn, Nga bỏ sản xuất Bisons và dồn tiền vào nghiên cứu hỏa tiễn không gian. Đó là những thủ đoạn chính trị.

Thủ đoạn chính trị mang muôn vạn hình thù, muôn vạn màu sắc. Nó có thể được dùng bằng thuyết phục, bằng cưỡng bách, bằng lừa lọc, bằng chân thật, bằng vũ lực, bằng lý tưởng, bằng nghệ thuật, bằng gián điệp v.v...

Thủ đoạn chính trị có hai nền móng:

- Tài thao lược và
- Khả năng bí mật

Lã Vọng nói:

Sự mạc đại ư tất khắc.

(Khắc phục được công việc đó là điều chính.)

Dụng mạc đại ư huyền mặc.

(Dùng mưu gì phải giữ cho kín.)

Động mạc đại ư bất ý.

(Hành động nên thừa lúc địch bất ý.)

Điệp mạc đại ư bất thức.

(Phá vỡ sự bí mật của địch).

Làm vẻ ngoài hỗn loạn, nhưng bên trong tổ chức chặt chẽ.

Làm vẻ mặt thiếu thốn, nhưng thật là sung túc.

Làm thái độ lơ mờ, nhưng đầu óc rất tinh tường.

Lúc thì hợp lại với nhau.

Lúc thì ly tán, âm thầm lặng lẽ, cơ mưu không lọt ra ngoài, hình tích không lộ. Định đánh phía tây, nhưng lại bằng ngả phía đông.

Cơ sở triết học của thủ đoạn chính trị

Với chính trị người ta không thể quên câu này:

"Deception is a major weapon of the enemy."

(Lừa dối là vũ khí chính yếu của địch.

Tây phương gọi nhà chính trị quá ư chân thật bằng hai danh từ: nước khô (dry water) và sắt gỗ (wooden iron).

Chính trị là cuộc đấu tranh không bao giờ ngừng giữa người với người để giành quyền lực.

Muốn thắng phải có sức mạnh và thủ đoạn.

Sức mạnh và thủ đoạn ấy thường được dùng đúng với một quan niệm chính xác về nó qua những điểm kể dưới đây:

- 1) Trong đấu tranh để giành quyền lực, giành ngôi vị và lợi lộc, những chính phủ, những tổ chức chính trị, những chế độ được xây dựng và lật đổ, luật pháp được đặt ra rồi lại bị vi phạm, những tranh chiến thắng bại liên tục.
- 2) Thực tế trước mắt là quan trọng hơn hết; lý tưởng phải phục vụ cho thực tế. Tư tưởng đạo đức siêu việt không có ích gì cho chính trị.
- 3) Mọi biến đổi phải được nối liền với nhau để tìm ra quy luật chung của một thời kỳ lịch sử nào đó.
- 4) Không làm nửa chừng, kẻ thù hoặc phải diệt chết hẳn hoặc phải phân định dần hòa rõ rệt hẳn.
- 5) Chiến đấu với một phương pháp khoa học, tính kỹ thuật kiện toàn.
- 6) Không ngần ngại trước những hành động dối trá, lật lọng nếu nhu yếu chính trị đòi hỏi.
- 7) Phải nhìn con người như lũ bội bạc, hay đổi thay, giả dối, nhát sợ và tham lam.
- 8) May hay rủi có thể đến, nhưng chủ yếu vẫn là sức mạnh và sự khôn ngoan của chính bản thân.
- 9) Biết nghe và hay hỏi là đức tốt của kẻ nắm quyền.
- 10) Không để kẻ địch có thời giờ mà âm mưu, không để dân chúng có thời giờ mà suy nghĩ, nhưng đừng làm dân chúng oán ghét.
- 11) Phải biết cách chiến đấu như một người, nhưng cũng phải biết cách chiến đấu như một con thú.
- 12) Tránh xa những thói hư tật xấu có thể làm hại cho sự nghiệp chính trị.
- 13) Quyền lực và (là?) mục tiêu tối cao.
- 14) Cần phân biệt con người thường với con người chính trị chỉ có hai hạng người, hạng thống trị (type gouvernant) và hạng bị trị (type gouverné).
- 15) Việc gì cũng phải có lãnh đạo, số đông không có lãnh đạo là số đông không dùng được.
- 16) Phẩm hạnh quý giá của người chính trị là: tham vọng, gan dạ,

ngiht lực bền bỉ và quyết tâm lãnh đạo.

17) Phải hiểu rõ nghệ thuật phối hợp thủ đoạn với sức lực.

18) Nhưng cần nhớ thủ đoạn mạnh hơn sức lực, đấu trí cần hơn đấu sức.

19) Thủ đoạn là phẩm chất căn bản cho một kẻ muốn thống trị (La fourberie est une qualité universelle du gouvernant type).

20) Tất cả phải đổi thay, không một chế độ, một đường lối nào dù tốt đến đâu, đẹp đến đâu có thể tồn tại mãi được.

21) Mọi sự đổi thay phần lớn đều do lòng ham muốn vô bờ bến của loài người đối với quyền lực.

22) Mỗi hành động phải mang mục đích rõ rệt. Rồi luôn luôn tự hỏi mục đích đó trong điều kiện trước mắt có thể làm được đến đâu.

23) Muốn lãnh đạo, muốn người khác tuân phục phải luôn luôn chứng tỏ mình là cái gì không thể thiếu được.

24) Phải làm cho người kiêng dè nể sợ bằng cách đấu tranh chính trị theo luật tắc của chiến tranh.

25) Lịch sử làm bởi sức mạnh đấu tranh. Ai yêu tự do mà không dám đấu tranh cho tự do tất nhiên chẳng bao giờ có tự do. Ai yêu nước mà không dám đấu tranh bảo vệ đất nước thì mất nước. Nhưng đấu tranh không phải là mò mẫm với những điều không tưởng, đấu tranh là thủ đoạn và sức mạnh từ A đến Z. Người chính trị say mê muốn xoay thời chuyển thế, thì nên nuôi dưỡng tham vọng ấy bằng khả năng chính trị đừng chỉ hồ đồ với một mớ tình cảm vụn vặt.

Triết lý Hàn Phi Tử

Trước Machiavel cả hai ngàn năm, chính trị Đông phương đã thai nghén ra chủ nghĩa Machiavelisme. Người khai sáng là Hàn Phi tử mà bấy giờ mệnh danh là Pháp Gia phái. Kể ra đáng lẽ Lã Thái Công mới đáng nhận danh hiệu này, nhưng trước tác lục thao tam lược của Lã Vọng chỉ thuần chú trọng về những nguyên tắc chiến thuật chiến lược mà không đặt thành hệ thống triết lý chính trị. Thêm nữa Hàn Phi Tử khi luận về chính trị, ông có một luận điệu rất "cynique" hệt như Machiavel.

Hàn Phi Tử sống vào thời đại chiến quốc, giữa lúc bần dân thiên hạ theo đuổi một chủ lưu chính trị là đánh đổ chế độ phong kiến thống nhất Trung Quốc (Machiavel cũng ở vào cùng một tình trạng). Nhưng chủ nghĩa chính trị thời đó gồm có: Nho, Mặc, Đạo, Pháp. Mọi chủ nghĩa đều đưa ra một lập trường cơ bản, thái độ nhân sinh, chủ trương chính trị phương pháp thực hành khái quát kể ra như dưới đây.

Về cơ bản lập trường:

Nho xướng xuất chủ nghĩa gia tộc.
Mặc xướng xuất chủ nghĩa thế giới.
Đạo xướng xuất chủ nghĩa cá nhân.
Pháp xướng xuất chủ nghĩa quốc gia.

Về thái độ nhân sinh:

Nho đưa ra chủ nghĩa trung dung
Mặc đưa ra chủ nghĩa khổ hạnh
Đạo đưa ra chủ nghĩa tiêu cực
Pháp đưa ra chủ nghĩa tích cực.

Về chủ trương chính trị

Nho xướng xuất chủ nghĩa nhân trị
Mặc xướng xuất chủ nghĩa thiên trị
Đạo xướng xuất chủ nghĩa vô trị
Pháp xướng xuất chủ nghĩa pháp trị.

Về phương pháp thực hành

Nho đề ra chủ nghĩa cảm hóa
Mặc đề ra chủ nghĩa cứu thế
Đạo đề ra chủ nghĩa phóng nhiệm
Pháp đề ra chủ nghĩa can thiệp.

Kết quả Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc bằng phương pháp của pháp gia. Bởi lẽ đấu tranh chính trị chỉ có một quy luật duy nhất: Đả thiên hạ, tổ hoàng đế (đánh được thiên hạ thì lên làm vua).

Thành tắc vi vương, bại tắc vi khấu (được làm vua, thua làm giặc).

Bao giờ cũng vậy, từ ngàn xưa đến nay và tự nay về sau, con người thường cố tình cho chính trị thuộc về đạo đức học, nhưng sự thực chính trị thuộc về khoa học xã hội.

Dù muốn nêu lên chính nghĩa nào đi chăng nữa thì sự thành công của chính trị vẫn chỉ do một nguyên nhân đó là: đã thắng trận.

Đại biểu của pháp gia là Hàn Phi Tử. Sở dĩ phương pháp của Hàn Phi Tử đã đem lại thành công cho việc làm của Tần Thủy Hoàng là vì nó có một nhận thức chính trị rất sắc. Ông đã đưa ra bốn điểm chính yếu để thay đổi xã hội phong kiến bằng chính trị quân chủ tập quyền.

- 1) Quận huyện làm đơn vị cai trị thay thế cho các đất phong.
- 2) Tổ chức hành chính quan liêu lại trị thay thế cho quý tộc.
- 3) Quân dân phân trị thay thế cho quân dân hợp trị.

4) Mua bán ruộng đất tự do thay thế cho tư hữu quý tộc.
Thay đổi tận gốc rễ như thế, nếu không có những thủ đoạn khả dĩ vươn tới việc tất thắng bại. Hàn Phi Tử lên tiếng bài bác tư tưởng cải cách (reformisme) của Khổng và Mặc. Ông nói: Dùng chính sách "hoãn", hoãn để trị dân của cái đời cần biến đổi mau chóng này thì chẳng khác gì không biết cưỡi ngựa mà cưỡi ngựa dữ. (Thiên Ngũ Đố). Biến cố hay không biến cố không phải là vấn đề của thánh nhân, chỉ có chính trị đáng kể thôi (Thiên Nam Diện).

Theo ông thì lịch sử tùy thời đại biến đổi, chính trị cũng tùy thời đại mà biến. Nếu chính trị không biến theo thời đại, cứ ôm lấy lý lẽ dùng đạo của tiên vương để trị người bây giờ thì thật rõ là chuyện ôm cây đọi thỏ.

(Ôm cây đọi thỏ là chuyện cổ bên Tàu, về việc anh nông phu, anh ta chỉ được cái chăm nhưng đầu óc rất ngốc nghếch, khu ruộng anh cày cấy có một cây cỏ thụ lớn cành lá xum xuê vẫn thường làm chỗ nghỉ ngơi cho anh. Một hôm anh đang nằm thành thoi dưới gốc cây bỗng có hai con thỏ đuổi nhau, chạy rất nhanh va đầu vào cây chết cả đôi. Anh bắt mang về ăn thịt ngon lành. Từ đấy đầu óc anh nảy ra ý nghĩ tội gì làm ăn cho mệt nhọc, cứ đọi dưới gốc cây để ăn thỏ có phải lợi hơn không. Nghĩ thế anh không làm ruộng nữa cứ ngày ngày ngồi đọi dưới gốc cây để chờ thỏ. Đọi cả tháng ròng chẳng thấy bóng con thỏ nào, đọi quá anh đành phải đi làm ruộng vậy).

Chính trị Hàn Phi Tử khả dĩ thu vào hai điểm chủ yếu:

1) Đối ngoại không gì hơn thực lực.

2) Đối nội không gì bằng quyền lực.

Quan hệ giữa nước này với nước kia nếu không có thực lực thì lấy gì phát triển và sinh tồn. Việc trong nước mà không có thống trị quyền lực thì làm sao thay đổi cả một nếp sống?

Bởi vậy ông viết tuy ngắn ngủi nhưng minh bạch:

"Lực đa tắc nhân triều, lực thiếu tắc triều ư nhân cố minh quân vụ lực).

(Lực khỏe thì thiên hạ theo ta, lực yếu thì ta buộc phải phục tùng thiên hạ, cho nên ông vua giỏi là phải kiến thiết sức mạnh).

"Cổ nhân cực ư đức, trung thế trực ư trí, đương kim tranh ư lực... Sử đa sự chi thu, dụng quả sự chi khí, phi trí giả chi bị dã. Đương đại tranh chi thế, nhi tuân tập nhượng chi cư, phi thánh nhân chi trí dã."

(Cổ xưa đuổi vào đức, trung thế thiên trọng chữ trí, ngày nay phải tranh đoạt bằng lực. Sống vào đời lắm việc này mà lại đem lẽ lối của thời kỳ ít việc thì thật là bất trí. Sống giữa lúc tranh đấu bạo tàn này lại lấy thái độ nhường nhịn thì không phải là phương pháp của thánh

nhân).

Vũ lực nghĩa là không trọng nhân nghĩa biện trí nữa mà trọng quốc phú binh cường. Muốn cho nước giàu phải xử dụng toàn dân vào đấu tranh kinh tế hồi đó là sản phẩm nông nghiệp gọi là nông chiến. Muốn binh mạnh phải thực hành quân quốc chủ nghĩa.

Về quan hệ đối nội, nhân vì chính trị chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ quân chủ nên quan hệ thuận đặt trên quan hệ quyền lực (kinh nghiệm lịch sử cho biết thời kỳ quá độ nào cũng vậy). Quan hệ giữa vua với dân là quan hệ quyền lực, quan hệ giữa vua với quan lại là quyền lực.

Hàn Phi Tử nói:

"Thế giả thắng chúng chi tư dã." (Thế là cái vốn để thắng mọi người).

"Chủ chi sở dĩ tôn giả, quyền dã". (Ngồi được ở ngôi cao là bởi quyền).

"Vạn thặng chi chủ, thiên thặng chi quân, sở dĩ năng chế thiên hạ nhi chinh chư hầu, dĩ kỳ uy thế dã." (Chúa một nước vạn cỗ xe, vua một nước ngàn cỗ xe, sở dĩ thống chế thiên hạ, chinh phục chư hầu là nhờ uy thế vậy).

Cái lý do khiến Hàn Phi lấy vấn đề quyền lực làm địa vị trọng yếu của chính trị là tại ông nhìn người đời khác cái nhìn của Mạnh Tử. Đối với Hàn Phi thì con người tính ác, ác đây mang cái nghĩa vị lợi, vị kỷ mà Hàn Phi đặt tên là Tục vi tâm.

So sánh những lời dưới đây của Hàn Phi với Machiavel, bọn nhân thần đối với ông vua, không phải cốt nhục thân tình, bị buộc vào thế quyền lực nên mới thờ vua. Lũ nhân thần ấy không lúc nào quên dòm dỏ, vua sơ hở là lập tức làm loạn. Cho nên làm chủ mà lười biếng, không tinh tường, hay kiêu căng tất sẽ bị cái vạ nhân thần sát chủ.

Làm vua mà quá nuông con, lũ nhân thần sẽ dựa vào đứa con để mưu đồ. Làm vua mà quá tin yêu vợ, tin yêu thiếp, lũ nhân thần sẽ dựa vào thiếp, vợ để mưu đồ. Khi hậu phi, phu nhân, thái tử đã thành đảng, bấy giờ chỉ có quyền chính là đáng kể với chúng và chúng có thể giết vua hoặc ngày đêm mong mỏi cho vua chết. Nếu vua không chết thì chưa có thể thừa cơ, chẳng phải vì chúng ghét vua nhưng mà vì chúng mong quyền. Bởi vậy làm vua nên xét về cái thế chết của mình (trích dịch ở thiên Bị nội).

Trong cuốn "Quân vương" (Le prince) Machiavel viết:

"Le prince doit se méfier d eux comme d ennemis déclarés, qui non contens de l abandonner si la fortune lui devenait contraire, n hésiteraient point à tourner leurs armes contre lui." (chapitre IX)

Hàn Phi và Machiavel đều đồng ý nhau trên một điểm quan hệ quân thần là quan hệ quyền lực. Vua tôi đều có tự vi tâm làm thành cái thế lợi hại tương phản cho nên quan hệ quyền lực ấy đi xa hơn nữa còn phải lấy mưu kế mà sửa trị.

"Quân thần dị tâm, quân dĩ kế súc thần, quân dĩ kế sự quân, hại thân nhi lợi quốc tẩn phát vi dã. Hại quốc nhi lợi thân, quân bất vi dã. Thần chi tình hại thân vô lợi, quân chi tình hại quốc vô thân. Quân thần dã giả, dĩ kế hợp giả dã." (Vua tôi bao giờ cũng dị tâm, vua thu nạp bề tôi bằng kế. Bầy tôi thờ vua cũng vì kế của mình. Hại thân để làm lợi cho đất nước thì bầy tôi sẵn sàng. Hại cho đường lối chính trị, hại cho nước để làm lợi cho bầy tôi thì vua không chịu cho nên quan hệ quân thần phải lấy kế mà hòa hợp.)

(Trích ở thiên Sứ tà)

Kế đó Hàn Phi nói như sau:

"Phàm trị thiên hạ, tất nhân nhân tình."

Trị thiên hạ phải biết tâm lý chính trị, hiểu thấu tình người. Như ở trên đã đề cập đến vấn đề trị đạo với chủ lưu của tâm lý và chủ lưu của tình tự.

Nội dung triết học chính trị của Hàn Phi khả dĩ khái quát vào hai điểm:

1) Tập trung quyền lực thống trị.

2) Vận dụng công cụ thống trị.

Lý luận của Hàn Phi đều tập trung vào phạm vi chính trị, khác với Nho phái mang nhiều ý vị luân lý, khác với Đạo mang nhiều ý vị tự nhiên, khác với Mặc mang nhiều ý vị thần quyền.

Và tập trung quyền lực thống trị Hàn Phi đưa ra thế và vị. Ông nói:

- Thế giả thắng chúng chi tư dã.

- Thế chi vi đạo vô bất cấm hĩ.

(Có thế mà hành đạo thì không gì cản trở nổi)

- Vạn vật mạc như thân chi chí quý dã. (Muôn việc không gì quý bằng thân mình, quý mà ngôi cao, có ngôi cao thân quý tức uy lớn thế to).

- Thế giả thắng chúng chi tư, ý nói quyền lực là công cụ để thống trị chúng nhân. Vô bất cấm, ý nói quyền lực đầy đủ rộng rãi lực cưỡng chế. Vị tôn thế long, ý nói quyền lực phải đạt đến cao tít.

Muốn trị quốc gia, điều kiện tiên quyết là phải có quyền lực, và xây dựng một quyền lực vững mạnh. Trong thiên Nam thế, Hàn Phi đưa ra tỷ luận: lúc ông Nghiêu còn làm kẻ thất phu, ông trị ba người không nổi trong khi Trụ ở ngôi thiên tử làm loạn cả bàn dân thiên hạ. Quyền lực quan trọng thế đấy.

Về vận dụng công cụ thống trị, Hàn Phi đưa ra pháp và thuật. Ông

nói:

"Quân vô thuật tắc tế ư thượng, vô pháp tắc loạn ư hạ." (Vua mà không có thủ đoạn thì sơ hở ở bên trên, không có pháp luật thì loạn ở bên dưới).

Pháp luật là mực thước để quân chủ thống trị quan lại và nhân dân.

Thuật là phương pháp để quân chủ thống trị quan lại.

Với pháp luật Hàn Phi đặt những nguyên tắc cơ bản sau đây:

Pháp luật như hiển (Pháp luật cần nhất cho rõ ràng) Khi ban bố pháp luật ai ai cũng đều biết.

Pháp lệnh hành nhi tư đạo phế. (Pháp luật thi hành không có tư tình).

Nếu còn vị nể tư tình tất pháp luật loạn.

Quan niệm về chữ Pháp của Hàn Phi Tử rất chính xác, ông viết:

Thánh nhân trị nước, không cần phải dựa vào người làm tốt cho mình mà dựa vào sự việc khiến người ta không dám làm quấy. Dựa vào người yêu mến ta, tính đầu ngón tay chẳng được vài chục. Còn dựa vào sự việc người không dám làm quấy thì có thể khắp cả nước.

Trị nước phải nhằm vào số đông, không trông vào số ít. Cho nên chẳng cần vụ đức mà nên chú trọng đến vụ pháp. Làm vua không nên trông vào cái tốt ngẫu nhiên mà nên thi hành cái đạo tất nhiên.

Nói đến cái thuật, Hàn Phi phân tích rằng thời chiến quốc chính trị đã theo chế độ phong kiến, và được thay thế bằng chính trị lại trị sinh ra bởi chế độ quân chủ. Quân chủ với tập đoàn lại trị không có quan hệ huyết thống, hơn nữa cả hai đều mang dị tâm, cho nên thuật rất quan trọng đối với tình thế mới mẻ này.

"Thuật giả nhân nhiệm nhi thụ quan, tuần danh nhi trạch thực, thao sát sinh chi bính, khoa quyền thần chi năng. (trích thiên Định pháp) (Thuật là dùng tài để trao quan chức, xét thực mà bỏ danh, nắm lấy quyền sinh sát, để dùng tài năng của quần thần.)

Thuật cao nhất mà Hàn Phi đề ra là câu:

Minh quân trị lại bất trị dân.

(Ông vua sáng trị lại không trị dân). Ông đã đi trước thuật chính trị Tây Phương cả mấy ngàn năm về vấn đề xây dựng một guồng máy chính trị (appareil politique).

Cũng như Machiavel, trước tác phẩm của Hàn Phi đã làm sáng tỏ cho chính trị học Đông phương rất nhiều.

Yết Tuyên Tử

Đấu tranh chính trị, Yết Tuyên Tử đề ra năm phương pháp:

- Kết hay mua lòng người.
- Gián hay vào sâu để phân hóa.

- Tá hay mượn dao giết người, mượn lực người gây vốn ta.
- Câu hay là dụ hoặc địch nhân.
- Ngộ hay lừa dối đối phương.

Làm chính trị trước hết là kéo người về với ta, cho nên phải có mưu sâu để mua chuộc lòng người. Yết Tuyên Tử phân ra làm 4: Nội kết, ngoại kết, tư kết và kết địch.

Lý Hiếu Công thả tù binh rồi truyền hịch phủ dụ. Vua Sở Trang Vương giết giải mã để cứu người say. Ngô Khởi quỳ xuống dùng miệng hút máu trên vết thương của binh sỹ. Trương Nghi hối lộ Trịnh Tự. Phạm Lãi, Văn Chủng kiếm gái đẹp cho Thái Tể Bĩ. Ngụy Công tử vì nàng Như Cơ mà phục thù. Trương Lương chơi thân với Hạng Bá. Tô Tần Trương Nghi với đường lối hợp tung liên hoành. Mua chuộc lòng người mang muôn màu muôn vẻ.

Về phép Gián, Yết Tuyên Tử viết:

Gián là nắm lấy kẻ tâm phúc của địch, giết chết tướng tài của địch, loạn kế mưu của địch. Phương pháp của nó có: Sinh, tử, thư, ngôn, đạo (tin đồn, dùng câu ca tiếng hát, dùng vật phẩm vàng lụa, hối lộ tiền bạc, dùng sắc đẹp, dùng tình cảm quê hương, dùng bạn bè, dùng ân, dùng uy, dùng chức tước.

Tỷ dụ Tây Thi xúi dục Ngô Vương giết Ngũ Tử Tư (dùng nữ), Tứ diện Sở ca thanh, Trương Lương thổi sáo làm tan nát lòng quân Sở (dùng ca), Tào Tháo xóa thư lừa Mã Đằng, Hàn Tọai (dùng thư).

Về Tá, Yết Tuyên Tử viết:

"Nan vu lực nhi tá địch chi lực, bất năng chu (tru?) nhi tá địch chi nhân (nhân?), thậm chí vô tài nhi tá địch chi tài, vô vật nhi tá địch chi vật, bất khả trí mưu nhi tá địch chi kế mưu... Tá địch chi tá, sử địch bất tri nhi chung vị ngã tá, sử địch ký tri nhi bất đắc bất vị ngã tá." (Không có lực thì mượn lực của địch, không giết được thì mượn ngọn giáo của địch, thậm chí không tiền thì mượn tiền của địch, không đủ vật liệu thì mượn vật liệu của địch, đôi khi mượn luôn cả trí mưu của địch nữa. Mượn sự giúp đỡ của địch có cách làm cho địch không biết mà cho mượn, có cách là cho địch dư biết mà vẫn phải cho ta mượn.)

Đọc những lời trên chắc có nhiều người không tin. Nhưng sự thực cái kế mượn là cái kế kỳ diệu nhất trong đời sống chính trị. Cuộc cách mạng của Đảng Quốc xã khởi đầu chỉ có bảy người mà gây nên

nước Đức hùng cường. Nếu không phải mượn thì làm sao thành việc. Đa số nhà tư bản Do thái đã cho Hitler mượn vốn. Đức đánh Nga nên đưa Lénine về Nga để gây rối, như vậy cuộc cách mạng 1917 một phần nào cũng dựa vào Đức. Khổng Minh sau khi đã nhận tên rồi liền sai quân sỹ reo to lên rằng: tạ ơn thừa tướng đã cho mượn tên. Trung cộng đã từng mượn danh nghĩa kháng Nhật để lấy tiếp tế súng đạn của Mỹ.

Về cách lừa dối địch, Yết Tuyên Tử viết trong thiên Ngô như sau: "Khắc địch chi yếu, phi đồ dĩ lực chế, nãi dĩ thuật ngô chi dã. Hoặc dụng ngô pháp dĩ ngô chi, hoặc nhân kỳ tự ngô dĩ ngô chi, ngô kỳ thị, ngô kỳ lợi, ngô kỳ chuyết, ngô kỳ trí, diệc ngô kỳ biến. Hư khiêu, thực thủ, bỉ ngô nhi ngã năng ngô, cố thiện dụng binh giả, ngô nhân nhi bất tự ngô." (Đánh phải tìm chỗ hiểm yếu, rồi dùng mưu mà lừa không phải dùng lực để đánh phá. Hoặc dùng mẹo của ta mà lừa địch, hoặc dùng ngay điểm nhằm lẫn của địch mà lừa dối, lừa bằng tính tự thị của đối phương, lừa bằng lợi lộc, lừa bằng sơ hở của địch, hay lừa cả cái trí của địch, lừa bằng sự biến đổi khôn lường. Lấy viên ngọc ném ra để dẫn viên ngọc về, cho kẻ giỏi dùng binh là biết lừa dối và không bị lừa dối."

Ulysse đánh mãi mà không hạ được thành Troie, nghĩ ra một cách, giả tảng rút hết tự mình chui vào trong con ngựa rơm rất lớn. Dân thành Troie thấy địch rút rồi mừng rỡ kéo ngựa vào thành, nửa đêm Ulysse chui trong ngựa ra, nổi lửa làm hiệu mở cổng thành Troie cho quân của Ulysse kéo vào.

Trần Hưng Đạo Vương sai Nguyễn Khóai đóng cọc ở sông Bạch đằng, rồi đánh nhau với quân Nguyên lừa lúc thủy triều rút tấn công thật mạnh, thuyền quân Nguyên bị cọc đâm thủng cả.

Tam thập lục kế

- 1) Man thiên quá hải (lợi dụng lúc trời tối mà qua biển).
- 2) Vi Ngụy cứu Triệu (vây nước Ngụy để cứu nước Triệu).
- 3) Tá đao sát nhân (mượn tay người khác giết).
- 4) Dĩ dật đãi lao (lấy nhàn hạ chống mệt, lấy thông thả mà chống vội vàng).
- 5) Sân hỏa dĩ kiếp (theo lửa cháy mà đánh thật mạnh thật mau).
- 6) Thanh Đông kích Tây (lên tiếng bên Đông nhưng thật ra là đánh vào phía bên Tây).
- 7) Vô trung sinh hữu (trong chỗ không mà thành có).

- 8) Âm độ Trần Sương.
- 9) Cách ngạn quan hỏa (đứng cách bờ xem lửa cháy).
- 10) Tiểu lý tàng đao (trong nụ cười giấu con dao sắc).
- 11) Lý đại đào cương (mùa mận tới thì cây đào phải khô).
- 12) Thuận thủ khiên dương (thuận tay giắt dê).
- 13) Đả thảo kinh xà (đạp vào cỏ làm cho rắn run sợ).
- 14) Tá thi hoàn hồn (mượn xác cho hồn trở về).
- 15) Điều hổ ly sơn (nhử hổ ra khỏi núi).
- 16) Dục cầm cố tung (muốn bắt cho nên thả).
- 17) Phao bác dẫn ngọc (ném hòn ngói để dẫn hòn ngọc về).
- 18) Cầm tặc cầm vương (bắt giặc nên bắt chúa giặc).
- 19) Phủ để trừu tân.
- 20) Hỗn thủy mô ngư (quấy đục nước mà bắt cá).
- 21) Kim thuyền thoát xác (con ve sâu lột xác).
- 22) Quan môn tróc tặc (đóng cửa lại mà bắt giặc).
- 23) Viễn giao cận công (gần thì đánh xa thì thân thiện).
- 24) Giả đồ diệt Quốc (mượn đường diệt Quốc).
- 25) Du lương hoán trụ.
- 26) Chỉ tang mạ hòe (chỉ vào cây dâu mà mắng cây hoè).
- 27) Giả si bất điên (giả ngu nhưng không điên).
- 28) Thượng lâu trừu thê (lên cao rồi rút thang).
- 29) Thiết thụ khai hoa (trên cây sắt lại có hoa nở).
- 30) Suất khách vi chủ (ở địa vị khách đổi ra địa vị chủ).
- 31) Mỹ nhân kế (kế mỹ nhân).
- 32) Không thành kế (kế bỏ ngõ).
- 33) Phản gián kế (kế phản gián).
- 34) Khổ nhục kế (kế khổ nhục).
- 35) Liên hoàn kế (kế liên hoàn).
- 36) Tẩu vi thượng kế (chạy là kế hay nhất).

Ghi chú:

Những thủ đoạn chính trị đều không qua khỏi ba mươi sáu kế ghi trên. Ba mươi sáu kế tuy trên danh nghĩa coi là của Lã Thái Công, nhưng không phải do chính tay Lã Thái Công viết mà do người đời sau viết bằng cách gom góp những kinh nghiệm lịch sử cả bao ngàn năm. Có thể không do một tay người nào mà do tay nhiều người, nhân dân Trung quốc vốn ham chuộng chính thống nên bản mưu kế trên phải mượn danh Lã Thái Công, để dễ bề được tin tưởng hơn. Những thủ đoạn chính trị đã được ghi nhận rất tài tình bằng ám tỉ pháp (métaphore) để người đọc có đà cho một tưởng tượng lực dồi

dào và linh động.

Sự cần thiết của tính nguyên tắc:

Hành động không có nguyên tắc là múa rối.
Thỏa hiệp không có nguyên tắc là đầu cơ.
Nhượng bộ không có nguyên tắc là đầu hàng.
Thủ đoạn không có nguyên tắc là phá phách.

Hai câu thơ:

Mã hậu đào hoa mã tiền tuyết

Giao nhân ná đắc bất hồi đầu

(Sau lưng là hoa đào, trước mặt là tuyết trắng, khiến cho người không biết quay mặt về đâu).

Để tả anh chàng bị cảnh vật làm hoang mang không định nhãn vào đâu được cả. Trong chính trị kẻ bị lóa mắt bởi hoa đào và tuyết trắng là kẻ làm chính trị vô nguyên tắc.

Harold Isaacs đã tả hình dáng Tưởng giới Thạch trong cuốn Pas de paix pour l'Asie như sau:

Những động lực thúc đẩy hành vi của Tưởng là quyền lợi cá nhân. Ông vốn là người thiếu tư tưởng căn bản nên ông vay mượn lung tung. Mới đầu ông mượn tư tưởng Cộng sản rồi ông lại muốn trở thành một chiến sỹ dân chủ kiểu Anglo-Saxon, bỗng dưng ông lại thích đạo Cơ đốc, cuối cùng ông say sưa chủ nghĩa Phát xít. Nói trắng ra, ông là con người vô nguyên tắc.

Jacques Belden phê bình viết về Tưởng trong cuốn la Chine ébranle le monde như sau: Bất lực trước tình thế chính trị, Tưởng chỉ đổ lỗi cho người khác. Dân đói ông cho là vì dân lạc hậu, nông dân nổi loạn là vì nông dân bất hiếu với người lãnh đạo, trí thức công kích là vì trí thức gian manh, tướng tá bỏ ông là vì tướng tá bất trung.

"Trước khi bệ hạ xin hàng hãy chém đầu thần đã".

Lời nói của Trần Hưng Đạo Vương là nguyên tắc đánh thép không đổi rời trong cuộc chiến tranh với quân Nguyên. Có thể lui, có thể chạy, có thể tấn công, có thể phòng ngự, nhưng chạy, lui, tấn công hay phòng ngự phải đặt trong nguyên tắc đuổi quân Nguyên ra khỏi bờ cõi.

Quản Trọng theo Công tử Củ thất bại lại về với Tề Hoàn Công, vì Quản Trọng chỉ có một nguyên tắc phải theo là phụng sự nước Tề. Cũng như Ân Tử làm tể tướng ba triều đại, bởi vì Ân Tử đặt quyền lợi nước Tề ở trên hết.

Nguyên tắc mới chính là cơ sở phát triển.

Trong Tam Quốc người đời gọi Lã Bố là thằng ba họ để chê cái tính vô nguyên tắc của Lã Bố. Đã có lúc gặp thời Lã Ôn Hầu có cái vốn rất khá, nhưng Lã Bố thất bại ngay vì chính trị của Lã Bố chẳng có một nguyên tắc nào cả.

Mượn Kinh Châu làm bàn đạp lấy Ba Thục lập thế chia ba chân vạc là nguyên tắc kiến lập căn cứ địa để đánh nhà Ngụy.

Khuông phò nhà Hán là nguyên tắc về danh nghĩa để lập cơ phát động chiến tranh với Tào.

Hòa Ngô là nguyên tắc kiến lập đồng minh trong chiến tranh chống Tào. Khi Quan Vũ vi phạm nguyên tắc này thì Thục thua ngay.

Vấn đề tư tưởng

Hành động phải cho chính xác, chính xác cũng là điều kiện chủ yếu của nguyên tắc. Làm thế nào để có thể chính xác? Đó là nhiệm vụ của tư tưởng.

Trước công việc người ta suy nghĩ, suy nghĩ sai, người ta suy lại, như vậy là đấu tranh tư tưởng, đấu tranh tư tưởng là đấu tranh giữa chính xác và không chính xác, nói cao hơn đấu tranh giữa chân lý và phi chân lý. Càng tha thiết đấu tranh tư tưởng thì chân lý càng sáng tỏ thì phương hướng mới chính xác. Tư tưởng không chính xác thì tất hành vi sinh hồ đồ.

Tuy nhiên nói đến đấu tranh tư tưởng thông thường vẫn vấp phải tình trạng sự nói sự phải vãi nói vãi hay. Bởi thế người chính trị không đấu tranh tư tưởng như một nhà triết học. Đối với người chính trị nguyên tắc của đấu tranh tư tưởng là sự thật thắng nói róc. Đấu tranh tư tưởng là đấu tranh tìm biết đến cái căn cốt sự thực, dùng sự thực để phê phán. Chính xác phải gắn liền với sự thực, nguyên tắc của chính xác là xây dựng trên sự thực. Tỷ dụ Bắc Việt có thể nói chủ nghĩa Cộng sản sẽ thắng, trái đất rồi đây sẽ bị nhuộm hồng, nhưng họ cũng không thể phủ nhận sự thực là nhân mạng Việt Nam đã bị lạm dụng, sự việc đương mũi chịu sào cho xung đột quốc tế không làm lợi gì cho dân tộc Việt.

Tỷ dụ trên chân lý ước mơ, toàn thể các nước Cộng sản đều là anh em nhưng sự thực Cộng sản không thể chối cãi được sự các nước anh em đó đã đánh nhau dữ dội, đánh nhau đến độ có thể hy sinh quyền lợi của các nước anh em.

Chính xác không tuyệt đối, cũng như chân lý không tuyệt đối đứng nguyên một điểm. Chân lý đứng nguyên là chân lý tôn giáo. Nhưng chân lý của chính trị là chân lý có biến số. Cộng sản và Tư bản không đội trời chung, nhưng Cộng sản và Tư bản có thể sống chung hòa bình.

Tư tưởng giúp cho sự áp dụng nguyên tắc đúng hơn, đồng thời tư tưởng cũng giúp ta tìm ra một nguyên tắc chính xác.

Phải suy nghĩ trên thực tế, các quân sự gia Trung Hoa mới tìm thấy chiến tranh trì cửu (đánh lâu dài) để đối phó với chiến tranh tốc quyết (giải quyết nhanh) của Nhật.

Trì Cửu Chiến được coi là nguyên tắc căn bản của chiến tranh kháng Nhật.

Nguyên tắc căn bản đánh lâu dài lại sản sinh ra những nguyên tắc chiến lược:

- a) Chính trị trọng hơn quân sự.
- b) Dân chúng trọng hơn quân đội.
- c) Tuyên truyền trọng hơn tác chiến.
- d) Vận dụng tổ chức, hoàn chỉnh tổ chức đảng-chính-quân.
- e) Bảo trì cơ động tính trên quân sự.

Chiến lược xây dựng trên nguyên tắc căn bản đánh lâu dài lại sinh sản ra những nguyên tắc chiến pháp:

- 1) Địch tiến ta rút.
- 2) Địch đóng ta quấy.
- 3) Địch mệt ta đánh.
- 4) Địch thoái ta đuổi.

Đấu tranh tư tưởng không là chuyện đi tìm ảo mộng mà là cuộc đấu tranh chống mơ hồ, chống tự mãn, chống chủ quan, cuộc đấu tranh để đi tìm sự chính xác.

Thủ đoạn chính trị

Chương 4

Mưu kế

*Có lúc người toan đánh bể đầu.
Đầu ta chẳng bể sống càng lâu.
Sống lâu ta nghĩ trăm ngàn kế,
Nghĩ kế đưa người xuống vực sâu.*

NGUYỄN XUÂN THỦY

Mưu kế

Văn gia Nicolas Gogol trong thiên tiểu thuyết Newsky Prospect viết: "Thôi! Xin đừng có tin cái đại lộ Newsky đấy nữa. Mỗi lần tôi đi qua đó tôi đã phải kéo cổ áo lên để khỏi phải nhìn thấy những sự vật mà tôi chợt bắt gặp. Tất cả chỉ là một sự dối lừa quỷ quyệt, tất cả chỉ là giả trá che đậy, không có lấy chút ít sự thật nào. Bạn nhìn cái ông mặc áo lông cừu đi bên đường kia, chắc bạn nghĩ rằng ông ta là nhà triệu phú phải không? Làm rồi, cả gia tài ông ta chỉ còn chiếc áo sang trọng ấy thôi. Bạn nhìn thấy hai người vạm vỡ khô ngô đứng trước cổng nhà thờ kia, chắc bạn tưởng họ đang bàn bạc với nhau về nghệ thuật kiến trúc hẳn. Làm rồi, cả hai đang đấu láo để tìm lý do tại sao hai con quạ lại chầu đít vào nhau trên nóc nhà thờ... Đến đêm thì sự lừa đảo còn trắng trợn ghê gớm hơn, mọi màu sắc đều giả tạo, mọi cử động đều vờ vịt..."

Đời sống xã hội là một chuỗi dài những lừa lọc. Thứ nhất là đời sống chính trị. Chẳng hạn như những nhà ngoại giao của các cường quốc hay đế quốc. Cứ mỗi lần sửa soạn chiến tranh thì họ nói rất nhiều về hòa bình và tình giao hảo thân thiện giữa các nước. Ngoại trưởng của những cường quốc hay đế quốc bắt đầu bênh vực hoặc kêu gọi một hội nghị hòa bình có nghĩa là bên trong đã sẵn có một kế hoạch chiến tranh tàn bạo. Với chính trị lời nói tốt là để che việc làm tàn bạo.

Trong sinh hoạt thường nhật, cũng như trong sinh hoạt chính trị, Khổng Tử vẫn nói: "Sảo nhi hiếu độ tất công, dụng nhi hiếu độ tất thắng, trí nhi hiếu mưu tất thành" (Đã khéo rồi mà lại đo đạc cho cẩn thận thì việc phải tốt, đã dùng mà biết cùng người cộng tác thì phải thắng, đã trí mà lại nhiều mưu thì phải thành).

Phương pháp lập mưu cổ nhân đưa ra năm điểm căn bản:

a) Trước hết là quyết đoán. Mưu mà còn hoài nghi thì chẳng bao giờ thành.

Sự thắng lợi của César, chín mươi phần trăm chính là ở lúc vượt qua sông Rubicon. Lúc đến bên bờ sông, bỗng dưng César tự nhủ: Hay là thôi, ta còn đủ thì giờ để quyết định trở lại. Nhưng ông đã chận đứng ngay mọi ám ảnh có thể làm hại nghiệp lớn rồi mạnh dạn kéo quân lên cầu.

Trần Hưng Đạo Vương trở kiếm xuống sông mà thề: "Nếu không thắng giặc Nguyên quyết không trở về sông này nữa".

Chư quân dục Viên Thiệu đuổi đánh Đổng Trác (Tào Tháo?), Thiệu dùng dằng, chập sau nói thẳng con yêu của ta nó bị mắc bệnh lở ngứa, ta áy náy không yên, chi bằng hãy nán cuộc binh đao này lại cũng chẳng muộn gì.

b) Thứ nhì mưu quý là ở chỗ cần xét cho kỹ.

Lịch TỰ Cơ bày mưu xui Hán Cao Tổ trả lại đất cho các nước, rồi cho họ làm chư hầu. Trương Lương nghe tin nói lật đật chạy vào can.

Trương Lương quay ra bảo với Lịch TỰ Cơ rằng: Tiên sinh bày mưu đó mới chỉ biết một mà chưa biết hai.

Tào Tháo là con cáo già chính trị, thế mà trong đời ông nhiều lần phải nói câu: Nếu không được tiên sinh soi sáng thì quả nhân đã nhầm lớn.

c) Ba là thâm sâu:

Sự dĩ sảo thành, dĩ chuyết bại (việc thành nhờ lo toan khéo léo, bại vì vụng về). Trịnh Vũ Công muốn đánh nước Hồ nên đem con gái cho vua Hồ để vua Hồ tin. Rồi lại thiết triều mà hỏi quần thần rằng muốn dùng binh thì đánh nước nào. Có một vị tâu lên nước Hồ nên đánh. Vũ Công làm mặt giận mắng: Hồ là nước anh em mà người dám nói vậy sao. Mắng xong rồi lòi ra chém. Vài ngày sau quân Trịnh ồ ạt kéo vào diệt tan nước Hồ.

Đời Tống có người muốn trả thù một kẻ quyền cao chức trọng, bèn về nhà viết quyển dâm thư tuyệt tác, rồi đem tẩm thuốc độc vào từng trang vì đã biết thói quen của kẻ quyền thế kia lúc đọc sách hay nhắm nước bọt mà giở trang. Viết xong đem dâng cho kẻ thù đọc.

Mãi say mê với bút pháp và dâm tình, kẻ quyền thế kia không hay là mỗi lần nhắm nước bọt để sang trang là một lần đi dần đến cõi chết.

d) Bốn là chu đáo:

Ông Yết Tuyền Tử nói: "Hành kế vụ thực thi, vận sảo tất phòng tổn, lập mưu lự trung biến... Thử sách trở nhi hậu sách sinh, nhất đoan chí nhi sở đoan khởi. Bách kế điệp xuất, toàn vô, di sách". (Thi hành mưu kế là phải làm đâu ra đấy, phải đề phòng những tổn hại, lập

mưu phải lo những biến chuyển bất kỳ... Dù cho kế sách này bị trở ngại đã có ngay kế sách khác thế vào. Một tung ra có cả chục mưu kế tiếp.)

Đề thắng trận Xích Bích, Khổng Minh và Chu Du đã phải lập bao nhiêu mưu mẹo mới lừa được Tào Tháo. Giả mê ngủ để cho Tướng Cán vào tròng. Khổ nhục kế Hoàng Cái chịu đòn. Bởi sự ẩn hiện của Bàn Thống để mớm cho Tào Tháo xích thuyền mà đốt cho dễ.

Ấy vậy mà vẫn còn thiếu gió đông, đến nỗi làm cho Chu Du lo thành bệnh. Gia Cát lập đàn cầu phong.

e) Điểm tuyệt khó của mưu là hai chữ thích đáng.

Yết Tuyên Tử nói rằng: "Kế hữu khả chế ngu, bất khả chế trí, hữu khả chế trí bất khả chế ngu. Nhất dĩ kế vi kế, nhất dĩ bất kế vi kế. Duy kế chi chu, trí ngu tịnh chế. Giả trí giả nhi ngu, tức dĩ kế thi. Ngu giả nhi trí, tức dĩ trí đầu. Mỗi ngộ địch hồ sở kiến, phản hồ địch sở nghi, tác kế mịch bất thành hĩ. Cố kết tất nhân nhân nhi đầu." (kế là để chế ngu, có kế chỉ để chế ngu kẻ ngu mà không chế ngu được người trí, nhưng cũng có kế chế ngu được người trí mà không chế ngu được kẻ ngu. Kế dĩ nhiên là kế rồi, tuy nhiên có lúc không dùng kế mà chính là kế. Kế nào hết sức chu đáo thì mới mong chế ngu được cả hai người trí lẫn kẻ ngu. Trí bề mặt nhưng trong lòng ngu thì rất dễ mắc kế, kẻ ngu nhưng hay mưu mẹo phải dùng trí mà lừa. Cho nên dùng kế cần xét từng người.)

Khổng Minh chỉ còn ba ngàn quân trong thành, bỗng nghe thám báo hàng vạn quân Tư Mã Ý đến vây đánh. Ông ung dung sai người mở cổng thành, rồi sắp bàn rượu ngồi trên mặt thành gảy đàn. Tư Mã Ý mới trông cảnh tượng ấy, trong bụng nghi hoặc Khổng Minh có mưu gì nên vội cho quân rút lui. Thấy Tư Mã Ý rút rồi, Khổng Minh tức tốc đem quân chạy.

Giả thử Tư Mã Ý là Lã Bố, chắc Khổng Minh không dám dùng cái mưu nguy hiểm đó. Lã Mông xin Tôn Quyền cho Lục Tồn ra thay mình lãnh đạo Kinh châu là mưu lấy một người giỏi nhưng chưa tiếng tăm để lừa Vân Trường vốn là con người hiếu danh, giả thử Vân Trường là Tuân Úc hay Quách Gia những con người cẩn trọng thì cái mưu kia vô dụng.

Như vậy là mưu kế lừa được người trí mà không lừa được kẻ ngu và mưu kế lừa được kẻ ngu mà không lừa được người trí.

Trương Phi râu hùm vênh ngược, hai mắt trợn trừng, tay cầm xà mâu, cưỡi ngựa đứng sừng trên cầu. Lại thấy sau rừng có động, bụi bay mù mịt, quân Tào tưởng có quân mai phục, dừng ngay ngựa không dám tiến nữa. Các tướng Tào ai cũng sợ là mẹo Khổng Minh,

không dám tiến gần nữa và bày thành thế trận. Các tướng Tào đứng dàn hàng chữ nhất ở bên tây cầu, rồi sai ngựa bảo với Tào Tháo. Tháo nghe tin cũng lật đật chạy đến. Trương Phi trợn mắt tròn xoe trông thấy hậu quân có tán vóc vàng, mao viết (mao viết?) tinh kỳ, đoán biết Tào Tháo hoài nghi nên đến xem, Phi bèn hét lên một tiếng cực to rằng: ta là Trương Dực Đức đây, ai dám địch với ta nào. Tào Tháo thấy Trương Phi kiêu dũng thế có ý muốn rút lui. Như vậy là bắt kể vi kể.

Tam Quốc Chí diễn nghĩa kể: Năm Kiến Hưng thứ ba, ở Ích châu có tin báo rằng Man vương là Mạnh Hạoch khởi loạn đem mười vạn quân xâm nhập bờ cõi. Khổng Minh liền vội vã vào châu và tâu với Hậu chủ: Nay rợ phương Nam không phục là một họa lớn của nhà nước. Tôi xin lĩnh một đại quân đánh mới xong.

Giản Nghị đại phu Vương văn Nghị can nói: Phương Nam là xứ ma thiêng độc, cây cối không mọc được. Thừa tướng cầm quyền to nhà nước không nên đem thân vào đó. Vả lại bọn Mạnh Hạoch phản nghịch chẳng qua như bệnh đậu ghẻ mà thôi. Thừa tướng chỉ nên sai một đại tướng đi đánh chắc chắn cũng thành công.

Khổng Minh nói: Đất Nam xa cách, nhân dân còn man rợ, thu phục thật khó. Ta phải xuất thân ra đánh, nên cũng liệu cơ mà làm, không có khinh thường mà ủy thác cho người khác được.

.....

Lại nói về quân tàn đạo của Mạnh Hạoch là Úng Dĩ nghe tin Khổng Minh đem đại quân đến, liền cùng Cao Định, Chu Bao thương nghị chia quân làm ba đường. Cao Định ở giữa, bên tả là Úng Dĩ, bên hữu là Chu Bao, tất cả dẫn năm sáu vạn quân ra nghênh địch. Cao Định sai Ngạc Hóan làm tiền bộ tiên phong ra đón quân Thục.

Khi đại quân của Khổng Minh đã tiến đến địa phận Ích châu, Tiền bộ tiên phong là Ngụy Diên, phó tướng Trương Dực, Vương Bình vừa vào khỏi giới khẩu thì gặp quân Ngạc Hóan đến. Hai bên dàn trận, Ngụy Diên ra ngựa mắng rằng:

- Phản tặc kia, mau mau đầu hàng đi cho sớm.

Ngạc Hóan té ngựa lại đánh nhau với Ngụy Diên. Được vài hiệp, Diên giả thua chạy. Hóan đuổi theo, chừng được vài dặm, bỗng tiếng reo nổi dậy ầm ầm, Trương Dực, Vương Bình hai mặt đổ ra chặn mất đường về. Ba tướng hợp sức đánh đón về, bắt được Ngạc Hóan, giải về trại nộp Khổng Minh. Khổng Minh sai cởi trói, cho ăn uống tử tế, rồi hỏi rằng:

- Người là bộ tướng của ai?

Ngạc Hóan đáp: Tôi là bộ tướng của Cao Định.

Khổng Minh nói: Ta biết Cao Định là người trung nghĩa, nay vì Úng Dĩ xúi giục, mới đến nỗi thế. Ta tha cho mày về bảo Cao Định lại hàng, kéo mắc vạ to đấy.

Ngạc Hóan lay tạ lui ra, về ra mắt Cao Định, thuật lại chuyện Khổng Minh nhân đức và ngỏ ý cảm ân Khổng Minh biết ngần nào.

Hôm sau Úng Dĩ đến chơi trại Cao Định hỏi rằng: Ngạc Hóan làm sao về được thế?

Định nói: Đó là Gia Cát Lượng tha cho về.

Dĩ nói: Đây là mẹo của Gia Cát Lượng khiến cho chúng ta bất hòa với nhau đó. Cao Định trong bụng hồ nghi, chưa biết tin đường nào. Bỗng có tin Thục tướng đến khiêu chiến. Úng Dĩ dẫn ba vạn quân ra nghênh địch, đánh nhau chưa được vài hiệp, Dĩ đã quay đầu chạy mất. Diên dẫn quân đuổi đánh hai mươi dặm mới rút về.

Hôm sau Úng Dĩ lại dẫn quân đến. Khổng Minh ba hôm liền không cho quân ra. Đến hôm thứ tư, Úng Dĩ, Cao Định chia quân làm hai đường đến cướp trại Thục. Khổng Minh đã sai Ngụy Diên phục sẵn từ lâu. Quả nhiên, quân hai người kéo đến thì bị quân phục đổ ra giết mất quá nửa và bắt sống rất nhiều. Ngụy Diên giải cả về trại. Khổng Minh sai giam quân Úng Dĩ một bên, quân Cao Định một bên, rồi cho quân sỹ nói phao lên rằng: nói là người của Cao Định thì tha, còn người của Úng Dĩ thì giết sạch. Quân sỹ ai ai cũng nghe biết tin ấy cả. Một lát Khổng Minh cho đòi bên quân Úng Dĩ lên trưởng mà hỏi rằng: chúng bay là bộ hạ của ai? chúng nói dối rằng chúng tôi là bộ hạ của Cao Định.

Khổng Minh liền tha tội, lại cho ăn uống, rồi sai người đưa ra khỏi coi, tha về trại.

Khổng Minh lại cho đòi quân của Cao Định lên hỏi, thì chúng nói rằng: Chúng tôi mới thực là quân sỹ của Cao Định.

Khổng Minh cũng tha, cho cơm rượu ăn uống và bảo: Hôm nay Úng Dĩ có sai người đến đầu hàng muốn dâng đầu chủ chúng bay và đầu Chu Bao để lấy công, nhưng ta không nỡ thế. Chúng bay có phải bộ hạ của Cao Định thì tha cho về, không được làm phản nữa, nếu ta lại bắt được quyết không tha đâu.

Chúng cùng lay tạ ra đi, về đến trại nhà, thuật chuyện lại với Cao Định. Định liền sai người đến trại Úng Dĩ dò la xem sao, thấy quân Úng Dĩ được tha về, ai cũng có bụng cảm ân đức của Khổng Minh. Nhiều người muốn hàng theo Cao Định. Nhưng Cao Định vẫn chưa yên tâm lại sai người đến thám trại Khổng Minh xem hư thực thế nào, không ngờ bị quân canh bắt được đem nộp. Khổng Minh giả tảng không biết, cho là quân do thám của Úng Dĩ, mới gọi vào trưởng

hỏi rằng:

- Nguyên súy mày đã hứa đem nộp đầu Cao Định, Chu Bao, làm sao để lờ hện, không mang đến, thằng này lại sang đây do thám chi đây. Tên quân ấy nói hàm hồ cho xong việc. Khổng Minh đãi cơm rượu, rồi viết một bức thư, giao cho hấn và dặn rằng: Mày cầm giấy này về trao cho Úng Dĩ, bảo hấn làm mau đi, chớ để lờ. Tên quân lạy tạ trở về, ra mắt Cao Định trình tờ thư của Khổng Minh lên, Cao Định coi xong thư giận nói rằng: Ta thực lòng đãi nó, nó lại muốn hại ta, dung thứ sao được.

Lập tức gọi Ngạc Hóan lên thương nghị. Ngạc Hóan nói: Khổng Minh là người nhân đức ta làm phản không nên. Và lại việc làm phản là tại Úng Dĩ gây ra cả, chi bằng giết quách hấn đi về hàng Khổng Minh là hơn.

Định hỏi: Thế thì hạ thủ làm sao bây giờ?

Hóan nói: Chúa công làm mở tiệc rượu, mời Úng Dĩ đến chơi. Nếu hấn không có bụng gì tăt đi lại như thường. Nhược bằng không đến tăt là có bụng khác. Chúa công nên đem quân đánh mặt trước, tôi xin phục quân ở đường nhỏ mặt sau trại, thế nào cũng bắt sống được hấn. Cao Định nghe lời mở tiệc mời Úng Dĩ. Dĩ quả nhiên nghĩ lời quân sỹ tha về hôm trước, không dám đến.

Đêm hôm ấy, Cao Định dẫn quân kéo đến trại Úng Dĩ. Quân của Úng Dĩ được Khổng Minh tha về đều nhớ ơn Cao Định, liền thừa cơ kéo cả về giúp Cao Định. Quân sỹ chưa kịp đánh nhau đã chạy tán loạn. Dĩ vội vàng lên ngựa lèn ra đường sau núi. Đi chưa được vài dặm bỗng đâu tiếng trống nổi lên om sòm, một toán quân tràn ra, Ngạc Hóan cầm kích quát ngựa xông lên. Dĩ chưa kịp trở tay, đã bị Hóan đâm một nhát kích ngã lăn xuống ngựa, rồi chặt lấy đầu. Quân bộ hạ của Dĩ đầu hàng cả, Định dẫn hai toán quân đem đầu Dĩ lại hàng Khổng Minh. Khổng Minh ngồi trong trướng quát quân sỹ lòi Cao Định ra chém.

Cao Định kêu rằng: Tôi cảm ơn Thừa tướng nên đem đầu Úng Dĩ về hàng có sao lại chém?

Khổng Minh cười ồm lên nói rằng: Người định trá hàng che mắt ta ru?

Định nói: Thừa tướng lấy gì làm bằng mà cho tôi là trá hàng?

Khổng Minh mở trát lấy ra một phong thư, đưa cho và bảo rằng: Chu Bao đã sai người dâng hàng thư đến đây nói người với Úng Dĩ kết nghĩa sống chết với nhau, có lẽ đâu một chốc mà người nữ giết hấn, cho nên ta biết người đến trá hàng.

Định kêu lên rằng: Chu Bao nó làm kế phản gián đấy, Thừa tướng

chớ có tin.

Khổng Minh nói: Ta cũng chưa vội tin ngay một mảnh thư đâu, nhưng người có bắt được nốt Chu Bao thì ta mới coi làm thực.

Định nói: Thừa tướng chớ nghi, để tôi xin bắt nốt Chu Bao lại nộp có được không?

Như vậy là ngu giả nhi trí tức dĩ chí đầu và bách kế điệp xuất. (Kế họ theo kế kia mà tiếp nối).

Vận dụng mưu lược

Sự vận dụng mưu lược biến hóa khôn lường, nó thay đổi theo từng người từng việc, từng nơi từng lúc. Tuy nhiên cũng có thể khái quát vào mấy nguyên tắc sau đây:

1) Giữ bí mật: Ông Quỷ Cốc Tử nói: "Thánh nhân chi đạo tại ẩn giữ nặc" (đạo của ông thánh là ẩn mật). Yết Tuyền Tử nói: "Mưu thành ư mật, hại ư tiết, tam quân chi sự mạc trọng ư mật" (mưu thành là do kín đáo, bại là do tiết lộ, việc binh không gì trọng bằng bí mật). Cơ sở của mưu lược là bí mật cho nên Hòa Nam Tử mới viết trong thiên Binh lược huấn rằng: "Binh quý mưu chi bất trắc dã, hình chi ẩn nặc dã xuất ư bất ý, bất khả dĩ thiết bị dã. Mưu kiến tắc cùng, hình kiến tắc chế. Cố thiện dụng binh giả, thượng ẩn chi thiên, hạ ẩn chi địa, ẩn chi ư nhân". (Mưu quý là ở chỗ bất trắc, không lộ hình tích để có thể bất kỳ đánh tới làm địch không liệu được. Để lộ hình thì mưu cùng. Cho nên người giỏi việc binh tất phải giỏi về phép ẩn).

Làm chính trị cũng chỉ có một chữ ẩn đứng đầu, hãy giấu kỹ lược lượng của ta, ý muốn của ta, sở trường sở đoản của ta, như thế cổ nhân gọi là thượng thiện.

Trong bất cứ biến động lịch sử nào kẻ thắng là kẻ giữ được bí mật của mình và biết nhiều bí mật của đối thủ. Fouché thắng Robespierre chỉ trên trận tuyến này, cả hai đều thông minh và giỏi chính trị.

Nhưng Robespierre đã kém Fouché về mười năm làm giáo học trường nhà dòng. Mười năm ấy, Fouché phải chịu những quy luật của trường rất khát khe, khắc khổ thâm lặng và tối tăm. Nhờ không khí ngột ngạt mà Fouché đã tìm đến một cái học trên hẳn

Robespierre là: kỹ thuật im lặng - một nghệ thuật ngụ trang - thâm kín và tự chủ để quan sát - biết đến sâu kín tâm hồn con người.

Fouché hơn Robespierre ở chỗ suốt đời Fouché không ai có thể nhận thấy dù một lần ông ta biến sắc mặt, mừng vui hay hờn giận, hãi sợ hay lo âu, những đường gân trên mặt Fouché hoàn toàn do tâm não ông ta định đoạt, bộ mặt Fouché chẳng khác nào bức tường cao và dày của một nhà tu kín.

Cũng như Trotsky thua Staline sau này chính cũng bởi tại Staline

nắm được toàn bộ kế sách của Trotsky. Trotsky xử dụng lại bài học tháng Mười 1917 tức là phương pháp tổng khởi nghĩa bằng cách lựa ra một đạo quân kiên quyết chiếm trọn các cơ sở trọng yếu để làm tê liệt bộ máy chính quyền. Staline biết thế nên cũng tung người của mình chực sẵn ở những nơi đó bắt trọn tất cả những người của Trotsky. Khoảng ba giờ sau Trotsky mới biết kế hoạch của mình hoàn toàn thất bại.

Nói về sự kiện lịch sử trên, nhà văn Malaparte có những nhận định: Sức mạnh của Staline (một người kém xa Trotsky về học vấn) là tính nhẫn nại lạnh lùng. Staline như một con thú rình mồi, lặng lẽ theo dõi tất cả những hành động vội vã, sôi nổi của Trotsky bằng những bước nặng nề chắc nịch và chậm chạp của một anh chàng nông dân. Staline kín như miệng bình, lạnh như miếng thép, còn Trotsky thì kiêu hãnh, bồn chồn nung nấu với quá nhiều tham vọng.

2) Vận dụng mâu thuẫn: "Tam Quốc chí diễn nghĩa" hồi thứ 13 có đoạn:

Hiển Đế khóc nói rằng: Trẫm bị hai thằng giặc ấy khinh nhờn đã lâu. Nếu giết được thì may lắm.

Dương Bưu tâu: Tôi có một mẹo, trước làm cho hai đứa tự tàn hại lẫn nhau rồi sau mới mời Tào Tháo đem binh vào giết sạch lũ giặc, yên triều đình.

Hiển Đế hỏi: Kế ấy là gì?

Bưu tâu: Tôi nghe vợ Quách Dĩ rất hay ghen, sai người đi lại với vợ nó, dùng kế phản gián, hai thằng giặc ấy tất giết lẫn nhau.

Vua liền viết tờ mật chiếu, đưa cho Dương Bưu, sai Bưu thi hành kế ấy.

Bưu lập tức sai vợ, lấy cớ có việc đến phủ Quách Dĩ, nhân dịp bảo vợ Dĩ rằng: Tôi nghe Quách tướng quân thường cùng với phu nhân Lý Tư Mã có tư tình với nhau, tình thân mật lắm, nếu quan Tư Mã biết chuyện tất bị tai vạ. Phu nhân nên giữ gìn đừng cho đi lại nữa là hơn.

Vợ Dĩ đem lòng ngờ ngay chồng, nói: Thảo nào đêm ấy nhà tôi không về, chẳng hóa ra đi làm việc vô sĩ đó. Giá phu nhân không nói thì tôi không biết, để từ nay tôi xin giữ gìn.

Vợ Bưu từ giã về. Vợ Dĩ ra tiễn, hai ba lần tạ ơn rồi mới trở vào.

Được vài ngày, Quách Dĩ lại sắp sang nhà Lý Thôi ăn yến. Vợ Dĩ ngăn nói rằng: Lý Thôi là người bất trắc lắm, vả lại thời nay người anh hùng không chắc đứng lâu được với nhau. Phu quân sang bên ấy, ví dụ trong khi ăn uống, Lý Thôi đánh thuốc độc, thiếp làm thế nào?

Quách Dĩ nhất định không nghe. Vợ hai ba lần ngăn cản. Buổi chiều Lý Thôi sai người đem biếu một mâm rượu. Vợ Dĩ bỏ thuốc độc vào đồ ăn rồi mới bung vào cho chồng. Dĩ định ăn ngay thì vợ can lại nói: Đồ ăn ở ngoài đưa lại, không nên ăn ngay. Nói rồi đem đổ một ít cho chó ăn thử. Chó ăn chết liền.

Từ đấy Quách Dĩ bắt đầu ngờ Lý Thôi.

Một hôm tan chầu, Lý Thôi lại mời Quách Dĩ về nhà uống rượu. Dĩ cũng đến. Tàn tiệc, Dĩ say mới trở về. Ngẫu nhiên đêm hôm ấy đau bụng. Vợ thấy vậy mới nói: Thôi lại ăn phải thuốc độc rồi!

Nói rồi đem nước giải độc cho uống. Dĩ uống xong thổ ra hết đồ ăn, thì khỏi đau bụng. Dĩ giận lắm nói rằng: Ta với Lý Thôi cùng toan việc lớn với nhau, nay bỗng dưng muốn hại ta. Ta không liệu trước tất mắc tay nó.

Liên sửa soạn giáp binh bản bộ đi đánh Lý Thôi. Có người báo với Lý Thôi, Thôi nổi giận nói rằng: Quách Dĩ sao dám thế. Cũng đem giáp binh bản bộ lại đánh.

Xã hội do mâu thuẫn xung đột mà biến hóa. Làm chính trị dựa vào mâu thuẫn làm đòn bẩy để thay đổi thời và tạo thế lực. Chưa thấy mâu thuẫn phát hiện thì phải tìm cách phát hiện mâu thuẫn. Mâu thuẫn chưa có thì phải chế tạo mâu thuẫn.

Trong nội chiến Quốc-Cộng bên Tàu, trận tuyến mâu thuẫn rất rộng lớn và đã được Cộng sản khai thác triệt để. Tất cả bộ máy tuyên truyền của Cộng sản được động viên để dùng vào kế hoạch chế tạo mâu thuẫn.

Tỷ dụ: đối với hàng ngũ Quốc Dân đảng, Cộng sản phân định ra nhiều thành phần, nào thành phần ngoan cố, thành phần tứ đại gia (Tưởng, Tống, Khổng, Trần), thành phần khai minh, thành phần tiến bộ

Đối với giai cấp tư bản, Cộng sản chia ra nào là: cường hào, quan liêu, tư bản, giai cấp đại tư bản, giai cấp tư sản dân tộc.

Đối với nông dân Cộng sản chia ra nào là: địa chủ, phú nông, trung nông, bần nông, cố nông.

Đối với trí thức Cộng sản hô danh từng phần tử bằng những danh từ khác nhau như: phần tử dân chủ, phần tử tiến bộ, phần tử bảo thủ, phần tử lạc hậu.

Sau đó Cộng sản mới chế tạo mâu thuẫn suốt lượt từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, địa chủ xung đột với phú nông, trung nông oán ghét phú nông, bần cố, thù hận địa chủ. Phe tứ hào trong nội bộ đảng quốc dân xung đột với phe khai minh tiến bộ v.v... Phần tử dân chủ đã kích phần tử lạc hậu bảo thủ.

Cùng lúc ấy Cộng sản lại mở ra một màn lưới trận tuyến thống nhất là kháng Nhật, thống nhất chiến tuyến để thu về một mối mà cô lập kẻ thù chính.

Cộng sản gọi chung đường lối trên là phân hợp chiến lược.

Chiến lược phân hợp ấy như sau:

Phân gồm có nhiều hình thức: phân hóa, phân tán, phân ly, phân cách, phân liệt, phân băng.

Hợp cũng có nhiều hình thức: liên hợp, kết hợp, đòai hợp, tập hợp, củ hợp, đoàn kết, hợp tác.

Cùng nhằm vào mục tiêu phân chia kẻ thù làm cho lực lượng đối phương yếu đi và tập trung lực lượng để cho mạnh lên. Nhưng mọi hình thức phức tạp kể trên lại có những tác dụng khác nhau và mỗi hình thức trên là một chiến thuật tinh vi đã được nghiên cứu kỹ càng.

3) Thuận phản: Thang đánh vua Kiệt, nhưng sợ người đời chê mình tham lam không phục, nên Thang lập mưu nhường thiên hạ cho Quang Vũ. Nhưng lại sợ Quang Vũ nhận nên sai người đến nói với Quang Vũ rằng: Thang giết vua mà lại muốn đổ tiếng ác cho ông bằng cách nhường thiên hạ cho ông đấy. Quang Vũ hoảng sợ không nhận rồi nhảy xuống sông chết. Như thế gọi là thuận phản. Thủ đoạn này mang nhiều tính chất Đông phương. Nó bắt nguồn từ triết lý của Bão Tử: "Thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn, phi kỳ vô tư gia? Cố năng thành kỳ tư." (Thánh nhân thường đặt thân mình ở sau người để rồi mà lại ở trước người. Không nghĩ tới thân mình để thân mình tồn tại. Làm điều vô tư để thành cái tư.) Thủ đoạn thuận phản rất kỳ diệu. Nếu nhìn không kỹ người ta có thể bảo nó là những gì không tưởng, mơ hồ. Tỷ dụ Quý Cốc Tử nói: "Dục cao phản hạ, dục thủ phản dĩ" (muốn lên cao nên xuống thấp, muốn lấy thì nên cho) nhưng xin đọc giả hãy đọc tiếp: giỏi dùng thuận phản thì lấy lùi làm tiến, lấy thủ làm công, lấy nhỏ làm lớn, lấy thấp làm cao, lấy cong làm thẳng, lấy nhục làm vinh, lấy âm làm dương, v.v... thì nguyên tắc thuận phản sẽ dần dần hiển hiện tính chất kỳ diệu của nó.

Koutouzov ra lệnh cho toàn thể quân đội rút lui để cho Nã Phá Luân tiến vào nước Nga. Lệnh của ông được mọi người đón nhận với nụ cười mỉa mai cho là sỉ nhục. Rồi mùa đông tới, quân Nã Phá Luân vì tiến mau quá mà không có củng cố nên sa lầy. Koutouzov hạ lệnh phản công toàn thắng. Thế chẳng là lấy nhục làm vinh, lấy thoái làm tiến đó sao.

Mao Trạch Đông bị Quốc quân đuổi ra khỏi sào huyệt Thụy kim ở phía Nam. Quân Mao phải chạy ngược lên phía Bắc để đến Diên an,

mà sau này Cộng sản mệnh danh cuộc đi vĩ đại đó là vận lý trường chinh. Sở dĩ Cộng sản có đủ tư cách để gọi là trường chinh, nhờ biết áp dụng tài tình nguyên tắc thuận phản. Phe Mao, Chu không chạy dài, trái lại họ đã lợi dụng tình thế tuyệt vọng này bằng cách suốt dọc đường Nam lên Bắc, hễ cứ nghỉ ngơi chỗ nào là đánh chiếm chỗ ấy, rồi thực hiện cải cách ruộng đất để tuyên truyền. Khi nào phe Quốc Dân đảng tới lại chạy, nhưng dù sao họ cũng lưu lại nơi vừa chạy những vết tích sâu đậm của chủ nghĩa. Bởi thế nên tổng kết cuộc hành trình từ Thụy kim lên Diên an, người ta có thể nói thua về quân sự nhưng thắng về chính trị.

Khoảng 1946, Tưởng Giới Thạch mở cuộc tấn công quy mô vào sào huyệt Cộng sản. Tưởng gọi là Bắc phạt. Nhưng việc làm của Tưởng không được dân chúng ủng hộ, vì cuộc kháng chiến vừa xong dân chúng còn đang hãi hùng với chiến tranh. Nay lại nghe thấy Tưởng phát động chiến tranh nên toàn dân sôi nổi công kích họ Tưởng, khiến cho uy tín của họ Tưởng giảm sút nhiều lắm. Phản đối biến thành bạo động khắp nơi.

4) Bạn thù: Khi Mao Trạch Đông đánh nhau với Tưởng Giới Thạch, ông có đề ra tám sách lược, đó là:

- a) Quan điểm trường kỳ.
- b) Vũ trang đấu tranh.
- c) Căn cứ địa nông thôn.
- d) Công tác nông dân.
- e) Vận động quần chúng thành thị.
- f) Công tác binh vận.
- g) Chiến tuyến thống nhất.
- h) Công tác đặc vụ.

Tám sách lược trên này, trong có sách lược chiến tuyến thống nhất rất quan trọng đối với nguyên tắc sách ứng bạn thù và là một khâu chính của chiến tranh chính trị. Sách ứng bạn thù là đấu trí nặng hơn đấu lực. Không dùng máu mà dùng mưu, không đánh mà hóa. Hóa cái hữu dụng của đối phương thành vô dụng. Hóa thế đa số của đối phương thành thiểu số. Hóa sở trường của đối phương thành sở đoản. Hóa lực lượng của đối phương thành lực lượng của ta.

Vương Doãn dùng kế mỹ nhân để biến Lã Bố đang là thù của đám triều thần ra thù của Đổng Trác.

Fouché âm thầm dệt mạng lưới để cô lập Robespierre mà hạ thủ.

Hitler ký hòa ước với Nga để khỏi lo về mặt Đông cho rảnh tay giải quyết mặt Tây. Nga sơ ký hòa ước với Đức để tranh thủ thời gian làm ổn định tình hình nội bộ.

Chính sách viễn giao cận công của Trương Nghi giúp cho Tần thành công việc thống nhất.

Thiện biến và minh biến

Thời chiến quốc thần tử nước Tề là Trương Sửu bị bắt ở nước Yên (Yên vương?) muốn giết Sửu nhưng Sửu trốn thoát. Chạy đến biên cảnh nước Yên lại bị tên tiểu lại ở biên cương bắt được. Trương Sửu mới nghĩ ra một kế, bèn ghé tai nói nhỏ với tên tiểu lại kia rằng: "Vua Yên muốn giết tôi là vì có người bảo tôi có giấu viên ngọc bích rất quý, vua hỏi ngọc, tôi lấy đâu ra mà dâng. Vua không tin, tra khảo, tôi nhận liều là đã nuốt vào trong bụng rồi, vua bèn sai mổ bụng tôi để lấy may tôi trốn được. Bây giờ nếu ngài không tha tôi thì khi bị giải trước mặt Yên vương tôi sẽ khai là đưa ngọc bích cho ngài và ngài cũng nuốt vào bụng rồi".

Tên tiểu lại nghe xong sợ hãi lắm bèn tha cho Trương Sửu đi thoát. Như vậy gọi là phép thiện biến (hay biến hóa).

Kinh Dịch viết: "Cùng tắc biến, biến tắc thông". Sự vật biến đổi không ngừng, con người sống trong xã hội mà không hiểu cái lẽ thường biến tất sẽ lâm vào thế cùng. Dùng mưu mà không biết biến mưu tất mưu cùng.

Thời đại trôi đi một cách vô tình, lịch sử tàn bạo lạnh lùng, nó tiến theo con đường cần thiết của nó. Loạn Thập nhị Sứ quân lịch sử đòi hỏi một lực lượng đứng lên thống nhất và người thống nhất nó được gọi là Vạn Thắng Vương, đó là bước đi không thể không có được. Tuy nhiên trong sự đòi hỏi không tránh được của lịch sử vẫn mở cho muôn ngàn lối khác nhau.

Đấu tranh chính trị là vận động mưu lược để biến tất cả những điều kiện khách quan của lịch sử, của tình thế thành ra những cơ hội cho đảng, đó là điều mà Lênine luôn luôn nhắc nhở đảng viên của đảng ông.

Như vậy đấu tranh chính trị thành bại tùy thuộc vào hai chữ thiện biến.

Sau bữa uống rượu luận anh hùng với Tào Tháo, biết Tào Tháo nghi mình nên Lưu Bị rất hãi sợ. Vừa lúc có xảy ra việc Công Tôn Toàn bị Viên Thuật đánh bại. Lưu Bị mới chạy ngay vào xin với Tào cho mình cử binh đi đánh Viên Thuật. Đó là cái mưu biến của Lưu Bị như Bị đã nghĩ hôm trước: Ta không nhân dịp tìm kế thoát thân còn đợi đến bao giờ? Tào Tháo thấy Lưu Bị xin như vậy, bằng lòng cho.

Huyền Đức về nhà trọ, suốt đêm thu xếp khí giới và ngựa chiến đeo ấn tướng quân, đốc thúc để đi cho chóng. Quan Công, Trương Phi mới hỏi: Sao phen này anh đi vội vàng thế? Lưu Bị đáp: Ta ở Hứa đô

như chim lồng cá lưới, chuyến này được đi như cá vào bể lớn, chim lên mây xanh, không bị giam hãm trong lồng lưới nữa.

Bấy giờ Trình Dục và Quách Gia đi khám xét tiền lương vừa về, nghe thấy Tào Tháo đã sai Lưu Bị đem binh sang Từ châu, vội vàng vào bẩm rằng: Sao thừa tướng sai Lưu Bị đi đốc binh?

Tháo đáp: Cho ra để chặn đường Viên Thuật. Dục nói: lúc Lưu Bị giữ chức mục ở Dự châu chúng tôi đã xin thừa tướng giết đi thừa tướng không nghe, nay lại cho đi cầm quân, thế là thả rông xuống bể, đuổi hổ về rừng, sau này muốn trừ đi còn làm sao được nữa? Quách Gia nói: nếu thừa tướng không giết Lưu Bị cũng chớ nên sai đi ra ngoài. Cổ nhân dạy: một ngày thả giặc để lo muôn đời. Xin thừa tướng nghĩ lại.

Đầu năm 1947, toàn thể học sinh khắp nước Trung Hoa xuống đường với những biểu ngữ: Đả đảo chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Quân Mỹ rút đi. Học sinh, sinh viên phấn uất về vụ một nữ sinh viên bị lính Mỹ cưỡng hiếp. Các sử gia gọi đó là vụ Trầm Sùng, nữ sinh viên kia là Trầm Sùng. Sự thực đây là một vụ cưỡng hiếp có tổ chức khéo léo để nhân cơ hội ấy mà Cộng sản biến thành phong trào bài Mỹ. Trầm Sùng là một nữ đảng viên đảng Cộng sản. Theo bản điều tra của nhà đương cục lúc ấy thì chính Trầm Sùng đêm Réveillon đã mời một lính Mỹ đến với cô và anh Mỹ say rượu ngờ nghếch kia đã mắc vào tròng.

Hòai Nam Tử nói:

"Thánh nhân giả, năng âm năng dương, năng nhược năng cường tùy thời nhi động tĩnh, nhân tự nhi lập công. Vật động nhi tri kỷ phản. Sự mạnh nhi sát kỳ biến. Hóa tắc vị chi tượng, vận tắc vị chi ứng. Thị dĩ chung chi nhi vô sở khốn".

(Bậc thánh nhân, lúc ẩn lúc hiện, lúc tỏ ra yếu lúc làm ra mạnh tùy theo thời mà hành động. Xét vốn mà gây lời. Lúc biến động nhìn thấy ngay những mối mâu thuẫn, sự việc vừa nhô lên biết ngay đến những biến hóa để nhân hình tượng của biến hóa mà vận dụng mưu cho thích ứng).

Nước Ngụy đem quân đánh nước Hàn, Hàn cầu cứu nước Tề. Tề Uy Vương hội họp quần thần lại hỏi: nên cứu sớm hay cứu muộn? Mưu thần Thành Hào thưa: sớm hay muộn gì cũng chẳng bằng không cứu.

Mưu thần Điền Kỳ nói: nếu không thì Hàn rơi vào tay Ngụy?

Tôn Tấn bây giờ mới chậm rãi nói: nếu bên Hàn khi Ngụy chưa đánh mà đã cứu nguy thì là ta thay Hàn mà chịu đòn với Ngụy. Ta kết thân với Hàn để chọc cho Ngụy muốn phá Hàn quốc. tất nhiên

Hàn quốc càng thấy cần phải đi với ta, bây giờ Ngụy mệt rồi, ta đem quân cứu Hàn tất phải thắng. Như vậy được cả lợi lẫn danh. Như vậy là minh biến.

Thừa thế và nắm cơ hội

Chu Vũ Vương sai người đi quan sát động tĩnh của triều đình vua Trụ. Người quan sát trở về báo: Triều đình nhà Thương đã loạn rồi.

Vũ Vương hỏi: Loạn đến trình độ nào? Người quan sát đáp: Người tốt không thấy mà người xấu đầy đường. Vũ Vương nói: Vẫn chưa phải là thời cơ đã đến.

Người quan sát lại đi sang nước Thương, ít lâu sau về báo: Thương triều càng loạn. Vũ Vương hỏi: Loạn như thế nào? Người quan sát đáp: Các người hiền đức phải bỏ trốn. Vũ Vương nói: Vẫn chưa phải là thời cơ đã đến.

Người quan sát đành phải quay sang nước Thương một lần nữa. Ít lâu sau về báo rằng: Thương triều loạn lớn rồi. Vũ Vương hỏi: Loạn đến mức nào? Người quan sát đáp: Dân chúng oán ghét thâm gan tím ruột mà không ai dám hé răng. Vũ Vương vỗ tay cười nói: Đã đến lúc rồi đó.

Chu Vũ Vương đến tìm ông Lã Thái Công bàn mưu phạt Trụ. Thái Công bàn: Tiểu nhân đầy đường thì nhân mạng rẻ rúng, người hiền trốn chạy thì cương kỷ bắt đầu vỡ, dân oán mà không dám oán dám than, là chính trị hà khắc đã quá mức, ta đem binh mà đánh tất sẽ thắng lớn.

Chu Vũ Vương điếm trên hơn ba ngàn quân tinh nhuệ, tiến đánh nhà Thương, thế như gió bão, vài ngày bắt giết được vua Trụ tiêu diệt nhà Thương.

Kinh Dịch dạy "Thời thừa lục long nhi ngụy thiên" (thời đến thì cưỡi sáu con rồng mà ngụy trị cõi trời) nắm được cơ hội, thừa thế chỉ cần làm vừa phải cũng gây được công to. Lão Tử nói: "Mạt triệu dị mưu" (điểm mạt hiện lên thì dễ đánh).

Trung cộng chiếm Trung Hoa lục địa nhanh như cuộn đất để tiến, chẳng phải vì tài quân sự của Cộng sản giỏi mà vì thừa được thế. Cái thế tương tự như cái thế của Chu Vũ Vương hưng binh phạt Trụ. Thế nào là cơ?

Điểm chuyển biến của việc, chỗ giao điểm của tình thế, lúc khẩn trương, gọi là cơ. Yết Tuyên Tử nói:

"Hữu mục tiền tức thị cơ, chuyển thuận tức phi cơ dã, hữu thừa chi tức vi cơ, thất chi tức vô cơ dã. Mưu chi nghi thâm, tàng chi nghi mật, dịch ư thức, lợi ư quyết." (Trông thấy ở trước mắt đấy là cơ, chớp mắt bỏ qua đi thì đấy không phải là cơ nữa. Có thể thừa thế được gọi

là cơ, không thể thừa thế được hoặc bỏ lỡ đi thế là thất cơ. Đứng trước thời cơ phải mưu cho sâu, giữ cho kín, nhận cho tinh, rồi hành động quyết liệt).

Thế nào là thừa thế?

Nhân một lợi điểm chế tạo ra quyền là thừa thế. Thừa được thế khác nào như người lăn khối đá tròn từ trên đỉnh núi cao xuống.

Năm 1799 là năm thứ ba mà cuộc cách mạng Pháp đi vào chỗ đổ vỡ và hỗn loạn, con người chán nản và mệt nhọc vì những vụ chém giết lẫn nhau và những cuộc vui sa đọa. Thối nát, nghèo đói bắt đầu xuất hiện. Cơ quan chấp chính Directoire bị dân chúng báng nhạo khinh rẻ. Sở dĩ cơ cấu này còn đứng vững được chính là vì nước Pháp chỉ muốn yên thân. Sau khi đã áp ủ quá nhiều mộng ảo và sau nhiều lần vỡ mộng giờ đây nước Pháp cần nghỉ ngơi. Chính quyền Directoire yếu quá không đủ sức đem lại những gì dân chúng đòi hỏi, thủ đô tương đối còn yên tĩnh chút ít, nhưng các tỉnh khác thì quá tệ. Hơn lúc nào hết nước Pháp cần mong có một vị lãnh tụ, một người hùng. Đồi lúc người ta đã nghĩ đến dòng dõi của chế độ quân chủ chuyên chính là Louis XVIII. Nhưng không thể xong được các tay tổ cách mạng sợ hãi bị trả thù nên quyết sống mái với dòng dõi này. Tuy nhiên cũng phải tìm ra giải pháp. Đúng lúc ấy thì một tiếng sét nổ trên trời: tin Bonaparte bất thần trở về Pháp. Nghe tin ấy Sieyes nói: chúng ta đang cần một thanh gươm báu, đó là Bonaparte. Tin này vang dội khắp Paris. Bonaparte đi đến đâu đều được thiên hạ chào đón nồng nhiệt. Trong thâm tâm mọi người đều nhận thấy chuyển về của Bonaparte là cơ hội cứu vớt nền Cộng hòa và thể chế dân chủ. Ngay chiều hôm tin loan ra, tướng Moreau mỉm cười nói với Sieyes rằng: Ban ngày ông ta đứng đón nhận những nghi lễ và tưng chiêu lệ, nhưng đêm xuống thì bắt đầu cuộc đấu tranh gay go hơn với mọi quỷ kế, thủ đoạn.

Thoạt tiên Bonaparte tìm đến Barras đưa ra đề nghị ông sẽ dùng quân đội làm cuộc đảo chính để đòi hỏi sửa đổi bản hiến pháp. Hiến pháp mới, Barras sẽ được nắm trọn quyền hành pháp còn Bonaparte thì nắm quân đội. Barras thừa hiểu, một khi Bonaparte nắm xong quân đội rồi thì quyền hành pháp của mình còn nghĩa lý gì nữa, nên Barras từ chối. Thất vọng với Barras, Bonaparte tới ve vãn Gohier, nhưng cũng không đem đến kết quả nào khả quan hơn. Chỉ còn lại một mình Sieyes, mặc dầu không ưa Sieyes lắm, nhưng chẳng làm thế nào hơn. Bonaparte nhờ Talleyrand thu xếp cuộc gặp gỡ giữa ông và Sieyes, Sieyes thỏa thuận thảo tờ hiến pháp mới. Được một trong đám người vai vế của Directoire cùng âm mưu rồi, bây giờ

Bonaparte còn bốn trở ngại lớn lao nữa phải vượt qua:

- 1) Sự đồng lõa của bộ trưởng cảnh sát công an.
- 2) Barras không ngăn trở, Barras đứng trung lập.
- 3) Những phương tiện tài chánh quan trọng.
- 4) Sự ủng hộ của quân đội.

Fouché con người trầm lặng và thủ đoạn nhất lúc đó không bị Bonaparte thuyết phục, ông đã nhìn thấy rõ tình thế và tự ý ủng hộ Bonaparte. Chính Fouché đã khuyến khích Bonaparte phải hành động gấp, thứ nhất là thỏa hiệp với Barras.

Bonaparte đi cùng với Fouché đến Barras. Chỉ một cái lắc đầu của Barras là công việc thất bại. Nhưng trước Fouché, con nhen độc nguy hiểm với mạng lưới khắp nơi, Barras cảm thấy chán ngấy những cố gắng đương đầu quá ư gay gắt. Barras đành khuất phục và đặt điều kiện bảo đảm lợi thế cho mình và bốn triệu đồng tiền vàng (giá bằng 40 triệu quan nặng) số tiền này do nhà tài phiệt Collot ứng ra.

Còn trở ngại lớn nhất là quân đội. Nói chung toàn thể quân đội không phản đối việc làm của Bonaparte nhưng tâm lý không phản đối ấy có nhiều điểm phức tạp như họ lo nền Cộng hòa có thể đổ vỡ, họ là quân đội, họ muốn trung thành với chế độ. Trong khi ấy bộ trưởng chiến tranh Crancé thì nhất quyết chống lại bất cứ một cuộc đảo chánh nào. Crancé đem việc làm của Bonaparte tố cáo với Gohier và Moulin (hai nhân vật quan trọng của Directoire). Vì quá mệt mỏi Gohier và Moulin không coi lời của Crancé là quan trọng lắm, hai ông đờn bằng chứng. Crancé liền gửi mật báo viên của ông đến nhưng tên mật báo viên khi thấy việc làm trở nên to chuyện, sợ hãi chùn lại đến thú thật với Fouché. Fouché cho giam chặt tên này luôn. Crancé chịu thua.

Và cứ thuận buồm xuôi gió như vậy Bonaparte nhảy vào nắm toàn bộ chính quyền nước Pháp, bằng một kỹ thuật đảo chính mới nhất mà lịch sử ghi là ngày 19 Brumaire. Mặc dầu ngày đó có nhiều sơ hở, về phần Sieyes cũng như về phần Bonaparte, nhưng vẫn có Napoléon Đại đế ra đời bởi vì nhu yếu lịch sử đòi hỏi. Vì là một cái thế không thể khác hơn được nữa.

Trước ngày 19 Brumaire, Bonaparte chỉ là một anh quân nhân thuần túy, Bonaparte thắng vì đã thừa được thế lại có thêm Fouché bên cạnh để dạy mình nắm cơ hội. Sau ngày 19 Brumaire người ta thấy cuốn sách gối đầu giường của Bonaparte là những trước tác của Machiavel. Chính Bonaparte đã sai vị công thần của mình là Charles Phillips Toussaint dịch cuốn *Le Prince* và xuất bản vào năm 1799.

Thủ đoạn chính trị

Chương 5

Chính trị không phải là giấc mơ hoa trong chuyện thần tiên mà là một thực tế tàn nhẫn.

*If you happen to be in power,
don't think you are so almighty*
SUHARTO

Thái độ có cả hay là không có gì không phải là thái độ chính trị đúng. Mỗi giai đoạn chỉ có một khả năng thực hiện hạn chế. Mỗi giai đoạn cần một nỗ lực để thêm khả năng cho giai đoạn sau. Không Minh muốn Kinh châu làm bàn đạp lấy Ba thực, không có Kinh châu Lưu Bị không thể xưng vương đất Thục.

Mọi biện pháp chính trị đều xây dựng trên nguyên tắc từ dễ đến khó, từ nhỏ đến lớn, và tìm cho ra khía cạnh thuận lợi của chương ngại để vượt qua.

Mọi sự việc nút kết khó khăn nói khái quát bao giờ cũng có ba loại: thứ nhất: Tất cả những gì thuộc vấn đề nhân sự;

thứ hai: Tất cả những gì thuộc về vấn đề nhân lực vật lực;

thứ ba: Tất cả những gì thuộc vấn đề điều kiện khách quan.

Đối với vấn đề nhân sự, phương pháp giải quyết là tiêu diệt những phân tranh nội bộ, những thành kiến và xây dựng một lãnh đạo quyền vững chãi. Những khẩu hiệu chính trị ta thường nghe thấy như: chấn áp phần tử phản cách mạng đoàn kết, phê bình và đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn để tiến tới đoàn kết trên cơ sở mới, hết thảy đều là những biện pháp nhằm giải quyết vấn đề nhân sự.

Đối với vấn đề nhân lực vật lực, phương pháp giải quyết là thu thập ít sau nhiều. Đảng cách mạng nào lúc đầu cũng chỉ có năm mươi người, sau mới thành ngàn vạn người. Đám cháy lớn nào cũng khởi sự bằng ngọn lửa không to hơn ngọn lửa trên đầu que diêm.

Đối với vấn đề điều kiện khách quan, phương pháp giải quyết là xây dựng khả năng đấu tranh căn cứ vào hoàn cảnh hiện thực. Phải thận trọng quan sát những triều nước lớn và nước rút xuống của lịch sử.

Biết biến cơ hội thành sự thực, nhưng cũng biết ngừng ở đâu.

Nói về quy luật nhượng bộ

Dostoevsky viết trong cuốn Nhật ký của một nhà văn:

... Bạn bước xuống một ga tỉnh nhỏ và ngẫu nhiên được nghe tin

chiến sự loan báo có hơn mười ngàn người chết, điện tín vừa loan báo xong. Rồi bạn lại trông thấy một chàng trai trẻ với nét mặt say sưa không phải anh ta hoan hỉ vì số tử nạn nhưng vì anh ta say sưa vì lý tưởng cao siêu, anh ta thành khẩn kêu gọi: hỡi các người ngoan đạo, cuộc đời rồi cũng hủy diệt, tất cả đều hủy diệt.

Bạn hãy nhìn kỹ tên đó, bạn sẽ thấy ngay hình dáng của một tên khốn nạn đang tự đầu độc mình và đầu độc những người chung quanh.

Có kẻ kia, y thường quỳ gối cảm ân Thượng đế vì y không bị đánh đập, nếu có ai đánh đập y, y cũng cảm ân Trời Phật là may mắn y không bị giết chết. Rồi có ai giết chết y, y sẵn sàng cúi lạy Thượng đế đã giải phóng linh hồn bất diệt của y ra khỏi cái trái đất đau khổ này.

Trên đây là những lời công kích chủ nghĩa chủ bại.

Anton Tchekhov viết trong vở kịch Ba chị em:

Cuộc đời thật cam go. Có nhiều người trong chúng ta quá bi quan cho rằng tất cả sẽ dẫn chúng ta đến tuyệt địa và không còn hy vọng gì hết... nhưng rồi nó lại sáng sửa huy hoàng, không lâu đâu tất cả rồi sẽ lại sáng lạn như xưa.

Sologub viết trong tiểu thuyết Ngôi nhà cũ, ngôi nhà có người bị tử hình vì chính trị:

Ý nghĩ về Boris đã bị treo cổ không hề ám ảnh họ. Những lúc ánh mặt trời chói chan, những lúc ánh trăng trong vắt bầu trời, chuyện ấy lại trở về thức tỉnh tâm hồn họ... Đôi lúc nó vò xé dần vật đờn đau... Nhưng rồi chính những dần vật vò xé đờn đau ấy lại trở lại thức tỉnh họ.

Trên đây là những lời đầy hứa hẹn khi phải áp dụng sách lược đảo thái.

Chỉ có những con người chính trị sáng suốt lắm mới nắm được quy luật nhượng bộ. Mỗi cuộc chiến tranh đều phải tiến hành một cách rất biện chứng, nếu không hiểu như thế, không thể lãnh đạo đấu tranh. Đấu tranh là hủy diệt những chướng ngại trước mắt để tiến, muốn hủy diệt những chướng ngại đấu tranh cần lòng dũng cảm cứng rắn, nhưng không phải chỉ có hành động dũng cảm cứng rắn vì đôi khi sự lùi bước cũng là để hoàn thành việc tiến lên.

Quy luật nhượng bộ như thế nào?

1) Giữ chặt trận địa tối hậu, những cứ điểm khác có thể tùy thời nhượng bộ. Tỷ dụ bỏ thành thị để giữ chặt nông thôn. Tuyên bố học tập Tam Dân Chủ nghĩa để chặn cuộc tấn công quân sự nhằm tiêu diệt Cộng sản của Tưởng Giới Thạch. Bỏ Thụy kim chạy lên Diên an.

2) Khoáng triển lực lượng ra bên ngoài, nhưng có thể tùy thời bỏ tùy thời chiếm. Tỷ dụ: Chấp nhận rút lui khỏi Cuba để giành lời cam kết của Mỹ đối với chế độ Castro. Ký hòa ước Tilsit.

Nhượng bộ là chiến thuật không phải là chịu hàng xin thua, nguyên tắc căn bản của nhượng bộ là lùi một bước để tiến hai bước.

Nhượng bộ như chính sách của Phạm Lãi Văn Chung nhằm bảo toàn lực lượng, nhằm làm cho Ngô vương đắc ý. Có nhượng bộ ở Cối kê mới có thắng lợi ở Cô tô.

Nhượng bộ để làm gì?

Chiến tranh hay đấu tranh bắt đầu và chấm dứt bằng một chuỗi thắng lợi không gián đoạn không thể có trong lịch sử. Nó phải kinh qua những giai đoạn khác nhau, lên bổng xuống trầm.

.....

Nói về thỏa hiệp

Thỏa hiệp không kể loại nào và thỏa hiệp với bất cứ kẻ nào trong những điều kiện thuận lợi cũng cần thiết chẳng kém gì bạo lực để đánh kẻ thù trong những điều kiện thuận lợi khác. Cả hai đều hướng chung vào mục đích tránh bị tiêu diệt (bởi/và tiêu diệt?) đối phương. Thỏa hiệp chính trị mang rất nhiều hình thái, trong lịch sử cận đại người ta thấy:

- Trung cộng thỏa hiệp với Quốc dân đảng Trung Hoa cùng nhau kháng Nhật để dùng cuộc kháng chiến mà khoáng triển lực lượng.
- Trung cộng lập trận tuyến thống nhất thỏa hiệp với các đảng phái để thêm vây cánh chống Tưởng.
- Trung cộng đề ra chính sách thỏa hiệp với phú nông diệt địa chủ, rồi thỏa hiệp với trung nông để diệt phú nông, rồi lại đem bàn cố nông diệt trung nông.
- Trung cộng sau khi tiếp thu đại lục đã thỏa hiệp với các công thương kỹ nghệ gia để chấn chỉnh thương mại và công nghiệp, sau mới thay thế và tiêu diệt lần mòn.
- Trung cộng thỏa hiệp với Anh về Hương cảng để giải quyết lối thoát cho mậu dịch, và làm cái cửa ngõ cho bang giao quốc tế.
- De Gaulle thỏa hiệp với Salan về vấn đề Algérie để lật đổ nền đệ tứ Cộng hòa.
- De Gaulle thỏa hiệp với Ben Bella để giải quyết vấn đề Algérie, để tiêu diệt đạo quân bí mật (O.A.S.).
- Hồ Chí Minh thỏa hiệp với Leclerc để đem quân đội Pháp lên Bắc Việt, đuổi quân đội Tàu đi.
- Đảng Bôn-sê-vích thỏa hiệp với phe tư sản Kerensky để chống chế độ Tsar hoàng.

- Thỏa hiệp của Tòa thánh với Phát xít để diệt phong trào Cộng sản ở Espagne.

Trên đây là kể những thỏa hiệp lớn, thỏa hiệp chính sách, đời sống chính trị còn hàng trăm thỏa hiệp nhỏ như:

- Hai phe chiến tranh nhưng vẫn có thỏa hiệp trao đổi tù binh.

- Hai kẻ thù nhưng vẫn đều đều ký với nhau và rất tôn trọng những thỏa hiệp thương mại.

- Hai ranh giới chiến thời nhưng vẫn có thỏa hiệp ngầm cho sự giao thương để giải quyết vấn đề tin tức.

Lúc nào thì buộc phải thỏa hiệp?

Khi cả hai bên đều nhận thấy không thể lấn nhau được bước nào hết nữa, đó là lúc chín mùi cho một sự thỏa hiệp. Khi mỗi bên đều có những khó khăn nội bộ phải giải quyết, đó là lúc cần thiết một sự thỏa hiệp.

Những năm sau của năm 1917, những tay áp phe quốc tế đều chịu ảnh hưởng của Urquhart nhất định đặt lại chế độ Tsar hoàng ở nước Nga. Chế độ mới của nước Nga phải chịu biết bao cay cực để chấn chỉnh nền thương mại. Khi đã khả quan rồi, chính phủ Xô viết phái Krassine sang Anh để gặp Urquhart, ban đầu Urquhart vẫn bảo thủ ý kiến cũ, nhưng lúc Krassine đưa ra nhiều điều kiện mới có lợi, Urquhart đổi sắc diện và cầm bút viết vào giấy những chữ giá cả ra sao? số lượng bao nhiêu? ký kết mấy năm?

Tướng Giới Thạch bao vây Diên an để tiêu diệt Cộng sản, vụ Tây an nổ ra, nội bộ Quốc Dân đảng chia rẽ vì phong trào kháng Nhật sôi nổi, Tướng Giới Thạch đành chịu thỏa hiệp rút quân về, tuyên chiến với Nhật.

Thỏa hiệp là một chiến thuật không thể không có, nội dung của bất cứ thỏa hiệp nào cũng có thể chứa đựng nhiều mưu mô. Cho nên khi thi hành thỏa hiệp phải đề phòng chỉ nhìn vào hành động đối phương và nhất định không để bị lôi cuốn bởi những lời, những chữ ký kết trong bản thỏa hiệp.

Về việc đưa đảng liên minh với phe tự do dân chủ, Lénine nói:

Cánh trí thức trong tổ chức của ta chỉ chú trọng vào mấy danh từ ngôn ngữ hảo để làm điều kiện thỏa hiệp. Còn cánh vô sản thì hoàn toàn trông cậy vào sự tranh đấu. Cánh trí thức hy vọng vào những người tư sản tốt, tư sản đứng đắn. Cánh vô sản trông cậy vào lòng tốt hay đứng đắn của tư sản. Thỏa hiệp vì chính trị đòi hỏi như vậy dù phải thỏa hiệp với bọn tư sản xấu xa nhất để chống lại bọn vua chúa quý tộc. Rõ ràng là vô sản ủng hộ tư sản dân chủ không phải tin tưởng vào lòng tốt của chúng mà là để đánh kẻ thù chính của chúng

ta là: Tsar.

Nói tóm lại, nguyên tắc căn bản của thỏa hiệp là:

Anh hãy cho tôi cái gì, tôi cũng sẽ biếu anh một thứ.

Không bao giờ có thỏa hiệp vĩnh viễn hay thực sự. Trong thời gian thỏa hiệp, hai bên ký kết ngay từ lúc bắt đầu hạ bút ký kết đã sửa soạn để vi phạm thỏa hiệp hoặc ngấm ngầm hoặc ra mặt.

Tuyên bố Quốc-Cộng liên kết và kháng chiến chống Nhật rồi về Nam kinh chấn chỉnh xong nội bộ, phe Quốc Dân đảng liền tạ sự Cộng sản bắt phục tòng mệnh lệnh để tước súng ống, mệnh danh khu vực Cộng sản là gian khu mang quân lên tiểu phạt.

Ngược lại Cộng sản sau khi chánh thức chịu quyền chỉ huy của Tưởng rồi, rảnh tay phóng ra phong trào tuyên truyền chống Tưởng đã theo Nhật, mở rộng khu du kích Cộng sản, tăng cường võ trang chống Tưởng.

Hồ Chí Minh lập chính phủ liên hiệp với phe Nguyễn Hải Thần, nhưng liền sau đó nhiều cán bộ quốc gia bị đưa đi thủ tiêu, nhiều khu vực quốc gia bị bộ đội V.M. tấn công.

Thủ đoạn thỏa hiệp có thể thu gọn vào câu dưới đây:

Vừa đấu tranh vừa thỏa hiệp, muốn thỏa hiệp phải đấu tranh, muốn đấu tranh phải thỏa hiệp.

Thầy tu Jesuit Balthazar Gracian nói:

"Đời sống nhân loại là một cuộc đấu tranh chống lại sự quỷ quyệt của con người. Người khôn ngoan bao giờ cũng dùng đủ mọi mưu lược vào trong ý định của mình. Hắn ta không bao giờ để hở cho ai biết hắn muốn làm gì, hắn có nhằm mục đích nào đó thực đấy nhưng hắn phải tìm cách lừa không cho ai trông thấy cái dã tâm của hắn. Hắn tung ra những lời nói mà rút cục hắn làm những điều mà không ai nghĩ đến. Những lời nói chẳng qua chỉ để làm vừa lòng địch thủ của hắn, khi địch thủ bận bịu vì những lời nói kia lập tức hắn thi hành một việc khác."

Để đối phó với cuộc sống đó người ta phải dùng tới trí thuật.

Phe đạo thống có thời khi nói về trí thuật thường đưa ra những tên gọi khác nhau, kỳ diệu để khen, sảo quyết để chê. Thực ra trí thuật đều có phân biệt, khi đã dùng thủ đoạn thì thủ đoạn nào cũng tốt miễn là nó mang đến hiệu quả. Còn sự xấu tốt của trí thuật là do dùng thủ đoạn ấy vào việc chính hay vào việc tà, việc tầm thường hay việc khác thường.

Napoléon nói:

"Sở dĩ tôi thắng trận Vandée là bởi tôi tự biến thành người Công giáo, nhưng sang đến Ai cập dĩ nhiên tôi cần phải tin đạo Hồi. Và nếu

có ngày nào tôi cai trị người Do thái tôi sẽ cho tu bổ ngay đền Salomon."

Người chính trị lúc nào cũng bị chìm ngập trong những biến chuyển dồn dập, họ phải đáp ứng với bao đòi hỏi từng giờ. Họ có quyền nói thẳng thắn những điều họ nghĩ hôm nay, nhưng ngày mai họ có quyền nói khác hẳn hay nói trái ngược những điều họ vừa nói hôm trước. Người chính trị có quyền nói hôm nay rằng chúng ta thất bại vì chính sách mềm dẻo, bây giờ phải cứng rắn và ngày mai họ vẫn cũng có quyền nói rằng: chính sách cứng rắn có thể đem đến thất bại và ta lại phải mềm dẻo. Cái khó ở điểm làm sao nói xuôi ngược như thế mà người ta phải nhận là đúng.

Như vậy nguy trị là vận dụng phương pháp giả diện và thiện biến. Đức xâm chiếm Pháp, đảng Cộng sản Pháp lao mình vào cuộc kháng chiến trong khi Nga Đức ký hòa ước bỏ rơi đảng Cộng sản Pháp.

Muốn cho chân tướng thành tựu thì phải biết giả diện. Giả diện là một khúc tuyền để đưa chính trị đến thành công.

Đế vương chuyên chế muốn cho đám quần thần khỏi tác loạn nên lấy học thuyết Khổng Tử làm căn bản đạo đức sinh hoạt. Sự tôn thờ Khổng học cũng được kể như một lối dùng giả diện tuyệt diệu.

Trong 36 kế của Lã Thái Công, có kế "tiểu lý tàng đao" (trong cái cười giấu con dao sắc) cũng thuộc loại giả diện. Nễ Hành chửi Tào Tháo, Tào Tháo vẫn cười rồi còn khen Nễ Hành là con người tiết tháo hiếm có, nhưng Tào Tháo đã âm mưu để cho Hoàng Tổ giết Nễ Hành. Tháo mượn tay Hoàng Tổ để tránh cho mình cái tiếng giết người hào sảng trung lương. Lưu Bị nghe tiếng sét đánh rơi đôi dũa đang cầm trên tay để cốt che đậy cho Tào khỏi nhìn thấy chí khí anh hùng. Tôn Tẫn không giả điên chắc Bàn Quyên đã giết chết.

Mao Trạch Đông trong thời gian kháng Nhật đã nhận được rất nhiều tiếp tế vũ khí của Mỹ nhờ ở hành động giả diện, chính tướng Marshall và nhiều yếu nhân Mỹ nhận định Mao Trạch Đông không phải là Cộng sản mà chỉ là nhóm cách mạng tiến bộ muốn cải cách ruộng đất.

Giả diện là nguy trí đối với người, nhưng đừng giả diện với chính bản thân mình, nghĩa là đừng đem cái bộ mặt giả đó mà lừa luôn ta. Bởi thế khi Hứa Du hỏi Tào Tháo về số lương còn chừng bao nhiêu, lúc đầu Tào Tháo còn nói dối quanh, sau Tào Tháo phải thực sự trình bày để xin Hứa Du mách kế. Hẳn hỏi Tào Tháo vận dụng để cho lòng quân khỏi nao núng, nhưng trong thâm tâm thì Tào Tháo biết rõ ràng cái thế nguy hiểm của mình.

Về phương pháp giả diện, chính trị học Trung quốc đưa ra hai nguyên tắc:

a) Giả diện dĩ cầu thực bất cầu danh (làm mặt giả để tiến tới cái thực chứ không chú trọng bề ngoài hay danh nghĩa).

b) Hình dữ chân tắc giả diện dữ khả hoành hành vô ky (hình tướng càng thực bao nhiêu thì giả diện càng hoành hành tha hồ không còn lo gì nữa).

Con cáo đội lột con cừu mới chắc ăn, con hoẵng đội lột con hổ thì dễ chết.

Mục đích của thủ đoạn

Đã nói thủ đoạn, đã biết thủ đoạn thì phải xử dụng, đã xử dụng thì xử dụng đến cùng.

Dương Tu giỏi chẳng kém gì Tào Tháo, nhưng Dương Tu chết vì năng mưu nhi bất năng động. Chỉ khoe cái giỏi nào biết khẩu hiệu Kê cân là Tào Tháo sắp rút, nào biết Tào Tháo muốn làm cửa lớn. Cái biết ấy chỉ tỏ làm cho Tào Tháo nghi ngờ. Thà như Trần Cung giỏi nhưng đối lập với Tào Tháo, Tào Tháo còn quý mến, thà như Quách Gia Tuân Úc giỏi và đứng hẳn về phe Tháo. Chứ như Dương Tu dùng cái giỏi của mình làm mối lo cho người hay đem cái giỏi để chế rieu chỉ là một hành động khôn ngoan lắm oan trái nhiều.

Quý Cốc nói: "Biến sinh sự, sự sinh mưu, mưu sinh kế, kế sinh nghị, nghị sinh thuyết, thuyết sinh tấn, tấn sinh thoái". (Biến động tạo ra sự việc, sự việc đòi hỏi mưu kế, muốn có mưu kế thì phải bàn bạc, bàn bạc sinh ra thuyết này thuyết khác đặt định lẽ tiến lẽ thoái).

Hành động bao giờ cũng đi song đôi với mưu kế. Mưu kế là lo toan từ trước, cho nên có thể nói rằng mưu kế đi trước hành động. Tính trước rồi mới hành động sau, như thế gọi là mưu định nhi hậu động.

Mục đích của mưu là lợi. Tôn Tử nói: Không có lợi không động, không được gì không dùng, mỗi hành động chính trị phải dành cho được một lợi ích.

Mục đích là lợi nhưng phải biết phân tích được chữ lợi. Bỏ lợi nhỏ để đến với lợi lớn. Thái tử Đan hy sinh Phan Ô Kỳ để lấy phẩm vật mà Tần Thủy Hoàng ưa thích, thi hành kế thích Tần Vương của Kinh Kha mới thành. Nhung Thư phải mượn cái đầu của Trang Giả để lập uy. Lénine phải ký hiệp ước Brest Litovsk để cứu vãn cuộc cách mạng tháng Mười. Đó là phương pháp trừ to lớn không cần thắc mắc đến cái nghĩa nhỏ của Lý Tĩnh khi ông đem quân đánh Đột Khuyết, đành để Trương Kiệt vị sứ thần phải chịu chết. Hàn Phi nói:

"Hành tiểu trung tắc đại trung chi tắc, cố tiểu lợi tắc đại lợi chi tàn."
(Lòng trung vật làm hại lòng trung lớn lao, làm lợi nhỏ mất lợi to.)

Hoạt động bao giờ cũng phải nhân hoàn cảnh nào, thời cơ nào. Thời cơ, hoàn cảnh gọi là thế. Thế cũng giống như nước đối với con cá. Cá được nước mới thả cửa vẫy vùng. Người được thế dễ bề hoạt động. Khổng Tử đi bao nhiêu nước, rút cục không thi hành được đạo mình, chẳng phải vì đạo của ông không tốt, cũng chẳng phải Khổng Tử là người xấu, chẳng phải là ông thiếu khả năng làm việc. Thời thế chưa đến đấy thôi. Tuy nhiên Khổng Tử cũng có một phần lỗi là ông không xét cho chính xác thời thế. Bởi vậy ông bị rơi vào tình trạng một nhà tiên tri tay không. Khổng Tử là một triết nhân hơn là một nhà chính trị. Cho nên sau này Hàn Phi phê bình Khổng Tử rằng: Điều ông nói cũng có thể đưa đến lợi lớn, nhưng ông đã nói bằng những danh từ quá cao siêu, xa cách lòng người nên thất bại. Mạnh Tử cũng vậy, cái thất bại của ông chẳng phải vô cớ. Thời Chiến quốc sở dĩ chỉ tôn trọng quyền lực thực tế trước mắt, bởi vì lực thống nhất hãy còn yếu quá, lực thống nhất yếu thì cục thế phân lập vẫn nặng nề. Trong cục thế phân lập cần phải sống còn bằng lợi hại. Khoẻ thì ăn người, yếu bị người ăn. Muốn khoẻ phải mưu phải lợi hại. Trọng lợi trọng mưu là cái thế Chiến quốc không cho phép nhân nghĩa của Khổng Mạnh phát triển. Khi nhà Hàn thống nhất, chính trị vương đạo lập thì thuyết nhân nghĩa kia mới đắc dụng.

Câu chuyện điển hình về vấn đề xét thế của Lý Tư thật lý thú. Theo Sử ký Lý Tư chép: Vào cầu tiêu chợt thấy lũ chuột ăn toàn của dơ, đôi khi còn bị người bị chó đuổi đánh. Ông vào kho thóc, cũng thấy con nào con ấy ăn thóc béo mập, toà nhà rộng lớn tha hồ tung tủy, không bị người đánh cũng không bị chó đuổi. Lý Tư mới thở dài nói rằng: Người hiền với kẻ dờ cũng không khác gì lũ chuột, khác nhau chỉ vì biết tìm cho mình cái thế. Từ đấy ông dốc lòng cầu học, đến trường của Tuân Khanh để học thuật đế vương. Chuột ở cầu tiêu, đương nhiên phải ăn của dơ, chuột ở vừa thóc đương nhiên được ăn lúa. Thế định như vậy. Thậm thế là xét tìm đường thuận lợi đẹp để dễ tự xử. Học Tuân Khanh thành tài rồi, Lý Tư ngồi nghĩ việc thiên hạ, nhận thấy Sở Vương không đáng thờ, sáu nước kia yếu quá không hy vọng gì xây dựng nghiệp lớn. Chỉ còn lại nước Tần, liền quyết định đến Tần. Lý Tư vào từ biệt Tuân Khanh nói:

"Theo con nghĩ cái thế tranh thiên hạ thì bây giờ phải ở trong tay nước nào có vạn cỗ xe trở lên. Nay con trông chỉ có nước Tần đủ sức nuốt thiên hạ, xây dựng nghiệp Đế Vương, vậy con từ giã thầy để sang Tần đem những gì con học được của thầy ra thi thố."

Lý Tư đã áp dụng phương châm thức thời thế giả vi hào kiệt của Tuân Khanh.

Đến nước Tần gặp lúc vua Tương Vương vừa chết, Lý Tư liền tìm đến nương nhờ người có thế lực ở Tần lúc đó là Văn Tín hầu Lã Bất Vi. Nhờ Lã Bất Vi tiến cử, Lý Tư mới gặp được vua Tần. Lý Tư nói: Ngày xưa Tần Mục Công làm bá chủ chư hầu mà không nuốt được sáu nước là vì thế lực chư hầu còn mạnh, đức nhà Chu còn lớn. Nhưng từ Tấn Hiếu Công đến nay, Chu Thất đã suy vi, chư hầu yếu rồi. Tần có thể thừa thế sai bảo chư hầu. Và chư hầu phải thần phục Tần như một quận huyện. Với thế mạnh của ta, ta quét sạch một phen để thông nhất thiên hạ. Thế đã đến phải làm cho mau, nếu chần chừ chư hầu hồi phục, liên minh với nhau thì thật khó tính. Tất cả cái học của Lý Tư là cái học về thuật thừa thời xử thế.

Nương tựa

Tay trắng tạo dựng sự nghiệp, thành công chẳng phải nhờ bàn tay trắng mà nhờ những điểm tựa. Nương tựa cũng ví như chiếc cầu, con thuyền để ta qua sông. Nguyễn Trãi phải nương tựa Lê Lợi để trả thù nhà nợ nước. Lý Tư phải nương tựa Lã Bất Vi, đành rằng Lý Tư có tài song nếu không nhờ Lã Bất Vi thì cái tài ấy chắc cũng mai một đi. Đến cả Lã Bất Vi cũng phải nương tựa vào Tử Sở. Nếu Lã Bất Vi coi Tử Sở như một thứ hàng hóa quý báu thì Lý Tư cũng trông cậy ở Lã Bất Vi như ngôi nhà che chở. Lại nói đến Tử Sở, khi mẹ bị thất sủng đói khát ở Cam đan, vất vợ vất vờng phải nương tựa vào tiền bạc của Lã Bất Vi. Sự nương tựa lẫn nhau giữa Lã Bất Vi và Tử Sở, nảy sinh ra một vụ nương tựa khác là Hoa Dương phu nhân. Hoa Dương phu nhân không có con, được Tử Sở để nương tựa(?) Cả ba lúc đầu chẳng có gì nương tựa, đã biết tìm đến nương tựa lẫn nhau. Vụ nương tựa này đã làm thay đổi lịch sử không ít.

Hán Cao Tổ áo vải lên ngôi Thiên Tử, dùng chiến tranh đoạt thiên hạ. Người đời sau cho rằng Lưu Bang không cần phải nương tựa.

Nhưng xét cho kỹ nếu không có sự trợ giúp của Lã Công có lẽ Lưu Bang cũng chẳng nên cõm chấu gì. Ấy là chưa kể đến công lao của Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín, Phàn Khóai.

Trong chính trị sự nương tựa rất là cần thiết. Hitler nếu không có Hinderburg che đỡ, chắc đảng Quốc xã không thể nắm chính quyền. Lénine nếu không được Đức quốc thả về gây loạn, chắc cuộc cách mạng tháng Mười sẽ do người khác làm.

Xưa kia còn có thể có ông tướng râu xoắn không bao giờ chịu khuất thân dưới người nào. Ai làm vua ở chỗ này, ông liền bỏ đi nơi khác xưng hùng, dù phải trốn vào rừng rậm làm thảo khấu.

Nhưng ngày nay không thể còn như vậy được nữa. Xã hội kỹ nghệ tổ chức rất chặt chẽ, bậc thang xã hội đều trải qua những nâng đỡ che

chờ.

"Pour l'ambitieux l'humilité est l'échelle.

Vers laquelle le jeune grimpeur tourne le regard."

Hai câu nói của Brutus trong vở kịch Cesar, ta thật rõ ràng tình trạng nương tựa và che chở trong chính trị bây giờ.

Cây thế

Không có thế thì gây thế. Thế nhờ vun bón mà lớn lên.

Cây thế ra khắp nơi.

Lý Thế Dân mở khoa thi để vớt vớt nhân tài thiên hạ về phò giúp. Lý Thế Dân lên ngôi do sự biến Huyền Vũ Môn, trong vụ đó ông đã giết anh là Lý Kiến Thành và em là Lý Nguyên Cát. Biết việc mình thiên hạ không phục lắm nên Lý Thế Dân ra công tranh thủ quần chúng của Kiến Thành và Nguyên Cát bằng chính sách hóa thù làm bạn, kết quả Ngụy Trưng và Lý Tĩnh, hai tay chân đáng sợ của Kiến Thành và Nguyên Cát, trở về thần phục.

Tô Tần và Trương Nghi cùng học thầy Quỷ Cốc, khi Tô Tần đắc chí thì Trương Nghi còn túng quẫn. Tô Tần sợ nước Tần phát động chiến tranh quá sớm có thể làm hại cho công cuộc du thuyết hợp tung của mình, nên vận động cho Trương Nghi vào Tần với nhiệm vụ làm chậm chiến tranh lại. Quả nhiên Trương Nghi thành công giúp Tô Tần như sở nguyện.

Cái lực vô địch là cái lực có thể đi kèm bên. Có thế thì lực hoạt động càng thêm lớn, thành công càng thêm nhanh chóng. Vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn, vua Thuấn nhường ngôi cho vua Vũ cũng như nhà Hạ mất bởi nhà Thương, nhà Thương mất bởi nhà Chu, nhường hay mất đều do thế không thể đừng được vậy, chẳng phải vua Nghiêu hiền đến độ không nhường ngôi cho con. Khi quyền hành ở trong tay Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng gả con(?) cho Trần Cảnh thì thế của nhà Lý kể như mất hẳn. Huệ Tông dù có trốn vào chùa tu cũng không thoát khỏi tay Trần Thủ Độ đã nhổ cỏ thì nhổ cả rễ.

Trước khi nhà Tần tiêu diệt lục quốc, Tần đã có kế trồng thế rất tài tình. Ban đầu Tần thi hành chính sách ngôi yên để nuôi thế, lấn rợ. Nhưng phía Tây để mở rộng lãnh thổ luyện tập võ nghệ để củng cố thế đã có. Sau đó là chính sách thống nhất tiền tệ, cân đo và chính sách tự do mua ruộng đất, luật pháp bảo vệ tư bản. Chính sách này ban bố, những tay giàu có tụ tập về Tần như nước chảy, tiền thiên hạ đổ vào nước Tần phát triển Tần thành đại cường quốc. Như vậy gọi là phép thực thế (trồng thế). Thế do trồng mà có, do nuôi dưỡng bồi đắp mà lớn, cho thật khỏe rồi mới dùng. Không cấy thế tất không có

thế, không có thế tất không thể thừa thế, như không xe không ngựa không thể đi đâu.

Trồng thế còn phải biết nhận thế. Tần nhân lúc lục quốc đánh lẫn nhau, ngồi yên để làm giàu làm khỏe cho nước mình. Như vậy gọi là dĩ thế thành thế hay dĩ thế dưỡng thế. Trồng thế còn phải biết phá thế. Tần dụng Trương Nghi đánh bại chính sách hợp tung, phá xong thế hợp tung rồi, việc trồng thế của Tần càng thêm vững vàng thêm tươi tốt. Thế của kẻ khác bị phá, tức là thế của ta thành.

Lại còn những thuật khác như:

- Mượn thế của người làm thế của ta.
- Tranh thế của người để dùng cho ta.
- Tranh thế của người để ta có thế.
- Dùng thế của địch mà phá thế của địch.
- Để cho mọi người tranh thế, rút cục thế về ta.

Thóat dĩnh

Anh hùng hào kiệt như lưỡi gươm sáng quắc khi vị ngộ còn nằm trong bọc. Lưỡi gươm sáng đó phải có lúc hiện ra. Sự hiện ra đó gọi là thóat dĩnh.

Thóat dĩnh có trăm ngàn phương sách. Trung quốc có câu chuyện điển hình về thóat dĩnh là chuyện Trần Tử Ngang.

Trần Tử Ngang tới kinh đô, chẳng ai thèm để ý đến ông. Trong khi ấy, tại kinh đô có người bán cây đàn quý giá đáng cả ngàn lạng vàng, người giàu có thế lực ở kinh đô cũng bàn tán về cây đàn, nhưng không một ai hiểu tại sao cây đàn lại quý báu đến thế. Trần Tử Ngang bèn đến chỗ người bán đàn, giữa lúc nhiều người tụ tập đến xem ông nói: tôi biết chơi đàn này. Mọi người reo lên xin ông gảy cho nghe. Trần Tử Ngang hẹn ngày mai hãy đến xóm Tuyên dương, ông sẽ trở tài. Hôm sau từ sáng sớm tinh mơ thiên hạ nô nức kéo đến. Trần Tử Ngang ngồi trên phiến đá uống rượu ngâm thơ hồi lâu, ăn uống xong ông đứng dậy cầm cây đàn và nói rằng: Ta là Trần Tử Ngang, người quán đất Thục, văn chương chữ nghĩa trên đời chẳng ai bì kịp, thế mà đành chịu so so súi súi ở chốn kinh đô này, chẳng bằng cái thằng bán đàn ngu dốt. Nói xong ông giơ cao cây đàn đập xuống phiến đá, đàn vỡ tan thành trăm mảnh. Ai ai cũng sửng sốt, nhưng cũng từ đây thiên hạ biết đến Trần Tử Ngang.

Fidel Castro mang quân vào trại Moncada, việc này đem cho Castro rất nhiều tiếng tăm đối với dân chúng trong nước cũng như đối với quốc tế.

Mao Trạch Đông nổi tiếng lên nhờ những bài phê bình trong các đại hội đảng, và nhờ những tư tưởng quân sự.

Nằm lấy điều mới lạ để vượt người

Mahomet trong những ngày đầu tiên thành lập Hồi giáo, ông loan truyền chuyện Trời nói với ông ngoài đồng cỏ. Để tụ tập dân chúng nghe mình thuyết pháp, ông bèn nói đại lên rằng ông có phép gọi những vật vô tri vô giác biết cử động. Khi dân chúng bu đến đông nghịt, ông liền diễn thuyết hồi lâu, dân chúng bị ông dụ hoặc quên mất việc làm phép kia.

Toàn bộ Evangile chỉ ghi chú những phép lạ của Jésus nào chữa cho người mù thành sáng, nôi cơm bao người ăn không hết v.v...

Đời nhà Lý nhà sư Minh Không đem đạo Phật vào chính quyền bằng y thuật chữa cho vua khỏi hóa hổ.

Cải cách ruộng đất, phân chia ruộng đất là món quà kỳ lạ như một phép lạ của Cộng sản đem cho nhân dân mà thi hành kế dụ hoặc. Đưa ra những điều mới lạ thích hợp tâm lý và hoàn cảnh xã hội tượng trưng cho một hy vọng hay cuộc đổi đời. Vượt người để gây vốn chính trị.

Ba giai đoạn cho việc khoáng trương lực lượng

Theo Lã Vọng thì lực lượng chính trị lớn lên theo ba giai đoạn:

- 1) Thời kỳ chưa có vốn thì phải khổ công, cố gắng tìm mọi cách lợi dụng thế bên ngoài.
- 2) Thời kỳ có chút vốn rồi thì phải đấu trí, đánh những trận nhỏ để thâm hoạch thắng lợi.
- 3) Vốn lớn rồi thì tranh thủ thời cơ cướp thiên hạ.

Lấy sự phát triển của Trung cộng trên lục địa Trung Hoa và thế giới làm tỷ dụ. Vào năm 1920, năm thứ hai của vận động văn học ngũ tứ, hoa kiều Dương Minh Trai nghe lệnh của đệ Tam Quốc tế mang một phương án thiết lập đảng về nước. Tới Thượng hải, Trai gặp Trần Độc Tú và Lý Đại Khâm hai giáo sư đại học Bắc kinh tổ chức hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác xít. Hội nghiên cứu này từ Thượng hải phát triển thành nhiều phân hội tại các tỉnh khác.

Hội phát triển có mời vũng chãi, Trần Độc Tú liền biến Hội thành Đảng gồm những người đặc lực và tận tâm của hội, chừng gần năm chục người. Chủ trương của đảng trong những ngày hoạt động đầu tiên là:

- Phát triển tổ chức.
- Đẩy mạnh tuyên truyền.
- Phát triển công vận.

Mặc dầu làm việc rất hăng say nhưng kết quả chẳng được gì vì nhân dân Trung Hoa không hiểu đảng Cộng sản là cái quái gì thấy có búa liềm và lũ người tuyên truyền xung phong hò hét, dân chúng lại

tường đám rước hay đám xiệc. Trong khi đó Quốc Dân đảng vì lật đổ Mãn Thanh nên rất nhiều người theo Đảng Cộng sản Trung quốc liền thay đổi chiến lược. Chiến lược mới gồm có:

Đổi khẩu hiệu, trước đây chỉ toàn khẩu hiệu Cộng sản, bây giờ toàn khẩu hiệu dân tộc.

Bí mật cho cá nhân gia nhập Quốc Dân đảng để mượn thế của quốc dân đảng. Nhờ chiến lược mới Cộng sản phát triển mạnh.

Tướng Giới Thạch lãnh đạo phe quân nhân của Quốc Dân đảng nhìn thấy âm mưu tu hú để nhờ của Cộng sản nên quyết định dùng vũ lực giải quyết, dù cho việc giải quyết này trong tình thế khó khăn thời đó có là một chuyện dưng sỡ cắt cổ tay nhiễm độc cũng đành chịu vậy. Hành động của phe Tướng làm cho con thuyền Cộng sản đang thuận buồm xuôi gió bị đứng khựng lại. Cộng sản phải đành đưa chiến lược mới là:

Kết thúc sự hợp tác với Quốc Dân đảng, nhưng vẫn duy trì liên lạc với phe Quốc Dân đảng thiên tả.

Dùng hai vạn đảng viên làm cơ sở vũ trang, vũ trang nông dân để triển khai đấu tranh cải cách ruộng đất.

Thanh trừng nội bộ.

Phía Tướng Giới Thạch, sau khi củng cố xong, ông tiếp tục dùng binh lực đuổi đánh Cộng sản.

Ở Diên an, Cộng sản sau một phen khánh kiệt lại bắt đầu gây vón, nhờ cuộc kháng chiến việc làm ăn rất phát đạt cho đến ngày có đủ lực tranh thiên hạ.

Lề lối khoáng trương lực lượng của Cộng sản theo diễn trình từ điểm đến tuyến và từ tuyến đến diện, cũng không khác gì ba giai đoạn của Lã Thái Công vậy.

Bàn về chữ thuật của người xưa

Xét động tĩnh của công việc để chế ngự công việc, biết ứng biến đến vô cùng. Đó là thuật. Nói đến chính trị thì hai chữ vô cùng kia lại càng vô cùng nữa. Chính trị đòi hỏi biết bao nhiêu là thuật, nào là thuật dùng người, thuật kinh tế, thuật cai trị, thuật chiến thắng, thuật hiệu triệu, thuật tranh dân, thuật biện thuyết lý luận v.v...

Nói đến thuật là nói đến học hỏi không biết đến chỗ nào là chừng vì thuật không có trình độ nào nhất định.

Ngày xưa Trịnh Tử Sản được người đem đến biếu con cá. Ông mới sai người nhà thả con cá xuống ao nuôi. Người nhà đem làm thịt ăn vụng, rồi vào bẩm lại với Trịnh Tử Sản: Con cá khi thả xuống ao, nó quẫy đuôi mạnh và bơi nhanh mất hút. Trịnh Tử Sản nghe xong rồi nói: Đúng lắm, đúng lắm! cá gặp nước mà. Người nhà ông Tử Sản

về nói chuyện với vợ con ông rằng: Ai bảo Trịnh Tử Sản là con người trí mưu, ta ăn thịt con cá mà ông cũng chẳng biết.

Mạnh Tử nghe chuyện ấy mới phê bình: Đúng lắm, đúng lắm, người quân tử có thể bị lừa dối bằng cái vẻ thẳng thắn. (Quân tử khả khi dĩ kỳ phương).

Nếu xử dụng cho chính xác chữ thuật thì hiệu quả của nó sẽ không lường. Thuật là để thi hành mưu kế. Nó chỉ được việc khi nào nó thật tinh xảo. Tinh xảo ở đâu mà ra, ở học mà ra, cho nên cổ nhân nói bất học vô thuật (không học thì không có thuật) là nghĩa ấy.

Về thuật cai trị Quản Trọng khái quát vào bảy điểm:

- 1) Tắc: Tức là tính nguyên tắc và tính quy luật
- 2) Tượng: Nên phân định ra từng loại để đối phó.
- 3) Pháp: Đặt ra điều lệ, tiêu chuẩn, mực thước, kỷ luật.
- 4) Hóa: Thuyết phục đưa vào khuôn mẫu.
- 5) Quyết tắc: So sánh giữa lợi với hại, chết với sống, khó với dễ, nguy hiểm và an toàn để đặt định kế hoạch.
- 6) Tâm thuật: Lấy lòng nhân ái và tấm lòng thành thật đối xử với người với việc.
- 7) Kế số: Dùng mưu kế hư thực, xa gần, mềm rắn để đối xử với người với việc.

Thuật dùng người

Người là vốn quý nhất của chính trị. Cán bộ quyết định hết thảy.

.....

.....

Chính trị phương Đông cổ xưa rất chú trọng đến vấn đề dùng người và biết người. Khổng Tử bảo rằng lười tìm người, dạy người, dùng người thì khó nhọc khi trị việc, chăm biết người, dùng người và tìm người thì nhàn khi trị việc. Một nửa thuật chính trị quy vào sự biết khai thác cái vốn quý báu đó vậy.

Nghiệp lớn của Lưu Bang cũng chỉ thu vào mấy chữ: Tri nhân thiện nhiệm

Về thuật đối phó với người để giải quyết việc tìm hiểu người, dùng người, các lý thuyết gia chính trị Trung quốc khái quát vào tám nguyên tắc:

- 1) Loại: Phân định ra từng loại khác nhau. Hoàng Thạch Công nói: người nào cũng có thể dùng được, ngu, trí, dũng, bần. Kẻ trí thích lập công, kẻ dũng thích thực hiện chí nguyện, kẻ nghèo dễ hám lợi, bọn ngu liều lĩnh không sợ chết.
- 2) An: Làm sao dùng người mà người không ý thức được đã bị ta dùng. Sách Thân (?) viết: Trên chế ngự dưới như phép đi câu tay

câu phải cho tỉnh để cho cá không ngờ cái mồi câu có móc vào lưới câu. Từ gần mà chế ngự xa như người cầm cương ngựa, tay phải đều đặn để xử dụng chiếc hàm thiếc. Hãy nhìn đũa trẻ chần gà chần vịt sẽ thấy ngay phép trị dân. Đũa trẻ biết nghề không gấp quá khiến cho gà vịt kinh hãi, không chậm quá khiến gà vịt trì trệ. Lúc muốn cho bày gà vịt rẽ phía nào thì nó đứng chắn một góc để lại. Nó không bức bách vì bức bách làm gà vịt bay nhảy tán loạn. Nó cũng không để sơ hở gà vịt mỗi con sẽ đi một đường. Trị dân cũng thế, làm thế nào trị mà như không trị mới thật là tuyệt vời.

Giả Nghị nói: từ quân thần đến thứ dân, ai ai cũng cảm thấy tình thế sắp nguy sắp đổ vỡ, không ai đứng yên ở phận mình tất động loạn đến nơi. Tình hình này chẳng cần vua Thang vua Vũ, chỉ cần một tên Trần Thiệp cũng đủ làm sôi thiên hạ.

3) Tiệt: Nên dễ hiểu dễ nghe. Kinh Dịch viết: "Dị tắc dị tri, giản (giản?) tắc dị tòng. Dị tòng tắc hữu công, dị tri tắc hữu thân. Hữu thân tắc khả cứu, hữu công tắc khả đại. Khả cứu tắc hiện nhân chi đức, khả đại tắc thánh nhân chi nghiệp. Dị, giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỷ, thiên hạ chi lý đắc, nhi thành vị hồ kỳ trung hỷ". (Dễ là dễ biết, giản nên dễ theo, dễ theo nên việc mới thành, dễ hiểu nên thân nhau? Có thân nhau việc mới lâu bền, việc có thành mới trở nên lớn. Giữ lâu bền là cái đức của hiền sỹ, gây được lớn lao là sự nghiệp của thánh nhân. Dễ làm, dễ hiểu, dễ nghe là nắm được cái lý của thiên hạ. Có nắm được cái lý của thiên hạ thì mới thành công).

Hàn Phi Tử nói: Lời nói bí hiểm khó khăn, đến bậc thượng trí còn không hiểu, huống chi còn đem nó để làm khuôn phép cho dân chúng thì dân chúng biết đâu mà làm. Ngày nay chính trị là công việc của dân gian, nên lấy những điều đơn giản như vợ chồng con cái thường nói với nhau để trị dân. Bởi tìm những điều dành cho bậc thượng trí để trị dân là công việc phản bội chính trị.

Vân Trung Tử nói: Người quân tử không trách người không theo kịp, người không làm nổi không trách người bằng điều người không biết.

4) Thế: Đẩy người vào cái thế khiến người đành phải chịu để ta dùng.

Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng về thuật làm thế nào cho dân liêu chết, làm cho dân giữ tín nghĩa.

Quản Trọng đáp: Có ba điều gốc ấy là: dân mong bảo vệ ông cha, dân muốn gìn giữ nhà cửa của cải, dân được lo lắng cho vợ con.

Vương Nhân Giám nói:

Có những việc bị bức bách vào cái thế không chiến đấu không xong như trước mắt hang sâu, đằng sau là hổ đói. Không làm cách vượt

hang sâu thì ngồi chờ hổ đói đến ăn thịt hay sao.

Hàn Phi nói:

Muốn dạy thuần thực con chim, người dạy chim cắt bớt lông cánh khiến chim không bay được nữa và chịu người nuôi ăn. Nếu chịu để người cho ăn làm thế nào chim không thuần phục. Vua trị quần thần cũng thế. Quần thần rời vua sẽ mất danh vị lợi lộc, hỏi quần thần làm sao không phục.

5) Sát: Luôn luôn dò xét kiểm soát để chống sự làm bậy làm loạn.

Quản Trọng viết trong thiên Cửu thủ:

- Phải có mắt lớn, tai to để biết được cả những việc ngoài ngàn dặm, việc trong hàm trong xó để phá gian loạn.

- Nghe nhiều nhưng không cự tuyệt ngay cũng không hứa hẹn vội vàng. Giữ lòng như núi cao nhìn không thấy ngọn, như hổ sâu dò không thấy đáy.

- Dùng việc làm thực tế để sáng tỏ danh nghĩa, rồi lại dùng danh nghĩa để thúc đẩy việc làm thực tế.

6) Chế: Vận dụng và tổ chức phương pháp để chế ngự.

7) Ngụ: Dùng thuật để làm cho người không hiểu bị ta dùng vào việc gì.

Khổng Tử nói: "Dân khả sử do chi bất khả sử tri chi." (Bảo dân làm nhưng không cần bảo dân biết).

Hoài Nam Tử nói: "Trí giả dịch sử quỷ thần, ngu giả tín chi, thư dịch do vị thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo." (Người trí xử dụng quỷ thần, kẻ ngu tin theo như vậy, kinh Dịch gọi là thánh nhân thiết lập tôn giáo để dạy dỗ).

8) Cảm: Đem lòng thành cùng cơm no áo ấm mà cảm hóa người khiến cho người sống chết vì ta.

Thủ đoạn chính trị

Chương 6

Hành vi chính trị

Các nhà chính trị lớn trong lịch sử thường có cùng một quy tắc là thích ứng với điều kiện thực tế, lựa thời lựa thế mềm dẻo uốn theo những biến chuyển

VAUBAN

Trong chính trị, phản bội chỉ là công việc của thời gian.

TALLEYRAND

Hành vi chính trị

Bất cứ hành vi nào cũng đều là phản ứng của con người đối với sự kích phát và thực tiễn của hoàn cảnh. Hành vi chính trị là hành vi phản ứng của con người đối với sự kích phát chính trị và hoàn cảnh chính trị.

Phương pháp hành vi chính trị phải chịu ảnh hưởng của hai biến cố: Hành vi chính trị (Attitudes politiques).

Hoàn cảnh chính trị (situation politique).

Hành vi chính trị có thể do động cơ cá nhân mà biến đổi, có thể do hoàn cảnh chính trị mà biến đổi, có thể biến đổi do cả hai.

Lỗ Trí Thâm giết người bị tầm nã chạy theo Tống Giang lên Lương Sơn Bạc lập đảng phản kháng Tống triều. Ngô Dụng bắt đắc chí về công danh thi cử lên Lương Sơn Bạc làm mưu sỹ mong lật nhà Tống. Bá Di, Thúc Tề chống lại nhà Chu bỏ lên núi hái rau vi. Thầy đều là những hành vi chính trị.

Tuy nhiên cần phải phân biệt hai loại hành vi tiêu cực và tích cực.

Tiêu cực là không làm gì cả, khoanh tay chịu trôi trước hoàn cảnh chính trị. Tích cực là đấu tranh vượt hoàn cảnh.

Hành vi tích cực như Savinkhov tả nữ chiến sỹ cách mạng Dora như sau:

Nàng thuộc vào loại người dám tranh đấu hiểm có, nàng đứng trước mặt tôi trầm lặng, hơi buồn, dáng dấp ấy không lúc nào mất đi trong cuộc đời ngắn ngủi của nàng.

- Dora, chị có biết rằng chị sẽ phải từ bỏ hết không? Từ bỏ cả đời

sống gia đình ấm cúng thân yêu.

- Vâng.

- Để sống lén lút nay đây mai đó?

- Vâng.

- Và phải nhận cái chết có thể đến được?

- Vâng.

- Và phải chém giết nữa?

Nàng lặng đi, rồi cũng vẫn trả lời quyết liệt tuy lời nói hơi nhỏ đi đôi chút: vâng.

Hành vi tích cực như Don Camillo

Peppone chủ tịch Cộng sản, chiều theo ý vợ, đưa con đến nhà thờ để làm phép rửa tội. Cha sở Don Camillo là kẻ thù của Peppone nhất định không chịu rửa tội cho con nhà vô thần. Peppone nổi giận làm dữ. Don Camillo hỏi ý kiến Chúa phải đối phó như thế nào? Tiếp đây là cuộc đối thoại giữa Don Camillo và Chúa Jésus.

Chúa nói: Don Camillo, con vừa làm một chuyện rất không phải.

Don Camillo đáp: Chúa Jésus, xin chúa nghĩ lại, rửa tội là việc thiêng liêng không phải chuyện đùa...

- Don Camillo, hôm nay con lại dạy ta về rửa tội nữa sao, con không nhớ là chính ta đã tạo ra nó ư? Ta muốn nhắc thêm lần nữa, con vừa làm một chuyện rất không phải, bởi vì giả thử đứa bé này chết, không rửa tội nó không được lên thiên đàng, thế chẳng phải lỗi tại con?

- Chúa ơi, xin Chúa đừng quá bi thảm hóa việc đời, làm sao mà thằng nhãi ấy chết được. Nó hồng hào và đẹp như bông hoa.

- Thế không có nghĩa là nó không thể chết, giả thử hòn ngói trên kia rơi trúng vào đầu nó, giả thử tối hôm nay về nó lên kinh. Vậy bổn phận của con là rửa tội cho nó.

- Nhưng, xin Chúa cho con nói thêm, nếu thế thà cho nó xuống địa ngục, để nó vào thiên đàng làm gì cái giống con cái của bọn đều cáng. Hơn nữa nó lại đòi con rửa tội với cái tên Lénine Liberto Antonio. Chúa nghĩ xem danh tiếng thiên đàng sẽ bị hoen ố bởi cái tên Lénine đó. Con vì muốn bảo vệ thiên đàng...

- Thanh danh của thiên đàng ấy là việc của ta. Chúa đổi giọng gay gắt. Điều ta cần không phải là cái tên, miễn nó thật thà là được....

- Vâng thưa Chúa con nhầm. Con sẽ thu xếp để làm theo ý Chúa.

Tuy nhiên xin Chúa nhớ cho con, lần này họ đã đe dọa để bắt con phải chịu, thì có ngày chúng sẽ đem một con chó đến bắt con rửa tội. Thật là nguy hiểm nếu để chúng bắt nạt mình được một lần.

- Trong trường hợp ấy con hãy cố gắng giảng giải cho chúng hiểu...

- Nhưng nếu chúng đánh con?

- Ráng chịu con ơi, hãy biết chịu đựng và đau khổ như ta.

Cực chẳng đã, Don Camillo đành quay lại phía Peppone nói:

- Được, tôi chịu làm phép rửa tội, nhưng với điều kiện bỏ cái tên phản Chúa ấy đi.

Peppone xắn tay áo xăm xăm lại nắm cổ Don Camillo, cha sở cũng chẳng vừa đâm trả một "coup direct" vào mắt Peppone. Hai người vật lộn dữ dội. Don Camillo gần thua bỗng cha sở nghe tiếng Chúa Jésus: Đánh ngay đi Don Camillo, thằng Peppone nó hờ phía trái kia. Don Camillo theo đúng lời Chúa, đập mạnh vào Peppone. Peppone bị cú bất ngờ không đỡ nổi ngã quay ra đất.

Chiều hôm đó, khi chỉ còn mình Don Camillo với Chúa, từ trên bàn thờ Chúa thú thật với Don Camillo rằng: về mặt chính trị quả tình con giỏi hơn ta.

(Trích trong tiểu thuyết *Le petit monde de Don Camillo* của Giovanni Guareschi).

Lên thêm một tầng cao nữa nghĩa là tầng của những người có thể gọi là chính trị nhà nghề (the professionals), thì hành vi chính trị tích cực phải nhằm vào phương hướng nào?

Nhà xã hội học Max Weber chỉ cho ta thấy định hướng đó. Ông viết "Tout homme qui fait la politique aspire au pouvoir." (Tất cả những người làm chính trị đều khát vọng chính quyền). Hành vi lãnh đạm với chính quyền như Trương Lương bỏ Hán Cao Tổ về núi tu tiên, Đào Tiềm cáo quan về ở ẩn làm bài "Quy khứ lai từ" và Nguyễn Trãi với bài "Côn sơn ca" là hành vi chính trị đã chán nản với chính trị. Khi đã chán nản với chính trị thì không còn thực sự là hành vi chính trị nữa, nó đã chuyển sang tiêu cực và mang nhiều tính chất của một triết nhân nhiều hơn của con người chính trị.

Tuy nhiên không phải tích cực là cuồng tín như Dora hay ngang ngạnh cứ làm tới như Don Camillo. Con đường chính trị đầy chông gai và người ta chỉ vượt được nó bằng những bước đi uyển chuyển khéo léo.

Dịch lý

Nhiều ngàn năm trước, cổ nhân có những vị thánh sau khi đã quan sát và suy xét qua bao nhiêu thể nghiệm quý báu rồi viết thành kinh Dịch.

Kinh Dịch thu gọn mọi lẽ biến đổi của sự vật thành sáu mươi bốn loại hình. Hết thầy hoàn cảnh và hành vi trong cuộc sống đều không đi ra ngoài 64 loại hình đó.

Kinh Dịch xuất hiện từ đời nhà Chu, tính đến nay đã hơn ba ngàn

năm. Khoảng thời gian này, Kinh Dịch được coi như là khoa học của các đế vương. Đế vương học Dịch để biết lẽ mà trị thiên hạ, biết lẽ mà làm căn cứ cho chính sách.

Hiểu lẽ nghĩa là biết chính xác con đường mình đi như Bismarck nói: "Trong chính trị, tôi áp dụng hết như một người đi săn vịt trong vũng lầy. Tôi không bao giờ bước, nếu không biết chắc trước mặt tôi là một khoảng đất tốt, tôi có thể bước mà không ngã."

1-- Kháng long hữu hối: (tức là quẻ Càn vi thiên).

Con rồng bay quá cao chỉ còn một nước là rơi xuống. Thiers bảo rằng: Làm chính trị không nên thành công quá mức. (En politique, il ne faut pas trop réussir). Ở ngôi cao chính là lúc con người chính trị lâm nguy nhất. Nếu không đủ khả năng tài trí thì chẳng khác nào con rồng non mà đã cuộn bay lên cao vượt sức của nó. Thất bại chua cay của Hitler chính là kết quả của những thắng lợi quá nhanh của ông. Như cây trứng cá lớn thật mau nên rễ không sâu, không thể chống lại với sức gió to. Kẻ thừa được thế chỉ biết mù quáng phát triển mà không củng cố tất có điều hối hận về sau. Mỗi thành công đều cần sự củng cố để vững vàng tiến lên thành công khác. Không biết củng cố thì sẽ lâm vào cái cảnh Kháng long hữu hối.

2.-- Nhu thuận như con tằm mã: (tức là quẻ Khôn vi địa).

Ngược với con rồng là con tằm mã (ngựa cái) tượng trưng cho người chính trị đang ở vào cái thế cực khó chỉ có thể hết sức giữ gìn nương bộ mới khỏi nguy đến tính mạng. Lưu Bị ở với Viên Thiệu trong khi Quan Vân Trường ở với Tào Tháo. Quân Viên Tào đặng độ, Quan Vân Trường để trả ơn Tào đã giết hai tướng của phe họ Viên là Nhan Lương Văn Xú. Tin báo về, Viên Thiệu quay Lưu Bị, nếu Lưu Bị không có thái độ chính trị của con tằm mã thì đã bị Viên Thiệu giết ngay. Thủ đoạn nhu thuận của Lưu Bị quả đã lên đến cao độ khi ông quỳ xuống trước Tôn phu nhân mà khóc vì trông thấy chung quanh động phòng có nhiều người cầm binh khí.

Fouché có một thời kỳ khá lâu lẩn tránh Robespierre không dám ra mặt đương đầu. Fouché nhẫn nại chờ đợi giờ phút Robespierre bước hụt để xông tới hạ thủ.

3-- Mầm non nảy ra trong khối tuyết: (quẻ Thủy lôi độn).

Trời sắp giông bão thì không khí uất kết. Chính trị sắp có biến chuyển lớn tất tình trạng ngột ngạt. Ở vào thế này tuy đầy hy vọng nhưng cũng tràn ngập nguy nan. Sa chân nhỡ bước một có thể gây nên thất bại lớn lao (Kinh Dịch gọi quẻ này là một trong bốn quẻ khó khăn nhất). Mầm non cây cối đang nảy ra dưới làn tuyết phủ chỉ chờ tuyết tan là vươn lên. Cảnh này là cảnh đòi hỏi sự chuẩn bị chu đáo

tu dưỡng khả năng, đợi thời cơ đến để gấp rút ra tay như Tư Mã Ý giả ốm chờ Tào Sảng đi săn vùng dậy chớp nhoáng đánh úp kinh đô Ngụy. Koutouzov chờ gió mùa đông thổi mà tấn công Nã Phá Luân. Lénine viết một loạt bài về kỹ thuật tổng khởi nghĩa cho cán bộ học tập.

4-- Cậu bé ngồi trong căn nhà tối : (quẻ Sơn thủy mông).

Lúc khởi thủy không có gì to lớn ngay. Phải học tập, phải khinh thường đấu tranh, đi từ nhỏ đến lớn, đi từ không đến có. Kiên nhẫn và bền chí là hai điều kiện cơ bản. Đảng Quốc xã khởi nghiệp với bảy người và đã có lần (1923) Hitler bị ăn cả tròng đạn rồi bị giam vào ngục mấy năm trường. Ở đây ông nghiền ngẫm rồi viết ra cuốn Mein Kampf. Văn Vương vui vẻ vào nhà ngục ở Dữu lý để suy nghĩ cơ trời.

5-- Đợi đò sang ngang: (quẻ Thủy thiên nhu).

Có thực lực rồi, nhưng phải chờ đúng lúc để phát huy thực lực. Muốn qua sông thì hoặc phải tìm chỗ nông, hoặc phải đến nơi nước đóng thành băng, hoặc phải đợi sóng bớt dữ, hoặc phải chờ đò ngang. César chỉ có thể vượt Rubicon đúng ngày hôm ấy nghĩa là giữa lúc Rome cần có César. Đảng Bôn-sê-vích chắc chắn không thành công nếu không có khoảng thời gian đêm của chính phủ Kérensky. Cũng bởi lẽ này nên Khổng Minh mới thu xếp kế hoạch chờ mùa gió đông để thắng trận Xích Bích. Không đúng lúc là không xong. Năm 1960 Tổng thống Eisenhower quyết định sang thăm Nhật, hai chính phủ chính thức thông báo đi và đón. Chẳng còn cái gì ngăn trở cuộc viếng thăm này nữa. Rút cục vì cái thế "Thủy thiên nhu" mà không thực hiện được, lý do dân Nhật rầm rộ biểu tình phản đối.

6-- Gặp kẻ ư tranh kiện: (quẻ Thiên thủy tụng).

Va chạm vô ích là điều tối kỵ của chính trị. Lạn Tương Như mỗi lần trông thấy Liêm Pha liền bảo mã phu lúi xe vào ngõ hẻm, tự ẩn mình cho khuất mắt Liêm Pha, bởi Liêm Pha là võ tướng hiếu thắng, chạm vào cái hiếu thắng ấy chỉ có hại cho nước là mang đến sự chia rẽ nội bộ. Phải giảm bớt chủ trương cứng rắn để đạt thắng lợi. Thái độ chính trị cần chuyển biến luôn cho hợp với tình thế thực tiễn. Đại úy Rohm với lực lượng SS (SA?) quá trớn hoành hành nên đụng độ với phe quân nhân, thiếu sự ủng hộ của phe quân nhân thì đảng Quốc xã không thể nắm chính quyền được. Do đó Hitler phải giết Rohm. Vua Charles đệ nhị của Anh quốc đã tạo thanh thế cho Cromwell chặt cổ mình vì lập trường ngoan cố hẹp hòi.

7-- Nổi tân khổ của kẻ lãnh đạo: (quẻ Địa thủy sư).

Cái thế không thể lùi được nữa, phải phát động chiến tranh, phải

quyết liệt chỉ có một con đường duy nhất là chiến thắng. Đó là lúc cần bộ tham mưu sáng suốt, cần quân đội thiện chiến, cần những cán bộ tinh thông. Thiếu những điều kiện này làm cơ sở khai vận tất phải thất bại. Sở Bá Vương sức muôn người khôn địch đánh đâu thắng đấy, một sớm bỏ mất Phạm Tăng là sự nghiệp kể như sụp đổ. Lưu Bang, bác đình trưởng nhỏ bé, với bộ tham mưu Trương Lương, Tiêu Hà, với tài nguyên sủng của Hàn Tín chỉ một trận Cai Hạ là cướp toàn thiên hạ. Napoléon chập chững bước vào chính trị, nếu không nhờ những vận dụng chính trị quỷ quyệt của Talleyrand và Fouché chắc hẳn Napoléon đã rơi đầu.

8-- Nước tràn ngập ruộng đồng: (quẻ Thủy đại tỉ).

Khi nước tràn ngập vào ruộng thì lúa thi nhau mọc. Hoàn cảnh của xã hội sau thời gian xơ xác vì chiến tranh, mọi người vui vẻ thuận hòa để mừng rỡ vận hội mới. Nhưng coi chừng bên trong vẫn có những mầm mống đấu tranh gay gắt. Người chính trị đừng quên cuộc giải phóng nước Pháp chẳng được mấy ngày hoan lạc liền đây là những cuộc tranh giành. De Gaulle người anh hùng giải phóng phải rút về nhà viết hồi ký với lời hứa hai mươi năm sau. Nước Việt sau 80 năm đô hộ thực dân Pháp, bình minh độc lập vừa ló rạng thì cũng khởi sự cuộc bắn giết quốc cộng. Làm thế nào để không thương tổn đại thể quốc gia dân tộc cũng không bị đứng sau người, đây là điều tuyệt khó trong cái thế Thủy đại tỉ vậy.

9-- Mây u ám mà không mưa: (quẻ Phong thiên tiểu súc).

Chưa có gì rõ rệt, lòng người muốn lắm mong lắm nhưng vẫn còn giữ thái độ trông và chờ ví như kẻ lữ hành trú vào quán bên đường, nếu vắng thì tiếp tục đi, mưa thì dừng chân hẳn. Người chính trị ở trường hợp này dù có thực lực chẳng nữa mà hành động chưa chắc đã thành. Quyết định lúc mây u ám chưa mưa là quyết định "dậy non", cho nên cuộc khởi nghĩa 1923 của Hitler mới thất bại. Đảng Cộng sản Pháp lâm vào ngõ bí chẳng biết động thủ thế nào cho phải suốt thời kỳ hiệp ước Đức Nga thân thiện. Phật giáo đã ném ra vài chính sách hòa bình khi mới chỉ được trông thấy vài đám mây hòa bình do C.I.A chiếu lên nên bị đại bại. Mật vận bất (vũ?) là chuyện thường hiện ra trên chính trị, bởi thế thái độ chính trị truyền thống của người Anh là "wait and see" thường là thái độ chính xác.

10-- Giẫm lên đuôi hổ: (quẻ Thiên trạch lý).

Lúc cực nguy nan sống chết treo bằng sợi tóc. Tài trí quyền biến được thử thách đến mức tối đa. Quyết định chậm là thua, quyết định sai là chết.

Gia Cát Lượng sức bị đại quân Tư Mã Ý đến, biết có chạy ngay cũng

chẳng thoát, liền mở toang cánh cửa thành ngòi ung dung gảy đàn lừa quân Tư Mã Ý sợ có quân mai phục rút lui ra xa rồi Gia Cát mới chạy.

Tào Tháo hết lương trong trận chiến Quan độ, nảy ra ý táo bạo cướp đốt kho lương của Viên Thiệu ở Ô sào để giải nguy cho mình.

Ra lấy được Bắc hà rồi, Chúa Tây sơn cũng nhận thấy cái người đáng quan tâm hơn hết ở đất Bắc là Nguyễn Hữu Chỉnh. Bởi Chỉnh là người trong bọn lại hay giảo quyệt nên Chúa Tây sơn vẫn phải giá ngự bằng đủ mọi cách. Trong lòng Chúa Tây Sơn nảy ra ý, bỏ rơi Chỉnh để cho người Bắc hà giết để trừ sạch hậu họa. Chúa Tây Sơn mới mật sai các quan đều phải sắp sửa nai nịt để chờ hiệu lệnh.

Nhưng ngoài mặt, Chúa Tây Sơn vẫn làm ra vẻ ung dung nhàn hạ cho Chỉnh khỏi ngờ vực. Canh hai đêm ấy, Chúa Tây Sơn sai người vào cáo biệt vua Lê rồi thần tốc rút đi. Gần sáng quân mật báo của Chỉnh về cho Chỉnh hay là Chúa Tây Sơn rút đi rồi. Chỉnh nghe tin đó trong lòng cực kỳ phân vân, tự biết mình thất thế, không dám ở lại, nhưng mà đi cũng khó, đường thủy không có thuyền, đường bộ không có quân, muốn trốn không có chỗ trốn, không biết nên đi đường nào. Trong lúc sống chết kinh khủng như vậy, Chỉnh còn nói đùa rằng: Ta đã đi chín châu bốn biển, đến lúc trở về xó bếp lại bị chuột chù cắn chân. Không sợ, không sợ, ta cứ ở đây xem sao.

Bấy giờ thuộc hạ của Chỉnh mới hơi vững dạ. Chỉnh bèn mật sai mấy tên thủ túc ra bến Cơ Xá tìm thuyền. Sáng ra, kiếm được một chiếc thuyền buồm, họ liền về báo với Chỉnh. Chỉnh bèn đem cả mấy chục tên thuộc hạ cùng ra cửa Ô Tây long. Người ở kinh đô tứ phía kéo về đuổi bắt Chỉnh. Chỉnh tự vác gươm chống đánh và (mở?) đường xuống đò chạy theo quân của Nguyễn Huệ. Khi nghe tin Chỉnh theo kịp mình, Nguyễn Huệ giật mình nói: Thằng chết lại khéo tìm đường sống. Thật giống con quỷ dạ xoa rêu rệu ám ảnh, cắt không thể đứt. Phần Chỉnh ở dưới thuyền, thủ hạ chỉ còn vồn vẹn ba chục người không dám bỏ thuyền lên cạn. Người xứ Nghệ an thấy Chỉnh cùng đường, họ bàn nhau định ngày khởi công bắt Chỉnh. Chỉnh biết thế mới tính nước bài táo bạo là mưu cướp trận Nghệ an vì nếu không đánh trước thì cũng chết. Chỉnh bèn liều lên bờ thảo hịch mộ quân, và ra lệnh chậm một khắc thì chém. Ở làng ấy có vài người bướng bỉnh, nửa đêm Chỉnh đem toàn lực đến chém sạch những kẻ chống lại lệnh của mình. Những người khác sợ phải theo Chỉnh, chỉ nội trong mấy ngày Chỉnh đã mộ được ngàn quân. Cướp được Nghệ an rồi, Chỉnh sai người ra bắc xin vua Lê phong cho mình làm Trấn thủ Nghệ an để tạo danh nghĩa. Gặp lúc Bắc hà kêu binh lại nổi loạn,

Chỉnh liền đem quân ra bắc giúp vua Lê dẹp loạn. Từ đó quyền Chỉnh ngang với vua.

Ngày 1 tháng 11-1963, ông Ngô Đình Diệm bị xô vào cái thế giẫm lên đuôi hổ. Hội chuông điện thoại của người Mỹ yêu cầu ông từ chức và lên máy bay đi khỏi nước. Ông từ chối và bị giết chết vì quyết định sai đó. Trong khi những Trujillo, Péron cũng ở trong cái thế tương tự đã quyết định trái ngược hẳn với ông Ngô Đình Diệm đều thoát chết.

11-- Thuận buồm xuôi gió: (quẻ Địa thiên thái)

Khoảng giáp thế kỷ thứ 20, Âu châu đã có hơn 30 năm cực thịnh, các nhà làm sử đặt tên thời kỳ này là belle époque. Xã hội yên bình, buôn bán phát đạt, chinh phục dễ dàng, như vậy kinh Dịch gọi là cảnh địa thiên thái.

Thuận buồm xuôi gió nói lên cái lợi thế của người làm chính trị trong quãng thời gian nào đó, như Napoléon kể từ 1812 là bắt đầu hết thời kỳ địa thiên thái.

12.-- Bước vào ngõ bí: (quẻ Thiên địa bĩ)

Ý kiến dân chúng ngược với chính phủ, việc làm của chính phủ không được dân chúng ủng hộ, như vị Tsar cuối cùng của dòng họ Romano vào những năm 1916, 1917. Mussolini lúc quân Đức Quốc xã tràn vào đất Ý, tổng thống Hoover (Hoa kỳ) trước khủng hoảng kinh tế trầm trọng năm 1929, như Trotsky trước vụ án Mạc tư khoa (Procès de Moscou). Soekarno sau vụ đảo chính của Cộng sản. Chính trị chỉ ra thoát ngõ bí với thái độ và hành động của tập đoàn Phạm Lãi, Văn Chung và Việt Vương Câu Tiễn sau nhục nhã Cối kê là đoàn kết, nhịn nhục và cố gắng lấy lại sức mạnh.

Nếu hành động giống Tôn thất Thuyết, Nguyễn văn Tường và vua Hàm Nghi thì chỉ càng đi sâu vào ngõ bí.

13.-- Lúa chiêm gặp sấm: (quẻ Thiên hỏa đồng nhân)

Lúa chiêm phải có sấm động mới vượt tốt lên. Khi Franco tiến quân về Madrid, nói với các báo rằng: "Tôi hiện có bốn đạo quân tiến đánh thủ đô, ấy là chưa kể đạo quân thứ năm đã nằm sẵn tại đó." Đạo quân thứ năm của Franco là hệ thống tăng lữ Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng Pie 12 chống lại chế độ Cộng sản. Ngoài ra Franco còn được phe Đức Quốc xã tận tình giúp đỡ.

Hitler thả sức một mình không thể đủ khả năng lật đổ cộng hòa Weimar, nhưng quyết định của Von Hindenburg, Tổng thống Đức đã như chất đạm do sấm làm tỏa xuống bón cho lúa chiêm quốc xã. Kinh Dịch viết: Quân tử hòa nhi bất đồng. Thế thiên hỏa đồng nhân là thế mặc dầu có lực sẵn nhưng phải cần sự giúp đỡ bên ngoài, tuy nhiên đây chỉ là chuyện mượn sức thôi, không thể bị hóa.

14.-- Mặt trời giữa đỉnh trời: (quẻ Hỏa thiên đại hữu)

Thời cơ cực thuận tiện, lòng người, sức mạnh đều dư dả như Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ hai lần đem quân ra Bắc. Hãy tập trung vào mục đích và làm tới không để lỡ thời cơ. Nhưng hãy cẩn trọng vì mặt trời lên đỉnh trời là tới tuần đi xuống. Nếu không tiếp tục duy trì thì cán bộ sinh kiêu sa, lười biếng trong khi kẻ thù đang quyết chí tổ chức phá hoại.

15.-- Trong kho lúa đầy thóc tốt (quẻ Địa sơn khiêm)

Lực thiệt mạnh mà thái độ rất khiêm hư để tranh thắng. Lấy bề cao của núi lớn mà đối với mức thấp của thung lũng. Ở địa vị lớn mà sử dụng kẻ dưới thì thái độ khiêm hư lúc nào cũng là thủ đoạn đáng áp dụng nhất. Lối gào thét của Đức Quốc xã dọa nạt chỉ ăn được thời gian đầu, về sau bị thù ghét. Lối xâm nhập bằng chủ nghĩa, bằng mê hoặc, bằng ảo tưởng xã hội anh em nguy hiểm hơn. Tính kiêu hãnh khinh bạc của Trotsky nhỏ nước bọt vào tay Staline khi Staline chìa tay ra chào Trotsky, tất nhiên phải thua tính tình nhẫn nhục, trầm lặng gan dạ của Staline.

16.-- Đắp lũy đào hào: (quẻ Lôi địa dư)

Mùa xuân tuy sấm chưa động lớn nhưng lộc cây cỏ đã nảy ra trong lòng đất, giấc ngủ triền miên của mùa đông sắp hết, đó là lúc đòi hỏi sự chuẩn bị trên mọi mặt, những điều dự đoán, dự ngôn suy tính rất cần thiết. Lúc vừa thắng giặc, mãi vui với chiến thắng người ta thường tự cho mình là tài giỏi hơn người nên quên mọi nguy hiểm có thể đưa dẫn đến đại bại. Napoléon đánh dần tới Moscou mà quên mất mùa đông của nước Nga. Lúc vừa thất trận, bàng hoàng với thua thiệt, người ta thường không dám nghĩ đến khả năng thắng trong tương lai. Cả hai tình trạng thiếu chuẩn bị, thiếu dự tri đều nguy hại như nhau.

17.-- Sấm dậy lỗi thời: (quẻ Trạch lôi tụy)

Đang ở thế chủ động, bị dồn vào thế bị động, muốn tự điều khiển cũng không được nữa, chẳng khác gì tiếng sấm giữa mùa thu, sấm vẫn lớn, nhưng cây lúa không cần nó nữa. Đây là hoàn cảnh của các lực lượng chính trị tại các nước nhỏ yếu trước những biến chuyển chính trị do các nước đại cường thao túng. Tất cả mọi hoạt động đều phải tùy thuộc một thế khác. Thỏa thuận Nga- Mỹ can thiệp quân sự của Mỹ tới Việt Nam đã biến Mặt trận Giải phóng miền Nam thành một loại sấm dậy lỗi thời đang mạnh trở nên yếu.

18.-- Con ròi nằm trong ruột: (quẻ Sơn phong cổ)

Bên ngoài được che đậy bằng nước sơn tốt đẹp, bên trong đã bị mối ăn ruỗng. Tường Giới Thạch sau Thế chiến thứ Hai, đưa Trung quốc

vào hàng tứ cường, kháng chiến thắng lợi, hội hoa đăng khắp nơi tung bùng. Kỳ thực đồng quan kim mắt giá nhanh như tên bay, nội bộ Quốc Dân đảng lục tục chia rẽ, khắp mọi cơ quan bị Cộng sản tiềm nhập phá hoại. Chỉ một năm chiến tranh Quốc Cộng cái thế đại cường của Tưởng sụp đổ tan tành.

Con ròi nằm trong ruột là một điều rất đáng sợ đối với chính trị. Với cá nhân Tần Cối, cá nhân Thái Tử Bĩ đã làm cho Tống và Ngô mất nước dễ dàng. Bởi với vấn đề chấn chỉnh, tổ chức nội bộ bao giờ cũng là vấn đề hàng đầu của đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ của người lãnh đạo là sớm phát hiện những mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa ta và địch và mâu thuẫn nội bộ.

19.-- Lâm cơ ứng biến: (quẻ Địa trạch lâm)

Đường lối mượn gió bẻ măng. Có một chủ trương nhất định nhưng cũng có một sách lược khôn khéo lựa theo thực tiễn trước.

Talleyrand đi hội nghị Vienne sau khi Napoléon bị lưu đày. Nhiệm vụ của Talleyrand là làm sao cho nước Pháp vẫn giữ địa vị cường quốc mặc dầu Pháp bại trận. Muốn thế Talleyrand phải áp dụng thái độ tuyệt đối mềm dẻo có thể biến ra nhiều hình thù khác nhau.

20.-- Nhìn cơn gió lớn: (quẻ Phong địa quan)

Cơn gió lớn thổi mạnh làm mù trời mù đất, đó là lúc vạn sự nan hành, dân thân hoạt động sẽ đem đến nhảm lẫn bước hụt. Tốt hơn hãy bình tâm tĩnh khí, kiên thủ cương vị cho qua cơn mù bụi. Nhìn tức là quan, ý nói chẳng những phải yên lặng còn phải kiểm thảo toàn bộ chính sách. De Gaulle thời kỳ đệ Tứ Cộng hòa bị hất ra ngoài, ông lui về ẩn một nơi để viết hồi ký, bồi dưỡng lực lượng, suy tưởng chính sách tương lai. Sau 14 năm ông xuất quân và thành lập đệ Ngũ Cộng hòa Pháp. Sắp thua ở Hoa lục, Tưởng Giới Thạch đẩy Lý Tôn Nhân ra làm Tổng thống để thân mình được rảnh gánh vác việc đảng, thu xếp căn cứ địa Đài loan.

21.-- Có một vật cần đập vỡ: (quẻ Hỏa lôi phê hạp)

Đây là một thế chính trị gặp chướng ngại vật len vào giữa và cần phải đập vỡ thì mới tiến đến mục tiêu. Tỷ dụ minh ước hợp tung của sáu nước khiến Tần không thôn tính được lục quốc, phải phá vỡ minh ước hợp tung mới mong xâm lấn thống nhất. Việt Câu Tiễn mê hoặc vua Ngô, vua Ngô có Ngũ Tử Tư can gián nên còn tỉnh táo, vì vậy phe Việt Câu Tiễn phải lập mưu giết Ngũ Tử Tư trước. Năm 1945 quân đội Trung hoa đóng ở Bắc vĩ tuyến là một chướng ngại vật ngang giữa hòng Việt Minh không cho nắm trọn chính quyền, quân đội Trung hoa cũng đồng thời là một chướng ngại vật trung gian không cho Pháp tiến vào miền Bắc. Việt Minh và Pháp đã thỏa

thuận đập vỡ chướng ngại vật ấy bằng hiệp ước 9-3-1946.

22.-- Huy hoàng của ngọn đèn tàn: (quẻ Hỏa sơn bí)

Thu sơn hồng diệp ánh tà dương, buổi chiều nắng xế rực rỡ nơi chân trời và sau đây là đêm tối. Chính trị thấy hiện ra màu sắc giả dối này, cuộc cách mạng Pháp đã được báo hiệu bằng kim cương vàng ngọc hội hè tưng bừng của cuối triều vua Louis 16. Paris vào năm 1939 thật hoa lệ, các nhà lãnh đạo tin tưởng vào chiến lũy Maginot thừa sức ngăn chặn xâm lược Đức, nước Pháp mạnh hơn bao giờ hết. Nhiều chính trị gia trong cũng như ngoài nước bị lừa vì vẻ huy hoàng ảo ảnh đó.

23.-- Núi sập: (quẻ Sơn địa bác)

Tình thế hết đường cứu vãn, trên thân hình con sư tử đầy những vết thương rời bỏ hung nhúc, như chế độ Tsar hoàng năm 1917 và Tưởng Giới Thạch năm 1949. Hitler sau khi thất trận tại Leningrad. An Dương Vương bị Trọng Thủy đánh cắp mất nỏ thần.

24.-- Đợi mùa xuân đến: (quẻ Địa lôi phục)

Do không khí tiêu trầm của 1905 tiến lên nhiệt náo hăng say của 1917. Lénine nhìn sự thất bại của cuộc nổi dậy 1905 để rút ra bao kinh nghiệm đấu tranh, ông hy vọng sự khôi phục, ông chờ đợi một mùa xuân nếu biết sửa đổi lối làm việc. Lénine coi cuộc đấu tranh 1905 như là việc phải học tập của những người muốn làm sử, ông căn cứ vào ưu khuyết điểm từ đây mà suy nghĩ cho kế hoạch mới. Phải có 1905 Lénine mới nhận thấy rằng: vô sản công nghiệp đã đại bại vì không có quần chúng nông dân hưởng ứng cách mạng.

25.-- Trầm tĩnh mà nhận xét biến hóa: (quẻ Thiên lôi vô vọng)

Nữ văn sỹ Pearl Buck trong cuốn Good Earth có tả thảm cảnh của bác nông dân Vương Long đang tràn ngập hy vọng với lúa chín đầy đồng thì bỗng đâu bão táp đổ xuống, sau đến châu chấu kéo đến phá hoại đồng ruộng. Có những lúc sự nghiệp chính trị cũng chịu chung một hoàn cảnh với Vương Long, bị những thế lớn ở đâu sập đến làm bao xây dựng đổ vỡ. Trốn cũng chẳng được nào, vậy hãy bình tĩnh tiếp thụ hoàn cảnh mới như bác Vương Long nhẫn nại tiếp tục chiến đấu.

26.-- Tích thóc lúa vào trong vựa: (quẻ Sơn địa đại súc)

Trong Việt Nam sử lược, ông Trần Trọng Kim viết:

"May lúc ấy có một đảng anh hùng nổi lên, kéo cờ nghĩa để chống với giặc Minh, trong 10 năm ấy lại được giang sơn cũ, và xây đắp lại nền độc lập cho nước Nam. Đảng anh hùng ấy, người ở làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, họ Lê, tên là Lợi. Đã mấy đời làm nghề canh nông, nhà vẫn giàu có, lại hay

giúp đỡ cho kẻ nghèo khó, cho nên mọi người đều phục, và những tôi tớ ước có hàng nghìn người... Ông giấu tiếng ở chốn sơn lâm, đón mời những kẻ hào kiệt, chiêu tập những kẻ lưu vong". Bất cứ nghiệp lớn nào trước khi nó thành tựu cũng đều phải qua một thời gian dưỡng trí tích lực. Trước khi mở một chiến dịch tất cần điều nghiên và chuẩn bị.

27.-- Săn mồi: (quẻ Sơn lôi dĩnh)

Kinh Dịch giảng Sơn lôi dĩnh rằng: Quan dĩnh tự cầu khẩu thực. Ý nói hãy đo miệng mà nuốt mồi. Lực lượng chính trị đã đủ để phát huy, nhưng coi chừng phải tính sức mà tung hoành. Kinh Dịch lại giảng thêm: Hồ thị trầm trầm, kỳ dục trực trực, nghĩa là con hồ dăm dăm nhìn vào con mồi cái thềm cuộn cuộn nổi dậy. Ý nói đã đành nên lượng sức, nhưng cũng phải say mê tìm chiến thắng.

28.-- Vai mang quá nặng: (quẻ Trạch phong đại quá)

Con trần quần được heo rừng. Con heo rừng lớn, trần nuốt vào bụng chưa tiêu. Lúc ấy chính là lúc con trần yếu nhất.

Chung quanh chiến thắng là những nguy biến rình rập. Nhật vào Trung quốc thật dễ, nhưng chính Nhật đã sa lầy ở đó. Phe Brutus giết César rồi, nhưng không nắm vững tình hình, bị Marc Antoine dấy động dân chúng đánh đuổi, Brutus phải tự vẫn. Vương Dỗan giết Đồng Trác rồi lên nắm chính quyền, trong vòng vài tháng chính quyền tan rã và bị Lý Thôi Quách Dĩ đâm chết.

29.-- Thác lũ đổ về: (quẻ Khảm vi thủy)

Hoàn cảnh đen tối nhất cho người làm chính trị mênh mông sống nước ngút trời. Đây là lúc mà người chính trị cần hơn lúc nào hết lòng gan dạ, nhẫn nại chiến đấu với sóng nước trùng trùng, lúc nào cũng giữ cho đầu nhô khỏi nước không bị chìm. Phải có thái độ ấy Mao Trạch Đông vá tập đoàn của ông mới thực hiện được cuộc Vạn lý trường chinh gian khổ suốt từ miền Nam lên miền Bắc, từ Thụy kim tới Diên an. Ngũ Tử Tư trốn tránh vua Sở, chỉ một đêm lo nghĩ mà đầu đã bạc phơ. Gia Long trốn lủi trong rừng, đói quá phải đào củ chuối mà ăn.

30.-- Nắng đầu mùa: (quẻ Ly vi hỏa)

Nắng đầu mùa hạ, đem ánh sáng diệp lục tố xuống cho cỏ cây xanh tốt. Khí thế của một lực lượng đang lên thay thế cho những gì đã lỗi thời như vị Hoàng thái tử lên nối ngôi vua, lòng tràn ngập bao lý tưởng tốt đẹp hăng hái. Tuy nhiên phải coi chừng vì Ly là lửa, lửa rất cần nhưng nếu quá lạm sẽ thành hỏa tai. Ánh nắng đem nguồn sống cho cỏ cây, nhưng nếu nắng gắt sẽ làm sự sống héo hon. Vua Constantin của Hy Lạp năm 1967 đã thất bại vì sự quá lạm gay gắt

đó. Vương Mãng sụp đổ vì thi hành chính sách quá mới mẻ mà lại quá vội vã.

31.-- Tân hôn chí hỷ: (quẻ Trạch sơn hàm)

Thời thế mới mẻ, lòng người quá rung động bùng nổ. Đó là lúc mau mau chớp ngay nhân tâm chớ để lỡ cơ hội, cảm tình lúc ban sơ thật quan trọng, nên việc hay hay dở không là do vấn đề xử sự lúc đầu. Năm 1945, Nhật bản đầu hàng, phe Quốc gia đã bỏ cuộc chạy đua với Cộng sản để cướp lấy cái thế mới mẻ, gây thành cuộc chiến gian khổ kéo dài cả mấy chục năm.

32.-- Nắm vững lẽ thường: (quẻ Lôi phong hằng)

Churchill phê bình Hitler là anh chàng bắt cá vụng về, cạy sức nhảy ùm xuống ao khuấy rợn nước lên, rồi tay chộp con này tay bắt con khác rút cục mệt xác mà cá không bắt được hết. Nếu là tôi... lời Churchill, thì tôi sẽ từ từ tát cạn ao, ao khô cá nằm chềnh ềnh chỉ việc thò tay tóm từng chú bỏ vào rọ. Trong trận Thế chiến thứ Hai, Churchill đã đem thái độ trầm tĩnh của một người lão luyện tuổi tác để mà chống thái độ bột khí thiên tài của Hitler. Kết quả Churchill thắng. Dùng ít sức mà dành được thắng nhiều là lẽ thường của chính trị. Lôi phong hằng theo Dịch lý tìm được cái tĩnh trong sự động. Tâm vững như bàn thạch mà tung đòn ra đánh người. Tôn Tử nói: "Trước hết phải lập được cái thế không bại rồi sau mới nói tới chuyện thắng".

33.-- Chạy là hơn: (quẻ Thiên sơn độn)

Vận khí suy thoái, không thể gắng mà đương đầu, phải chạy để bảo toàn thân mạng. Năm 1907, tình hình mỗi ngày một nặng, tập đoàn Bôn-sê-vích ở Phần lan bị bao vây, vòng vây mật vụ khép chặt dần. Trung ương đảng bộ họp gấp và chuyển cơ sở chạy sang một nước khác. Đêm di chuyển Lénine phải đi qua con sông đóng băng, bỗng một tảng băng sứt dưới chân ông, may mắn Lénine thoát nạn, quay lại nhìn dòng nước xóay, Lénine tự nghĩ nếu vừa rồi mà thụt chân xuống thì thật là một cái chết cực ngu xuẩn.

Nguyễn Hoàng thấy anh là Nguyễn Thông bị Trịnh Kiểm nghi ngờ giết đi, nên sợ có ngày Trịnh Kiểm tính đến chuyện ám hại cả mình, nên nhờ chị là bà Ngọc Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam.

34.-- Con ngựa phi nước đại: (quẻ Lôi thiên đại tráng)

Thừa thắng nhuệ khí như con ngựa đua vừa nghe hiệu lệnh khởi hành. Nhưng mới vài vòng đã có nhiều con vì không biết dưỡng lực vì tưởng mình đủ sức, nên yếu dần, có nhiều con chạy bừa bãi nên vấp ngã.

Vừa chiếm chính quyền Nga, Trotsky lên tiếng cổ vũ cho cuộc cách

mạng đở trên toàn thế giới ngay tức khắc, trong khi Lénine và nhất là Staline chủ trương nước Nga trước đã, hãy cách mạng cho nước Nga thôi. Đường lối của Trotsky quả đã kém chính xác, kém thực tế không nhìn thấy rằng Nga sau 1917 chỉ là một người ốm lâu ngày mới khỏi. Nếu đường lối ấy mà áp dụng thì tất cả nước tư bản Âu châu đã quây quần tiêu diệt bằng được "chính thể xã hội" Nga để tự vệ.

35.-- Ánh nắng ban mai: (quẻ Hòa địa tấn)

Nắng sớm đầy tia sáng hy vọng cho một ngày đẹp trời. Vạn sự khởi đầu nan, ánh nắng ban mai tượng trưng cho lực lượng chính trị mới xuất hiện nên cần động viên khí sức để gây ấn tượng cho mọi người. Tập đoàn trẻ trung của J.F. Kennedy tiến quân vào tòa Bạch ốc năm 1960, các báo chí gọi là đợt sóng mới của Hoa kỳ đã làm cho không khí chính trị Hoa kỳ mát mẻ trở lại, phe bảo thủ cảm thấy lo sợ.

36.-- Vàng thái dương rơi xuống đất: (quẻ Địa hỏa minh di)

Minh di, kinh Dịch giải là ánh sáng bị tiêu diệt. Trời đất tối hù, càng bước càng hụt. Tốt hơn là ẩn một nơi đợi trời sáng.

Vàng thái dương rơi xuống đất ví như người chính trị tài ba, nhưng bị bao vây bởi nhiều kẻ thù ganh ghét, thế tất phải lẩn trốn cho mau không thì họa đến sau lưng.

Vàng thái dương rơi xuống đất cũng ví như người chính trị trước đây đứng trên một cái thế chới lợi nào đó, nay thời cục biến chuyển cái thế ấy mất đi, như Laurenti Béria sau khi Staline qua đời. Béria bị bao vây và bị bắt giết mặc dầu Béria rất quỷ quyệt cũng đã tính trước nhiều nước cờ.

37.-- Ngọn lửa bếp: (quẻ Phong hỏa gia nhân).

Trở về nhà bên người vợ hiền với ngọn lửa bếp reo vui. Đây là một thế chính trị đã hết phát triển, nên phải cố thủ. Tôn Quyền ở Giang đông khi nói ngôi Tôn Sách rút kinh nghiệm những quấy động không ăn thua gì vì Giang Đông không đủ điều kiện như Trung Nguyên của nhà Ngụy, nên đành chỉ thu vén việc nhà củng cố đất Giang đông để nắm lấy một khu vực ngày nào mà thế chia ba chân vạc vẫn tồn tại. Ngọn lửa bếp của Tôn Quyền do tể tướng Tưởng Uyển chịu trách nhiệm.

38.-- Hết thời kỳ chịu đựng: (quẻ Hỏa trạch tàng)

Nước với lửa xung đột nhau, xung đột bùng nổ, hết thỏa hiệp, hết hòa thuận. Sự chịu đựng nhau trong chính trị chỉ có tính cách tạm thời, đấu tranh mới là hiện tượng thường xuyên. Người chính trị không lúc nào được quên cảnh giác điều ấy, luôn luôn đề phòng và đoán biết trước lúc nào là lúc hết thời kỳ chịu đựng.

Ba mươi năm làm việc chung với nhau cũng không đủ để ngăn Mao Trạch Đông quyết liệt tiêu diệt sinh mệnh và sự nghiệp chính trị của Lưu Thiếu Kỳ.

Zinoviev, Kamenev và Staline đứng vào một trận tuyến lật đổ Trotsky. Kết cuộc Trotsky chỉ bị lưu đày, còn Zinoviev và Kamenev thì bị Staline thủ tiêu.

39.-- Bãng giá làm tê công chân tay: (quẻ Thủy sơn kiển).

Kinh Dịch viết: "Kiển! nan dã. Hiểm tai tiền Kiển hiểm nhi năng chỉ. Tri hĩ tai." Nghĩa là: Kiển! Lúc khó khăn nguy hiểm ở trước mặt. Thấy nguy mà dùng được. Thế mới gọi là biết. Chính quyền Kennedy, quyết liệt với việc Nga định biến Cuba thành căn cứ hỏa tiễn ngay trong lòng châu Mỹ, hạ tối hậu thư cho Nga. Khrouchev dịu ngay cấp tốc cho đời hỏa tiễn khỏi Cuba. Robert Kennedy trước khi ra tranh cử, ông có lẽ đã nghi hoặc sẽ bị giết như anh ông nhưng ông vẫn quyết định tranh. Kết quả ông quy bởi âm mưu sát hại.

Thấy nguy hiểm vẫn dấn thân, đó là thái độ của người quân tử nghĩa hiệp nhưng không phải là thái độ chính trị tốt.

40.-- Tuyệt tan dưới ánh dương xuân: (quẻ Lôi thủy giải).

Cái thế bị dồn cực qua rồi, nay sự trói buộc đã hết, phải cướp cho mau những chỗ tốt trong thế mới không thì có chán vạn kẻ khác tranh cướp mất.

Cuối đời Đông Hán, vận động khăn vàng một thời gian tung hoành rồi tàn lụi, quần hùng sợ nhau ra tranh cướp thế của nhà Hán. Cuối cùng Tào Tháo nhờ sách lược đúng đắn đã cướp được vị thế ưu việt nhất. Khổng Minh khi gặp Lưu Bị đã phải nói: Bây giờ thiên thời ở trong tay Tào Tháo, địa lợi do Đông Ngô cai quản, sứ quân chỉ còn lại nhân hòa mà thôi.

41.-- Biết tự hy sinh: (quẻ Sơn trạch tổn).

Tổn ở đây không phải là tổn thất, tổn hại, mà là cắt ra một khoản tiền để đặt vốn vào công cuộc làm ăn tương lai. Biết tự hy sinh là kết quả của sự trông xa thấy rộng.

Trần Anh Tôn tước bỏ bụng dạ hẹp hòi về uy tín đem Huyền Trân Công chúa gả cho vua Chiêm thành để lấy lễ vật hai châu Ô, châu Rí làm bàn đạp cho đời sau mở mang bờ cõi.

Cập thời Vũ Tống Giang gặp ai cũng tự thu nhỏ cái tôi của mình lại để phát triển uy thế chính trị cho mình.

Trương Lương đi dụ kẻ thất cơ lỡ vận Hàn Tín bằng thái độ khiêm cung dâng biểu Hàn Tín thanh kiếm báu.

42.-- Biết ăn trong lợi ích chung: (quẻ Phong lôi ích)

Tổ mà bị phá vỡ thì trưng tranh giành cái chi?

Cái lợi trong chính trị, trước hết phải đặt nó vào thế chung, không thể nhìn điều lợi hại như người nhìn da con báo qua một cái ống, hoặc chỉ thấy toàn màu đen hoặc thấy toàn màu vàng.

Sách Chiến quốc Sách chép:

Trong trận Trường bình, Bình Đô Quân bảo vua Ngụy:

- Sao đại vương không theo chính sách hợp tung để chống lại Tần?

Vua Ngụy đáp: Vì Tần hứa cắt đất Viên ung cho ta.

- Tôi cho rằng lời hứa đó là lời hão.

- Tại sao vậy?

- Tần và Triệu cầm cự nhau từ lâu ở Trường bình mà bất phân thắng bại, nếu thiên hạ liên hiệp với Tần thì Triệu mất, Tần sợ đại vương đổi lòng nên đem đất Viên ung ra làm mồi nhử. Tần thắng Triệu rồi, liệu đại vương có dám đòi cắt đất Viên ung không?

- Không!

- Tần mà không thắng Triệu thì đại vương có thể khiến cho Hàn (Tần?) cắt đất Viên ung cho đại vương không?

- Không.

- Vì thế tôi mới cho rằng chuyện cắt đất Viên ung là chuyện hão huyền.

- Đúng.

43.-- Con hổ gào dưới trăng: (quẻ Trạch thiên quyết)

Truyện Liêu Trai, Bồ Tùng Linh kể rằng:

Có một vị tú tài rất giỏi về thơ, thiên tài của hắn không được người đời biết thưởng thức, nên hắn giận dữ, động mở miệng là chửi bới. Một hôm bỗng dưng hắn uống hũ rượu lớn rồi thấy mình hóa thành con hổ. Hắn chạy lên rừng nằm gào dưới trăng than trách trạng huống cô đơn. Bạn bè thân thiết động lòng thương lên rừng thăm hỏi. Con hổ nhất định lánh mặt, chỉ nhắn lời nhờ bạn hữu hãy vì mình mà phổ biến thơ. Các bạn hỏi: Tại sao không ra chào hỏi nhau? Hổ đáp: Nếu tôi ra tôi sẽ ăn thịt các anh mất, vậy các anh muốn thấy mặt tôi thì các anh hãy lùi ra dăm trăm thước. Bạn hữu nghe lời hổ, ngoảnh lại nhìn quả nhiên thấy một con hổ buồn bã tịch mịch đang ngửa lên nhìn trăng mà gào thét.

Con hổ ấy chính là một chính khách không thích ứng với tình thế trước mặt, cái tài khác lạ của con phượng trong bầy gà. Rõ ràng là con cá mắc cạn.

Con hổ ấy chính là một nhà độc tài đã đến lúc điên cuồng.

44.-- Chuyện ngẫu nhiên ập đến: (quẻ Thiên phong cầu)

Khổng Minh ngất đi khi nghe tin Phượng Sồ thảm bại bỏ mình ở gò Lạc phượng, điều mà Khổng Minh không hề tính trước. Phượng Sồ

chết, nửa kế hoạch của Khổng Minh hỏng theo.

Sinh hoạt đầy dẫy những điều bất ngờ. Chính trị là hoạt động cần tính toán, nhưng càng tính toán thì khi bất ngờ ập đến càng làm nghiêng ngả bấy nhiêu.

Trong chính trị cần khai thác được những cái không liệu trước cũng như cần tôi luyện vững chắc khả năng ứng phó được với mọi chuyện bất ứng xảy đến.

Trận Leningrad sờ dĩ Nga thắng bởi vì Nga nhờ tin tức Sorge nên biết chắc chắn không bị Nhật bất ngờ đánh sang Sibérie, nên Nga có thể vững tâm đem đại quân từ Sibérie về cứu viện.

Trận Leningrad Đức thua vì không tính đến việc Nga có thể rút đại quân từ Sibérie về tiếp sức giáp công.

Trotsky trên con đường lưu đày, được một nhà báo phỏng vấn: "Điều gì làm ông ân hận nhất?"

Trotsky đáp:

- Điều khiến tôi ân hận nhất là tôi không ngờ chính Staline mới là kẻ thù lợi hại. Trước kia tôi chỉ chú ý đến Zinoviev và Kamenev.

45.-- Hỏi kẻ dân gian: (quẻ Trạch địa thụy)

Theo kinh Dịch thì Trạch địa thụy là sự tụ tập. Ông vua đứng trước một tình thế mới, cần phải có sự quyết định mới mẻ táo bạo nhưng không muốn tự ý làm một mình, nên tổ chức cuộc tế lễ người xưa. Ở đây vua sẽ gặp nhiều người để thu thập ý kiến. Mỗi cuộc tế lễ ấy sự thu thập ý kiến sẽ đặt trên cơ sở truyền thống lịch sử của một quốc gia.

Trần Nhân Tôn nghe tin quân Nguyên cất binh xong liền lập tức cho triệu các bô lão dân gian hội tại Diên Hồng để bàn xem nên hòa hay nên đánh. Các bô lão đều đồng thanh xin đánh. Vua thấy dân gian một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng cự.

46.-- Hạt giống mới gieo: (quẻ Địa phong thăng)

Hạt giống mới gieo muốn được lớn lên còn phải tùy thuộc vào những điều kiện khách quan, đất có màu tốt không? mưa có thuận, gió có hòa không?

Dĩ nhiên, những điều kiện chủ quan đã cần phải có sẵn rồi, hạt giống cần tự có lực mới mong nảy mầm bén rễ, nhưng đối với điều kiện khách quan thì hy vọng với thực tế còn cách khoảng nhau xa lắm.

Lực lượng hay cá nhân chính trị nào cũng phải qua một thời kỳ này.

Cuốn sách Tả phái Ấu trĩ bệnh (La maladie infantile du

Communisme) của Lénine là cuốn sách viết cho những hạt giống chính trị mới gieo. Cuốn Mein Kampf của Hitler viết trong tù là cuốn sách báo hiệu Quốc xã Đức nhờ những điều kiện khách quan có lợi

đã trở mầm.

47.-- Cây bị hãm trong chậu: (quẻ Trạch thủy khôn)

Cảnh khôn khổ của người chính trị như lời Mạnh Tử nói: trời sắp trao trách nhiệm lớn cho người đó nên bắt người đó phải khổ cực.

Thời kỳ Lénine sống ở Thụy sỹ, ông chỉ có một chiếc áo rét, một đôi giày, trong nhà không bao giờ có ngọn lửa sưởi và giải trí duy nhất của Lénine là đi lững thững quanh hồ.

Việt Vương Câu Tiễn thất trận Cối kê sang làm mã phu cho vua Ngô, nằm trên giường toàn bằng củi gai, treo mật đắng ở đầu giường mỗi sáng đều ném chất đắng.

Hitler không nhà không cửa phải ngủ đường và ăn cơm bố thí.

Cái quan trọng của thời kỳ này là sự thử thách chí lớn, nếu chịu trăm ngàn tân khổ mà không giữ được tiết tháo, không kiên trì lòng tin vào công cuộc mình theo đuổi thì coi như cây đã chết khô.

48.-- Giếng nước ngọt cho kẻ đang khát: (quẻ Thủy phong tỉnh)

Thời xưa các bộ lạc mỗi lần định cư ở đâu đều đào giếng. Khi giếng hết nước thì bộ lạc bỏ đi. Giếng nước trong mát thật quý báu cho người đang khát, cho nên đối với cổ nhân nước giếng ví như một mỹ đức.

Tuy nhiên không nên quên một điều: khát trông thấy giếng nhưng phải có gàu múc nước giếng. Giếng với đồ vật múc nước không thể tách rời nhau. Thiếu gàu múc nước, người khát sẽ chết vì giếng.

Nhật đuổi Pháp, lập chính phủ Trần Trọng Kim. Nhật bại trận đầu hàng, giếng nước mát đặt ngay trước mặt chính phủ Kim, chính phủ Kim nhắm mắt buông xuôi vì không có gàu múc nước, gàu múc nước bấy giờ là khả năng chính trị và kinh nghiệm chính quyền.

Nhật xâm chiếm Trung quốc, Ông Tinh Vệ bắt đồng chính kiến với Tưởng đã lâu, liền ùa theo Nhật. Ông Tinh Vệ quả đã khát đến độ không chịu đựng được nữa nên lao đầu xuống giếng uống nước rồi chết trong giếng.

49.-- Lời hô cách mạng đã vang dội: (quẻ Trạch hỏa cách)

Thời thế đòi hỏi một sự biến đổi lớn lao, Cách mạng!

Đáp ứng với nhu cầu cách mạng, phải lột bỏ tư tưởng cũ, lề lối hành động lỗi thời và thái độ ngoan cố.

Sau khi đợt cách mạng đầu tiên bị đàn áp (1905), cách mạng Nga thoái trào. Các công nhân mệt mỏi vì những theo dõi chán nản tranh đấu. Phần tử trí thức tự do thất vọng chui vào cái vỏ tư tưởng huyền bí, tôn giáo và nghệ thuật vị nghệ thuật. Phần tử trí thức Mác xít chịu ảnh hưởng của một thứ chủ nghĩa xét lại từ Đức thổi về. Những người vai vế như Bogdanov, Bazarov, Lounatcharski và cả Gorki nữa

rủ nhau xây dựng một hình tượng Thượng đế cho chủ nghĩa xã hội. Lénine hết sức lo ngại cho hiện tượng cách mạng tồi tệ này, ông đề ra công tác: đấu tranh nhằm phá tan đám sương mù duy tâm tôn giáo. Tác phẩm căn bản cho công tác này là cuốn: Matérialisme et Empirio-criticisme. Lénine viết:

"Giữa lúc mà quần chúng xông vào cuộc đấu tranh cách mạng mới mẻ và phong phú, nhiệm vụ của chúng ta là cấp tốc mở cuộc đấu tranh xây dựng một nền triết học cách mạng."

50.-- Tập hợp các điều kiện: (quẻ Hoả phong đỉnh)

Cổ nhân làm cái đỉnh với ba chân tượng trưng cho thiên, địa, nhân, cho thời, thể, cơ, cho hoàn cảnh, tài lực và trí lực v.v... Mất một chân, cái đỉnh không thể đứng vững được.

Lưu Bang được Tiêu Hà trông nom cho mọi việc thuộc về nội chính, được Trương Lương dâng mưu hay, nhưng vẫn chưa phát triển mạnh vì còn thiếu một vị nguyên súy. Do đó Trương Lương mới giả làm người bán kiếm đi dụ Hàn Tín về cho Lưu Bang.

Hitler năm 1923 thất bại vào tù, gặp Goebbels ông mới hiểu sức mạnh của tuyên truyền. Ra ngoài hoạt động có Goering đem về cho Hitler sự ủng hộ của giai cấp quý tộc Đức. Nhờ thế Hitler mới cướp được đảng Quốc xã và chính quyền Đức.

51.-- Sấm sét âm âm: (quẻ Chấn vi lôi)

Cả một khoảng trời bao la, bỗng đâu mây đen kéo đến rồi sấm sét vang rền, lúc sau mây mưa tan hết, trời xanh hiện ra, con người bị hoảng sợ khỏanh khắc, bây giờ sự an định lại hồi phục.

Sấm sét tiếng lớn nhưng tác hại nhỏ. Không nên lấy kết quả gần nhất để mà phán đoán cả tương lai.

Liên xô phóng hỏa tiễn mặt trăng khiến uy tín Liên xô chấn động và uy tín Hoa kỳ vắng lặng. Nhưng thời gian không bao lâu, lợi thế của Liên xô lúc đầu âm ỹ rồi đến nay cũng chẳng còn âm hưởng gì nữa.

52.-- Núi sừng sững: (quẻ Cấn vi sơn)

Núi tượng trưng cho bất động nghĩa là dừng lại trên một điểm nào đó. Kinh Dịch viết: "Thời chỉ tắc chỉ, thời hành tắc hành, động tĩnh bất thất kỳ thời." (Lúc cần dừng thì phải dừng, lúc cần làm thì phải làm, động tĩnh cho đúng) - "Quân tử dĩ tư bất xuất kỳ vị" (Người chính trị phải nghĩ trên cái vị thế của mình).

Staline chống lại chủ trương gây cách mạng đỏ trên toàn cõi Âu châu bằng chủ trương nước Nga trước đã. Staline nhận định đúng đa số theo ông. Giả thử khoảng 1921 mà chủ trương của Staline không được thực hiện, cách mạng Cộng sản không chịu dừng lại trong khuôn khổ nước Nga, có lẽ chế độ Xô viết đã bị tiêu diệt.

Biết dừng lại là biết đo lường những điều kiện hạn chế đối với hành động.

53.-- Loài thủy điều bay lên: (quẻ Phong sơn tiệp)

Tiệp là tuần tự như loài thủy điều, mới đầu dờn khỏi mặt nước, rồi bay lên núi cao, rồi bay vào đất liền. Ví như chính trị đã đến lúc cần phải động thủ để tranh thế nhưng đòi hỏi phương pháp đấu tranh từng bậc, không thể đòi ăn cả một lúc, vượt từ điểm này qua điểm kia.

Khổng Minh bày kế cho Lưu Bị dùng danh nghĩa mượn đất Kinh châu của Đông Ngô, mà gây đao binh ngay khi Lưu Bị khó lòng thắng. Có Kinh châu làm vốn, làm bàn đạp Lưu Bị tiến chiếm Ba thực để trở thành một chân trong ba chân vạc, gây nên nghiệp đế một thời.

Tào Tháo đem quân về kinh đô để bảo vệ nhà Hán Ở kinh đô rồi, Tào Tháo dùng quân để lật đổ nhà Hán.

54.-- Thị nữ của vua: (quẻ Lôi Trạch quy muội)

Người con gái bị tuyển vào làm cung nữ là cái thế nhờ nhờ. Chỉ có dùng chính sách mềm để thắng cứng, xử sự táo bạo táo cấp chỉ gây ra tai hại. Quy muội còn ngụ ý một tính cách không chính thức tượng trưng cho những vận động ngầm bên trong của chính trị.

Tào Mạnh Đức vào ám sát Đông Trác, Đông Trác ngủ quay mặt bên trong, chợt trông gương thấy có người rút dao bèn lên tiếng hỏi. Tào Mạnh Đức vội vàng quỳ xuống hai tay nâng đao nói: Có thanh bảo đao đem đến dâng thừa tướng. Đông Trác vui vẻ, Tháo rút được ra bên ngoài, ra cưỡi ngựa chạy thẳng một mạch không còn dám ngoái cổ lại.

Hồ Chí Minh sang Pháp, cuộc điều đình thất bại. Nửa đêm Hồ đến nhà Marius Moutet thỏa thuận ký tạm ước mồng 6 tháng 3.

55.-- Mặt trời buồn thảm: (quẻ Lôi hỏa phong)

Mặt trời trên cao là lúc đắc ý nhất của người chính trị nhưng cũng là lúc cơn lo điều buồn đến dồn dập, biết bao nhiêu khó khăn nguy hiểm đang rình rập, điều đáng lo ngại nhất cho người ở ngôi cao tuyệt đỉnh là thời suy sụp tới. Tự cổ đến giờ "Nỗi buồn thảm của vàng thái dương" luôn luôn xảy đến trong lịch sử chính trị. César bị tập đoàn Brutus giết - Napoléon thoát được rất nhiều âm mưu hại quanh mình. Khrouchev bị hạ - J.F. Kennedy bị bắn - Mao Trạch Đông súyt bị lật đổ v.v...

56.-- Người lữ khách nhiều lo phiền: (quẻ Hỏa sơn lữ)

Tình trạng của những nhà chính trị lưu vong, lưu thóan sống trong tịch mịch bất an, tâm khổ.

Lưu Bị e Tào Tháo giết, nhân dịp Viên Thuật chuyển quân nên xin

chặn Thuật. Từ đây đến gần chục năm sống bên ba.

Tấn Trùng Nhĩ bỏ nước Tấn ra đi sang nước người gặp nhiều điều nhục nhã.

De Gaulle ăn gửi nằm nhờ ở Luân đôn bị các chính khách Anh, Mỹ khinh rẻ.

Tôn Thất Thuyết lưu vong bên Trung quốc, không chịu nổi cảnh khốn cùng phát điên.

Hoàn cảnh này là hoàn cảnh tuyệt đối bị động đòi hỏi thái độ nhu hòa để thuận thời ứng địa.

57.-- Cây bồ công anh gặp gió mạnh: (quẻ Tốn vi phong)

Lá bồ công anh xoè lớn như chiếc dù, thân lại nhẹ bâng, gặp gió tất loạn phi. Tự mình chưa làm gì được hết, hãy tìm những thế lớn để ẩn nấp.

- Nhà Nguyên sắp mất chính quyền, giặc cướp nổi lên như ong. Triều đình khoanh tay bó gối chờ núi lở sông tràn, mở đầu cho thời kỳ quần hùng cát đất chiếm cứ. Quần hùng cũng tiêu diệt xâm lấn lẫn nhau. Chu Nguyên Chương tức Minh Thái Tổ lúc khởi nghiệp chẳng khác gì cây bồ công anh gặp gió thổi, bay tứ tán hết ở với người này sau lại theo người khác.

-Vua Hiến Đế giữa cơn gió loạn của bọn họa quan, ngoại thích và quân phiệt.

58.-- Miệng lưỡi là gốc của họa phúc: (quẻ Đòai vi trạch)

Thóan Tử nói rằng: Đòai là nói vậy. Trong cương mà ngoài nhu. Lấy giải thích thuyết phục để hoàn thành cương bách. Dân nghe dân chịu thì dân quên cả lao khổ nguy hiểm, hăng hái chiến đấu. Hitler viết: Ở thời kỳ đảo lộn, những việc xảy ra thường tạo nên bởi lời nói.

Tô Tần du thuyết làm thành thế trận hợp tung sáu nước cự lại Tần. Trương Nghi du thuyết làm thành thế trận liên hoành phá thế hợp tung của Tô Tần.

Gia Cát dùng miệng lưỡi khuất phục quần thần bên Đông Ngô chịu đánh Ngụy, vì thế mới có thắng trận Xích Bích.

Dương Tu hay khoe hão nên bị Tào Tháo giết. Nễ Hành hay chửi phũ nên chịu họa Hoàng Tổ. Quan Vân Trường hay nói kiêu nên ôm hận ở Kinh châu.

59.-- Buồm căng trước gió: (quẻ Phong thủy hốn)

Lúc vận và thế đang lên, đang từ nhỏ biến thành rất lớn. Chiếm được chính quyền rồi thì đến việc nắm lòng dân và chinh đốn nội chính.

Nắm được lòng dân và chinh đốn nội chính rồi thì đến việc phát triển ra bên ngoài.

Buồm căng trước gió là thuận lợi, nhưng hãy coi chừng gió lớn quá,

hay sóng to quá có thể làm lật thuyền.

Vương Dãn thủ tiêu được Đổng Trác cầm nắm cả triều đình trong tay. Chỉ trong ít lâu chính sự đổ nát phải chết dưới tay Lý Thôi, Quách Dĩ.

Đảng Cộng sản nắm chính quyền Tây ban Nha (1935-36) chưa bao ngày, rối loạn lung tung, Franco đem quân về đánh dẹp.

60.-- Đốt trúc huyền diệu: (quẻ Thủy trạch tiết)

Cây trúc có từng đốt, tượng trưng cho tính cách tiết chế. Mềm dẻo nhưng biết lúc nào thôi mềm dẻo. Cứng rắn nhưng biết lúc nào thôi cứng rắn.

Không biết tiết chế sẽ như con cáo ngậm vào vũng lầy không thể cất chân lên mà bước được. Chính trị tiết chế theo hiện đại ngữ gọi là đấu tranh có mức độ với những danh từ chiến tranh hạn chế leo thang.

Tần đề ra chủ trương viễn giao cận công, là lấy ve vuốt nước xa để nuốt nước gần làm mức độ.

Cộng sản năm 1962 đề ra chủ trương không làm tổn thương uy tín Mỹ để tránh sự can thiệp của Mỹ nhưng bây giờ thì Cộng sản đã lâm vào cái cảnh con cáo ngậm vào vũng lầy khó rút chân lên.

Sử Việt, tiền nhân mỗi lần đánh đuổi giặc phương Bắc xong lại cầu hòa ngay, đôi khi thắng lớn mà vẫn dùng người vàng để thi hành chính sách hòa hoãn (vụ Liễu Thăng). Đó là chính sách mức độ truyền thống của chủ trương chặn phía Bắc cho yên để hoàn thành mục đích chủ yếu là phát triển xuống miền Nam.

61.-- Trái trứng sắp nở: (quẻ Phong trạch trung phù)

Phù là móng. Trứng sắp nở nhờ móng của gà mẹ quào ra cho chóng vỡ vỏ.

Chính trị đã đến lúc chín mùi, chỉ cần một cố gắng cuối cùng cho cục thế thay đổi hẳn. Bất cứ thái độ do dự nào cho phút chót đều có thể làm hư những kế hoạch trước.

Napoléon ngày 18, Brumaire đã bị một phút do dự súyt làm hỏng việc, nếu Talleyrand và Fouché và (Lucien Bonaparte?) không xua quân vào áp đảo các nghị sỹ.

Mussolini thấy tình hình đã thuận tiện liền lập tức đem toàn đảng tiến về La mã (La marche sur Rome).

Tuy nhiên không nên quên rằng cái móng sắc kia cần phải xử dụng hết sức khéo léo, nếu vụng về tất vỡ cả trái trứng.

62.-- Cuộc sống thiếu thuận hòa: (quẻ Lôi sơn tiểu quá)

Do những hiềm kỵ chồng chất nên nội bộ đảng phát sinh xung đột có thể trở thành thế phân liệt. Phân liệt nội bộ đưa dẫn đến nguy cơ

"Bình địch dòm ngoài ngõ).

Người Cộng sản lý luận:

Mâu thuẫn và đấu tranh là tuyệt đối nhưng phương pháp giải quyết hay hình thức đấu tranh (là tương đối?) vì tính chất mâu thuẫn không giống nhau. Mâu thuẫn giữa địch và ta có đối kháng còn mâu thuẫn nội bộ không có đối kháng. Mâu thuẫn nội bộ nhân dân có thể giải quyết hòa bình.

63.-- Thành công viên mãn: (quẻ Thủy hoả ký tế) (đúng ra là Hỏa thủy ký tế)

Vạn sự đã đầy đủ như ý muốn, từ nay về sau chỉ còn là công việc của chỉnh đốn sửa sang, và mở mang. Đinh Bộ Lĩnh diệt xong loạn sứ quân. Bình Định Vương dẹp xong quân Minh. Gia Long khôi phục cơ nghiệp nhà Nguyễn. Ngày nay thành công viên mãn chỉ có tính cách tương đối.

64.-- Còn nhiều việc phải cố gắng: (quẻ Thủy hỏa vị tế)

Kinh Dịch lấy quẻ Thủy hỏa vị tế để kết thúc là muốn nói chính trị, nhân sinh còn phải đi cuộc hành trình vô hạn, còn vô lượng số việc phải làm. Vị tế chỉ là chuyện nghỉ ngơi. Không được ngủ quên, vì sau giấc nghỉ ngơi ấy lại ập đến một hoàn cảnh vị tế khác.

Khái quát Dịch lý ta thấy người chính trị muốn có thái độ chính xác cho sự nghiệp chính trị tất phải có khả năng biến sắc như con caméléon mà văn sỹ Berthold Brecht đã đề ra:

Người đấu tranh chính trị

Phải biết

Lúc nào chiến đấu và lúc nào không chiến đấu.

Nói sự thật và không nói sự thật.

Giữ lời hứa và không giữ lời hứa.

Xông pha nguy hiểm và trốn chạy nguy hiểm.

Làm cho người biết và tự làm cho mất tung tích.

Người đấu tranh chính trị

Chỉ có một phẩm hạnh duy nhất

Là đấu tranh cho chính trị.

Thủ đoạn chính trị

Chương 7

La politique c est jouer

aux hommes.

NAPOLÉON

Chính trị là công việc có liên quan đến bốn mặt:

- a) Cá nhân.
- b) Quần chúng.
- c) Dân tộc.
- d) Lịch sử

Vậy tâm lý chính trị cũng có bốn mặt:

- a) Tâm lý cá nhân.
- b) Tâm lý quần chúng.
- c) Tâm lý dân tộc
- d) Tâm lý ảnh hưởng từ lịch sử

Vua U Vương nhà Chu thích giành được nụ cười của Bao Tự, nên cho đốt lửa gọi chư hầu để đánh lửa làm trò vui thú. Bao Tự khoái nghe tiếng lửa xé, vua U Vương đem cả ngàn tấm lụa ra xé cho Bao Tự nghe. Chẳng bao lâu những trò ấy khiến cho U Vương mất nước. Vua nhà Tống thích đá cầu, nên chọn người đá cầu giỏi làm Tế tướng đó là Tế tướng Cao Cầu nổi tiếng của bộ Thủy hử truyện. Ông Cao Cầu chỉ biết đá cầu, không biết làm chính trị nên đất nước mỗi ngày mỗi loạn.

Quan Công tính khí bộc trực hẹp hòi khinh bỉ Tôn Quyền làm mất Kinh châu, vì mất Kinh châu mà Ba thực cũng nhào theo.

Đó là những hành động theo tâm lý cá nhân làm hỏng chính trị.

Vua Thang, vua Vũ khởi binh ở Mục dã, Minh điền để đánh Kiệt Trụ, thế như chẻ tre. Cơ nghiệp Kiệt Trụ sụp đổ trong khoảnh khắc.

Vua Lê Lợi đánh quân nhà Minh cứu dân thoát khỏi ách đô hộ.

Đó là những hành động thuận theo tâm lý đại chúng để dựng nghiệp chính trị. Tranh thủ nhân tâm cổ nhân phân ra làm hai loại:

1) Cầu hiền: (vận dụng tâm lý cá nhân) Khương Tử Nha nói: lấy mỗi thơm câu cá mới có thể bắt cá ăn thịt, lấy mỗi thơm nhử người, người sẽ vì ta mà hết lòng hết sức. Lưu Bị ba lần lợi gió mưa đến cầu Khổng Minh, nên khi Khổng Minh về với Lưu Bị làm việc cức cung tận tụy đến chết mới thôi.

2) Đắc dân: (vận dụng tâm lý quần chúng): Văn Vương cảm thấy vua Trụ có ý ghét mình, vội vàng vào xin với vua Trụ vào đất Lạc tây, trả lại cho vua Trụ cả ngàn dặm đất đai phì nhiêu để tránh họa. Khổng Minh (Khổng Tử?) phê bình Văn Vương thật là người có nhân, biết khinh lợi lộc để tránh hoạn nạn, Văn Vương thật là người mưu trí biết bỏ ra hàng ngàn dặm đất để đổi lấy nhân tâm. Vua Vũ dẹp xong nhà Thương, vào kho thấy ngọc ngà châu báu nói đây là châu báu của

chư hầu, nên sai người trả lại cho chư hầu. Thiên hạ đều khen vua Vũ không tham tiền. Vào trong cung thấy bày cung nữ, Vũ Vương nói đây là những con cái và tì thiếp của chư hầu, bèn sai người trả lại cho chư hầu. Thiên hạ đều khen vua Vũ là người không tham sắc. Đắc dân tâm là đừng ghét cái gì dân thích và đừng thích cái gì dân ghét. Hãy thuận ý dân.

Quản Trọng nói:

Vị nhân chủ đòi hỏi ở dân những gì? Đòi dân vì mình mà cố gắng lao khổ, vì mình mà cố gắng hy sinh. Còn dân thì đòi hỏi người lãnh đạo những gì? Đòi phải giải quyết cho dân no ấm, cho dân nghỉ ngơi, có công thưởng công, có tội phạt tội. Nay vị nhân chủ không thỏa mãn được những điều đòi hỏi của dân thì cũng đừng hòng đòi hỏi lại dân điều gì nữa.

Thay thế cờ búa liềm bằng hòa sự lão (hội các bô lão đi dàn hòa cuộc tranh chấp giữa nông dân và địa chủ) để thực hiện cải cách ruộng đất.

Dưới chiêu bài giải phóng dân tộc để thực hiện chủ nghĩa Cộng sản. Đó là những chủ trương chính trị thuận theo tâm lý dân tộc để đạt mục tiêu chính trị.

Dựa theo phong trào giải phóng dân tộc chống đế quốc.

Dựa theo phong trào dân chủ đang lên.

Đó là những chủ trương chính trị thuận theo tâm lý lịch sử.

Căn cứ trên bốn mặt tâm lý trên đây, Mạnh Tử đưa ra một quy luật:

Đắc hồ binh dân vi thiên tử.

Đắc hồ thiên tử vi chư hầu.

Đắc hồ chư hầu vi đại phu.

(Được dân làm quân lực có thể chiếm ngôi thiên tử. Được lòng thiên tử, có thể được vua phong đất cho làm chư hầu. Được lòng chư hầu có thể làm quan đại phu).

Tranh thủ người có từng thứ bậc từ thấp đến cao. Những bậc ấy không biệt lập, trái lại còn liên hệ chặt chẽ, nó chỉ gián đoạn tùy theo chí khí con người, biết hay không vận dụng theo thời thế.

De Gaulle đã đi với Salan và nhóm quân đội ở Algérie đòi ly khai nước Pháp để lật đổ chế độ đệ Tứ Cộng hòa. Như vậy là De Gaulle dựa vào thế lực chư hầu. Machiavelli gọi là "Les grands" để đưa mình lên ngôi thiên tử. Rồi sau đấy De Gaulle bắt Salan trả lại Algérie độc lập. De Gaulle vẫn thắng vì ông có dân chúng nhiệt liệt ủng hộ. Kroutchev chỉ là một người nấp dưới bóng Staline, nhưng cũng trèo lên địa vị cao nhất nước Nga Xô viết để thực hiện một đường lối chính trị mới.

Cũng như xưa kia Trần Thủ Độ, nương nhờ nhà Lý rồi sau cướp ngôi nhà Lý dựng lập nhà Trần.
Tư Mã Ý chỉ là một võ tướng của nhà Ngụy, nhưng đã lật nhà Ngụy để lập nhà Tấn.

Chính trị

Tâm lý chính trị là gì?

Một người nghèo đầu tắt mặt tối suốt ngày không đủ miếng ăn than trách về cảnh nghèo cho rằng số phận mình cực khổ

*Gánh cực khổ đem đổ lên non,
Cong lưng mà chạy cực còn theo sau.*

Đó là tâm lý thông thường.

Một người nghèo than thân trách phận nghĩ thân mình không bằng con trâu chó, trong khi con cái nhà giàu ăn mặc sung sướng.

Phú nhân dưỡng kiêu tử, cùng hán đương ngư u sử.

(Nhà giàu chăm bẵm chiều chuộng con gái, tên nghèo làm cực như trâu).

Đó là tâm lý bắt đầu chuyển sang chính trị.

Một người nghèo lý luận:

Người nghèo lay nhà giàu rồi không đứng dậy được nữa.

Đó là tâm lý hoàn toàn chính trị.

Một anh tá điền áo quanh năm không đủ che thân, cơm không đủ ấm cật, trông thấy người nào cũng hải sợ cung kính, rồi có một hôm hốt nhiên anh nghĩ:

Đả đảo địa chủ.

Đó là tâm lý của người đã hoạt động chính trị, hay muốn hoạt động chính trị.

Tâm lý chính trị mang nhiều sắc thái, ôn hòa, quá khích, phản động, tiến bộ, không tưởng, thực tế, bị động, chủ động v.v...

Còn một loại tâm lý chính trị khác là tâm lý chán chường không cần biết đến chính trị thường hiện ra ở những xã hội quá nhiều tranh chấp chính trị mà không có lực lượng nào khoẻ nhất, tốt nhất, giỏi nhất lãnh đạo, dân chúng nhìn chính trị bằng con mắt thờ ơ, họ hầu như đã tuyệt vọng, hoặc dân chúng bị đặt vào một chế độ chính trị mà họ không muốn chút nào, nhưng vì cuộc sống họ không thể làm sao khác được. Về tâm lý này sách Tấn Từ có kể một chuyện như sau:

Vua Tấn đi săn, đuổi con nai, hốt nhiên con nai chạy mất chốt thấy bên đường có người nông phu, vua Tấn mới dừng ngựa hỏi: Ta đuổi con nai nó chạy qua đây, nhà người có biết nó chạy về hướng nào chẳng? Người nông phu lấy chân đá một phía nói: Hướng này. Vua

Tấn bực bội vì cử chỉ xúc phạm, nhưng dịu giọng hỏi: Ta là vua nước Tấn, ta đi săn, tại sao nhà ngươi chỉ cho ta bằng cử chỉ thiếu cung kính như vậy? Người nông dân đáp: Tôi chẳng biết vua nước Tấn là ai, chính sự của ông thế nào đâu ăn nhập gì với tôi, vậy nay có người tự nhận là vua nước Tấn hỏi thì tôi lấy chân mà chỉ thì cũng được chứ gì.

Tâm lý thờ ơ chán chường với chính trị thường hiện ra ở những khu vực chiếm đóng, hoặc chiến tranh đã kéo dài quá lâu, hoặc khủng hoảng chính trị triền miên.

Nhưng chính trị thì chỉ có một thái độ đối với bất cứ loại tâm lý nào. Đó là: Nếu anh không lý đến chính trị, chính trị cũng vẫn lý đến anh.

Tâm lý của những người hoạt động chính trị

Biến chuyển lịch sử do người tạo ra. Muốn có đổi thay, phải làm chuyện đổi thay, muốn có cách mạng phải làm cách mạng. Như vậy chính trị sẽ quyết định bởi những người hoạt động chính trị.

Những phần tử nào sẵn sàng cho chính trị bén rễ? Và dễ dàng gia nhập vận động? Eric Hoffer kể ra mười loại:

- a) Những người nghèo khổ.
- b) Thanh niên nhiệt huyết và trí thức phản tử.
- c) Những người tham vọng.
- d) Những người bị gạt ra ngoài xã hội (outcasts).
- e) Những kẻ không thích ứng được với cuộc sống, với xã hội (misfits).
- f) Những kẻ ích kỷ quá độ.
- g) Những người bị ám ảnh.
- h) Những người bất túc về cơ thể hay tinh thần (impotents).
- i) Những người hay phiền muộn.
- j) Những tội phạm.

Bàn dân

Không phải người nghèo nào cũng mang tâm trạng bị hắt hủi. Ở đồng ruộng, thiếu gì bàn cố nông làm lấm lười áo rách tả tơi, nhưng tối nằm ổ rơm ngủ kỹ, ăn no vỗ bụng hát nghêu ngao, ai hỏi gì cũng cười và cười rất thành thực, rất yêu đời. Ở thành thị, thiếu gì đám người sống chui sống nủi, tối về vùi đầu vào đánh bài đánh bạc, hôm nào bữa cơm ngon thì vui như tết, chửi tục vài câu rồi hít vài hơi thuốc là quên hết, không nghĩ ngợi bất cứ điều gì. Còn những người nghèo khác, sống an phận muốn yên thân như thế mãi, xáo động làm chi làm khổ thêm. Thấy hỗn loạn họ mở mắt ngạc nhiên, họ không thể ngờ rồi đây lại có thể đảo lộn hết thảy. Như vậy chúng tỏ rằng không phải người nghèo nào cũng sẵn sàng lao vào chính trị.

Phần tử sẵn sàng lao vào chính trị là những bần dân bị tởa bại, có tâm trạng bị hất hủi. Những kẻ đó là những người mới nghèo. Thông thường chỉ những người nào mới bị đọa đày vào cảnh khốn cực mới sôi nổi với tâm trạng bị hất hủi. Nhớ đến thời oanh liệt là ngọn lửa muốn đốt cháy mạch máu của họ (trích lời Eric Hoffer).

(It is usually those whose poverty is relatively recent, the new poor who throb with the ferment of frustration things is as a fire in their veins).

Loại người mới sa vào cảnh nghèo lúc nào cũng sẵn sàng gia nhập vào phong trào chính trị bất kể màu sắc nào. Cuộc cách mạng Thanh giáo (Puritan revolution) ở Anh vào thế kỷ 17 nổi lên do những nông dân mới bị các địa chủ truất ruộng làm đồng cỏ doanh nghiệp chăn nuôi. Đám nông dân đó xưa kia vẫn sống bằng nghề nông tang nay trở thành lao công hay phải ngửa tay đi xin ăn ở các đô thị, nơi đây đây rẫy sự cùng khốn. Đám quần chúng này là chủ lực cho cuộc vũ trang khởi nghĩa của Cromwell. Ở Ý, ở Đức bọn người tiểu tư sản bị mất nghiệp vì khủng hoảng hậu chiến ồ ạt theo tiếng gọi của Phát xít và Quốc xã. Sau khủng hoảng kinh tế 1929, thợ thuyền thất nghiệp, tư nhân phá sản nhiệt liệt hưởng ứng chính sách "new deal" của Roosevelt. Sau trận đói Ất Dậu, mỗi thành phần nông dân từ phú nông, trung nông, bần nông đều lao mình theo lời khuyến dụ cách mạng xã hội của Việt Minh.

Người thợ có việc làm, mặc dù cùng khốn nhưng họ không cảm thấy bị hất hủi vì họ quan niệm cái nghèo của họ là cái nghèo cổ truyền, họ ít phần nộ hơn người thợ bị mất việc, so về cùng khốn cùng ở một mức với nhau thôi, nhưng so trạng thái tâm lý khác hẳn. Người thợ bị mất việc luôn luôn cảm thấy bị ức chế, bị sỉ nhục bởi cái trật tự bất công trước mặt. Do đó người thợ mất việc nghe ngay và theo ngay mọi ý kiến chính trị chỉ nhằm thay đổi hiện tại.

Bây giờ nói đến kẻ nghèo mất. Tâm lý đám dân này là đấu tranh cho cái no trông thấy đã. Họ chỉ cần một bữa ăn khá hơn bữa cơm vẫn phải ăn, một chỗ ngủ ấm hơn chỗ ngủ vẫn phải ngủ và bắt cần đến chuyện xa xôi khác của chính trị của xã hội. Đối với họ dạ dày hôm nay no đầy là một thắng lợi cho ngày hôm nay rồi. Cách mạng hay phong trào đối với họ hết như hiện tượng cướp cháo cúng sinh. Họ sẵn sàng xô ra, lăn xả vào để giành giật. Chính đám quần chúng nghèo mất này tụ tập ở Petersbourg và Moscou đông như kiến đã làm khí thế cuộc cách mạng tháng Mười to lên gấp trăm ngàn lần. Tại Ấn độ mỗi khi có phong trào nào cũng có thể trở nên vĩ đại ngay là nhờ đám ăn mày quây quần mong kiếm chác. Loạn kiêu binh ở

Bắc hà đòi vua Lê Chiêu Thống, bọn nông dân loạn lạc bỏ cày bỏ cấy lên kinh đô hoặc đón đường ăn cướp tứ tung khiến cho tình trạng loạn càng nặng nề. Chúng không đòi hỏi chính trị chi hết, gặp ai lột áo bóc sống. Đến như bọn chèo thuyền gặp vua Lê Chiêu Thống cũng cướp mất áo bào ngọc tĩ và cả làng tranh nhau ra xin chức quận công.

Trí thức

Phần tử trí thức gọi nôm na là những người đọc sách. Tâm lý của họ là tâm lý rất nhạy ứng với hết thầy thống khổ gây nên bởi sự áp bách của các ác thế lực, đối với sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần. Đọc sách, suy nghĩ và phản ứng đối kháng với mọi ác thế lực đã khiến cho phần tử trí thức mặc nhiên thành một lực lượng chính trị và một giai cấp đặc thù không phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Giai cấp trí thức, khi thất nghiệp thì nổi thống khổ còn thâm sâu hơn hết thầy mọi giai cấp khác. Đương nhiên nhu cầu cách mạng đối với giai cấp trí thức khẩn thiết hơn, tâm lý sinh tồn và tiến bộ nhiệt liệt hơn.

Đợt sóng đầu tiên của cách mạng Xô viết phát nguyên từ giai cấp trí thức tự do (Intelligentzia libérale) với cuốn Kinh bản cách mạng (Catéchisme révolutionnaire) với những người nổi tiếng như Kropotkine, Bakounine, Plekanov, Herzen, Netchaev.

Tổ chức đấu tranh khủng bố chống lại Nga hoàng là tổ chức nhân dân trả thù gồm những sinh viên đại học ở hai trường Moscou và Saint-Petersbourg.

Đợt sóng đầu tiên chống lại chế độ Xô viết bây giờ cũng phát nguyên từ tầng lớp trí thức với những vụ Dudintsev, Pasternak, và Evtouchenko, vụ Milovan Djilas.

Những kẻ không thích ứng được với cuộc sống

Những anh chàng lâm vào ngõ bí mà danh từ Trung Hoa gọi là Bĩ rất dễ bị lôi cuốn vào phong trào đấu tranh chính trị, kẻ bí có nhiều hình thái. Thanh niên đỗ tú tài, đỗ trung học đệ nhất cấp rồi không đủ tiền tiếp tục học hoặc không hào hứng theo đuổi sự học nữa.

Quân đội khi hòa bình trở lại bị giải ngũ không biết làm gì kiếm sống. Người lỡ thời kiêu vút bút lông đi viết bút chì, nhà nho trong thời buổi Tây sang.

Chàng võ sỹ đạo với lưỡi kiếm, khi kỹ thuật đã phát minh ra chiếc súng.

Những kẻ đi giày rách, mang ô rách, đánh bạc mất cơ nghiệp ở hương thôn.

Loại người kể trên mang tâm trạng bị hất hủi rất mạnh, nên dễ biến thành những phần tử quá khích trong mọi phong trào chính trị.

Bạn có tâm lý ích kỷ quá sắc bén

Càng ích kỷ bao nhiêu, càng cảm thấy mình bị bỏ rơi bấy nhiêu, bạn người này khi vấp vào một hoàn cảnh đối với họ kể như tuyệt vọng sẽ biến ra cuồng tín. Họ sẽ lặn xả vào một lý tưởng chính trị nào đó để chiến đấu chống lại tất cả những gì đã khiến cho họ không thỏa mãn. Khi yêu say mê mà bị cự tuyệt người con trai có thể tự tử, đi lính chiến đấu gan dạ nhất, hay vùi đầu vào sách để quyết đỗ đạt. Với lòng cương quyết ấy mà nó trở thành người cách mạng, tất nhiên sẽ là thứ cách mạng cuồng nhiệt. Khi bị sỉ nhục như Tô Tần về nhà vợ dọn cơm nguội cho ăn hoặc như Lưu Bình bị Dương Lễ mắng đuổi, cả hai tức giận đem hết sức mình kiến tạo sự nghiệp.

Kẻ tham vọng

Phong trào chính trị trải ra trước mắt những cơ hội vô cùng tận sẽ thu hút vô số kẻ tham vọng ùa theo. Họ là những người muốn nhiều tiền, nhiều quyền, vinh quang chói lọi. Bởi lẽ đó, xương cốt mới phơi trắng dọc đường trong những cuộc săn vàng ở miền Tây nước Mỹ, những vụ tìm dầu hỏa đã làm khả đông người mất nghiệp. Hạng người có thể hy sinh hết thảy cho tham vọng, đời sống êm ấm hạnh phúc mặc, thực hiện tham vọng cái đã. Ngô Khởi giết vợ con để mong giữ chức tướng sủng. Lã Bất Vi gả vợ cho Công tử Dị Nhân để cho đứa con trong bụng nối nghiệp vua.

Loại phiền muộn

Trong vở kịch Lôi Vũ, tác giả Tào Ngu đã lồng kịch vào khung cảnh của một khí hậu u uất mà trong đó các nhân vật đều cảm thấy phiền muộn. Trong vở kịch Ba chị em, Anton Tchekov cũng đưa ra những nhân vật mang tâm trạng hoàn toàn phiền muộn.

Và tâm trạng phiền muộn nào cũng chỉ có một ước mơ là đổi thay, ước mơ có chàng Trifimov đánh chiếc xe troika đưa đến chân trời mới.

Cuộc sống trống rỗng khiến cho con người phiền muộn. Các bà già trầu thường đến chùa cúng vái, giúp việc làm cỗ chay và cũng đã đấu tranh hăng hái nhất cho phong trào Phật giáo. Những người vô công rồi nghề thường say mê và táo bạo trong các sòng bạc, luôn luôn đi lễ bái, lên đồng bóng. Đó là những hành động để thoát khỏi phiền muộn. Phong trào Quốc xã ở Đức có những người đàn bà rất giàu có bỏ tiền trợ giúp trước cả những ông chồng ý thức chính trị. Khi phiền muộn xâm chiếm tâm hồn, con người có thể lao vào bất cứ việc gì không kể xấu tốt miễn là giải quyết nỗi phiền muộn. Néron chẳng đã dám đốt thành Rome vì tâm hồn ông quá ư nhạy ứng với phiền muộn đó ư. Cách mạng Tân Hợi được giới phụ nữ quý phái

ủng hộ nhiệt thành là bởi họ đã chán cảnh bó chân ở trong nhà làm trò chơi cho nam giới. Câu thơ trong Cung oán Ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều:

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra

Thật đã nói lên hết cái phản ứng muốn phá phách của một tâm trạng phiền muộn.

Những kẻ tội phạm

Đọc Tây Hán Chí người ta thấy lý do trước nhất của việc Bái Công khởi nghĩa là đi chặn tù, để tù chạy, sợ tội nên tụ hợp các tù nhân lại chống trả chính quyền.

Trên Lương Sơn Bạc kể từ Tống Giang, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng hầu hết đều là những phạm nhân đang bị truy nã.

Trước hoàn cảnh thực tế họ lâm vào ngõ cụt. Trên tâm lý họ muốn rửa hận đời sống không mấy đẹp đẽ. Hai lẽ ấy đã khiến họ nung nấu một nhiệt tình yêu nước, cách mạng hay tôn giáo.

Nguyễn Nhạc đánh bạc thua hết tiền thuế nên bàn với hai em là Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ dùng mưu cướp thành lấy đất khởi nghiệp dựng nên thời Tây Sơn oai hùng.

Quan Vân Trường lúc cùng với Lưu Bị kết nghĩa tại vườn đào đã tự thú mình là một tội nhân tại đào.

Ai là người đã đỡ Chúa Jésus đầu tiên khi Chúa mang cây thánh giá quá nặng gục ngã bên đường, đó là người con gái nhầy nhựa tội lỗi Marie Madeleine.

Theo Eric Hoffer, những phong trào mới, phong trào nào cũng như giang tay đón đỡ kẻ phạm tội, không những phong trào mới đó xoa dịu vết thương cho kẻ phạm tội mà còn là một cơ hội tốt cho tài năng của kẻ phạm tội nảy nở nữa. Bởi thế người giỏi gây phong trào là người biết diễn tả trật tự cũ như một bức tranh đầy tật bệnh và tội lỗi, còn phong trào của ông ta là phương thuốc thần hiệu cao quý.

Để chiêu mộ đạo quân Thập tự lần thứ hai, Saint Bernard đã hiệu triệu bằng những lời này:

"Dù thế nào mặc lòng, đây cũng là một nhiệm vụ thiêng liêng để thờ kính Chúa dù đối với những kẻ ngoại tình, trộm cướp, giết người hay đã phạm bất cứ tội ác nào khác. Tất cả hãy tới đây theo lời Chúa gọi".

Chính trị Việt đã hoàn thành mỹ mãn công cuộc Nam tiến nhờ chính sách mở lối thoát cho đám người tội phạm, ra lệnh ai bằng lòng đi dân khai phá thì được giảm tội hay ân xá.

Vận động quần chúng

Khi nào bất bình thì con người kêu lên. Bất bình vì những dục cầu bị

ngăn trở tỏa triết (chiết?).

Khi nào xã hội mà dân chúng phát sinh không khí ngột ngạt, những dục cầu căn bản:

- a) Đổi mới.
- b) Danh vọng.
- c) Tương lai.
- d) Cơm ăn áo mặc.
- e) Luyện ái.
- f) An vui hạnh phúc.

Bị ức chế mà vọng trông chỉ thấy mơ hồ một giải đường mờ tối buồn bực vô duyên cớ. Đời sống như mất hứng thú, bực dọc nghi ngờ như căn bệnh truyền nhiễm lan rộng mãi ra. Đó là triệu chứng của phong trào quần chúng.

Không khí ngột ngạt ắt đã được ghi lại trong các tiểu thuyết và thi ca nước Nga trong suốt thời kỳ hậu bán thế kỷ 19.

Những cơn say điên cuồng của thanh niên, quân đội mà Tolstoi diễn tả trong Chiến tranh và hòa bình.

Sự sa đọa của ông già Karamazov, lòng hoài nghi, nổi loạn của những Karamazov con. Nỗi phẫn uất của bác thợ giày. Quyết định giết người của sinh viên Raskolnikov. Chán sống như Kirilov mà nhà văn lớn Dostoevsky đã viết ra trong các cuốn Les frères Karamazov, Les Démons, Les Pauvres gens, Crime et Châtiment.

Những giọt nước mắt âm thầm của nhà văn Tchekov gửi vào các nhân vật truyện ngắn. Không khí ngột ngạt tạo ra tâm lý quần chúng. Tâm lý quần chúng trải ra thành một thứ dầu hỏa để đợi mỗi lửa là những sự kiện chính trị xảy ra những bàn tay xách động, là nó bùng cháy, đám cháy đó là quần chúng vận động. Phong trào quần chúng nếu không dẹp xuống hoặc không bị chế ngự sẽ chuyển thành quần chúng bạo động.

Có năm nguyên nhân chính khiến cho quần chúng bạo động:

Thứ nhất: Chính quyền suy yếu không biết quyết liệt đối phó. Khi tình trạng suy yếu bộc lộ rõ rệt là dân chúng không e dè nữa sẵn đến tấn công như vụ cướp ngục Bastille, vụ phá thuyền trà ở Boston của chính phủ Anh. Nga hoàng Nicholas đệ II từ tháng Ba trước phong trào dân chúng ông loay hoay chẳng biết giải quyết ra sao nữa. Đáng lẽ phải gọi đoàn quân trung thành với ông về thì ông lại hoàn toàn giao vận mệnh hoàng cung cho đoàn quân đã đi theo cách mạng.

Thứ hai: Chính quyền không chịu tìm hiểu tình tự vận động quần chúng, gán cho danh từ làm loạn rồi chỉ biết cứng rắn đàn áp khiến cho cả hai bên lâm vào thế cưỡi hổ nên phải liều sống chết. Càng

đàn áp, phong trào càng lên dữ dội, như vụ Thanh giáo cách mạng bên Anh, và chính phủ Anh đàn áp cách mạng Mỹ. Chính phủ Anh lâm vào tình trạng bên ngoài có vẻ mạnh, nhưng bên trong đã kiệt sức.

(Hai điều nói trên có mâu thuẫn chẳng? Điều thứ nhất vì không quyết liệt nên vận động quần chúng sấn lên tấn công. Điều thứ hai nói vì chỉ biết đàn áp nên thất bại. Không mâu thuẫn vì ở đây nói về thực lực chính quyền chứ không nói về phương sách giải quyết. Nếu có thực lực thì đàn áp, đàn áp với thực lực thì vận động quần chúng đành chỉ nuốt hận thôi. Nếu không có thực lực thì giải quyết bằng thủ đoạn khác ngoài thủ đoạn đàn áp).

Thứ ba: Quần chúng bạo động vì đã quá cùng khổ, đói rét thúc bách sau lưng. Vào cướp ngục Bastille đa số là dân đói dân rét. Bằng chứng là trước ngày cướp phá Bastille bọn này đã cướp phá tu viện Lazarite để chiếm năm chục xe lúa mì. Ở Nga cũng vậy, tháng ba 1917 cả trăm ngàn người đòi bánh ăn trước hoàng thành và trước các cơ sở chính quyền, náo loạn cả thành phố Petersbourg. Cách mạng Thanh giáo tại Anh do dân nghèo khổ oán hận bọn giáo sỹ vơ vét làm giàu nên đứng dậy đòi cải cách tôn giáo.

Thứ bốn: Dân chúng bạo động bởi những lời, những khẩu hiệu khích lệ và hợp lý. Bài Marseillaise, khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái rất có công với cuộc cách mạng Pháp.

(Lời người đánh máy: không có thứ năm).

Đặc tính của vận động quần chúng

Khi dân chúng đã chín mùi để có thể biến thành một phong trào thì quần chúng đó sẽ ào theo bất cứ phong trào nào lãnh đạo một cách có hiệu lực. Tại Đức đám thanh niên cuồng tín gia nhập hoặc phong trào Quốc xã hoặc phong trào Cộng sản. Năm 1945, Nhật đầu hàng, nếu vận động quốc gia đủ khả năng và có quyết tâm lãnh đạo thì cách mạng tháng Tám không phải là của Cộng sản Việt Minh.

Còn một hiện tượng khác cần chú ý lúc tình trạng đang cơn sôi động và đấu tranh giữa nhiều khuynh hướng chưa ngã ngũ thì một người dù đã theo Cộng sản rồi vẫn có thể cuồng tín trở lại với Quốc xã.

Cuộc nổi dậy của Phật giáo cũng vậy, có rất nhiều người Công giáo ủng hộ phong trào Phật giáo rất say sưa. Đại úy Rohm thường nói ông ta có thể trong vài tuần lễ chuyển hóa một đảng viên Cộng sản cuồng tín nhất thành ra một chiến sỹ Quốc xã nhiệt thành nhất.

Ngược lại Karl Radek cũng hy vọng ở các đảng viên sơ mi nâu của Quốc xã như những đảng viên Cộng sản tốt tương lai.

Như vậy ta khả dĩ nhận ra những quy luật về phong trào quần chúng

như sau:

1-- Vận động quần chúng thường cạnh tranh bởi những khuynh hướng chính trị khác nhau, trong cạnh tranh đó bên này được người thì bên kia mất người.

2-- Những người tham gia vận động này có thể đổi màu sắc để tham gia vận động khác mà vẫn không kém phần cuồng tín.

3-- Vận động quần chúng có thể thay hình đổi dạng từ vận động tôn giáo thành vận động cách mạng xã hội hay vận động yêu nước, hay từ vận động cách mạng xã hội thành vận động quốc gia quá khích, hay từ vận động quốc gia quá khích thành vận động tôn giáo. Bởi lẽ phong trào quần chúng thường pha lẫn nhiều tính chất khác biệt rất ít khi thuần một tính chất duy nhất. Trường chinh xuất quốc của người Hébreus Ai cập là một cuộc nổi loạn của nô lệ, đồng thời là một vận động tôn giáo và phong trào quốc gia. Những chiến sỹ Nhật bản hồi Đệ nhị Thế chiến đa số có cuồng tín tôn giáo thần đạo. Cách mạng Pháp là một vận động tôn giáo mới, tôn giáo tự do bình đẳng, những buổi mít tinh dân chủ là giáo đường, những người chết trong ngục Bastille là các thánh tử đạo. Đồng thời cách mạng Pháp cũng là phong trào quốc gia, khắp nơi người ta treo biểu ngữ: Người Công giáo Pháp sống và chết cho tổ quốc. Vận động canh cải tôn giáo ở Đức thời Luther liền một lúc cũng là một vận động nông dân và sự trỗi dậy của ý thức quốc gia. Cách mạng vô sản Nga, cách mạng Quốc xã Đức đầy rẫy nhiệt tình tôn giáo, cờ búa liềm, dấu chữ vạn được thay thế cho cây thập tự.

Vận động quần chúng tại các nước Á châu là phong trào yêu nước, nhưng đồng thời cũng là những vận động cách mạng xã hội.

Tâm lý mong thay đổi

Sở dĩ người ta gia nhập vận động cách mạng là vì người ta muốn thay đổi những điều kiện sinh hoạt hiện thời. Không muốn trật tự cũ bởi trật tự cũ đặt địa vị của họ quá lép vế. Không muốn số phận bị áp bức của một dân nước lạc hậu. Không chấp nhận giá trị tinh thần cũ vì nó đang bóp chết tự do của con người. Vận động cách mạng là công cụ tốt cho ước vọng đổi thay.

Đạo Ki tô là cơn gió văn minh thổi vào những bộ lạc man rợ ở Âu châu. Hồi giáo là tổ chức thời đại hóa đời sống lạc hậu của các bộ lạc du mục để thống nhất các bộ lạc này thành quốc gia.

Về tâm lý ước vọng đổi thay có điểm đáng chú ý là mặc dầu mỗi người đều có những mục tiêu rất thực hành nhưng nó chỉ trở thành phong trào rộng lớn khi nào những mục tiêu thực hành đó được tôn giáo hóa nghĩa là làm cho chúng huyền bí thiêng liêng siêu việt. Vua

Pierre la Grand của nước Nga mang văn minh Tây phương về Nga để thay đổi Nga vào văn minh kỹ nghệ, ông thất bại. Trái lại Lénine thành công. Lý do Lénine đã khuấy động được nhiệt tình dân chúng Nga bằng thứ tôn giáo mới: Cộng sản chủ nghĩa.

Tính chất thiêng liêng của lòng yêu nước đã đem Mustapha Kemal lực lượng vĩ đại hoàn thành cách mạng quốc gia và đẩy mạnh công cuộc tối tân hóa nước Thổ Nhĩ Kỳ thủ cựu.

Theo Eric Hoffer chính vì Anh Mỹ không nắm được bí quyết "tôn giáo hóa" những mục tiêu thực tế, nên thường bị chệch tay khỏi nhiều phong trào tại các nước Á châu. Chủ nghĩa dân chủ, triết lý thực hành (pragmatisme) không có khả năng đốt cháy lên lòng cuồng tín của hàng bao nhiêu triệu người trên những xứ sở phương Đông.

Tại sao phải tôn giáo hóa, phải làm cuộc đổi thay mang một ý nghĩa thiêng liêng thì mới gây được phong trào quần chúng?

Ngàn xưa cổ học chính trị Đông phương đã đề cập đến:

Thánh nhân dịch quỷ thần, ngu giả tín chi, dĩ giáo dân.

(Thánh nhân sai quỷ thần, người ngu tin theo, dựa vào lòng tin ấy mà khiến dân).

Thánh nhân dĩ thần đạo thiết hóa, nhi thiên hạ phục hĩ.

(Thánh nhân dùng thần để dạy dỗ, thiên hạ phải sợ phục).

Nhân tâm con người vẫn mong đổi thay, nhưng đồng thời cũng lo sợ đổi thay vì không biết rằng nếu đổi thay số phận mình còn được như cũ không? Ai ai cũng hãi hùng cái bất trắc. Cho nên con người chỉ lao vào hoạt động cho một cuộc xoay chuyển khi nào họ cảm thấy bị thúc giục bởi một sức mạnh thiêng liêng mà họ tin rằng không có gì chống cự nổi. Thế hệ đã làm nên cuộc cách mạng Pháp là thế hệ của tư tưởng khoa học chớm nở, trái đất là hành tinh quay chung quanh mặt trời không phải do bàn tay Thượng đế quay. Thế hệ say sưa với sức vạn năng của lý luận và tin tưởng vô cùng vào bộ óc thông minh của con người. Chủ nghĩa nhân bản đã lấn át hẳn thần quyền và sự hiểu biết của tăng lữ.

Thanh niên Nga, thợ thuyền Nga ò ạt đứng dậy chống lại chế độ Nga hoàng vì họ cho rằng chủ nghĩa Mác xít phải thắng, chủ nghĩa Mác xít có sức mạnh bao la.

Thanh niên Đức nhìn thấy ở Hitler sức mạnh Thượng đế và những cuộc hội họp đẹp như vườn thiên đàng.

Sức mạnh huyền bí thiêng liêng gây cho quần chúng lòng tin mãnh liệt. Tuy nhiên thế cũng chưa đủ, kèm bên cạnh tín ngưỡng phải có trước mặt một tương lai huy hoàng đang chờ đón. Nếu tâm lý quần chúng còn sợ hãi tương lai thì vận động khó mà vùng lên khỏe

khoản. Phong trào Phật giáo xếp xuống một cách thảm hại là vì phong trào này chỉ đem lại cho quần chúng đức tin Phật, Đạo, Pháp, nhưng khi nhìn vào tương lai thì cuộc đời đấu tranh cụt ngắn và vô vị. Quân đội Mỹ lên, tiền Đô la tung vào trải ra trước mặt mọi người, tương lai làm giàu mau chóng, Phật Đạo Pháp bị bỏ rơi liền, số đông sộ vào những phong trào kiếm tiền. Thậm chí những công chức vốn là những con người ưa sống bám chặt vào nếp cũ, coi đời thay như hỗn loạn, cũng không ngần ngại gì xin thôi việc để đi làm sở Mỹ. Trước tương lai đầy hứa hẹn thì cả những anh nghèo mạt rệp, cũng như những người có đôi chút tư sản đều mang một tâm lý ưa đi tìm vàng (ruée vers l'or) giống hệt nhau. Ở Anh vào thế kỷ 17-18, lúc công nghiệp Anh bắt đầu phát triển rộng rãi anh bần cố nông bỏ ruộng lên đô thị mong đổi đời, tay địa chủ không cày cấy nữa để biến đất đai thành những đồng cỏ tiện lợi cho ngành chăn nuôi, cả giàu lẫn nghèo cùng làm cách mạng.

Sức mạnh của căm thù

Người chính trị muốn khai thác sức mạnh quần chúng để hướng vào mục tiêu chính trị nào đó thì trước hết phải biết khai thác sức mạnh của căm thù.

Chúa Christ giảng về tình thương, thương thân, thương ai cùng đồng loại, thương ai cùng hoàn cảnh. Giáo dân càng nghe về tình thương bao nhiêu càng căm thù bọn quân dữ, bọn thống trị, bọn chủ nô bóc lột bấy nhiêu. Căm thù đó lên đến cực độ, khi các con chiền khóc thương Chúa bị đóng đinh trên thánh giá. Cho đến tận bây giờ căm thù ấy vẫn còn khi người Công giáo cuồng tín nhìn những kẻ ngoại đạo và tưởng chừng như những kẻ ấy là hậu thân của lũ người đã gây nên tội ác kia.

Với lòng hận thù, con người có thể quên quyền lợi thiết thực bản thân, con người nhắm mắt làm bất cứ việc gì để trả hận.

Có một lần người ta hỏi Hitler: Tại sao phải tiêu diệt Do thái?

Hitler trả lời: Chúng tôi bắt buộc phải tạo ra một kẻ thù bằng xương bằng thịt để gây lòng thù hận.

Rất đúng, nếu không có vận động thù hận Do thái dĩ nhiên sức mạnh Quốc xã phải giảm đi nửa phần. Trường hợp khác, một ký giả hỏi phái đoàn Nhật bản sang nghiên cứu phong trào Quốc xã về sự đã ghi nhận được gì ở phong trào này? Vị Trưởng phái đoàn đáp: Thật ghê gớm, chúng tôi cũng muốn có một phong trào tương tự tại nước chúng tôi. Nhưng tiếc thay nước chúng tôi lại không có người Do thái.

Nếu không có tâm lý căm hận gia đình họ Ngô, phong trào Phật giáo

chắc không thể lên chóng vánh thế. Tường Giới Thạch chỉ bị dân chúng Trung quốc chán ghét sau khi Nhật đã thua rồi, trước kia họ yêu Tường, họ theo Tường chỉ vì lòng căm hận giặc lùn. Mỗi thù chung có khả năng vô biên, nó đủ sức làm kết hợp những phần tử khác biệt hẳn nhau về đời sống, về tính tình, về trình độ sinh hoạt, về quyền lợi, do mỗi thù chung mà những phần tử trên cảm thấy sự gần gũi anh em.

Lúc yêu chúng ta không cần phải tìm đồng minh, trái lại chúng ta còn ghét bỏ ganh tị với những người cùng sung sướng trong sự được ăn sung như ta. Nhưng lúc thù hận chúng ta thường kết bạn với người nào cùng chung mỗi thù hận như ta.

Hận thù càng lên cao khi con người cảm thấy bất lực, cảm thấy bị cô đơn, chới với và nhát sợ. Khi ta nghĩ rằng ta hơn kẻ kia, nếu kẻ ấy có báng nhạo ta, lừa đảo ta, ta có thể kinh bỉ nó nhưng không căm thù. Khổng Minh không căm giận Chu Du bao giờ, ngược lại Chu Du luôn luôn muốn rửa hận với Khổng Minh, lòng căm thù sâu đến nỗi Chu Du thổ huyết ra chết.

Hận thù còn có nhiều biến thái khác. Phương ngôn Việt có câu: Giận cá chém thớt. Đau khổ và hận thù không nối liền với nhau bằng hàng dây trực tiếp. Dân Nga bị mật vụ của Staline hành hạ, lại nổi giận căm thù kẻ reo rắc chiến tranh, căm thù tư bản. Dân Đức bị nhục nhã vì hòa ước Versailles lại chuyển căm thù vào dân Do thái.

Bị lòng thù hận xâm chiếm tâm hồn con người chỉ muốn xáo trộn vì xáo trộn đem họ đến cảm giác bình đẳng. Từ hận thù mới nảy sinh lòng nhiệt thành, tha thiết và hy vọng. Tranh của Van Gogh đẹp tăng theo ý thức hận thù.

Tóm lại bản chất mỗi người là căm thù lẫn nhau (all men by nature hate each other - Pascal) tình thương và lòng từ bi hỷ xả chỉ là những ấn tượng giả dối của cái rễ căm thù.

Hành vi hy sinh trong vận động quần chúng

Ôm bom ba càng lặn xả vào chiến xa, đem thân lấp lỗ châu mai, lấy thân thể để chèn cho sơn pháo khỏi lặn xuống vực. Đó là hành vi hy sinh cuồng tín.

Kinh Kha sang hành thích Tần Thủy Hoàng. Đó là hành vi hy sinh có suy nghĩ.

Hành vi hy sinh cuồng tín chỉ có khi nào cá nhân đã hòa lẫn vào tập thể, cá nhân không còn mang hiệu danh gì nữa. Cá nhân hết là Hùng, là Dũng, là Dự Nhượng, là Chuyên Chư v.v... Khi một người đã chín mùi cho một hành vi hy sinh cuồng tín, nếu có ai hỏi anh là ai, người ấy sẽ trả lời: tôi là Cộng sản, tôi là thanh niên Quốc xã, tôi

là dân Hồi giáo, tôi là Phật tử v.v... Nó đã tự xóa bỏ lý lịch riêng tư, từ nay sự vui buồn của nó, lòng kiêu hãnh và tin tưởng của nó hoàn toàn tùy thuộc sự thắng lợi hay thất bại của tập thể. Nếu bị xa lìa tập thể thì cũng chẳng khác gì xa lìa cuộc sống.

Thế chiến thứ Hai, theo con số thống kê thì tại các trại tập trung của Đức, hầu hết những người đứng lên tranh đấu đều là những hội viên, đoàn viên hay đảng viên của một tập thể. Khi bị đem ra hành hình, họ hát bài quốc tế ca, họ trầm tĩnh đọc kinh, họ hô lớn tên tuổi anh hùng của tổ chức.

Hitler giết sáu triệu người Do thái, nhưng tới Palestine công cuộc bài trừ bị dừng lại vì người Do thái kháng cự rất hung dữ. Tại sao? Tại ở Palestine người Do thái sống tập thể khác với những người Do thái Âu châu thuần phản ứng cá nhân. Ở Âu châu họ là những người đơn chiếc. Ở Palestine họ là con dân của một dân tộc thông minh nhất thế giới.

Dân tộc Nga run sợ trước mặt vụ của Staline, nhưng cũng dân tộc này đã hăng hái vô cùng khi đánh nhau với quân đội Đức. Tại sao? Tại trước mặt vụ của Staline họ là những cá nhân bé nhỏ, nhưng trước xâm lăng Đức họ là cả một dân tộc vĩ đại.

Nhân tâm

Nhân chi sơ tính bản ác.

Trong cạnh tranh sinh tồn, tâm lý con người là tham sống, tham công danh, tham phú quý, tham lợi lộc.

Họ tranh đấu vì quyền lợi cá nhân.

Họ hy sinh vì sợ tập thể bỏ rơi.

Họ tin tưởng vì muốn trốn chạy sự cùng khổ của hiện tại.

Họ làm cách mạng vì muốn trả thù.

Tất cả tâm lý trên khi bị cuốn vào vận động quần chúng trở nên một thứ đam mê cuồng vọng đến nỗi có thể tin bất cứ một điều gì. Con người trong vận động chẳng khác chi con thiêu thân trước ánh đèn, anh chàng máu mê trước đám bạc.

Bởi vậy lương tâm luôn luôn chịu sự hiếp đáp của những thủ đoạn chính trị.

Có những lý do kể dưới đây:

1) Nếp sống cũ, phong tục tập quán thường thao túng con người, nếu họ có thể nhắm mắt tòng cổ thì họ cũng có thể nhắm mắt theo sự quá khích mới mẻ, miễn cái mới có sức hấp dẫn mạnh. Quần chúng đã sẵn có nộ tính, nhất đán nổi dậy cũng vẫn là nộ tính ấy nhưng theo sự dẫn dắt khác nhau mà thành những hình thù khác nhau.

2) Tâm lý quần chúng xung động biến thành vận động quần chúng. Vận động nếu cứ để nguyên không một bàn tay chính trị nào lãnh đạo, nó sẽ hết như một người hành động vô mục đích, vô định pháp, gặp gì làm nấy. Nếu chỉ cái trường mà trước đây đã dạy dỗ nó nên người và bảo: Đây là hình thức xâm lược văn hóa, thế là quần chúng không nghĩ ắt gặp gì nổi lửa đốt luôn. Bảo bó chân là đẹp, tất cả đàn bà đều bó chân mặc đau đớn khổ sở.

3) Quần chúng tình cảm dễ bị kích động, thiếu bình hòa, giàu tính cấp bách, làm bất cứ điều gì miễn là thỏa mãn lòng say sưa, tâm trạng phản kháng và một hy vọng háo hức. Năm 1789 quốc dân nghị hội quyết nghị bản tuyên ngôn nhân quyền đưa lên vua, nhưng vua còn trù trừ chưa phê chuẩn. Dân chúng không được tin tức nên bàn tán ồn ào. Lúc ấy đại diện Versailles lại mở yến tiệc tưng bừng, vui đùa như không coi bản tuyên ngôn vào đâu. Dân chúng hoàn toàn thất vọng, thêm vào đây là nạn đói. Danton dựa đúng lúc lòng căm phẫn chín, lên diễn đàn quy tội cho quốc vương, ông nói sỗ dĩ chúng ta thiếu bánh ăn là tại vua cứ ở trong cung, nay hãy đem vua ra chợ thì chúng ta sẽ chắc hết đói. Các anh em hãy đến lôi người chịu trách nhiệm về việc bánh ăn cùng vợ con hấn ra chợ. Danton đang thao thao bất tuyệt, một thiếu nữ vừa đánh thanh la vừa hô to hãy trả cho chúng tôi bánh ăn, rồi một số thiếu nữ khác ùa theo, người nào người nấy mang gậy gộc, dao nhọn, giáo mác. Ngày nhà vua quyết liệt giải tán quốc dân nghị hội, nên mang quân vào Ba lê để phòng dân chúng bạo động. Dân chúng trông thấy quân đội vào thành nên hãi sợ, chưa biết làm thế nào. Thấy tình cảnh suy sụp đến nơi một luật sư theo phe cách mạng liền đứng giữa đám đông hô hào. Chạy bây giờ không được nữa, binh đội của bạo chúa sắp tàn sát chúng ta đến nơi, chỉ còn một cách cứu vãn tình thế là hãy vũ trang nhất tề kiên quyết chiến đấu, để bảo vệ thân và bảo vệ những người tranh đấu cho tự do, là quốc dân nghị hội. Dân chúng nghe theo ồ ạt kéo đến phá ngục Bastille.

Thủ đoạn chính trị

Chương tám

*Hứa Do rửa tai vì có ông vua
muốn trao quyền chính cho*

*mình, Sào Phủ không cho trâu
uống nước ở nơi Hứa Do đã
rửa tai. Đó là câu chuyện chính
trị hoang đường.*

Người ta thấy trên chính trị lúc nào cũng có sự đấu tranh trên ba mặt:

- 1) Đấu tranh giữa những người, những phe nhóm trong chế độ.
- 2) Đấu tranh giữa những chế độ khác nhau.
- 3) Đấu tranh giữa quốc gia này với quốc gia khác.

Đấu tranh giữa Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Đấu tranh giữa Vũ Văn Nhậm, Nguyễn Hữu Chỉnh.

Đấu tranh giữa đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ tại Hoa kỳ, giữa đảng Dân chủ với nhau hay giữa đảng Cộng hòa với nhau.

Đấu tranh giữa đảng Lao động và Bảo thủ tại Anh quốc.

Đấu tranh giữa những phe phái trong trung ương chính trị cục tại Nga xô

đều là đấu tranh giữa cá nhân hay phe nhóm trong một chế độ, động cơ đấu tranh có thể là ngôi vị cá nhân, có thể là chính sách.

Đấu tranh giữa Quốc Cộng tại Trung hoa, Nam Bắc Hàn, Nam Bắc Việt nam.

Đấu tranh giữa đảng Bôn-sê-vích và Nga hoàng.

Đấu tranh giữa ủy hội cách mạng Nasser và hoàng gia Farouk đều là đấu tranh giữa những chế độ khác nhau, động cơ đấu tranh là đưa lớp người mới lên ngôi vị lý tưởng, xây dựng một chế độ xã hội và một chính quyền mới.

Đấu tranh giữa Nga-Mỹ.

Đấu tranh giữa Trung cộng-Mỹ, giữa Trung cộng-Nga xô.

Đấu tranh giữa Nam Tư-Nga xô, Pháp-Mỹ

đều là những đấu tranh giữa quốc gia này với quốc gia khác, động cơ đấu tranh là độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia, hay quyền lợi đất đai tiền bạc của mỗi quốc gia.

Cả ba mặt đấu tranh trên có liên hệ khăng khít với nhau, liên hệ đó càng chặt chẽ trong chính trị ngày nay.

Xưa kia quân Thanh tràn sang giúp vua Lê Chiêu Thống là dùng nội chiến để xâm lược dựa vào cuộc đấu tranh giữa hai cá nhân, hai phe nhóm để giải quyết việc hai quốc gia.

Ngày nay người ta nói đấu tranh giải phóng là hình thức cao nhất của đấu tranh giai cấp, tham chiến ở Việt nam là để bảo vệ sự nguyên vẹn của Châu Mỹ La tinh hay để Châu Mỹ La tinh vùng dậy chống Hoa kỳ.

Những yếu tố chi phối của các mặt đấu tranh gồm có: Các lãnh tụ,

các cường thần đại tộc, các giai cấp, các đảng phái, các địa phương, các lực lượng tài chính, các quân đội, các bạn đồng minh, các chính phủ. Tính chất đấu tranh không có gì đổi khác từ xưa đến giờ. Nếu cách đây hai ngàn năm César bị nhóm cường thần đâm chết thì sau hai ngàn năm Kennedy cũng chết một cách tương tự ở Dallas. Nếu xưa kia Đông Trác được các triều thần vờ vào cung để phục binh mà giết thì bây giờ Béria cũng bị mai phục bắn chết trong buổi hội. Lề lối đấu tranh chỉ khác trên hình thức, nhưng bản chất vẫn vậy. Ngày xưa đức của Nghiêu Thuấn đồn vang bốn bể bằng lời truyền miệng thì ngày nay phát thanh, điện thị sách vở cùng bộ máy quảng cáo khổng lồ cũng làm in sâu hình ảnh vị tổng thống trong tâm chí đại chúng.

Xưa kia thế lực là nhóm đại thần nhiều vây cánh trong triều hoặc các lực lượng tự trị địa phương, hoặc các ông tướng biên khu. Ngày nay thế lực là những đại tư bản, những thống đốc, những quân khu trưởng, những cán bộ cao cấp, những cán bộ công nghiệp địa phương, những đoàn thể áp lực (groupe de pression lobby). Nói cho gọn lại một câu: Đấu tranh chính trị là đấu tranh giữa các thế lực chính trị để đoạt quyền và giữ chính quyền.

Vũ khí đấu tranh

Muốn tranh đoạt cái gì, điều kiện tiên quyết của một cá nhân, một giai cấp, một đoàn thể phải là một cá nhân có quyền lực, giai cấp có quyền lực, đoàn thể có quyền lực. Quyền lực có hai mặt: quyền lực vật lý và quyền lực tâm lý. Khi nói có binh quyền tất có quyền là nói quyền lực vật lý. Khi nói dân chúng ủng hộ người ấy là nói quyền lực tâm lý. Cả hai quyền lực tâm lý vật lý không tách rời nhau trái lại chúng phụ trợ nhau. Nếu một chính quyền chỉ có quyền lực vật lý không thôi, chính quyền đó đang xuống dốc. Trái lại một thế lực mà quyền lực vật lý chưa đáng kể, nhưng quyền tâm lý lớn mạnh là thế lực đang lên. Danh từ uy thế chính trị để chỉ chính quyền có đủ cả quyền lực vật lý lẫn quyền lực tâm lý.

Tào Tháo trong lúc hầy còn làm dũng sỹ đi dâng đao giết Đông Trác, với Tào Tháo sau khi đã bình định xong Duyên châu rồi được triều thần gọi về phò giá, mức chênh lệch nhau trên quyền lực đã khác hẳn. Trước kia chỉ là một tên thích khách, sau này đã trở nên kẻ đứng trong đám người tranh thiên hạ.

Nông dân từng làng từng xóm trước kia là những kẻ đói khát vất vưởng, khi theo Trương Giốc chít khăn vàng đám nông dân đói khát ấy đã trở thành một lực lượng chính trị làm rung động cả chính quyền nhà Hán. Hai trạng thái khác hẳn nhau gây nên bởi quyền lực.

Nói đến quyền lực trước hết phải kể quyền lực vật lý, làm chính trị là hữu binh tất hữu quyền. Xã đoàn nào cũng bị chi phối bằng bạo lực vật lý, trong đám du đảng kẻ bắn súng, kẻ ném dao giỏi và có quả đảm chắc nịch là kẻ cầm đầu. Trong một quốc gia phe chỉ huy là đoàn SS, lực lượng tontons macoutes (danh từ để chỉ những đặc vụ ở các nước Phi châu), quân đội cảnh sát v.v.... Nếu hỏi nhà nước là gì? người ta có thể trả lời rằng nhà nước là tổ chức có độc quyền những vũ khí để cưỡng bách, những vũ khí này đem lại quyền lực cho một nhóm người, một giai cấp hay một đảng ở trong bộ máy nhà nước. Để chống lại với bộ máy đó, phe chống lại cũng phải kiến tạo được một quyền lực khả dĩ đương đầu đến thắng lợi với nó.

Trong đấu tranh chính trị những lực lượng đấu tranh thường được ném vào đấu trường là: mật vụ chống với đảng, quân đội chống với quần chúng vũ trang, phe nhóm vũ trang ủng hộ cá nhân chống một cá nhân khác, giai cấp chống giai cấp, chính sách chống chính sách. Quyền lực vật lý của những lực lượng ấy là gì?

Tổ chức - Tiền bạc - Phương tiện bạo lực.

Quyền lực tâm lý của những lực lượng ấy là gì?

Chủ nghĩa - Tín ngưỡng - Uy danh - Truyền thống - Tập quán.

Chính quyền

Cổ thư viết: Con rồng bay trên mây, nếu không mây thì rồng cũng chẳng khác gì con rắn. Người hiền hơn kẻ bất tiểu là nhờ ngôi vị. Kẻ bất tiểu khuất phục người hiền bởi vì quyền cao vị tôn.

Sách Quỷ Cốc nói: Sự việc quý ở chỗ chế ngự được người và không cho người chế ngự ta. Sở dĩ chế ngự được người là nhờ nắm được quyền vậy.

Quyền là cái chất quan yếu của chúng lực, nó ví như cái cổ áo, cái mối giềng của lưới cá. Nắm được cái chốt quan yếu thì mọi lực lượng đều quy tụ, giữ được mối giềng thì cả cái lưới không bị rối loạn.

Ở chính trị đấu tranh là giành quyền, giữ quyền, củng cố quyền.

Theo cổ học Đông phương nói về việc giành quyền thường phân biệt:

Sảo thủ vi thượng, hảo đoạt vi hạ.

(Khéo lấy là tốt nhất, phải tranh đoạt là hạ sách).

Thế nào là khéo lấy. Cổ nhân đưa ra tỉ dụ: Vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn. Thuấn không tranh đoạt ngôi của Nghiêu bằng vũ lực, ông chỉ lên núi Lịch sơn đặt ra chính sách canh tác để tranh dân của vua Nghiêu, nhiều người cảm phục đức của Thuấn nên ùa lên Lịch sơn. Thấy lòng dân đã ngã, vua Nghiêu liền nhường ngôi cho

Thuần.

Như vậy gọi là dùng đức để giành quyền.

Thứ đến dụng công để giành quyền. Như vua Vũ trị thủy thành công, danh vang bốn biển, khắp bàn dân thiên hạ đều tôn Vũ làm thần chủ của núi sông.

Thứ ba là dùng mưu để dành quyền.

Vua Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng rằng: Tại sao Thang một lúc mà có thể nuốt được thiên hạ của Kiệt?

Quản Trọng đáp: Vua Kiệt không cho dân đủ no, đủ ấm lại còn dùng hổ báo làm cho dân chúng kinh sợ. Còn Thang trái lại thấy người đói rét cho ăn cho mặc nên dân chúng ùa theo.

Tề Hoàn lại hỏi: Việc làm của Thang không phải sớm chiều mà xong, vậy tại sao Kiệt lại để yên cho Thang làm thế?

Quản Trọng đáp: Vì Kiệt mê Nữ Hoa, nên Thang đem vàng bạc đút lót. Vì Kiệt tin Khúc Nghịch, nên Thang dùng châu báu hối lộ. Nhờ dùng Nữ Hoa và Khúc Nghịch vào âm mưu, nên Thang đã thắng.

Thang thắng bởi vì hai chính sách: một mặt giữ tín nghĩa với dân, một mặt dùng âm mưu quật đổ vua Kiệt.

Còn như các vụ dùng chiến tranh để giải quyết vấn đề, dùng bạo lực để giải quyết vấn đề đều bị coi là hạ sách. Tuy nhiên danh từ hạ sách không hề chỉ định tính chất xấu tốt, ác hay thiện. Tất cả tùy thuộc vào thời thế. Thế không cho phép dùng đức tất phải dùng lực như lời Khương Tử Nha: "Thuận giả nhiệm chi dĩ đức. Nghịch giả tuyệt chi dĩ lực." (Kẻ thuận theo thì lấy đức mà trị, kẻ nghịch ta thì dùng lực mà tiêu diệt). "Dĩ chiến chi chiến, tuy chiến khả dã. Dĩ sát chi sát, tuy sát khả dã. Dĩ hình chi hình, tuy trọng hình khả dã." (Lấy chiến tranh để ngăn chặn chiến tranh thì chiến tranh cũng tốt. Lấy giết để ngăn chặn sự giết chóc thì giết cũng được. Lấy hình phạt để chống tàn bạo thì hình nặng càng hay).

Liên hệ khăng khít giữa trong và ngoài

Cổ thư có câu:

"Đi thuyền, nước vào thuyền mà không trét lại thì thuyền chìm, trét chỗ rỉ nước rồi mà khinh sóng dữ của Thủy Thần thì thuyền đắm".

Trong bất cứ loại đấu tranh chính trị nào người ta cũng buộc phải đối phó với hai phía, phía trong và phía ngoài. Phía trong là công việc nội bộ, phía ngoài là ứng chiến với địch. Bởi vì đấu tranh chính trị rút lại chỉ là sự giải quyết mâu thuẫn. Nguyên nhân và khởi điểm của đấu tranh là những mối mâu thuẫn. Mâu thuẫn thì bao giờ cũng có hai mặt: một là mâu thuẫn trong diễn tiến phát triển của hết thảy sự vật, hết thảy hiện tượng, hai là mâu thuẫn nội tại ở trong lòng mọi sự vật

mọi hiện tượng. Nói dễ hiểu hơn là mâu thuẫn nội bộ và mâu thuẫn với ngoài. Tỷ dụ: Thục đánh nhau với Đông Ngô là mâu thuẫn với ngoài. Tập đoàn Tiêu Chu Hoàng Hạo và ấu chúa của Thục chống nhau với tập đoàn Khổng Minh là mâu thuẫn nội bộ Thục. Cả hai mâu thuẫn nội bộ, mâu thuẫn với ngoài kết hợp tạo thành ra những biến động chính trị. Một tỷ dụ khác: Mâu thuẫn giữa tập đoàn chống Staline với chính sách của Staline đã khiến cho đại hội C.S. chuyển hướng chính sách đối ngoại vào con đường sống chung hòa bình. Chính sách đúng, đều là kết quả của nhận thức chính xác những mâu thuẫn và giải quyết thỏa đáng. Nhiệm vụ của người lãnh đạo là sớm phát hiện và phân biệt những mâu thuẫn. Mọi hình thể chính trị nào cũng vậy, trước mặt ta cũng có ba loại mâu thuẫn:

- 1) Mâu thuẫn giữa địch và ta.
- 2) Mâu thuẫn nội bộ ta.
- 3) Mâu thuẫn nội bộ địch.

Những mâu thuẫn trên hoàn toàn không giống nhau về tính chất cho nên phương pháp giải quyết hay hình thức đấu tranh cũng không giống nhau. Thông thường thì mâu thuẫn giữa ta và địch là mâu thuẫn có đối kháng, phương pháp giải quyết và hình thức đấu tranh phải quyết liệt không đội trời chung. Còn mâu thuẫn nội bộ là mâu thuẫn không đối kháng, có thể dùng phương pháp và hình thức đấu tranh hòa bình để giải quyết.

Tuy nhiên không phải chỉ đơn giản như thế. Có nhiều tình thế chính trị phức tạp nên phương pháp giải quyết cũng như hình thức đấu tranh cũng trở nên phức tạp.

Tỷ dụ sự liên hiệp kháng Nhật giữa Trung cộng và Quốc Dân đảng Trung hoa. Trung cộng và Quốc Dân đảng vốn dĩ là mâu thuẫn đối kháng tuyệt đối. Nhưng cả hai đứng trước cuộc xâm lăng của Nhật vào Trung quốc thì mâu thuẫn giữa hai đảng trở thành mâu thuẫn phụ và mâu thuẫn giữa Nhật với hai đảng mới là mâu thuẫn chính. Ngược lại cuộc cách mạng tháng Mười tại Nga, cuộc chiến tranh Nga Đức không làm giảm tính đối kháng quyết liệt của phe Bôn-sê-vích với chế độ Tsar. Những vụ gây rối loạn trong nước còn làm cho Nga thất trận với Đức một cách nhục nhã. Vấn đề không phải là Cộng sản Tàu yêu nước hơn Cộng sản Nga, mà là phương pháp giải quyết khác nhau để cùng đưa lên thắng lợi. Giải quyết mâu thuẫn hay đấu tranh chính trị ở đây không đánh giá bằng đạo đức, bằng giá trị luân lý, mà đánh giá bằng hiệu quả. Trung cộng lý luận giá trị của liên hiệp kháng Nhật như sau:

- Tường Giới Thạch tập trung quân đội để đánh Nhật, sẽ không còn sức để cố tình tiêu diệt Cộng sản.
- Với tư cách kháng chiến giải phóng dân tộc, Cộng sản sẽ thu hút được cảm tình của toàn dân thứ nhất là phần tử trí thức.
- Do hợp tác Quốc Cộng, Cộng sản khả dĩ mở rộng tuyên truyền và phát triển bằng phương thức hợp pháp trên toàn quốc.
- Chiến tranh kháng Nhật đem lại cơ hội khoáng triển lực lượng vũ trang.

Trong khi ở Nga Lénine đưa ra khẩu hiệu: Biến chiến tranh đế quốc thành ra nhân dân vũ trang cướp chính quyền từ tay vua quan quý tộc. Quyết liệt đấu tranh cho hòa bình. Nga càng thua trận đảng Bôn-sê-vích càng ra sức phá hoại bên trong để lật đổ chế độ Nga hoàng. Chiến tranh Nga Đức là chiến tranh đế quốc, mâu thuẫn giữa hai đế quốc âm lợi cho cách mạng vô sản rất lớn.

Thỏa hiệp của đảng Cộng sản với phe Tường Giới Thạch và không thỏa hiệp với chính quyền Nga hoàng để chống xâm lược chúng minh rằng tính mâu thuẫn là quy luật chung nhưng có những tính riêng biệt của mỗi hoàn cảnh. Bởi thế mỗi khi nói đến giải quyết mâu thuẫn hay đấu tranh chính trị việc làm hàng đầu là phải phân tích cụ thể một hoàn cảnh chính trị cụ thể (l analyse concrète d une situation concrète).

Ngoài ra mỗi phát triển của một tình thế còn hàng loạt mỗi mâu thuẫn khác nữa làm cho tình thế càng rắc rối. Tỷ dụ nước Trung hoa sau cách mạng Tân hợi, xã hội có nhiều mâu thuẫn phức tạp như mâu thuẫn giữa xã hội cũ và tư tưởng mới, mâu thuẫn giữa đế quốc với dân chúng, mâu thuẫn giữa các đế quốc trên đất Trung quốc, mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, mâu thuẫn giữa người giàu và người nghèo, mâu thuẫn trong nội bộ của phe cách mạng, v.v... Và mỗi mâu thuẫn lại mang tính chất đặc biệt. Nếu không phân tích cụ thể từng hoàn cảnh cụ thể, tất không nắm vững tình thế. Không nắm vững tình thế thì không thể có sách lược đúng.

Cao lên từng nữa còn phải đặt vấn đề mâu thuẫn với quan niệm sau đây: Đối kháng và mâu thuẫn hoàn toàn không giống nhau; khi một tình thế chính trị đã ổn định thì đối kháng tiêu diệt nhưng mâu thuẫn vẫn tồn tại.

Những mâu thuẫn tồn tại đó là gì?

Trong xã hội của chủ nghĩa xã hội vẫn có những mâu thuẫn giữa lợi ích quốc gia, lợi ích chung với lợi ích cá nhân, mâu thuẫn giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo, mâu thuẫn giữa lối làm việc quan liêu cán bộ chính phủ với nhân dân v.v...

Để giải quyết những mâu thuẫn không đối kháng người ta thường dùng phương pháp hòa bình là thuyết phục và giáo dục với công thức: Đoàn kết - Phê bình - Đoàn kết.

Vấn đề sách lược

Sách lược là gì?

Cuốn sách Que faire viết: Sách lược là kế hoạch có hệ thống với những nguyên tắc vững vàng được đem ra kiên quyết thực hành.

Sách lược của một đảng là phương hướng, phương pháp, tính chất hoạt động cùng hành vi chính trị của đảng đó.

Lénine căn cứ vào tình thế chính trị đương thời đấu tranh của ông, mặc dầu sách lược mang muôn hình vạn trạng, nhưng ông đã khái quát vào hai loại:

- Từ dưới lên trên gồm những quảng đại quần chúng, bãi công, biểu tình, vũ trang bạo động, vũ trang uy hiếp, bộ đội cách mạng, vũ trang nổi dậy.

- Từ trên xuống dưới là thành lập công khai những xã đoàn công hội, nông hội, thương hội để trực diện đấu tranh, lợi dụng tuyển cử để đấu tranh nghị hội, để tham gia chính quyền.

Cũng theo Lénine thì muốn giành thắng cho sách lược phải kiện toàn bốn công cụ chủ yếu của đấu tranh chính trị là:

a) Huấn luyện giáo dục.

b) Tổ chức.

c) Tuyên truyền cổ động.

d) Khẩu hiệu đấu tranh chính trị.

Sách lược đấu tranh trong kỷ nguyên cách mạng và quốc tế chính trị ngày nay chứa đựng một ý nghĩa rất lớn. Nó bao gồm chính trị sách lược và chính trị chiến lược.

Danh từ sách lược chính trị do Lénine sáng tạo.

Danh từ chiến lược chính trị do Staline sáng tạo.

Đương nhiên danh từ chiến lược chính trị của Staline phát nguyên từ sách lược chính trị của Lénine và danh từ sách lược chính trị của Lénine cũng phát nguyên từ những tư tưởng của Marx và Engels.

Nhưng trong văn phẩm của Marx và Engels chỉ nói về sách lược mà thôi và không hề đề ra danh từ chính trị sách lược. Đến như chiến lược chính trị thì Marx, Engels không nói tới bao giờ, ngoại trừ những luận văn về chiến tranh mới thấy có hai chữ chiến lược, như vậy chiến lược trong tư tưởng của Marx, Engels chỉ là chiến lược chiến tranh. Kinh qua bao cuộc đấu tranh đến đời Staline thì danh từ chiến lược chính trị mới được sáng tạo. Dĩ nhiên bất cứ sự sáng tạo nào cũng do nhu yếu cấp thiết của hoàn cảnh thực tiễn. Danh từ chiến

lược chính trị nói được lên đặc tính thời đại mà trong đó đấu tranh không còn phân biệt giữa chiến tranh và chính trị như trước kia nữa. Trước kia mọi người đều cho rằng chiến lược thuộc phạm vi quân sự. Quan niệm này không còn giá trị nữa, hiện tại người ta đề cập đến chiến lược với sự bao quát cả chính trị lẫn quân sự.

Trong đấu tranh bây giờ, khi luận về sách lược tức thị là luận cùng một lúc cả sách lược chính trị lẫn sách lược quân sự. Chính trị trong nhu yếu mới đã hẳn nhiên là một loại chiến tranh. Những cuộc bạo động ám sát, tuần hành thị uy, bãi công bãi thị, du kích chiến v.v... đòi hỏi sách lược chính trị phải đặt trên luật tắc chiến lược của chiến tranh. Nếu đem chiến tranh và chính trị tách rời nhau sẽ dễ dàng bị rơi vào những hành động thiếu chính xác trong cuộc đấu tranh phức tạp ngày nay.

Những điều không thể thiếu khi xây dựng sách lược

Tướng Giới Thạch đem quân vây Thụy kim dẹp tan Cộng sản, Cộng sản trước sức tấn công của quân đội Tưởng đã chạy như chuột, vượt hàng vạn dặm để đi ngược lên miền Bắc. Trận ấy Tưởng Giới Thạch toàn thắng. Nhưng nó tạo nên một mặt khác của chính trị là trong toàn trình lưu thoán của Cộng sản, nhờ sự lãnh đạo đúng nên nó đã biến thành cuộc vận lý trường chinh, bởi vì Cộng sản chạy đến đâu là gieo rắc chủ nghĩa đến đó, mỗi khi dừng nơi nào Cộng sản lập tức cho thi hành chính sách cải cách ruộng đất để phá uy thế chính trị của phe Quốc Dân đảng, khi quân Quốc Dân đảng đến đánh đuổi Cộng sản lại chạy nhưng chính sách của họ đã tạo thành mầm mống chống đối của quần chúng đối với chính quyền phe Tưởng.

Napoléon xâm lược Nga, Napoléon bị đánh bại nhưng xã hội Nga đã chịu một thay đổi lớn lao do những tư tưởng cách mạng Pháp theo đoàn quân Napoléon vào đất Nga.

Bởi lẽ đó nên khi xây dựng một sách lược, người ta không thể quên tính phát triển của sự việc qua những nguyên tắc biện chứng pháp kể sau đây để quan sát và nhận thức tình thế.

1) Thái độ hoàn toàn khách quan mà đo tính quan hệ và vị thế của hết thảy mọi lực lượng chính trị trong xã hội. Đo tính từng giai đoạn phát triển khách quan của xã hội ấy. Đo tính quan hệ giữa xã hội này với xã hội khác.

2) Quan sát các lực lượng chính trị phải căn cứ vào khả năng động của mỗi lực lượng. Không được căn cứ vào tình trạng tĩnh chỉ của mỗi lực lượng mà rút ra những nhận thức lạc quan một cách chủ quan.

3) Quan sát vận động không thể xuất phát từ quá khứ mà xuất phát

từ tương lai.

4) Phân biệt được toàn thể với cục bộ.

5) Phân biệt được điểm chính và điểm phụ.

6) Nắm giữ được vận động để vận dụng chính sách những biến chuyển tương phản tương thành hay tương thành tương phản của mỗi biến động chính trị.

Sáu yêu cầu của sách lược

Thứ nhất. -- Trong cuốn Tả phái Ấu trĩ bệnh Lénine viết: Một quân đội khi lâm chiến mà chưa sẵn sàng để học hiểu phương pháp, thủ đoạn, vũ khí của địch nhân thì quân đội đó không thể thắng được.

Chính trị cũng thế, mỗi sách lược đều mang hai tầng ý nghĩa:

a) Nhận thức, học hỏi tất cả những thủ đoạn và sách lược của địch.

b) Đánh những đòn chí mạng vào đối phương.

Thứ hai. -- Phải biết xử dụng giỏi giang tất cả mọi sách lược. Trên chính trị, trong tương lai có những điều kiện không giống nhau sẽ đặt ta vào những tình thế hoàn toàn khác biệt, thủ đoạn hay sách lược này không thể thích dụng cho một tình thế khác. Nếu không biết chuyển, di, biến, động tất sẽ bị thất bại. Tỷ dụ có lúc phải dùng thủ đoạn đấu tranh công khai, hợp pháp, có lúc phải dùng thủ đoạn đấu tranh bí mật, bất hợp pháp và có lúc phải phối hợp thủ đoạn công khai, hợp pháp với đấu tranh bí mật bất hợp pháp.

Thứ ba. -- Một mặt xử dụng giỏi giang tất cả mọi sách lược, mọi thủ đoạn, mặt khác lại phải biết những khâu chính yếu và trọng điểm. Sự kiện chính trị rất phức tạp và rối loạn buộc ta phải tìm ra đầu mối, tìm ra khâu chính yếu, tìm ra trọng điểm. Tỷ dụ: Năm 1917 Lénine đề ra trọng điểm chính trị là thoát ly chiến tranh, những năm 1919-20 thì trọng điểm chính trị là vũ trang tự vệ và đến năm 1921 Lénine đặt trọng điểm chính trị là thoái rút có trật tự.

Thứ bốn. -- Mọi sách lược, mọi thủ đoạn đều căn cứ trên nhu yếu của hoàn cảnh hiện thực. Đấu tranh là đối diện với những biến thiên của cục diện xã hội, đối đầu với hoàn cảnh cụ thể cho nên sự vận dụng sách lược, vận dụng thủ đoạn đều phải căn cứ trên quan hệ thực lực. Thay đổi sách lược, thay đổi thủ đoạn cũng căn cứ trên sự chuyển di của những quan hệ thực lực ấy.

Thứ năm. -- Lợi dụng nhược điểm của địch. Nhược điểm quan trọng nhất trên chính trị là sự xâu xé nội bộ, và mâu thuẫn hàng ngũ.

Lénine viết: Muốn chiến thắng một lực lượng mạnh hơn, dĩ nhiên chúng ta phải hết sức mở rộng lực lượng của ta, phải xem xét từng chi tiết nhỏ nhất, phải phòng vệ chu mật. Nhưng cần thiết hơn nữa là phải chớp thật nhanh cơ hội chia rẽ của địch, phải tìm cách phát hiện

rồi khoét sâu mâu thuẫn của địch.

Thứ sáu. -- Trong nguy hiểm, trong hy sinh học tập và tôi luyện sách lược, bất cứ phương thức đấu tranh nào cũng đều dẫn đến những hy sinh và nguy hiểm mới, đều bị đe dọa bị phá hoại bởi sự thiếu chuẩn bị và thiếu tổ chức. Bởi vậy luôn luôn nên đặt vấn đề học tập và tôi luyện sách lược trong cơn nguy hiểm và hy sinh. Mỗi lần gặp gãy đổ là mỗi lần phải xét lại và biến đổi thủ đoạn. Nếu như không biết tôi luyện trong máu, trong lửa thì không thể có năng lực nắm được việc thực hành bạo động. Một chiến sỹ hy sinh là để cho trăm chiến sỹ tiến bộ.

Bạo động

Hãy dùng mắt đối mắt, răng đối răng. Bạo động là kết quả tự nhiên của những đấu tranh chính trị. Nhưng trong lịch sử thường thấy rất nhiều vụ bạo động chẳng đưa đến kết quả gì ngoài chết chóc. Cho nên nói đến bạo động không phải là đem bắt bạo động vào thay thế mà cần là nói phương pháp của bạo động, tổ chức của bạo động. Cần nhận định bạo động như thế nào?

A) Phân biệt cá nhân bạo động và quần chúng bạo động.

B) Phân biệt bạo động với khủng bố.

Đọc truyện kiếm hiệp, người ta thấy những hành động giết bọ tham quan ô lại do các tay nghĩa hiệp thi hành. Đọc Zoro, người ta thấy những hành động cứu khốn phò nguy của hiệp sỹ Zoro. Đây cũng là những hành vi bạo động, nhưng những hành vi này chứa đựng rất ít chính trị tính.

Đọc Đông Chu liệt quốc, hồi Kinh Kha sang Tần để hành thích Tần vương, Yên Thái tử Đan cùng ba ngàn người tiễn đưa Kinh Kha bên bờ sông Dịch. Đó là hành vi bạo động hoàn toàn chứa đựng chính trị tính nhưng là chính trị giữa Yên Thái tử và Tần Vương.

Đọc Tam Quốc Chí, có giặc khăn vàng nổi lên khả dĩ gọi là quần chúng bạo động chống chính quyền Đông Hán. Đọc sử Pháp có vụ cướp ngục Bastille, đó là hành vi bạo động của quần chúng. Vậy có thể nói bạo động trong đấu tranh chính trị không phải là có những hành vi Zoro hay thích khách trong các truyện kiếm hiệp Tây hoặc trả ơn trả oán như Kinh Kha. Bạo động trong đấu tranh chính trị chỉ có một mục tiêu duy nhất làm yếu chính quyền thống trị và cướp đoạt thống trị quyền.

Lấy một trường hợp điển hình, vụ mưu sát Tsar hoàng Alexandre đệ Nhị. Kể từ mùa thu 1879, tất cả hoạt động của phe cách mạng Alexandre II(?). Trong vòng hai năm trời, có tới gần một trăm mưu toan, cuối cùng Alexandre II mới chết. Tiếp sau đó hàng ngàn vụ

khủng bố khác. Tuy nhiên chính quyền chuyên chế quân chủ Nga vẫn chằng nao núng. Chính sách khủng bố chỉ có tác dụng rất hạn chế không đủ làm cho chế độ sụp đổ. Ngược lại phe cách mạng để đạt đến những kết quả hạn chế đó cũng phải trả bằng một giá rất đắt. Rút kinh nghiệm, Lénine đã không chấp nhận bạo động như một thứ chính sách khủng bố, ông nói: Bạo động khác hẳn sự khủng bố cá nhân. Cá nhân khủng bố chỉ là sản phẩm của những phần tử trí thức yếu ớt không biết đấu tranh lâu dài và cương quyết. Hiện tại bạo động là kết hợp, tổ chức đông đảo quần chúng để tiến hành động tác quân sự. Bạo động từ nay không còn mang những hình ảnh liều mạng đâm chém, hay bắn giết để thỏa lòng căm phẫn nữa. Từ nay bạo động là kế hoạch quân sự giữa hai đội ngũ.

Trong lịch sử có rất nhiều vụ bạo động bị đàn áp như: Vụ Spartacus, vụ Pugatchev, vụ Nghĩa Hòa Đoàn, Bạch Liên Giáo, Hồng Cân, Hoàng Cân v.v... tuy có nhiều nguyên nhân khác nhau và điều kiện lịch sử khác nhau, nhưng vụ nào cũng có một nguyên nhân chính là thiếu phương pháp.

Với cái vốn học vấn về lịch sử rộng lớn nên Marx và Engels là hai người đầu tiên đã đề ra một cách chu đáo vấn đề phương pháp bạo động. Đại khái phương pháp ấy như sau:

1) Trước hết phải nhận bạo động là một nghệ thuật. Như chiến tranh nó phải được thi hành cùng với sự tuân thủ triệt để một số nguyên tắc, nếu sơ hở sẽ bị tiêu diệt.

2) Bạo động là việc cực hệ trọng, cho nên khi đã phát khởi bạo động là phải có quyết tâm sắt đá tiến tới cùng. Nếu chưa đủ quyết tâm đó thì không được phát khởi bạo động. Tại sao? Bởi vì bạo động bao giờ cũng bị đặt trước một phương trình biến đổi đầy nguy hiểm, không thể nhất định biết trước sẽ tiến đến đâu.

3) Phải tụ tập được một lực lượng chống đối với địch càng lớn càng tốt. Lực lượng nhỏ yếu, vô kỷ luật, vô tổ chức chỉ làm mồi ngon cho địch tiêu diệt.

4) Chỉ có tấn công không có phòng thủ. Một khi bạo động đã được phát khởi rồi thì chỉ còn nước tiến là cùng, phòng thủ là con đường chết của bạo động.

5) Thừa lúc địch không chuẩn bị mà đánh bất thình. Nghĩa là không để thì giờ cho địch có thể tập trung quân về bảo vệ chính quyền.

6) Mỗi ngày giành thêm mỗi thắng mới. Thiếu sự thắng lợi mỗi ngày tinh thần phe bạo động rất dễ suy sụp.

7) Tranh thủ bằng mọi cách những phần tử giao động và do dự. Khi bạo động phát khởi, số đông đợi chờ kẻ chiến thắng mà ngã theo,

vậy phải làm thế nào cho ta có bộ mặt kẻ chiến thắng đó.

8) Dũng cảm là điều kiện quan trọng nhất. Lúc bạo động chỉ có một điều phải theo đó là dám làm, dám làm và dám làm.

Bốn khả năng

Khái quát nghệ thuật đấu tranh chính trị người ta có thể đưa ra bốn điểm chính yếu:

a) Khả năng làm việc bên cạnh quần chúng

Thời đại bây giờ là thời đại của quần chúng đấu tranh. Thời kỳ đấu tranh đơn thuần giữa các chính phủ, giữa các quân đội, giữa các tướng lĩnh, giữa các giai cấp đã qua rồi. Ngày nay, bất luận chính phủ, quân đội, tướng lĩnh, chính đảng hay giai cấp nếu đấu tranh phải có cơ sở quần chúng nhân dân rộng lớn.

Để làm tốt, làm giỏi bên cạnh quần chúng thì việc phải làm phù hợp với ý thức và nguyện vọng của số đông. Hãy dùng đủ mọi phương pháp, phương tiện để hiểu quần chúng, học quần chúng và lãnh đạo quần chúng. Hãy chú ý đến việc đào tạo cán bộ ngay trong lực lượng quần chúng.

b) Khả năng hợp tác với những đồng minh chính trị

Không bao giờ làm việc cô lập. Đấu tranh chính trị là chứng tỏ năng lực xây dựng liên tục những trận tuyến, biết sát cánh làm việc với hết thấy những đồng chí, những bạn đường, những tập thể và đảng phái đồng minh.

c) Khả năng đưa ra một hình thức đấu tranh thích hợp

Mọi hình thức đấu tranh đều phải thích hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tiễn và phát triển khả năng thích hợp đó đến mức có thể biến đổi rất nhanh mỗi khi cấp thời. Tuyệt đối không ngồi chờ quả rụng. Đấu tranh phải làm sức nóng để ấp cho gà con nở. Dù gặp trường hợp mà điều kiện không mấy thuận lợi cũng phải cố gắng tích cực hoạt động, vì chỉ có sự tích cực hoạt động mới thay đổi điều kiện từ khó khăn eo hẹp đến dễ dàng rộng rãi. Ngay cả lúc vận đang đi xuống, chớ khoanh tay mà nhìn, hãy phấn đấu đặt nền móng cho thắng lợi tương lai.

Phải nắm vững nghệ thuật tấn công cũng như nghệ thuật thoái rút.

Phải nắm vững nghệ thuật tiêu diệt cũng như nghệ thuật thỏa hiệp.

Nên hiểu rằng chiến thắng bao giờ cũng là kết quả của cả hai mặt tấn công và thoái rút. Tấn công chính xác, thoái rút hợp thời, không thoái rút kiểu chạy dài, không tấn công kiểu liều mạng (Il s agit de comprendre que l on ne peut vaincre, sans avoir appris au préalable à attaquer convenablement et à se retirer convenablement).

d) Khả năng phát hiện được những khâu chính của dây xích

(principal maillon de la chaine).

Phát hiện những khâu chính của dây xích là tìm thấy trong sự biến động phức tạp những vấn đề chính trị quan trọng nhất để tập trung lực lượng vào nhiệm vụ chính yếu.

Nói về đảng

Đấu tranh chính trị trước hết là đấu tranh tổ chức. Không tổ chức không thể gọi là đấu tranh chính trị được. Những người giác đấu (gladiateur) nếu không kết hợp vào chủ trương của Spartacus thì cuộc vùng dậy không thể xảy đến, họ mãi mãi chỉ là những tên giác đấu mua vui cho giai cấp thống trị của đế quốc La Mã. Những đám thợ thuyền tranh đấu lẻ tẻ thì tranh đấu của họ có tính cách tranh chấp kinh tế của đời sống hàng ngày, nhưng khi kết tụ lại thành một lực lượng thợ thuyền rộng lớn trên toàn quốc thì mới thật là đấu tranh chính trị. Trong đấu tranh chính trị có cả muôn ngàn hình thức từ việc tham gia bầu cử, đến chiếm đoạt nghị trường. Từ bãi công thị uy đến bạo động cách mạng cướp chính quyền. Để hoàn thành những việc đó phải có tổ chức.

Không một cuộc vận động chính trị nào có thể hoàn thành nếu không có một tổ chức lãnh đạo vững vàng để duy trì sự liên tục đấu tranh. Không có một đảng sắt thép được tôi luyện trong đấu tranh được lòng tin cậy của quần chúng và giới lãnh đạo quần chúng thì không thể đấu tranh chính trị.

Một đảng như thế có ba đặc tính:

- 1) Đi tiên phong (tiền bộ dũng cảm).
- 2) Quyết liệt (không làm nửa chừng).
- 3) Có một ý thức hệ kiên toàn (lý thuyết đấu tranh).

Đối kháng với tổ chức thì phải biết vận dụng tổ chức. Đảng tức là thủ đoạn vận dụng tổ chức cao nhất. Phê bình về chiến tranh Quốc Cộng ở Trung quốc, các phê bình gia cho rằng sở dĩ Cộng sản thắng là nhờ ba pháp bảo: Sách lược thống nhất chiến tuyến, đấu tranh vũ trang và kiến thiết đảng. Trong ba pháp bảo ấy thì kiến thiết đảng là chủ yếu.

Tất cả mọi mục đích thuộc xã hội tính hay văn hóa tính, tất cả những công việc kinh tế, chính trị, tất cả những chủ nghĩa, tôn chỉ, chính sách, phương châm hay ý đồ thực hiện được hay không đều nhờ tổ chức. Chỉ có tổ chức mới đem lại hiệu quả. Làm việc có tổ chức là thế nào? Là phối hợp chính xác (sau khi đã phân công hợp lý), là cấu thông ý chí (làm cho mỗi người cùng một lòng nhất tâm nhất đức) là đưa ra quyết định chung, là gây dựng một quyền uy cho công việc. Muốn giải quyết những đòi hỏi trên, nhất là những đòi hỏi ấy trong

đấu tranh chính trị thì chỉ có đảng đầy đủ khả năng đáp ứng hơn hết.
Đảo chính

Hiện tượng chính trị dị thường phức tạp, nhưng nếu phân tích kỹ càng thì ta khả dĩ nói được rằng: Từ cổ xưa đến bây giờ hết thảy mọi hiện tượng chính trị đều có chung một đặc chất, đó là Thống trị.

Thống trị là một phía ra mệnh lệnh và một phía phục tùng. Muốn sự ra lệnh được phục tùng thì phải có cưỡng chế. Cho nên thống trị gọi là quan hệ cưỡng chế giữa mệnh lệnh và phục tùng.

Làm sao mà quan hệ cưỡng chế ấy phát sinh ra được?

Lòai người sống trong xã hội đều có quan hệ liên đới, nhưng đồng thời cũng chống đối lẫn nhau. Quan hệ liên đới đem đến cho chính trị những công việc của chúng nhân. Sự chống đối đem lại cho chính trị nhiệm vụ thống nhất hòa giải, hòa bình. Muốn thống nhất ý kiến, muốn dẹp tan tranh chấp, chính trị phải đoạt được quyền cưỡng chế để buộc mọi người phục tùng. Quyền cưỡng chế thể hiện vào một guồng máy chính trị gọi là nhà nước (Etat).

Như thế chúng tỏ rằng chính trị là sự xử dụng quyền lực để cưỡng chế tiêu diệt hay ổn định những phân hóa đối lập trong dân chúng mà duy trì hòa bình xã hội. Cướp chính quyền tức là cướp quyền cưỡng chế nói trên. Chiến tranh, cách mạng và đảo chính là những thủ đoạn khác nhau tùy theo hoàn cảnh để cướp đoạt chính quyền. Cách mạng và đảo chính là hai thủ đoạn cướp chính quyền.

Cuộc cách mạng nào cũng phải tiến đến đảo chính.

Tất cả mọi cuộc đảo chính không nhất thiết là sẽ có cách mạng.

Vậy thì kỹ thuật cướp chính quyền là kỹ thuật đảo chính (coup d'Etat).

Trong tự điển Littré giảng về nghĩa danh từ Coup d'Etat như sau:

Le coup d'Etat est une action qui décide de quelque chose d'important pour le bien d'Etat.

(Đảo chính là một hành động có tính quyết định một điều quan trọng cho lợi ích quốc gia).

Lời giảng này mơ hồ không xác thực khi Littré nhấn mạnh vào hai chữ lợi ích. Những sự kiện chính trị rắc rối ngày nay chứng minh không phải chỉ có lợi ích. Bởi thế tốt hơn hãy hiểu đảo chính như một kỹ thuật để đoạt thủ chính quyền.

Đảo chính là chuyện thường thấy trong lịch sử. Chỉ đọc trong Tam Quốc người ta tìm thấy nhiều vụ đảo chính, tạm kể sơ lược dưới đây:

Vụ thứ nhất. -- Hà Tiến vào cung vây bắt Kiển Thạc và thập hạon quan.

Vụ thứ hai.-- Bọn họa quan Trương Nhượng phục binh giết Hà Tiến.

Vụ thứ ba. -- Ngô Khương và Viên Thiệu tấn công giết bọn họa quan Trương Nhượng.

Vụ thứ bốn. -- Đồng Trác bỏ Thiệu Đế lập Trần Lưu Vương.

Vụ thứ năm. -- Tào Tháo và Viên Thiệu khởi binh đánh Đồng Trác buộc Đồng Trác phải thiên đô.

Vụ thứ sáu. -- Vương Tư Đồ dùng kế liên hoàn giết Đồng Trác.

Vụ thứ bảy. -- Lý Thôi Quách Dĩ đem binh về bắt Vương Doãn.

Vụ thứ tám. -- Chiêu chỉ đai áo và Tào Tháo giết Đồng Phi.

Vụ thứ chín. -- Bàn Thống cùng Lưu Bị cướp chính quyền Tây Thục.

Vụ thứ mười. -- Tư Mã Ý lật Tào Sảng cướp ngôi nhà Ngụy.

Vụ thứ mười một. -- Binh biến Ngụy Diên.

Vụ thứ mười hai.-- Hoàng Hạo dim Khương Duy.

Nhìn những vụ đảo chính trong Tam Quốc, người ta thấy nhiều sắc thái khác biệt nhau. Đảo chính để cướp ngôi, đảo chính để phế lập, đảo chính chiếm đất làm vốn chính trị, đảo chính vì mâu thuẫn giữa các thế lực mới cũ trong triều v.v... Sở dĩ khác nhau vì nó cần đáp ứng với nhu yếu của cuộc thế chính trị, nó tùy thuộc tâm lý con người và tùy thuộc những điều kiện cùng khả năng hành động.

Những loại hình đảo chính (type)

Đảo chính hay bất cứ hiện tượng chính trị nào không bao giờ có thể hoàn toàn giống nhau, vì nó bị chi phối bởi những điều kiện khác biệt hẳn như thời gian lịch sử, không gian, tình thế, chế độ và trình độ xã hội, mục tiêu chính trị và những vị thế của những quyền lực đấu tranh.

Nhưng chẳng phải vì vậy mà không thể nói đến vấn đề loại hình của hiện tượng đảo chính. Nếu cách đây hơn hai ngàn năm có Pisistrate ở Hy Lạp đem một đoàn người vũ trang gậy gộc vào thành Athènes cướp chính quyền từ tay Solon và bọn hào phú quý tộc thì ngày nay cũng có Mussolini với đoàn sơ mi đen tiến vào thành Rome.

Có thể tạm phân những loại hình đảo chính thấy trong lịch sử như dưới đây:

- Đảo chính thâm cung.

(Giết chóc bằng đầu độc, bằng ám sát trong hoàng cung để tranh đoạt quyền hành như quyền thừa kế, quyền tôn thất ngoại thích v.v...

Tỉ dụ hoàng hậu Agrippine Pasyratis trong cổ sử La mã và Ba tư, Võ Tắc Thiên, Tây Thái hậu ở Trung hoa, Cù thị và Lữ Gia ở Việt nam v.v...

- Đảo chính Catalinaire.

(Kết hợp các lực lượng trong chế độ để chống lại chính quyền, kết hợp đấu tranh nghị trường với quần chúng để suy đảo chính quyền (Catalina chống Ciceron).

- Đảo chính quân đội Césarisme.

(Tình thế hỗn loạn, một ông lớn có uy tín, có quân quyền về lật chính phủ trung ương đặt chế độ khác.)

- Đảo chính để chống lại một cường thần mà thế lực đang lên quá mạnh (Vua Louis 14 lật thế lực Fouquet).

- Đảo chính Cromwell.

(Vua Charles I lạm dụng quyền hành, Cromwell lãnh đạo một số lãnh chúa đem quân tấn công Luân đôn bắt vua Charles I đem xử chém).

- Đảo chính Bonapartisme.

(Kết hợp đấu tranh nghị hội với áp lực quân đội để tiêu diệt một tình trạng chính trị quá phân tán - Napoléon đệ Nhất ngày 19, Brumaire - Napoléon đệ Tam ngày 2 Décembre 1851).

- Pronunciamientos.

(Quân đội đảo chính, cầm đầu bởi bộ máy junta do một số sỹ quan hợp lại thường thấy ở vùng Nam Mỹ).

- Đảo chính bằng sự cướp chính quyền theo phương thức hợp pháp. Hitler được Hindenburg mời làm thủ tướng, Mussolini được vua Ý thỏa thuận cho lập nội các.

- Đảo chính quân nhân cách mạng.

Mustapha Kémal tại Thổ Nhĩ Kỳ.

Néguib và Nasser tại Ai Cập.

- Đảo chính khởi nghĩa đưa đến cách mạng.

Tháng Mười 1917 tại Nga.

- Đảo chính trấn áp khởi nghĩa cách mạng

Franco tại Espagne năm 1936.

Kỷ thuận đảo chính của Trotsky

Trotsky là người hoạch định ra kế hoạch đảo chính và đưa cách mạng tháng Mười của Nga đến thành công.

Ngày 24, giữa thanh thiên bạch nhật, Trotsky hạ lệnh tấn công. Chưa đầy bốn tiếng đồng hồ tất cả các cơ sở kỹ thuật đã bị vệ binh đỏ chiếm xong trong khi Kérensky vẫn giữ được hoàn toàn mọi cơ sở hành chính. Những cơ sở kỹ thuật như giao thông, điện tín, các nhà máy thất thủ đã làm tê liệt các cơ cấu hành chính. Bị cú bất ngờ đó, nội các Kérensky chạy ẩn vào lâu đài mùa Đông và bị cô lập. Tình hình lúc ấy thật là lạ. Nội các Kérensky vẫn còn giữ chính quyền nhưng không cai trị được nữa. Đường xe lửa, trung tâm điện lực, kho than, kho lúa, kho dầu, v.v... hết thảy đều rơi vào tay phe Bôn-sê-

vích. Dân chúng ùa ra đường, sự rối trật tự ghê gớm làm cho bộ máy nhà nước của Kérensky tê liệt hẳn. Trận quyết định thắng lợi về tay Bôn-sê-vích. Thắng lợi đó phần lớn nhờ tư tưởng kỹ thuật của Trotsky.

Trong một lần đàm thoại với Lénine về cuộc khởi nghĩa, Lénine nói: Cuộc khởi nghĩa của chúng ta nhất định không thể chỉ dựa trên âm mưu của một nhóm người, chúng ta phải đặt nó lên cơ sở của một giai cấp tiên phong. Cuộc khởi nghĩa phải dựa trên đà cách mạng của toàn nhân dân. Cuộc khởi nghĩa phải nổ ra lúc cao trào cách mạng lên tới đỉnh.

Trotsky cười nói:

Hay lắm. Nhưng nên nhớ rằng toàn nhân dân quả là quá thừa đối với cuộc khởi nghĩa. Theo tôi, điều cần của chúng ta là một nhóm người quyết tâm, lạnh lùng và bạo động đã được huấn luyện kỹ càng về kỹ thuật khởi nghĩa. Những người được huấn luyện sẽ chia từng toán nhỏ đến chiếm ngay đô thị bằng hết các điểm chiến lược thứ nhất là những trung tâm kỹ thuật. Chúng ta phải khởi nghĩa theo cái nghĩa của một cuộc đảo chính. Sự huy động ồn ào sẽ biến khởi nghĩa thành chiến tranh mất.

Và Trotsky tiếp:

Điều quan trọng cho tất cả mọi Catalinaires trong lịch sử là đập mạnh bất ngờ không cho địch kéo dài thời gian. Tổ chức khởi nghĩa là bộ máy đảo chính lạnh lùng và lặng lẽ. Bộ máy ấy điều khiển bởi các tay chuyên viên.

Giọng thật thân mật với Lénine, Trotsky tiếp thêm:

Chiến lược của đồng chí phức tạp và đòi hỏi nhiều cơ hội tốt quá, còn với tôi khởi nghĩa không cần nhiều như vậy, chỉ cần bộ máy tinh vi, hành động mau lẹ như trái đấm mạnh vào bụng kẻ tê liệt. Thế thôi!

Cách mạng và thủ đoạn

Cách mạng là một biến động chính trị lớn lao, xảy ra khi mà chế độ, tổ chức, càng ngày càng tỏ ra áp bách dân chúng, càng ngày càng bất lực trong việc giải quyết sự sinh sống của dân.

Tuy nhiên cách mạng không tự nhiên xảy ra, phải do người tranh đấu.

Tranh đấu không chỉ nhờ chính nghĩa, thuận lòng trời hợp lòng người mà phải có thủ đoạn mới thắng.

Thủ đoạn quan trọng nhất của cách mạng để chống với chính quyền áp bách là thủ đoạn đối phó với tổ chức áp bách, ngược lại chính

quyền áp bách có thể tiêu diệt được kẻ phản kháng mình hay không là tùy thuộc tổ chức áp bách có hiệu quả đến mức độ nào.

Tổ chức áp bách đó là lực lượng cảnh sát chính trị (la police politique).

Trong tập Hồi ký, Fouché viết:

Bất cứ chính phủ nào muốn an toàn vững chãi thì trước hết phải có một tổ chức mật vụ hết sức tinh tường với những người chỉ huy nó thật sáng suốt. Nhiệm vụ của tổ chức cảnh sát cấp cao ấy rất lớn. Có lúc nó nhúng tay vào tất cả những âm mưu của chính quyền đại nghị và ném vào tay những phe phái các loại "vũ khí" cần thiết để các phe phái chống lẫn nhau mà điều khiển chế độ. Có lúc nó quyết liệt ủng hộ một chế độ độc đoán. Cái khó khăn là hết thấy mọi hành động đều tiến hành trong bóng tối, trong bí mật đồng thời phải khám phá mọi dấu vết của chống đối. Ở mọi tình thế người lãnh đạo giỏi là người xử dụng được mạng lưới mật vụ kia. Phần tôi, bằng tiền bạc đi xuyên qua những tội lỗi đầy rẫy của đô thị, tôi đã biến cả thành phố Ba lê là mật vụ của tôi...

Cũng bởi những lý do trên mà vào những năm 1904-1907, cuộc đấu trí giữa tổ chức mật vụ Okhrana với phe cách mạng diễn ra rất khốc liệt và phe cách mạng đã rút được khá nhiều kinh nghiệm cần thiết cho đấu tranh bóng tối sau này.

Để chống lại tổ chức Okhrana, phe cách mạng thành lập tổ chức Naraidnaia Volia và sau đó là tổ chức O.C. (Organisation de Combat).

Ngày 15 tháng 7-1904, Guerchouni, người cầm đầu tổ chức O.C. hạ lệnh ám sát bộ trưởng nội vụ Plehve và khâm sai Bogdanovitch, các người này đều là những tay cự phách của tổ chức Okhrana.

Ngược lại Okhrana cũng trả lại tổ chức O.C. những đòn khủng khiếp, hết tổ này đến tổ khác bị khám phá. Trong văn khố của Okhrana người ta thấy hàng vạn tấm "fiches" ghi rõ tông tích lý lịch gia thế bạn hữu của hầu hết anh em cách mạng. Từ đó những mưu mô, những cạm bẫy được tung ra. Cuối cùng do thế lực tiền bạc, do phương pháp làm việc chặt chẽ Okhrana toàn thắng và cách mạng chịu một khoảng thời gian thoái trào cho tới khi cuộc đại chiến 1914-1918, chế độ Tsar mỗi ngày thêm suy vì chia rẽ nội bộ, tổ chức Okhrana không còn đặc lực như trước thì chế độ Tsar sụp đổ.

Cái nguy hiểm của Okhrana đối với phe cách mạng là những kẻ điều khiển nó đã rất đặc lực trong việc biến những người cách mạng thành mật vụ của họ, biến nhiệt tình cách mạng thành sự thích thú tiêu diệt cách mạng, thích thú nguy hiểm đi hàng đôi (Appetit de

duplicité).

Hồi ấy người ta đọc thấy trong nhiều tấm fiche của Okhrana những dòng tương tự dưới đây:

"Okladski tên cách mạng thiếu đức tính cứng rắn, sống đói rách vô gia đình, có nhiều quan hệ đáng chú ý. Có thể dùng y mà không bắt y phải bỏ lý tưởng chính trị, chỉ cần y bằng lòng nhận vài sứ mạng để khỏi bị kết án tử."

Ít lâu sau Okladski vượt ngục nhờ bàn tay bí mật của Okhrana, cùng với mấy người khác nữa, số người này Okhrana dùng để che đậy cho việc vượt ngục của Okladski có lý. Qua bốn năm cái fiche của Okladski được viết thêm:

Thật là một agent có biệt tài. Rất thích, rất lanh lợi lại rất khá về văn hóa. Y biết khắp mặt trong tổ chức Narodnaia Volia. Nhờ y mà chúng ta đã bắt được nhiều vụ quan trọng. Y say sưa với công việc tìm tòi. Với số lương 230 rúp hàng tháng so với các người khác đã quá lớn, nhưng thành tích của y đáng được thưởng hơn như vậy. Bao vụ na ná đã làm cho lực lượng chống đối yếu dần đến nỗi gần như tiêu trầm nếu không có cuộc Thế chiến I bùng nổ.

Thủ đoạn chính trị

Chương chín Chiến tranh

Chiến tranh là một trong những hình thức đấu tranh cao nhất để ổn định những mâu thuẫn giữa các giai cấp, các quốc gia và các thế lực chính trị.

M.T.Đ.

Chính trị xây dựng trên tương

quan lực lượng. Những tư tưởng không mùi vị chiến đấu, sợ chiến tranh, lẩn tránh ánh sáng của lưỡi lê đều không phải là những tư tưởng có khả năng điều khiển

xã hội.
PROUDHON

Chiến tranh

Chiến tranh là kết quả của chính trị đã đến một giai đoạn mà tính quyết liệt nhiều lên, tính thỏa hiệp bớt đi, đấu tranh chính trị đã đi vào giai đoạn vũ trang để thực hiện một đường lối đổ máu.

Ngày nay chiến tranh là một hình thức đấu tranh cao nhất, tính chất đấu tranh của nó mỗi ngày mỗi tăng. Người khám phá ra tính chất đấu tranh trong chiến tranh và có tư tưởng hệ thống đầu tiên là một quân sự gia người Đức, ông Carl Von Clausewitz với cuốn sách De la guerre. Ông viết:

- Chiến tranh không có cứu cánh riêng của nó, chiến thắng quân sự không có mục đích tự nó. Sự giao thương giữa các nước vẫn tiếp tục đều đều mặc dầu thùng thuốc súng đã nổ.
- Chiến tranh không những là một hành vi chính trị, mà còn là một công cụ của chính trị, một sự tiếp nối các quan hệ chính trị, và thực hiện những đường lối chính trị bằng một cung cách khác.
- Chiến tranh phải kháng khí gắn liền với những mưu đồ chính trị và chính trị phải phù hợp với những phương tiện chiến tranh sẵn có.
- Cái yếu tố đam mê xúc động của chiến tranh là để giành cho dân chúng, yếu tố may rủi thắng bại là dành cho vị tướng chỉ huy, còn yếu tố trí thức chính trị là của chính phủ, và chính yếu tố này mới điều khiển toàn bộ chiến tranh.
- Quân đội bao giờ cũng là một tổ chức xã hội.

Những hiện tượng của nhiều cuộc chiến tranh "napoléonienne" trên toàn cõi Âu châu, Ai cập v.v... đã đem lại cho Clausewitz nhiều nhận xét mới về tính chất chiến tranh. Quân đội của Napoléon trên chiến trường không còn phải là quân đội đánh thuê của các lãnh chúa trước đây nữa, quân sỹ chiến đấu với một lòng tin chiến đấu cho chính bản thân của họ. Tư tưởng của cuộc cách mạng Pháp cũng là những sức mạnh phi thường làm lung lay đến cõi rề chế độ phong kiến Trung cổ Âu châu, đồng thời chúng cũng giúp cho Napoléon thắng lợi dễ dàng.

.....

Lúc Pháp kháng chiến chống Đức, tướng De Gaulle đã rất đồng tình với ông Léon Blum về bức thư mà Blum gửi De Gaulle với lời lẽ dưới đây:

"Tất cả những người chiến đấu bên cạnh ông, xa hay gần đều cùng chung ý nguyện về sự thắng lợi tối hậu là dành lại cho nước Pháp nền độc lập, cho dân tộc Pháp đầy đủ chủ quyền. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là tất cả những gì của nước Pháp cũ mà chúng ta sẽ xây dựng lại với cái lối sửa chữa cái máy sau thời gian gián đoạn vì hư hại. Nước Pháp dân chủ tương lai phải khác hẳn trước..."

Trong chiến tranh ngày nay, tính chất chiến tranh chiến đấu (guerre combat) đang giảm dần và tính chất chiến tranh đấu tranh (guerre lutte) càng lúc càng tăng.

Giấc mơ 1945

Thần thoại Hy Lạp ghi rằng:

Các vị thần trên trời thường có một lỗi trừng phạt rất quái ác đối với loài người là ban cho họ vượt quá mức những điều họ ước muốn.

Trái bom nguyên tử xuất hiện, rồi đến bom khinh khí thành hình, theo ước lượng thì sức mạnh của mỗi trái bom, mặc dầu bé nhỏ nhưng sức tàn phá ngang bằng nhiều triệu tấn chất nổ. Loài người vui mừng vì họ cho rằng quyền lực của vũ khí nguyên tử sẽ là khả năng tốt nhất để bảo đảm vĩnh cửu nền hòa bình thế giới. Nhưng một lần nữa sức mạnh nguyên tử thêm lần nữa chứng minh cho thấy lỗi trừng phạt quái ác kia. Sức mạnh nguyên tử chỉ đem đến cho loài người một thời gian hòa bình quá ngắn ngủi như giấc mơ. Kể từ năm 1945, năm mà tất cả đều nghĩ là hòa bình trở lại vĩnh cửu trên trái đất, thực ra chỉ là năm đầu cho một cuộc chiến tranh khác giữa những thế lực khác.

Trong một bài diễn văn quan trọng, Tổng thống J.F. Kennedy nói: "Trên thực tế năng lực trả đũa bằng bom nguyên tử của chúng ta chưa đủ. Nó không thể ngăn cản cuộc xâm lăng của Cộng sản khi cuộc xâm lăng đó quá nhỏ để có thể dùng vũ khí nguyên tử được. Nó không thể bảo vệ những quốc gia trung lập chống lại một cuộc cướp chính quyền của Cộng sản bằng cách sử dụng những lực lượng địa phương hoặc những lực lượng du kích. Nó không thể đem ra dùng

được trong những cuộc bao vây vẫn được mệnh danh là quét lửa. Nó không được dùng tại Hàn quốc, Đông dương, Hung gia lợi, Suez, Liban, Kim môn, Tây tạng hoặc Lào. Tóm lại nó không thể ngăn ngừa Cộng sản gặm nhấm dần dần lãnh thổ của thế giới tự do, cho đến khi nền an ninh của chúng ta bị tiêu hao dần từng mảnh vì mỗi cuộc tiến binh của Cộng sản đều quá nhỏ để có đủ lý do chúng ta trả đũa ào ạt có thể gây ra những hậu quả lớn lao. Và lịch sử chứng minh rằng đó mới là mối đe dọa lớn lao chứ một cuộc tấn công nguyên tử toàn diện đâu phải là mối đe dọa đáng kể?"

Đặc điểm một loại chiến tranh mà Tổng thống Kennedy nói bao gồm nhiều yếu tố mới. Nó đã vượt ra ngoài "tầm tay" của trận mạc rất xa. Nó chính là hành vi chính trị tinh vi nhất cùng với những hoạt động xã hội phức tạp. Những nguyên lý quân sự để vận dụng trận mạc tuy không hẳn lui xuống hàng thứ yếu, nhưng cũng không đứng địa vị chủ yếu như trước nữa.

Trước kia với chiến tranh chiến đấu trận mạc, vấn đề đặt định chiến lược người ta không cần một sách lược chính trị bao trùm lên, người ta chỉ việc điều nghiên năm yếu tố thường lệ thuộc kỹ thuật quân sự như:

- Tinh thần (tâm lý chiến đấu)
- Vật lý (trang bị và lực chiến đấu)
- Số học (quy luật kỷ hà về dốc độ tuyến tác chiến)
- Địa lý (hình thế đất đai)
- Thống kê (những thủ đoạn cấp dưỡng).

Bây giờ, đấu tranh xã hội làm chủ động việc quyết định hình thế chiến tranh đồng thời quyết định việc thắng lợi, nghĩa là những yếu tố xã hội quyết định chiến lược hay sách lược chính trị bao trùm lên chiến lược quân sự.

Hãy lấy tỷ dụ như quy định tính chất kẻ thù chẳng hạn:

Lúc chiến đấu chống Nhật bản, các nhà lãnh đạo Trung quốc đã đánh giá trị quân Nhật và chính phủ chủ trương chiến tranh như một tập đoàn chính trị đại biểu cho quyền lợi thiểu số tư bản Nhật, chứ không phải đại biểu cho toàn thể nhân dân Nhật. Cho nên nếu bị sa lầy, chủ trương hiếu chiến tất sẽ bị dân chúng Nhật phản đối. Bị dân

chúng phản đối, phe quân phiệt Nhật đương nhiên sẽ mất ưu thế.

Chiến tranh Quốc Cộng, Cộng sản Trung quốc nhận định Quốc dân đảng Trung hoa là một tập đoàn đại biểu quyền lợi thiểu số mại bản quan liêu tư bản địa chủ, cho nên cái lực mạnh ban đầu của Quốc dân đảng chẳng qua chỉ là ưu thế giả.

Chiến tranh bây giờ, điều quan hệ hàng đầu là phải quy định được đúng tính chất chính trị kẻ thù, có như thế mới phát hiện được những nhược điểm và nhận biết những ưu điểm của lực lượng địch để xây dựng chiến lược. Những ưu và nhược điểm đó nằm trong quan hệ giữa những giai tầng xã hội. Phải tấn công vào các nhược điểm xã hội của địch mà làm băng hoại xã hội địch cùng bộ máy chiến tranh của nó.

Quy định tính chất chính trị kẻ thù là xét xem nó đại biểu cho lực lượng nào trong xã hội? Bất kể kẻ thù ấy thuộc màu sắc gì, đỏ đen hay trắng, Cộng sản, trung lập, đế quốc, phản động, đều có thể là những đòn bẩy tốt khả dĩ dựa vào đấy tạo sức mạnh.

Trải qua nhiều thất bại, thừa dịp Nhật xâm lăng, đảng Cộng sản Trung quốc liền đưa ra chủ trương: đoàn kết kháng Nhật để dựa vào danh nghĩa dân tộc, một mặt cứu vãn nguy cơ quân sự, một mặt làm điểm tựa cho đòn bẩy mà phát triển lực lượng. Thủ đoạn này, Trung cộng mệnh danh là sách lược thống nhất chiến tuyến gồm tám điều:

- a) Đả đảo chủ nghĩa đế quốc Nhật bản, đổ tới giọt máu cuối cùng, phản đối mọi thỏa hiệp.
- b) Tổng động viên nhân sự toàn diện, phát khởi kháng chiến toàn diện. Phát triển chiến tranh du kích. Cải cách công tác chính trị quân đội.
- c) Tổng động viên nhân dân toàn quốc. Đòi tự do vũ trang, tự do kết đảng, tự do ngôn luận, xuất bản, tập hội thực hành kháng Nhật cứu nước. Phế bỏ pháp lệnh cũ, ban bố pháp lệnh cách mạng. Giải phóng chính trị phạm.
- d) Cải cách cơ cấu chính trị. Triệu tập đại hội quốc dân. Ban hành

hiến pháp dân chủ. Quyết định phương châm kháng Nhật cứu nước. Tuyên cử chính phủ quốc phòng. Chấp hành chính sách cách mạng.

e) Cải thiện sinh hoạt nhân dân. Đặt lại chính sách đãi ngộ quân đội, công nhân, v.v... Phế bỏ sưu cao thuế nặng, giảm tô, giảm tức, cứu tế thất nghiệp.

f) Thực hiện kế hoạch huấn luyện vũ trang học sinh toàn quốc. Đề cao giáo dục kháng Nhật.

g) Tiêu trừ bọn Hán gian thân Nhật.

h) Trên cơ sở hợp tác Quốc Cộng, kiến lập trận tuyến thống nhất với các đảng, các phái, lãnh đạo chiến tranh kháng Nhật.

Với tám điều trên, C.S. Trung quốc đã xuyên qua ý thức và nhiệt tình kháng Nhật của dân tộc làm chiếc đòn bẩy lợi hại làm bật rế chế độ Quốc dân đảng sau này. Giảm tô, giảm tức, chống sưu cao thuế nặng đi đôi với tự do vũ trang, kết đảng, lập hội là tái thiết thực hiện nội chiến ngay trong kháng chiến một độ cao hơn trước. Chiếc đòn bẩy Cộng sản len lỏi vào tất cả các cơ tầng xã hội Trung hoa để rồi chế tạo sự nổi lên chống chế độ Tưởng tùy theo quyền lợi và bản chất của mỗi cơ tầng.

Cá với nước

Trong sách Chiến tranh và vấn đề chiến lược, Mao Trạch Đông viết: "Hình thức đấu tranh chủ yếu tại Trung quốc là chiến tranh, hình thức tổ chức chủ yếu là quân đội. Quân đội của nhân dân, quân đội với nhân dân khắng khít như cá với nước." Sở dĩ nhân dân có quân đội là vì "yếu tố" xã hội làm chủ động chiến tranh. Nhưng giới lãnh đạo của Tưởng đã không nghĩ thế, họ cho rằng sức mạnh quân sự làm chủ động chiến tranh. Họ nghĩ cá với nước ư? Ta sẽ mang đại đội binh mã đi bắt những con cá ấy ra khỏi nước, hoặc sẽ giết hết cá. Ít lâu sau chắc cá không còn. Kết quả của ý nghĩ sai lầm ấy là họ Tưởng đã ra Đài loan nằm. Gần đây có một quan niệm khá mới trông bên ngoài mang vẻ tiến bộ, nhưng thật ra vô hiệu quả: tát nước ra cho cá chết cạn. Đàng rằng cá với nước là hai vật hoàn toàn khác hẳn nhau, và vật nọ không sinh ra vật kia được. Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận một sự thực hiển nhiên: có nước mới có cá và

cá chỉ sống ở trong nước. Mang nước đi đâu, cá sẽ nhờ nước mà sinh ra nếu gặp điều kiện thuận lợi. Bắt cá hay tát nước cho cá chết cạn đều thất bại, bởi tại vấn đề không ở đây. Vấn đề ở nơi làm sao cho cá với nước không chịu nhau. Cá nước mặn vào nước ngọt tất hết sống, ngược lại cá nước ngọt ra nước mặn cũng chẳng thể nào tồn tại.

Đặc điểm hai

Cách đây bốn chục năm Lénine bảo rằng muốn tiến đến Ba lê chúng ta phải vòng qua ngả Bắc kinh. Thật thế, ít năm gần đây, Hồng quân Xô viết rất ít khi trực tiếp công khai đánh chiếm nước nào, tuy nhiên thế lực Cộng sản đã mở rộng biên giới không ngừng. Ngược lại các nước thuộc thế giới tự do đang nỗ lực để bảo vệ cho xứ sở của mình ở trên một nước khác ở cách xa hàng vạn cây số, hoặc phải giúp một quốc gia khác chống giặc. Hiện tượng này các nhà báo đặt tên cho nó là chiến tranh ủy nhiệm (war by proxy). Chiến tranh ủy nhiệm tuy mới lạ nhưng nguồn gốc của nó vẫn chỉ là một phương pháp chiến tranh đã có từ ngàn xưa: chiến lược tấn công gián tiếp (indirect approach). Những thế lực nắm trong tay vũ khí nguyên tử không muốn tự sát, trong khi trên thế giới còn bao nhiêu vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng. Chính trị còn đầy rẫy mầm mống đấu tranh. Để giải quyết họ trở về với hình thức chiến tranh quy ước cũ với phương pháp tấn công gián tiếp đã được đưa đến mức độ cao nhất. Muốn tiến đến Ba lê chúng ta phải vòng qua Bắc kinh. Nhà lý thuyết quân sự, ông Liddell Hart, viết:

"Lịch sử chiến lược, trên căn bản chỉ là công việc ghi nhận những cách áp dụng và sự tiến hóa của lối ứng chiến gián tiếp. Sau khi đã tìm hiểu trong nhiều chiến dịch tôi nhận thấy rằng tính gián tiếp hơn hẳn tính trực tiếp đối với chiến tranh là một điều không thể chối cãi được. Bởi vậy tôi lấy tính gián tiếp làm ánh sáng cho những tìm tòi về chiến lược. Thật vậy tính gián tiếp từ ngàn xưa vẫn được áp dụng rất nhiều ở mọi cuộc chiến tranh. Từ lớn nhất là toàn bộ sách lược chiến tranh đến nhỏ nhất là chiến thuật chiến đấu, hết thảy đều có mặt tính gián tiếp và chính tính ấy xây dựng nên nghệ thuật cao cho khoa quân sự."

Vây nước Ngụy, cứu nước Triệu là một sách lược hao tổn ít lại dành lợi nhiều. Đọc Tam Quốc Chí chắc ít người quên Tào Tháo không

giáp chiến với chủ lực Viên Thiệu ở Quan độ mà thắng Thiệu bằng việc đánh kho lương Ô sào. Đặng Ngải không đi đường chính để vào Ba thực, mà vượt núi Âm bình.

Tôn Tử nói: Phải tránh chỗ thực để đánh vào chỗ hư. Tránh chỗ mạnh để đánh vào chỗ yếu. Đó là nguyên tắc căn bản để vận dụng tính gián tiếp.

Chiến tranh ngày nay do những vận dụng mới mẻ và tài tình tính gián tiếp vào chính trị để dành ưu thế quân sự nên đã nảy ra những hiện tượng: chiến tranh khởi nghĩa, chiến tranh lật đổ, chiến tranh cách mạng, chiến tranh du kích v.v... nghĩa là những loại chiến tranh do chính trị làm chủ động. Ở những loại chiến tranh mới này kẻ đối địch không phải chỉ là một chiến tuyến, một quân đội đứng phía bên kia mà là một tập đoàn có những quyền lợi về lẽ lối sinh hoạt xã hội hợp lý hơn, là sự thay thế giữa hai chế độ, trong đó có những lý do và yếu tố xã hội giữ vai trò chủ động đối với việc quyết định hình thể chiến lược và thắng lợi của chiến tranh. Chính vì thế mà năm 1814 khi trở về Ba lê, Napoléon đã vòng qua dãy núi Alpes chứ không đi vào thung lũng miền Rhône, bởi lẽ vùng Alpes có nhiều người theo chính trị cộng hòa, còn vùng Rhône thì là khu vực của phe bảo hoàng. Trotsky sửa soạn tổng phản công Denikine, nhưng phải chờ Denikine đến vùng Donetz mới đánh, chứ không đánh ở Kouban. Nguyên do, Kouban là vùng dân Cô giắc lúc ấy đang chống chế độ Sô viết mà Donetz là nơi phong trào Sô viết lên mạnh nhất.

Chiến tranh bây giờ không phải là chuyện thắng bại giữa hai bộ đội mà của quần chúng rộng lớn căn cứ trên quyền lợi xã hội và chiều hướng lịch sử.

Đặc điểm ba

.....

Chiến tranh gắn liền với đấu tranh chính trị, đấu tranh không chỉ hạn chế trong quan hệ giữa những người cùng một nước mà nó dũi dài vào tranh chấp quốc tế. Ở mỗi cuộc chiến đều có liên hệ tới đấu tranh chính trị đối nội và đối ngoại. Chiến lược trong chiến tranh hiện tại sẽ không mang một giá trị nào nếu nó chỉ được đặt trên cơ sở thuần túy quân sự mà không chấp nhận thực tiễn xã hội trong nước và xã hội quốc tế làm chủ đề.

Chiến tranh ngày nay có một đặc điểm rất quan hệ là cùng một lúc nó thực hiện cách mạng xã hội, cùng một lúc nó trở thành một khâu trong chuỗi tranh chấp nhiều nước. Xung đột nội bộ ảnh hưởng từ tranh chấp quốc tế. Nội chiến để giải quyết một chính sách đối ngoại. Chính cũng vì những lẽ trên nên Cộng sản mới lý luận: Chiến tranh giải phóng dân tộc là hình thức đấu tranh cao nhất của cách mạng giai cấp. Ranh giới giữa nội chiến, chiến tranh quốc gia và tranh chấp quốc tế nay đã trộn lẫn với nhau. Tranh chấp quốc tế dũi dài vào nội chiến, nội chiến cũng không hạn chế ảnh hưởng trong riêng một nước mà dũi dài tới tranh chấp quốc tế. Mọi xung đột xã hội được khơi lên thành đấu tranh vũ trang, gây thành nội chiến. Từ nội chiến chuyển vào chiến tranh giải quyết tranh chấp quốc tế. Sự tuần hoàn ấy, kết hợp cùng các đấu tranh trên mọi mặt đã mang lại cho chiến tranh hiện tại ý nghĩa vô hạn trong đó bao gồm tư tưởng chiến, chính trị chiến, ngoại giao chiến, kinh tế chiến, tuyên truyền chiến, gián điệp chiến v.v...

Năm 1945 Nhật đầu hàng. Hòa bình chưa trở lại đất Trung quốc được bao lâu thì đảng Quốc dân của Tưởng Giới Thạch liền phát động chiến tranh tiêu cộng và đảng Cộng sản của Mao Trạch Đông cũng phát động chiến tranh lật đổ chính quyền Tưởng Giới Thạch. Chiến tranh giữa Quốc Cộng ở Trung hoa có hai mặt. Mặt quốc tế nó là cuộc chiến tranh uỷ nhiệm của hai khối tư bản và xã hội. Mặt quốc nội nó là cuộc đấu tranh giữa những lực lượng xã hội, giữa những hoàn cảnh sinh hoạt trái nghịch nhau. Thắng bại của nội chiến Trung quốc đã ảnh hưởng rất lớn đến tương quan lực lượng quốc tế.

Đặc điểm bốn

Các nhà xã hội học từ bao lâu nay vẫn thường đặc biệt chú ý đến hiện tượng chiến tranh và không ngớt đi tìm cho nó một định nghĩa chính xác. Đại khái trên sách vở người ta tìm thấy những định nghĩa sau đây:

- Cuộc chiến đấu giữa những con người (Martens)
- Cuộc chiến đấu giữa nhiều nước độc lập (Blunt-Schili, Twins, Pradier)
- Giao tranh giữa những tổ hợp người như bộ lạc, quốc gia (Bogulawsky)

- Xung đột giữa hai lực lượng vũ trang của những nền văn hóa, của những tình cảm khác biệt (Quincy, Wright)

Tất cả những định nghĩa trên đã không làm thỏa mãn khi được đem ra để giải thích chiến tranh hiện tại. Sở dĩ như vậy là bởi tại các định nghĩa đó hoàn toàn dựa trên nhận thức các chứng kiện lịch sử đối với bây giờ đã trở nên quá cũ.

Riêng định nghĩa của Kamarowsky đúng nhất. Kamarowsky viết: Chiến tranh là đấu tranh vũ trang giữa những đảng chính trị. (Luttes armées partis organisés politiquement).

Tác dụng của đảng đối với chiến tranh ngày nay đã hiển hiện rõ rệt lắm. Người ta có thể chứng minh bằng những sự kiện hiển nhiên.

a) Bộ máy chiến tranh ngày nay chẳng những đại biểu cho lực lượng và uy thế quốc phòng, uy thế nhà nước mà còn là đại biểu cho một lực lượng xã hội, một đường lối xây dựng xã hội.

b) Bộ máy chiến tranh là một lực lượng cách mạng vũ trang đấu tranh với lực lượng chống cản nó.

c) Mục đích chiến tranh trong tranh chấp quốc tế không còn đặt trọng tâm vào việc xử dụng bộ máy chiến tranh để tấn công chiếm cứ, cướp bóc và khai thác của một quốc gia này đối với một quốc gia khác. Chiến tranh ngày nay tìm đến kết thúc, đến thắng lợi bằng sự phát triển một phương pháp xây dựng cơ sở xã hội mới, phương pháp phát triển kinh tế, lễ lối sinh hoạt, đặt lại quan hệ nhân quần.

.....
Trong cuốn *Entre la peur et l'espoir*, Tibor Mende cũng ghi những dòng sau đây:

Sự giúp đỡ của các nước mạnh cho các nước hậu tiến không chỉ thuần túy là vật chất. Điều quan hệ hơn cả chính là một phương pháp, kỹ thuật để đẩy mạnh tiến bộ xã hội, cải tạo xã hội.

Tiêu chuẩn thắng lợi của chiến tranh ngày nay cũng biến đổi hẳn. Chiến thắng hoàn toàn đặt trên vấn đề tiêu diệt được bộ máy chiến tranh hay lực lượng bộ đội của địch chưa? Mà phải đặt trên

một tầng cao hơn là: Bộ máy chiến tranh của địch đã mất uy thế chính trị chưa? Nếu uy thế chính trị mất thì bộ máy chiến tranh tất sẽ dần mòn tiêu diệt. Nếu uy thế chính trị còn thì dù bộ máy chiến tranh có thể tạm thời yếu đi, nhưng không bao giờ tiêu diệt cả. Một ngày nào đó, cơ hội thuận tiện, chiến tranh lại dấy lên tiếp tục những vấn đề còn bỏ dở. Cộng sản T.Q. sau những thảm bại ở các vụ Nam xương, Lương hồ Thu châu, Quảng châu, bộ máy chiến tranh hầu như tan rã, nhưng cộng sản còn bộ máy đấu tranh. Cho nên chỉ ít lâu sau, nhờ đường lối chính trị đúng đắn như: thống nhất chiến tuyến kháng Nhật, chính sách ruộng đất v.v... Cộng sản lại dần dần gây uy thế chính trị, dựa vào uy thế chính trị mà tái lập vũ trang rất nhanh để tiếp tục cuộc chiến tranh với Quốc dân đảng.

Tiêu chuẩn thắng lợi biến đổi, lực lượng quân sự thêm một mặt đại biểu là đại biểu cho lực lượng xã hội đang lên bên cạnh trách nhiệm đại biểu cho lực lượng quốc phòng đã khiến cho bộ máy lãnh đạo chiến tranh cũng biến đổi tính chất. Nó chuyển từ tổ chức nhà nước sang tổ chức đảng và nhu yếu đảng lồng vào nhu yếu nhà nước. Bên cạnh công tác quân sự có công tác chính trị, vì bên cạnh chiến tranh có đấu tranh. Tính chất đấu tranh càng nặng, chiến tranh chiến dịch, chiến đấu càng phản ảnh tính quyết liệt của tình trạng đối nghịch xã hội thì yếu tố đảng càng hệ trọng.

Đặc điểm năm

Ở bất cứ biến động lịch sử nào người ta cũng thấy tổ chức quân sự cũng bị tiêu hủy theo chế độ chính trị. Quân đội quý tộc của vương triều Bourbon trong cách mạng Pháp được thay thế bởi quân đội quốc dân. Đảng Bôn-sê-vích khi đoạt chính quyền nước Nga đã biến lập ngay quân đội mới mệnh danh là quân đội của giai cấp nông dân vô sản để thay thế quân đội hoàng gia của các Tsars. Tào Tháo phải tiêu diệt các quân đội thuộc khuôn khổ bộ khúc để kiến lập quân ngũ thống nhất.

Trong các biến động lớn, những lực lượng sinh động của xã hội tham gia chiến tranh không chỉ trên tư cách chiến đấu hay cấp dưỡng cho chiến trường mà còn trên tư cách một thể chính trị mới, hay nói một cách khác đi là mỗi thể chính trị đều cần phải có một quân đội riêng cho mình (une armée pour sa politique).

Cách đây mấy trăm năm, trong cuốn sách nhan đề The art of war, Machiavel là người Tây phương đầu tiên đã phát biểu trên bút mực phổ biến quan niệm về quan hệ chặt chẽ giữa tổ chức chính trị với tổ chức quân sự. Theo ông thì mỗi tổ chức xã hội và mỗi tổ chức chính trị đều có một tổ chức quân sự riêng biệt. Chính trị nào quân đội ấy. Thời kỳ quân quyền tuyệt đối hay Trung cổ, với quan niệm chiến tranh bảo vệ tôn giáo, người ta thấy quân đội do giai cấp kỵ sỹ (chevalier) nắm giữ. Thời kỳ thương nghiệp bắt đầu hưng thịnh, giai cấp kỵ sỹ dần dần xuống thế trong khi tổ chức quân sự chuyển sang hình thức dân quân được mua chuộc bằng tiền bạc.

Bây giờ các nhà xã hội học sau khi đào sâu vấn đề cũng đều công nhận như Machiavel với định luật:

"Une armée est toujours une organisation sociale | expression de la collectivité tout entière".

Như vậy ta có thể khẳng định rằng:

Nếu không có một đường lối chính trị thực tâm thực sự phục vụ cách mạng thì không khi nào có quân đội cách mạng được.

Chiến trường chủ yếu

Quân sự gia người Đức Von Bulow nói rằng: "Chiến tranh là một sự rối loạn được tổ chức và có tổ chức. Mục đích của chiến tranh bây giờ là đấu tranh vũ trang giành lấy quyền thực hiện một sinh hoạt xã hội mới thay thế cho sinh hoạt xã hội cũ. Sự thay cũ đổi mới đó, thể hiện lên qua tổ chức xã hội, khi tổ chức xã hội cũ không còn thích hợp với tiến bộ của thời đại trên các mặt sinh hoạt, kể cả mặt ý thức, tổ chức của chế độ cũ sẽ trở thành một thứ chướng ngại. Nó đòi hỏi sự tham gia đấu tranh của tất cả các lực lượng sinh động xã hội từ văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội đến quân sự. Vì tính chất toàn diện đó nên chiến trường chủ yếu của chiến tranh bây giờ là đấu tranh tổ chức."

Vấn đề tổ chức hết sức phức tạp vì ở chiến tranh hiện đại có sự tham dự của nhiều ý thức hệ, sự tham dự của nhiều lực lượng đối lập nhau ở trong cũng như ở ngoài nước cho nên muốn lãnh đạo chiến tranh trước hết phải khắc phục được vấn đề tổ chức gay gắt và khó khăn.

Làm thế nào nắm vững được quy luật sinh hoạt xã hội với các mặt đối lập và thoả hiệp, vì thế công tác tổ chức phải đi sâu vào các ngành sinh hoạt xã hội từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ nông thôn đến thành thị để hoàn thành một hệ thống đấu tranh suốt mặt: Tổ chức hay là thua! Đó là điều kiện gốc cho chiến tranh ngày nay.

Nói rằng: Chiến tranh trên căn bản phải giữ được liên hệ mật thiết với quần chúng rộng lớn... Nói rằng ngoài mặt trận thì quân đội xung phong đánh giặc, miền hậu tuyến thì dân chúng ra sức tăng gia sản xuất, nông dân ngoài đồng ruộng, công nhân trong xưởng máy đều cùng một nhịp hoạt động phục vụ tiền tuyến... Nói rằng lực lượng vũ trang gồm có quân đội chủ lực, quân đội địa phương, và dân quân vũ trang, mỗi người dân là một chiến sỹ, mỗi làng xã là một căn cứ quân sự, mỗi tổ chức thôn xã là một bộ tham mưu.... Nói rằng hết sức thêm bạn bớt thù, đoàn kết mọi lực lượng có thể đoàn kết được, trung lập mọi lực lượng có thể trung lập được, phân hóa mọi lực lượng có thể phân hóa được, phát triển và củng cố lực lượng vũ trang.

Hết thảy đều là vấn đề đấu tranh tổ chức vậy.
Đấu tranh tổ chức gồm hai mặt:

Một mặt tổ chức, củng cố tổ chức, phát triển tổ chức để không ngừng mở rộng, thêm sức mạnh cho lực lượng ta, đồng thời chống phân hóa chia rẽ nội bộ. Lúc nào cũng có khả năng đối phó kịp thời với những đột biến. Một mặt vận dụng tổ chức để phân hóa chia rẽ hàng ngũ địch, làm thối nát đời sống địch, làm rối loạn, gieo mâu thuẫn khắp nơi, gieo xung đột nội bộ địch trên mọi mặt văn hóa, chính trị, kinh tế, quân đội v.v... Những điều kể trên, ngàn xưa cũng đã có, nhưng ngày nay những điều đó phức tạp hơn nhiều và để thực hiện chúng, công việc đòi hỏi một kế hoạch hành động mà kỹ thuật đạt tới mức tuyệt hảo. Ngày nay chiến tranh trên sự thực đã rõ rệt là một hình thức đấu tranh cao nhất, chiến tuyến quân sự với chiến tuyến chính trị như đã trộn lẫn với nhau cho nên ở mỗi giai đoạn lại thoát ra những mâu thuẫn, những thoả hiệp mới. Ở mỗi hình thế lại có những bạn mới, thù mới, những kẻ thù phụ, thù chính, thù sau lưng và thù trước mặt. Điều kiện tiến hành chiến tranh theo với đà phát triển của chính trị quốc tế, quốc nội và diễn tiến của chiến lược mà biến đổi bất thường. Những yếu tố chính trị, kinh tế, tâm lý v.v... đòi hỏi tổ chức chính trị phải thích ứng được với hoàn cảnh chiến tranh và tổ chức

quân sự phải hòa hợp được với hoàn cảnh đấu tranh.

Thủ đoạn tổ chức

Đề cập đến tổ chức phần lớn người ta, thứ nhất là các học gia phương Tây, chỉ đưa ra vận dụng nguyên lý và kỹ thuật tổ chức, mà quên mất thủ đoạn đối với vấn đề ấy, như vậy không thể dùng danh từ đấu tranh tổ chức. Thủ đoạn của vấn đề tổ chức là:

- 1) Vận dụng chính trị vào đấu tranh tổ chức
- 2) Vận dụng lý luận vào đấu tranh tổ chức
- 3) Đấu tranh cán bộ - đấu tranh tổ chức.

Một đường lối chính sách đúng có thể cho lực lượng lớn mạnh thêm. Một đường lối chính sách sai có thể làm cho lực lượng nhỏ yếu đi. Chính trị ảnh hưởng to tát đến vấn đề tổ chức như vậy.

Làm thế nào để sự rối loạn theo định nghĩa Bulow được tổ chức và có tổ chức?

Phải dựa vào đường lối chính trị và công tác chính trị. Có đường lối chính trị thì chiến tranh mới có mục đích rõ ràng. Có đường lối chính trị thì mới phát hiện được trong mỗi hình thế những mâu thuẫn và thỏa hiệp để định rõ kẻ thù, định rõ bạn đồng minh. Từ đó mà gây ra phân hóa cô lập kẻ thù, tranh thủ thật rộng rãi bạn đồng minh để đánh ngã kẻ thù trước mắt.

Vào thời đại Clausewitz và Luddendorf các nước đã hoàn thành thống nhất nội bộ, ý thức quốc gia đang lên cao. Chỉ cần đứng dưới một màu cờ, một nhung phọc là bạn thù đã phân biệt rõ rệt. Cuộc nổi dậy năm 1848 sở dĩ thất bại cũng vì lực lượng thợ thuyền chưa bị hoàn toàn lôi cuốn vào thuyết đấu tranh giai cấp và phe chống đối nổi dậy còn quá mạnh với ý thức quốc gia dân tộc đang bành trướng.

Bây giờ khác hẳn, đấu tranh với chiến tranh không còn ranh giới rõ rệt nữa. Chiến tranh giữa các nước tiến hành cùng một lúc với chiến tranh trong nước. Do đó vấn đề tổ chức trở nên phức tạp hơn. Dân tộc hay quốc gia nếu không mang một nội dung chính trị đấu tranh nào sẽ thành vô vị và nhạt nhẽo.

Trong hình thức chiến tranh hiện tại, vấn đề tổ chức không chỉ để cung cấp cho nhu yếu chiến tranh mà nhiệm vụ chính là cung cấp cho nhu yếu đấu tranh. Vấn đề tổ chức không chỉ ở trên mặt đấu tranh quân sự mà còn rộng rãi ở trên nhiều mặt đấu tranh khác.

Tổ chức rộng rãi quần chúng nhân dân đoàn kết thành một trận tuyến thống nhất, mở rộng chiến trường ra khắp nơi và khắp các lãnh vực. Dùng tổ chức để khoáng triển lực lượng chiến đấu, dùng tổ chức để phân tán kẻ thù, dùng tổ chức để vũ trang quần chúng đánh đối phương bất cứ chỗ nào, dùng tổ chức để biết rõ cơ mưu của địch, phá hoại cơ cấu bảo vệ của địch đồng thời bảo vệ cơ sở tổ chức của ta, còn dùng tổ chức để làm tan rã sức đối kháng của địch trên tư tưởng, trên quan niệm, trên ý thức, trên hứng thú, trên sinh hoạt v.v... Hành động nào cũng do lý luận mà ra, lý luận đúng, hành động đúng, lý luận sai hành động sai, không đưa đến kết quả. Mặt khác, muốn tổ chức trước hết phải thuyết phục người có tiếp nhận ta thì mới chịu tổ chức. Cho nên đấu tranh tổ chức chỉ đúng có thể thực hiện được hoàn hảo khi nào ta đã thắng địch trên mặt trận lý luận. Hay nói khác đi nếu đấu tranh lý luận, đấu tranh giáo dục, đấu tranh tuyên truyền là suy động cơ của đấu tranh tổ chức (?)

Đấu tranh lý luận giữ vai trò cực quan hệ trong đấu tranh tổ chức. Nội chiến Trung quốc chứng minh điều này. Khi phe Quốc dân đảng đã mất lục địa, đa số nhân vật lãnh đạo thuộc phái duy vũ lực cho rằng thất bại của họ là thất bại về quân sự. Sự thất bại quân sự chỉ là hậu quả của thất bại đấu tranh lý luận tuyên truyền và giáo dục. Hàng vạn phần tử trí thức, hàng trăm vạn nông dân vì nghe lý luận và tuyên truyền cộng sản đã không sợ nguy hiểm vượt vòng phong tỏa để chạy về khu vực cộng sản, đem đến cho cộng sản một lực lượng quân đội lớn lao và một lực lượng cán bộ phong phú. Sự kiện đó chứng tỏ cộng sản đã nắm vững được mối liên hệ giữa đấu tranh lý luận, tuyên truyền với đấu tranh vũ trang.

Trong khu vực do Quốc dân đảng kiểm soát, vì bị mê hoặc bởi lý luận và tuyên truyền cộng sản mà nhân dân các giới không sợ tróc nã, hình tội đã gia nhập các tổ chức địa hạ của cộng sản mà phá hoại, mà vận động quần chúng nổi lên đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang ngay trong lòng địch thì đó là sự thất bại quân sự hay vì cộng sản đã kết hợp được liên hệ đấu tranh lý luận, đấu tranh tuyên truyền với đấu tranh tổ chức?

Cộng sản nhờ lý luận và tuyên truyền thâm thấu mà đặt nhân sự lọt sâu được vào những cơ cấu lãnh đạo chính trị, quân sự để phá hoại đến trung tâm các vấn đề quân sự, chính trị, kinh tế của Quốc dân đảng thì đó là thất bại quân sự, tinh báo hay vì Cộng sản đã khéo vận dụng được liên hệ đấu tranh lý luận, tuyên truyền với đấu tranh bảo vệ?

Phe Quốc dân đảng thất bại bởi đã không thắng trên trận tuyến văn hóa. Đấu tranh lý luận của phe Quốc dân đảng thất bại bởi nó thiếu tính hoàn chỉnh, tính hệ thống, và tính chiến đấu cao độ. Cũng do nguyên nhân này mà bản thân Quốc dân đảng càng ngày càng hủ hóa, các phái bộ đảng tranh giành nhau quyền lợi riêng lẻ bỏ quên quyền lợi chung.

Đấu tranh tuyên truyền của Quốc dân đảng thất bại bởi tuyên truyền chỉ để tuyên truyền chứ không để tổ chức, tuyên truyền chỉ có tính cách phiến diện chứ không có tính chất giáo dục để lãnh đạo quần chúng. Đấu tranh lý luận, đấu tranh tuyên truyền làm nhân quả cho nhau. Đấu tranh lý luận, đấu tranh tuyên truyền phải phối hợp chặt chẽ với đấu tranh tổ chức.

Đó là nguyên tắc cơ bản để tranh thủ lực lượng quần chúng để đoạt được về mình lợi khí làm ung thối và tan rã kẻ thù.

Phạm vi đấu tranh rộng lớn và phức tạp như vậy, để gánh vác nó, đương nhiên phải có một lực lượng đã được củng cố vững chắc trên tư tưởng, trên chính trị và trên tổ chức. Lực lượng ấy có hay không tất cả tùy thuộc vào đấu tranh cán bộ. Cán bộ sẽ đi bên cạnh quần chúng để giáo dục, đi sâu vào trận doanh địch mà phát triển các tổ chức tế bào. Do thắng lợi từ đấu tranh cán bộ sẽ đem lại cho ta bảy điều có tại khắp nơi:

- a) Có uy thế chính trị
- b) Có quyền lực xã hội
- c) Có lực lượng bổ sung
- d) Có phương tiện vật chất
- e) Có tai mắt
- f) Có lực lượng chiến đấu ngay trong lòng địch
- g) Có chiến trường đã chuẩn bị trước.

Và quan trọng hơn hết là bộ máy cán bộ đem đến khả năng thích ứng chiến tranh vào những ý nguyện chính trị để tiến hành một cuộc đấu tranh đúng mức.

Hòa bình

Chiến tranh là công cụ của chính trị, nhưng nếu coi nó là công cụ duy nhất và tuyệt đối thì chính trị sẽ phá sản. Ở đây vấn đề hòa bình hiện lên. Nhưng nói đến hòa bình đa số thường mang một quan niệm rất sai lầm là khi đem nó đối chiếu với chiến tranh thì nhất định chiến tranh là một màu đen âm đạm, còn hòa bình là một màu hồng hạnh phúc, nghĩ hòa bình là thiên đường còn chiến tranh là địa ngục. Và chỉ chấp nhận hăn hoi là một sự trái ngược chứ không chịu là một sự liên hệ tương bằng giữa chiến tranh và hòa bình. Sự thật hòa bình hoàn toàn là một thực tế chính trị, nó cũng như chiến tranh, nó là một mặt khác nữa của đấu tranh nhằm giải quyết những xung đột chính trị. Hòa bình chỉ là sự tạm im hơi của tiếng súng để chuyển chiến tranh vào các chiến tranh khác như:

- Chiến tranh tư tưởng (Ideological war)
- Chiến tranh chính trị (Political war)
- Chiến tranh ngoại giao (Diplomatic war)
- Chiến tranh văn hóa (Cultural war)
- Chiến tranh kinh tế (Economic war)
- Chiến tranh tuyên truyền (Publicity war)
- Chiến tranh gián điệp (Intelligence war)

và ở hòa bình tính quyết liệt mặc dù máu đã bớt đỏ, cũng không giảm đi, mọi hình thức đấu tranh như: Thủ đoạn mưu mô, áp lực đe dọa, trừng phạt vẫn còn. Người xưa với câu nói: Bình thời giảng võ, loạn thế độc thư; thật quả đã ý thức minh bạch sự liên hệ (notions corrélatives) của chiến tranh với hòa bình.

Vậy hòa bình là đấu tranh (La paix est lutte) đọc sách lúc loạn là để đấu tranh khi hòa bình. Hòa bình mang muôn hình vạn trạng, không có một kiểu mẫu nhất định nào, nó tùy thuộc những đổi thay của các tương quan lực lượng (Il n y a pas d arché type unique de la paix mais autant de formes qu il y a de types de rapports de forces ou de puissances).

Có những hòa bình vì thế quân bình, có những hòa bình vì rơi vào liệt thế, có những hòa bình để tiến hành một âm mưu lật đổ v.v...

Thủ đoạn chính trị

LỜI KẾT

Chính trị xưa và nay đều được tiến hành bằng sức mạnh và mưu mẹo

Nhưng sức mạnh phải được biến thành quyền lực, nếu không, sức mạnh chỉ là những gì tàn nhẫn, thô bạo và man rợ. Sức mạnh ví như quặng và quyền lực là luyện kim, bởi vậy nên sức mạnh bộc lộ, còn quyền lực thì huyền diệu. Dĩ nhiên không có quyền lực nào lại không chứa đựng sức mạnh cũng như không có luyện kim nào lại không lọc từ quặng ra, cho nên không thể quan niệm sức mạnh (force) với quyền lực (puissance) như hai điều tương phản (notions antithétiques), trái lại quyền lực là sức mạnh đã được biến chế bằng tư tưởng, bằng trí thức. Quyền lực là sức mạnh đã thăng hoa.

Và mưu mẹo phải được biến thành thủ đoạn nghĩa là không lừa lọc, gian xảo vặt vãnh. Thủ đoạn là mưu mẹo đã được tôi luyện bằng mẫn đạt (l'intelligence) và quyền uy (autorité). Thủ đoạn là mưu mẹo đã thăng hoa.

Sức mạnh dựa vào thủ đoạn để thăng hoa.

Thủ đoạn dựa vào sức mạnh để bền vững.

Nguồn: HuyTran
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 28/11/2006 10:05:44 SA